

BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH

Ê-SAI:

**VỊ TIÊN TRI VÀ THỜI ĐẠI CỦA ÔNG
ĐOẠN 1-39**

BOB UTLEY
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH
(GIẢI NGHĨA KINH THÁNH)

BỘ TÀI LIỆU GIẢI KINH HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU
KINH THÁNH CỰU ƯỚC, TẬP 11A

NHỮNG BÀI HỌC NGHIÊN CỨU KINH THÁNH QUỐC TẾ: MARSHALL, TEXAS 2010

MỤC LỤC

Những giải thích vắn tắt về các tài liệu chuyên môn dùng trong bộ giải kinh Cựu Ước này	i
Những định nghĩa vắn tắt về những dạng động từ tiếng Hê-bơ-rơ tác động đến việc giải kinh	iii
Những chữ viết tắt được dùng trong tập giải kinh này	ix
Lời chia sẻ của Tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?.....	xi
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả : Sự nghiên cứu Cá nhân cho Lễ thật được kiểm chứng	xiii
Phần Giải Kinh	
Dẫn nhập vào sách Ê-sai	1
Ê-sai đoạn 1	10
Ê-sai đoạn 2	37
Ê-sai đoạn 3	53
Ê-sai đoạn 4	63
Ê-sai đoạn 5	69
Ê-sai đoạn 6	86
Ê-sai đoạn 7	98
Ê-sai đoạn 8	108
Ê-sai đoạn 9	119
Ê-sai đoạn 10	127
Ê-sai đoạn 11	137
Ê-sai đoạn 12	146
Ê-sai đoạn 13	150
Ê-sai đoạn 14	158
Ê-sai đoạn 15	171
Ê-sai đoạn 16	176
Ê-sai đoạn 17	182
Ê-sai đoạn 18	188
Ê-sai đoạn 19	193
Ê-sai đoạn 20	203
Ê-sai đoạn 21	206
Ê-sai đoạn 22	213
Ê-sai đoạn 23	223
Ê-sai đoạn 24	230
Ê-sai đoạn 25	241
Ê-sai đoạn 26	249
Ê-sai đoạn 27	260
Ê-sai đoạn 28	267
Ê-sai đoạn 29	277
Ê-sai đoạn 30	287
Ê-sai đoạn 31	299
Ê-sai đoạn 32	305
Ê-sai đoạn 33	315
Ê-sai đoạn 34	325
Ê-sai đoạn 35	333
Ê-sai đoạn 36	338
Ê-sai đoạn 37	345
Ê-sai đoạn 38	358
Ê-sai đoạn 39	366
Phụ Lục Một: Giới Thiệu về Văn Học Hê-bơ-rơ.....	369
Phụ Lục Hai: Giới thiệu về Các sách Tiên Tri Cựu Ước.....	372
Phụ Lục Ba: Lược khảo vắn tắt lịch sử	377

Phụ Lục Bốn: Các Biểu Đồ

1. Biểu Đồ Thời Gian Cự Ước	385
2. Các Vua và Những Sự Kiện của Các Đế Chế Ba-by-lôn, Ba Tư, và Hy Lạp	386
3. Các Vua Trong Thời Kỳ Vương Quốc Phân Đồi	391
Phụ Lục Năm: Lập Trường về Tín Lý.....	394

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT

Những Danh Xung của Đấng Thánh, 1:1	12
Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob, 1:3	16
Sự Tuyển Lựa/Sự Tiền Định và Nhu Cầu của Một Sự Quân Bình Thần Học, 1:3.....	16
Sự Công Bình, 1:4	18
Sự Nền Thánh, 1:4.....	21
Đức Giê-hô-va Vạn Quân, 1:9.....	23
Ba Ý Nghĩa của “Dân Còn Sót Lại” , 1:9	24
Văn Học Phương Đông, 1:16.....	27
Giao Ước, 1:19	29
Những Thái Độ Theo Nguyên Tắc Kinh Thánh Đối Với Rượu và Sự Nghiện Rượu, 1:22	31
Lửa, 1:31.....	35
Kỳ Hiện Tại và Kỳ Sê Đến, 2:2	40
Vì sao Những Sự Kiện về Thời Kỳ Cuối Cùng Lại Quá Gây Tranh cãi, 2:2	41
Quan Án, Sự Phán Xét, và Sự Công Chính trong Sách Ê-sai, 3:1.....	55
Sự Vinh Hiển, 3:8	57
Sự Thờ Phượng Mặt Trăng, 3:18	61
Đức Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét, 4:2.....	65
Hai Quyền Sách của Đức Chúa Trời, 4:3.....	66
Đo Trọng Lượng và Dung Tích ở Vùng Cận Đông, 5:10.....	75
Những Người Chết ở Tại Đâu?, 5:14	78
Những Tập Tục Chôn Cát, 5:25.....	83
Ngôn Ngữ Hình Nhân Được Sử Dụng cho Đức Chúa Trời, 6:1	88
<i>Sê-ra-phin</i> , 6:1	89
Sự Thánh Khiết, 6:3	90
Ba Ngôi Đức Chúa Trời, 6:8	93
Sự Ăn Năn trong Cựu Ước, 6:10.....	95
Phụ Nữ trong Kinh Thánh, 8:3.....	110
Đá Góc Nhà, 8:14-15	115
Những Con Số Biểu Tượng trong Kinh Thánh, 11:12.....	143
Sa-tan, Những Ý Tưởng theo Văn Mạch trong Đoạn 14.....	159
Những Người Không Lỗi, 14:9.....	165
Những Tập Tục Than Khóc, 15:1	174
Sự Nhân Từ (<i>Hesed</i>), 16:5	179
Tập Tục Thờ Phượng Phồn Thực (Tình Dục và Sự Màu Mỡ của Đất Đai) ở Khu Vực Cận Đông Cổ Đại, 17:8	185
Sự Nhận Biết, 19:21	201
Tin, Tin cậy, Đức tin và sự Thành tín trong Cựu Ước, 22:25	219
Văn Chương Lai Thế Học, Những Ý Tưởng Theo Văn Mạch trong Đoạn 24	231
Vùng Đất, Quốc Gia, Mặt Đất (ארץ), 24:1	233
Trưởng Lão, II Giăng 1	239
Những Điều Kỳ Diệu (!-5), 25:1	243
Những Thuật Ngữ cho Sự Mặc Khải của Đức Chúa Trời, 26:8	254
Các Sùng Đợc Sử Dụng bởi Y-sơ-ra-ên, 27:13	266
Giá Chuộc/Sự Cứu Chuộc, 29:22.....	284
Bóng Che Đợc Dùng Như Là Ẩn Dụ chỉ về sự Bảo vệ và Chăm Sóc, 30:2.....	289
Tiên Tri (Những Thuật Ngữ Hê-bơ-rơ khác nhau), 30:10.....	293
Đòi Đòi, Mãi Mãi (<i>'Olam</i>), 32:14.....	310
Thân vị (Ngôi) của Đức Thánh Linh, 32:15-20.....	312

Sự Bình An (<i>Shalom</i>), 32:17	313
Sự Cứu Rỗi, 33:2	318
Ma Quỷ, Điều Ác, 34:11-15.....	330
Lời Cầu Nguyện Cầu Thay, 37:21-24	351
Thiên Sứ của Đức Chúa Trời, 37:36	356
Những Lời của Sự Tha Thứ, 38:17	364

GIẢI THÍCH VẮN TẮT VỀ CÁC TÀI LIỆU CHUYÊN MÔN ĐƯỢC DÙNG TRONG BỘ GIẢI KINH CỤ UỚC NÀY.

I. Từ vựng

Có vài quyển từ điển chuyên sâu về tiếng Hê-bơ-rơ cổ rất hữu ích.

- A. *Hebrew and English Lexicon of Old Testament* của Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs. Quyển này dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức của William Gesenius và được viết tắt là BDB.
- B. *Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của Ludwig Koehler và Walter Baumgartner, do M. E. J. Richardson dịch. Chữ viết tắt của nó là KB.
- C. *A Concise Hebrew and Aramaic Lexicon of Old Testament* của William L. Holladay dựa theo quyển từ điển bằng tiếng Đức đã đề cập ở trên.
- D. Một bộ mới năm quyển nghiên cứu từ vựng thần học được đặt tên *New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis*, do Willem A. Van Gemeren biên tập. Chữ viết tắt của nó là NIDOTTE.

Những chỗ nào có khác biệt quan trọng về từ vựng thì tôi trưng ra một số bản dịch tiếng Anh (NASB, NKJV, NRSV, TEV, NJB) theo cách dịch “từng chữ” và cách dịch “tương đương trong cách dùng (chức năng)” (xem Gordon Fee & Douglas Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 28-44).

II. Về ngữ pháp

Muốn hiểu được ngữ pháp thì thường dựa vào bộ *Analytical Key to Old Testament* với bốn quyển của John Giô-sép Owens. Tài liệu trên được đối chiếu với quyển *Analytical Hebrew and Chaldee Lexicon of Old Testament* của Benjamin Davidson.

Tài liệu hữu ích khác về những đặc điểm ngữ pháp và cú pháp được dùng trong hầu hết những tập giải kinh Cựu Ước của bộ “Bạn có thể hiểu Kinh Thánh” là bộ “Những trợ giúp cho dịch giả” của Thánh Kinh Hội Quốc Tế (United Kinh Thánh Societies). Chúng được đặt tên là “Cẩm nang cho_____”.

III. Bản văn

Tôi công nhận sự linh cảm của bản văn phụ âm tiếng Hê-bơ-rơ (không có những dấu nguyên âm và chú thích của Masoretic). Cũng giống như mọi bản văn cổ chép tay đều có một vài đoạn văn còn trong vòng nghi vấn. Đây là điều thông thường là do những điều như sau:

- A. *hapax legomenon* (là chữ được dùng chỉ có một lần trong tiếng Hê-bơ-rơ của Cựu Ước)
- B. Những cụm từ thành ngữ (những chữ và cụm từ đã mất nghĩa đen nguyên thủy)
- C. Không có chắc chắn về lịch sử (chúng ta thiếu thông tin về thế giới cổ đại)
- D. Ngữ nghĩa của những nhóm khác trong ngôn ngữ semitic lại có trong số từ vựng giới hạn của tiếng Hê-bơ-rơ
- E. Các nan đề liên hệ tới các nhà chép kinh về sau, chép tay những bản văn tiếng Hê-bơ-rơ cổ
- F. Các nhà chép kinh Do thái được đào tạo (học) tại Ai-cập cảm thấy được phép cập nhật hóa bản văn nên khi chép họ bổ sung cho chúng được đầy đủ để người sống trong thời đại của họ có thể hiểu được (NIDOTTE trang 52-54).

Có vài tài liệu gồm từ ngữ và bản văn tiếng Hê-bơ-rơ bên ngoài Bản văn truyền thống Masoretic.

1. Bộ Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri
2. Các cuộn Biển Chết
3. Một vài đồng xu sau này, những lá thư, và ostraca (những mảnh vỡ của gốm chưa nung dùng để viết).

Nhưng hầu như Cựu Ước không có những dòng họ (trường phái) bản chép tay giống như trong các bản chép tay Tân Ước tiếng Hy Lạp. Để tìm một bài viết hay về tính đáng tin cậy về văn mạch của bản văn Masoretic (có khoảng năm 900 sau Chúa) xem bài viết “The Reliability of the Old Testament Text” của Bruce K. Waltke trong NIDOTTE, quyển 1, trang 51-67.

Bản văn Hê-bơ-rơ được dùng là từ *Biblia Hebraica Stuttgartensia* từ Hội Kinh Thánh Đức, 1997,

được dựa trên Leningrad Codex (năm 1009 sau Chúa). Thỉnh thoảng, những phiên bản cổ xưa (Septuagint tiếng Hy Lạp, bản Targums tiếng A-ram, Syriac Peshitta, và Latin Vulgate) được tham khảo nếu tiếng Hê-bơ-ơ tối nghĩa hay là có lầm lẫn cách rõ ràng.

NHỮNG ĐỊNH NGHĨA VĂN TẮT CỦA NHỮNG DẠNG ĐỘNG TỪ TIẾNG HÊ-BƠ-RƠ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC GIẢI KINH

I. Tóm tắt lịch sử phát triển của tiếng Hê-bơ-rơ

Tiếng Hê-bơ-rơ là thành phần trong nhóm ngôn ngữ Shemitic (Semitic) ở tây nam Châu Á. Tên gọi này (do những học giả hiện đại đặt) theo tên Sem, con của Nô-ê (xem Sáng thế Ký 5:32; 6:10). Những con cháu của Sem được liệt kê trong Sáng thế Ký 10:21-31 như Ả-rập, Hê-bơ-rơ, Sy-ri, A-ram, và A-sy-ri. Trong thực tế một vài ngôn ngữ Semitic được các quốc gia thuộc dòng dõi của Cham sử dụng (xem Sáng thế Ký 10:6-14) như Ca-na-an, Phê-ni-xi, và Ê-thi-ô-pi.

Hê-bơ-rơ thuộc trong nhóm tây bắc của ngôn ngữ Semitic. Những học giả hiện đại có những mẫu tiêu biểu của nhóm ngôn ngữ cổ này từ:

- A. Dân A-mô-rít (những bảng *Mari Tablets* từ thế kỷ 18 trước Chúa trong tiếng Akkadian)
- B. Dân Ca-na-an (những bảng *Ras Shamra Tablets* từ thế kỷ 15 trong tiếng Ugaritic)
- C. Dân Ca-na-an (những lá thư *Amarna Letters* từ thế kỷ 14 trong tiếng Ca-na-an Akkadian)
- D. Dân Phê-ni-xi (tiếng Hê-bơ-rơ sử dụng mẫu tự tiếng Phê-ni-xi)
- E. Dân Mô-áp (bảng đá Meshah, năm 840 trước Chúa)
- F. Tiếng A-ram (ngôn ngữ chính thức của đế quốc Ba-tư dùng trong Sáng thế Ký 31:47 [2 chữ]; Giê-rê-mi 10:11; Đa-ni-ên 2:4-6; 7:28; Ê-xơ-ra 4:8-6:18; 7:12-26 và người Do thái trong thế kỷ thứ nhất xứ Palestine sử dụng)

Ngôn ngữ Hê-bơ-rơ được gọi là “cái môi của Ca-na-an” trong Ê-sai 19:18. Nó được gọi trước tiên là “Hê-bơ-rơ” trong phần mở đầu của sách ngụ kinh Ecclesiasticus (Sự khôn ngoan của Ben Sira) khoảng năm 180 trước Chúa (và một vài chỗ khác sớm hơn, xem *Anchor Bible Dictionary*, quyển 4, trang 205ff). Nó có liên hệ gần nhất với tiếng Mô-áp và ngôn ngữ dùng trong xứ U-ga-rít. Những dẫn chứng của tiếng Hê-bơ-rơ cổ tìm thấy bên ngoài Kinh Thánh là:

1. Lịch Gezer, năm 925 trước Chúa (một học sinh viết)
2. Bia đá Siloam, năm 705 trước Chúa (những ghi chép trong đường hầm)
3. Những miếng gốm tiếng Sa-ma-ri (Samaritan Ostrada), năm 770 trước Chúa (những hồ sơ thuế ghi trên những mảnh vỡ bằng gốm)
4. Những lá thư Lachish, năm 587 trước Chúa (truyền tin chiến cuộc)
5. Những đồng xu và những con dấu Maccabean
6. Một vài bản văn trong các Cuộn Biển Chết
7. Nhiều bia khắc (xem “Các ngôn ngữ [tiếng Hê-bơ-rơ],” ABD 4:203ff)

Cũng giống như tất cả các ngôn ngữ Semitic, nó có đặc điểm là chữ của nó được tạo nên do ba phụ âm (ba phụ âm gốc). Nó là một ngôn ngữ linh động (không cố định). Ba phụ âm gốc chứa đựng ý nghĩa cơ bản của từ, trong khi đó tiền tố, hậu tố, hay là những chi tiết bổ sung bên trong trình bày về chức năng cú pháp (sau đó là những nguyên âm, xem *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew*, của Sue Green, trang 46-49).

Từ vựng tiếng Hê-bơ-rơ biểu lộ ra sự khác biệt giữa văn xuôi và thơ. Những ý nghĩa của chữ được gắn kết với những từ nguyên trong dân gian (không có nguồn gốc ngôn ngữ học). Những cách chơi chữ và cách dùng âm rất thông dụng (*paronomasia*).

II. Những khía cạnh của vị ngữ

A. NHỮNG ĐỘNG TỪ

Thứ tự từ ngữ thông thường là ĐỘNG TỪ, ĐẠI TỪ, CHỦ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa), BỔ NGỮ (với những chữ bổ nghĩa). ĐỘNG TỪ cơ bản không dấu là Qal, ở dạng HOÀN THÀNH (PERFECT), GIỐNG ĐỰC (MASCULINE), SỐ ÍT (SINGULAR). Đó là cách sắp xếp của những tự điển tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng A-ram.

Những ĐỘNG TỪ (VERB) biến cách cho thấy:

1. Số—số ít, số nhiều, cả hai

2. Giống—giống đực và giống cái (không có trung tính)
3. Cách—chỉ định, cầu khẩn, mệnh lệnh (mối liên hệ với hành động thực tế)
4. Thì (aspect)
 - a. HOÀN THÀNH (PERFECT), có nghĩa đã hoàn tất, theo nghĩa có khởi đầu, tiếp diễn, và kết thúc của một hành động. Dạng này thường được dùng cho hành động quá khứ, sự việc đã xảy ra. J. Wash Watts trong *A Survey of Syntax in Hebrew Old Testament* nói:

“Tùng cái toàn thể được diễn tả bởi thì hoàn thành cũng được xem như chắc chắn. Thì chưa hoàn thành có thể diễn tả một tình trạng như là có thể hay là ước mong hoặc là trông chờ, còn thì hoàn thành thì xem nó như là thực sự, có thật và chắc chắn” (p. 36).

S. R. Driver trong quyển “*A Treatise on the Use of the Tenses in Hebrew*” mô tả nó như sau:

“Thì hoàn thành được sử dụng để chỉ hành động hoàn tất ở tương lai, nhưng vì được coi là phụ thuộc vào quyết định không đòi hỏi của ý chí nên nó có thể được nói đến như thể việc có thật đang xảy ra: do đó một quyết nghị, lời hứa, chiếu chỉ (sắc lệnh) đặc biệt là của thần linh thường được công bố bằng thì hoàn thành” (trang 17, ví dụ về thì hoàn thành của thể loại tiên tri).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition*, định nghĩa dạng động từ này như sau:

“nhìn xem một tình huống từ bên ngoài, như một toàn thể. Như vậy nó trình bày một sự việc đơn giản, cho dù đó là một hành động hoặc trạng thái (bao gồm cả tình trạng tâm trí). Khi được dùng để chỉ các hành động, nó thường xem hành động là hoàn thành từ quan điểm thuyết phục của người nói hoặc người kể (cho dù trong thực tế có hoàn thành hay không thì không phải là điều quan trọng). Thì hoàn thành có thể gắn liền với những hành động, trạng thái trong quá khứ, hiện tại hoặc trong tương lai. Như đã nói ở trên, cơ cấu thời gian ảnh hưởng đến việc một người dịch thì hoàn thành sang những ngôn ngữ chú trọng vào các thì giống như Anh ngữ và cơ cấu đó cần phải được xác định dựa vào bối cảnh” (trang 86).
 - b. THÌ CHƯA HOÀN THÀNH, diễn tả một hành động đang diễn tiến (chưa chấm dứt, lặp đi lặp lại, tiếp tục hoặc không chắc chắn), thường hướng tới một mục tiêu. Thông thường hình thức này được sử dụng cho một hành động trong hiện tại và tương lai.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* nói

“Tất cả các thì CHƯA HOÀN THÀNH diễn tả các tình trạng không hoàn tất. Chúng thường lặp đi lặp lại, tiếp tục khai triển hoặc có bất ngờ (không chắc chắn). Nói cách khác, có phần tiếp tục phát triển hoặc có phần được xác định. Trong mọi trường hợp, theo một số nghĩa thì chúng chỉ là từng thành phần, tức là vẫn chưa đầy đủ” (trang 55).

Robert B. Chisholm, Jr. trong quyển *From Exegesis to Exposition* nói

“Thật là khó để tóm gọn bản chất của thì chưa hoàn thành vào một khái niệm đơn giản, vì nó gồm chứa cả thì (aspect) và cách (mood). Đôi khi thì chưa hoàn thành được sử dụng theo cách thức chỉ định và thực hiện một tuyên bố khách quan. Trong những trường hợp khác, nó nhìn xem một hành động theo cách chủ quan hơn, cũng như giả thuyết, bất ngờ, có thể và vân vân...” (trang 89).
 - c. Chữ “waw” được thêm vào để liên kết ĐỘNG TỪ với hành động của ĐỘNG TỪ trước đó.
 - d. MỆNH LỆNH, căn cứ theo ý muốn của người nói và hành động có thể thực hiện của người nghe.
 - e. Trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ, chỉ có những bối cảnh tổng quát mới có thể xác định được việc định hướng thời gian theo ý định của tác giả.

B. Bày hình thức biến cách chính và ý nghĩa cơ bản của chúng. Trong thực tế những hình thức này tạo sự kết nối lẫn nhau trong mạch văn và không thể bị tách biệt.

1. Qal (Kal) là phổ biến nhất và cơ bản của tất cả các dạng thức. Nó biểu thị một hành động đơn giản

- hoặc một tình trạng hiện có. Nó không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
2. Niphal, hình thức phổ biến thứ hai. Nó thường là THỤ ĐỘNG, nhưng hình thức này cũng có chức năng phản thân (reflexive) và hỗ tương với nhau (reciprocal) . Nó cũng không nói đến liên hệ nhân quả hoặc việc xác định cho rõ.
 3. Piel, hình thức này là chủ động và trình bày về việc tạo ra một hành động dẫn tới tình trạng hiện có. Ý nghĩa cơ bản là của gốc (stem) Qal và được phát triển hoặc mở rộng thành một tình trạng hiện có.
 4. Pual, đây là dạng THỤ ĐỘNG đối ứng lại với dạng Piel. Nó thường được thể hiện bằng một ĐỘNG TÍNH TỪ.
 5. Hithpael là loại (stem, gốc) phản thân hoặc hỗ tương với nhau. Nó diễn tả hành động lặp lại hay kéo dài thuộc gốc Piel. Dạng THỤ ĐỘNG hiếm gặp này được gọi là Hothpael.
 6. Hiphil, hình thức chủ động của loại (stem) gây ra nguyên nhân và đối lập với Piel. Nó có thể có khía cạnh cho phép, nhưng thường đề cập đến nguyên nhân gây ra của một sự kiện. Ernst Jenni, một nhà ngữ pháp tiếng Hê-bơ-rơ, tin rằng Piel chứng tỏ một điều gì đó tiến đến tình trạng hiện có, trong khi Hiphil cho thấy nó đã xảy ra như thế nào.
 7. Hophal, dạng THỤ ĐỘNG đối ứng với Hiphil. Hai dạng từ gốc cuối cùng ít được sử dụng nhất trong bảy loại từ gốc.

Phần lớn thông tin này đến từ quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke và M. O'Connor, trang 343-452.

Biểu đồ tác động và hệ quả. Một điểm quan trọng để hiểu biết hệ thống ĐỘNG TỪ tiếng Hê-bơ-rơ là xem nó như là một mô hình của các mối liên hệ theo các THỂ (VOICE). Một số từ gốc thì đối lập với những từ gốc khác (ví dụ, Qal - Niphal; Piel - Hiphil)

Biểu đồ dưới đây cố gắng để hình dung các chức năng cơ bản của các gốc ĐỘNG TỪ theo hệ quả. (***) chú thích người dịch: vì không có chữ tiếng Việt tương đương nên không thể dịch một vài thuật ngữ/khái niệm ngữ pháp trong bản dưới đây ***)

CÁCH/THỂ hay CHỦ NGỮ	No Secondary Agency	An Active Secondary Agency	A Passive Secondary Agency
CHỦ ĐỘNG	<i>Qal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Piel</i>
THỤ ĐỘNG TRUNG CẤP	<i>Niphal</i>	<i>Hophal</i>	<i>Pual</i>
PHẢN THÂN/ HỖ TƯƠNG	<i>Niphal</i>	<i>Hiphil</i>	<i>Hithpael</i>

Biểu đồ này được lấy từ bài phân tích xuất sắc hệ thống ĐỘNG TỪ dựa theo kết quả nghiên cứu mới về tiếng Akkadian (xem quyển *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* của Bruce K. Waltke, M. O'Conner, trang 354-359).

R. H. Kennett, trong quyển *A Short Account of the Hebrew Tenses*, đã cung cấp một cảnh báo cần thiết.

“Trong khi dạy học tôi thường thấy khó khăn chính của sinh viên với các động từ tiếng Hê-bơ-rơ là nắm bắt cho được những ý nghĩa mà động từ truyền tải đến tâm tư suy nghĩ của chính người Do Thái. Điều đó cho thấy là có xu hướng xem mỗi thì (tense) của tiếng Hê-bơ-rơ tương đương với một số nào đó của các dạng thức (ngữ pháp) trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh, bởi đó mà loại thì đặc thù (particular Tense) lại được dịch theo cách thông thường. Kết quả là thất bại trong việc thấu hiểu rất nhiều những sắc thái tinh tế của ý nghĩa mà nó đã đem lại sự sống và sinh lực cho ngôn ngữ của Cựu Ước.

Khi sử dụng các động từ tiếng Hê-bơ-rơ thì điều khó khăn duy nhất là nằm trong quan điểm để từ đó người Hê-bơ-rơ xem xét một hành động vì vậy nó hoàn toàn khác với quan điểm của chúng ta. Đối với chúng ta thời điểm là điều xem xét đầu tiên được bày tỏ qua chữ tense (thời điểm căng thẳng) , nhưng đối với họ (người Do Thái) đó là một việc thứ yếu. Do đó điều cần thiết là một sinh viên không được sử dụng quá nhiều các hình thức trong tiếng Latin hoặc tiếng Anh để dịch các thì trong tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng tốt hơn là nên nắm bắt rõ ràng khía cạnh của mỗi hành động mà nó tự phô bày trong tâm trí của người Do Thái.

Chữ “thì”(tense) áp dụng cho các động từ tiếng Hê-bơ-rơ khiến hiểu nhầm. Cái gọi là “thì” trong

tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt thời gian nhưng chỉ là trạng thái của một hành động. Thật vậy để không bị nhầm lẫn nên nêu lên sự áp dụng thuật ngữ “trạng thái” cho cả danh từ và động từ, chữ “các trạng thái” sẽ xác định rõ hơn nhiều hơn so với chữ “các thì.” Cần phải luôn luôn ghi nhớ rằng không thể dịch một động từ tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Anh mà không cần sử dụng một giới hạn (xác định thời gian) đây là điều hoàn toàn không có trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do Thái cổ đại không bao giờ nghĩ về một hành động theo (ý nghĩa) quá khứ, hiện tại hay tương lai, mà chỉ đơn giản là HOÀN THÀNH, tức là chấm dứt, hoặc KHÔNG HOÀN THÀNH, nghĩa là đang còn tiếp diễn. Khi chúng ta nói rằng một số thì trong tiếng Hê-bơ-rơ tương ứng với thì HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI trong tiếng Anh, chúng ta không có ý nói rằng người Do Thái nghĩ về nó như là HOÀN THÀNH, QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH hoặc TƯƠNG LAI, nhưng chỉ đơn giản là chúng phải được dịch sang tiếng Anh như vậy. Thời gian của một hành động trong tiếng Hê-bơ-rơ không diễn đạt bằng bất kỳ một dạng thức động từ nào” (trong lời mở đầu và trang 1).

Một cảnh báo thứ hai của Sue Groom trong quyển *Linguistic Analysis of Biblical Hebrew* nhắc chúng ta rằng:

“Không có cách nào để phân biệt được giữa (1) Quá trình thiết lập lại lĩnh vực ngữ nghĩa và các liên hệ ý nghĩa của một ngôn ngữ chết cổ đại của các học giả hiện đại chỉ là sự phản ánh trực giác của chính riêng họ hoặc của ngôn ngữ mẹ đẻ của họ với (2) Các lĩnh vực đó đã hiện hữu (đúng y như) trong tiếng Hê-bơ-rơ cổ” (trang 128).

C. CÁCH (Moods, Modes)

1. Nó đã xảy ra, đang xảy ra (CHỈ ĐỊNH CÁCH), thường sử dụng thì HOÀN THÀNH hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) (tất cả các ĐỘNG TÍNH TỪ đều là dạng CHỈ ĐỊNH).
2. Nó sẽ xảy ra, có thể xảy ra (BÀNG THÁI CÁCH, (subjunctive) GIÁ ĐỊNH, CẦU KHẢN)
 - a. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có đánh dấu
 - (1) DẠNG KHÍCH LỆ (thêm h), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ nhất, thường bày tỏ một mong muốn, yêu cầu hoặc tự khuyên khích (hành động theo ý muốn của người nói)
 - (2) DẠNG MỆNH LỆNH (thay đổi bên trong), THÌ CHƯA HOÀN THÀNH ngôi thứ ba (có thể là ngôi thứ hai trong câu phủ định) thường trình bày một yêu cầu, sự cho phép, một lời nhắc nhở, hoặc một lời khuyên
 - b. sử dụng THÌ HOÀN THÀNH với lu hoặc lule
 Những cấu trúc này tương tự với các câu ĐIỀU KIỆN BẬC HAI trong tiếng Hy Lạp Koine. Một phát biểu sai (protasis) dẫn đến một kết luận sai (apodosis).
 - c. sử dụng THÌ CHƯA HOÀN THÀNH và lu
 Mạch văn và lu, cũng như hướng về tương lai, tạo nên cách dùng đặc biệt cách CẦU KHẢN, GIÁ ĐỊNH này. Một số ví dụ từ quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* của J. Wash Watts là Sáng thế Ký 13:16; Phục truyền Luật lệ Ký 1:12; I Các vua 13:8; Thi thiên 24:3; Ê-sai 1:18 (xem trang 76-77).

D. Waw - chuyển đổi, liên tục, liên kết. Đặc tính cú pháp độc nhất này của tiếng Hê-bơ-rơ (ngôn ngữ của người vùng Ca-na-an) đã gây ra sự nhầm lẫn lớn trong những năm qua. Nó được sử dụng theo nhiều cách thường là dựa theo thể loại. Lý do của sự nhầm lẫn là các học giả đầu tiên là người Châu Âu và họ đã cố gắng giải thích theo ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Khi phương cách trên gặp trở ngại, thì họ đổ lỗi rằng tiếng Hê-bơ-rơ là một ngôn ngữ cổ giả định. Những ngôn ngữ Châu Âu là những ĐỘNG TỪ được căn cứ theo THÌ (tense). Một số các hàm chứa đa dạng và ngữ pháp được xác định bởi chữ WAW được thêm vào gốc ĐỘNG TỪ ở THÌ HOÀN THÀNH VÀ CHƯA HOÀN THÀNH. Điều này làm thay đổi cách xem xét hành động.

1. Trong thể loại tường thuật truyện tích lịch sử, những ĐỘNG TỪ được liên kết với nhau trong một chuỗi theo một khuôn mẫu tiêu chuẩn.
2. Tiền tố waw cho thấy một mối quan hệ cụ thể với những ĐỘNG TỪ trước đó.
3. Mạch văn rộng hơn luôn luôn là chìa khóa để hiểu được chuỗi ĐỘNG TỪ. Các ĐỘNG TỪ của ngôn ngữ Semitic không thể phân tích cách riêng rẽ, cô lập.

J. Wash Watts trong quyển *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* có nhận xét về sự khác biệt của tiếng Hê-bơ-rơ trong cách dùng chữ waw trước THÌ HOÀN THÀNH VÀ THÌ CHƯA HOÀN THÀNH

(trang 52-53). Khi ý tưởng cơ bản của THÌ HOÀN THÀNH là quá khứ mà thêm chữ waw vào thì nó đầy ý nghĩa theo hướng thời gian trong tương lai. Cũng xảy ra y như thế với THÌ CHƯA HOÀN THÀNH có ý tưởng cơ bản là hiện tại hoặc tương lai, nhưng khi thêm chữ waw vào thì đặt ý tưởng đó vào quá khứ. Sự thay đổi thời gian lạ thường này giải thích việc thêm vào chữ waw, chứ không giải thích sự thay đổi theo ý nghĩa cơ bản của THÌ ĐỘNG TỪ. THÌ HOÀN THÀNH kèm theo chữ waw thích hợp với thể loại tiên tri, trong khi các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH kết hợp với chữ waw thích hợp với thể loại truyện kể, tường thuật (trang 54, 68).

Watts tiếp tục định nghĩa của ông

“Về sự khác biệt giữa chữ waw liên từ và chữ waw tiếp nối, thì có những giải thích như sau:

1. Waw liên từ luôn luôn xuất hiện để chỉ ra cái tương đương, song song.
2. Waw tiếp nối luôn luôn xuất hiện để chỉ ra một trình tự. Chỉ có một hình thức duy nhất chữ waw được dùng với những THÌ CHƯA HOÀN THÀNH tiếp nối. Sự quan hệ giữa các THÌ CHƯA HOÀN THÀNH được liên kết bởi chữ waw có thể là theo trình tự thời gian, kết quả lý luận, nguyên nhân thuộc lý luận hoặc sự tương phản trong lý luận. Trong tất cả các trường hợp thì đều theo một trình tự” (trang 103).

E. NGUYÊN MẪU - Có hai loại NGUYÊN MẪU

1. NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (INFINITIVE ABSOLUTE), là “những diễn tả mạnh mẽ, độc lập, nổi bật được sử dụng để đạt được hiệu quả ấn tượng...giống như một chủ ngữ, nó thường không có động từ, dĩ nhiên động từ 'thì,là' được hiểu ngầm, nhưng chữ đó đứng riêng rẽ một mình cách ấn tượng” J. Wash Watts, *A Survey of Syntax in the Hebrew Old Testament* (trang 92) .
2. NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (INFINITIVE CONSTRUCT). Về mặt ngữ pháp nó “liên kết với câu phát biểu bằng những giới từ, đại từ sở hữu và mối liên hệ từ ghép” (trang 91).
J. Weingreen trong quyển *A Practical Grammar for Classical Hebrew*, mô tả cấu trúc từ ghép là:
“Khi hai chữ (hoặc nhiều hơn) kết hợp với nhau rất chặt chẽ, chúng tạo thành một ý tưởng hỗn hợp thì những chữ phụ được gọi là ở trong cấu trúc từ ghép” (trang 44).

F. NHỮNG TỪ NGHI VẤN (INTERROGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện đầu câu.
2. Ý nghĩa dành cho giải thích
 - a. *ha* - không mong đợi một sự trả lời
 - b. *halo'* - tác giả mong đợi một câu trả lời "có"

NHỮNG TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVES)

1. Chúng luôn luôn xuất hiện trước những chữ mà chúng phủ nhận.
2. Từ phủ định thông thường nhất là *lo'*.
3. Chữ *'al* có một hàm ý bất ngờ và được sử dụng với DẠNG KHÍCH LỆ (COHORTATIVE) và DẠNG MỆNH LỆNH (JUSSIVE).
4. Chữ *lebhilit*, có nghĩa là “vì đó nên...không” được sử dụng với DẠNG NGUYÊN MẪU (INFINITIVE).
5. Chữ *'en* được sử dụng với các ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE).

G. CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE)

1. Có bốn loại câu điều kiện về cơ bản chúng tương tự với tiếng Hy Lạp Koine.
 - a. Một cái gì đó được giả định là sắp xảy ra hoặc được nghĩ đến như thể đã hoàn tất (câu điều kiện loại một trong tiếng Hy Lạp)
 - b. Một điều gì đó trái với thực tế mà sự hoàn tất là không thể (câu điều kiện loại hai)
 - c. Một cái gì đó có thể, có lẽ đúng (câu điều kiện loại ba)
 - d. Một cái gì đó ít khi xảy ra, do đó sự hoàn thành là đáng nghi ngờ (câu điều kiện loại bốn)
2. NHỮNG GHI CHÚ VỀ NGỮ PHÁP
 - a. Các giả định trở thành tình trạng đúng với sự thật, có thật thì luôn luôn sử dụng THÌ HOÀN THÀNH của CHỈ ĐỊNH CÁCH (INDICATIVE PERFECT) hoặc ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) và mệnh đề điều kiện (protasis) thường được khởi đầu bằng:

- (1) *'im*
- (2) *ki* (hoặc *'asher*)
- (3) *hin* hoặc *hinneh*
- b. Trường hợp trái với tình trạng có thật thì luôn luôn sử dụng một ĐÔNG TỪ (VERB) theo khía cạnh (thì) HOÀN THÀNH (PERFECT) hoặc một ĐÔNG TÍNH TỪ với các tiền tố mở đầu (introductory PARTICLES) *lu* hoặc *lule*
- c. Tình trạng có thể xảy ra nhiều hơn thì luôn luôn sử dụng ĐÔNG TỪ CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT VERB) hoặc ĐÔNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) trong mệnh đề điều kiện (protasis), thường là *'im* hoặc *ki* được sử dụng như là các TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLES)
- d. Tình trạng ít có khả năng xảy ra thì dùng GIẢ ĐỊNH THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH (IMPERFECT SUBJUNCTIVES) trong mệnh đề điều kiện (protasis) và luôn luôn sử dụng *'im* như là một TIỀN TỐ mở đầu (introductory PARTICLE)

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT DÙNG TRONG TẬP GIẢI KINH NÀY

AB	<i>Anchor Bible Commentaries</i> , ed. William Foxwell Albright and David Noel Freedman
ABD	<i>Anchor Bible Dictionary</i> (6 vols.), ed. David Noel Freedman
AKOT	<i>Analytical Key to the Old Testament</i> , John Giô-sép Owens
ANET	<i>Ancient Near Eastern Texts</i> , James B. Pritchard
BDB	<i>A Hebrew and English Lexicon of the Old Testament</i> , F. Brown, S. R. Driver and C. A. Briggs
BHS	<i>Bblia Hebraica Stuttgartensia</i> , GBS, 1997
IDB	<i>The Interpreter's Dictionary of the Bible</i> (4 vols.), ed. George A. Buttrick
ISBE	<i>International Standard Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. James Orr
JB	<i>Jerusalem Bible</i>
JPSOA	<i>The Holy Scriptures According to the Masoretic Text: A New Translation</i> (The Jewish Publication Society of America)
KB	<i>The Hebrew and Aramaic Lexicon of the Old Testament</i> , Ludwig Koehler and Walter Baumgartner
LAM	<i>The Holy Bible From Ancient Eastern Manuscripts</i> (the Peshitta), George M. Lamsa
LXX	<i>Septuagint</i> (Greek-English) by Zondervan, 1970
MOF	<i>A New Translation of the Bible</i> by James Moffatt
MT	<i>Masoretic Hebrew Text</i>
NAB	New American Bible Text
NASB	<i>New American Standard Bible</i>
NEB	<i>New English Bible</i>
NET	<i>NET Bible: New English Translation</i> , Second Beta Edition
NRSV	<i>New Revised Standard Bible</i>
NIDOTTE	<i>New International Dictionary of Old Testament Theology and Exegesis</i> (5 vols.), ed. Willem A. VanGemeren
NIV	<i>New International Version</i>
NJB	<i>New Jerusalem Bible</i>

OTPG	<i>Old Testament Passing Guide</i> , Todd S. Beall, William A. Banks and Colin Smith
REB	<i>Revised English Bible</i>
RSV	<i>Revised Standard Version</i>
SEPT	<i>The Septuagint</i> (Greek-English), Zondervan, 1970
TEV	<i>Today's English Version</i> from United Bible Societies
YLT	<i>Young's Literal Translation of the Holy Bible</i> , Robert Young
ZPBE	<i>Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia</i> (5 vols.), ed. Merrill C. Tenney

LỜI CỦA TÁC GIẢ:

TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả (hoặc khi nó được biên tập lại). Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch.

1. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS4). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS4 và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Nguyên tắc thứ tư

Nguyên tắc thứ tư là cần chú ý về thể loại văn học. Tác giả nguyên thủy được thần cảm chọn lựa để ghi chép sử điệp của họ trong các thể loại khác nhau (ví dụ., tường thuật lịch sử, kịch nghệ lịch sử, thơ, tiên tri, phúc âm [dụ ngôn], thư tín, khai thị). Những thể loại khác nhau này có những chìa khóa đặc biệt để giải nghĩa (xem Gordon Fee và Doug Stuart, *Làm thế nào để Đọc Kinh Thánh với tất cả Giá trị của Lời Chúa* (How to Read the Bible for All Its Worth), D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr., *Phá vỡ những Mật Mã trong Cựu Ước* (Cracking Old Testament Codes), hoặc Robert Stein, *Chơi với những nguyên tắc* (Playing by the Rules)).

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lễ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

Trường Đại học East Texas Baptist University

Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIỂM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đôi diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kình chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả! Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

I. Các giả định

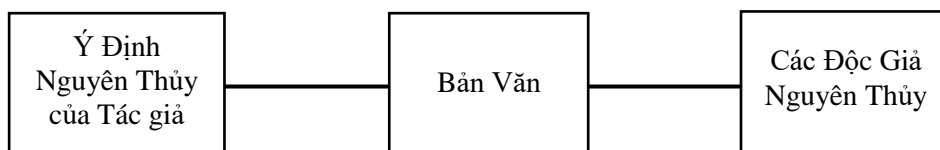
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp
 7. Những đoạn tương tự nhau

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

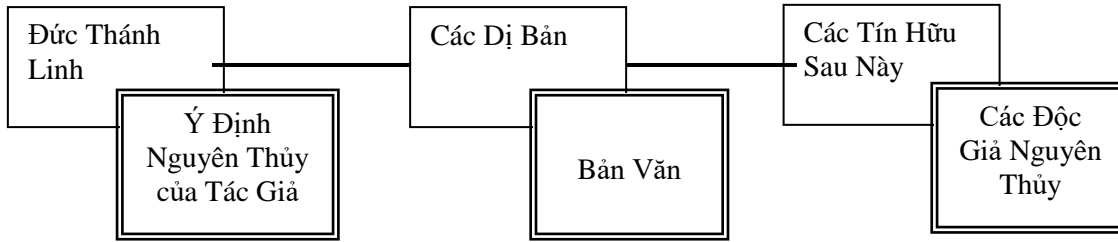
II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lời giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các Phương Pháp Tiếp Cận Đến Việc Đọc Kinh Thánh Hiệu Quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan và cuốn *Cracking Old Testament Codes* của D. Brent Sandy and Ronald L. Giese, Jr., Xuất bản bởi Broadman and Holman.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khản nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Các yếu tố về tác giả nguyên thủy
 - a. Bối cảnh lịch sử
 - b. Bối cảnh văn chương
2. Sự lựa chọn của tác giả nguyên thủy
 - a. Cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)
 - b. Cách sử dụng từ đương thời
 - c. thể loại
3. Cách hiểu phù hợp của chúng ta
 - a. Các phân đoạn song song có liên quan

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
 - a. Các sách Cựu Ước
 - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
 - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
 - (4) Các luật lệ
 - b. Các sách Tân Ước
 - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - (3) Thư tín
 - (4) Khải thị

B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác

C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba

1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - a. Tác giả
 - b. Thời điểm
 - c. Người nhận
 - d. Lý do cụ thể viết sách này
 - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác

D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư

1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
 - c. Các khái niệm tương phản
3. Liệt kê những mục sau đây
 - a. Các từ ngữ quan trọng
 - b. Các từ ngữ bất thường
 - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng

- d. Các từ ngữ, vế câu, hay câu văn khó hiểu
4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
 - (1) Các sách “thần học hệ thống”
 - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
 - (3) Kinh thánh phù dẫn
 - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
 - c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
 - a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cầm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
 - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:
- B. “Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”
- C. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh như là Lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tâm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, câu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời.”
- D. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:
“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Này

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
 1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴)
 2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
 3. Bản New King James Version (NKJV)

4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
5. Bản Today's English Version (TEV)
6. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
 1. Bối cảnh ngữ văn
 2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
 3. Các thông tin ngữ pháp
 4. Các nghiên cứu theo từ
 5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
 1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyên chuyên xuất bản bởi American Bible Society.
 4. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
 1. Các dị bản
 2. Cách sử dụng từ
 3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 4. Các bản văn không rõ ý
 5. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

DẪN NHẬP VÀO Ê-SAI

I. NHỮNG THÔNG ĐIỆP MỞ ĐẦU

- A. Ê-sai được trích một cách thường xuyên trong Tân Ước nhiều hơn bất cứ tiên tri nào khác (hơn 411 lần). Thông điệp của ông là một thông điệp của tư tưởng độc thần then chốt mang tính toàn cầu và của một kế hoạch cứu chuộc cho toàn thể mọi tạo vật.
1. duy một Đức Chúa Trời
 2. một thế giới
 3. một đức tin
- B. Ê-sai mang tính chất bày tỏ về Đấng Mê-si đầy tuyệt diệu.
1. những con cái đặc biệt của Thời Kỳ Mới, những đoạn 7-14
 2. Những Bài Ca Tôi Tớ, 41:1-4; 42:1-9; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12 (có thể là 61:1-3)
 3. Vương Quốc tương lai của Đấng Mê-si (Thời Kỳ Mới), những đoạn 56-66. Sự sa ngã trong Sáng Thế Ký 3 đã không phải là thế giới sau cùng!
- C. E. J. Young, trong quyển *An Introduction to the OT*, đề cập rằng:
1. “Sách Ê-sai được xem xét một cách đúng mực chính là sách tiên tri vĩ đại nhất giữa những sách tiên tri Cựu Ước,” ở trang 168.
 2. “Giữa tất cả những tiên tri của Y-sơ-ra-ên, Ê-sai đã hiểu một cách toàn vẹn nhất về suy nghĩ của Đức Chúa Trời và kế hoạch của Ngài dành cho tất cả các thời đại,” ở trang 171.
 3. “Về sự thấu hiểu thuộc linh Ê-sai đã không thể bị vượt qua trong toàn thể Cựu Ước,” ở trang 172.

II. TÊN SÁCH

- A. Sách được đặt tên theo nhà phát ngôn sứ điệp tiên tri của nó.
- B. Danh xưng này có nghĩa là “sự cứu rỗi của YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)” hoặc “YHWH cứu giúp.” Những tên riêng Hê-bơ-rơ kết thúc với “iah” là một tiếp vĩ ngữ của YHWH, cũng như nhiều tên riêng khác trong tiếng Anh bắt đầu với chữ “j” và một nguyên âm, ví dụ như Giô-suê và Giô-ên (Joshua và Joel).

III. TÍNH KINH ĐIỂN

- A. Đây chính là cuộn sách đầu tiên trong bốn cuộn sách của Những Sách Hậu Tiên Tri.
1. Ê-sai
 2. Giê-rê-mi
 3. Ê-xê-chi-ên
 4. Bộ Mười Hai Sách (những sách tiểu tiên tri)
- B. Sách này được chấp nhận một cách hoàn toàn từ rất sớm vào giữa những tác phẩm văn học thánh của người Y-sơ-ra-ên.

IV. THỂ LOẠI VĂN HỌC

- A. Kỹ năng văn chương của Ê-sai vượt trội hơn tất cả những tiên tri Cựu Ước. Những cách chơi chữ và những áng thơ thật tráng lệ và làm say đắm lòng người. Phần lớn sách thuộc thể loại văn thơ Hê-bơ-rơ (hãy xem Phụ Lục Một).

- B. Thật khó để có thể ngồi xuống và đọc cả sách Ê-sai trong cả một lần đọc. Sách cũng khó để có thể để chỉ ra dàn ý (những nét chính) của sách. Điều này có nguyên nhân bởi vì Ê-sai chính là một nhà giảng dạy, chứ không chỉ là một tác giả viết sách hoặc một nhà biên tập. Sách của ông ghi chép lại tất cả những sự điệp được phát ngôn xuyên suốt trong một quãng thời gian dài. Chúng đều được kết nối với nhau, nhiều lúc
1. bởi chủ đề
 2. bởi niên đại thời gian
 3. bởi những sự kiện mang lại ảnh hưởng trên Y-sơ-ra-ên
 4. bởi những quy phạm (tiêu chuẩn) văn hóa của khu vực Cận Đông Cổ Đại, vốn rất khác biệt với chúng ta
 5. và phần lớn bởi những từ khóa then chốt và những sự chơi chữ

V. QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Những góc nhìn về quyền tác giả của người Do Thái
1. Trong Kinh Talmud, sách *Baba Bathra* 15a cho biết Vua Ê-xê-chia và những người của ông đã viết nên (biên tập hoặc biên soạn) Ê-sai, Châm Ngôn, Truyền Đạo, và Nhã Ca.
 2. Ben Sirah, trong sách *Huân Ca (Ecclesiasticus)* 49:17-25, được viết vào khoảng năm 185 T.C, cho rằng, “Ê-sai, con trai của A-môt,” đã viết sách (1:1; 12:1; 13:1).
 3. II Sử Ký 32:32 chứng thực cho khái tượng của Ê-sai, cũng như phần song hành trong Các Vua (II Các Vua 18:19-20:19 nói với chúng ta về chính ông).
 - a. Ông xuất thân từ một gia đình danh giá giàu có tại Giê-ru-sa-lem, ngay cả có khả năng rằng ông là một người anh em họ của Vua Ô-xia.
 - (1) một vài bằng chứng rằng “iah” (trong phần cuối của các tên), vốn là một tiếp vĩ ngữ của YHWH, được sử dụng hầu hết chỉ dành riêng nội bộ trong hoàng gia Giu-đa mà thôi
 - (2) Khả năng tiếp cận của Ê-sai với Vua Ô-xia cũng đưa ra sự ủng hộ cho khả năng liên hệ thân cận gia đình của ông
 - (3) Hãy xem Kinh Talmud, “Meg.” 10b
 - b. Ông đã cưới một nữ tiên tri (8:3).
 - (1) người con trai đầu lòng, “Sê-a-Gia-rúp,” có nghĩa là “một dân sót sẽ quay trở về”
 - (2) người con trai thứ hai, “Ma-he-Sa-la-Hát-Bát” (8:3), vốn có nghĩa là “sự cướp mau tới, của cướp kịp đến”
 - c. Ê-sai đã có một chức vụ tiên tri dài nhất hơn tất cả những tiên tri Cựu Ước khác. Ông đã là người phát ngôn của Đức Chúa Trời trong thời kỳ trị vì của Vua Giô-tham (742-735 T.C) cho đến Vua Ê-xê-chia (715-687 T.C) với khả năng có thể kéo dài đến thời kỳ trị vì của Vua Ma-na-se (687-642 T.C); Vua Ma-na-se có khả năng đã cùng cai trị từ năm 696 T.C
 - d. Nếu như II Sử Ký 26:22 chỉ về Ê-sai, thì ông chính là người chép sử chính thức và là người giữ những bộ sử ký hoàng gia của nhà vua.
 - e. Truyền thống để lại cho biết ông đã bị cưa làm hai bên trong một thân cây (*Assumption of Isaiah*) trong thời kỳ cai trị của Vua Ma-na-se (hãy xem Hê-bơ-rơ 11:37).
 4. Moses ben Samuel Ibn Gekatilla, vào khoảng năm 110 S.C, cho rằng những đoạn 1-39 được viết bởi Ê-sai, nhưng những đoạn từ 40-66 đã được viết trong thời kỳ Đền Thờ Thứ Hai (Thời Kỳ Đế Chế Ba Tư, 538-430 T.C).
 5. Ibn Ezra (1092-1167 T.C) ủng hộ sự hướng dẫn của Gekatilla và chối bỏ, hoặc ít nhất là nghi vấn về những đoạn 40-66 đã được viết vào thế kỷ thứ 8 bởi Ê-sai.
- B. Những quan điểm học thuật hiện đại về tác quyền
1. Một sự tổng kết lịch sử hay được tìm thấy trong quyển *Introduction to the OT*, được viết bởi R. K. Harrison’s, Eerdmans, xuất bản năm 1969.
 2. Một sự thảo luận hay về những lý do học thuật cho sự khẳng định về hai tác giả khác

nhau có thể được tìm thấy trong quyển *Introduction to the Literature of the OT*, được viết bởi S.R. Drivers, được tái xuất bản năm 1972.

3. Không có bất cứ bản chép tiếng Hê-bơ-rơ hoặc Hy Lạp (LXX) nào đã xuất hiện sự phân chia giữa những đoạn 1-39 và những đoạn 40-66.
 - a. Có hai khoảng cách dòng nằm tại cuối đoạn 33 trong những Cuộn Biển Chết. Điều này hàm ý rằng có một phân chia chính tại đoạn này, không phải ở đoạn 39
 - b. Có vẻ như tồn tại một cấu trúc song hành giữa đoạn 1-33 và 34-66. Cấu trúc đôi này dựa trên thời đại của chính tác giả và vì vậy, trong tương lai, đã trở nên phổ biến trong những sách tiên tri Hê-bơ-rơ (Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri).
4. Các học giả hiện đại không có sự nhất trí hoàn toàn về việc có bao nhiêu tác giả của sách và những chỗ phân chia của sách.

C. Một vài nguyên nhân cho sự thống nhất của sách Ê-sai

1. Hai-mươi-lăm thuật ngữ được tìm thấy trong cả hai phần của sách Ê-sai không thể được tìm thấy ở bất kỳ chỗ nào khác trong Cựu Ước (trong quyển NIV, Intro. to Isaiah, trang 1014).
2. Danh xưng “Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên” được dùng 13 lần trong những đoạn 1-39 và 14 lần trong những đoạn 40-66 và chỉ có 6 lần trong toàn bộ những sách Cựu Ước khác.
3. Chúa Giê-xu, trong sách Giảng 12:38,40, đã trích trong Ê-sai 53:1 và trong 6:10 và đều cho biết cả hai phần của sách là của Ê-sai.
4. Những phần từ Ê-sai 40-66 được quy cho Ê-sai trong Ma-thi-ơ 3:3; 8:17; 12:17; Lu-ca 3:4; 4:17; Giảng 1:23; Công vụ 8:28; và Rô-ma 10:16-20.
5. Không có bất kỳ bằng chứng bản thảo ghi chép nào về một sự phân chia của sách tại đoạn 39 (MT, DSS, hoặc LXX).
6. Không có bất kỳ sự đề cập lịch sử nào về một tiên tri vĩ đại (Ê-sai thứ hai(Deutero-Isaiah)) trong khoảng thế kỷ thứ sáu T.C

R. K. Harrison, trong quyển *Introduction to the OT*, đã bình luận về vấn đề này,

“Những tranh luận nảy sinh từ phong cách văn chương đã vô cùng được ưa chuộng vào cuối thế kỷ mười chín, tuy nhiên trong ánh sáng của sự am hiểu rộng hơn về những ngôn ngữ Cận Đông cổ đại thì giờ đây chúng có vẻ có một vai trò kém quan trọng hơn rất nhiều. Chính sự chú quan về sự xem xét về phong cách đã đem lại một yêu cầu khẩn khoản cần xem lại đối với những người ủng hộ thuyết nghị luận văn học Graf-Wellhausen, là những người không nhìn thấy bất cứ sự không nhất quán nào trong việc xem xét kỹ những văn bản được quy cho một tác giả Kinh Thánh, và sau đó đã chối bỏ những phần của chính văn bản đó với chính tác giả chỉ bởi vì thể loại văn chương và từ ngữ trong mỗi đoạn không giống hệt nhau. Dường như những sự tranh luận này đã không chột nẩy ra với những người thâm định thời kỳ trước, rằng khả năng duy nhất để tìm ra nguồn gốc những ý tưởng về phong cách của một tác giả cổ xưa phải là kết quả của một sự nghiên cứu cẩn thận về tất cả những tài liệu được quy cho tác giả đó, và rằng sự chối bỏ tiếp theo về một phần hoặc toàn bộ văn bản chỉ có thể có hiệu lực dựa trên nền tảng một vài sự kiểm soát khách quan cách nghiêm ngặt” (trang 776).

D. Những nguyên nhân cho nhiều tác giả sách Ê-sai.

1. Trong những đoạn 40-66 tên “Ê-sai” không được đề cập.
2. Những đoạn 40-66 không phù hợp với bối cảnh lịch sử thời kỳ Ê-sai.
3. Có vẻ như có một sự pha trộn về sự đề cập của Ê-sai đến:
 - a. Sự xâm lược của A-si-ri, sự lưu đày, và sự đoán phạt
 - b. Sự xâm lược của Ba-by-lôn, sự lưu đày, và sự đoán phạt
4. Có một vài nguyên nhân cho việc đưa ra thuyết nhiều tác giả.
 - a. sự thay đổi về bối cảnh lịch sử
 - (1) thời kỳ tiền-xâm-lược Giu-đa, 1-39
 - (2) thời kỳ lưu-đày, 40-55
 - (3) thời kỳ hậu-lưu-đày Giu-đa, 56-66
 - (4) trong Ê-sai 1-39, Đền Thờ sẽ không bao giờ sụp đổ, trong khi trong những đoạn 40-66 dường như đã sụp đổ. Tác giả dường như ở trong cuộc lưu đày.

- b. sự thay đổi thuật ngữ dành cho người được chọn của Đức Chúa Trời
 - (1) Con trẻ Mê-si
 - (2) Tôi Tớ Chịu Khổ
 - (3) Y-so-ra-ên như là
 - (a) người vợ, 50:1
 - (b) những tôi tớ của YHWH, 54:17

 - 5. Những học giả bảo thủ hiện đại
 - a. Bình luận của E. J. Young về những đoạn 56-66 rất có ích, “có một khả năng khác chính là nhà biên tập được dẫn-dắt-bởi-Đức-Thánh-Linh đã tập hợp những lời tiên tri theo tư tưởng trường phái Ê-sai xung quanh những chủ đề căn bản trong phần Kinh Thánh này,” (trang 188).
 - b. Bình luận của R. K. Harrison, “Học giả hiện nay nắm lấy quan điểm rằng Ê-sai, cũng như đa phần những tác phẩm ghi chép tiên tri hiện còn lại đều trình bày một tuyển tập những sự bày tỏ được đưa ra ở những thời điểm khác nhau, và rằng mỗi công việc như vậy xứng đáng được đối xử không chút khác biệt trong sự thống nhất với đa phần những lời tiên tri Cựu Ước khác. Trong mỗi liên hệ đó, rất quan trọng phải ghi nhớ rằng những sự tranh luận dựa trên những sự khác biệt về phong cách hoặc sự diễn đạt văn học sẽ ngay lập tức vô hiệu bởi cách tiếp cận này, bởi vì bộ tuyển tập có thể được thực hiện khá rõ rệt như là sự trình bày về phong cách chung của tác giả xuyên suốt qua những giai đoạn khác nhau của những sự sáng tạo linh hoạt của chính ông. Sự làm rõ việc thực hiện một bộ sưu tập, trong nghĩa tốt nhất của từ đó, được cung cấp chính bởi câu mở đầu của lời tiên tri, vốn tuyên bố về chủ đề của công trình, và nói lên cách cụ thể về những tài liệu bày tỏ rằng Ê-sai, con của A-mốt đã nhận được những khái tượng về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trong thời đại của các Vua Ô-xia, Giô-tham, A-cha, và Vua Ê-xê-chia. Như tất cả những tuyển tập khác, có bằng chứng rõ ràng rằng sách bao gồm chỉ một sự lựa chọn của những lời sấm tuyên phán và những bài giảng phù hợp, và có khả năng cao rằng Ê-sai đã viết nhiều hơn cách đáng kể những gì còn sót lại trong sách. Bản chất của sách tiên tri như một tuyển tập được chỉ đến sâu sắc hơn nữa bởi sự hiện diện của những lời tựa ghi chú tại Ê-sai 2:1 và 13:1, có thể đã trình bày, hoặc chỉ đến một sự hiện diện của một bộ tuyển tập trước đó của những sứ điệp tiên tri,” (trang 780).
 - 6. Thể loại văn học của những đoạn 40-66 thì khác biệt với những đoạn từ 1-39.
- E. Những bình luận nang tính kết luận về quyền tác giả
- 1. Những học giả tin kính tiếp tục không đồng ý về cách làm thế nào sách Cựu Ước Ê-sai của chúng ta đã đến trong định dạng hiện nay (bản DSS và MT). Sự nhấn mạnh chính phải được đặt đề trong chính sự thân cảm của nó và sự đáng tin cậy trong sự mặc khải về đặc tính và mục đích của YHWH.
 - 2. Chúng ta phải chối bỏ những sự giả định mà chối bỏ sự mặc khải thành tín của Đức Chúa Trời thông qua sách Ê-sai. Điều này cũng bao gồm sự chối bỏ trước tiên của một sự điệp tiên tri báo trước và việc hạ thấp Cựu Ước trở thành một công trình thuần túy của con người, chỉ mang tính đương thời và lịch sử.

VI. THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Ê-sai là một trong những tiên tri trong thế kỷ thứ tám.
 - 1. Giô-na, A-mốt, và Ô-sê ở Vương Quốc Phía Bắc (Y-so-ra-ên), trong thời kỳ cai trị của Vua Giê-rô-bô-am II (786-640 T.C)
 - 2. Ê-sai và Mi-chê ở Vương Quốc Phía Nam (Giu-đa)
- B. Ông ra đời vào giữa những năm những 760 T.C và được kêu gọi vào chức vụ tiên tri vào khoảng năm 742 T.C vào năm Vua Ô-xia qua đời (6:1). Ô-xia cũng được gọi là A-xa-ria (783-742 T.C).
- C. Ê-sai đã có một chức vụ lâu dài từ những năm kết thúc đời Vua Ô-xia (783-742 T.C) xuyên suốt qua

đời Vua Giô-tham (742-735 T.C), A-cha (735-715 T.C), Ê-xê-chia (715-687 T.C), và bước vào trong thời kỳ cai trị của Vua Ma-na-se (687-642 T.C) do Ê-sai đã tiên đoán /ghi chép lại về cái chết của San-chê-ríp trong 37:38 (681 T.C).

- D. R. K Harrison cho rằng sách chính là một tuyển tập những tác phẩm viết và những bài giảng của nhà tiên tri xuyên suốt qua nhiều năm và nhiều đời vua Giu-đa. Cuối cùng nó được tuyển lựa và biên tập lại sau khi nhà tiên tri qua đời, vào khoảng năm 630 T.C

VII. BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA THẾ KỶ THỨ TÁM

- A. Những nhu liệu Kinh Thánh được tìm thấy trong
1. II Các Vua 14:3-17:6
 2. II Sử Ký 25-28
 3. A-môt
 4. Giô-na
 5. Ô-sê
 6. Ê-sai
 7. Mi-chê
- B. Sự tóm lược đơn giản lại của tình trạng thờ hình tượng giữa dân sự của Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy trong sách Ô-sê.
1. 2:16, “sẽ không gọi ta là: Chủ tôi nữa”
 2. 4:12-14, “... con gái các người hành dâm...”
 3. 4:17, “Êp-ra-im sa mê thần tượng, hãy để mặc nó”
 4. 13:2 “kẻ dâm của lễ hôn bò con!” (ngghi lễ tập tục)
- C. Bối cảnh xã hội
1. Đây là một thời kỳ của sự thịnh vượng kinh tế và sự mở rộng quân sự cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa. Tuy nhiên, sự thịnh vượng này chỉ đem lại lợi ích cho tầng lớp giàu có mà thôi. Người nghèo khổ bị hà hiếp và bóc lột. Có vẻ, gần như “đồng tiền và súng đạn” đã trở thành những thần tượng thờ phượng!
 2. Sự vững bền xã hội và sự thịnh vượng của cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đã dẫn đến một số kết quả.
 - a. sự cai trị lâu dài và thịnh vượng của Vua Giê-rô-bô-am II (786-746 T.C) ở tại Phía Bắc và Vua Ô-xia (783-742 T.C) ở tại Phía Nam
 - b. Sự đánh bại Sy-ri của người A-si-ri bởi Vua Adad-Nirari III vào năm 802 T.C
 - c. Sự thiếu vắng những sự xung đột giữa Y-sơ-ra-ên và Giu-đa
 - d. Sự thuế và sự bóc lột của những tuyến đường thương mại từ phía bắc xuống phía nam xuyên qua vùng đất cầu nối Palestine tạo nên một sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, thậm chí cực độ dành cho tầng lớp giàu có
 3. Những “Mảnh gốm Sa-ma-ri (Ostraca of Samaria),” vốn được quy vào thời kỳ cai trị của Vua Giê-rô-bô-am II, dường như chỉ ra một cấu trúc tổ chức quản trị hành chính giống như Sa-lô-môn. Điều này có vẻ xác nhận sự mở rộng khoảng cách giữa những người “có tài sản” và “vô sản.”
 4. Sự bất chính của những người giàu có được khắc họa rõ ràng trong sách A-môt, người được gọi là “vị tiên tri của sự công chính xã hội.” Sự hối lộ hệ thống quan án và việc làm giả những quả cân thương mại là hai ví dụ rõ ràng cho sự hà hiếp, bóc lột dường như đã trở nên phổ biến trong cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
- D. Bối Cảnh Tôn Giáo
1. Thời kỳ này đã có rất nhiều hoạt động thờ phượng bề ngoài, nhưng có rất ít đức tin thực sự. Các tôn giáo thờ phượng phồn thực Ca-na-an (sự sinh sản và màu mỡ của đất đai) đã bị pha trộn vào trong đời sống tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Dân sự trở nên những kẻ thờ hình tượng nhưng họ gọi những hoạt động đó là sự thờ phượng YHWH (YHWHism). Khuynh hướng hướng về những đồng minh chính trị của tuyển dân của Đức Chúa Trời đã ảnh hưởng họ trong những tập tục và sự thờ phượng ngoại bang của họ.
 2. Sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên liệt kê rõ ràng trong II Các Vua 17:7-18.

- a. Trong câu 8 họ đi theo những tập tục thờ hình tượng của người Ca-na-an.
 - (1) sự thờ hình tượng phồn thực (Lê-vi-ký 18:22-23)
 - (a) những nơi cao, trong những câu 9, 10, 11
 - (b) những trụ thờ (Ba-anh), trong những câu 10, 16
 - (c) A-sê-ra, câu 16, đây là những biểu tượng bằng gỗ của nữ thần là vợ của Ba-anh. Chúng có thể cả là những cọc gỗ được chạm khắc hoặc là những cây sống.
 - (2) sự tà thuật bói toán, câu 17. Đây là điều được định tội trong Lê-vi Ký 19-20 và Phục Truyền 18.
 - b. Trong câu 16 họ tiếp tục việc thờ phượng hai con bò vàng, biểu tượng cho YHWH, vốn được thiết lập tại Đan và Bê-tên bởi Giê-rô-bô-am I (I Các Vua 12:28-29).
 - c. Trong câu 16 họ thờ phượng những thần tượng trên bầu trời của người Ba-by-lôn: mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, và những chòm sao.
 - d. Trong câu 18 họ thờ phượng vị thần lửa Phê-ni-xi của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai, *Mô-lóc*, bằng cách hiến tế con cái của họ (Lê-vi-ký 18:21; 20:2-5). Tập tục này được gọi là *mô-lóc (molech)*; không phải là tên của vị thần.
3. Tôn giáo thờ Ba-anh (Quyển *Archaeology and the Religion of Israel*, được viết bởi W. F. Albright, từ trang 82)
- a. Nguồn tài liệu khảo cổ tốt nhất của chúng ta là “Ba’al Epic from Ugarit.”
 - (1) Nó mô tả Ba-anh như là một vị thần chết đi và sống lại theo mùa. Ông ta bị đánh bại bởi Mot và bị giam hãm tại cõi âm. Tất cả sự sống sẽ bị dần ngừng lại. Nhưng, được sự giúp đỡ của vị nữ thần (*Anat*), ông ta lại sống lại và đánh bại *Mot* trong mỗi mùa xuân. Ông ta chính là một vị thần của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai là nhân vật được thờ phượng bởi những ma thuật mô phỏng bắt chước.
 - (2) Vị thần này cũng được biết với tên gọi là Hadad.
 - b. *El* là vị thần chính trong chế độ đa thần của người Ca-na-an, nhưng sự phổ biến của Ba-anh đã chiếm mất vị trí của *El*.
 - c. Y-sơ-ra-ên phần lớn bị ảnh hưởng bởi sự thờ phượng Ba-anh của người Ty-rơ bởi Giê-sa-bêl vốn là con gái của Vua Ty-rơ. Bà được chọn bởi Ôm-ri cho con mình, A-háp.
 - d. Trong Y-sơ-ra-ên, Ba-anh được thờ phượng ở tại một nơi cao tại địa phương. Ông ta được biểu tượng như là một tảng đá dựng đứng. Vợ của ông ta, A-sê-ra, được biểu tượng bởi một cây cọc chạm khắc tượng trưng cho cây sự sống.
4. Một vài nguồn gốc và phương cách thờ phượng hình tượng được đề cập.
- a. Những con bò vàng tại Bê-tên và Đan được thiết lập bởi Vua Giê-rô-bô-am I để thờ phượng YHWH.
 - b. Sự thờ phượng vị thần Ty-rơ của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai tại những nơi cao
 - c. Sự cần thiết của sự tham dự thờ hình tượng trong những liên minh chính trị của thời kỳ đó
- E. Sự tóm lược ngắn gọn của cuộc xâm lược của A-si-ri và Ba-by-lôn vào thế kỷ thứ tám đã ảnh hưởng đến Palestine.
1. Bốn vị tiên tri thế-kỷ-thứ-tám đã hoạt động trong thời kỳ nổi lên của đế quốc khu vực Tigris-Euphrates A-si-ri. Đức Chúa Trời sử dụng một dân tộc tàn bạo để đoán phạt dân sự của Ngài, đặc biệt là Y-sơ-ra-ên.
 - a. Những sự xô xát cụ thể đã hình thành nên những liên minh quân sự phía bên kia sông Giô-đanh được biết đến với tên gọi là “Liên Minh Syro-Ephramatic” (735 T.C). Sy-ri và Y-sơ-ra-ên đã cố cưỡng ép Giu-đa để tham gia với họ để chống lại A-si-ri. Thay vì vậy, A-cha lại gửi thư cho người A-si-ri để nhờ cậy sự giúp đỡ. Và vị vua hùng mạnh với tư tưởng đế quốc người A-si-ri, Tiglath-Pileser III (745- 727 T.C), đã đáp trả lại với sự thách thức quân sự và đã xâm lược Sy-ri.
 - b. Sau đó, Vị vua bù nhìn của người A-si-ri, Ô-sê (732-722 T.C), trong Y-sơ-ra-ên cũng đã nổi loạn, kêu cầu sự giúp đỡ của Ai Cập. Sanh-ma-na-sa V (727-722 T.C) đã xâm lược Y-sơ-ra-ên một lần nữa. Ông chết trước khi Y-sơ-ra-ên bị khuất phục, nhưng người kế vị ông, vua Sa-gôn II (722-705 T.C), đã đánh chiếm kinh đô Sa-ma-ri của Y-sơ-ra-ên vào năm 722 T.C

- A-si-ri đã lưu đày trên 27.000 người Y-sơ-ra-ên trong lần này cũng giống như Tiếc-la-Phi-lê-se đã đem hàng ngàn người đi lưu đày trước đó vào năm 732 T.C
2. Sau cái chết của Vua A-cha (735-715 T.C) một liên minh quân sự đã được hình thành bởi những quốc gia phía bên kia sông Giô-đanh và Ai Cập chống lại A-si-ri (714-711 T.C). Nó được biết với tên gọi là “Cuộc Nổi Loạn Ách-đốt (Ashdod Rebellion).” Nhiều thành phố Giu-đa đã bị phá hủy khi A-si-ri xâm lược một lần nữa. Đầu tiên Vua Ê-xê-chia ủng hộ liên minh quân sự này, nhưng sau đó rút lại sự ủng hộ này.
 3. Tuy nhiên, một lần nữa liên minh này cố gắng lợi dụng cái chết của vị vua A-si-ri hùng mạnh, Sa-gôn II, vào năm 705 T.C, cùng với nhiều cuộc nổi loạn khắp xảy ra trên khắp đế quốc A-si-ri.
 - a. Ê-xê-chia tham dự hoàn toàn vào cuộc nổi loạn này. Bởi sự thách thức đó, Vua San-chê-ríp (705-681 T.C) đã xâm lược (701 T.C) Palestine và đóng quân gần thành Giê-ru-sa-lem (II Các Vua 18-19; Ê-sai 36-39), nhưng quân đội của ông đã bị hủy diệt một cách phi thường bởi Đức Chúa Trời.
 - b. Có những thắc mắc giữa các học giả về việc San-chê-ríp đã xâm lược Palestine bao nhiêu lần (John Bright cho rằng có một cuộc xâm lược vào năm 701 T.C và một lần khác vào năm 688 T.C, trong quyển *The History of Israel*, trang 270).
 - c. Ê-xê-chia đã được buông tha khỏi cuộc xâm chiếm của người A-si-ri, nhưng bởi do ông đã phô bày những của cải của Giu-đa một cách đầy kiêu ngạo cho đoàn sứ giả Ba-by-lôn, Ê-sai đã tiên đoán về sự sụp đổ của Giu-đa vào tay người Ba-by-lôn (39:1-8). Giê-ru-sa-lem đã rơi vào tay Nê-bu-cát-nét-xa vào năm 587-586 T.C
 4. Ê-sai tiên đoán cách cụ thể về sự phục hồi của dân sự của Đức Chúa Trời dưới sự cai trị của vị Vua người Mê-đô-Ba Tư, Si-ru II (41:2-4; 44:28; 45:1; 56:11). Ni-ni-ve (kinh đô của A-si-ri) đã sụp đổ vào năm 612 T.C vào tay người Ba-by-lôn, nhưng thành Ba-by-lôn cũng đã sụp đổ vào năm 539 T.C bởi quân đội của Vua Si-ru. Vào năm 538 T.C Si-ru ban hành một sắc lệnh cho phép tất cả các dân bị lưu đày, bao gồm cả người Do Thái, có thể quay về quê hương. Ông thậm chí còn chu cấp tài chính từ kho tàng của mình để tái xây dựng lại những đền thờ của các quốc gia. Ông là một người mê tín và mong muốn tất cả các vị thần đều yêu thích ông.

VIII. NHỮNG ĐƠN VỊ VĂN HỌC

- A. Dàn Ý Văn Tắt
 1. Những đoạn từ 1-39, vị tiên tri và thời đại của ông
 2. Những đoạn từ 40-66 (và có thể là 40-55 và 56-66), thời kỳ mới
- B. Những đoạn từ 1-39, bối cảnh lịch sử chính là thời đại của Ê-sai (tiền-lưu-đày)
 1. Những đoạn từ 1-6, dưới thời của các Vua Ô-xia và Giô-tham
 2. Những đoạn từ 7-14, dưới thời của Vua A-cha
 3. Những đoạn từ 15-39, dưới thời của Vua Ê-xê-chia (những đoạn 36-39 song hành với II Các Vua 18:13- 20:19)
- C. Những đoạn từ 40-66, thời kỳ lưu đày và hậu lưu đày, cũng là những hình bóng của một vương quốc tương lai
 1. Cũng như những đoạn từ 1-39 phản ánh trong bài giảng của Ê-sai và rõ ràng là những sự trình bày bằng lời nói, những đoạn từ 40-55 phản chiếu một cấu trúc mới. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đã đến và giờ đây sự phục hồi chính là chủ đề chính. Đây cũng chính là sự gợi ý về phong cách rằng những đoạn này không truyền thông bằng lời nhiều như là được viết xuống.
 2. Những đoạn từ 1-39 rõ ràng là hình bóng liên hệ với mối đe dọa A-si-ri và Ba-by-lôn, cụ thể ở những đoạn từ 13-14, 21 và 39. Những đoạn 40-55 liên hệ với thời kỳ Ba Tư và sự phục hồi của dân sự của Đức Chúa Trời được quay trở về với Đất Hứa.
 3. Những đoạn cuối cùng của sách Ê-sai, 56-66, mang tính lai thế học, sử dụng những phép tu từ theo nghĩa bóng lịch sử của khu vực Cận Đông để nói trước về một thế giới độc thần

thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH) trên toàn cầu.

D. Sự khó khăn trở ngại của việc phác thảo dàn ý của sách Ê-sai

1. Hầu hết những học giả hiện đại đều phân chia sách thành ít nhất hai phần chính: những đoạn từ 1-39 và từ đoạn 40-66. R. K. Harrison cho rằng hai phần chính là những đoạn từ 1-33 và từ đoạn 34-66 bởi vì phần trống giữa hai phần trong bản chép DSS. Phần chia rõ ràng trong bản DSS giữa hai đoạn 33 và 34 đã đẩy lên đề nghị rằng sách Ê-sai đã được thực hiện bởi những người theo ông thành hai tập. W. H. Brownlee đã đề nghị rằng hai tập đã phản chiếu lẫn nhau trong cấu trúc của chúng.

	Tập 1	Tập 2
đoạn 1-5	sự đổ nát và phục hồi	đoạn 34-35
đoạn 6-8	những tài liệu về tiểu sử	đoạn 36-40
đoạn 9-12	những sứ giả của những phước hạnh và sự đoán phạt thiên thượng	đoạn 41-45
đoạn 13-23	những lời tuyên án chống lại những cường quốc ngoại bang	đoạn 46-48
đoạn 24-27	sự cứu chuộc toàn cầu và sự giải cứu trên Y-sơ-ra-ên	đoạn 49-55
đoạn 28-31	những bài giảng dành cho dân sự	đoạn 56-59
đoạn 32-33	sự phục hồi dân tộc	đoạn 60-66

2. Một vài nét chính tập chú vào bối cảnh lịch sử, trong khi những điểm khác tập chú vào nội dung về Đấng Mê-si

	NIV	Leupold
đoạn 7-12	“Những lời tiên tri nhân dịp mỗi đe dọa chống lại Giu-đa của A-ram và Y-sơ-ra-ên”	“Quyển sách Em-ma-nu-ên”
đoạn 28-33	“Sáu Lời Khôn Thay: Năm Lời trên kẻ không trung tín trong Y-sơ-ra-ên và Một Lời trên A-si-ri”	“Quyển sách Si-ôn” (Đá Góc Nhà)

3. Một vài ví dụ về những đơn vị văn học không chắc chắn (những đoạn 1-12)

a. Dàn ý của những đoạn 1-12 bởi E. Y. Young, ở trang 211-214

- (1) 1:1-12:6 Những lời tiên tri liên quan đến Giu-đa và Giê-ru-sa-lem
 - (a) 1:1-31 Lời buộc tội nghiêm trọng
 - (b) 2:1-4:6 Sự cai trị và phán xét của Đấng Mê-si trên dân sự
 - (c) 5:1-30 Những sự vi phạm thường xuyên của Giu-đa
 - (d) 6:1-13 Khải tượng từ Đức Chúa Trời của Ê-sai
 - (e) 7:1-12:6 Những lời tiên tri được ứng nghiệm trong thời của vua A-cha

b. Dàn ý những đoạn 1-12 bởi R. K. Harrison, trang 764

- (1) Những lời tiên tri về sự sụp đổ và phục hồi của Giu-đa, đoạn 1-5
- (2) Sự kêu gọi Ê-sai; những tài liệu về tiểu sử, đoạn 6-8
- (3) Những đế quốc thế giới đương thời và chức năng của chúng, đoạn 9-12

c. Dàn ý của những đoạn 1-12 bởi The NIV Study Bible, trang 1016

- (1) đoạn 1-6
 - (a) Phần giới thiệu: những lời cáo buộc chống lại Giu-đa bởi vì sự phá vỡ Giao Ước, đoạn 1
 - (b) Sự kỷ luật và vinh quang trong tương lai của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem, đoạn 2-4
 - i Những phước hạnh trong tương lai của Giê-ru-sa-lem
 - ii Sự kỷ luật của Chúa trên Giu-đa (2:6-4:1)
 - iii Sự phục hồi Si-ôn (4:2-6)
 - (c) Sự phán xét dân tộc và sự lưu đày (đoạn 5)

- (d) Sự ủy thác độc nhất dành cho Ê-sai (đoạn 6)
- (2) đoạn 7-12
 - (a) A-cha bị cảnh báo không được sợ hãi liên minh của người A-ram và Y-sơ-ra-ên (đoạn 7)
 - (b) Con trai của Ê-sai và con trai Vua Đa-vít (8:1-9:7)
 - (c) Sự phán xét chống lại Y-sơ-ra-ên (9:8-10:4)
 - (d) Đế chế A-si-ri và Vương Quốc Đa-vít (10:5-12:6)
 - i Sự hủy diệt của A-si-ri (10:5-34)
 - ii Sự thiết lập Vua Đa-vít và Vương Quốc của ông (đoạn 11)
 - iii Bài ca vui mừng của sự giải cứu (đoạn 12)

IX. NHỮNG LỄ THẬT CHÍNH

- A. Ê-sai giữ chặt Giu-đa với sự trung thành dành cho Giao ước Đa-vít (II Sa-mu-ên 7), nhưng ông cũng quay lại với mục đích nguyên thủy của giao ước Áp-ra-ham (Sáng 12:1-3), vốn chính là sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời để Ngài có thể chọn cả thế giới (Xuất 19:5-6). Thật đáng kinh ngạc về sự tể trị toàn cầu của YHWH phải được thiết lập. Đức Chúa Trời không phục hồi chỉ Y-sơ-ra-ên, nhưng sẽ mở rộng kết hoạch cứu chuộc của Ngài ra toàn thể thế giới!
- B. Ê-sai tiên tri cách cụ thể về những sự vận động giữa những biến cố của thế giới trong thời đại của ông và trong tương lai, dẫn đến sự phục hồi của Vương Quốc Đa-vít thông qua Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời (Mi-chê cũng vậy). Vương quốc này là thánh khiết và toàn cầu (Mi-chê cũng vậy). Cả hai đều là những khía cạnh của một Đấng Thánh độc thần, thánh khiết và cứu chuộc.
- C. Ê-sai chỉ ra một cách rõ ràng về sự hư không, vô ích khi dân sự của Đức Chúa Trời đã đặt sự tin cậy vào những nguồn lực con người, thế gian, hư mất. Sự giải cứu sẽ đến từ chỉ YHWH mà thôi!
- D. Ê-sai bày tỏ ba đặc tính đầy quyền năng của kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời.
 - 1. Đấng Mê-si sẽ đến
 - 2. Đấng Mê-si như là Tôi Tớ Chịu Khổ
 - 3. Sự cai trị toàn vũ trụ của Đấng Mê-si

Ê-SAI 1

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Phán Nghịch của Tuyên Dân của Đức Chúa Trời		Lời Tựa		Tựa đề
1:1-3 (2-3)	1:1 Sự Gian ác của Giu-đa	1:1 Loạt Sám Ngữ Tuyên án Đầu Tiên	1:1 Đức Chúa Trời Quở Trách Dân Sự của Ngài	1:1 Lời Chông Nghịch một Dân Tộc Không Biết Ôn
	1:2-4 (2-3)	1:2-31 (2-3)	1:2-3	1:2-9 (2-9)
1:4 (4)	(4)	(4)	1:4-6	
1:5 (5-6)	1:5-9 (5-6)	(5-6)		
1:7-9 (7-9)	(7-9)	(7-9)	1:7-9	
Đức Chúa Trời Đã Có Đủ				Lời Nghịch Lại Sự Giả Hình
1:10-15 (10-15)	1:10-17 (10-11) (12-15)	(10-17)	1:10-14 1:15-17	1:10-20 (10) (11-17)
1:16-17 (16-17)	(16-17)			
Chúng Ta Hãy Tranh Luận				
1:18-20 (18-20)	1:18-20 (18-20)	(18-20)	1:18-20	(18-20)
Si-ôn Bại Hoại, Sẽ Được Cứu Chuộc	Một Thành Phố Suy Đồi		Thành Phố Tội Lỗi	Bài Ca Thương của Giê-ru-sa-lem
1:21-23 (21-23)	1:21-23 (21-23)	(21-23)	1:21-23	1:21-28 (21) (22-23)
1:24-26 (24-26)	1:24-31 (24-26)	(24-26)	1:24-26	(24) (25) (26)

*Mặc dù không được thân cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chia khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại được chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn theo cách hiểu của họ. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch bao bọc ý tưởng đó theo cách của chính nó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu?

Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thân cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thân cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong phần Phụ Lục Một, Hai và Ba.

1:27-31 (27-31)	(27-31)	(27-31)	1:27-28	(27-28)
				Lời Nghịch Lại Cây Thánh
			1:29-31	1:29-31 (29-31)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)
THEO DŌI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phân giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang viii). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dōi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những lời tiên tri điển hình sử dụng ba định dạng văn học căn bản theo nghĩa bóng để truyền thông thông điệp của chúng.
 1. tình huống phiên tòa (những câu 2,18)
 2. bài hát truy điệu trong đám tang (những câu 24-26)
 3. lời hứa sấm ngữ
- B. Thật đáng ngạc nhiên rằng sự kêu gọi Ê-sai được ghi tại trong đoạn 6. Chỉ có một sự giới thiệu vắn tắt duy nhất trong câu 1. Tuy nhiên, sự giới thiệu vắn tắt này cho biết về thời điểm và độ dài cuộc chức vụ của Ê-sai. Rõ ràng chỉ một vài khái tượng, thơ ca và sự mặc khải đến với Ê-sai được ghi chép lại, cả bởi chính ông sau này trong chức vụ hoặc là bởi những người theo ông sau khi ông qua đời. R. K. Harrison gọi sách này là một tuyển tập.
- C. Đoạn 1 có thể là một sự tóm lược của cả sách. Những chủ đề tương tự được lặp lại xuyên suốt qua những ghi chép của Ê-sai. Nổi bật nhất chính là khái tượng về những tội lỗi của Giu-đa về
 1. sự cố ý vi phạm giao ước
 2. tin cậy vào chủ nghĩa nghi thức và thói hình thức
 3. sự bất công xã hội
 4. sự thờ hình tượng
 Những hậu quả trong Lê-vi Ký 26 và Phục Truyền 28 phải xảy đến để ứng nghiệm nếu Đức Chúa Trời là chân thật theo như lời của Ngài! Những hậu quả của tội lỗi đã được biết là thật cũng như những lời hứa về tình yêu, sự chăm sóc và sự bảo vệ của YHWH. Chúng là hai mặt của một giao

ước! Hãy nhớ mục đích của sự phán xét chính là sự hồi phục của một mối liên hệ mật thiết, giống như Vườn Ê-đen trước Sự Sa Ngã, trước khi hình ảnh giống với Đức Chúa Trời bị tổn hại!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:1-3

¹ Vào thời Ô-xia, Giô-tham, A-cha và Ê-xê-chia, là các vua nước Giu-đa, thì Ê-sai, con trai A-mốt, nhận khải tượng về nước Giu-đa và thành Giê-ru-sa-lem.

² Hỡi các tầng trời hãy nghe, hỡi đất hãy lắng tai!

Vì Đức Giê-hô-va phán rằng:

"Ta đã nuôi nấng con cái, cho chúng lớn khôn,

Nhưng chúng phản loạn cùng Ta.

³ Bò còn biết chủ mình,

Lừa còn biết máng cỏ của chủ;

Nhưng Y-sơ-ra-ên thì không biết,

Dân Ta chẳng hiểu gì."

1:1 “khải tượng” Từ này (BDB 302) được sử dụng trong nghĩa của một “sứ điệp được mặc khải” (29:7; Mi-chê 3:6). Những thuật ngữ “những khải tượng” và “các giấc mơ” song hành với nhau trong 29:7 (Đa-ni-ên 7:1). Thông thường, các giấc mơ xảy ra vào ban đêm và những khải tượng xảy ra vào cả ngày và đêm. Chúng xuất hiện để bày tỏ sự thay đổi tình trạng của sự nhận thức mà qua đó, thông qua những ẩn dụ, thành ngữ, và những đối tượng vật chất, truyền thông một sự mặc khải đặc biệt. Những lễ thật này đến từ thiên thượng, không phải con người. Ê-sai có lẽ đã hệ thống lại những thông điệp, nhưng nội dung thì đến từ Đức Chúa Trời! Thật khó để mô tả một cách máy móc về sự thần cảm, nhưng kết quả là những thông điệp đầy thẩm quyền thiên thượng.

Ở đây, trong văn mạch của câu mở đầu, từ này được sử dụng như là tựa đề cho những thông điệp của Ê-sai (2:1; 13:1; A-mốt 1:1; Mi-chê 1:1; Ha-ba-cúc 1:1).

▣ **“Ê-sai”** Tên này (BDB 447) có nghĩa là “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giải cứu” hoặc “sự giải cứu thuộc về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA” (không có ĐỘNG TỪ). Khi hậu tố “iah” xuất hiện ở cuối một tên tiếng Hê-bơ-rơ, nó hàm ý về hoàng gia và cũng nói lên tên giao ước của Đức Chúa Trời, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xuất 3:14).

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC DANH XUNG CỦA Đấng THÁNH

A. *El*

1. Ý nghĩa nguyên gốc của thuật ngữ cổ mang tính chung loại về Đấng Thánh thì chưa được xác định rõ ràng, mặc dù có nhiều học giả tin rằng nó đến một từ gốc ngôn ngữ Akkadian, “trở nên mạnh mẽ” hoặc “trở nên quyền lực” (Sáng 17:1; Dân Số 23:19; Phục 7:21; Thi 50:1).
2. Trong hệ thống đa thần của người Ca-na-an vị thần tối cao của họ là *El* (các văn bản Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh *El* không thường được ghép với các thuật ngữ khác. Có những sự kết hợp trở thành một cách để bày tỏ về đặc tính Đức Chúa Trời.
 - a. *El-Elyon* (“Đức Chúa Trời tối cao”), Sáng 14:18-22; Phục 32:8; Ê-sai 14:14
 - b. *El-Roi* (“Đức Chúa Trời hay đoán xem” hoặc “Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài”), Sáng 16:13
 - c. *El-Shaddai* (“Đức Chúa Trời toàn năng” hoặc “Đức Chúa Trời đầy sự thương xót” hoặc “Đức Chúa Trời của ngọn núi cao”), Sáng 17:1; 35:11; 43:14; 49:25; Xuất 6:3
 - d. *El-Olam* (“Đức Chúa Trời Hằng-hữu”), Sáng 21:33. Đây là thuật ngữ liên hệ với lời hứa của Đức Chúa Trời với Đa-vít, II Sa 7:13, 16
 - e. *El-Berit* (“Đức Chúa Trời của Sự Giao Ước”) Các Quan Xét 9:46
4. *El* ngang hàng với
 - a. Giê-hô-va trong Thi 85:8; Ê-sai 42:5
 - b. *Elohim* trong Sáng 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha ngươi”

- c. *Shaddai* trong Sáng 49:25
 - d. “ky tà (ghen ty)” trong Xuất 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15
 - e. “thương xót” trong Phục 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục 7:9; 32:4
 - f. “rất lớn và đáng sợ” trong Phục 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
 - g. “thông biết mọi điều” trong I Sa 2:3
 - h. “đồn lũy vững chắc” trong II Sa 22:33
 - i. “báo thù cho tôi” trong II Sa 22:48
 - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
 - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
 - l. “sự cứu rỗi tôi” trong Ê-sai 12:2
 - m. “Đấng vĩ đại và quyền năng (vạn quân)” trong Giê 32:18
 - n. “hay báo trả” trong Giê 51:56
5. Một sự kết hợp của tất cả những danh xưng chính trong Cựu Ước được tìm thấy trong Giô-suê 22:22 (*El, Elohim, Giê-hô-va* , được lặp lại)

B. Elyon

- 1. Thuật ngữ này căn bản có nghĩa là “tối cao,” “được tôn trọng” hoặc “được tôn cao” (Sáng 40:17; I Các vua. 9:8; II Các vua 18:17; Nê. 3:25; Giê 20:2; 36:10; Thi 18:13).
- 2. Nó được sử dụng cho một ý nghĩa song song với một vài tên/ danh xưng khác của Đức Chúa Trời.
 - a. *Elohim* - Thi 47:1-2; 73:11; 107:11
 - b. *Giê-hô-va* - Sáng 14:22; II Sa 22:14
 - c. *El-Shaddai* - Thi 91:1,9
 - d. *El* – Dân số Ký 24:16
 - e. *Elah* – Được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, được nói với *illair* (từ tiếng A-ram cho “Đức Chúa Trời chí cao”) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
- 3. Thường được sử dụng bởi người không phải là người Y-sơ-ra-ên.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân Số Ký 24:15
 - c. Môi-se , nói với các dân tộc trong Phục 32:8
 - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước, được viết cho người ngoại bang, cũng sử dụng từ tương đương trong tiếng Hy Lạp *Hupsistos* (1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ 7:48; 16:17)

C. Elohim (SỐ NHIỀU), Eloah (SỐ ÍT), được sử dụng nguyên thủy trong thơ ca

- 1. Thuật ngữ này không được tìm thấy ở ngoài Cựu Ước.
- 2. Từ này có thể gọi danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Chúa Trời của các dân tộc (Xuất 12:12; 20:3). Gia đình Áp-ra-ham đã là những người đa thần. (Giô-suê 24:2).
- 3. Nó có thể liên hệ đến các quan xét Do Thái (Xuất 21:6; Thi 82:6).
- 4. Thuật ngữ *elohim* cũng được sử dụng cho những thực thể thuộc linh khác (những thiên sứ, ma quỷ) Như trong Phục 32:8 (Bản Bảy Mươi); Thi 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể cũng liên hệ đến những quan xét là con người (Ví dụ: Xuất 21:6; Thi 82:6)
- 5. Trong Kinh Thánh, nó là tên/ danh xưng đầu tiên cho Đấng Thánh (Sáng 1:1). Nó được sử dụng ngoại trừ Sáng 2:4, nơi mà nó được sử dụng kết hợp với Giê-hô-va . Về căn bản, nó liên hệ về thần học với Đức Chúa Trời chính là Đấng sáng tạo, Đấng duy trì và chu cấp cho mọi sự sống trên hành tinh này. (Thi 104).
 Nó ở thể khuyết danh cùng với *El* (Phục 32:15-19). Nó cũng có thể hiện diện song song với Giê-hô-va như trong Thi 14 (*elohim*) thì giống một cách chính xác với Thi 53 (Giê-hô-va), ngoại trừ việc thay đổi những tên của Đấng Thánh.
- 6. Mặc dù ở SỐ NHIỀU và được sử dụng cho các thần khác, thuật ngữ này thường được xác định cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng thường nó ở thể ĐỘNG TỪ SỐ ÍT ĐỂ chỉ rõ lối sử dụng độc thần.
- 7. Thuật ngữ này được tìm thấy ra từ lời của những người không phải là người Y-sơ-ra-ên như là tên của Đấng Thánh.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22

- b. Ba-la-am, Dân 24:2
 - c. Môi-se, khi phán với các dân tộc, Phục 32:8
8. Điều lạ ở đây rằng một tên rất phổ biến của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở SỐ NHIỀU! Mặc dù, không có sự chắc chắn hoàn toàn, nhưng có những giả thuyết sau đây:
- a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều thể SỐ NHIỀU, thường được sử dụng dành cho sự nhấn mạnh. Liên quan chặt chẽ đến điều này chính là chức năng ngữ pháp Hê-bơ-rơ sau này được gọi là “số nhiều của Đấng Vĩ Đại” nơi mà SỐ NHIỀU được sử dụng để nhấn mạnh một khái niệm.
 - b. Điều này cũng có thể nhắc đến một hội đồng thiên sứ, là những thực thể mà Chúa gặp gỡ họ trên thiên đàng và thi hành những mệnh lệnh của Ngài (1 Các Vua. 22:19-23; Gióp 1:6; Thi 82:1; 89:5,7).
 - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải trong Tân Ước về Một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng 1:1 Đức Chúa Trời sáng tạo; Sáng 1:2 Đức Thánh Linh vận hành và trong Tân Ước, Chúa Giê-xu là Đấng thi hành của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; Rô-ma. 11:36; I Cô-rinh-tô. 8:6; Cô-lô-se. 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

D. YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)

1. Danh hiệu này bày tỏ Thần tính như: Đức Chúa Trời lập giao ước, Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi, Đấng cứu chuộc. Con người vi phạm giao ước, nhưng Đức Chúa Trời vẫn trung tín với lời phán, lời hứa, giao ước của Ngài (xem Thi thiên 103).

Tên gọi này lần đầu tiên được đề cập khi kết hợp với *Elohim* trong Sáng thế Ký 2:4. Không có hai sự kiện sáng tạo trong Sáng thế Ký 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh: (1) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo vũ trụ (vật chất) và (2) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo con người. Sáng thế Ký 2:4 bắt đầu sự mặc khải đặc biệt về đặc ân trong địa vị và mục đích của nhân loại, cũng như các vấn đề của tội lỗi và sự nổi loạn liên quan đến địa vị đặc biệt này.

2. Trong Sáng thế Ký 4:26 nói đến việc con người bắt đầu kêu cầu danh của Chúa (YHWH). Tuy nhiên, Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3 ngụ ý rằng dân sự giao ước lúc đầu (các Tổ phụ và gia đình của họ) chỉ biết Đức Chúa Trời như là *El-Shaddai*. Tên YHWH chỉ được giải thích một lần trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, đặc biệt trong câu 14. Tuy nhiên, các tác phẩm của Môi-se thường giải thích ý nghĩa của các chữ bằng các cách dùng chữ phổ biến, chứ không từ từ nguyên (xem Sáng thế Ký 17:5, 27:36, 29:13-35). Đã có một số giả thuyết về ý nghĩa của tên này (lấy từ IDB, quyển 2, trang 409-11).

- a. từ một từ gốc Á Rập, để chỉ tình yêu nồng nhiệt.
- b. từ một từ gốc tiếng Á Rập có nghĩa là thổi (YHWH như là con bão của Đức Chúa Trời)
- c. từ một từ gốc tiếng Ugaritic (của dân Ca-na-an) có nghĩa là nói, nói chuyện.
- d. dựa theo một bia khắc trong tiếng Phê-nê-xi (Phoenician), dạng một ĐỘNG TÍNH TỪ NGUYÊN NHÂN, có nghĩa là Đấng bảo tồn, hay là Đấng thiết lập.
- e. từ chữ Hê-bơ-rơ Qal chỉ một Đấng hiện hữu hay là một Đấng hiện diện tại đây, lúc này (trong tương lai Đấng đó sẽ vẫn hiện hữu)
- f. từ chữ Hê-bơ-rơ Hiphil chỉ Đấng tạo ra mọi hiện hữu (mọi thứ có mặt trong thế giới).
- g. từ nghĩa gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ là sống (ví dụ, Sáng thế Ký 3:20), có nghĩa là Đấng duy nhất có sự sống và sống mãi mãi.
- h. từ bối cảnh của Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, một cách dùng chữ ở dạng CHƯA HOÀN THÀNH được dùng theo nghĩa HOÀN THÀNH, “Ta đã từng là ai, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” hoặc “Ta luôn luôn là Đấng nào, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” (xem *A Survey of Syntax in the Old Testament* của J. Wash Watts, trang 67).

Tên đầy đủ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH) thường được thể hiện bằng chữ viết tắt hoặc dạng nguyên mẫu.

- (1) *Yah* (e.g., Hallelu - yah)
- (2) *Yahu* (tên, ví dụ như, Ê-sai)
- (3) *Yo* (tên, ví dụ như, Giô-ên)

3. Tên giao ước này trở nên rất thánh (tetragrammaton) trong Do Thái giáo sau này đến nỗi người Do Thái không dám nói đến tên đó để không vi phạm mạng lệnh trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7; Phục truyền Luật lệ Ký 5:11; 6:13. Vì vậy họ thay thế bằng những chữ Hê-bơ-rơ khác như sở hữu chủ, người

chủ, chồng, chúa là *adon* hoặc *adonai* (chúa tôi). Khi họ đọc đến chữ YHWH trong Cựu Ước thì họ phát âm chữ Chúa. Đây là lý do tại sao chữ YHWH được viết thành chữ “Lord” trong các bản dịch tiếng Anh.

4. Giống như chữ *El*, chữ YHWH thường được kết hợp với các từ khác để nhấn mạnh một số đặc tính của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Trong khi có thể có nhiều sự kết hợp từ ngữ, sau đây chỉ là một số tượng trưng:
 - a. *YHWH - Yireh* (YHWH sẽ cung cấp), Sáng thế Ký 22:14
 - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH là Đấng chữa lành), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:26
 - c. *YHWH - Nissi* (YHWH là cờ xí của tôi), Xuất Ê-díp-tô Ký 17:15
 - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH là Đấng khiến nên thánh), Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13
 - e. *YHWH - Shalom* (YHWH là Bình An), Các Quan Xét. 06:24
 - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH vạn quân), I Sa-mu-ên 1:3,11; 4:4; 15:2; thường xuất hiện trong các sách Tiên tri)
 - g. *YHWH - Roi* (YHWH là Đấng chăn giữ tôi), Thi thiên 23:1
 - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH là Sự công bình của tôi), Giê-rê-mi 23:6
 - i. *YHWH - Shammah* (YHWH ở nơi đó), Ê-xê-chi-ên 48:35

▣ “**A-môt**” Nhân vật này (BDB 55) được nhắc đến chỉ trong mối liên hệ với Ê-sai. Từ gốc cơ bản có nghĩa là “sức lực,” “mạnh mẽ,” hoặc “sức mạnh.”

▣ “**ông nhìn thấy**” ĐỘNG TỪ này, נָחַם, BDB 302, KB 301, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) có nguồn gốc chung với một từ gốc, “những khái tượng” (נָחַם) và giống như từ “tiên kiến” (נָחַם). Nó được sử dụng lặp đi lặp lại trong Ê-sai (Mi-chê 1:1).

▣ “**Ô-xia**” Truyền thống cho biết Ê-sai có mối liên hệ với Vua Ô-xia (“ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là sức lực của tôi”). Điều này không thể được xác thực, nhưng những bằng chứng chỉ về hướng đó. Vị vua tin kính này chết bởi bệnh phung vào năm 742 T.C. Ông cũng được biết đến trong Kinh Thánh với tên gọi là A-ma-xia (“ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là sự giúp đỡ tôi”).

▣ Để biết về niên đại của những vị vua này về mối liên hệ của họ với các vị vua của Y-sơ-ra-ên, Hãy xem Phụ Lục Bốn.

1:2 “Hỡi các tầng trời hãy nghe, hỡi đất hãy lắng tai” Hai THÊ MỆNH LỆNH này đến từ hai từ gốc khác nhau, nhưng có nghĩa về cơ bản giống nhau.

1. lắng nghe, BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, những câu 10,15,19; 6:8,9 (hai lần),10, v.v...
2. nghe, BDB 24, KB 27, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, 1:2,10; 8:9; 28:23; 32:9; v.v...

Đây là một cách thu hút sự chú ý làm choáng váng dân sự Ngài vào sự đề cập đến sự phản loạn của họ. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã khởi đầu phiên tòa chống nghịch lại với chính dân sự Ngài! Sự mở đầu này tương tự với 1:2, vị tiên tri Giu-đa cùng với Ê-sai.

Phần này sắp đặt bối cảnh cho đoạn 2, vốn cũng là bối cảnh một phiên tòa. Đức Chúa Trời đem dân sự ra trước tòa án. Đây là kỹ thuật văn học phổ biến trong Các Sách Tiên Tri (Mi-chê 6:6-8; Giê-rê-mi 2: từ câu 1; Rô-ma 8: từ câu 31). Đây là trình tự phổ biến trong Cựu Ước của việc cung cấp hai nhân chứng để xác nhận cho một lời làm chứng (Phục Truyền 4:26; 30:19; 31:28; 32:1; Thi 50:4).

“Các tầng trời” (BDB 1029) ở đây chỉ về bầu khí quyển phía trên mặt đất vốn là một phần của thế giới tạo vật nguyên thủy (Sáng Thế Ký 1). Trong văn mạch này nó không chỉ đến “nơi ở của Đức Chúa Trời”

▣ “**Vì Đức Giê-hô-va phán rằng**” Đây là danh xưng giao ước dành cho Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Danh Xưng của Đấng Thánh tại 1:1.

▣ “**Ta đã nuôi nấng con cái, cho chúng lớn khôn**” Ở đây, một lần nữa Đức Chúa Trời được mô tả trong ngôn ngữ nhân hình, những thuật ngữ tương tự như là một bậc cha mẹ yêu thương trong Ô-sê 11:1-4 (cũng hãy chú ý Xuất 4:22; Phục Truyền 32:6; Giê-rê-mi 3:4; 31:9, và xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1). Những sự tương đồng tốt nhất của con người giúp để có thể thấu hiểu đặc tính và những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là (1) cha mẹ; (2) người bạn đời trong hôn nhân; và (3) người Họ hàng chuộc sản nghiệp (kinsman

redeemer).

☐ **“phản loạn”** ĐỘNG TỪ này (BDB 833, KB 981, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) chỉ về một sự phản nghịch cá nhân, trơ tráo, chủ động, và đầy bạo lực (1:28; 43:27; 46:8; 53:12; 59:13; 66:24).

☐ **“Ta”** Tội lỗi trước hết là sự vi phạm nghịch cùng Đức Chúa Trời (Sáng 39:9; II Sam. 12:13; Ps. 41:4; 51:4). Trong quyển *The Distinctive Ideas of the Old Testament*, được viết bởi Norman H. Snaith, cho biết “(các tiên tri) suy nghĩ về nó (tội lỗi) như là một sự phản nghịch hơn là một sự vi phạm” (trang 65). Tội lỗi là một sự bóp méo làm hư hỏng đi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại (Sáng 1:26,27). Đức Chúa Trời mong muốn thế gian biết Ngài! Ngài đã chọn một người (Áp-ram), một gia đình (Gia-cốp), và một dân tộc (Y-sơ-ra-ên) để bày tỏ về chính Ngài cho toàn thể nhân loại (hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3), nhưng Y-sơ-ra-ên đã thất bại trong việc phản chiếu sự thánh khiết và nhân từ thương xót của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Họ nổi loạn chống nghịch lại Ngài với “mắt nhìn trơ tráo.” Bản chất của tội lỗi là “cái tôi,” nhiều hơn nữa cho tôi với bất kỳ giá nào!

1:3 Câu kinh thánh này có thể đã là một thành ngữ văn hóa nổi tiếng. Ngay cả những con vật ngu dốt còn không cần tay của người đã nuôi dưỡng chúng, nhưng Giu-đa đã làm điều đó!

☐ **“Y-sơ-ra-ên thì không biết”** ĐỘNG TỪ “biết” (BDB 393, KB 390, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) không có ý nói đến những sự kiện về một chủ đề, nhưng về sự hiểu biết cá nhân về một ai đó (Sáng 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Y-sơ-ra-ên không biết Đấng sáng tạo, cứu chuộc và bảo vệ họ bởi vì họ đã không lắng nghe (5:12,13; 6:9-13; 30:9).

☐ **“Dân Ta”** Đây là ngôn ngữ giao ước (Ô-sê 1-3,11). Cần phải nhớ rằng trong Cựu Ước, sự tuyên lựa chính là sự chọn lựa khởi xướng nguyên thủy Áp-ra-ham và Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời. Có một trách nhiệm tương xứng theo sau sự lựa chọn khởi xướng của Đức Chúa Trời được biết đến như là giao ước. Điều này liên hệ với trách nhiệm của cả hai phía.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐỊNH KIẾN THUẬN TÚY TIN LÀNH CỦA BOB

Tôi phải thừa nhận với các bạn, những độc giả, rằng tôi đã định kiến ở chủ đề này. Hệ thống thần học của tôi không phải là Thần học Calvin hoặc Thần học Khải Thị theo Giai đoạn Lịch sử (Thuyết Giai đoạn thần thị-Dispensationalism), nhưng là Rao giảng Tin Lành theo Đại Mạng Lệnh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời có một kế hoạch đời đời cho sự cứu chuộc cho toàn thể nhân loại (ví dụ, Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả các tạo vật được tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài (Sáng 1:26-27). Những giao ước đã trở nên một trong Đấng Christ (Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Chúa Giê-xu chính là sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời, sự mâu nhiệm đã từng ẩn giấu nhưng giờ đây được bày tỏ (Ê-phê-sô 2:11-3:13)! Sự định kiến này đã đem lại sắc màu cho tất cả những sự giải nghĩa Kinh thánh của tôi (ví dụ: Giô-na). Tôi đọc xuyên suốt qua cả Kinh Thánh! Chắc chắn nó là một định kiến (mà tất cả mọi nhà giải kinh đều có), nhưng đó là một sự giả định được hình thành-theo-Kinh Thánh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN/ TIỀN ĐỊNH VÀ NHU CẦU CHO MỘT SỰ QUÂN BÌNH THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma

10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời “vâng” của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dây ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý:

1. Sự tiền định và ý chí tự do của con người
2. Sự yên ninh của các thánh đồ và nhu cầu được bảo vệ, che chở
3. Nguyên tội và kỹ tội
4. Tình trạng không tội lỗi (cách hoàn hảo) và phạm tội ít hơn
5. Sự xưng công chính khởi đầu ngay tức thời và sự nên thánh theo tiến trình
6. Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân
7. Sự Siêu Việt (transcendence) và Sự Nội Tại (immanence) của Đức Chúa Trời
8. Đức Chúa Trời Chí Cao không thể Dò Biết và Đức Chúa Trời có thể biết được trong Kinh Thánh
9. Vương Quốc Đức Chúa Trời ở hiện tại và hoàn tất trong tương lai
10. Sự ăn năn như là một món quà từ Đức Chúa Trời và sự ăn năn như là một sự đáp ứng cần thiết theo giao ước của con người
11. Chúa Jesus là thần và Chúa Jesus là con người
12. Chúa Jesus bình đẳng với Cha và Chúa Jesus vâng phục Cha

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

▣ “**chẳng hiểu gì**” ĐỘNG TỪ này (BDB 106, KB 122, *Hithpalel* THỂ HOÀN THÀNH) trong gốc từ này có nghĩa là “lơ là, thờ ơ.” Nan đề không phải là thiếu sự hiểu biết, nhưng là sự không sẵn lòng muốn vâng lời (6:9,10; Phục Truyền 4:6; 32:29). Họ vừa lòng với sự tin kính bên ngoài (nghỉ lễ tôn giáo của Y-sơ-ra-ên), nhưng không có đức tin lâu dài, sự ăn năn và sự tin cậy cá nhân rất cần thiết! Bản chất thực sự của họ được mô tả trong 5:18-23, đặc biệt trong câu 21 (Mi-chê 4:12). Họ là tuyền dân giao ước trên danh nghĩa, nhưng không phải là tuyền dân giao ước trong tâm lòng (Rô-ma 2:28-29; 9:6)!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:4

⁴
**Khôn cho quốc gia tội lỗi,
Dân tộc phạm tội nặng nề,
Dòng dõi làm ác,
Con cái đời bại kia!
Chúng đã lia bỏ Đức Giê-hô-va,
Khinh bĩ Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
Trở nên xa lạ và quay lưng đi.**

1:4 “Khôn thay” THÁN TỪ này (BDB 222) giới thiệu về tuyên bố của sự phán xét (10:5; 17:12; 28:1; 29:15; 31:1; 45:9,10; A-môt 5:18; 6:1).

▣ **“quốc gia tội lỗi”** Từ phổ biến “tội lỗi” (BDB 306, KB 305, *Qal* PHÂN TỪ CHỦ ĐỘNG) có nghĩa là “mất đi sự đánh dấu.” Từ “quốc gia” là *goy* (BDB 156). Từ này thường dùng cho Những Dân Ngoại, nhưng nó cũng có thể chỉ đến Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:5-6). Y-sơ-ra-ên cần phải trở nên một dân tộc thánh (Xuất 19:5-6), nhưng nó đã trở thành một dân tộc tội lỗi. Thật là một sự đảo ngược của những sự kỳ vọng!

▣ **“Dân tộc phạm tội nặng nề”** Từ này “bị bẻ cong” hoặc “nặng nề” (BDB 458) là một sự ẩn dụ để bày tỏ về tội lỗi như là một gánh nặng trên lưng của nhân loại (Ma-thi-ơ 11:28). Tất cả những từ trong tiếng Hê-bơ-rơ dùng cho tội lỗi đều liên hệ với sự cong vẹo hoặc bị bẻ cong (mất đi sự đánh dấu) bởi vì từ Hê-bơ-rơ cho sự công chính được dùng bởi Đức Chúa Trời có nghĩa là một “cây sậy đo lường” hoặc “cây thước đo.”

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.” Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vừa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xưng công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaiousune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thể tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy Lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jê-sus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mỗi tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhân mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cập theo Đức Chúa Trời là Quan án)

- a. Rô-ma 3:26
- b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
- c. II Ti-mô-thê 4:8
- d. Khải huyền 16:5

2. Đức Chúa Jê-sus công bình

- a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mê-si)
- b. Ma-thi-ơ 27:19
- c. I Giăng 2:1, 29; 3:7

3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình

- a. Lê-vi-ký 19:2
- b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)

4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình

- a. Rô-ma 3:21-31
- b. Rô-ma 4
- c. Rô-ma 5:6-11
- d. Ga-la-ti 3:6-14
- e. Được Chúa ban cho
 - i. Rô-ma 3:24; 6:23
 - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
 - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
- f. Nhận bởi đức tin
 - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
 - ii. I Cô-rinh-tô 5:21
- g. Qua công tác của Đức Chúa Con

- i. Rô-ma 5:21-31
- ii. II Cô-rinh-tô 5:21
- iii. Phi-líp 2:6-11

5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình

- a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
- b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
- c. II Cô-rinh-tô 6:14
- d. I Ti-mô-thê 6:11
- e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
- f. I Giăng 3:7
- g. I Phi-e-rơ 2:24

6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình

- a. Công-vụ 17:31
- b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

- 1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
- 2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
- 3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

- 1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
- 2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
- 3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề. Tóm lại:

- Chúng ta phải mời Chúa Jê-sus vào lòng!
- Chúng ta phải tin Phúc Âm !
- Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

☐ “Dòng dõi làm ác,

Con cái đòi bại kia” Câu này có vẻ liên hệ với Xuất 20:5 nơi những lời sống tội lỗi của cha mẹ được truyền thông với con cái.

Chú ý sự song hành.

- 1. quốc gia tội lỗi, câu 4
- 2. phạm tội nặng nề, câu 4
- 3. dòng dõi làm ác, câu 4
- 4. Con cái đòi bại, câu 4

Cũng hãy chú ý những mệnh đề song hành theo sau đó.

- 1. chúng đã lia bỏ (BDB 736, KB 806, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) Đức Giê-hô-va
- 2. họ đã khinh bỉ (BDB 610, KB 658, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
- 3. họ đã quay lưng (BDB 266, KB 267, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) khỏi Ngài

Tất cả đều nói lên những hành động của một tuyến dân giao ước có hiểu biết nhưng phản nghịch (chú ý số

lượng của những bức tranh từ ngữ dành cho tội lỗi). Bởi hành động và sự lựa chọn, họ đã chối bỏ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Những từ gốc trong THỂ HOÀN THÀNH này chỉ rõ một thái độ đã được quyết định chắc chắn!

Những người đã từng là “hạt giống” phước hạnh (BDB 282) của Áp-ra-ham (Sáng 12:7; 13:15,16; 16:10; 22:17,18; 24:7; 26:3,4,24; 28:13,14; 32:12), nhưng họ đã trở thành “hạt giống” của kẻ làm điều ác! Thật là một bị kịch của khái tượng và cơ hội bị phung phí (Lu-ca 12:48)!

☐ **“Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên”** Đây là một danh hiệu ưa thích dành cho Đức Chúa Trời trong Ê-sai (1:4; 5:19; 10:17,20; 12:6; 17:7; 29:19,23; 30:11,12,15; 31:1; 37:23; cũng như trong phần hai của Ê-sai, 40:25; 41:14,16,20; 43:3,14, 15; 45:11; 47:4; 48:17; 49:7; 54:5; 55:5; 60:9,14). Bởi vì Ngài là “thánh,” nên dân sự Ngài cũng phải thánh (Lê-vi-ký 19:2; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16).

Danh hiệu này, trong một nghĩa, mô tả về sự căng thẳng không thể thực hiện được của một dân tộc tội lỗi, hư mất tuân theo một tiêu chuẩn thánh. Giao Ước Môi-se là không thể vâng theo (Công vụ 15; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ). Giao ước cũ là một cách để chỉ ra sự bất khả (bất lực) của con người để tuân theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã ở với họ, giúp đỡ họ, chuẩn bị họ cho câu trả lời của Ngài cho tình trạng sa ngã, hư mất của họ. Ngài đã không hạ thấp tiêu chuẩn của Ngài, nhưng đã cung cấp giải pháp đó qua Đấng Mê-si của Ngài. Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) là một giao ước của đức tin và sự ăn năn, không phải là sự phô diễn của con người, mặc dù nó kết quả nên sự trở nên giống như Đấng Christ (Gia-cơ 2:14-26). Đức Chúa Trời mong muốn một dân phản chiếu đặc tính của Ngài cho các dân tộc (Ma-thi-ơ 5:48).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NÊN THÁNH

Kinh thánh Tân ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí , như vậy sự nên thánh là một lối sống phải chịu mất mát nhiều điều (phải trả giá).

Đáp ứng ban đầu

Công-vụ 20:23; 26:18

Rô-ma 15:16

I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11

II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13

Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12

I Phi-e-rơ 1:1

Tiến trình giống với Đấng Christ

Rô-ma 6:19

II Cô-rinh-tô 7:1

I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23

I Ti-mô-thê 2:15

II Ti-mô-thê 2:21

Hê-bơ-rơ 12:14

I Phi-e-rơ 1:15-16

☐ **“Chúng đã quay đi khỏi Ngài”** Câu này nguyên văn có nghĩa là “quay đi về phía sau lưng” (BDB 30, 44:25). Chúng ta có thể nói, “họ đã cố ý quay lưng về phía Ngài” (câu 2).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 1:5-6

⁵ Sao các ngươi cứ tiếp tục nổi loạn

Để lại bị trừng phạt nữa?

Cả đầu đều bị thương tích,

Lòng dạ đều tan nát.

⁶ Từ bàn chân cho đến đỉnh đầu,

Không chỗ nào lành,

Những thương tích, vết sưng bầm,

Và những vết thương mới,
 Chưa được rịt lại, chưa được băng bó,
 Cũng chưa được xoa dầu cho êm.

1:5 Ở đây dân sự của Đức Chúa Trời được nhân hóa như là một chứng bệnh vật lý của một cá nhân. Đây là một ví dụ tốt của bệnh tật vật lý được sử dụng như là một ẩn dụ dùng cho tội lỗi (53:4-6; Thi 103:3; Ô-sê 5:13). Sự chữa lành vật lý không phải là một phần của lời hứa của sự chuộc tội, nhưng là một sự tha thứ trọn vẹn và đầy đủ là một phần của lời hứa! Tội lỗi và bệnh tật có liên hệ với nhau (Giăng 9:2; Gia-cơ 5:5).

▣ **“Ở đâu”** Các bản Kinh Thánh NKJV, NRSV, TEV, NIV, RSV, và ASV dịch theo cách phù hợp chỗ này là “tại sao” (BDB 752 II), vốn tập chú vào lý do cho việc liên tục phản nghịch.

▣ **“các người cứ tiếp tục nổi loạn”** ĐỘNG TỪ này (BDB 414, KB 418, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ rõ một thái độ lặp đi lặp lại, liên tục của sự nổi loạn chống nghịch lại với ý muốn được bày tỏ cách rõ ràng của Đức Chúa Trời.

▣ **“cả đầu...lòng dạ”** Sự song hành chỉ rõ cả con người (những suy nghĩ, động cơ, và những hành động). Cụm từ thứ hai cũng được tìm thấy trong Giê-rê-mi 8:18 và Ca Thương 1:22, cho thấy nó là một thành ngữ thông dụng.

1:6 **“lành”** DANH TỪ này (BDB 1071) chỉ về “sự toàn vẹn,” “vô tội,” hay “sự chính trực.” Trong văn mạch này nó thực hiện chức năng là một ẩn dụ của

1. một đời sống không có sự công chính (Sáng 20:5,6; Thi 78:72; 101:2)
2. một con người không khỏe mạnh (Thi 38:3)

Phần còn lại của câu 6 mô tả một tiến trình chữa bệnh cổ xưa.

1. ép lại
2. băng bó
3. làm cho êm ái với dầu (dầu là một phương pháp điều trị, Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14)

Một người (hoặc một dân tộc) bị thương tích như không được rửa sạch vết thương cách phù hợp và băng bó không có hy vọng có thể phục hồi (Ô-sê 6:1).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:7-9

⁷ Xứ sở các người bị hoang tàn,
 Thành trì các người bị thiêu hủy;
 Đất đai các người bị ngoại bang thôn tính
 Ngay trước mặt các người,
 Khiến nó hoang tàn khi bị ngoại bang đập đổ.

⁸ Con gái Si-ôn bị bỏ lại
 Như túp lều trong vườn nho,
 Như chòi canh trong ruộng dưa,
 Như thành bị bao vây.

⁹ Nếu Đức Giê-hô-va vạ quân
 Không chừa lại cho chúng ta một ít người sống sót,
 Thì chúng ta đã như thành Sô-đôm
 Và giống như thành Gô-mô-rơ rôi!

1:7 Câu này mô tả về một sự lưu đày, có lẽ cả về cuộc tấn công của người A-si-ri vào năm 701 T.C và cuộc xâm lược Y-sơ-ra-ên vào năm 723T.C hoặc có thể cả cuộc xâm lược Giu-đa bởi người Ba-by-lôn vào năm 586 T.C Hãy nhớ rằng sách Ê-sai, chính là một sự biên soạn của nhiều thông điệp của ông. Bối cảnh lịch sử cụ thể không được nhắc đến. Thông thường, những bài thơ có thể chỉ đến nhiều cuộc xâm lược khác nhau. Chúng có thể được cấu trúc cho một sự mơ hồ cố ý. Nó phản ánh những sự rửa sả trong Phục Truyền 28.

▣

NASB, NKJV “những người lạ”
NRSV “những kẻ lạ mặt”
TEV, NJB “những người ngoại bang”

ĐỘNG TÍNH TỪ này (BDB 266, KB 267, *Qal* PHẢN TỪ CHỦ ĐỘNG, hai lần) chỉ về những người đến từ một gia đình, dân tộc, và quốc gia khác lạ (25:2,5; 29:5; 61:5), thường là một kẻ thù của tuyển dân giao ước. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán xét dân sự Ngài bằng cách sử dụng những kẻ thù ngoại bang vô tín (10:5).

1:8 “Con gái Si-ôn” Cấu trúc chủ đề cha mẹ-con cái bắt đầu từ trong câu 2. Ở đây được tiếp tục trong một sự ẩn dụ được lặp lại trong văn học tiên tri.

1. con gái Si-ôn, Ê-sai 1:8; 10:32; 16:1; 37:22; 52:2; 62:11; Giê-rê-mi 4:31; 6:23; Ca Thương 1:6; 2:1,4,8; 2:18; Mi-chê 4:8,10,13; Sô-phô-ni 3:14; Xa-cha-ri 2:10; 9:9
2. con gái Giê-ru-sa-lem, Ê-sai 37:22
3. con gái Giu-đa, Ca Thương 2:2,5,13,15; Mi-chê 4:8
4. con gái Ty-rơ, Thi 45:12
5. con gái Ba-by-lôn, Thi 137:8; Ê-sai 47:1 (gái đồng trinh); Giê-rê-mi 50:42; 51:33; Xa-cha-ri 2:7
6. con gái dân Ta, Ê-sai 22:4; Giê-rê-mi 4:11; 6:26; 8:11,19,21,22; 9:1,7; Ca Thương 2:11; 3:48; 4:6,10
7. nữ đồng trinh, Ê-sai 23:12; 37:22; Giê-rê-mi 14:17; 46:11; Ca Thương 1:15; 2:13
8. con gái Ai Cập, Giê-rê-mi 46:24
9. con gái Ê-đôm, Ca Thương 4:21,22
10. con gái Ta-rê-si, Ê-sai 23:10
11. con gái người Canh-đê, Ê-sai 47:1,5
12. gái bội nghịch, Giê-rê-mi 31:22

Rõ ràng nó chính là một thành ngữ thô sơ chỉ về những cư dân của một quốc gia, khu vực hoặc thành phố.

▣ **“Nhu chòi canh trong ruộng dưa”** Câu này chỉ về một cấu trúc rất mỏng manh, dễ vỡ (24:20) được dựng lên trong thời gian thu hoạch làm nơi ở của những người canh giữ để bảo vệ vụ mùa khỏi những kẻ trộm cắp. Không có Đức Chúa Trời dân sự Ngài không có sự bảo vệ hoặc hy vọng.

1:9 “Đức Giê-hô-va vạn quân” Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây,

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC GIÊ-HÔ-VA VẠN QUÂN

Danh xưng này, “Đức Giê-hô-va vạn quân (Chúa của muôn loài)” được cấu thành từ

- A. danh xưng giao ước dùng cho Đức Chúa Trời, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những danh xưng dành cho Đấng Thánh tại 1:1
- B. thuật ngữ “vạn quân” (BDB 838) có thể chỉ về
 1. các thiên sứ nói chung (Nê-hê-mi 9:6)
 2. đội quân thiên đàng các thiên sứ (I Sa-mu-ên 17:45; Đa-ni-ên 8:10; Lu-ca 2:13)
 3. hội đồng các thiên sứ (I Các Vua 22:19; Đa-ni-ên 7:10)
 4. quân đội loài người (Dân Số Ký 2:4,6; Các Quan Xét 8:6; 9:29)
 5. những vầng sáng trên bầu trời đêm được cho là những thế lực thuộc linh (Sự thờ phượng chiêm tinh (những vì sao) của người Ba-by-lôn, Phục Truyền 4:19; 17:3; II Các Vua 17:16; 21:3,5; 23:4-5; II Sử Ký 33:3,5; Giê-rê-mi 8:2; 19:13)
 6. Nó trở thành một danh xưng dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong A-môt 4:13; 5:27 (với MẠO TỬ trong A-môt 3:13; 6:14; 9:5 và không với MẠO TỬ trong I Các Vua 5:14,15,16; 6:8; 19:10,14). Nó chỉ về sự chiến đấu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vì quyền lợi của Y-sơ-ra-ên.

Có một sự sử dụng cụ thể của từ này trong Giô-suê 5:14-15, vốn chỉ về Mi-ca-ên, thiên sứ bảo hộ của Y-sơ-ra-ên. Điều này trong một cách nào đó, Thiên Sứ của Đức Giê-hô-va chính là sự đại diện song hành cho Đấng Thánh.

▣ **“chừa lại cho chúng ta một ít người sống sót”** Câu này chỉ về một sự phán xét kinh khiếp của

những cuộc lưu đày của dân sự của Đức Chúa Trời bởi người A-si-ri và/hoặc người Ba-by-lôn khỏi Đất Hứa.

Nó chỉ ra khái niệm về “một dân sót trung tín” của những người tin cậy (10:20-22; 11:11,16; 37:4,31,32; 46:3, hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây), mà Phao-lô chỉ về và mở rộng để bao gồm cả những người ngoại trong Rô-ma 9:19-29! không phải tất cả mọi người đều sẽ được cứu chuộc!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA Ý NGHĨA CỦA “DÂN CÒN SÓT LẠI”

Khái niệm Cựu Ước “dân trung tín còn sót lại” là một chủ đề lặp đi lặp lại trong các sách Tiên tri (chủ yếu là trong các tiên tri thế kỷ thứ tám và Giê-rê-mi). Nó được dùng theo ba ý nghĩa:

1. Những người sống sót sau sự lưu đày (ví dụ, Ê-sai 10:20-23, 17:4-6; 37:31-32; Giê-rê-mi 42:15,19; 44:12,14,28, A-môt 1:8)
2. Những người vẫn còn trung thành với Đức Giê-hô-va (ví dụ, Ê-sai 4:1-5; 11:11,16; 28:5, Giô-ên 2:32, A-môt 5:14-15, Mi-chê 2:12-13; 4:6 -7; 5:7-9; 7:18-20)
3. Những người dự phần trong sự tái tạo và làm mới đời đời (ví dụ, A-môt 9:11-15)

▣ **“Sô-đôm và Gô-mô-ơ”** Đây là sự ám chỉ lịch sử đến sự đoán phạt của Đức Chúa Trời được ghi lại trong Sáng Thế Ký 18-19. Những thành phố Ca-na-an trở nên một thành ngữ cho cả sự tội lỗi và sự đoán phạt tội lỗi của Đức Chúa Trời

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 1:10-15

¹⁰ Hỡi các thủ lĩnh Sô-đôm,

Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va!

Hỡi dân Gô-mô-ơ,

Hãy lắng tai nghe luật pháp của Đức Chúa Trời chúng ta!

¹¹ Đức Giê-hô-va phán:

“Vô số sinh tể của các ngươi chẳng có ý nghĩa gì đối với Ta?

Ta đã chán các tế lễ thiêu bằng chiên đực,

Và mỡ của súc vật mập.

Ta chẳng hài lòng về máu của bò đực,

Hoặc chiên con và dê đực.

¹² Khi các ngươi đến trước mặt Ta,

Ai đòi hỏi điều này từ tay các ngươi,

Để các ngươi giày đạp hành lang Ta?

¹³ Đừng tiếp tục đem tế lễ chay vô ích đến nữa!

Ta ghê tởm trầm hương,

Lễ hội trắng mới, ngày sa-bát và các cuộc nhóm họp khác;

Ta không chịu nổi việc cứ phạm tội rồi lại nhóm họp trọng thể.

¹⁴ Ta chán ghét các lễ hội trắng mới

Và những lễ hội định kỳ của các ngươi.

Các lễ hội ấy trở thành gánh nặng cho Ta,

Ta mệt mỏi mà mang chúng.

¹⁵ Vì thế, khi các ngươi đưa tay lên,

Thì Ta che mắt khỏi các ngươi.

Cho dù các ngươi có cầu nguyện nhiều,

Ta cũng chẳng nghe.

Vì tay các ngươi đầm máu. ”

1:10-15 Sự biện hộ của Y-sơ-ra-ên chống lại những cáo buộc của Đức Chúa Trời trong những câu 2-6 chính là tình trạng tôn giáo của họ!

1:10 “**Hãy nghe...Hãy lắng tai**” Hai THỂ MỆNH LỆNH trong câu 2 được lặp lại.

▣ **“Hỡi các thủ lĩnh Sô-đôm... Hỡi dân Gô-mô-ơ”** Giu-đa thì giống như Sô-đôm và Gô-mô-ơ, cả những lãnh đạo và dân sự đều bại hoại đạo đức. Cụm từ này là một sự nhục nhã đáng kinh ngạc trên tuyến dân giao ước, cũng như của *goy* trong 4.

▣

NASB “sự hướng dẫn”

NKJV “luật pháp”

NRSV, TEV “sự dạy dỗ”

Đây là từ Torah (BDB 435). Hãy chú ý những nghĩa rộng có khả năng. Trong văn mạch này nó có thể chỉ về (1) Kinh Thánh; (2) sự giảng dạy của các tiên tri; hoặc (3) những sự dạy dỗ của các thầy tế lễ. Họ biết rõ ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời, nhưng đã chọn không vâng theo nó.

1:11 “Vô số sinh tế của các người chẳng có ý nghĩa gì đối với Ta?” Cần phải nhớ rằng, đây không phải là một sự công kích vào hệ thống sinh tế, nhưng vào thái độ của những người dâng những sinh tế của họ (29:13; Ô-sê 6:6; A-môt 5:21-27; Mi-chê 6:6-8). Nghi lễ có thể trở nên đầy ý nghĩa nếu như nó được đi kèm với một thái độ đúng đắn đến với Đức Chúa Trời (Thi 50). Hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, ở trang 207-208, 274-275.

▣ **“Ta đã có đủ (chán)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 959, KB 1302, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là sung lên hoặc chán chê.

▣ **“của lễ thiêu”** Cụm từ này chỉ về những của lễ được thiêu hoàn toàn vốn là biểu tượng cho sự hiến dâng hoàn toàn cho Đức Chúa Trời.

▣ **“mỡ của súc vật”** Cụm từ này chỉ về những của lễ mà chỉ một phần của con vật (mỡ của phần nội tạng phía dưới) được dâng lên trên bàn thờ và cả phần còn lại được đưa cho thầy tế lễ hoặc cho người mang sinh tế đến để dùng trong một bữa ăn cộng đồng với gia đình, bạn bè và những người lân cận. Thịt của những con vật lớn không thể bảo quản được và phải ăn một cách nhanh chóng.

▣ **“Ta chẳng hài lòng”** ĐỘNG TỪ này (BDB 342, KB 339, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về sự chấp nhận một của lễ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Thành ngữ thông dụng là “hương thơm dễ chịu” (Sáng 8:21; Xuất 29:18,25). Tuy nhiên, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chối bỏ sự thờ phượng của những người này (những câu 10-15).

1:12 “đến trước mặt Ta” Câu này chỉ về một sự tham dự của một người tại Đền Tạm/ Đền Thờ (Xuất 23:17). Họ đã không đến với mục đích thờ phượng thật, nhưng chỉ vì nghi lễ và nghi thức tế lễ!

1:13 “tế lễ chay vô ích” Từ này (BDB 996) có nghĩa là ““trống rỗng” “vô ích” “hư không” Nó có thể chỉ về

1. sự thờ hình tượng (Giô-na 2:8; Thi 31:6)
2. những của lễ (ở đây)
3. những người xấu xa, tội lỗi (Ê-sai 5:18)
4. sử dụng danh của Đức Chúa Trời (Xuất 20:17; Phục Truyền 5:11; Thi 139:20)
5. những lời dối trá (Ê-sai 59:4)

▣ **“ghê tởm trầm hương”** Từ “hương” (BDB 882) có nghĩa là “những gì bay lên” Vì vậy, nó có thể chỉ về

1. khói của những sinh tế
2. mùi của trầm hương (thường là những hương liệu được đặt ở phía trên của sinh tế) hoặc khói từ hương nơi bàn thờ trước màn bên trong của đền tạm/ đền thờ

Đây là những lời rất nặng! Nó gọi nhắc lại cho tôi về “Những Bài Giảng Đền Thờ” của Giê-rê-mi trong Giê-rê-mi 7. Nghi lễ và nghi thức tế lễ đã thay thế sự ăn năn và đức tin. Họ đã mù lòa và tai điếc (Ê-sai 6:9-10). Họ đã có một hình ảnh tin kính, nhưng đã chối bỏ đức tin thực sự (II Tim. 3:5). Bi kịch rằng họ đã nghĩ rằng họ đứng đắn trước Chúa! Họ nghĩ rằng họ là dân sự của Ngài! Họ đã sai, cũng như rất nhiều nhà hoạt

động tôn giáo, thông thường, năng nổ khác trong mọi thời đại.

Từ “ghê tởm” (“BDB 1072) được sử dụng lần đầu trong Phục Truyền, Châm Ngôn, và Ê-xê-chi-ên. Nó mô tả phản ứng của Đức Chúa Trời đối với nhiều điều.

1. quan hệ tình dục đồng tính luyến ái, Lê-vi-ký 18:22
2. những tội lỗi tình dục khác, Lê-vi-ký 18:26,27,29,30
3. sự thờ hình tượng, Phục Truyền 7:25,26; 12:31; 14:3; 17:4; 27:15; 32:16; II Các Vua 16:3; 23:13; Giê-rê-mi 32:35
4. những con vật sinh tể khiếm khuyết, Phục Truyền 17:1
5. những sự thực hành bí thuật, Phục Truyền 18:9,12
6. sự lẫn lộn giới tính, Phục Truyền 22:5
7. sự mai dâm tôn giáo, Phục Truyền 23:18; I Các Vua 14:24
8. tái hôn sau khi ly dị, Phục Truyền 24:4
9. sự lường gạt thương mại, Phục Truyền 25:16; Châm Ngôn 11:1; 20:10,23
10. người gian tà, Châm Ngôn 3:32; 6:16; 8:7; 11:20; 12:22; 15:26; Giê-rê-mi 7:10
11. của lễ của những người xấu, Châm Ngôn 15:8,9; 21:27
12. kẻ kiêu ngạo, Châm Ngôn 16:5
13. những lãnh đạo kiêu ngạo, Châm Ngôn 16:12
14. những quan án nhận hối lộ, Châm Ngôn 17:15
15. những của lễ trầm hương nghi lễ mà thiếu vắng đời sống đức tin, Ê-sai 1:13

▣ “**Lễ hội trăng mới, ngày sa-bát và các cuộc nhóm họp khác**” Hãy nhớ rằng người Hê-bơ-rơ sử dụng lịch theo mặt trăng. Mỗi ngày Sa-bát rất quan trọng và mỗi kỳ trăng mới (Dân Số Ký 28:11-15; II Các Vua 4:23; Ê-sai 66:23) đều có một sự định hướng tôn giáo cũng như những lễ hội mỗi ba năm được chỉ định theo luật Môi-se (Xuất 23:14-17; 34:18-26; Lê-vi Ký 23; Phục Truyền 16:1-17).

1:14 Cấu trúc tiếng Hê-bơ-rơ bị phá vỡ ở đây bởi vì cảm xúc mãnh liệt được diễn tả bởi Ê-sai thay mặt cho Đức Chúa Trời. Ba ĐÔNG TỪ đầu tiên đều ở THÊ HOÀN THÀNH (hoàn chỉnh).

1:15 “**các người đưa tay lên khi cầu nguyện**” Chú ý rằng “khi cầu nguyện” được in nghiêng, có nghĩa là nó không ở trong văn bản trong tiếng Hê-bơ-rơ. Sự giơ thẳng tay lên (Xuất 9:29,33; I Các Vua 8:38,54; II Sử Ký 6:12) và nhướng mắt lên trời (Giăng 11:41; 17:1) đã là những động tác cơ thể thông dụng của người Do Thái cho sự cầu nguyện. Đức Chúa Trời từ chối nghe (8:17; 54:8; 59:2; Phục Truyền 31:17; Giê-rê-mi 11:11; Ê-xê-chi-ên 8:18) những lời cầu nguyện của những người Giu-đa tội lỗi khi họ cầu bởi vì họ đã đến với Ngài trong khi cầu nguyện cũng giống như họ đã đến với Ngài trong của lễ. Ngược lại, nhiều của lễ không thể đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cũng như nhiều lời cầu nguyện nhiều mà không có một đức tin chân thành và sự ăn năn.

▣ “**tay các người đẫm máu**” Câu này chỉ về sự giết người đầy bạo lực hoặc sự mưu sát kẻ vô tội có tính toán, kế hoạch từ trước.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:16-17

¹⁶” **Hãy rửa cho sạch, hãy thanh tẩy chính mình!**

Hãy loại bỏ những việc ác khỏi mắt Ta;

Đừng làm điều ác nữa.

¹⁷ **Hãy học làm lành,**

Tìm kiếm công lý;

Giúp đỡ người bị áp bức,

Xét xử công minh cho kẻ mồ côi,

Bênh vực lý lẽ người góa bụa. ”

1:16-17 Vị tiên tri bày tỏ tấm lòng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong một chuỗi những mạng lệnh.

1. hãy rửa cho sạch, BDB 934, KB 1220, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. hãy thanh tẩy chính mình, BDB 269, KB 269, *Hithpael* THÊ MỆNH LỆNH

3. hãy loại bỏ những việc ác, BDB 693, KB 747, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
4. đừng làm điều ác nữa, BDB 292, KB 292, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
5. hãy học làm lành, BDB 540, KB 531, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
6. hãy tìm kiếm công lý, BDB 205, KB 233, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
7. quở trách những người nhẫn tâm, BDB 80, KB 97, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH (có lẽ “quở trách những kẻ hà hiếp”)
8. bảo vệ những kẻ mồ côi, BDB 1047, KB 1622, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
9. kêu cầu cho những người góa bụa, BDB 936, KB 1224, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Chú ý rằng ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được bày tỏ trong những thuật ngữ của những hành động công chính của sự thương xót của một người (Ma-thi-ơ 25:31-46). Một người không thể đứng đắn trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời mà ghét bỏ và làm ngơ đối với một người anh em/ chị em giao ước.

Thường có sự bối rối về đức tin theo Kinh Thánh. Nó dựa trên nền tảng đặc tính của Đức Chúa Trời (ân điển, thương xót) hay là trên những hành động của những tín hữu? Và câu trả lời là “đúng”! Một ví dụ tốt của sự nhường nhịn giao ước (luôn luôn được khởi đầu bởi Đức Chúa Trời) chính là sự đối chiếu giữa Ê-xê-chi-ên 18:31 và Ê-xê-chi-ên 36:26-27 (cũng hãy xem Ê-phê-sô 2:8-9,10)!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Bức Tranh Lớn – những cặp mệnh đề nghịch lý Kinh Thánh

1. Ý tưởng này là sự giúp đỡ lớn nhất dành cho cá nhân tôi là người yêu mến và tin cậy vào Kinh Thánh chính là Lời của Đức Chúa Trời. Khi cố gắng nghiên cứu Kinh Thánh cách nghiêm túc, nó là rõ ràng rằng những phần Kinh Thánh khác nhau mặc khái về lẽ thật được lựa chọn, không phải theo cách hệ thống. Một phần Kinh Thánh được thần cảm không thể hủy bỏ hoặc làm giảm giá trị của một phần Kinh Thánh được thần cảm khác! Lẽ thật đến từ việc biết cả Kinh Thánh (tất cả Lời Kinh Thánh, không chỉ một vài phần, đã được mặc khái, II Ti-mô-thê 3:16-17), không phải chỉ trích dẫn một đoạn Kinh Thánh đơn lẻ (cách dò bản văn)!
2. Phần lớn những lẽ thật Kinh Thánh (văn học phương Đông) được trình bày theo các cặp biện chứng hoặc cặp mệnh đề nghịch lý (cần nhớ rằng những tác giả Tân Ước, ngoại trừ Lu-ca, là những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ, viết trong tiếng Hy Lạp phổ thông. Thể loại Văn Học Khôn Ngoan và Văn Học Thơ Ca bày tỏ lẽ thật trong những dòng song hành với nhau. Sự song hành phần đề thực hiện chức năng giống như những nghịch lý. Sự song hành tổng hợp này thực hiện chức năng như những đoạn song hành). Bằng một cách nào đó chúng đều đứng đắn một cách bình đẳng với nhau! Những nghịch lý này vô cùng đau đầu đối với truyền thống thông dụng đơn giản, dễ hiểu của chúng ta!
 - a. Sự tiền định và ý chí tự do của con người
 - b. sự an ninh của những người tin Chúa và nhu cầu được bảo vệ, che chở
 - c. nguyên tội và kỷ tội
 - d. Chúa Jesus chính là Đức Chúa Trời và Chúa Jesus là con người
 - e. Chúa Jesus bình đẳng với Đức Chúa Cha và Chúa Jesus vâng phục Đức Chúa Cha
 - f. Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời và tác quyền của con người
 - g. Sự vô tội (chủ nghĩa hoàn hảo, Rô-ma 6) và phạm tội ít hơn
 - h. sự xưng công chính khởi hoạt ngay lập tức và sự xưng công chính theo tiến trình
 - i. sự xưng công chính bởi đức tin (Rô-ma 4) và sự xưng công chính được ấn chứng bởi việc làm (Gia-cơ 2:14-26)
 - j. Sự tự do của Cơ Đốc Nhân (Rô-ma 14:1-23; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33) và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân (Ga-la-ti 5:16-21; Ê-phê-sô 4:1)
 - k. Sự Siêu Việt của Đức Chúa Trời và sự Nội Tại của Ngài
 - l. Đức Chúa Trời không thể chính yếu không thể hiểu được và có thể hiểu được trong Kinh Thánh và qua Đấng Christ
 - m. Những ẩn dụ của Phao-lô dùng cho sự cứu chuộc:
 - (1) sự nhận làm con nuôi

- (2) sự thánh hóa
- (3) sự xung công bình
- (4) sự cứu chuộc
- (5) sự tôn vinh
- (6) sự tiền định
- (7) sự phục hòa
- n. vương quốc Đức Chúa Trời trong hiện tại và hoàn thiện trong tương lai
- o. sự ăn năn là món quà của Đức Chúa Trời và sự ăn năn là một sự đáp ứng bắt buộc đối với sự cứu rỗi (Mác 1:15; Công Vụ 20:21)
- p. Cự Ước là không đổi và Cự Ước đã qua đi và bị hủy bỏ, trở nên vô hiệu (Ma-thi-ơ 3:17-19 và 5:21-48; Rô-ma 7 và Ga-la-ti 3)
- q. Các tín đồ là những tôi tớ/ nô lệ và là con cái/ con kế nghiệp

1:17

NASB	“quở trách kẻ tàn nhẫn”
NKJV	“quở trách kẻ bóc lột”
NRSV	“giải cứu người bị áp bức”
TEV	“giúp đỡ những người bị áp bức”
NJB	“dạy dỗ kẻ tàn bạo”
LXX	“giải cứu những người đau khổ trước điều dữ”
Peshitta	“hãy làm điều lành cho người bị áp bức”

Bản MT dịch là “sửa cho đúng những kẻ áp bức” (chỉ được tìm thấy ở đây), nhưng ĐÔNG TỪ này có nghĩa là “được kêu gọi để được phước” hoặc “làm cho đúng” (BDB 80, KB 97, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH), vốn không phù hợp với văn mạch này. Có lẽ tốt nhất nên thay những điểm nhấn chữ nguyên âm của bản MT từ “những kẻ áp bức” thành “những người bị áp bức” (*Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ, BDB 330).

▣ “**kẻ mồ côi ... người góa bụa**” Cặp nhân vật này là biểu tượng tất cả những người bị áp bức và bị mất hết thẩm quyền xã hội (Xuất 22:21-22; Phục Truyền 24:17,19,20,21; Gióp 24:3; Thi 68:5; Giê-rê-mi 7:6; Ca Thương 5:3; Ê-xê-chi-ên 22:7; Xa-cha-ri 7:10;Ma-la-chi 3:5). Chúng được dùng cùng với nhau rất nhiều lần trong Phục Truyền như là đối tượng được quan tâm chăm sóc cách cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Phục Truyền 10:18; Thi 10:14,18; 68:5; Giê-rê-mi 49:11).

Tại khu vực Cận Đông Cổ Đại, một viên quan đặc biệt của vua chịu trách nhiệm cho sự công bằng và công lý xã hội!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:18-20

- ¹⁸ Đức Giê-hô-va phán:
 “Bây giờ hãy đến, để chúng ta biện luận với nhau:
 Dù tội các ngươi đỏ như son,
 Sẽ trở nên trắng như tuyết;
 Dù đỏ thắm như vải điều,
 Sẽ trở nên trắng như lông chiên.
¹⁹ Nếu các ngươi sẵn lòng vâng lời,
 Thì sẽ được ăn sản vật tốt lành của đất.
²⁰ Nhưng nếu các ngươi khước từ và nổi loạn,
 Các ngươi sẽ bị hủy diệt bởi gươm;
 Vì miệng Đức Giê-hô-va đã phán.”

1:18-20 “Bây giờ hãy đến, để chúng ta biện luận với nhau” Vị tiên tri đã sử dụng sự ẩn dụ văn học của một “cảnh phiên tòa” (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ly hôn với dân sự Ngài) để truyền thông sứ điệp của trách nhiệm cá nhân và những hậu quả của chúng! Sự tương đồng về phiên tòa tiếp tục.

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã sẵn sàng tha thứ nếu dân sự của Ngài ăn năn và vâng phục! Nếu họ từ chối, những hậu quả của sự không vâng lời sẽ đến (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 28).

Có hai ĐỘNG TỪ mô tả sự mời gọi của Đức Chúa Trời dành cho Giu-đa trong cuộc nói chuyện với Vị Thẩm Phán Thiên Thượng.

1. bây giờ hãy đến (nguyên văn “bước,” “đi”), BDB 229, KB 246, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. hãy biện luận cùng nhau, BDB 406, KB 410, *Niphal* THỂ KHÍCH LỆ, Job 23:7

Chú ý hậu quả nếu như (mệnh đề “nếu như (điều kiện)” đầu tiên, câu 19) họ đáp ứng cách thích đáng (đồng ý và vâng phục, câu 19)

1. những tội lỗi được tha thứ (từ màu hồng điều trở nên trắng như tuyết)
2. những tội lỗi được tha thứ (từ màu đỏ tươi trở nên trắng như lông chiên)
3. ăn những sản vật tốt nhất của đất

Chú ý hậu quả nếu như (mệnh đề điều kiện “nếu như” thứ hai) nếu họ từ chối (BDB 549, KB 540, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) và phản nghịch (BDB 598, KB 632, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH). Họ sẽ bị cắn nuốt (BDB 37, KB 46, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH BỊ ĐỘNG).

Thật hào hứng rằng Đức Chúa Trời Quyền Năng kêu gọi dân sự Ngài đáp ứng cách thích đáng. Đây chính là sự huyền nhiệm của sự tiền định và ý chí tự do. Cả hai đều đúng. Chúng đã hình thành phương hướng nền tảng của mối quan hệ giao ước được khởi xướng bởi Đức Chúa Trời, nhưng còn yêu cầu một sự đáp ứng về phía dân sự của Ngài. Những ảnh hưởng của Sự Sa Ngã có thể bị đảo ngược (ngay cả ở giữa dòng thời gian). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Giao Ước tại 1:19.

▣ **“tội các người đỏ như son”** Hãy nhớ rằng những vật liệu nhuộm trong thế giới cổ đại không thể thay đổi (họ không có thuốc tẩy). Sự tha thứ của Đức Chúa Trời (và sự quên đi) thật kỳ diệu nhưng có thể (Thi 103:11-14; Ê-sai 38:17; 43:25; 44:22; Mi-chê 7:19)! Khi Đức Chúa Trời tha thứ, Ngài quên đi! Ôi chao!

Sắc màu đỏ như là một ẩn dụ cho tội lỗi có thể đến trong cụm từ trước đó “những bàn tay đầy những máu” được đề cập đến trong câu 15.

1:19 Có một sự chơi chữ giữa câu 19, “sự vâng lời sẽ mở cánh cửa của sự dư dật” (nguyên văn “ăn những sản vật tốt nhất của đất”; ĐỘNG TỪ này [BDB 37, KB 46, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH], vốn luôn luôn là ý muốn của Đức Chúa Trời) và ĐỘNG TỪ tương tự trong câu 20 được dịch là “bị cắn nuốt” (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH BỊ ĐỘNG hoặc *Pual* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH), nếu như họ không ăn năn và vâng lời. Có những phước hạnh và trách nhiệm giao ước và chúng liên hệ kết nối với nhau (Lê-vi Ký 26; Phục Truyền 27-29)!

▣ **“Nếu các người sẵn lòng vâng lời”** Hãy nhớ những giao ước trong Cựu Ước có cả điều kiện và không điều kiện. Chúng là không có điều kiện như những lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng chúng cũng có điều kiện trên sự đáp ứng của nhân loại (Lu-ca 6:46; Gia-cơ 2:14-26).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Thuật ngữ Cựu Ước *berith*, giao ước, không dễ để định nghĩa. Không có bất cứ ĐỘNG TỪ phù hợp trong tiếng Hê-bơ-rơ. Mọi cố gắng để tìm nguồn gốc của khái niệm từ nguyên đều được chứng minh là không thuyết phục. Tuy nhiên, tâm điểm hiển nhiên của khái niệm này đã cưỡng ép các nhà học giả phải khảo sát cách sử dụng của từ này để cố gắng xác định ý nghĩa-chức năng của nó. Giao ước là phương tiện mà bởi đó Đức Chúa Trời-chân thật – và - chỉ - một liên hệ với loài người được tạo dựng của Ngài. Khái niệm về giao ước, hiệp ước, hoặc hiệp định là rất quan trọng trong việc hiểu về sự mặc khải Kinh Thánh này. “Sự căng thẳng” (tension) giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí lựa chọn tự do của con người được nhìn thấy một cách rõ ràng trong khái niệm của giao ước. Một vài giao ước được đặt nền tảng bên ngoài đặc tính và hành động của Đức Chúa Trời:

1. Sự Sáng Tạo (Sáng 1-2)
2. sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng 12)
3. giao ước với Áp-ra-ham (Sáng 15)
4. sự gìn giữ và lời hứa dành cho Nô-ê (Sáng 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước yêu cầu một sự đáp ứng

1. bởi đức tin A-đam phải vâng lời Chúa và không được ăn trái của cây ở giữa vườn Ê-đen

2. bởi đức tin Áp-ra-ham phải rời khỏi gia đình mình, bước đi theo Chúa, và tin cậy rằng ông sẽ có những dòng dõi hậu tự trong tương lai
3. bởi đức tin Nô-ê phải dựng một con tàu khổng lồ, cách xa những vùng nước và tập hợp những loài động vật
4. bởi đức tin Môi-se đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và nhận lấy những hướng dẫn về đời sống xã hội và tôn giáo cùng với những lời hứa về các phước hạnh và các sự rửa sả (Phục 27-29)

Cùng một sự căng thẳng (tension) liên quan đến mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời với con người được đề cập trong “giao ước mới.” Sự căng thẳng có thể dễ dàng nhận thấy khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Có phải giao ước dựa trên những hành động ân điển của Đức Chúa Trời hay là nó đòi hỏi sự đáp ứng của con người? Đây chính là vấn đề thiêu đốt của Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới. Mục đích của cả hai là giống nhau: (1) sự phục hồi mối quan hệ đã mất ở trong Sáng 3 và (2) sự thiết lập một dân tộc công bình là những người phản chiếu đặc tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 xử lý tình trạng căng thẳng bằng việc loại bỏ sự thi hành của con người bằng phương tiện của sự chấp nhận đạt được. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở nên một sự khao khát từ bên trong thay vì sự biểu hiện bên ngoài. Mục đích là một dân tộc công bình, tin kính vẫn giống nhau không thay đổi, nhưng phương pháp luận thay đổi. Con người sa ngã đã chứng minh chính mình không thể phù hợp để trở thành hình ảnh phản chiếu của Đức Chúa Trời. Nan đề ở đây không phải là giao ước, nhưng là sự tội lỗi và yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Sự căng thẳng tương tự giữa những giao ước Cựu Ước có điều kiện và không có điều kiện vẫn tiếp tục còn lại ở trong Tân Ước. Sự Cứu Rỗi tất nhiên là miễn phí trong sự hoàn tất công việc của Chúa Giê-xu Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (vừa ban đầu vừa liên tục). Nó vừa là một sự công bố hợp pháp chính thức vừa là sự kêu gọi trở nên giống như Đấng Christ, một sứ điệp biểu thị của sự chấp nhận và một mạng lệnh đến với sự thánh khiết! Các tín đồ không phải được cứu bởi việc làm của họ, nhưng được cứu trong sự vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Đời sống tin kính trở thành bằng chứng của sự cứu chuộc, không phải phương tiện của sự cứu chuộc. Đây là tình trạng căng thẳng có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong sách Hê-bơ-rơ.

1:20 “Vì miệng Đức Giê-hô-va đã phán” Lời của Đức Chúa Trời sẽ đến để ứng nghiệm (Ê-sai 24:3; 25:8; 40:8; 55:10-11; Ma-thi-ơ 5:18; 24:35; Lu-ca 16:17)!

Niềm hy vọng của các tín hữu dựa trên

1. đặc tính không đời đời của Đức Chúa Trời
2. đặc tính thương xót của Đức Chúa Trời
3. sự đáng tin cậy của những lời hứa của Ngài
4. sự chính xác của sự mặc khải của Ngài

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 1:21-23

²¹ **Ôi! Một thành trung nghĩa**

Đã trở nên gái điếm!

Nó vốn đầy công lý,

Và là nơi công chính ngự trị.

Nhưng nay đây những kẻ giết người!

²² **Bạc của người biến thành cặn bã,**

Rượu nho của người bị pha loãng với nước.

²³ **Cấp lãnh đạo của người là những kẻ nổi loạn,**

Liên kết với những kẻ trộm cướp.

Tất cả bọn họ đều thích ăn hôi lộ,

Và chạy theo quà cáp.

Họ không xét xử công minh cho kẻ mồ côi,

Cũng chẳng đếm xỉa gì đến vụ kiện của người góa bụa.

1:21-23 Phần này nói về Giê-ru-sa-lem trong những ngày của Ê-sai, địa điểm đặc biệt nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-

VA khiến danh của Ngài ngự tại đó (Phục Truyền 12:5,11,14). Nó trở nên không chung thủy và không hoàn thành những điều khoản của giao ước (câu 23). Phần này được mô tả bằng nhịp hoặc điệu ai ca Hê-bơ-rơ, vốn là một công cụ tiên tri thông dụng khác (bài ca truy điệu đám tang).

Chú ý những sự vi phạm giao ước của họ.

1. những sự giết người (Xuất 20:13, mưu sát, cố ý lấy đi mạng sống, BDB 953, KB 1283, Giê-rê-mi 7:9; Ô-sê 4:2)
2. những lãnh đạo là những kẻ nổi loạn
3. những lãnh đạo là đồng bọn của kẻ cướp
4. yêu thích của hối lộ (5:23; Xuất 23:6,8; Phục Truyền 16:19; I Sam. 8:3; Thi 26:10; A-môt 5:12; Mi-chê 3:11; 7:3)
5. chạy theo quà cáp
6. không bênh vực những kẻ mờ côi
7. không quan tâm đến những người góa bụa (Xuất 22:21-24; Giê-rê-mi 5:28; 7:6; 22:3; Ê-xê-chi-ên 22:7; Xa-cha-ri 7:10)

Những sự vi phạm Giao Ước Môi-se được tóm tắt lại từ trong Phục Truyền. Chú ý rằng Giu-đa bị định tội về những sự vi phạm giao ước, không phải sự thờ hình tượng trong văn mạch này (trừ khi từ “gái điếm” trong câu 21 ám chỉ đến sự thờ phượng phồn thực (sự sinh sản và sự màu mỡ của đất đai) của Người Ca-na-an).

1:21 “trung nghĩa” Xem Chủ đề đặc biệt: Tin, Tin cậy, Đức tin và sự Thành tín trong Cựu Ước trong 7:4-9.

1:22 Có hai ẩn dụ được sử dụng cho sự đồi bại đạo đức của Giu-đa. Ban đầu họ là trong sạch, nhưng giờ đây họ đã trở nên bại hoại bởi những sự lựa chọn và hành động riêng của chính họ!



NASB “uống”
NKJV, NRSV,
TEV, NJB “rượu”

Đây không phải là từ thường sử dụng cho rượu (Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây). Từ GIỐNG CÁI SỐ ÍT chỉ được dùng duy nhất ở đây. Bởi vì từ gốc liên hệ cùng gốc trong tiếng Akkadian, nó có thể chỉ về bia, loại bia đã bị pha loãng (làm hỏng) với nước.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÁI ĐỘ CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU VÀ SỰ NGHIỆN NGẬP

I. Những thuật ngữ trong Kinh Thánh

A. Trong Cựu Ước

1. *Yayin* – Đây là thuật ngữ chung dành cho rượu (BDB 406), được sử dụng 141 lần. Từ nguyên thì không Xác định được bởi vì nó không phải là một từ có gốc Hê-bơ-rơ. Nó luôn luôn có nghĩa là nước trái cây lên men, thường thì là trái nho. Một vài đoạn Kinh Thánh tiêu biểu là Sáng 9:21; Xuất 29:40; Dân Số Ký 15:5,10.
2. *Tirosh* – Đây là “rượu mới” (BDB 440). Bởi vì điều kiện thời tiết của khu vực Cận Đông, sự lên men bắt đầu càng sớm trong vòng sáu giờ sau khi ép chiết nước trái cây. Thuật ngữ này chỉ về rượu trong quá trình đang lên men. Để xem một số đoạn Kinh Thánh tiêu biểu, hãy xem Phục 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11.
3. *Asis* – Đây rõ ràng là nước giải khát có cồn (“rượu ngọt” BDB 779, ví dụ, Giê-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar* – Đây là thuật ngữ “đồ uống say” (BDB 1016). Từ gốc Hê-bơ-rơ được sử dụng trong từ “say sưa” hoặc “say rượu.” Nó được thêm vào một vài thứ được thêm vào để làm cho nó càng dễ và nhanh say. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm Ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

B. Trong Tân Ước

1. *Oinos* – Từ tương đương trong tiếng Hy Lạp của từ *Yayin*
2. *Neos oinos* (rượu mới) – từ tương đương trong tiếng Hy Lạp của từ *tirosh* (Mác 2:22).

3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt, *asis*) – rượu ở trong những giai đoạn sớm của quá trình lên men (Công Vụ 2:13).

II. Sự sử dụng trong Kinh Thánh

A. Cựu Ước

1. Rượu là một món quà của Đức Chúa Trời (Sáng 27:28; Thi 104:14-15; Truyền Đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-môt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần của tế lễ (Xuất 29:40; Lê-vi Ký 23:13; Dân Số Ký 15:7,10; 28:14; Phục 14:26; Các Quan Xét 9:13).
3. Rượu cũng được sử dụng như là một phương thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm Ngôn 31:6-7).
4. Rượu cũng có thể trở thành một vấn đề thực sự (Nô-ê - Sáng 9:21; Lot - Sáng 19:33,35; Sam-sôn – Các Quan Xét 16:19; Na-banh - I Sa-mu-ên 25:36; U-ri - II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn - II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la - I Các Vua 16:9; Bên-Ha-đát - I Các Vua 20:12; Những quan trưởng - A-môt 6:6; và những người đàn bà trong A-môt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm Ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11,22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người nhất định (Thầy tế lễ đang ở trong chức vụ, Lê-vi Ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; người Na-xi-rê, Dân Số Ký 6; và những Quan Trưởng, Châm Ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu cũng được sử dụng trong văn mạch lai thế học (A-môt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Trong những tài liệu trong thời kỳ Yên Lặng (400 năm giữa Cựu Ước và Tân Ước)

1. Rượu sử dụng với sự tiết chế rất có ích (Huân Ca (Ecclesiasticus) 31:27-30)).
2. Các ra-bi Do Thái nói rằng, “Rượu là sự vĩ đại nhất trong tất cả các phương thuốc, những nơi mà không có rượu, thì ở tại đó phải cần các loại thuốc.” (BB 58b).

C. Trong Tân Ước

1. Chúa Giê-xu đã biến một lượng lớn nước trở thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Giê-xu đã uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; từ câu 22:17).
3. Phi-e-ơ đã bị cáo buộc là say trong “rượu mới” trong Ngày Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 2:13).
4. Rượu cũng được sử dụng như một loại thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Những người lãnh đạo không được lạm dụng (rượu). Điều này không có nghĩa là họ phải kiêng rượu hoàn toàn (I Ti-mô-thê 3:3,8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-ơ 4:3).
6. Rượu cũng được sử dụng trong văn mạch lai thế học (Ma-thi-ơ 22 từ câu 1; Khải Huyền 19:9).
7. Sự say sưa bị lên án (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-ơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Những điểm thần học

A. Sự đối nghịch biện chứng

1. Rượu là một món quà của Đức Chúa Trời.
2. Sự say rượu là một nan đề lớn.
3. Các tín đồ trong một số nền văn hóa phải giới hạn sự tự do của họ vì lợi ích của phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14).

B. Khuynh hướng đi xa khỏi giới hạn được đưa ra

1. Đức Chúa Trời là nguồn của tất cả mọi điều tốt lành.
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những món quà của Đức Chúa Trời bằng việc vượt qua giới hạn được đưa ra bởi Đức Chúa Trời.

C. Sự lạm dụng ở trong chúng ta, chứ không ở trong sự việc mà chúng ta lạm dụng. Không hề có bất kỳ sự xấu xa nào trong thế giới tạo vật vật chất (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do Thái Thế Kỷ Thứ Nhất và Sự Lên Men Rượu

A. Sự lên men rượu bắt đầu từ rất sớm, khoảng 6 tiếng sau khi nho bị ép nước.

B. Truyền thống Do Thái nói rằng khi bọt bắt đầu xuất hiện nhẹ ở trên bề mặt (dấu hiệu của sự lên men), thì nó đã sẵn sàng cho việc đánh thuế phần mười rượu (*Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là

“rượu mới” hoặc “rượu ngọt.”

- C. Quá trình lên men dữ dội đầu tiên sẽ kết thúc sau một tuần.
 - D. Quá lên men thứ hai mất khoảng 40 ngày. Vào giai đoạn này, nó có thể được xem là “rượu lâu ngày” và có thể được dâng lên ở bàn thờ (*Edhuyyoth 6:1*).
 - E. Rượu lắng xuống trên cặn rượu (rượu cũ) cũng được xem là rượu tốt nhưng phải được đem lọc kỹ trước khi sử dụng.
 - F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
 - G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.
- V. Lời kết:
- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Giêsu và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cử rượu.
 - B. Tôi không cổ vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
 - C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
 - D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cử hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Giêsu, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-so-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

1:23

NASB, NKJV,

LXX, Peshitta

“vật thưởng”

NRSV, TEV,

REB

“quà cáp”

NJB

“tặng phẩm”

Từ này (BDB 1024) chỉ được chép ở đây trong cả Cựu Ước. BDB cho rằng nó có nghĩa là “những phần thưởng” hoặc “của hồi lộ” (song hành với của hồi lộ [BDB 1005] ở dòng trên). Từ gốc căn bản có thể liên hệ với (1) *shalom* (BDB 1024), “hòa bình,” “sức khỏe,” “trọn vẹn,” hoặc (2) “vật thưởng” (BDB 1024, 59:18; NIDOTTE, tập 4, trang 143). Tại Giê-ru-sa-lem chỉ có hòa bình dành cho những kẻ xấu, giàu có, những nhóm có thẩm quyền trong xã hội.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 1:24-26

- ²⁴ Vì thế, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân,
Đấng quyền năng của Y-sơ-ra-ên phán:
“Này! Ta sẽ thỏa dạ về sự trừng phạt kẻ đối địch Ta,
Và báo trả những kẻ thù của Ta.
- ²⁵ Ta sẽ ra tay chống lại người;
Luyện cho người sạch hết cặn cặn như luyện kim,
Và loại bỏ mọi tạp chất khỏi người.
- ²⁶ Ta sẽ lập lại các quan xét của người như trước,
Và các cổ vấn như thuở ban đầu.
Sau đó, người sẽ được gọi là thành phố công chính,
Là thành trung nghĩa.”

1:24-26 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán về kế hoạch tương lai của Ngài về việc phục hồi dân sự của Ngài (câu 26) sau sự phán xét trên những kẻ lãnh đạo xấu xa.

1. “Ta sẽ thỏa dạ về những kẻ đối địch Ta,” câu 24, BDB 636, KB 688, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THÊ KHÍCH LỆ

2. “Ta sẽ báo trả những kẻ thù Ta,” câu 24, BDB 667, KB 721, *Niphal* THỂ KHÍCH LỆ
3. “Ta sẽ ra tay chống lại ngươi,” câu 25. BDB 996, KB 1427, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ
4. “(Ta sẽ) luyện cho ngươi sạch hết cái cặn như luyện kim,” câu 25, BDB 864, KB 1057, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ
5. “(Ta sẽ) loại bỏ mọi tạp chất khỏi ngươi,” câu 25, BDB 693, KB 747, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ
6. “Ta sẽ lập lại các quan xét của ngươi,” câu 26, BDB 996, KB 1427 *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ
7. “(Ta sẽ lập lại) cố vấn như thuở ban đầu,” câu 26 (cũng như trong mục #6, một ĐÔNG TỪ, hai TÂN NGŨ; chúng phải liên hệ với thời kỳ của Cuộc Xuất Hành)

Ghi nhớ rằng mục đích của sự phán xét chính là phục hồi (câu 27)!

1:24 Chú ý hai danh xưng Thần tính trong câu 24!

1. Chúa, ĐỨC CHÚA TRỜI vạn quân (*adon*, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Thi 110:1; NIDOTTE, tập 4, ở trang 1297-1298)
2. Đấng Quyền Năng của Y-sơ-ra-ên (Sáng 49:24; Thi 132:2,5; Ê-sai 49:26; 60:16)

1:25-26 “ngươi...của ngươi” Hai câu này sử dụng GIỐNG CÁI SỐ ÍT để chỉ về sự đề cập của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về thành phố không thủy của Giu-đa, Giê-ru-sa-lem, với tất cả những cấu trúc quyền lực về kinh tế, quân sự, tôn giáo.

Cũng như những câu 19 và 20 đã sử dụng cùng ĐÔNG TỪ trong những cách trái ngược nhau, thì cũng vậy, những câu 25 và 26 với

1. Ta sẽ ra tay chống lại ngươi, BDB 996, KB 1427, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ
2. Ta sẽ lập lại (phục hồi lại), BDB 996, KB 1427, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ

Cùng một từ được sử dụng trong câu 27, “những kẻ trở về” (BDB 996, KB 1427, *Qal* PHÂN TỪ CHỦ ĐỘNG) để mô tả về những ai được động chạm đến bởi sự công chính và chính trực của Đức Chúa Trời.

1:26 “Một thành trung nghĩa” Đây có phải là sự đảo ngược trước đó của sự châm biếm trong câu 21? Giê-ru-sa-lem giờ đây không còn là một “một đi điếm,” nhưng là một phụ nữ trung tín, được phục hồi (“thành phố” là GIỐNG CÁI). Cô ta cuối cùng đã trở nên đúng với danh hiệu của mình, trung thành với Đức Chúa Trời, trung thành với Giao Ước, và trung thành lẫn nhau!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 1:27-31

- ²⁷ Si-ôn sẽ được chuộc bởi công lý,
 Và dân trong thành ăn năn sẽ được chuộc bởi sự công chính.
- ²⁸ Nhưng những kẻ phản loạn và có tội sẽ cùng bị đập tan,
 Còn những kẻ bỏ Đức Giê-hô-va sẽ bị diệt vong.
- ²⁹ Vậy các ngươi sẽ hổ thẹn vì cây cối
 Mà mình ưa thích;
 Và xấu hổ vì các khu vườn
 Mà mình đã chọn.
- ³⁰ Vì các ngươi sẽ giống như cây thông khô lá,
 Như vườn không có nước.
- ³¹ Người mạnh sẽ như sợi gai thô,
 Việc làm của nó như tia lửa,
 Cả hai sẽ cùng nhau cháy,
 Chẳng ai dập tắt được.

1:27-28 Hãy chú ý phép tu từ song hành.

1. câu 27, dân sự của thành phố được hồi phục (câu 26 dòng 3 và 4) sẽ được mô tả bởi “công lý” và ‘sự công chính”
2. câu 28, kẻ thù chối ăn năn (quay trở lại) sẽ bị “đập tan” và “bị diệt vong” Vì vậy, có một phép song hành đồng nghĩa ở trong những câu 27 và 28, nhưng tu từ song hành phản đề giữa câu 27 và 28. Có một vài câu hỏi về câu 27. Nó có mô tả về những gì Đức Chúa Trời đang làm và sẽ làm hay là nó

mô tả về tuyển dân trung tín giao ước? Câu trả lời là “có.” Đức Chúa Trời muốn một dân sự công chính để bày tỏ về đặc tính của Ngài cho những quốc gia hư mất. Những giá trị này chính là đối tượng (thờ phượng) (Đức Chúa Trời) và người thờ phượng (các tín đồ).

1:29 Câu này mô tả về sự thờ hình tượng của Giu-đa. Nó có thể chỉ về

1. Sự thờ phượng *Ba-anh, A-sê-ra* tại những chỗ thờ hình tượng địa phương (*A-sê-ra* được biểu tượng bởi một cây còn sống hoặc được chạm khắc, 57:5, vốn cũng mô tả sự hiến tế con trẻ cho *Thần Mô-lóc*)
2. thờ phượng tại các cây thiêng (các vị thần địa phương, 65:3; 66:17)
3. thờ phượng tại các khu vườn thiêng vốn thường liên hệ với những địa điểm bí mật cho sự thờ hình tượng. Trong văn học Cận Đông Cổ Đại, các đền thờ và những khu vườn đặc biệt thường liên quan với nhau.

Cần phải thêm vào rằng có thể đoạn này (những câu 27-31) chỉ đến sự bóc lột và chủ nghĩa vật chất của những tầng lớp giàu có trong xã hội Giu-đa. Những trích dẫn trong câu 29 là sự lựa chọn tài sản (xâm phạm tình yêu đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho những người nghèo, không quyền lực và bị ruồng bỏ) chứ không phải thờ hình tượng (sự vi phạm sự độc nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA).

Hãy đọc phân đoạn này và tự mình quyết định! Và dù cho là gì, họ đã thất bại để phản chiếu đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho các quốc gia!

1:30 “khô héo” ĐỘNG TỪ này (BDB 615, KB 663, *Qal* PHÂN TỪ CHỦ ĐỘNG) được sử dụng theo nghĩa bóng cho sự phù du thoáng qua của sự tồn tại của con người (34:4; 64:6; Thi 90:5-6).

1:31 Lửa thường đi cùng với sự phán xét và tẩy sạch (6:13; Giê-rê-mi 4:4; 7:2; A-môt 5:6).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA

Lửa có cả hai ý nghĩa tích cực và tiêu cực trong Lời Chúa.

A. Tích cực

1. sự ấm áp (Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. ánh sáng (Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)
3. nấu nướng (Xuất 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. làm tinh sạch (Dân Số Ký 31:22-23; Châm Ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. sự thánh khiết (Sáng 15:17; Xuất 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
6. Sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời (Xuất 12:21; Dân Số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
7. Sự ban năng lực của Đức Chúa Trời (Công vụ 2:3)

B. Tiêu cực

1. đốt (Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)
2. hủy diệt (Sáng 19:24; Lê-vi Ký 10:1-2)
3. sự giận dữ (Dân Số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
4. hình phạt (Sáng 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
5. dấu hiệu giả của ngày phán xét (Khải Huyền 13:13)

C. Con giận của Chúa nghịch cùng được diễn tả bằng ngọn lửa ẩn dụ.

1. Con giận của Ngài bùng cháy (Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
2. Ngài đổ ra như lửa (Na-hum 1:6)
3. ngọn lửa đời đời (Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
4. sự phán xét ngày tận thế (Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giăng 15:6; II Tê-sa 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải Huyền 8:7; 13:13; 16:8)

D. Cũng giống như rất nhiều ẩn dụ khác ở trong Kinh Thánh (ví dụ: men, sư tử) ngọn lửa có thể là một phước hạnh hoặc là một sự rửa sạch, phụ thuộc vào bối cảnh mà nó được nhắc đến



NJB “người mạnh mẽ”
LXX, Peshitta “sức mạnh của họ”
REB “cây mạnh nhất”
JB “những người nam ở tình trạng cao lớn”

TÍNH TỪ này (BDB 340) chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây và trong A-môt 2:9, cả hai trong văn mạch liên hệ với những cây cối (những câu 29,30). Có lẽ bản dịch REB là tốt nhất. Nó chỉ về sự thờ hình tượng liên quan đến rừng, cây cối hoặc một khu vườn

▣ “sợi gai thô” Từ này (BDB 654), trong thể ĐỘNG TÍNH TỪ, thường có nghĩa là “bị dờ bỏ” (33:9,15), nhưng với DANH TỪ, được sử dụng chỉ hai lần trong Cựu Ước, chỉ về một sợi dây/ một sợi thừng (sợi lanh) (Các Quan Xét 16:9).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Ê-sai đã phục vụ trong vai trò là tiên tri chính cho Giu-đa trong bao nhiêu năm?
2. Tại sao Đức Chúa Trời lại phán với những từ ngữ theo ngôn ngữ nhân hình như vậy?
3. Có phải Đức Chúa Trời không hài lòng với những sinh tể?
4. Hãy định nghĩa trách nhiệm của một người trong sự cứu chuộc, theo Cựu Ước và Tân Ước.

Ê-SAI 2

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Tê Tri trên Toàn Thể Vũ Trụ của Đức Chúa Trời	Nhà Trong Tương Lai của Đức Chúa Trời	Lời Tựa Thứ Hai	Sự Bình An Đòi Đòi	Sự Bình An Đòi Đòi
2:1	2:1-4	2:1	2:1-5	2:1-5
		Niềm Hy Vọng Mới		
2:2-4		2:2-4		
(2-4)	(2-4)	(2-4)	(2-3)	(2-3)
			(4)	(4)
		Ngày Của Đức Giê-hô-va		
2:5-11	2:5-9	2:5-22		(5)
(5-11)	(5)	(5-22)	Kẻ Kiêu Ngạo Sẽ Bị Hủy Diệt	Sự Sáng Chối Rục Rỡ của Sự Vi Đại Của Đức Giê-hô-va
	(6-9)		2:6-8	2:6-22
				(6-8)
			2:9	(9-10)
	2:10-11		2:10-18	
	(10-11)			
Ngày của Sự Đền Tội Sẽ Đến				(11-16)
2:12-22	2:12-22			
(12-22)	(12-18)			(17)
				(18-19)
	(19)		2:19-21	
	(20-21)			(21)
	(22)		2:22	(22)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần

cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn 2 Bắt đầu với một cụm từ dẫn nhập, như trong 1:1. Có thể rằng những nhà biên soạn hoặc biên tập đã đem những bài giảng/những khái tượng/ những sứ điệp của Ê-sai lại cùng với nhau dựa trên
 1. trình tự thời gian (dưới triều đại của các vua)
 2. chủ đề
 3. những từ được chọn
 4. hệ thống sắp xếp văn học không xác định được
 5. một bản chép được viết xuống của những sứ điệp của Ê-sai. Hãy xem ghi chú trong quyển *The Jewish Study Bible*, trang 787.
- B. Đoạn này là một đoạn tiêu biểu của những sứ điệp của nhà tiên tri.
 1. niềm hy vọng cho tất cả các dân tộc thông qua tuyên dân giao ước của Ngài (những câu 2-4)
 2. sự phán xét dành cho những sự vi phạm giao ước và những kẻ tội lỗi (những câu 5-22)
- C. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn một tuyên dân giao ước công chính, thánh khiết để phản chiếu đặc tính của Ngài cho mọi dân tộc để rồi họ có thể đáp ứng với Ngài bởi đức tin và sự công chính (45:22; 49:6; 60:3; 66:18,23).
- D. Hãy nhớ rằng trong những đơn vị văn học thơ ca này (những khái tượng), đừng cố nhấn mạnh những chi tiết hoặc các từ ngữ đơn lẻ, nhưng hãy nhìn cấu trúc song hành tổng thể chung, những sự chơi chữ, và những bức tranh tương phản! Cả bài thơ có mục đích truyền thông một thông điệp lẽ thật chính! Hãy cẩn thận khi chọn lựa và lấy những chủ đề, những từ ngữ hoặc những lẽ thật mà bạn cảm thấy thoải mái với chúng hoặc những điều phù hợp với hệ thống thần học ưu tiên của bạn. Hãy để Ê-sai lên tiếng!
- E. Bởi vì thông điệp thống nhất về Giê-ru-sa-lem (bị đoán phạt và được phước), những đoạn 2-4 hình thành nên một đơn vị văn học.
- F. Một quyển sách giúp tôi hiểu ngôn ngữ tiên tri và lai thể học chính là quyển, *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic*, IVP, ISBN 0-83-8-2653-X được viết bởi D. Brent Sandy.

DÀN Ý VĂN TẮT

- A. Bài Hát Ngu Ngôn, những câu 1-6
- B. Sự Giải Nghĩa Cách Châm Biếm, câu 7
- C. Sự Phán Xét Mang Tính Chất Hậu Quả từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, những câu 8-30

1. Chuỗi những lời thù nghịch khỗn khổ, những câu 8-23
2. Sự phán xét, những câu 24-30
 - a. tự nhiên, câu 25
 - b. bởi những kẻ xâm lược, những câu 26-30

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 2:1

¹ Đây là điều mà Ê-sai, con trai A-mốt, đã thấy về Giu-đa và Giê-ru-sa-lem:

2:1 không thể xác định được vì sao những sứ điệp của Ê-sai được mô tả như là

1. khái tượng, 1:1; 29:7 (BDB 302, Mi-chê 3:6)
2. ông đã nhìn thấy, 1:1; 2:1; 13:1; 26:11; 33:17; 48:6; 57:8 (Mi-chê 1:1)

Đây chính là sự bí ẩn của sự mặc khải. Nó đến trong nhiều cách khác nhau, đến với nhiều tác giả Kinh Thánh (những khái tượng, giấc mơ, sự hiện khải, lời nói, v.v...). Người ở thời kỳ hiện đại không biết nhiều về mức độ tự do của những tác giả Kinh Thánh (tác giả, người biên tập, biên soạn) để chia cấu trúc và bày tỏ sứ điệp của Đức Chúa Trời. Họ rõ ràng đã sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ cũng như từ ngữ của chính mình. Ngay cả khi không có sự thông hiểu trọn vẹn và đầy đủ cách mà sự mặc khải được vận hành, thì sứ điệp vẫn là quan trọng then chốt! Đó là những sứ điệp của Đức Chúa Trời được ban cho thông qua một nhân vật điều kiện lịch sử, đến với một thời điểm và nhóm người cụ thể, nhưng chúng cũng phù hợp với tất cả mọi người, ở mọi thời đại! Chìa khóa của một sự giải nghĩa phù hợp là ý định của tác giả được thần cảm nguyên thủy phải là yếu tố then chốt cho việc giải nghĩa (một ngữ nghĩa nhưng nhiều ý nghĩa/áp dụng).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 2:2-4

² Trong những ngày cuối cùng,

Núi của đền thờ Đức Giê-hô-va

Sẽ được lập vững trên các đỉnh núi,

Vượt cao hơn các đồi.

Mọi quốc gia sẽ đổ về đó,

³ Nhiều dân tộc sẽ đến và nói rằng:

“Hãy đến, chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va,

Đến đền thờ Đức Chúa Trời của Gia-cóp.

Ngài sẽ dạy chúng ta đường lối Ngài,

Chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài.”

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn,

Và lời Đức Giê-hô-va sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem.

⁴ Ngài sẽ phán xét giữa các quốc gia,

Và phân xử cho nhiều dân tộc.

Bấy giờ, họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày,

Lấy giáo rèn lưỡi liềm.

Nước này không còn vung gươm đánh nước kia,

Họ cũng không còn luyện tập chinh chiến nữa.

2:2-4 Đoạn Kinh Thánh ngắn này tổng hợp lại quan điểm Cựu Ước về địa vị và mục đích của dân sự giao ước (tương tự với Mi-chê 4:1-5). Họ cần phải trở nên sự sáng cho các dân tộc (51:4,5; Lu-ca 24:47)! Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

2:2 “Trong những ngày cuối cùng” Cụm từ này chỉ về một tương lai rộng của những tác giả Kinh Thánh cụ thể (Hãy xem quyển, *The Language and Imagery of the Bible*, đoạn 14, phần “The Language of Eschatology,” ở trang 243- 271) được viết bởi G. B. Caird. Nó đã chỉ ra về một thời điểm của sự ứng nghiệm những mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Vương quốc Đấng Mê-si, Sáng 49:1 (đặc biệt trong 49:10); Dân Số Ký 24:14-25 (đặc biệt trong 24:17); Ê-sai 2:2; Giê-rê-mi 48:47; 49:39; Ê-xê-chi-ên 38:8,16

2. Sự phản nghịch của Y-sơ-ra-ên, Phục Truyền 31:29
3. Y-sơ-ra-ên quay trở về với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong sự ăn năn và đức tin, Phục Truyền 4:30; Ô-sê 3:5; Giê-rê-mi 23:19-22 (đặc biệt trong 23:20)
4. một thời kỳ cuối cùng của sự tấn công dân sự giao ước, Ê-xê-chi-ên 38:16; Đa-ni-ên 2:28; 10:14 (có thể cả Thi Thiên 2)
5. lưu đày, A-môt 4:2

Chỉ có văn mạch mới có thể làm rõ giai đoạn cụ thể nào. Hãy cẩn thận về hệ thống thần học của bạn!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý; tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi đấng Mê-si (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thể học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là “sự mặc khải tiệm tiến.” (progressive revelation). Tân ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

<u>Chúa Jê-sus</u>	<u>Phao-lô</u>	<u>Thư Hê-bơ-rơ</u>
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
Mác 10:30	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
Lu-ca 16:8	Ga-la-ti 1:4	
Lu-ca 18:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
Lu-ca 20:34-35	I Ti-mô-thê 6:17	
	II Ti-mô-thê 4:10	
	Tít 2:12	

Trong thần học Tân ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của đấng Mê-si. Sự nhập thể của Chúa Jê-sus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm đã, nhưng chưa đến!

▣ **“Núi của nhà (đền thờ) Đức Giê-hô-va”** Cụm từ này chỉ về đền thờ nằm tại Ngọn Mô-ri-a tại Giê-ru-sa-lem. Nó là địa điểm của sự thờ phượng trung tâm của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (địa điểm Ngài khiến Danh Ngài ngự tại đó, Phục Truyền 12:5,11,14,18,21,26; 14:25; 15:20; 16:2,6,11,15; 17:8,10; 18:6; 26:2; 31:11).

The NIV Study Bible (ở trang 962-3) bình luận về sự phổ biến biết bao của chủ đề của núi của Đức Giê-hô-va nơi tất cả các dân tộc sẽ đến trong những ngày sau cùng trong sách Ê-sai (11:9; 27:13; 56:7; 57:13; 65:25; 66:20).

Trong ý nghĩa của sự tôn cao của Ngọn núi Si-ôn (Giê-ru-sa-lem, địa điểm của đền thờ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) được mô tả trong truyền thuyết của Người Ca-na-an (NIDOTTE, tập 4, ở trang 1314-1321). Đối với những người Ca-na-an, các vị thần ngự trên Ngọn Zaphon ở cực bắc (Ê-sai 14:13), nhưng Thi 48:2 thay đổi hình ảnh đó trở thành Ngọn Si-ôn. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vượt trội hơn tất cả những vị thần của Người Ca-na-an!

Khái niệm tương tự của đền thờ hoặc một thành phố được dựng nên cũng được tìm thấy trong văn học của người Mê-sô-bô-ta-mi (Theo The Weidner Chronicle, Assyrian inscriptions, Marduk Prophecy). Vì vậy,

khái niệm này không phải là độc nhất đối với Ê-sai.

▣ Chú ý ngôn ngữ theo nghĩa bóng được sử dụng để mô tả địa điểm chính của sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho những hậu tự dòng dõi của Áp-ra-ham.

1. “ngọn chính của các đỉnh núi (được lập vững trên các đỉnh núi),” địa điểm của sự mặc khải thật
2. “vượt cao hơn các đồi,” một biểu tượng của sự vượt trội và loại trừ
3. “mọi quốc gia sẽ đổ về đó,” điều này luôn luôn là mục tiêu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6; Ê-sai 56:6-8! Đây chính là kết quả tự nhiên của tư tưởng độc thần

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VÌ SAO NHỮNG SỰ KIỆN LAI THỂ HỌC LAI QUÁ GÂY TRANH CÃI?

Xuyên suốt qua nhiều năm học của tôi về lai thể học, tôi đã nhận ra rằng phần lớn Cơ Đốc Nhân không có hoặc không muốn biết về một niên đại học về ngày cuối cùng được phát triển, hệ thống đầy đủ. Có một vài Cơ Đốc Nhân là những người tập chú hoặc chọn chuyên đề này vì những lý do thần học, tâm lý học hoặc hệ phái. Những Cơ Đốc Nhân này có vẻ trở nên bị ám ảnh về việc tất cả sẽ kết thúc như thế nào, và vì vậy trong cách nào đó đã mất đi sự thúc đẩy mạnh mẽ của phúc âm! Các tín đồ không thể tác động đến thời điểm của lai thể học (ngày cuối cùng) thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể tham gia vào mạng lệnh phúc âm (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Phần lớn các tín đồ đều xác quyết về Lần Đến Thứ Hai của Đấng Christ và một sự cực độ ngày-cuối-cùng của những lời hứa của Đức Chúa Trời. Những vấn đề giải kinh bắt đầu xuất hiện từ việc chúng ta hiểu như thế nào sự cực độ tạm thời này bắt nguồn từ một vài những nghịch lý theo Kinh thánh.

1. sự giăng co (tension) giữa những khuôn mẫu mang tính tiên tri theo Giao ước Cũ và những khuôn mẫu mang tính sứ đồ theo Giao Ước Mới
2. sự giăng co giữa chủ nghĩa độc thần của Kinh Thánh (Đức Chúa Trời chỉ một cho tất cả) và sự chọn lựa của Y-sơ-ra-ên (một dân tộc đặc biệt)
3. sự giăng co giữa khía cạnh điều kiện của những giao ước kinh thánh và những lời hứa (“nếu...thì”) và sự thành tín không điều kiện của Đức Chúa Trời đối với sự cứu chuộc con người sa ngã.
4. sự giăng co giữa thể loại văn học Cận Đông so với các khuôn mẫu văn học phương tây hiện đại
5. sự giăng co giữa Vương quốc của Đức Chúa Trời ngay trong hiện tại nhưng vẫn còn đến trong tương lai
6. sự giăng co giữa niềm tin về sự trở lại của Đấng Christ sẽ sắp xảy ra và niềm tin rằng nhiều sự kiện sẽ phải xảy ra trước.

SỰ GIĂNG CO THỨ NHẤT (Các phạm trù về chủng tộc, quốc gia và địa lý so với tất cả những người tin Chúa trên khắp thế giới)

Những nhà tiên tri ở trong Cựu Ước tiên tri về một sự phục hồi của một quốc gia Do Thái tại khu vực Palestine với trung tâm tại Giê-ru-sa-lem nơi mà tất cả mọi quốc gia trên thế giới sẽ tập hợp lại để ngợi khen và phụng sự một Đấng cai trị thuộc dòng dõi, nhưng Chúa Giê-xu cũng như những Sứ Đồ trong Tân ước không tập chú vào chương trình này. Có phải Cựu Ước không được thần cảm? (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Hoặc là những tác giả Tân Ước đã bỏ quên mất sự kiện then chốt của thời kỳ sau rốt?

Có một vài nguồn thông tin về thời kỳ kết thúc của thế giới:

1. Các tiên tri trong Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Những tác phẩm khai thị (apocalyptic) Cựu Ước (Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Những tác phẩm không-kinh-điển trong thời kỳ-hai-thế kỷ trước và sau Chúa Giê-xu của các tác giả Do Thái (intertestamental, non-canonical Jewish apocalyptic writers) (ví dụ: I Enoch, vốn là một nguồn gián tiếp trong sách Giu-đe)
4. Chính Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Những tác phẩm của Phao-lô (I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa 4-5; II Tê-sa 2)
6. những tác phẩm của Giảng (I Giảng và Khải Huyền).

Có phải tất cả đều dạy một cách rõ ràng về chương trình của thời kỳ cuối cùng (những sự kiện, niên đại, các nhân vật)? Nếu không, tại sao? Hay là không phải tất cả chúng đều được thần cảm (ngoại trừ các tác phẩm Do Thái trong hai thế kỷ trước và sau Chúa Giê-xu)?

Đức Thánh Linh mặc khải những lẽ thật cho các tác giả Cựu Ước trong các thuật ngữ và phạm trù mà họ

có thể hiểu được. Tuy nhiên, bởi một sự mặc khải theo tiến trình mà Đức Thánh Linh đã mở rộng những khái niệm lai thế học Cựu Ước này trở thành một viễn cảnh toàn cầu (universal scope) (“Sự mầu nhiệm của Đấng Christ,” Ê-phê-sô 2:11-3:13. Hãy xem Chủ đề Đặc biệt tại 10:6). Ở đây có một vài ví dụ thích hợp:

1. Thành Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được sử dụng như là một phép ẩn dụ thay cho dân sự của Đức Chúa Trời (Si-ôn), nhưng chiếu vào trong Tân Ước trở thành một thuật ngữ bày tỏ về sự chấp nhận tất cả những ai ăn năn tin nhận (Giê-ru-sa-lem mới trong Khải Huyền 21-22). Sự mở rộng thần học của một thành phố vật chất, thực sự đã trở thành một dân mới của Đức Chúa Trời (những người Do Thái và người ngoại tin nhận) là một sự báo hiệu trước trong lời hứa cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho con người sa ngã trong Sáng 3:15, từ trước rất lâu bất cứ người Do Thái hoặc thành phố Do Thái nào xuất hiện. Ngay cả sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng 12:1-3) cũng bao gồm cả Dân ngoại (Gentiles) (Sáng 12:3; Xuất 19:5).
2. Trong Cựu Ước, những kẻ thù của dân Chúa là những đất nước lân cận tại khu vực Cận Đông Cổ Đại, nhưng ở trong Tân Ước, chúng được mở rộng thành tất cả những người không tin, chống nghịch-Đức Chúa Trời, những người bị linh cảm điều khiển bởi Satan. Cuộc chiến đã di chuyển từ một sự xung đột khu vực, địa lý trở thành xung đột toàn cầu, toàn vũ trụ (Cô-lô-se).
3. Đất hứa vốn là một bộ phận nhỏ trong Cựu Ước (những lời hứa dành cho các Tộc phụ trong Sáng Thế Ký, Sáng 12:7; 13:15; 15:7,15; 17:8) đã trở thành toàn thể trái đất. Giê-ru-sa-lem mới hạ xuống trở thành trái đất được dựng mới, không chỉ hoặc ngoại trừ khu vực Cận Đông (Khải Huyền 21-22).
4. Một vài những ví dụ khác ở trong các khái niệm mang tính tiên tri trong Cựu Ước được mở rộng là:
 - a. dòng dõi Áp-ra-ham nay trở thành những người cắt bì theo nghĩa thuộc linh (Rô-ma 2:28-29)
 - b. dân giao ước nay bao gồm cả Dân Ngoại (Ô-sê 1:10; 2:23, được trích trong Rô-ma 9:24-26; và cả Lê-vi Ký 26:12; Xuất 29:45, được trích trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất 19:5; Phục 14:2, được trích trong Tít 2:14)
 - c. đền thờ nay là Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Giăng 2:19-21) và qua Ngài là hội thánh địa phương (I Cô-rinh-tô 3:16) hoặc mỗi cá nhân tín hữu (I Cô-rinh-tô 6:19)
 - d. ngay cả Y-sơ-ra-ên và những cụm từ Cựu Ước có tính chất mô tả của nó bây giờ chỉ về toàn thể dân Chúa (ví dụ, “Y-sơ-ra-ên” trong Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16, hoặc “vương quốc thầy tế lễ” trong I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải Huyền 1:6).

Khuôn mẫu tiên tri đã được ứng nghiệm và được mở rộng và nay trở thành toàn bộ. Chúa Giê-xu và các tác giả Sứ Đồ không trình bày về Ngày-sau-rốt theo cùng một cách như những tiên tri Cựu Ước (theo cuốn *Tương lai của Vương Quốc trong những Lời Tiên Tri và Sự Ứng Nghiệm (The Future of The Kingdom in Prophecy and Fulfillment)* được viết bởi Martin Wyngaarden. Những nhà giải kinh hiện đại cố gắng ép những khuôn mẫu Cựu Ước đi theo nghĩa đen hoặc xoay chuẩn của sách Khải Huyền trở một sách theo kiểu Do Thái và cưỡng ép nghĩa những cụm từ của Phao-lô và Chúa Giê-xu trở nên vụn vặt và khó hiểu! Những tác giả Tân Ước không phủ nhận những tiên tri Cựu Ước nhưng bày tỏ những ảnh hưởng cuối cùng mang tính toàn cầu trong tương lai. Do đó, không có bất cứ một hệ thống lai thế học nào trật tự và lô-gic theo Chúa Giê-xu hoặc Phao-lô. Mục đích ưu tiên của họ là sự cứu chuộc hoặc chặn bầy.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước cũng có những sự giằng co. KHÔNG có một hệ thống rõ ràng của những sự kiện lai thế học. Trong nhiều cách khác nhau, Khải Huyền sử dụng những ẩn dụ (allusion) Cựu Ước một cách đáng kinh ngạc để diễn đạt về ngày cuối cùng trong những dạy dỗ của Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mác 13)! Nó theo khuôn mẫu (thể loại) văn học được khởi đầu bởi Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri, nhưng sau đó phát triển trong thời kỳ hai-thế-kỷ trước và sau Chúa Giê-xu (intertestamental period) (Văn học Khải thị Do Thái (Jewish apocalyptic literature)). Điều này có thể luôn ở trong cách mà Giăng liên hệ với những Giao Ước Cựu và Tân Ước. Nó bày tỏ khuôn mẫu của sự phản nghịch của con người và sự kết ước cứu chuộc của Đức Chúa Trời; Nhưng cũng cần ghi chú rằng mặc dù Khải Huyền sử dụng ngôn ngữ, những nhân vật và những sự kiện Cựu Ước nhưng nó giải nghĩa lại chúng trong ánh sáng của thế kỷ thứ nhất Rô-ma (Khải Huyền 1:7).

SỰ GIẰNG CO THỨ HAI (tư tưởng độc thần và một tuyến dân được lựa chọn)

Sự nhấn mạnh theo kinh thánh của một Đức Chúa Trời thân vị, thuộc linh, sáng tạo và giải cứu (Xuất 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự độc nhất của Cựu Ước trong thời kỳ của sách chính là tính độc thần của nó. Mọi quốc gia xung quanh đều là những nước đa thần giáo. Sự duy nhất của Đức Chúa Trời chính là tâm điểm của sự mặc khải Cựu Ước (Phục 6:4). Sự Sáng Tạo là một giai đoạn của mục

đích của mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người, được tạo dựng trong hình và ảnh tượng của Ngài (Sáng1:26-27). Tuy nhiên, nhân loại chống nghịch, phạm tội nghịch lại tình yêu thương, sự dẫn dắt và mục đích của Đức Chúa Trời (Sáng 3). Tình yêu và mục đích của Đức Chúa Trời đã mạnh mẽ và chắc chắn đến nỗi Ngài đã hứa sẽ cứu chuộc nhân loại sa ngã (Sáng 3:15)!

Sự căng thẳng nổi lên khi Chúa chọn để sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để vươn đến phần còn lại của nhân loại. Sự lựa chọn Áp-ra-ham và người Do Thái như là một vương quốc của (những) thầy tế lễ (Xuất 19:4-6) đã gây nên sự kiêu ngạo thay vì sự phụng sự, aused pride instead of service, sự loại trừ thay vì sự bao gồm. Sự kêu gọi Áp-ra-ham của Đức Chúa Trời đã bao gồm sự phước hạnh đã được định trước cho cả nhân loại (Sáng 12:3). Cần nhớ rõ và nhấn mạnh rằng sự lựa chọn Cựu Ước là một sự phụng sự, không phải là sự cứu rỗi. Cả Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ làm đúng trước Chúa, chưa bao giờ được cứu chuộc đời đời chỉ bởi dựa trên quyền thừa kế của họ (Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng bởi đức tin và sự vâng lời cá nhân mà thôi (Sáng 15:6, được trích lại trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên mất đi sứ mạng của mình (hội thánh giờ đây là vương quốc (của những) thầy tế lễ - 1:6; II Phi-e-rơ 2:5,9), biến sự nhiệm vụ thành đặc ân, sự phụng vụ trở thành một chỗ đứng đặc biệt! Đức Chúa Trời chọn một trở thành chọn tất cả!

SỰ GIẢNG CO THỨ BA (những giao ước điều kiện và những giao ước không điều kiện)

Có một sự giảng co thân học hoặc một nghịch lý giữa những giao ước có điều kiện và (những giao ước) không điều kiện. Chắc chắn rằng mục đích/ kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời là không có điều kiện (Sáng 15:12-21). Tuy nhiên, sự đáp ứng của con người được ủy nhiệm thì luôn luôn có điều kiện!

Khuôn mẫu “nếu...thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín còn nhân loại thì bất tín. Sự căng thẳng này đã gây ra rất nhiều sự bối rối. Những nhà giải kinh thường có khuynh hướng tập chú vào chỉ một “sừng của song đê” sự thành tín của Đức Chúa Trời hoặc sự nỗ lực của con người, sự toàn năng của Đức Chúa Trời hoặc ý chí tự do lựa chọn của con người. Nhưng cả hai đều theo nguyên tắc Kinh Thánh và cần thiết.

Điều này liên hệ với lai thế học, với những lời hứa Cựu Ước của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên. Nếu Đức Chúa Trời đã hứa, thì điều đó giải quyết vấn đề! Chúa luôn ràng buộc với những lời hứa của Ngài; danh tiếng của Ngài liên hệ với chúng (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Những giao ước có điều kiện gặp nhau ở Đấng Christ (Ê-sai 53), không phải Y-sơ-ra-ên! Sự thành tín cuối cùng của Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc dành cho tất cả những người ăn năn và tin nhận, không phải phụ thuộc vào những ai là cha hoặc mẹ của bạn! Đấng Christ, không phải Y-sơ-ra-ên, là chìa khóa cho tất cả những giao ước và lời hứa của Đức Chúa Trời. Nếu ở đây có một khoảng trống cần được lấp đầy trong Kinh Thánh, thì đó không phải là Hội Thánh, mà là Y-sơ-ra-ên (Công vụ 7 và Ga-la-ti 3).

Sứ mệnh toàn cầu phúc âm cần được công bố đã được chuyển giao cho Hội Thánh (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nó vẫn là một giao ước có điều kiện! Điều này không phải để ngụ ý chỉ rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn chối bỏ người Do Thái (Rô-ma 9-11). Có thể có một chỗ hoặc mục đích dành cho những ngày sau cuối, một Y-sơ-ra-ên tin kính (Xa-cha-ri 12:10).

SỰ GIẢNG CO THỨ TƯ (văn học Cận Đông và những khuôn mẫu phương tây).

Thể loại (văn học) là một yếu tố then chốt trong việc giải nghĩa Kinh Thánh. Hội thánh phát triển trong một bối cảnh văn hóa phương tây (Hy Lạp). Văn học phương đông thì mang tính hình bóng, ẩn dụ và biểu tượng hơn là những khuôn mẫu văn học theo văn hóa hiện đại phương tây. Nó tập chú vào con người, những cuộc đấu tranh, và những sự kiện nhiều hơn là những lẽ thật được khẳng định một cách cô đọng, súc tích. Các Cơ Đốc Nhân đã có những dấn vật trong việc sử dụng những khuôn mẫu văn học và lịch sử của chính họ để giải nghĩa những lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu Ước và Tân Ước). Mỗi thể hệ và thực thể địa lý đã sử dụng chính văn hóa, lịch sử và y theo nghĩa đen của chính họ để giải thích Khải Huyền. Tất cả họ đều đã sai! Nó là sự kiêu ngạo khi nghĩ rằng khuôn mẫu văn hóa phương tây là sự tập chú trong những lời tiên tri Kinh Thánh!

Thể loại (văn học) mà vốn trong đó, tác giả-được thần cảm-nguyên thủy đã chọn để viết chính là một thể loại- văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là một sách tường thuật lịch sử. Nó là một sự kết hợp giữa thư tín (chapters 1-3), tiên tri, và chính là thể loại văn học khai thị. Thật sai lầm khi bắt Kinh Thánh nói lên nhiều hơn những gì được dự định bởi tác giả nguyên thủy hoặc khi bắt Kinh Thánh nói ít hơn những gì ông (tác giả nguyên thủy) dự định! Sự kiêu ngạo và chủ nghĩa giáo điều của những người giải kinh lại càng không phù hợp hơn đối với một sách như Khải Huyền.

Hội Thánh vốn chưa bao giờ đồng ý với một sự giải nghĩa - thích đáng về Khải Huyền. Sự quan tâm của

tôi chính là lắng nghe và tương tác với cả Kinh Thánh, không phải chỉ một số phần được lựa chọn mà thôi. Tư duy phương đông của Kinh Thánh bày tỏ lẽ thật theo những “cặp-đầy sự căng thẳng (tension-filled pairs)”. Khuynh hướng phương tây đối với những lẽ thật được đề xuất thì không phù hợp nhưng không lại mất cân xứng! Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất một vài bề tắc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách ghi nhận sự thay đổi mục đích đến với thể hệ những tín đồ kế tiếp. Hiển nhiên đối với phần lớn các nhà giải kinh, Khải Huyền cần được giải nghĩa trong ánh sáng của chính thời đại và thể loại nó được viết ra. Một sự tiếp cận lịch sử với Khải Huyền cần được xử lý với những gì mà những độc giả- nguyên thủy có lẽ và có thể hiểu. Trong nhiều cách, những nhà giải kinh hiện đại đã đánh mất đi ý nghĩa của nhiều biểu tượng (symbol) của sách. Sự đột phá khởi đầu chính của Khải Huyền là để khích lệ những tín đồ bị bắt bớ. Nó bày tỏ sự tể trị của Đức Chúa Trời trên lịch sử (như những gì đã xảy ra trong những sự mặc khải tiên tri Cựu Ước); nó khẳng định rằng lịch sử đang tiến đến một điểm cuối cùng đã được ấn định, sự phán xét hay phước hạnh (cũng như những sự mặc khải tiên tri trong Cựu Ước). Nó khẳng định tình yêu thương, sự hiện diện, quyền năng, và toàn năng của Đức Chúa Trời trong những thuật ngữ Khải thị Do Thái trong thế kỷ thứ nhất.

Nó hoạt động trong cùng những phương hướng thần học đến với mọi thể hệ những người tin Chúa. Nó mô tả sự mâu thuẫn mang tính toàn vũ trụ giữa cái ác và điều thiện. Những chi tiết từ thế kỷ thứ nhất có thể đã bị mất đi nhiều trong thời đại chúng ta, nhưng không hề mất đi những lẽ thật đầy sự yên ủi và quyền năng. Khi những nhà thần học hiện đại phương tây cố gắng ép buộc những chi tiết của Khải Huyền vào trong thời đại lịch sử đương thời của họ, khuôn mẫu của những sự giải nghĩa sai trật lại tiếp tục!

Khá chắc chắn rằng những chi tiết của sách có thể trở nên rất thu hút theo nghĩa đen một lần nữa (cũng giống như những gì đã xảy ra đối với Cựu Ước trong mối liên hệ với sự sinh ra, cuộc đời, và sự chết của Đấng Christ) cho thể hệ sau cùng của những người tin Chúa khi họ đối diện với sự tấn công dữ dội của kẻ cầm đầu chống nghịch Đức Chúa Trời (II Tê-sa 2) và cho nền văn hóa. Không ai có thể biết được những sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của Khải Huyền cho đến khi những lời của Chúa Giê-xu (trong Ma-thi-ơ 24; Mác 13; and Lu-ca 21) và Phao-lô (I Cô-rinh-tô 15; I Tê-sa 4-5; and II Tê-sa 2) cũng trở thành những bằng chứng lịch sử. Những sự ước chừng, suy đoán, và chủ nghĩa giáo điều đều là không phù hợp. Văn học Khải Thị cho phép sự mềm dẻo này. Cám ơn Chúa bởi vì những hình ảnh và biểu tượng này vượt quá sự tường thuật lịch sử! Chúa vẫn đang kiểm soát mọi sự; Ngài tể trị; Ngài sẽ đến!

Hầu hết những nhà giải kinh hiện đại đã lỡ mất tâm điểm của thể loại văn học này! Những nhà giải kinh phương tây hiện đại lại thường tìm kiếm một hệ thống thần học rõ ràng, hợp lý hơn là công bằng với một thể loại văn học Khải Thị Do Thái mơ hồ, mang tính biểu tượng và đầy kịch tính. Sự thật này được trình bày rất tốt bởi văn học Khải Thị Do Thái mơ hồ, mang tính biểu tượng và đầy kịch tính. Sự thật này được trình bày rất tốt bởi Ralph P. Martin trong bài luận của ông “Tiếp cận với Chú Giải Tân Ước (Approaches to New Testament Exegesis)” trong quyển *Giải nghĩa Tân Ước (New Testament Interpretation)*, được biên tập bởi I. Howard Marshall:

“Trừ khi chúng ta nhận ra sự chất lượng đầy mạnh mẽ của tác phẩm này và tái hiện lại cách mà ngôn ngữ được sử dụng phụ là một phương tiện để chuyển tải lẽ thật tâm linh, chúng ta đã phạm sai lầm một cách đau đớn trong cách chúng ta hiểu về tác phẩm Khải Thị, và cố gắng một cách sai trật để diễn dịch những khả tượng của nó giống như thể nó là một quyển sách văn xuôi theo nghĩa đen và chỉ quan tâm đến việc mô tả những sự kiện thực nghiệm và dữ liệu lịch sử mà thôi. Cố đạt được điều này chính là rơi vào mọi loại nan đề của việc giải nghĩa. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến sự bóp méo ý nghĩa cốt yếu của văn học Khải Thị và do vậy lỡ mất giá trị vĩ đại của bộ phận này trong Tân Ước như là một sự khẳng định sống động trong ngôn ngữ kỳ bí về sự toàn năng của Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ và nghịch lý về sự cai trị của Ngài vốn trộn lẫn giữa sức mạnh và tình yêu thương (5:5,6; Sự Tử cũng chính là Chiên Con)” (trang 235).

W. Randolph Tate trong sách *Giải Nghĩa Kinh Thánh (Biblical Interpretations)* của ông cho biết:

“Không có bất cứ thể loại văn học nào của Kinh Thánh được đọc với đầy lòng nhiệt thành với những kết quả đầy muộn phiền như văn học Khải thị, đặc biệt là sách Đa-ni-ên và Khải Huyền. Thể loại này đã chịu đau đớn từ một lịch sử đầy thảm họa của việc giải nghĩa sai dựa trên một sự hiểu nhầm căn bản về thể loại, cấu trúc và mục đích văn học của nó. Vì chính sự đòi hỏi của nó là để làm lộ ra những gì sẽ sớm xảy ra, ngày tận thế đã được xem như là một bản đồ dẫn đường dẫn đến một kế hoạch về tương lai. Thiểu sót bị thảm trong cách nhìn này chính là sự cho rằng hệ thống ý tưởng của sách là ở thời đại của người đọc hơn là (thời đại) của chính tác giả. Cách tiếp cận lạc lối này (đặc biệt trong sách Khải Huyền)

đã đối xử với tác phẩm như thể nó là một bản mật mã mà trong đó những sự kiện hiện đại cần được sử dụng để giải nghĩa những biểu tượng trong tác phẩm... Đầu tiên, nhà giải kinh cần phải nhận ra rằng văn học khai thị truyền thông những thông điệp qua tính biểu tượng. Giải nghĩa một biểu tượng theo nghĩa đen trong khi nó là ẩn dụ nghĩa bóng đơn giản chính là giải nghĩa sai. Vấn đề ở đây không phải là những sự kiện trong văn học khai thị có phải là phải là sự kiện lịch sử hay không. Những sự kiện này có thể là sự kiện lịch sử, chúng có thể thực sự đã xảy ra, hoặc có thể xảy ra, nhưng tác giả trình bày những sự kiện và truyền thông về ý nghĩa qua những hình ảnh và những nguyên mẫu” (trang 137).

Trong quyển *Từ điển Những Hình ảnh trong Kinh Thánh (Dictionary of Biblical Imagery)*, được biên tập bởi Ryken, Wilhost and Longman III:

“Những độc giả ngày hôm nay thường cảm thấy học búa và bói rỗi bởi thể loại văn học này. Tính hình tượng đầy bất ngờ và những kinh nghiệm không-nằm trong-thế giới này có vẻ như khá kỳ lạ và vượt ngoài sự đồng bộ với phần lớn Kinh Thánh. Sự chấp nhận không hoài nghi giá trị của thể loại văn học này giúp bỏ khỏi rất nhiều những người đọc sự căng thẳng một cách vất vả để xác định “điều gì sẽ xảy ra” mà lại mất đi sự điệp khai thị đã được định trước (trang 35).”

SỰ GIẢNG CO THỨ NĂM (Vương quốc Đức Chúa Trời đã đến trong hiện tại cũng như sẽ đến trong tương lai)

Vương quốc Đức Chúa Trời ở trong hiện tại, nhưng sẽ ở tương lai. Nghịch lý thần học này tập chú vào điểm trọng tâm của lai thế học. Nếu một người kỳ vọng sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của tất cả những lời tiên tri Cựu Ước cho Y-sơ-ra-ên, khi đó, Vương quốc trở thành hầu hết về sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên thành một sự cục bộ địa lý và một sự ưu việt thần học! Điều này bắt buộc rằng Hội Thánh cần được cất lên một cách bí mật trong đoạn 5 và tất cả những đoạn còn lại đều liên hệ với Y-sơ-ra-ên (nhưng hãy chú ý Khải Huyền 22:16). Tuy nhiên, nếu sự tập chú vào vương quốc được khởi đầu bằng lời hứa Cựu Ước về Đấng Mê-si, khi đó (vương quốc) là hiện tại với sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, và khi đó sự tập chú trở nên sự nhập thể, cuộc đời, những dạy dỗ, sự chết, và sự sống lại của Đấng Christ. Sự nhấn mạnh thần học vào sự cứu rỗi hiện tại. Vương quốc đã đến, Cựu Ước được ứng nghiệm qua việc Đấng Christ ban sự cứu rỗi cho tất cả, không phải vào sự cai trị thiên hy niên của Ngài trên một số người!

Điều này chắc chắn đúng rằng Kinh Thánh phán cả về hai lần đến của Đấng Christ, nhưng ở đâu là điểm nhấn mạnh? Đối với tôi phần lớn những lời tiên tri Cựu Ước tập chú vào lần đến thứ nhất, sự thiết lập vương quốc Mê-si (Đa-ni-ên 2). Trong nhiều cách, điều này là tương đồng với sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7). Trong Cựu Ước sự tập chú vào sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời, nhưng cơ chế cho sự bày tỏ về sự cai trị đó chính là chức vụ của Đấng Mê-si (I Cô-rinh-tô 15:26-27). Câu hỏi ở đây không phải là điều nào đúng; cả hai đều đúng, nhưng điểm nhấn mạnh là điểm nào? Phải thừa nhận rằng một số nhà giải kinh đã trở nên quá tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Mê-si (Khải Huyền 20) và họ đã lỡ mất sự tập chú kinh thánh vào sự tể trị đời đời của Đức Chúa Cha. Sự cai trị của Đấng Christ là một sự kiện chuẩn bị. Cũng như hai lần đến của Đấng Christ không phải là hiển nhiên rõ ràng trong Cựu Ước, cũng không phải là một sự cai trị tạm thời của Đấng Mê-si!

Chìa khóa để đến với những bài giảng dạy của Chúa Giê-xu chính là vương quốc Đức Chúa Trời. Nó ở cả trong hiện tại (trong sự cứu chuộc và phục vụ), và trong tương lai (quyền năng và sự rộng khắp). Sách Khải Huyền, nếu như nó tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Christ, (Khải Huyền 20), thì cũng là sự khởi đầu, chứ không phải sau cùng (Khải Huyền 21-22). Không rõ ràng từ Cựu Ước rằng một sự cai trị tạm thời là cần thiết; cũng như là một hiện tượng hay một sự kiện, sự cai trị Mê-si ở trong Đa-ni-ên 7 là đời đời, không phải một ngàn năm (thiên hy niên).

SỰ GIẢNG CO THỨ SÁU (Sự trở lại cận kề của Đấng Christ và *Sự-tái lâm (Parousia)* còn trì hoãn).

Hầu hết các tín đồ đều được dạy rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại sớm, bất thành linh, và đầy sự bất ngờ (Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30; Khải Huyền 1:1,3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20). Những mối thế hệ tín đồ trông đợi cho đến nay vẫn chưa xảy ra! Sự sớm đến (tức thì) của sự trở lại Chúa Giê-xu là một lời hứa đầy quyền năng cho mỗi thế hệ, nhưng một thực tế là chỉ dành cho một thế hệ mà thôi (và đó là một thế hệ bị bắt bớ). Tín đồ phải sống một đời sống như là Ngài sẽ đến ngay trong ngày mai, nhưng hãy lên kế hoạch và thi hành Đại Mạng lệnh nếu như Ngài (Ma-thi-ơ 28:19-20) còn trì hoãn.

Một vài phân đoạn trong các Phúc âm (Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và I, II Tê-sa-lô-ni-ca đều dựa trên sự trì hoãn của Lần Đến thứ Hai (*Parousia*). Có một vài sự kiện lịch sử cần phải xảy ra trước:

1. Giảng tin lành ra toàn cầu (Ma-thi-ơ 24:14; Mark 13:10)

2. Sự xuất hiện của “con người Tội ác” (Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa 2; Khải Huyền 13)
3. con bắt bớ dữ dội (Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13)

Đây là một sự mơ hồ có mục đích (Ma-thi-ơ 24:42-51; Mác 13:32-36)! Hãy sống mỗi một ngày như đây sẽ là ngày cuối cùng của bạn nhưng hãy lên kế hoạch và rèn luyện cho chức vụ tương lai!

SỰ NHẤT QUẢN VÀ QUÂN BÌNH

Cần phải nói rằng các trường phái giải nghĩa lai thể học hiện đại đều bao gồm các nửa lẽ thật. Họ giải thích và giải nghĩa tốt một vài phần Kinh Thánh. Vấn đề nằm ở sự nhất quán và quân bình. Thường thì ở đó đều có một hệ thống được giả định trước sử dụng văn bản Kinh Thánh để lắp vào bộ xương thần học được thiết lập trước đó. Kinh Thánh không bày tỏ một hệ thống lai thể học chặt chẽ, theo trình tự thời gian và mang tính hệ thống. Nó giống như một tập ảnh gia đình. Các bức ảnh là thật, nhưng không phải lúc nào cũng theo thứ tự, theo hệ thống, và trong một trình tự chặt chẽ, hợp lý, cần phải đặt chúng trở lại ở đâu. Yếu tố then chốt cho một sự giải kinh thích đáng cho sách Khải Huyền chính là chủ định của tác giả nguyên thủy được bày tỏ trong sự lựa chọn thể loại văn học của sách. Mọi nhà giải kinh cố gắng để mang vào những công cụ giải kinh của chính họ và những trình tự của các thể loại văn học khác của Tân Ước vào trong việc giải nghĩa sách Khải Huyền. Họ tập chú vào Cựu Ước thay vì cho phép những sự dạy dỗ của Chúa Jesus và Phao-lô thiết lập cấu trúc thần học và cho phép Khải Huyền hành động như là sự minh họa.

Tôi phải thừa nhận rằng tôi tiếp cận với quyền giải kinh Khải Huyền này với những sự sợ hãi và lo lắng, không phải bởi vì sự rủa sả trong Khải Huyền 22:18-19, nhưng bởi vì những mức độ tranh cãi về sự giải nghĩa sách này đã gây ra và còn tiếp tục gây ra ở giữa dân sự của Đức Chúa Trời. Tôi yêu mến sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nó thật sự đúng khi tất cả loài người là những người giả dối (Rô-ma 3:4)! Hãy sử dụng quyền giải kinh này như là một sự nỗ lực để gọi lên những suy nghĩ nhưng không phải là những định nghĩa xác định, như là những cột chỉ đường chứ không phải là một bản đồ, như là một” nếu như là” chứ không phải là “Đức Giê-hô-va phán vậy.” Tôi đã đối diện trực tiếp với những sự không thỏa đáng, định kiến, thiên lệch thần học của chính tôi. Tôi cũng đã nhìn thấy chúng ở những nhà giải kinh khác. Gần như mọi người tìm thấy ở Khải Huyền những gì họ trông đợi để nhìn thấy. Thể loại văn học này thêm vào chính nó để bị lạm dụng! Tuy nhiên, nó được đưa vào Kinh Thánh với một mục đích. Chỗ đứng của nó được bao gộp trong “Lời” không phải là một sự ngẫu nhiên. Nó có một thông điệp đến từ Đức Chúa Trời dành cho mỗi một con cái của Ngài và tất cả các thế hệ. Chúa muốn chúng ta hiểu được! Chúng ta hãy cùng nắm tay lại, không phải chia thành những nhóm định kiến; chúng ta hãy cùng xác quyết những gì rõ ràng và trung tâm, chứ không phải những gì có thể là, có lẽ là, có thể đúng. Nguyên Đức Chúa Trời giúp đỡ tất cả chúng ta

▣ “mọi quốc gia sẽ đổ về đó” ĐỘNG TỪ này (BDB 625, KB 676, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) chỉ ra một dòng nước chảy đờ đờ, giống như một giếng ngầm phun lên. Đây là nghĩa bóng của một dòng chảy không dứt của những người đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

2:3 Chú ý lời yêu cầu của các dân tộc.

1. “hãy đến,” BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. “chúng ta hãy lên núi Đức Giê-hô-va,” BDB 748, KB 828, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THÊ KHÍCH LỆ
3. “Ngài sẽ dạy chúng ta đường lối Ngài,” BDB 434, KB 436, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THÊ MỆNH LỆNH
4. “chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài,” BDB 229, KB 246, *Qal* THÊ KHÍCH LỆ
5. “vì luật pháp (những sự dạy dỗ) sẽ ra từ Si-ôn,” BDB 422, KB 425, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THÊ KHÍCH LỆ

▣ “các nẻo Ngài” Từ này (BDB 73) được sử dụng một vài lần trong sách Ê-sai (2:3; 3:12; 26:7,8; 30:11; 33:8; 40:18; 41:3) và một cách nổi bật trong sách Châm Ngôn (1:19; 2:8,13,15,19,20; 3:6; 4:14,18; 5:6; 8:20; 9:15; 10:17; 12:28; 15:10,19,24; 17:23; 22:25). Nó bày tỏ theo nghĩa bóng về một lối sống đức tin vâng phục và bước đi (Xuất 16:4; Ê-sai 30:20; 42:24; Giê-rê-mi 9:12; 26:4; 32:23; 44:10,23; Zech 7:12) trong những sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời. Ấn dụ dùng cho cách sống của một đời sống trung tín đã trở thành danh xưng đầu tiên cho hội thánh trong Tân Ước, “Con Đường (Đạo)” (Giăng 14:6; Công Vụ 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:14,22; 18:25-26).

▣ **“Si-ôn”** Giê-ru-sa-lem (cũng như Rô-ma) được xây dựng trên bảy ngọn đồi. Si-ôn (BDB 851, có nghĩa không xác định được) đã là ngọn đồi mà tại đó nguyên thủy thành phố Giê-bu hoặc Sa-lem của người Ca-na-an đã được dựng lên (I Các Vua 8:1; II Sử Ký 5:2). Cũng như từ Giê-ru-sa-lem sau này phát triển trở thành cách để chỉ đến cả thành phố và đền thờ (câu 3, dòng thứ 6 và 7; Giê-rê-mi 50:28; 51:10).

2:4 “Ngài sẽ phán xét...và phân xử” Hai ĐỘNG TỪ (BDB 1047, KB 1622 và BDB 406, KB 410) mô tả những biện luận và quyết định của một Đấng cai trị khôn ngoan. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Đấng Mê-si của Ngài là những nhà cai trị tối thượng sau cùng!

▣ Sự hiện diện và dạy dỗ của Đức Giê-hô-va sẽ khiến cho các quốc gia bỏ quên những sự tấn công vào dân sự của Đức Chúa Trời (Thi Thiên 2; Ê-xê-chi-ên 38-39). Họ sẽ tìm kiếm sự hòa bình (9:6-7; 11:6-9; 57:19; Ô-sê 2:18; Xa-cha-ri 9:10).

▣ **“lấy gươm rèn lưỡi cày”** Đây chính là một thành ngữ được dùng cho sự hòa bình. Thái cực ngược lại được nhìn trong Giô-ên 3:10.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 2:5-11

⁵ **Hỡi nhà Gia-cốp, hãy đến!**
Chúng ta hãy bước đi trong ánh sáng của Đức Giê-hô-va.
⁶ **Thật, Chúa đã từ bỏ dân Ngài là nhà Gia-cốp.**
Vì họ đầy dẫy thói tục phương Đông,
Và bói toán như người Phi-li-tin;
Họ lại bắt tay với con cái dân ngoại.
⁷ **Đất nước họ đầy bạc vàng**
Và châu báu nhiều vô kể;
Đất nước họ đầy dẫy ngựa chiến
Và vô số chiến xa.
⁸ **Đất nước họ đầy những tượng thần;**
Họ thờ lạy vật do tay mình làm ra,
Là vật ngón tay họ tạo nên.
⁹ **Như thế, loài người bị khuất phục,**
Con người bị hạ xuống;
Vậy xin Chúa đừng tha thứ cho họ!
¹⁰ **Hãy vào trong tảng đá,**
Ẩn mình trong bụi đất
Để tránh khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va,
Và tránh khỏi sự chói sáng của uy nghiêm Ngài.
¹¹ **Con mắt kiêu căng của loài người sẽ bị hạ xuống,**
Sự ngạo mạn của con người sẽ bị khuất phục;
Trong ngày đó,
Chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao.

2:5 Chú ý sự song hành giữa câu 3 (các dân tộc) và câu 5 (người Y-so-ra-ên). Đức tin qua lối sống là một bằng chứng của một mối quan hệ cá nhân tin cậy với Đức Chúa Trời. Con người cần phải biết lẽ thật, bước đi trong lẽ thật, và chia sẻ nó với những người khác! Các dân tộc phải học điều này từ Y-so-ra-ên, nhưng họ đã không làm điều đó!

“Ánh sáng của Đức Giê-hô-va” là một khái niệm chân thật (60:1-2, 19-20). Sự thờ phượng của những nguồn ánh sáng trong đêm tối là sự mặc khải sai trật. Câu này có thể là một sự chối bỏ sự thờ phượng trăng sao tinh tú của người Ba-by-lôn (câu 6). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Đấng Mê-si là những nguồn sáng chân thật cho tất cả các quốc gia (9:2; 42:6; 49:6; 51:4; 53:11).

2:6-9 Những câu này mô tả tại sao ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã bỏ rơi (BDB 643, KB 695, *Qal* THÊ HOÀN

THÀNH) dân sự giao ước của chính Ngài.

1. Họ đã đầy dẫy bởi những ảnh hưởng từ phương đông, câu 6.
2. Họ bói toán (BDB 778 II), giống như người Phi-li-tin, câu 6.
3. Họ lại bắt tay với con cái dân ngoại, câu 6.
4. Họ giàu có và hùng mạnh về quân sự (và tin cậy vào những điều ấy), câu 7 (hãy chú ý ba lớp lặp lại của từ “đầy dẫy” BDB 567, KB 583, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH trong những câu 7 và 8).
5. Họ là những kẻ thờ hình tượng, câu 8 (17:8; 37:19; 40:19; 44:17).
6. Họ đối xử với những người thường với sự khinh miệt, câu 9 (những câu 11,17; có thể câu này song hành với câu 8 và chỉ về tội thờ hình tượng, bản NKJV).

Điều gì các quốc gia có thể học được từ một dân tộc như vậy?!

Về mục #6 ở phía trên (câu 9), bản NASB và bản NKJV dịch nó như là một trong chuỗi những mô tả về cách hành xử của tuyền dân giao ước, nhưng bản NRSV và TEV dịch nó như một sự tóm tắt và dòng cuối cùng là một sự thỉnh cầu dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải để tha thứ cho họ, hoặc một thông điệp bởi Đức Giê-hô-va to rằng Ngài sẽ không tha thứ cho họ (bản LXX).

2:6

NASB, NRSV	“từ phương đông”
NKJV	“những cách phương đông”
TEV, JPSOA	“từ Phương Đông”
Peshitta	“những ngày xưa cũ”
REB	“những nhà buôn”

Cuốn *UBS Hê-bơ-rơ OT Text Project* cho biết “từ phương đông” hoặc “những ngày xưa cũ” (cả hai nghĩa có thể của cả DANH TỪ, BDB 869) được đánh giá xếp loại “B” (vài sự hoài nghi). Bản NEB và REB thêm vào một phụ âm và biến nó thành “những thương nhân.” Nó có vẻ như chỉ về những ảnh hưởng tôn giáo đến từ phương đông (Sy-ri, A-si-ri, Ba-by-lôn) vốn làm bại hoại đức tin của Y-sơ-ra-ên.

☐ “bói toán” Nếu điều này là một sự song hành chặt chẽ với dòng phía trên, nó có lẽ có một DANH TỪ song hành với “bói toán,” ví dụ như “những đồng cốt” (Lê-vi-ký 19:26; Phục Truyền 18:9-12), đã tình cờ biến mất trong bản dịch MT. Bản MT không phải là bản thảo tiếng Hê-bơ-rơ sớm nhất hoặc nguyên gốc nhất. Nó có những vấn đề về văn bản! Tuy nhiên, cần nhớ rằng những dạng vấn đề như trên không ảnh hưởng đến những tín lý chính yếu.

☐

NASB	“họ thực hiện những giao dịch với con cái của những người ngoại”
NKJV	“họ vừa ý với những con cái của những người ngoại”
NRSV	“họ siết chặt tay với những người ngoại”
TEV	“họ đi theo những tập tục ngoại bang”
NJB	“bị tràn lan với những người ngoại”
LXX	“nhiều con cái lạ được sinh ra cho họ”
Peshitta	“họ theo sau con cái người lạ”
REB	“con cái của dân ngoại ở khắp nơi”
JPSOA	“họ đầy dẫy những tập tục của người lạ”

Từ “con cái không có ở trong bản” MT. ĐỘNG TỪ (1) “họ đập tay” (BDB 706 I, KB 765, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) hoặc (2) “đầy dẫy” (BDB 974, NIDOTTE, tập 3, p. 1769) có nghĩa mơ hồ. Chúng có thể chỉ về

1. một giao dịch thương mại
2. một liên minh chính trị
3. một tình bạn
4. một sự khẳng định của những tập tục ngoại bang

Rõ ràng trong văn mạch, đức tin độc nhất của Y-sơ-ra-ên đã bị thỏa hiệp!

2:7 Mô tả này của sự lãnh đạo của người Giu-đa trong sự trái ngược trực tiếp với Phục Truyền 17:16-17. Con

người có những tiềm lực có khuynh hướng muốn tin cậy vào chính mình (31:1), nhưng câu 22 (31:3) chỉ ra sự thất bại trong việc tin cậy vào vật chất hoặc những nguồn lực của con người!

2:9 “con người...con người” Câu 9 là một phép song hành đồng nghĩa có hai dòng (II Các Vua 7:10). Hai từ phổ biến nhất cho con người/ nhân loại song hành với nhau.

1. *adam*, BDB 9, Sáng 1:26; 6:1,5,6,7; 9:5,6
2. *ish*, BDB 35, Sáng 2:23; Dân Số Ký 23:19



NASB, NKJV,

NRSV, TEV “đừng tha thứ cho họ”

NJB, NIV “đừng nâng họ lên một lần nữa”

LXX “đừng bỏ qua cho họ”

REB (bỏ qua như lời chú thích ở cuối trang Cuộn Biển Chết và JB)

ĐỘNG TỪ này (BDB 669, KB 724, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng theo nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH) có nghĩa là “nâng lên” hoặc “mang .” Ở đây nó có nghĩa của “mang đi” (xóa bỏ tội lỗi của họ). Điều này có thể là một lời cảm thán của chính Ê-sai.

2:10-11 Hai câu này mô tả lời khuyên răn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho những kẻ vi phạm giao ước (câu 10a).

1. hãy vào trong hòn đá, BDB 97, KB 112, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH (điều này liên hệ với những câu 19-21, Khải Huyền 6:15-17)
2. ẩn mình trong bụi đất, BDB 380, KB 377, *Niphal* THÊ MỆNH LỆNH

Họ phải trốn khỏi (câu 10b)

1. Con thịnh nộ của Đức Giê-hô-va, những câu 19,21
2. sự chói sáng của Sự Vĩ Đại của Ngài (những câu 11c, 19,21; II Tê-sa 1:9)

Kết quả sẽ là (câu 11, ghi chú sự song hành trong câu 17)

1. sự kiêu ngạo của con người sẽ bị hạ xuống, BDB 1050, KB 1631, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH (trái ngược với câu 9)
2. sự ngạo mạn của con người sẽ bị khuất phục, BDB 1005, KB 1458, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH (trái ngược với câu 9, 13:11; 23:9; II Cô-rinh-tô 10:5)
3. chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao, BDB 960, KB 1305, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH (chú ý sự song hành trong câu 17 và cụm từ về sự “kinh khiếp” và “sự chói sáng” của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong những câu 19c và 21b)

Một vài nhà giải kinh nghĩ rằng câu 10 chính là sự khích lệ những người công chính tránh khỏi sự đoán phạt sẽ đến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên những kẻ ác (NIDOTTE, tập 2, p. 377), nhưng trong văn mạch ở đây (những câu 19-21) nó chỉ đến những kẻ vi phạm giao ước.

2:11 “trong ngày đó” Cụm từ này chỉ về những ngày sau rốt tại câu 2a. Nó trở thành chủ đề chính trong sách A-mốt. Chủ đề trong Ê-sai được tiếp tục trong câu 12 (2:20; 3:17; 5:30; 28:5-6; A-mốt 2:16; 8:9; Ô-sê 2:18).

Những tạo vật có ý thức (con người và các thiên sứ) một ngày sẽ đứng trước Đấng Tạo Hóa và phải giải trình cho trách nhiệm quản trị món quà sự sống. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là một Đức Chúa Trời của đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội. Con người không phá vỡ luật pháp của Đức Chúa Trời nhiều như là phá vỡ chính họ ở trong luật pháp của Đức Chúa Trời. Những luật pháp chính là sự bảo vệ chính chúng ta trong một thế giới sa ngã, nhưng con người xem chúng như là những sự cấm đoán và những sự mất tự do cá nhân. Một ngày kia, tất cả những tạo vật có ý thức, con người sẽ phải giải trình trước mặt Đức Chúa Trời!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 2:12-22

¹² Vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã định một ngày
Chống lại mọi kẻ kiêu căng, ngạo mạn, và tự cao;
Chúng sẽ bị hạ xuống.

¹³ Ngài cũng chống lại mọi cây bá hương của Li-ban
Ngạo nghễ, vươn cao,

Và mọi cây sồi của Ba-san,
¹⁴ Cùng tất cả các núi cao,
 Và mọi đồi cả;
¹⁵ Cũng chống lại mọi tháp cao,
 Mọi tường thành kiên cố,
¹⁶ Mọi tàu bè của Ta-rê-si,
 Và tất cả tàu thuyền sang trọng.
¹⁷ Tính kiêu căng của loài người sẽ bị khuất phục,
 Và sự ngạo mạn của con người sẽ bị hạ xuống;
 Trong ngày đó, chỉ một mình Đức Giê-hô-va được tôn cao.
¹⁸ Bấy giờ, các tượng thần đều sẽ biến mất hoàn toàn.
¹⁹ Người ta sẽ chui vào các hang đá
 Và trong các hầm dưới đất,
 Để tránh sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va
 Và sự chói sáng của uy nghiêm Ngài,
 Khi Ngài đứng lên làm cho đất rung động.
²⁰ Trong ngày đó, người ta sẽ ném
 Cho chuột, cho dơi
 Những tượng thần bằng bạc, bằng vàng,
 Mà họ đã làm ra để thờ lạy.
²¹ Họ sẽ chui vào các hang đá
 Và khe đá cheo leo,
 Để tránh khỏi sự kinh khiếp từ Đức Giê-hô-va
 Và sự chói sáng của uy nghiêm Ngài,
 Khi Ngài đứng lên làm cho đất rung động.
²² Đừng trông cậy nơi con người
 Là loài có hơi thở trong lỗ mũi,
 Vì họ nào có đáng giá gì đâu?

2:12-13 Chú ý sự sử dụng lặp lại của những từ chỉ về những con người và quốc gia đầy sự tự cao, kiêu ngạo.

1. “mọi kẻ kiêu căng” (BDB 144)
2. “ngạo mạn” (BDB 926, KB 1202, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (chú ý cấu trúc tương tự trong những câu 13, 14), câu 12)
3. “mọi kẻ tự cao” (BDB 669, KB 724, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG (chú ý cấu trúc tương tự trong những câu 13, 14), câu 12)
4. “mọi cây bá hương của Li-ban- ngao nghễ, vươn cao” câu 13 (ẩn dụ dùng cho con người và các quốc gia)

2:12 “Đức Giê-hô-va vạn quân đã định một ngày” Câu này không theo bản tiếng Hê-bơ-rơ. Bản MT chép là “Cho ngày của Đức Giê-hô-va vạn quân” (NKJV). Bản dịch NASB cố liên hệ phân này trở lại với 1:18.

2:12-16 Chú ý cách sử dụng lặp lại của từ “chống nghịch lại” (BDB 752).

1. nghịch lại mọi kẻ kiêu căng và ngạo mạn, câu 12
2. nghịch lại mọi kẻ tự cao, câu 12
3. nghịch lại mọi cây bá hương của Li-ban ngao mạn và tự cao, câu 13
4. nghịch lại những cây sồi của Ba-san (cũng ngạo mạn và tự cao), câu 13
5. nghịch lại mọi ngọn núi kiêu ngạo, câu 14
6. nghịch lại tất cả các đồi tự cao, câu 14
7. nghịch lại mọi tháp cao, câu 15
8. nghịch lại mọi tường thành kiên cố, câu 15
9. nghịch lại mọi tàu bè của Ta-rê-si, câu 16

10. nghịch lại mọi tàu xinh đẹp, câu 16 (từ “tàu” [BDB 967] xuất hiện chỉ duy nhất ở đây và nghĩa có nó không rõ, nó có vẻ song hành với “tàu bè của Ta-rê-si” trong câu 16a)

Đức Chúa Trời chống nghịch kẻ kiêu ngạo (những câu 11 and 17).

2:13 Bởi vì sự ám chỉ đến sự thờ hình tượng với những cây cối (1:29) và những khu vườn (1:29-30) và rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ thiêu hủy chúng, một nghi vấn có thể rằng sự đề cập đến những cây cối tự cao có thể phản ánh

1. sự kiêu ngạo và tự cao của các quốc gia
2. sự thờ hình tượng kết nối với những cây cối và khu rừng

Do văn mạch rộng lớn hơn (“chống lại” một chuỗi sự vật) sự lựa chọn thứ nhất có vẻ là tốt nhất. Vấn đề ở đây là sự kiêu ngạo của con người được tóm lại trong câu 17 (vốn có thể là chủ đề của cả sách).

2:16 “tất cả tàu bè của Ta-rê-si” Hãy xem ghi chú tại 23:1.

2:17 Câu này song hành với ý tưởng trong câu 11, vốn trái ngược những gì các lãnh đạo gian ác và những xã hội giàu có đã làm với người nghèo trong câu 9. Nhiều người nhìn thấy câu này chính là một chủ đề tổng kết cả sách!

2:18 Sự thờ hình tượng sẽ biến mất hoàn toàn (21:9) bởi vì sự thờ phượng chúng là “sự trống rỗng” (30:22; 31:7; 40:18-20; 44:9-20; 46:5-7)!

2:19 “Khi Ngài đứng lên làm cho đất rung động” ĐỘNG TỪ đầu tiên “đứng lên” (BDB 877, KB 1086, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) có thể chỉ về

1. xuất hiện trên tinh huống, Xuất 1:8; Phục Truyền 34:10; Các Quan Xét 5:7; II Các Vua 23:25
2. dấy lên cho một hành động (từ ngôi Ngài), Dân Số Ký 10:35; II Sứ Ký 6:41; Job 31:14; Thi 76:9; 132:8

ĐỘNG TỪ thứ hai “rung động” (BDB 791, KB 888, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) mô tả tạo vật vật chất khi Đấng Tạo Hóa nên nó tiến đến (13:13; 24:1,19,20; Thi 18:7; 68:7-8; A-ghê 2:6). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể đến để ban phúc hoặc đoán phạt. Trong văn mạch này nó chính là sự đoán phạt!

2:20-21 Để làm rõ ra dòng thứ nhất trong câu 10, con người cố gắng ẩn trốn khỏi Đức Chúa Trời

1. trong những hang động trong núi đá (câu 21)
2. trong những hang dưới lòng đất

Họ sẽ cố gắng rũ bỏ khỏi những thần tượng quý giá của họ

1. vứt đi cho chuột chũi (nghĩa của từ này không rõ. Bản LXX dịch là “hu không”; bản REB dịch là “những con bọ hung”; bản JPSOA dịch là “những con chồn bay” [một loại dơi, vì thế, song hành với dòng tiếp theo của bài thơ]. Nó có lẽ liên hệ với ĐỘNG TỪ “đào” [BDB 343])
2. vứt cho những con dơi

Hai câu này có một chuỗi những NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP.

1. thờ lạy (nguyên văn, “quỳ xuống”), BDB 1005, KB 295, *Hishtaphel* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. cho những con chuột chũi (nguyên văn “đào”), BDB 343, KB 340, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
3. chui vào, BDB 97, KB 112, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
4. đứng lên, BDB 877, KB 1086, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, cùng thể với câu 19 (dòng 5)
5. rung động (nguyên văn “kinh sợ,” BDB 791, KB 888, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, tương tự trong câu 19 (dòng 5)

Trong bộ *IVP Bible Background Commentary* chép rằng “Một Bài Ca Sumer của Enheduanna dành cho vị nữ thần Inanna vào thiên niên kỷ thứ ba mô tả các vị thần rung động trốn chạy khỏi sự hiện diện kinh khiếp của vị nữ thần như những con dơi trốn khỏi hang của chúng” (trang 588). Điều này có nghĩa là phải tồn tại của một khả năng rằng những chính những thần tượng đã bị mang đi bởi côn trùng (những con bọ) hoặc những sinh vật đào bới tìm nơi trú ẩn khỏi sự tiến đến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì chúng không thể tự mình di chuyển được

2:22 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ra mạng lệnh phải tôn trọng dành cho sự sống của con người (“chấm dứt,” BDB 292, KB 292, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) bởi vì nó là đặc trưng của món quà sự sống của Đức Chúa Trời (“hoi thờ,”

ruah). Con người là phù du thoáng qua (Thi 144:3-4). Đây là một lẽ thật mà chủ nghĩa vô thần nhân bản cần phải lắng nghe!

Ê-SAI 3

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức Chúa Trời Sẽ Cát Bỏ Các Nhà Lãnh Đạo 3:1-12 (1b-12)	Sự đoán phạt trên Giu-đa và Giê-ru-sa-lem 3:1-9 (1-3) (4-5) (6-7) (8-9) 3:10-12 (10-12)	Sự Hỗn Loạn ở Tại Giê-ru-sa-lem 3:1-15 (1-5) (6-8) (9-12)	Sự Hỗn Loạn ở Tại Giê-ru-sa-lem 3:1-5 3:6 3:7 3:8-9 3:10-11 3:12a 3:12b	Sự Hỗn Loạn ở Tại Giê-ru-sa-lem 3:1-15 (1-15)
Đức Chúa Trời Sẽ Đoán Phạt 3:13-15 (13-15)	Sự Áp Bức Và Xa Hoa Bị Định Tội 3:13-4:1 (13-15)		Đức Giê-hô-va sẽ Đoán Phạt Dân Ngài 3:13-15	
Cảnh Báo Những Người Giu-đa 3:16-26 (16-17) (24-26)	3:13-4:1 (13-15) (16-17) (18-23) (24-26) (4:1)	(13-15) Sự Si Nhục Những Người Nữ của Giê-ru-sa-lem 3:16-4:1 (16-17) (24b-4:1)	Một Sự Cảnh Báo cho Những Người Nữ của Giê-ru-sa-lem 3:16-17 3:18-23 3:24 3:25-4:1	Những Người Nữ của Giê-ru-sa-lem 3:16-17 (16-17) 3:18-23 3:24 (24) Sự Khốn Khở tại Giê-ru-sa-lem 3:25-4:1 (25)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba

4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 3:1-12

- ¹ **Này, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân**
Sẽ cất khỏi Giê-ru-sa-lem và Giu-đa
Nguồn cung cấp và nơi nương cậy,
Tức là mọi nguồn cung cấp bánh và nước.
- ² **Ngài sẽ cất đi những anh hùng và chiến sĩ,**
Quan xét và nhà tiên tri,
Thầy bói và trưởng lão,
- ³ **Chỉ huy trưởng năm mươi quân**
Và các nhân sĩ, cố vấn,
Nhưng người thạo nghề ma thuật
Và các phù thủy chuyên nghiệp.
- ⁴ **Ta sẽ cho những cậu bé chỉ huy họ,**
Và lũ trẻ con sẽ cai trị họ.
- ⁵ **Dân chúng lẫn lút nhau,**
Giữa người này với người kia,
Người lân cận với người lân cận.
Người trẻ hôn láo với người già,
Người hèn hạ lẫn lút người tôn trọng.
- ⁶ **Khi người ta sẽ bắt một anh em**
Trong nhà cha mình mà nói:
“Anh còn áo choàng,
Hãy làm lãnh tụ chúng tôi,
Và đóng đồ nát này
Sẽ ở dưới quyền của anh!”
- ⁷ **Trong ngày đó, người ấy sẽ trả lời rằng:**
“Tôi sẽ không cai trị đâu,
Trong nhà tôi không có bánh cũng không có áo choàng;
Xin đừng lập tôi
Làm lãnh tụ của dân chúng.”
- ⁸ **Vì Giê-ru-sa-lem phải nghiêng ngã**
Và Giu-đa phải sụp đổ,
Bởi lời nói và việc làm của họ đều chống lại Đức Giê-hô-va,
Phản loạn trước sự hiện diện vinh quang của Ngài.
- ⁹ **Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ;**
Họ tuyên bố tội lỗi mình như thành Sô-đôm,
Chẳng giấu giếm gì cả.
Khốn cho linh hồn họ,
Vì họ đã làm hại chính mình!
- ¹⁰ **Hãy nói với người công chính rằng phước cho họ,**
Vì họ sẽ hưởng kết quả của việc mình làm.
- ¹¹ **Khốn cho kẻ gian ác! Nó hẳn phải mang họa,**
Vì nó sẽ chuốc lấy hậu quả do tay mình gây ra.
- ¹² **Dân ta bị trẻ con ức hiếp,**
Và đàn bà cai trị họ.
Ôi dân ta! Kẻ dẫn đường người làm cho người lạc hướng,

Họ làm rối loạn đường lối người.

3:1 Đoạn 3 tiếp theo lời tiên tri của nhà tiên tri của sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Giê-ru-sa-lem và Giu-đa.

▣ **“Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân”** Danh xưng này dùng cho Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên được sử dụng một vài lần rất sớm trong sách Ê-sai (1:24; 3:1; 10:16,33; 19:4). Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 1:24 và Chủ đề đặc biệt tại 1:1.

▣ **“sẽ cất khỏi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 693, KB 747, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) trong từ gốc *Hiphil* có nghĩa là “cất bỏ” hoặc “cất đi.”

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ cất khỏi sự bệnh tật của Y-sơ-ra-ên, Xuất 23:25; Phục Truyền 7:15
2. Y-sơ-ra-ên phải cất bỏ những vật đáng diệt (Tội lỗi của A-can), Giô-suê 7:13
3. Y-sơ-ra-ên phải cất bỏ các thần ngoại bang, Các Quan Xét 10:16
4. Sau-lơ dẹp bỏ những đồng cốt và những nhà tà thuật, I Sa-mu-ên 28:3
5. những người đã không bỏ luật pháp của Đức Chúa Trời, II Sa-mu-ên 22:23; Thi 18:23

Nhưng chú ý rằng ở đây Đức Chúa Trời là Đấng cất bỏ tất cả sự giúp đỡ, sức lực, và sự lãnh đạo thờ hình tượng của Giu-đa.

1. nguồn cung cấp (nguyên văn “nhu cầu thiết yếu,” BDB 1044) bánh, câu 1
2. nguồn cung cấp (nguyên văn “nhu cầu cơ thiết yếu”) nước, câu 1
3. những người mạnh mẽ, câu 2
4. những chiến binh, câu 2
5. quan xét, câu 2
6. nhà tiên tri, câu 2, 9:14-15; 28:7; 29:10
7. đồng cốt, câu 2
8. trưởng lão, câu 2, 9:14-16
9. chỉ huy trưởng năm mươi quân, câu 3
10. người đáng kính, câu 3
11. nhà cố vấn, câu 3
12. những nghệ nhân thủ công, câu 3, 40:20 (người dựng hình tượng)
13. những phù thủy chuyên nghiệp, câu 3

Chú ý, sự phán xét là của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, bậc cha mẹ yêu thương, kỷ luật con cái của Ngài để chúng có thể trở nên mạnh mẽ, vững vàng, hạnh phúc và trở thành sự sáng cho các quốc gia. Sự tập chú cá nhân của Ngài vào Giu-đa đã là một dấu hiệu của tình yêu và sự quan tâm của chính Ngài. Ngài yêu họ đủ để không bỏ rơi họ ở trong tội lỗi của họ!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: QUAN ÁN, SỰ PHÁN XÉT, VÀ SỰ CÔNG CHÍNH (צדק) TRONG Ê-SAI

Từ (BDB 1047) này là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong Cựu Ước. NIDOTTE, tập 4, trang 214, đã mô tả sự quan trọng và cách sử dụng của nó.

1. Trong Ngũ Kinh, 13%, những quan án là con người
2. Các sách Lịch Sử, 34%, những lãnh đạo là con người
3. Các Sách Văn Học Khôn Ngoan, 22%, những hành động của Đức Chúa Trời
4. Các sách tiên tri, 31%, phần lớn là những hành động của Đức Chúa Trời

Đức Giê-hô-va là Quan Án	Đấng Mê-si Là Quan Án	Những quan án theo lý tưởng của Y-sơ-ra-ên	Những quan án thật sự của Y-sơ-ra-ên
2:4	9:7	1:17,21,23	3:2
3:14	11:3,4	26:8	5:7
4:4	16:5	56:1	10:2
5:16	32:1	58:2,8	59:4,9,11,14,15
28:6,17,26	40:14		
30:18	42:1,3,4		

33:5,22	51:4,5
61:8	53:8
66:16	

Y-so-ra-ên đã phải phản chiếu đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho các dân tộc. Họ đã thất bại, vì vậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã đẩy lên một người Y-so-ra-ên “trong ý tưởng” để ứng nghiệm sự mặc khải cá nhân của Ngài dành cho thế gian (Đấng Mê-si, Chúa Jesus người Na-xa-rét, Đấng Christ, Ê-sai 52:11-53:12)!



NASB “Cả nguồn cung cấp và sự hỗ trợ”
NKJV “hàng hóa và kho trữ”
NRSV “sự hỗ trợ và nhu cầu thiết yếu”
TEV “mọi người và mọi vật mà dân sự dựa vào”
NJB “của mọi nguồn và mọi sự chu cấp”
LXX “những người nam và người nữ mạnh mẽ”
Peshitta “gậy chống và gậy”
REB “mọi cột chống và gậy chống”

Bản MT ở thể GIÓNG ĐỤC và GIÓNG CÁI, mà BDB 1044 định nghĩa là “giúp đỡ và nâng đỡ” (II Sa-mu-ên 22:19). Trong Lê-vi Ký 26:26 nó có nghĩa là “bánh để sống”

3:3

NASB “thầy bùa chú chuyên nghiệp”
NKJV, NRSV,
REB “chuyên gia bùa chú”
TEV “tất cả những người sử dụng ma thuật để điều khiển những sự kiện”
NJB “thầy bói”
LXX “kẻ lắng nghe cách khôn lanh”
Peshitta “người tư vấn chuyên nghiệp”

DANH TỪ này (BDB 538) có nghĩa là “sự thì thầm” hoặc “bùa chú” Nó vốn nguyên thủy chỉ đến nọc độc của rắn (Thi 58:6; Truyền Đạo 10:11; Giê-rê-mi 8:17). Từ này dùng chỉ về những lời nói êm dịu (26:16; II Sa-mu-ên 12:19; Thi 41:8).

Từ giống như vậy được sử dụng trong 3:20 dùng cho những bùa hộ mạng được đeo bởi những phụ nữ Giu-đa. Nó chỉ về những sự thực hành ma thuật và bùa chú, vốn bị ngăn cấm đối với Y-so-ra-ên và Giu-đa.

3:4 Sự lãnh đạo của các trưởng lão Giu-đa sẽ bị loại bỏ (bởi chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) ngay cả đến tầng lớp cao nhất. Những người trẻ không có ảnh hưởng và ngu dại sẽ lãnh đạo (Truyền Đạo 10:16).



NASB “con cái”
NKJV, NRSV “con trẻ”
NJB “những chú bé”
LXX, Peshitta “những kẻ nhạo báng”

Sự khác biệt giữa bản MT עלולים (BDB 760, “ương ngành,” Phục Truyền 22:14,17; Thi 141:4) và một sự sửa chữa thành עלולים (BDB 760, “con cái,” Thi 8:2). Cả hai đều có ý nghĩa trong văn mạch.

3:5-6 Sự bóc lột và ngược đãi được mô tả.

1. bị áp bức bởi một người khác
2. bị áp bức bởi những người lân cận
3. những sự căng thẳng của những thế hệ
4. những sự căng thẳng của xã hội
5. những sự căng thẳng trong gia đình

3:7-12 Người được gia đình chọn để dẫn dắt sẽ không chấp nhận vị trí đó bởi vì sự khủng hoảng đương thời (Giu-đa đang bị thương tích[1:6], chỉ có một mình Đức Chúa Trời có thể chữa lành [30:26]) và sự phản loạn của gia đình (Giu-đa) nghịch lại cùng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. lời của họ nghịch lại cùng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 8
2. hành động của họ nghịch lại cùng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 8
3. họ chống nghịch lại sự hiện diện vinh hiển của Ngài, câu 8
4. sự thiên vị lộ rõ trên gương mặt của họ, câu 9
5. tội lỗi của họ được bày tỏ giống như của Sô-đôm, câu 9
6. họ mang sự gian ác vào chính mình, câu 9
7. họ gặt những gì họ gieo, những câu 10-11
 - a. người công bình
 - b. kẻ gian ác
8. họ bị áp bức những lãnh đạo trẻ tuổi (câu 4), câu 12
9. họ bị cai trị bởi những người nữ, câu 12
10. những lãnh đạo của họ dẫn họ đi lầm lạc, câu 12
11. đường lối của họ (những kế hoạch và mục đích) bị rối loạn, câu 12

Những hậu quả của sự phản nghịch được mô tả trong Phục Truyền 28:15-68.
JPSOA đặt những câu 10 và 11 trong ngoặc đơn.

3:8

NASB, NRSV	“Sự hiện diện vinh quang của Ngài”
NKJV	“những con mắt của sự vinh quang Ngài”
TEV	“chính mình Đức Chúa Trời”
NJB	“cái nhìn vinh hiển của Ngài”
LXX	“sự vinh hiển của họ”
Peshitta	“sự vĩ đại của vinh quang Ngài”
REB	“vinh quang của Ngài”

Bản MT được theo sát bởi bản dịch NKJV. Những “con mắt” bày tỏ về sự hiện diện cá nhân của Đức Chúa Trời. Từ “vinh hiển” (*kabod*, BDB 458) rất phổ biến, nhưng có một trường nghĩa rất rộng.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

3:9 “Bộ mặt họ làm chứng chống lại họ” Bản Targums tiếng A-ram dịch rằng “sự thiên vị trong sự xét xử (sự lạm dụng luật pháp và hối lộ) đã tố cáo họ.” Chỗ này có thể là cách chơi chữ trên những con mắt của Đức Giê-hô-va được nhắc đến trong câu 8 với cái nhìn đầy tội lỗi của người Giu-đa trong câu 9.

▣ **“Họ phô bày (tuyên bố) tội lỗi mình như thành Sô-đôm”** Một lần nữa, giống như trong 1:10, Ê-sai so sánh những tội lỗi của xã hội Giu-đa với những tội lỗi của thành Sô-đôm (Sáng Thế Ký 19). Những lãnh đạo Giu-đa này (và gia đình của họ) đã khoe khoang cách công khai sự kiêu ngạo, của cải của họ và bóc lột những người nghèo và không có quyền lực của xã hội.

Sô-đôm đã kiêu ngạo (Ê-xê-chi-ên 16:50) và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hủy diệt họ, và cũng vậy, giờ đây là Giu-đa (câu 16) và họ sẽ bị hủy diệt (những câu 16-26, đối tượng ở đây chuyển từ những người phụ nữ đây kiêu ngạo sang Giê-ru-sa-lem kiêu ngạo).

▣ **“họ đã đem điều ác trên chính mình (làm hại chính mình)”** Họ gặt những gì mình đã gieo (những câu 10-11). Đây là nguyên tắc thuộc linh. Đức Chúa Trời là luân lý (cá nhân)/ đạo đức (xã hội) và thế giới tạo vật của Ngài cũng phải như vậy. Con người đã phá vỡ chính mình trong tiêu chuẩn của Chúa Trời. Chúng ta gặt những gì chúng ta gieo. Điều này cũng đúng với những tín đồ (nhưng không ảnh hưởng đến sự cứu chuộc) và những người không tin (Gióp 34:11; Thi 28:4; 62:12; Châm Ngôn 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; II Cô-rinh-tô 5:10; Gal. 6:7-10; II Tim. 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

3:12

NASB, NKJV,

NRSV

“Những kẻ ức hiếp họ là trẻ con,
Và đàn bà cai trị họ”

TEV

“những kẻ cho vay tiền áp bức dân ta và những chủ nợ lừa đảo họ”

NJB

“những kẻ ức hiếp cướp bóc chúng, và những kẻ bóc lột cai trị trên họ”

LXX

“những kẻ tống tiền bóc lột các người,
và những kẻ tham nhũng cai trị trên người”

Peshitta

“Những quan trưởng sẽ nhỏ dân ta lên, và những đàn bà sẽ cai trị trên họ”

REB

“Những kẻ cho vay sẽ lột trần dân ta,
Và những chủ cho vay nặng lãi sẽ ở trên họ”

JPSOA

“Những kẻ cai trị dân ta là những đứa trẻ,
Họ sẽ bị cai trị bởi đàn bà”

Bản MT dịch là “dân ta, những kẻ áp bức họ, con trẻ và đàn bà sẽ cai trị trên họ.” Rõ ràng những bản dịch TEV, NJB, và REB đã theo bản dịch LXX (thay đổi “đàn bà,” ׀ׁׁׁׁ , BDB 61 trở thành “những chủ nợ” [1] BDB 673 I, 24:2, ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG SỐ NHIỀU của ׀ׁׁׁׁ, 24:2 or [2] BDB 674 I, ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG SỐ NHIỀU của ׀ׁׁׁׁ, Xuất 22:25).

Những cụm từ này có thể là

1. theo nghĩa đen
 - a. vị vua trẻ em
 - b. bị kiểm soát bởi
 - (1) một “Nữ Hoàng mẹ” hùng mạnh
 - (2) những người vợ của vị vua con trẻ ấy
 - (3) những người nữ tại tòa án
2. theo nghĩa bóng của những người yếu đuối và không có kinh nghiệm lãnh đạo

▣

NASB, NRSV “làm rối loạn”

NKJV

“hủy diệt”

NJB

“xóa bỏ”

LXX

“làm hư hỏng”

Peshitta

“làm cho rối loạn”

REB

“làm cho sụp đổ”

ĐỘNG TỪ này (BDB 118, KB 134, Piel THÊ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “bối rối, lúng túng” hoặc “làm cạn đi” (Xuất 15:12; Dân Số Ký 16:30,32,34; 26:10; Phục Truyền 11:6). Trong thể Piel nó cũng chỉ về “làm

cạn,” nhưng được sử dụng như là một ẩn dụ cho sự hủy diệt hoặc một điều gì đó gây bối rối, bực bội (9:16; 19:3; 28:7).

Những học giả vẫn tiếp tục thảo luận về khả năng một, hai, hoặc ba từ gốc hoặc cùng gốc Hê-bơ-ơ sử dụng cùng ba ký tự này (כלע).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 3:13-15

¹³ Đức Giê-hô-va đứng lên biện luận,

Ngài đứng mà xét xử các dân tộc.

¹⁴ Đức Giê-hô-va đến phán xét

Các trưởng lão của dân Ngài và các lãnh tụ của họ:

“Chính các ngươi là kẻ đã ăn nuốt vườn nho,

Của cướp bóc người nghèo đang ở trong nhà các ngươi!

¹⁵ Sao các ngươi dám chà đạp dân Ta,

Giày vò mặt mày người nghèo khó?”

Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

3:13-15 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bước vào một cuộc biện luận (tình huống của một phiên tòa, 1:2) với những lãnh đạo của dân sự của Ngài (những trưởng lão và quan trưởng). Họ đã hủy diệt cộng đồng của Ngài (“vườn nho,” câu 14). Họ đã lợi dụng những người nghèo khổ, không ai giúp đỡ và không có quyền lực trong xã hội.

Họ đã sử dụng hệ thống luật pháp một cách không phù hợp (câu 9) cho lợi ích riêng của mình, và giờ đây phải đứng trước sự phán xét của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Các tiên tri đã giữ cho Y-sơ-ra-ên/Giu-đa phải có trách nhiệm giải trình trước những yêu cầu của Giao Ước Môi-se, sự vâng lời có những kết quả của nó và sự không vâng phục cũng có những hậu quả!

3:13

NASB, NKJV,

TEV, NJB,

LXX, Peshitta,

REB

“dân tộc”

NRSV

“các dân tộc”

Từ SỐ ÍT đến từ bản LXX được theo bởi bản dịch Peshitta. Bản MT cho từ SỐ NHIỀU. Trong văn mạch này từ SỐ ÍT phù hợp tốt nhất bởi vì vị tiên tri đang đề cập đến Giu-đa (câu 14). Trong những bối cảnh mạch văn khác trong Ê-sai “các quốc gia,” “các dân tộc,” được sử dụng. Văn mạch, văn mạch, văn mạch! Bản MT không phải là không thể sai lầm! Văn mạch phải là sự hướng dẫn cuối cùng!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 3:16-26

¹⁶ Đức Giê-hô-va phán:

“Vì những con gái Si-ôn kiêu kỳ,

Vừa đi vừa ngẩng cao cổ,

Liếc mắt đưa tình,

Vừa đi ống ọ,

Vừa khua kiềng dưới chân,

¹⁷ Nên Chúa sẽ làm cho da đầu con gái Si-ôn đóng vảy

Và Đức Giê-hô-va sẽ khiến đầu chúng bị cạo trọc.”

¹⁸ Trong ngày đó, Chúa sẽ lấy đi đồ trang sức như kiềng dưới chân, lưới trùm đầu và lược cài tóc; ¹⁹ hoa tai, xuyên và mạng che mặt; ²⁰ mào, dây chuyền mắt cá, thắt lưng, hộp hương liệu và bùa hộ mạng; ²¹ nhẫn và vòng đeo mũi; ²² áo lễ, áo lá rộng, áo choàng và túi xách tay; ²³ gương soi, quần áo lót làm bằng vải gai, băng cột tóc và khăn trùm đầu.

²⁴ Sẽ có mùi hôi thối thay vì hương thơm;

Dây thừng thay vì thắt lưng;

Đầu hói thay vì tóc quăn;

Áo vải thô thay vì áo dài đẹp đẽ;

Vết sắt nung thay vì sắc đẹp.

²⁵ **Những người nam của người sẽ gục ngã vì gươm,**

Những dũng sĩ của người sẽ bị tử trận.

²⁶ **Các công Si-ôn sẽ than khóc và thăm sầu;**

Nó sẽ ngồi trên đất hoang vu.

3:16-26 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA định tội những người vợ và con gái của những người giàu có, tầng lớp thượng lưu lãnh đạo.

1. bước đi đầy kiêu ngạo (“đầu ngẩng cao” hoặc “cổ vươn ra”)
2. gọi tình (mắt tô vẽ)
3. những bước tán tỉnh (những bước nhỏ, vội vàng, giống như trẻ con)
4. cổ chân đeo trang sức gây nhạc điệu, gọi tình

Ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (sự đảo ngược theo Kinh Thánh điển hình)

1. gây đau đớn cho đầu trọc với bệnh ghẻ lở (chỉ ở đây, BDB 705, KB 764)
2. lột bỏ những trang sức của họ
3. lột bỏ những trang phục hội hè của họ
4. tước bỏ những mỹ phẩm và nước hoa
5. giết đi những người tình và chồng của họ

The Jewish Study Bible, sử dụng bản dịch và ghi chú ở cuối trang JPSOA, đề cập đến nhiều món đồ trong những câu từ 18-24 thì không rõ ràng. Chúng có thể chỉ đến những món đồ đặc biệt cho sắc đẹp hoặc những biểu tượng của sự thờ hình tượng. Chúng được mặc bởi nam và nữ.

3:16

NASB, NJB “những kiềng vòng kêu leng keng”

NKJV, Peshitta “phát tiếng leng keng”

NRSV “kêu leng keng”

TEV “những vòng trên cổ chân của họ kêu leng keng”

ĐỘNG TỪ này (BDB 747, KB 824, *Piel* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ về tiếng động phát ra bởi những vòng trang sức khi một người bước đi (để thu hút sự chú ý). Từ gốc chỉ tìm thấy ở đây và trong Châm Ngôn 7:22.

3:17

NASB, NJB,

REB “khiến đầu chúng trơ trọi”

NKJV “những phần kín không được che đậy”

NRSV, Peshitta “phô ra những bộ phận kín của chúng”

TEV “cạo đầu chúng và để chúng trọc”

LXX “phơi bày hình thể chúng”

Bản MT sử dụng một từ hiếm (BDB 834) có nghĩa là

1. những lỗ (dùng cho cánh cửa), I Các Vua 7:50
2. những bộ phận kín (GIỐNG CÁI những cơ quan sinh sản), Ê-sai 3:17 (?)

Có một từ gốc tiếng Akkadian (KB 983) vốn có nghĩa là “trần,” vốn cũng là một sự lựa chọn. Những kẻ bóc lột đầy kiêu ngạo, ăn mặc sang trọng, giàu có sẽ bị hạ xuống!

3:18 “lưới trùm đầu” Bộ IVP *Biblical Background Commentary* cho biết điều này chỉ về “đồ trang sức hình mặt trời.” Vì vậy cũng giống như “những trang sức hình trăng lưỡi liềm” bày tỏ sự thờ phượng mặt trăng thì những thứ này bày tỏ sự thờ phượng mặt trời.

☐ **“lược cài tóc (trang sức hình mặt trăng lưỡi liềm)”** Vật này (BDB 962) là một biểu tượng của sự thờ phượng mặt trăng.

1. trên những lạc đà trong quân đội, Các Quan Xét 8:21
2. trên người những vị vua người Mi-đi-an, Các Quan Xét 8:26

3. trên những người phụ nữ giàu có người Giu-đa, Ê-sai 3:18 Một ví dụ khác nữa về sự thờ hình tượng công khai của họ!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THỜ PHƯỢNG MẶT TRĂNG

Sự thờ phượng mặt trăng là một tín ngưỡng được lan truyền rộng rãi nhất của khu vực Cận Đông Cổ Đại bắt nguồn bởi người Sumer (nền văn minh đầu tiên được biết đến). Nó bao gồm cả khía cạnh giới tính nam và nữ trong huyền thoại này. Nguyên gốc nam thần mặt trăng sinh ra bởi sự cưỡng hiếp nữ thần mùa màng (ngũ cốc), *Ninlil*, bởi *Enlil*, nam thần của bầu trời. *Enlil* đã bị đuổi khỏi đền bách thần và bị đoán phạt đày xuống cõi âm bởi vì hành động của mình, nhưng khi *Ninlil* khám phá rằng bà đã có con, bà đã đến với vị thần này. Đứa trẻ, *Sin* (hoặc *Zin*), được cho phép leo lên tận bầu trời vào mỗi buổi tối.

Sự thờ phượng mặt trăng được thiết lập bởi những chu kỳ khác nhau của nó.

1. trăng mới – *Asimbabbar*
2. trăng khuyết – *Sin*
3. trăng tròn – *Nanaa* (thuật ngữ tiếng Sumer “chiếu sáng” từ *En-su*, “chúa tể của sự khôn ngoan”)

Những tên này căn bản có nghĩa là “chúa tể khôn ngoan” (*Suen*) hoặc “sự chiếu sáng” (*Nanaa*), được thờ phượng tại Ur (U-rơ) của người Canh-đê. Chính thành phố này được gọi là thành phố của Nannar. Sự sinh sản và màu mỡ của đất đai được cùng thờ phượng chung tại các đền thờ lớn hình kim tự tháp với mái bằng (*ziggurats*) nằm trong thành phố. Thần mặt trời (*Shamash*) là con đầu của hai vị thần này và sau này là *Ereshkigal* (Nữ Vương của Cõi Âm) và *Nanna* (Nữ Vương Thiên Đường/ bầu trời).

Tà thuật này đã lan rộng khắp cả khu vực Cận Đông Cổ Đại, nhưng các trung tâm thờ phượng chính là

1. U-rơ
2. Ha-ran
3. Tema
4. Ca-na-an
5. Mecca

Cơ bản huyền thuật này kết hợp với sự thờ phượng phồn thực nhấn mạnh vào sự thờ phượng linh tinh (các vật sáng trên bầu trời)

Cựu Ước bác bỏ sự thờ phượng các linh tinh này (Phục Truyền 4:19; 17:3; II Các Vua 21:3,5; 23:5; Giê-rê-mi 8:2; 19:13; Sô-phô-ni 1:5) và sự thờ phượng phồn thực (*Ba-anh* và *A-sê-ra*, các bài thơ bằng tiếng Ugarit). Từ Hê-bơ-rơ, nguyên thủy là những người du mục, vốn rất cẩn thận để chống lại việc thờ phượng mặt trăng bởi vì trong một cách khái quát, sự thờ phượng mặt trăng là một đặc tính của những dân tộc du mục là những người di chuyển vào ban đêm, trong khi nói chung mặt trời vốn được thờ phượng phổ biến hơn rất nhiều bởi những dân tộc nông nghiệp định cư. Tóm lại, nói chung những người du mục định cư và sau đó sự thờ phượng mặt trăng đã trở nên một nan đề dành cho họ.

3:20 “những hộp hương liệu” Từ này (BDB 108) được dịch là “những hộp” nguyên văn là “những căn nhà.” Bộ Tyndale OT Commentaries, được viết bởi J. Alec Motyer nghĩ rằng nó có thể chỉ đến một “vòng đai cao” (trang 58). Có quá nhiều điều mà chúng ta là những người ở thời kỳ hiện đại không biết về những chi tiết của nền văn hóa Cận Đông Cổ Đại mà thường những sự giải nghĩa của chúng ta là những sự phỏng đoán học thuật dựa trên những từ cùng gốc và văn mạch. Không có bất cứ điều nào trong những chi tiết này là quan trọng không thể thiếu để có thể hiểu được ý tưởng bao quát và những vấn đề thần học. Một bộ phận đa phần lớn rất thú vị, nhưng không quan trọng để hiểu lẽ thật trung tâm của khổ thơ hay đoạn văn. Đừng tập chú vào những chi tiết vụn vặt.

3:24 “Dây thừng thay vì thất lưng” Điều này có vẻ chỉ về những tù nhân sẽ bị cột vào nhau và lê bước trong sự lưu đày bởi người A-si-ri.



NASB, NKJV
NRSV, TEV

“bị đóng dấu thay vì sắc đẹp”
“thay vì sắc đẹp, sự hổ nhục”

NJB, REB
Peshitta
LXX

“những dấu bị đóng thay vì sắc đẹp”
“vì sắc đẹp của chúng sẽ bị hủy diệt”
-----bị bỏ qua-----

Bản MT chép “sự hổ nhục thay vì sắc đẹp.” Từ “sự đóng dấu” được lấy từ BDB 464 (đốt, cháy xém, đóng dấu). Từ “hổ nhục” trong bản NRSV và TEV không tìm thấy trong bản MT, nhưng được tìm thấy trong cuộn Ê-sai từ trong những cuộn DSS (1QIsa.)

3:26 Giê-ru-sa-lem (“nó,” GIỐNG CÁI, những câu 25,26) được nhân cách hóa như đang than khóc cho những sự mất mát. Những áo quần lễ hội của Si-ôn được phục hồi trong Ê-sai 61:3, cũng hãy chú ý Xa-cha-ri 3:4 (chỉ câu 22 và Xa-cha-ri 3:4 cũng sử dụng cùng một từ hiếm dành cho trang phục lễ hội này).

Ê-SAI 4

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Một dân sót được chuẩn bị	Sự Đồi Mối Si-ôn	Sự Phục Hồi Giê-ru-sa-lem	Giê-ru-sa-lem Sẽ Được Phục Hồi	Dòng Đồi Thuộc Đức Giê-hô-va
4:1	4:2	4:2-6	4:2-6	4:2-6
4:2-6	(2) 4:3-6			(2-6)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)

THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 4:1

¹ Trong ngày đó, bảy người nữ sẽ nắm chặt một người nam và nói rằng:

“Chúng em tự lo liệu bánh ăn áo mặc,

Chỉ xin cho phép chúng em được mang tên chàng;

Xin chàng cắt đi nỗi hổ nhục của chúng em.”

4:1-4 Bản dịch JPSOA chia đoạn kinh thánh này thành hai khổ thơ và một đoạn văn.

1. câu 1b-3d,
2. câu 4
3. câu 5-6 là một đoạn văn xuôi

Phần lớn những bản dịch khác đem câu 4:1 gộp chung với đoạn 3:16-4:1. Họ cũng không xem cấu trúc những câu này thuộc thể loại văn thơ. Bản NKJV xem câu 2 và bản NJB xem văn mạch những câu 2-6 là một áng thơ dài (bản JB xem chỗ chia phần thơ này tại những câu 2-3 and 4-6), nhưng phần lớn những bản dịch khác xem là văn xuôi. Điều này chỉ cho chúng ta thấy sự khó khăn để biết được khi nào văn bản được viết dưới dạng thơ hay văn xuôi, cũng như chỗ nào những chỗ phân chia tự nhiên hoặc theo chủ đề xảy ra. Hãy cẩn thận với những chỗ phân chia đoạn và câu trong bản dịch hiện đại! Chúng không phải là một sự hướng dẫn được

thần cảm!

4:1 Câu này có vẻ được liên kết với 3:6 (ĐỘNG TỪ khác nhau, 3:6, BDB 1074 và 4:1, BDB 304, nhưng cả hai đều có nghĩa là “nắm chặt”). Nó có lẽ liên hệ một cách chắc chắn với thời đại của Đấng Mê-si (4:2, “Chồi Nhánh”). Văn thơ Hê-bơ-rơ rất khó để “xác định chắc chắn.” Nó thường là một sự chơi chữ với những hành động tương tự.

▣ **“bảy người nữ”** Bảy là một con số của sự trọn vẹn trong suy nghĩ của người Do Thái liên hệ với Sáng Thế Ký 1. Vì vậy, trong chỗ này, cũng như trong 3:25-26, chỉ về toàn bộ cư dân của Giê-ru-sa-lem/Giu-đa.

▣ **“bắt lấy”** Đ ĐỘNG TỪ này (BDB 304, KB 302, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) chỉ về một ai đó bắt lấy một cách chắc chắn một người hoặc một vật nào đó (Phục Truyền 22:25; 25:11; I Sa-mu-ên 15:27; II Sa-mu-ên 1:11; I Các Vua 1:50; II Các Vua 2:12; 4:27; Châm Ngôn 7:13; 26:17; Xa-cha-ri 8:23).

▣ **“xin cho phép chúng tôi mang danh người”** Tên là một biểu tượng dành cho một người và những đặc tính của người đó. Mục đích của hành động này được bày tỏ qua cụm từ tiếp đó, “cất sự xấu hổ của chúng tôi đi” (BDB 62, KB 74, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH). Ai có thể làm được điều này?

1. người công chính trong 3:10
2. Đấng Mê-si “Chồi Nhánh” trong 4:2-6

▣ **“cất sự xấu hổ của chúng tôi đi”** DANH TỪ này (BDB 357) có thể chỉ về

1. một biểu tượng của tội lỗi và sự phản nghịch chống lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. sự góa bụa không con cái bởi vì tất cả những người nam đều đã bị giết trong chiến trận (theo NASB Study Bible, trang 965, và NIDOTTE, tập 2, trang 75)

Ê-sai 54:4 phù hợp với cả hai lựa chọn trên bởi vì “sự góa bụa” có thể chỉ về việc bị ly hôn (một sự ảm đượ mang tính luật pháp) bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 4:2-6

² Trong ngày đó, chồi của Đức Giê-hô-va sẽ đẹp đẽ và vinh quang; hoa quả của đất là niềm hãnh diện và vinh dự của những người Y-so-ra-ên còn sống sót. ³ Những người còn lại ở Si-ôn, những người còn sót lại ở Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thánh. Tất cả được ghi vào sổ những người sống tại Giê-ru-sa-lem. ⁴ Khi Chúa dùng thần công lý và thần thiêu đốt để tẩy rửa sự ô uế của các con gái Si-ôn, và tẩy sạch máu của Giê-ru-sa-lem khỏi giữa nó, ⁵ thì trên khắp núi Si-ôn và trên hội chúng, Đức Giê-hô-va sẽ tạo ra một đám mây vào ban ngày, khói và lửa rực sáng vào ban đêm. Vì sẽ có một cái vòm che trên mọi vinh quang; ⁶ nó sẽ là cái lều làm bóng che khỏi nắng nóng ban ngày, và là nơi trú ẩn để tránh bão táp mưa sa.

4:2 “Trong ngày đó” Cụm từ này chỉ về một thời điểm tương lai khi mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến (để ban phúc hoặc đoán phạt) dân sự của Ngài (2:2,11,12,20; 3:7,18; 4:1,2). Đây là một chủ đề lặp đi lặp lại trong Ê-sai. Thật khó để xác định chắc chắn trong tâm trí Ê-sai điều này chỉ về

1. sự phục hồi từ sự lưu đày bởi Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua trong thời kỳ Ba Tư period (Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi)
2. sự phục hồi Mác-ca-bê bởi Mác-ca-bê trong thời kỳ Selucid
3. Lần đến thứ nhất của Chúa Jesus (sự mở đầu của Thời Kỳ Mới)
4. Lần đến thứ hai của Chúa Jesus (Sự hoàn thành của Thời Kỳ Mới)

Hãy chú cách Các Sách Tiên Tri thay đổi từ sự đoán phạt trọn vẹn, hoàn toàn sang một sự tha thứ và phục hồi trọn vẹn! Đây chính là sự điển hình của thể loại văn học tiên tri. Một khía cạnh không thể được trình bày nếu thiếu đi điều kia! The Mục tiêu của sự đoán phạt luôn luôn là sự phục hồi.

▣ **“Chồi của Đức Giê-hô-va”** Để mô tả về danh xưng này (BDB 855, Kinh Targums giải nghĩa nó chỉ về Đấng Mê-si) hãy cho phép tôi trích dẫn trong quyển giải kinh Đa-ni-ên và Xa-cha-ri của tôi những nơi mà từ này cũng được sử dụng (nhưng chỉ một ghi chú của sự thận trọng, chúng ta cần cẩn thận về việc gán một văn mạch, văn mạch, văn mạch luôn luôn quan -nghĩa máy móc của một từ hoặc cụm từ được sử cho mọi chỗ

trọng thiết yếu). Từ này có thể được phát triển nhiều lần từ một sự chỉ đến về ý tưởng của sự dư dật đến với đặc biệt của Đức Chúa Trời là Đấng sẽ phục hồi sự dư dật đó tương về Tôi Tớ (một cành non, chồi nhánh). Hãy để tôi chia sẻ bài ghi chú của tôi từ quyển giải kinh Xa-cha-ri của tôi.

Xa-cha-ri 3:8 “Chồi nhánh” Từ này có thể là “đâm chồi” (BDB 855). Đây là một danh xưng Mê-si (6:12; Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15). Hãy xem sự thảo luận đầy đủ và Chủ đề đặc biệt: Chúa Jesus người Na-xa-rét trong Đa-ni-ên 4:15.

Danh xưng này được dùng cho Xô-rô-ba-bên trong 6:12 như là một biểu tượng của vương triều từ dòng dõi Đa-vít. Thật ngạc nhiên nó được sử dụng trong văn mạch này, vốn nhấn mạnh về khía cạnh thầy tế lễ của Đấng Mê-si. Hai khía cạnh song song của Đấng Giải Cứu (thầy tế lễ, Ê-sai 53) và một lãnh đạo quân trị (vua, Ê-sai 9:6-7) được kết hợp lại trong sách Xa-cha-ri (đoạn 4).

Xa-cha-ri 6:12 “Chồi nhánh” Từ này (BDB 855) có nghĩa là “đâm chồi” (3:8; 6:12; Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15). Đây là danh xưng dành cho Đấng Mê-si. Trong Xa-cha-ri nó chỉ về Xô-rô-ba-bên là biểu tượng kiểu mẫu dành cho Đấng Mê-si (theo Ê-xơ-ra và Rashi). Tên Xô-rô-ba-bên, trong tiếng Akkadia, có nghĩa là “mọc lên từ Ba-by-lôn.” Có lẽ đây là một cách chơi chữ từ tên của người này kể từ khi ông đã xây dựng đền thờ vào năm 516 T.C, nhưng nó thật sự là một sự đề cập cuối cùng đến Chúa Jesus. Danh xưng này trùng khớp với ĐỘNG TỪ (“sẽ mọc lên,” *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) xuất hiện cùng với nó trong câu này.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT

Có nhiều chữ Hy Lạp khác nhau dùng trong Tân Ước dùng để làm rõ nói đến Giê-xu nào.

1. Những chữ trong Tân Ước
 - a. Na-xa-rét - thành phố trong xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công-vụ 10:38). Thành phố này không được nhắc đến trong các nguồn tài liệu đương thời nhưng lại xuất hiện trên những bia đá xuất hiện sau đó.
Chi tiết Đức Chúa Giê-xu từ Na-xa-rét không phải là lời ca ngợi (xem Giăng 1:46). Tấm bảng trên cây thập tự đóng đinh Đức Chúa Giê-xu có nhắc đến địa danh này cho biết đó một dấu hiệu chỉ sự khinh khi của người Do thái.
 - b. *Nazarēnos* - dường như cũng đề cập đến một sự xác định địa điểm (xem Lu-ca 4:34; 24:19).
 - c. *Nazōraios* - có thể đề cập đến một thành phố, nhưng cũng có thể là một cách chơi chữ dựa trên chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-si trong tiếng Do thái (*netzer*, xem Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Lu-ca dùng chữ này cho Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 18:37 và Công-vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.
 - d. liên hệ với điểm #c., *nāzir*, vốn có nghĩa là người được biệt ra bởi một lời thề hứa.
2. Những cách sử dụng ngoài Tân Ước theo lịch sử. Cách định danh này có những cách dùng khác trong lịch sử.
 - a. Nó ám chỉ một nhóm dị giáo người Do thái trước thời kỳ của Cơ-Đốc-Giáo.
 - b. Nó đã được sử dụng trong vòng người Do thái để chỉ những người tin nơi Đấng Christ (xem Công-vụ 24:5,14; 28:22).
 - c. Nó trở thành chữ thông thường chỉ những tín hữu trong những Hội thánh người Sy-ri (nói tiếng A-ram). “Cơ-Đốc-Nhân” được dùng để chỉ những tín hữu trong các Hội thánh nói tiếng Hy Lạp.
 - d. Một thời gian sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem, những người Pha-ri-si tập hợp tại Jamnia mưu toan chính thức tách biệt giữa nhà hội và Hội thánh. Một bằng chứng tiêu biểu cho khuôn mẫu những lời nguyện rửa các Cơ-Đốc Nhân tìm thấy trong “Mười tám Lời kinh tạ ơn” trong *Berakoth* 28b-29a, gọi những tín hữu là
“Cầu cho những người Na-xa-rét cùng với những kẻ dị giáo biến mất trong giây lát; chúng sẽ bị xóa khỏi sách sự sống và không được viết xuống cùng với những người trung tín”.

- e. Nó cũng được sử dụng bởi Justin Martyr, trong *Dial.* 126:1 là người đã trích từ sách Ê-sai khái niệm *netzer* về Chúa Jesus.
3. Ý kiến cá nhân của tác giả
- Tôi lấy làm ngạc nhiên bởi nhiều cách đánh vần của chữ này dù tôi biết rằng đây không phải là chuyện chưa từng xảy ra cho Cựu Ước; như chữ “Giô-suê” có nhiều cách đánh vần trong tiếng Do thái. Tuy vậy, bởi vì các lý do sau
- sự liên hệ gần gũi với chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-si;
 - kết hợp với âm ý tiêu cực;
 - rất ít hầu như không có sự chứng thực hiện thời về thành phố Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê
 - chữ này nằm trong lời của ma quỷ nói theo ý nghĩa lai thể (“Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi sao?”) khiến tôi không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của chữ này.

Để tham khảo đầy đủ những nghiên cứu riêng về chữ này bởi các học giả xem *New International Dictionary of NT Theology*, của Collin Brown (ed.), vol. 2, trang 346, hoặc *Birth*, của Raymond E. Brown ở trang 209-213, 223-225.

▣ Một sự mô tả về “Chồi Nhánh” của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (NKJV, NRSV, JB)

- xinh đẹp, BDB 840, Giê-rê-mi 3:19 (often used of Promised Land in Đa-ni-ên 8:9; 11:16,41)
- vinh hiển, BDB 458 có nghĩa là “phong phú,” “tôn kính,” và “vinh hiển” (“vinh hiển,” BDB 802, cũng ở trong câu này)

Hai từ này thường đi cùng với nhau (13:19; 28:1,4,5).

Một vài bản dịch khác chọn câu này là một sự chỉ về sự phát triển của cây trong thời kỳ phục hồi (bản dịch LXX, Peshitta, TEV, NJB, REB, NET Bible). Trong một nghĩa nào đó Đấng Mê-si và thời kỳ phục hồi có sự liên hệ với nhau về mặt từ ngữ (phần đầu của câu 2; phần thứ hai của Đất Hứa đầy màu mỡ, kết quả).

▣ “những kẻ sót lại trong Y-sơ-ra-ên” Ê-sai đề cập đến họ và mô tả về họ thường xuyên (10:20; 37:31,32; hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9), nhưng ông đã đề cập đến nhóm người nào? Hãy xem bình luận mở đầu trong câu 2.

Thánh Linh chính là tác giả thật sự của Kinh Thánh. Trong những đoạn kinh thánh tiên tri và Khải thị, thường tác giả là con người không thể nhận ra sự mở rộng đầy đủ của thông điệp từ chính Ngài. Tôi không nghĩ điều này có nghĩa là những đoạn Kinh Thánh này có nhiều nghĩa (ý nghĩa đầy trọn (Sensus Plenier)-một ý nghĩa sâu hơn được định trước bởi Đức Chúa Trời nhưng không phải bởi ý định của tác giả là con người), nhưng là một sự mặc khải theo tiến trình làm rõ bởi ý nghĩa được định trước. Thường khái niệm của sự đa ứng nghiệm là những gì được liên kết với ý định trọn vẹn của thông điệp của Thánh Linh (7:14). Tuy nhiên, một sự giải kinh thích đáng bắt buộc phải bắt đầu từ “ý định của tác giả” như là nơi khởi đầu và đánh giá một sự giải nghĩa của bất kỳ đoạn kinh thánh và thể loại văn học.

4:3 Từ này có lẽ khiến cho người Do Thái trong thời kỳ của Giê-rê-mi là những người không bị lưu đày xem họ là những người được ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ưu ái, nhưng Ê-xê-chi-ên chỉ ra đây không phải là trường hợp đó. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giải quyết trước tiên với những người trở về (Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi).

▣ “những kẻ ở Giê-ru-sa-lem được chép vào sổ người sống” Có hai vấn đề giải nghĩa.

- Sự chỉ về sự sống tại Giê-ru-sa-lem kinh đô của Giu-đa hay là “Giê-ru-sa-lem mới,” biểu tượng của thời đại mới (Khải Huyền 21)? Nó có nghĩa lịch sử hay lai thể học?
- Quyển sách sự sống (Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HAI QUYỂN SÁCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

A. Trong một nghĩa tên của Chủ đề đặc biệt này có thể chỉ về

- thiên nhiên (thể giới tạo vật, Thi 19:1-6)
- Kinh Thánh (Thi 19:7-14)

Đây là lý do mà cuối cùng tôi không nghĩ rằng cần phải có sự mâu thuẫn giữa khoa học và đức tin,

mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Hãy xem quyển giải kinh Sáng Thế Ký 1-11 trực tuyến miễn phí của tôi tại www.freebiblecommentary.org

- B. Có hai quyển sách được đề cập trong Kinh Thánh (Đa-ni-ên 7:10; Khải Huyền 20:12)
1. Quyển sách bao gồm tất cả các hành động của con người, gồm cả tốt và xấu. Trong một nghĩa, nó chính là một ấn dụ của trí nhớ của Đức Chúa Trời và rằng một ngày tất cả nhân loại đều sẽ phải giải trình trước Đấng Tạo Hóa của họ về sự quản trị của món quà sự sống.
 - a. Thi Thiên 56:8; 139:16
 - b. Ê-sai 65:6
 - c. Ma-la-chi 3:16
 - d. Khải Huyền 20:12-13
 2. Quyển sách liệt kê những người đã có đức tin/ sự ăn năn/ mối quan hệ vâng phục dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA/Chúa Jesus. Đây là một ấn dụ về sự ghi nhớ của Đức Chúa Trời về những ai được cứu chuộc và bao gộp vào nước thiên đàng.
 - a. Xuất 32:32-33
 - b. Thi Thiên 69:28
 - c. Ê-sai 4:3
 - d. Đa-ni-ên 12:1
 - e. Phi-líp 4:3
 - f. Hê-bơ-rơ 12:23
 - g. Khải Huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:12,15; 21:27
 - h. cũng được nhắc đến trong sách I Enoch 47:3; 81:1-2; 103:2; 108:3

Những sách trên đại diện cho sự thành tín của Đức Chúa Trời đối với Lời của Ngài. Đối với những ai chống nghịch và chối bỏ, Ngài ghi nhớ; đối với những ai ăn năn, tin cậy, vâng lời, phục vụ và bền đỗ, Ngài quên đi (Thi 103:11-13; Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Mi-chê 7:19). Đây là sự đảm bảo và tin quyết dư dật trong sự không đòi đổi, sự thương xót, đặc tính, những lời hứa, và sự chu cấp của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thật đáng tin cậy!

4:4 Câu này có hai ấn dụ dùng cho sự tẩy sạch thuộc linh.

1. tẩy rửa
 - a. tẩy sạch, BDB 934, KB 122, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH
 - b. thanh tẩy (nguyên văn “rửa sạch bằng nước”), BDB 188, KB 216, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH (có sự nghĩa rộng về sự sinh tế, II Sử Ký 4:6; Ê-xê-chi-ên 40:38)
2. lửa
 - a. bởi một linh của sự đoán phạt, 28:6
 - b. bởi một linh của sự thiêu đốt, 1:31; 9:19 (hãy xem Chủ đề đặc biệt: Lửa tại 1:31).

Rất có khả năng rằng “linh” (*ruah*) nên được hiểu là một làn gió mãnh liệt, đầy sự hủy diệt của sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Giu-đa sẽ bị đoán phạt và tẩy sạch sự chống nghịch cố của nó .

▣ **“sự ô uế”** Đây là một từ rất nặng (BDB 844) vốn được sử dụng cho tội lỗi.

1. Ê-sai 28:8 dùng cho sự nôn mửa của con người
2. Ê-sai 36:12 dùng cho phân của con người (Phục Truyền 23:14; Ê-xê-chi-ên 4:12)

▣ **“những con gái Si-ôn”** Đây là sự ấn dụ được dùng cho Giê-ru-sa-lem trong 3:16-26. Nó song hành với “Giê-ru-sa-lem.”

▣ **“(đổ) huyết”** Từ này (BDB 196) là một sự ấn dụ dùng cho sự giết người cố ý (có suy tính trước). Ở đây có lẽ chỉ đến sự cướp bóc người nghèo và sự loại bỏ phân biệt đối xử với người nghèo (“khỏi giữa nó”).

4:5 Đây là một sự ám chỉ lịch sử về sự hiện diện và chăm sóc cá nhân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong suốt những thời kỳ Xuất Hành và Lang Thang Trong Hoang Mạc. Nó chỉ về đám mây vinh hiển *Shekinah* (Xuất 13:21,22; 40:38; Dân Số Ký 9:15-23; Thi 78:14; 99:7; 105:39). Ngài (hoặc thiên sứ Ngài) sẽ đích thân dẫn dắt dân sự Ngài một lần nữa và chu cấp cho mọi nhu cầu của họ trong sự dư dật.

▣ **“Đức Giê-hô-va sẽ dựng lên”** ĐỘNG TỪ này (BDB 135, KB 153, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) được sử dụng duy nhất cho sự sáng tạo của Đức Chúa Trời (Sáng 1:1).

▣ **“màn”** Từ này (BDB 3421) có thể chỉ về

1. một sự che phủ bảo vệ giống như đám mây *Shekinah* (trên toàn bộ dân sự, giống như Cuộc Xuất Hành và Lang Thang Trong Hoang Mạc)
2. a covering for a wedding (Thi 19:5; Joel 2:16)

Một vài người liên hệ điều này với một sự ẩn dụ trong đám cưới với những người phụ nữ tuyệt vọng trong câu 4:1, trong khi những nhà giải kinh khác liên hệ nó với Đền Tạm và Đền Thờ sẽ được phục hồi trong tương lai ở Giê-ru-sa-lem, vốn chỉ về sự hiệp nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA/ Đấng Mê-si và dân sự của Ngài trong một ẩn dụ về đám cưới (5:1; Ô-sê 1-3; Ê-phê-sô 5:21-33).

4:6 Có một vài ẩn dụ được kết hợp để chỉ về sự bảo vệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (khỏi sự nóng thiêu đốt và bão tố)

1. trại, BDB 697, 1:8; Thi 27:5; 31:20; cùng một tưởng trong 32:2
2. chỗ trú ẩn, BDB 340
 - a. DANH TỪ, Ê-sai 25:4
 - b. ĐỘNG TỪ, Ê-sai 14:23; 57:13
 - c. Trong các Thi Thiên, 14:6; 46:1; 61:4; 62:7,8; 71:7; 73:28; 91:2,9; 94:22; 142:5
3. từ một số đoạn Kinh Thánh khác trong Ê-sai, một sự “bảo vệ,” BDB 731, 17:10; 27:5 Thường những sự ẩn dụ này chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là
 1. một sự bảo vệ của chim mẹ (dưới sự trú ẩn của cánh của nó)
 2. một tháp canh cao hoặc đồn lũy (Thi 18:1)

Các tín đồ có thể tin cậy vào sự bảo vệ và chăm sóc dịu dàng của Đức Chúa Trời giao ước của họ! Ngài ở cùng với chúng ta và cho chúng ta, nếu chúng ta chỉ ăn năn, tin cậy, vâng lời, phục vụ và bền chí kiên trì. Giao ước có những lời hứa (những quyền lợi) và những trách nhiệm (nghĩa vụ). Cả hai đều có những kết quả (hậu quả) đi kèm!

Ê-SAI 5

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Dụ Ngôn về Vườn Nho	Vườn Nho Đáng Thất Vọng Của Đức Chúa Trời	Bài Ca về Vườn Nho	Bài Ca về Vườn Nho	Bài Ca về Vườn Nho
5:1-2 (1-2)	5:1-7 (1b-2)	5:1-2 (1-2)	5:1-2 (1-2)	5:1-4 (1-4)
5:3-6 (3-6)	(3-6)	5:3-4 (3-4)	5:3-4	
		5:5-6 (5-6)	5:5-6	5:5-7 (5-7)
5:7 (7)	(7)	5:7-10 (7-10)	5:7 (7)	
Khốn thay cho Những Kẻ Gian Ác	Sự Đoán Phạt không Trì Hoãn Được Thực Thi		Sự Gian Ác Dân Sự Thực Hiện	Những Sự Rửa Sà
5:8-12 (8-12)	5:8-10 (8-10)		5:8-10	5:8-10 (8-10)
	5:11-12 (11-12)	5:11-13 (11-13)	5:11-14	5:11-14 (11-14)
5:13-17 (13-17)	5:13-17 (13-17)	5:14-17 (14-17)		
			5:15-17	5:15-17 (15-17)
5:18-23 (18-23)	5:18-19 (18-19)	5:18-24 (18-24)	5:18-19	5:18-19 (18-19)
	5:20 (20)		5:20	5:20 (20)
	5:21 (21)		5:21	5:21 (21)
	5:22-23 (22-23)		5:22-25	5:22-24 (22-24)
5:24-25 (24-25)	5:24-25a (24-25a)			Sự Nổi Giận Của Đức Giê-hô-va
	5:25b (25b)	5:25-30 (25-30)		5:25 (25)
				Đức Giê-hô-va Triệu Tập Những Kẻ Xâm Lược
5:26-30 (26-30)	5:26-30 (26-30)		5:26-29	5:26 (26)
				5:27 (27)
				5:28 (28)

	5:29 (29)
5:30	5:30 (30)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THÙY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU VỀ VĂN MẠCH

- A. Thật khó để biết được bối cảnh lịch sử của đoạn này. Có thể áp dụng nó vào bất cứ giai đoạn nào của chức vụ rao giảng của Ê-sai. Con người hiện đại không thể biết cách những sách tiên tri được tuân theo.
- B. Có vẻ như bài dân ca này được hát vào những dịp hội họp của quốc gia Giu-đa. Cho dù nó ở trong đền thờ hay nơi họp chợ thì không rõ ràng.
- C. Rất quan trọng cần phải nhớ rằng đặc quyền luôn đi cùng với trách nhiệm (Lu-ca 12:48).
- D. Những sự ám chỉ trong bài dân ca được tìm thấy trong Tân Ước (Ma-thi-ơ 21:33-46; Mark 12:1-2; Lu-ca 20:9-19).
- E. Phải nhớ rằng Giu-đa, trong phần lớn chức vụ tiên tri của Ê-sai, đã là một quốc gia cực kỳ thành công và thịnh vượng. Sự thịnh vượng đã mang lại sự yếu đuối thuộc linh và một sự phụ thuộc vào những nguồn tài nguyên của con người thay vì dựa vào Đức Chúa Trời và những lời hứa và yêu cầu giao ước của Ngài.

DÀN Ý VĂN TẮT

- A. Bài Ca Dụ Ngôn, những câu 1-6
- B. Sự Giải Nghĩa Châm Biếm, câu 7

- C. Sự Đoán Phạt Hệ Quả của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, những câu 8-30
1. chuỗi những sự Rửa Sả Khốn thay, những câu 8-23
 2. sự đoán phạt, những câu 24-30
 - a. bởi tự nhiên, câu 25
 - b. bởi những kẻ xâm lược, những câu 26-30

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:1-2

¹ Tôi sẽ hát cho người yêu dấu của tôi
 Một bài ca về người yêu dấu tôi và vườn nho người:
 Người yêu dấu của tôi có một vườn nho
 Trên một ngọn đồi màu mỡ.
² Người đào xới đất, lượm sạch đá,
 Và trồng loại nho tốt.
 Người dựng một tháp canh giữa vườn
 Và đào một hầm ép rượu.
 Người mong chờ nó sinh trái nho tốt,
 Nhưng nó lại sinh trái nho hoang.

5:1 “Tôi sẽ hát” ĐỘNG TỪ giới thiệu này (BDB 1010, KB 1479, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ) cũng được sử dụng trong 26:1 và 42:10. DANH TỪ này cũng xuất hiện trong câu 1. Các bài hát thường được sử dụng để đánh dấu những sự kiện (Xuất 15:1; Dân Số Ký 21:17; Các Quan Xét 5:1; I Sa-mu-ên 18:6).

Ở đây bài ca được sử dụng để thu hút sự chú ý của những người đi qua, để họ có thể dừng lại và lắng nghe.

▣ **“rất yêu dấu ...yêu dấu”** Đây là hai từ Hê-bơ-rơ khác nhau. Từ đầu (BDB 391) thường được sử dụng trong thơ ca cho một thành viên gia đình. Từ thứ hai (BDB 187) thường được sử dụng trong Nhã Ca cho người tình. Ở đây, nó chỉ về một người bạn đặc biệt mà người dùng nó có những sự trông đợi đặc biệt. Điều này sẽ gây sự đồng cảm rất tốt đối với xã hội nông nghiệp của quốc gia Giu-đa.

▣ **“vườn nho”** Cây nho (hoặc vườn nho) vốn là một biểu tượng của quốc gia Y-sơ-ra-ên (Xuất 15:17; Thi 80:8; Giê-rê-mi 2:21; 12:10) cũng như là cây ô-li-ve và chim bồ câu. Giu-đa được nhìn bởi các tiên tri như là “đân sự của Đức Chúa Trời” đứng đấng duy nhất.

▣ **“gò đất tốt”** “gò đất” có từ gốc là “sùng” (BDB 901) được sử dụng theo nghĩa của một khu đồi tách biệt có vị trí chính xác để nhận ánh nắng và có độ nghiêng vừa đủ để nước mưa có thể thoát. “khu đồi” tuyệt hảo này được chuẩn bị cách hoàn hảo cho những cây nho “tốt nhất”, cho một vụ mùa tốt nhất!

TÍNH TỪ “màu mỡ (tốt)” có từ gốc là “con trai của dầu” hoặc “con trai của mỡ” (BDB 1032), vốn là một sự ẩn dụ để chỉ về sự màu mỡ và phong phú dư dật (28:1,4).

5:2 Có một sự chơi chữ trên ĐỘNG TỪ (BDB 793, KB 889) trong những câu 2-5, được sử dụng bảy lần. Nó được dịch là

1. sanh, câu 2 (hai lần)
2. làm, câu 4 (hai lần), những gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho vườn nho Ngài
3. sanh, câu 4 (hai lần)
4. làm, câu 5, những gì Đức Chúa Trời sẽ làm đối với vườn nho chống nghịch, vô ơn của Ngài

▣ **“Người khai phá ra; cắt bỏ những đá”** ĐỘNG TỪ thứ nhất (BDB 740, KB 810, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được tìm thấy duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. Bản dịch KJV dịch là “rào lại.” Mặc dù tôi không tin đây là cách dịch chính xác của từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ, nhưng nó cũng phù hợp với bối cảnh. Khi những hòn đá được đào xới khỏi những cánh đồng đầy sỏi đá tại Palestine, chúng thường dồn đống lại với nhau thành một hàng rào. Các vườn nho thường được bảo vệ bởi một con rãnh đào (cũng có thể là một nghĩa của ĐỘNG TỪ đầu

tiên) với một hàng rào bằng đá (theo bản dịch LXX, Peshitta, Vulgate). Nó chắc chắn có thể có nghĩa rằng Ê-sai đang mô tả những kỹ thuật đắp đất. Những hòn đá được sử dụng để san bằng các phần của mảnh vườn.

Nó cũng có thể là những hòn đá được đặt thành đồng và được sử dụng để giữ cho những cụm nho lên khỏi mặt đất (theo James Freeman, trong quyển *Manners and Customs of the Bible*, ở trang 360-363).

▣ **“những gốc nho xinh tốt”** Cụm từ này chỉ về những cây nho màu đỏ tươi được biết đến với từ gốc là “sorek” (BDB 977 I, Giê-rê-mi 2:21). Những cây nho này có tên từ một thung lũng ở Palestine (Các Quan Xét 16:4). Chúng được nhắc đến trong Giê-rê-mi 2:21 như là một giống nho đất tiên và được tìm kiếm nhiều nhất giữa nhiều giống nho rất đa dạng. Giống nho này thậm chí còn được đề cập đến trong một đoạn Kinh Thánh nói về Đấng Mê-si (Sáng 49:11).

▣ **“tháp”** Từ này (BDB 153, “tháp canh” được xây dựng bằng đá được đào khỏi khu vườn) dùng cho những mục đích an ninh và thường chỉ được dùng trong thời gian gieo trồng và thời gian thu hoạch vào tháng 9 (nó phục vụ cho cùng một mục đích cũng như từ “lều” được đề cập đến trong 1:8). Từ tương tự cũng có thể chỉ đến một tháp quân sự (Ê-sai 2:15). Văn mạch, văn mạch, văn mạch!

▣ **“đào một nơi ép rượu”** Cụm từ này có thể là một chỗ lõm trũng có bề mặt bằng đá được dựng nên cho phép những người nữ nghiền nho bằng chân và sau đó một rãnh trong đá sẽ dẫn đến một chỗ lõm sâu hơn là nơi nước nho sẽ được trữ ở đó.

▣

NASB “những thứ vô giá trị”

NKJV, NRSV,

NJB, REB “những trái nho hoang”

TEV, JB “mọi trái nho đều chua”

LXX “những gai góc”

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 93) có thể chỉ về

1. các loại cỏ hôi thối hoặc độc hại, SỐ ÍT, Gióp 31:40
2. những thứ hôi hám, tồi tệ, vô giá trị, SỐ NHIỀU

Căn bản gốc từ chỉ về sự hôi thối của

1. những xác chết, Ê-sai 34:3 (5:25); Giô-ên 2:20; A-mốt 4:10
2. những con cào cào, Giô-ên 2:20 (ẩn dụ cho đội quân đã chết)

Bản dịch MT trong văn mạch này chỉ về “những cây nho hoang,” vốn không ngọt và đầy đặn, nhưng nhỏ và chua, không phù hợp để làm rượu

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 5:3-6

³ “Vậy bây giờ, hỏi dân cư Giê-ru-sa-lem
và người Giu-đa!

Hãy phân xử giữa Ta
với vườn nho của Ta.

⁴ Có điều gì cần làm cho vườn nho của Ta,
Mà Ta không làm cho nó chẳng?
Tại sao Ta mong nó sinh trái nho tốt,
Mà nó lại sinh trái nho hoang?

⁵ Bây giờ, Ta cho các ngươi biết
Những gì Ta sắp làm cho vườn nho của Ta:

Ta sẽ phá rào
Để nó bị cắn nuốt,
Ta sẽ hạ tường
Để nó bị giày đạp.

⁶ Ta sẽ khiến nó trở nên hoang tàn,
Không được tía sữa, cũng không được vun xới;
Gai góc và bụi rậm mọc lên um tùm.

**Ta cũng truyền cho mây
Không đổ mưa trên nó nữa.”**

5:3 Nhà tiên tri đang dẫn khán giả của ông vào một tiến trình đưa-ra-quyết-định. Đây chính là điểm then chốt của thể loại dụ ngôn. Họ sẽ phán xét chính họ!

ĐỘNG TỪ “phán xét” (BDB 1047, KB 1622) là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH và nó tương tự với Ma-thi-ơ 21:40.

5:4 Câu hỏi này là tâm điểm của bài ca dụ ngôn. Đức Chúa Trời đã làm mọi điều cho dân sự của Ngài, nhưng họ đã chối bỏ Ngài.

5:5-6 Nhà tiên tri, đại diện cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, công bố (BDB 393, KB 390, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ) về những gì Ngài sẽ làm đối với vườn nho đầy thất vọng của Ngài (Giu-đa).

1. loại bỏ hàng rào của nó, hậu quả là nó sẽ bị tan nát bởi các loài thú
2. phá bỏ tường bảo vệ của nó, hậu quả những cây nho sẽ bị dẫm đạp và san bằng
3. khước từ việc chăm sóc nó, hậu quả là chà chuôm và gai góc sẽ mọc lên (7:23,25; 9:18; 27:4)
4. khước từ việc ban mưa xuống, hậu quả nó sẽ khô héo và chết (Phục Truyền 28:23-24)

5:6 “**Ta sẽ khiến nó trở nên hoang tàn**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1011, KB 1483) là một *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ khiến cho vườn nho của Ngài trở thành một nơi “hoang tàn” (BDB 144). Thuật ngữ này chỉ tìm thấy duy nhất ở đây. Nó cũng có thể có nghĩa là “sự kết thúc” hoặc “hủy diệt.” Sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là toàn toàn và cuối cùng (câu 30)! Cảm ơn Chúa bởi những đoạn 7-12! Sẽ có một thời kỳ mới (những đoạn 40-55) và một trời mới đất mới (những đoạn 56-66).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:7

⁷ Vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân

Chính là nhà Y-sơ-ra-ên,

Còn người Giu-đa

Là những cây trồng mà Ngài vui thích.

Ngài mong thấy công lý,

Mà chỉ thấy sự phạm pháp;

Ngài mong sự công chính,

Mà chỉ có tiếng kêu la!

5:7 “**nhà Y-sơ-ra-ên**” Từ này thường có vẻ chỉ về cả tập thể dân tộc Do Thái trước khi sự chia đôi chính trị vào năm 922 T.C, mặc dù trong câu này chỉ về Giu-đa. Vào thời điểm này trong lịch sử của tuyển dân của Đức Chúa Trời, quốc gia của họ bị chia đôi thành mười chi phái phía bắc được biết đến với tên Y-sơ-ra-ên, Ép-ra-im, hoặc Sa-ma-ri và ba chi phái phía nam được biết với tên Giu-đa, vốn bao gồm Bên-gia-min, Si-mê-ôn, và phần lớn những người Lê-vi/ những thầy tế lễ.

▣ “**công lý...sự đổ huyết...công chính...tiếng kêu la (bị áp bức)**” Đây là một sự chơi chữ của hai âm khác nhau trong tiếng Hê-bơ-rơ mà không thể tái hiện lại trong bản dịch tiếng Anh:

1. מִשְׁפָּט *Mishpat* (công lý) và (דָּמָא *Mispach* (đổ huyết, BDB 705)

2. צְדָקָה *Zedakah* (sự công chính) và קוֹל *Zeakah* (kêu la của sự đau đớn khôn cùng).

Một sự đảo ngược từ Kinh Thánh của sự trông đợi.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:8-12

⁸ Khốn cho những kẻ thêm nhà vào nhà,

Thêm ruộng vào ruộng,

Cho đến khi chẳng còn chỗ trống nào,

Và các người sống một mình giữa xứ!

⁹ Đức Giê-hô-va vạn quân phán vào tai tôi:

**“Thật, có nhiều nhà sẽ bị bỏ hoang,
 Những nhà lớn và đẹp ấy sẽ không có người ở!**
¹⁰ **Một vườn nho khoảng bốn héc-ta
 Chỉ sản xuất được hai mươi hai lít rượu nho;
 Hai trăm hai mươi lít hạt giống
 Chỉ được hai mươi hai lít lúa.”**
¹¹ **Khốn cho kẻ dậy sớm
 Để chạy theo rượu,
 Nán nã mãi đến chiều tối
 Để rượu nung đốt họ!**
¹² **Trong các yến tiệc của họ,
 Có đàn hạc, đàn lia, trống nhỏ, sáo và rượu;
 Nhưng họ không lưu ý đến công việc Đức Giê-hô-va,
 Cũng chẳng nhìn xem việc tay Ngài làm.**

5:8

NASB, NKJV,

NJB, REB

“Khốn cho”

NRSV, JPSOA

“Ôi”

TEV

“Các người sẽ bị diệt vong”

Có những tranh luận giữa những nhà giải kinh về việc có sáu hay bảy “sự khốn thay” (BDB 222) được liệt kê. Ở đây không phải là từ nguyên gốc tiếng Hê-bơ-rơ “khốn thay” (BDB 17, vốn chỉ về một bài ai ca, 3:9,11; 6:5; 24:16). Cách dịch từ bản dịch BDB đề nghị là “ôi,” “than ôi,” hoặc “a” (1:4; 10:1,5; 17:12; 28:1). Nó diễn tả một sự không thỏa mãn đau đớn với tình huống hoặc những hậu quả hiện tại.

Chúng bắt đầu với những hậu quả của sự đoán phạt trên Giu-đa bởi vì sự lạc lối của họ khỏi giao ước của Đức Chúa Trời.

Chúng căn bản là một danh sách của những tội lỗi của xã hội Giu-đa.

▣ **“cho những kẻ thêm nhà vào nhà, thêm ruộng vào ruộng”** Câu này chỉ về những kẻ sở hữu đất tham lam là những người cướp bóc của người nghèo bởi việc lấy đi những mảnh đất thừa kế của tổ tiên của họ (những khu đất được phân chia bởi Giô-suê) để tích lũy công chất nhiều đất hơn và nhiều hơn nữa cho chính họ (Giê-rê-mi 22:13-17; Mi-chê 2:2). Luật pháp Mô-i-se bảo vệ những vùng đất được phân chia bởi việc ban hành “Năm Hoan Hy” (Lê-vi-ký 25:8-55; Dân Số Ký 36:4). Tất cả đất đai bắt buộc phải trả lại cho gia đình những chủ đất theo chi phái mỗi năm thứ năm mươi. Mặc dù không có ghi chép nào trong Cựu Ước về việc có bao giờ Y-sơ-ra-ên tôn trọng sự phóng thích này, nó vẫn mô tả ý định của Đức Chúa Trời.

5:9 Phần mở đầu của câu 9 là một sự rất nhấn mạnh, với việc không có ĐỘNG TỪ, nguyên gốc là “trong tai ta, Đức Giê-hô-va vạn quân.” Đây là sự công bố rõ ràng của một sự mặc khải bằng lời của Đấng Thánh (22:14)! Đây không phải là thông điệp của Ê-sai, hoặc cảm xúc của Ê-sai! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang thét lên qua vị tiên tri của Ngài dành cho dân tộc ương ngạnh của Ngài.

Sự đoán phạt này tương tự với A-môt 5:11 và Mi-chê 6:15. Những sự trông đợi của người giàu và những sự cướp bóc trong xã hội sẽ không mang lại kết quả vật chất nào. Họ sẽ không thể vui hưởng những lợi lộc đạt được cách sai trật! Chúng ta sẽ gạt những gì chúng ta gieo (hãy xem ghi chú tại 3:10-11).

5:10 “mười mẫu vườn nho” “mẫu” có gốc từ là “một cặp” hoặc “một đôi” (BDB 855, I Sa-mu-ên 14:14), vốn được dùng để chỉ về những con vật mang ách chung với nhau với mục đích nông nghiệp. Một “ách” đã là một số lượng đất mà một con bò có thể cày trong một ngày.

▣ **“chỉ sanh được một bát rượu”** Từ “bát” (BDB 144 II) là một sự đo lường chất lỏng của người Hê-bơ-rơ và nó tương đương với tám đến mười ga-lông (1 ga-lông ≈ 3,78 lít). Trong văn mạch này nó là một sự ân dụ chỉ về sự không kết quả của vùng đất bị chiếm đoạt.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐO TRỌNG LƯỢNG VÀ DUNG TÍCH Ở VÙNG CẬN ĐÔNG

Việc đo lường (lượng) trong thương mại rất quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp cổ xưa. Kinh Thánh kêu gọi người Do Thái ngay thẳng trong các giao dịch của họ với nhau (xem Lê vi Ký 19:35-36; Phục truyền Luật lệ Ký 25:13-16; Châm ngôn 11:1; 16:11, 20:1).

Vấn đề thực sự không chỉ là sự trung thực, nhưng còn do các đơn vị và hệ thống được sử dụng tại xứ Pa-lét-tin không được tiêu chuẩn hóa. Có vẻ như có hai bộ quả cân: một loại nhẹ, một loại nặng cho mỗi trường hợp tính trọng lượng (xem quyển *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 4, trang 831). Ngoài ra, hệ thống thập phân (cơ số 10) của Ai Cập đã được kết hợp với hệ lục phân (cơ số 6) của vùng Mê-sô-bô-ta-mi.

Nhiều đơn vị về kích thước và số lượng được dựa theo các bộ phận cơ thể con người, tải trọng của súc vật, và các đồ chứa ngũ cốc của nông dân, không có một thứ nào được tiêu chuẩn hóa. Do đó, các bảng đối chiếu giá trị được dùng để ước tính và dự đoán. Cách dễ nhất để biết được việc đo lường là dựa trên một biểu đồ có liên quan giữa các đơn vị.

I. Các từ ngữ thuộc dung tích thường được sử dụng

A. Các đơn vị đo lường cho loại khô

1. Hô-me (BDB 330, có thể là sức chở của một con lừa, BDB 331), xem Lê-vi Ký 27:16; Ô-sê 3:2
2. Letekh (hoặc lethech, BDB 547), xem Ô-sê 3:2 (một hô-me rưỡi).
3. Ê-pha (BDB 35), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:36; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,13,24
4. Se'ah (bản tiếng Việt dịch là “đầu”) (BDB 684), xem Sáng thế Ký 18:6, I Sa-mu-ên 25:18, I Các vua 18:32
5. Ô-me (BDB 771 II, có thể là một bó: [một hàng cây ngũ cốc đã ngã], BDB 771 I), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:16,22,36; Lê-vi Ký 23:10-15
6. Issaron (BDB 798, một phần mười), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 14:21
7. Qav (bản tiếng Việt dịch là “một góc tư ô”) (hoặc kab, BDB 866), xem II Các vua 6:25

B. Các đơn vị đo lường chất lỏng

1. Cô-rơ (BDB 499), xem I Các vua 5:2,25; Ê-xê-chi-ên 45:14
2. Bát (BDB 330, bằng với một Ô-me), xem II Sử ký 2:10; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,14
3. Hin (BDB 228), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:24
4. Lót (BDB 528), xem Lê-vi Ký 14:10,12,15,21,24

C. Biểu đồ (lấy từ quyển *Ancient Israel* của Roland deVaux, tập 1, trang 201 và quyển *Encyclopedia Judaica*, tập 16, trang 379).

Hô-me (khô) = cô-rơ (chất lỏng) 1

Ê-pha (khô) = bát (chất lỏng) 10 1

Se'ah (khô) 30 3 1

Hin (chất lỏng) 60 6 2 1

Ô-me / issaron (khô) 100 10 - - 1

Qav / kab (khô) 180 18 6 3 - 1

Lót (chất lỏng) 720 72 24 12 - 4 1

(1 hô-me = 10 ê-pha = 30 se'ah = 60 hin = 100 ô-me = 180 qav = 720 lót).

II. Những đơn vị trọng lượng được sử dụng thường xuyên nhất

A. Ba đơn vị trọng lượng thông dụng nhất là ta-lâng, siéc-lơ, và ghê-ra.

1. Đơn vị trọng lượng lớn nhất trong Cựu Ước là ta-lâng. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 38:25-26 mà chúng ta biết rằng một ta-lâng tương đương với 3.000 siéc-lơ (trọng lượng làm tròn số, BDB 503).
2. Chữ siéc-lơ (BDB 1053, trọng lượng) được sử dụng rất thường xuyên đến nỗi nó được thừa nhận mà không được kể ra trong bản văn. Có một số giá trị của siéc-lơ được nêu trong Cựu Ước.
 - a. Tiêu chuẩn thương mại (xem Sáng thế Ký 23:16 trong bản NASB)
 - b. Siéc-lơ của đền thờ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13 bản NASB)
 - c. Theo cân của nhà vua (II Sa-mu-ên 14:26 bản NASB), còn gọi là cân của hoàng gia trong bản giấy cói Elephantine Papyri.
3. Ghê-ra (BDB 176 II) có giá trị 1/20 của siéc-lơ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13). Những tỷ lệ này khác

biệt giữa Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập. Y-sơ-ra-ên dựa theo cách định giá thông dụng nhất trong xứ Ca-na-an (Ugarit).

- Mi-na (BDB 584) có giá trị là 50 hoặc 60 siéc-lơ. Đơn vị này được tìm thấy trong các sách phần sau của Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 45:12; Ê-xơ-ra 2:69; Nê-hê-mi 7:70-71). Ê-xê-chi-ên sử dụng tỷ lệ 60-1, trong khi trong xứ Ca-na-an sử dụng tỷ lệ 50-1.
- Beka (BDB 132, nửa siéc-lơ, xem Sáng thế Ký 24:22) được sử dụng chỉ có hai lần trong Cựu Ước (xem Sáng thế Ký 24:22; Xuất Ê-díp-tô Ký 38:26) và có giá trị nửa siéc-lơ. Tên của nó có nghĩa là phân chia.

B. Biểu đồ

- Dựa theo Xuất Ê-díp-tô Ký

Ta-lâng	1		
Mi-na	60	1	
Siéc-lơ	3.000	50	1
Beka	6.000 *	100	1

(Ghê-ra cũng là 6.000 theo Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13; Lê-vi Ký 27:25; Dân số Ký 3:47; 18:16; Ê-xê-chi-ên 45:12).

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3000 siéc-lơ = 6000 beka).

- Dựa theo Ê-xê-chi-ên

Ta-lâng	1				
Mi-na	60	1			
Siéc-lơ	3.600	60	1		
Beka	7.200	120	2	1	
Ghê-ra	72.000	1.200	20	10	1

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3.600 siéc-lơ = 7.200 beka = 72.000 ghê-ra).

▣ **“một ô-me hạt giống chỉ được một ê-pha (hạt)”** Một lần nữa đây là một sự ẩn dụ nổi bật cho sự không kết quả của một vùng đất bị chiếm đoạt. Chúng ta đã thấy trong Ê-xê-chi-ên 45:11 rằng mười ê-pha từ một ô-me; vì vậy, điều này chỉ về một người nông dân trồng trọt một trăm cân Anh (pound), ông ta chỉ gặt được mười mà thôi.

5:11 “Khốn thay cho kẻ dậy sớm đặng tìm kiếm rượu” Tội lỗi tiếp theo được nhắc đến là một kẻ tìm kiếm lạc thú cách huyền ảo từ sáng sớm đến chiều tối. Cần phải nhấn mạnh rằng Kinh Thánh không định tội rượu, nhưng Kinh Thánh có định tội sự lạm dụng rượu. Cùng một sự ẩn dụ này về rượu mạnh được sử dụng trong Ê-sai 28. Những đoạn Kinh Thánh đây sâu thẳm khác về chủ đề này được tìm thấy trong Châm Ngôn 20:1 và 23:29-35. Tuy nhiên, cần phải thêm vào sự quân bình của Thi 104:1-4. “Rượu mạnh” (BDB 1016) là một từ Hê-bơ-rơ mô tả về việc thêm vào những loại rượu từ ngũ cốc gây say vào rượu (từ nho). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Rượu và Sự Nghiện Rượu tại 1:22.

5:12 “Trong tiệc yến họ có” Đây là một cách nói về việc giải trí mang tính chất của nền văn hóa thời đó. Nó mô tả về một tầng lớp giàu có gieo mình vào những lạc thú thể gian.

▣ **“nhưng chẳng thiết đến công việc Đức Giê-hô-va;**

...chẳng xem xét công trình của tay Ngài”

Tuyên dân giao ước của Đức Chúa Trời chối bỏ việc lắng nghe và hiểu được muốn của Đức Chúa Trời là một chủ đề được lặp đi lặp lại (1:2-3,10a; 5:12,13,24; 6:9-10; 30:9). Đức Chúa Trời đã ban cho họ những đôi tai và đôi mắt thuộc linh (Phục Truyền 29:4), nhưng sự mù lòa và điếc tai tập thể của họ đã làm cho Đức Chúa Trời phải loại bỏ khả năng của sự thông hiểu (Ê-sai 6:9-10; 29:9-10).

Bi kịch của những câu Kinh Thánh này là người Giu-đa trong thời Ê-sai đã lệ thuộc vào những nguồn tài nguyên và kế hoạch của chính họ thay vì sự chu cấp của Đức Chúa Trời Giao Ước của họ. Cần so sánh 24d,e với Phục Truyền 8:11-20.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:13-17

- ¹³ Vì vậy, dân Ta phải bị lưu đày vì thiếu hiểu biết;
Người quyền quý của họ phải chịu đói,
Còn quần chúng phải chịu khát.
- ¹⁴ Bởi thế, âm phủ mở rộng lòng tham muốn của nó
Và há miệng rộng vô cùng;
Người danh giá và quần chúng,
Kẻ hay cãi cọ và kẻ say sưa, đều rơi xuống đó.
- ¹⁵ Loài người bị khuất phục, con người bị hạ thấp;
Con mắt kẻ ngạo mạn bị hạ xuống.
- ¹⁶ Nhưng Đức Giê-hô-va vạn quân được tôn cao khi phán quyết,
Đức Chúa Trời là Đấng Thánh bày tỏ chính Ngài là thánh trong sự công chính.
- ¹⁷ Bây giờ, những chiên con sẽ ăn cỏ như trong đồng cỏ mình,
Những người tạm cư sẽ ăn nơi đồ nát của kẻ giàu.

5:13-17 Ở đây là một danh sách những gì sẽ xảy ra đối với những cư dân Giu-đa giàu có, bóc lột.

1. bị lưu đày, câu 13
2. phải chịu đói, câu 13
3. bị khô hạn, câu 13
4. bị nuốt bởi âm phủ, câu 14
5. bị hạ thấp, câu 15
6. bị hành hạ (hạ nhục), câu 15 (hai lần)
7. những người lạ sẽ ăn những của béo của những người giàu có, câu 17

5:13 “Vậy nên, dân ta phải bắt làm phu tù, vì không hiểu biết” Đây rõ ràng là một sự tiên tri về sự lưu đày. Có vài sự suy đoán về việc nó chỉ về sự lưu đày bởi người A-si-ri (722 T.C) của mười chi phái phía bắc hay là sự lưu đày bởi người Ba-by-lôn của Giu-đa (605, 597, 586, 582 T.C) của ba chi phái phía nam. Văn mạch trực tiếp có lẽ dựa vào cả hai (điều này rất phổ biến trong Ê-sai, có lẽ có chủ đích). A-si-ri được đề cập cụ thể trong Ê-sai 7:18 và trong đoạn 10 từ câu 5 trở đi. Tôi nghĩ rằng 13:1-14:27 cũng chỉ đến A-si-ri là người đã hủy diệt thành phố Ba-by-lôn và vua của A-si-ri đã chiếm lấy danh xưng, “Vua của Ba-by-lôn.”

Sự đề cập đến sự lưu đày khỏi Đất Hứa thật gây bàng hoàng. Ca-na-an được hứa cho hậu tự của Áp-ra-ham. Giờ đây giao ước với Các Tổ Phụ đã bị hủy bỏ bởi vì sự chống nghịch không vâng lời của Giu-đa đối với các yêu cầu giao ước. Họ đã vui hưởng và bám lấy những lời hứa nhưng chối bỏ những yêu cầu (Giê-rê-mi 7).

Về một ý nghĩa thần học phần này song hành với Sáng Thế Ký 2 (Ý định về mối tương giao của Đức Chúa Trời với con người) và Sáng Thế Ký 3 (Sự bội nghịch tráo trêu của A-đam và Ê-va). Con người đã bị đuổi khỏi vườn Ê-đen (Sáng 3:24). Điều này thật không được trông đợi và thật bàng hoàng! Cũng như vậy, đó là sự mặc khải của một sự lưu đày. Những gì được nghĩ là lời hứa vĩnh cửu bởi Đức Chúa Trời đã bị ảnh hưởng bởi tội lỗi của con người. Trong một cách tương tự “Giao Ước Mới” trong Giê-rê-mi 31:31-34 và Ê-xê-chi-ên 36:22-38 cũng là một sự mặc khải kinh ngạc. Những giao ước đời đời đã bị bãi bỏ bởi vì sự bất khả (bất lực) của con người trong việc thực hiện phần của họ trong giao ước. Vì vậy, một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời cần phải được thiết lập dựa trên

1. Sự hành động của Đức Chúa Trời (tâm lòng mới, tâm trí mới).
2. Sự ban cho khả năng để có thể vâng lời của con người bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời vẫn muốn một dân công chính để bày tỏ đặc tính của Ngài đến với một thế giới hư mất và thiếu thốn (các dân tộc). Ý nghĩa của “sự công chính” đã thay đổi. Khả năng của con người đã được chứng minh là không đủ (Ga-la-ti 3). Cự Ước là một phương cách để chỉ ra sự bất khả (bất lực) của con người!

▣ **“bởi thiếu sự hiểu biết”** Đây là một sự chối bỏ sự hiểu biết một cách cố , không phải là sự lơ là (Ê-sai 1:3; Ô-sê 4:6,14). Giu-đa chống nghịch lại muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời (Giao Ước Môi-se). Nó đã rời bỏ con đường được chỉ dẫn một cách rất rõ ràng!

5:14 “sự ham muốn của Âm phủ (Sheol) đã rộng thêm, há miệng vô ngần” “Sheol” là một từ Hê-bơ-rơ (BDB 982) chỉ về “khu vực của những người chết.” Ở đây nó được nhân hóa như là một con vật với sự phàm ăn dữ dội (Châm Ngôn 1:12; 27:20; Ha-ba-cúc 2:5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?

I. Cự Uớc

- A. Cả nhân loại đến *Sheol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cự Uớc, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *Sheol*
 1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
 2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
 3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự hủy diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
 4. liên hệ với khái niệm “hố” (mỏ má), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
 5. kẻ ác xuống thẳng đến *Sheol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
 6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
 7. người ở nơi đó gọi là *Repha'im*, Ê-sai 14:9-11

II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
 1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
 2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
 3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cự Uớc); Lu-ca 10:15; 16:23-24
 4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
 1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
 2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
 1. Phản ảnh cụm từ trong Cự Uớc “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sứ ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
 2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
 3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
 4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
 - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
 - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
 - c. nơi hủy diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
 - d. tương đương với *Sheol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9

- e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
- f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
- g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *Sheol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
- h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *Sheol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

- 1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *Sheol/Hades*
- 2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
- 3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *Sheol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

II. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

- 1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
- 2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
- 3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.

B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

- 1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
- 2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
- 3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
- 4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
- 5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
- 6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

III. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

- 1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
- 2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
- 3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9

(một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

IV. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

▣ **“sự vinh hiển nó, dân chúng nó, sự sang trọng nó và kẻ vui mừng giữa nó đều sa xuống đó”** Câu này chỉ ra một sự đảo ngược hoàn toàn của những trông đợi của họ!

5:15 “Kẻ hèn bị khuất; kẻ tôn trọng bị thấp hèn” Câu này chỉ về sự đoán phạt trên toàn bộ cả xã hội (2:9,12,17). Có vẻ như không hề có sự tương phản khác biệt nào về văn mạch giữa những từ trong tiếng Hê-bơ-rơ được dùng cho con người, là *adam* (NASB, “con người nói chung”) và *Issshah* (NASB, “người quan trọng”).

▣ **“con mắt người cao ngạo bị hạ xuống”** Đây là chủ đề được lặp đi lặp lại xuyên suốt qua cả Kinh Thánh và được lặp lại trong những cách hơi khác nhau trong những câu 20 và 21 qua những ẩn dụ của ánh sáng và sự tối tăm.

5:16 “song Đức Giê-hô-va vạn quân lên cao trong sự công chính” Những hậu tự của Áp-ra-ham đã được chọn để bày tỏ về Đức Chúa Trời. Họ phải bày tỏ về Ngài qua sự trung tín của họ sẽ tạo ra kết quả trong một xã hội bền vững và thịnh vượng hoặc là họ sẽ bày tỏ về Ngài qua kết quả của sự ương ngạnh trong sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Các Cơ Đốc Nhân là những nhân chứng (Ma-thi-ơ 5:13-16). Câu hỏi là, chúng ta là những nhân chứng như thế nào?

▣ **“Đức Chúa Trời là Đấng Thánh nên thánh trong sự công bình”** Đây là mối liên hệ song hành tương đồng với dòng trước trong thơ ca. Thơ ca Hê-bơ-rơ phải được giải nghĩa trong ánh sáng của sự song hành của chính nó!

5:17 “Bấy giờ những chiên con sẽ ăn cỏ như trong đồng cỏ mình,

(và) người ngụ cư sẽ ăn ruộng hoang của kẻ giàu.” Có rất nhiều cuộc thảo luận giữa các nhà giải kinh về mối liên hệ chính xác của câu này với văn mạch trước đó của nó. Một số cho rằng

1. nó chỉ về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời dành cho những kẻ còn lại trong xứ
2. nó chỉ về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đối với những chủ đất giàu có
3. nó chỉ về dân sót Do Thái còn lại sau cuộc lưu đày
4. nó chỉ về những người ngoại tị định cư ở lãnh thổ của Giu-đa giữa những cư dân bản địa sau cuộc lưu đày

Có lẽ như văn mạch gần nhất của sự đoán phạt phải liên quan đến sự tiêu diệt và đoán phạt trên những người giàu có và sự tan nát của những mảnh đất bị chiếm đoạt cách bất hợp pháp của họ. Giờ đây nó là trở thành đất chung!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:18-23

¹⁸ Khốn cho kẻ dùng dây dối trá kéo sự gian ác,

Như dùng cáp kéo xe mà lôi kéo tội lỗi.

¹⁹ Họ nói: “Xin vội vã và nhanh chóng thực hiện công việc Ngài,

Để chúng tôi được thấy!

Xin chương trình của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên được thực thi, được thành tựu

Để chúng tôi được biết!”

²⁰ Khốn cho những kẻ bảo ác là thiện,

Bảo thiện là ác;

Lấy tối làm sáng,

Lấy sáng làm tối;

Lấy đắng làm ngọt,

Lấy ngọt làm đắng.

**²¹ Khốn cho những kẻ coi mình là khôn ngoan,
Và tự cho mình là thông sáng!**

**²² Khốn cho những tên bợn rượu,
Và bọn chuyên pha chế các thức uống say!**

**²³ Khốn cho những kẻ vì nhận hối lộ mà xưng công chính cho kẻ có tội,
Và tước đoạt sự công chính của người công chính!**

5:18-23 Một khổ thơ khác của “những sự khốn thay” trên những kẻ gian ác được liệt kê ở đây bởi vì

1. câu 18, họ dẫn dắt sự gian ác giống như một con thú bằng dây kéo
2. câu 19, họ yêu cầu ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nhanh chóng thực hiện những lời hứa giao ước của Ngài (mà không quan tâm đến những yêu cầu giao ước)
3. câu 20, câu này có thể liên hệ với câu 19. Khi Đức Chúa Trời không hành động trong cách họ muốn, họ gọi những việc làm của Ngài là xấu xa, tối tăm và cay đắng
4. câu 21, họ cho rằng sự khôn ngoan của họ là thật, còn sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là giả dối (những câu 19-20)
5. câu 22, họ là những kẻ say sưa
6. câu 23, họ dùng của hối lộ để đạt được mục đích cuối cùng của họ. Họ là những kẻ ích kỷ mảnh khỏe!

5:18-19 “Khốn thay cho kẻ lấy sự dối trá làm dây kéo sự gian ác theo sau,

và như dùng đôi xe kéo tội lỗi!” Từ trong tiếng Hê-bơ-rơ là không rõ ràng. Có vẻ như từ này chỉ về một nhóm người mà tôi cho là những người vô thần thực dụng. Họ thừa nhận sự hiện diện của Đức Chúa Trời về mặt thần học, nhưng từ chối bước đi theo tri thức này (câu 19). Họ bám lấy tội lỗi của chính mình với bất kỳ giá nào! Họ bị trói/ buộc vào cách sống lấy mình làm trung tâm!

5:19 Có một vài những thể mệnh lệnh trong câu này.

1. xin (Ngài) vội vã, BDB 554, KB 553, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH
2. (xin Ngài) kíp, BDB 301, KB 300, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ
3. Nguyên xin mưu của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên hãy lại gần, BDB 897, KB 1132, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa THỂ MỆNH LỆNH (“Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên” là một danh xưng rất phổ biến dành cho Đấng Thánh trong Ê-sai; hãy xem ghi chú tại 1:4)
4. hãy tới đến, BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ
5. cho chúng tôi được biết, BDB 393, KB 390, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ

Câu này về văn mạch liên hệ với câu 12! Họ không muốn hiểu muốn và mục đích của Đức Chúa Trời bởi vì họ quá tập chú vào ý muốn và mục đích của chính họ. Những hậu quả của sự sa ngã (Sáng Thế Ký 3) vẫn tiếp tục!

Quyển NASB Study Bible đã có một bình luận thú vị về điểm #1 và #2 trên đây.

“Những từ Hê-bơ-rơ dùng cho ‘hãy vội vã’ và ‘hãy kíp’ tương xứng với yếu tố thứ nhất và thứ ba của tên ‘Ma-he-Sa-la-Hát-Bát’ (có nghĩa là ‘sự cướp mau lên, của cướp kíp đến’ hãy xem 8:1,3), ông có lẽ đang đáp trả lại những lời chế giễu đầy mỉa mai của những tội nhân của họ” (trang 967).

5:20 “Khốn thay cho kẻ gọi dữ là lành, gọi lành là dữ” Nhiều người cho rằng câu này chỉ về những quan trường của Y-sơ-ra-ên. Mặc dù nó phù hợp với những câu 18-23, đối với tôi nó lại có vẻ rằng đây là một sự chỉ về xã hội như là một sự toàn bộ, không chỉ giới hạn cho một nhóm của những quan trường mà thôi. Đây chính là một ví dụ bi thương về những gì đã xảy ra khi sự sáng của chúng ta đã trở nên sự tối tăm (Ma-thi-ơ 6:22-23). Sự sa ngã trong Sáng Thế Ký 3 đã ảnh hưởng đến thước đo đạo đức của các tạo vật được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời của Công Lý Công Bằng và Công Chính

5:21 “Khốn thay cho kẻ chính mắt mình coi mình là khôn ngoan,

tự mình xét đoán mình là thông sáng!” Câu này một lần nữa chỉ về tội lỗi của sự tự cao, kiêu ngạo

(những hậu quả của Sáng Thế Ký 3). Có lẽ một trong những đoạn Kinh Thánh kinh điển của điều này chính là Giê-rê-mi 9:23-24. Sự khôn ngoan thật chính là sự nhận biết và tin cậy Đức Chúa Trời! Con người mù lòa bởi chính mình, bởi tội lỗi và sự tự cho mình là quan trọng (Châm Ngôn 26:5,12,16; 28:11).

5:22 “Khôn thay cho kẻ mạnh uống rượu” Ê-sai sử dụng sự châm biếm bởi vì từ “kẻ mạnh (người anh hùng)” thường chỉ về “những anh hùng trong chiến trận,” nhưng trong văn mạch này nó chỉ về “một châu rượu say bí tỉ” chứ không phải là những kỳ tích trong chiến trận.

▣ **“pha các thức uống hay say”** Có một vài câu hỏi ở đây về điều gì đang được cụm từ này (BDB 1016) mô tả.

1. pha rượu với nước, 1:22, giống như người Hy Lạp và Rô-ma, nhưng phần Kinh Thánh trong Ê-sai chỉ về rượu nặng, không phải là rượu (nhỏ) dùng để uống thông thường
2. Rượu mạnh cũ pha trộn với rượu mới
3. rượu pha trộn với những loại nước ép trái cây hoặc mật ong, sẽ sẽ làm cho nhanh say hơn (chúng không phải là những loại nước uống lên men với nồng độ rượu cao, vốn có ngày hôm nay)

Đây là thể DANH TỪ của ĐỘNG TỪ “trở nên say sưa.” Sự say sưa bị định tội khá thường xuyên trong Kinh Thánh (5:11,22; 28:7; 56:12; Châm Ngôn 20:1; 23:29-35; Mi-chê 2:11). Nó thậm chí được sử dụng như là một ẩn dụ cho sự đoán phạt ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Thi 75:8). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:22.

5:23 “vì hối lộ mà xưng kẻ có tội là công bình” Đây là chỗ trong khổ thơ nơi mà những nhà giải kinh thảo luận về sự vắng mặt của sự khôn thay thứ bảy. Câu hỏi giải nghĩa rằng có phải chăng có bảy sự khôn thay (con số của sự trọn vẹn) hoặc chỉ có sáu sự khôn thay (con số của con người, sự không trọn vẹn, hoàn hảo).

Sự hối lộ thường xuyên được định tội trong Ê-sai 1:23; 10:1-2 (Xuất 23:8; Phục Truyền 10:17; 16:19; Châm Ngôn 17:23; Mi-chê 3:11; 7:3).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 5:24-25

²⁴ Vì thế, như lưỡi lửa thiêu nuốt rơm rạ,
Và cỏ khô tiêu tan trong ngọn lửa,
Thì gốc rễ của họ sẽ mục nát
Và nụ hoa của họ cũng bay đi như tro bụi;
Vì họ đã loại bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va vạn quân,
Và xem thường lời của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên.
²⁵ Do đó, Đức Giê-hô-va đã nổi cơn thịnh nộ với dân Ngài.
Ngài giơ tay chống lại họ và đánh phạt họ,
Núi non đều rung chuyển.
Xác chết của họ như rác rưởi giữa đường phố.
Dù vậy, cơn thịnh nộ Ngài chưa nguôi,
Và tay Ngài còn giơ ra.

5:24 Lửa là một ẩn dụ cho sự đoán phạt và thanh tẩy (rơm và gốc rạ sẽ bị thiêu đốt nhanh chóng và hoàn toàn, 33:11; 47:14; Giô-ên 2:5; Ma-thi-ơ 4:1). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Lửa tại 1:31.

▣ **“thì rễ họ cũng mục nát và hoa họ cũng bay đi như bụi đất thể ấy”** Đây là một ẩn dụ trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ cho sự hủy diệt cách hoàn toàn.

▣ **“vì họ đã bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va vạn quân, và khinh lời của Đấng Thánh Y-sơ-ra-ên”** Đây là lý do cho sự đoán phạt. Nó là một sự cố tình, cố ý của dân tộc Do Thái chối bỏ Đức Chúa Trời giao ước của họ (đặc biệt trong câu 19). Chú ý hai danh xưng được dùng cho Đấng Thánh. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những danh xưng dành cho Đấng Thánh trong 1:1.

5:25 “Nhân đó, cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va phùng lên nghịch cùng dân Ngài” Sự đoán phạt bắt đầu từ nhà của Đức Chúa Trời. Cơn giận của Đức Chúa Trời cũng là một chủ đề đến từ Kinh Thánh như là tình

yêu của Ngài! Con giận thậm chí còn được nhấn mạnh nổi bật trong ánh sáng lớn (Lu-ca 12:48).

▣ **“núi non đều rung động”** Nhiều người cho rằng cụm từ này chỉ về cơn động đất kinh khiếp trong thời vua Ô-xia (A-mốt 1:1; Xa-cha-ri 14:5). Tuy nhiên, nó có thể đúng là một sự ngoa dụ của một phép tu từ Hình Nhân. Thiên nhiên rung động trước sự tiến đến của Đấng Tạo Hóa của nó. Hình ảnh này rất phổ biến trong Cựu Ước (64:3; Xuất 19:18; Giê-rê-mi 4:24; Giô-ên 2:10; Na-hum 1:5).

▣ **“xác chết chúng nó như phân ngang ngửa giữa đường”** Dân sự trong Cựu Ước rất kinh hoàng bởi những xác chết không được chôn cất, thối rữa, lỏa lồ và bị ăn thịt bởi động vật (Ê-xê-chi-ên 39:4,17-20; Na-hum 3:3). Một sự chôn cất thích hợp sẽ ảnh hưởng đến sự hạnh phúc của một người ở cõi âm. Nó thật sự là một sự rửa sạch và kinh hoàng khi không được chôn cất (I Sa-mu-ên 31:8-13).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẬP TỤC CHÔN CÁT

I. Mê-sô-pô-ta-mi

- A. Việc chôn cất đúng cách rất quan trọng cho hạnh phúc trong “đời sau”.
- B. Ví dụ có một lời nguyện rửa của người Mesopotami là, “Cầu cho đất không nhận thân xác người”.

II. Cựu ước

- A. Chôn cất đúng cách rất quan trọng (xem Truyền-đạo 6:3).
- B. Nó được thực hiện rất nhanh chóng (xem Sa-ra trong Sáng-thế Ký 23 và Ra-chên trong Sáng-thế Ký 35:19 cũng như lưu ý Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23).
- C. Việc chôn cất không đúng cách là dấu hiệu của sự khước từ và tội lỗi.
 - 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:26
 - 2. Ê-sai 14:2
 - 3. Giê-rê-mi 8:2; 22:19
- D. Nếu có thể thì việc chôn cất được tiến hành nơi phần mộ gia đình hay là hang động trong khu vực sinh sống.
- E. Không có ướp xác giống như ở Ai-cập. Con người từ bụi đất và phải trở về bụi đất (Sáng-thế Ký 3:19; Thi-thiên 103:14; 104:29).
- F. Trong Do-Thái-Giáo, khó để quân bình giữa việc tôn trọng và xử lý xác chết với khái niệm bị ô uế vì tiếp xúc với người chết.

III. Tân ước

- A. Việc chôn cất được thi hành nhanh chóng sau khi chết, thường là trong vòng hai mươi bốn giờ. Người Do thái thường trông chừng ngôi mộ trong ba ngày vì tin rằng linh hồn có thể nhập lại vào xác chết trong khoảng thời gian đó (xem Giăng 11:39).
- B. Việc chôn cất bao gồm làm sạch xác và quấn lại với những hương liệu (xem Giăng 11:44; 19:39-40).

Trong thế kỷ thứ nhất tại vùng Pa-les-tin, không có sự khác biệt trong nghi thức chôn cất hay những vật đặt trong mộ giữa Do-Thái-Giáo và Cơ-Đốc-Giáo.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 5:26-30

²⁶ Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các dân tộc xa xôi,

Và thổi còi kêu gọi chúng từ tận cùng cõi đất;

Này, chúng vội vã và nhanh chóng chạy đến!

²⁷ Không ai trong chúng mệt mỏi hay vấp ngã,

Không ai ngủ gật hay ngủ mê,

Không ai cởi dây thắt lưng

Hay bị đứt dây giày.

²⁸ Mũi tên của chúng mài nhọn,

Tất cả cung đều giương lên;
 Vó ngựa cứng như đá lửa,
 Bánh xe như gió lốc.
 29 Tiếng gầm của chúng như sấm, như sấm,
 Chúng rống như sấm, như sấm;
 Chúng sẽ gầm gừ và bắt mỗi đem đi,
 Không ai giải cứu được.
 30 Ngày ấy, sẽ có tiếng gầm chống lại chúng,
 Như tiếng sóng biển ầm ầm;
 Nếu ai nhìn vào xứ chỉ thấy tối tăm và tai họa,
 Ánh sáng bị mây mù làm cho tối tăm.

5:26 “Ngài dựng cờ lên hướng về các dân tộc ở xa cách” Một “ngọn cờ” (BDB 651) là một cách cho những kẻ thù để truyền thông điệp (11:12; 18:3; 30:17; 31:9; 49:22). Nó có thể là tích cực (sự phục hồi) hoặc tiêu cực (sự xâm lược) tùy thuộc vào bối cảnh. Trong văn mạch này nó là dấu hiệu cho những kẻ xâm lược sẽ đến!

Đây là một đoạn cực kỳ quan trọng bởi vì những lý do sau đây: (1) chú ý rằng Đức Chúa Trời vẫn đang tế trị ở trên lịch sử, trên toàn bộ lịch sử, cũng như trên tự nhiên; (2) chú ý rằng Đức Chúa Trời dấy lên một ngọn cờ cho những dân ngoại. Nhiều người xem câu này là một sự ám chỉ đến Phục Truyền 28:49-57.

Trong sách Ê-sai có vẻ là một sự chỉ đến một sự bao gộp cả những Dân Ngoại (Ê-sai 1:2-4; 11:9,10,11; 27:13; 49:22; 56:7; 62:10; 66:19)!

Thuật ngữ “các dân” trong bản Kinh Thánh Masoretic là *SÓ NHIỀU*, *goyim*. Hầu hết các bản dịch hiện đại chuyển nó thành *SỐ ÍT*, tuy nhiên, thể *SÓ NHIỀU* có lẽ chỉ về một đội quân đánh thuê xâm lược được hình thành bởi nhiều dân tộc. A-si-ri và Ba-by-lôn bắt lính từ những quân đội bị đánh bại để thêm vào hàng ngũ của họ.

☐ **“và huyết mà gọi họ”** Đây là một ẩn dụ cho việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA kêu gọi những Dân Ngoại bước vào sự xung đột với dân sự tội lỗi của chính Ngài (7:18).

Từ chung gốc (BDB 1056) cũng có nghĩa là “hôn” như là một dấu hiệu của sự ghê tởm, sùng sốt và chế nhạo.

☐ **“từ nơi đầu cùng đất”** Đây là một cụm từ ngoại dụ. Nó chỉ về một dân tộc ra khỏi những lãnh vực thương thường của thương mại và chính trị địa phương. Nó phản ánh sự rửa sạch giao ước của Phục Truyền 28:49.

5:27-30 Khô thơ này mô tả về một đội quân xâm lược không thể bị đánh bại. Sự kinh ngạc của sự mô tả này chính là việc nó theo chính những từ được sử dụng để mô tả về một Y-sơ-ra-ên trung tín trong Ê-sai 40:29-31. Đức Chúa Trời chống lại chính tuyển dân giao ước của Ngài! Ngài sẽ chiến đấu cho kẻ thù ngoại bang xâm lược (Ha-ba-cúc 1-2).

5:28 “như gió lốc” Từ này (BDB 693) mô tả một cơn bão lốc hủy diệt.

1. nghĩa đen, Ê-sai 17:13; 21:1; Gióp 21:18; 37:9; Thi 83:15
2. ẩn dụ, Ê-sai 29:6; Giê-rê-mi 4:12-13
 - a. của cỗ chiến xa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 66:15; Giê-rê-mi 4:13
 - b. những kẻ xâm lược mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sai đến, Ê-sai 5:28

5:29 “không ai cứu được” ĐỘNG TÍNH TỪ này (BDB 664, KB 717, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) có nghĩa là “nắm lấy” hoặc “giải cứu” (42:22; 43:13; 47:14; Ô-sê 5:14; Mi-chê 5:8). Những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là chắc chắn. Không ai hoặc không có điều gì có thể ngăn trở muốn của Ngài (sự đoán phạt hoặc cứu rỗi).

5:30b,c Vùng đất của sự sáng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã đến trong xứ của sự tối tăm và u ám. Quân đội ngoại bang hoan lạc trên những chiến thắng đã được định trước bởi Đấng Thánh! Thật là một sự đảo ngược những sự kỳ vọng trông đợi!!!

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao Ê-sai lại chọn phương cách này (bài dân ca) để bày tỏ về lẽ thật?
2. Những khác biệt là gì giữa sự đoán phạt chủ động, tạm thời và sự đoán phạt bị động, tạm thời? (Rô-ma 1:24, 28)
3. Lẽ thật trung tâm của bài ca dụ ngôn này là gì? Làm thế nào để áp dụng trong thời đại của chúng ta ngày hôm nay?
4. Liệt kê những tội lỗi được gián tiếp chỉ đến trong những câu 8-23.
5. Quốc gia nào được chỉ đến trong những câu từ câu 26 trở đi? Tại sao?

Ê-SAI 6

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Khái Tượng của Ê-sai	Ê-sai được Kêu Gọi để Trở Thành Một Tiên Tri	Sự Kêu Gọi của Ê-sai	Đức Chúa Trời Kêu Gọi Ê-sai Để Trở Thành một Tiên Tri	Sự Kêu Gọi của Ê-sai
6:1-5 (3b)	6:1-5 (3b)	6:1-5 (3b)	6:1-3 (3b)	6:1-3 (3b)
(5b)	(5b)		6:4 6:5	6:4-5 (5b)
6:6-7	6:6-7 (7b)	6:6-13	6:6-7	6:6-10 (7b)
Sự Bỏ Nhiệm Ê-sai				
6:8-13	6:8 (8b)		6:8a 6:8b (8b)	(8b)
(9b-10)	6:9-10 (9b) (10)	(9b-13)	6:9-10	(9b-10)
(11b-13)	6:11-13 (11b-13)		6:11a 6:11b-13a 6:13b	6:11-13

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Luôn luôn có một câu hỏi về việc vì sao sự kêu gọi Ê-sai bước vào chức vụ lại nằm trong đoạn 6 mà không phải là đoạn 1.
1. Các sách Cựu Ước được sắp xếp trong những cách mà những người hiện đại, đặc biệt là người phương tây, không hiểu được. Thường chúng không theo trình tự thời gian, vốn gây ngạc nhiên những nhà giải kinh phương tây. Chúng theo chủ đề, nhưng trong những sự chơi chữ, hoặc những sự song hành trong cấp độ của một khổ thơ.
 2. Chắc chắn có khả năng là những đoạn 1-5 chính là phần giới thiệu chung về nội dung của cả sách. Rất nhiều chủ đề chính, nêu không phải là tất cả, đã được giới thiệu.
 - a. tội lỗi của tuyền dân giao ước
 - b. những hậu quả của việc không vâng lời
 - c. sự phục hồi qua Đấng Sẽ Đến
 - d. thời kỳ mới của sự công chính
 - e. sự tể trị toàn vũ trụ của Đức Chúa Trời trong sự sắp đặt lý tưởng (vườn Ê-đen được phục hồi)
- B. Quyển Jewish Study Bible (trang 796) có một bình luận thú vị về sự sắp xếp vị trí của đoạn 6. Phần ghi chú cuối trang cho biết thêm rằng đoạn 6 không phải là sự bắt đầu chức vụ của Ê-sai, nhưng là một công việc được giao mới. Trong những đoạn 1-5 vị tiên tri kêu gọi Giu-đa ăn năn, nhưng sau sự mặc khải của 6:9-10, không bao giờ một lần nữa trong cả sứ điệp tiên tri (những đoạn 7-66) ông kêu gọi họ ăn năn. Sự đoán phạt là chắc chắn và không thể tránh khỏi. Vẫn còn đó sự hy vọng về một thời kỳ mới, nhưng nó chỉ là sự hy vọng tương lai mà thôi.
- C. Cũng như đoạn 6 bày tỏ sự đoán phạt kinh khiếp và trọn vẹn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên tuyền dân giao ước không vâng lời, đoạn 12 bày tỏ về một thời kỳ mới của hy vọng và sự phục hồi. Ngay cả sự ủy nhiệm truyền giáo cũng được đổi mới (12:4-5). Sự căng thẳng thần học là một đặc điểm trong thông điệp của nhà tiên tri. Chúng thúc đẩy Giao Ước Môi-se có hiệu lực
1. những hậu quả dành cho sự không vâng phục và
 2. những lời hứa dành cho sự vâng phục.

DÀN Ý VẤN TẮT

- A. Ê-sai nhìn thấy chính Đức Chúa Trời. những câu 1-4
- B. Ê-sai nhìn thấy thực sự bản chất chính mình. câu 5
- C. Ê-sai nhìn thấy xã hội của chính ông như chính bản chất của nó. câu 5
- D. Ê-sai được tẩy sạch để phục sự. những câu 6-7
- E. Ê-sai sẵn sàng được sai đi. những câu 9-13

NGHIÊN CỨU KINH THÁNH THEO CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 6:1-5

¹ Vào năm vua Ô-xia băng hà, tôi thấy Chúa ngự trên ngai rất cao, vạt áo của Ngài đầy đầy đèn thờ. ² Các sê-ra-phin đứng châu quanh Ngài. Mỗi vị có sáu cánh: hai cái che mặt, hai cái che chân, và hai cái dùng để bay. ³ Các sê-ra-phin cùng nhau tung hô rằng:

“Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân!

Khắp đất đầy đầy vinh quang Ngài!”

⁴ Tiếng tung hô ấy vang dội làm cho các trụ cửa nơi ngưỡng cửa rung chuyển, và đèn thờ đầy đầy khói. ⁵ Tôi liền kêu lên: “Khốn cho tôi! Tôi chết mất! Vì tôi là người có môi ô uế ở giữa một dân có môi ô uế, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!”

6:1 “Vua Ô-xia” Ô-xia (792-740 T.C) là một trong những vị vua tin kính của Giu-đa (II Các Vua 15:3; II Sử Ký 26:4-5). Rất có thể rằng Ê-sai và Ô-xia có mối quan hệ gia đình (Hậu tố “iah” (trong tên Ê-sai trong tiếng Anh (Isaiah) đã là một phần thêm vào của hoàng gia vào phần cuối của các tên). Ô-xia (Uzziah) đã dâng hương (là công việc mà chỉ có các thầy tế lễ Lê-vi được phép làm) và đã bị phạt bị bệnh phong bởi Đức Chúa Trời (II Các Vua 15:5; II Sử Ký 26:16-23).

Ô-xia được gọi là A-xa-ria trong II Các Vua 15 và Ô-xia trong II Sử Ký 26. Ô-xia (“sức lực của tôi chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA”) là một danh xưng cho ngai vàng hoặc chúng ta xem thấy trong II Sử Ký 26:17 rằng Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm cũng có tên là A-xa-ria, vì vậy, để tránh sự bối rối, II Sử Ký sử dụng tên Ô-xia. Đó là một ngày đen tối cho Ê-sai và Giu-đa khi ông băng hà vào năm 740 T.C. Giu-đa đã trở nên bèn vững vào thời kỳ cai trị của Ô-xia.

▣ **“tôi thấy Chúa ngự”** Một niềm tin rất phổ biến rằng việc nhìn thấy Đức Chúa Trời đồng nghĩa với cái chết (Sáng 16:13; Xuất 33:20; I Các Vua 19:13; Ê-sai 6:5; Giăng 1:18; 6:46; I Ti-mô-thê 6:16). Đây là một giây phút rất đau đớn! Có vẻ như, Ê-sai nhìn thấy ngai của Đức Chúa Trời và phục trang của Ngài, Nhưng ông không nhìn thấy gương mặt của Ngài (Giăng 12:41).

Có một vài phần Kinh Thánh Cựu Ước ngụ rằng Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy được.

1. Môi-se, Xuất 33:11; Dân Số Ký 12:8; Phục Truyền 34:10
2. Môi-se, A-rôn, Na-đáp, A-bi-hu, và bảy mươi trưởng lão, Xuất 24:10-11

Câu hỏi cần phải giải quyết với những hậu quả của một người tội lỗi trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời thánh khiết. Đó là một câu hỏi của mối tương giao cá nhân mật thiết. Có vẻ như cảnh tượng ở đây không phải là điều then chốt, nhưng là một mối quan hệ được khởi đầu bởi Đức Chúa Trời!

▣ **“Chúa”** Đây là từ được phiên dịch từ từ Hê-bơ-ơ *adonai* (BDB 10, hãy Chủ đề đặc biệt tại 1:1). Một vài Cổ Bản Hê-bơ-ơ chép là “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.”

▣ **“ngai”** ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả như đang ngồi trên Ngai được tìm thấy đầu tiên trong phiên tòa thiên đàng trong I Các Vua 22:19; Thi 103:19; và sau đó trong Ê-sai 66:1. Trong Ê-xê-chi-ên đoạn 1 và đoạn 10, phiên tòa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là một cỗ xe có thể di chuyển được (khởi đèn thờ ở Giê-ru-sa-lem).

Đây là ngôn ngữ Nhân Hình (anthropomorphic) của khu vực Cận Đông Cổ Đại (câu 5; Khải Huyền 4:2,3; 20:11, Hãy xem quyển *The Language and Imagery of the Bible*, được viết bởi N. T. Wright, trang 172-182).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC MÔ TẢ NHƯ CON NGƯỜI (NGÔN NGỮ TU TỪ NHÂN HÌNH)

I. Đây là thể loại ngôn ngữ rất phổ biến trong Cựu Ước (một vài ví dụ)

A. Những phần cơ thể vật lý

1. mắt – Sáng 1:4,31; 6:8; Xuất 33:17; Dân Số 14:14; Phục 11:12; Xa-cha-ri 4:10
2. tay – Xuất 15:17; Dân Số Ký 11:23; Phục Truyền 2:15
3. cánh tay – Xuất 6:6; 15:16; Phục Truyền 4:34; 5:15; 26:8
4. tai – Dân Số Ký 11:18; I Sa-mu-ên 8:21; II Các Vua 19:16; Thi 5:1; 10:17; 18:6
5. mặt – Xuất 33:11; Dân Số Ký 6:25; 12:8; Phục Truyền 34:10
6. ngón tay – Xuất 8:19; 31:18; Phục Truyền 9:10; Thi 8:3
7. giọng – Sáng 3:8,10; Xuất 15:26; 19:19; Phục Truyền 26:17; 27:10
8. chân – Xuất 24:10; Ê-xê-chi-ên 43:
9. dạng người – Xuất 24:9-11; Thi 47; Ê-sai 6:1; Ê-xê-chi-ên. 1:26
10. Thiên sứ của Chúa – Sáng 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất 3:4,13-21; 14:19; Các Quan Xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22

B. hành động thuộc thể

1. phán, là phương tiện tạo hóa. – Sáng 1:3,6,9,11,14,20,24,26
2. đi (ví dụ, tiếng bước chân) – Sáng 3:8; Lê-vi Ký 26:12; Phục 23:14; Ha-ba-cúc 23:14

3. đóng cửa thuyền Nô-ê – Sáng 7:16
 4. ngửi mùi sinh tể – Sáng 8:21; Lê-vi Ký 26:31; A-môt 5:21
 5. đi xuống – Sáng 11:5; 18:21; Xuất 3:8; 19:11,18,20
 6. chôn xác Môi-se – Phục 34:6
- C. cảm xúc con người.
1. ân hận – Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các Quan Xét 2:18; 1 Sa-mu-ên 15:29,35; A-môt 7:3,6
 2. nổi giận – Xuất 4:14; 15:7; Dân Số Ký 11:10; 12:9; 22:22; 25:3,4; 32:10,13,14; Phục 6:15; 7:4; 29:20
 3. ghen – Xuất 20:5; 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15; 32:16,21; Giô-suê 24:19
 4. ghé thăm – Lê-vi Ký 20:23; 26:30; Phục 32:19
- D. liên hệ gia đình
1. Cha
 - a của Y-sơ-ra-ên – Xuất 4:22; Phục 14:1; Ê-sai 1:2; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 31:9; Ô-sê 11:1
 - b của vua – 2 Sa-mu-ên 7:11-16; Thi 2:7
 - c ẩn dụ về hành động của cha – Phục 1:31; 8:5; 32:6-14; Thi 27:10; Châm Ngôn 3:12; Giê-rê-mi 3:4,22; 31:20; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi 3:17
 2. cha mẹ – Ô-sê 11:1-4
 3. Mẹ – Ê-sai 49:15; 66:9-13 (tương đồng với một người mẹ cho con bú)
 4. Nhân tình – Ô-sê 1-3

II. Lý do sử dụng; loại ngôn ngữ “hình nhân”

A. Sự cần thiết mặc khải Đức Chúa Trời cho phạm nhân. Không có ngôn ngữ nào khác ngoài thuật ngữ của con người trong tình trạng hư vọng. Hình ảnh giống đực của Đức Chúa Trời là một ví dụ về ngôn ngữ hình nhân, bởi sự thực Đức Chúa Trời là Thần Linh!

B. Đức Chúa Trời vươn tới khía cạnh có ý nghĩa nhất của sự sống con người: Cha, mẹ, phụ huynh, tình nhân.

C. Mặc dầu sự cần thiết tùy từng thời điểm, Đức Chúa Trời luôn không muốn bị giới hạn trong bất cứ khôn khổ vật chất hữu hình nào (Xuất Hành 20; Phục 5)

D. Ngôn ngữ hình nhân tối hậu là sự nhập thể của Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời trở nên có hình và có thể rờ tới. (I Giăng 1:1-3), Sự điệp của Đức Chúa Trời trở nên Ngôi lời của Ngài. (Giăng 1:1-18).

▣ **“vật áo của Ngài”** Chiều dài áo choàng của vua rất dài. Ê-sai nhìn thấy Đức Chúa Trời giống như sự kỳ vọng của dân sự của Ngài trong ngày đó. Ngài đã ở trong Đền Thờ trên thiên đàng (Ê-bơ-rơ 9:11,24; Khải 5-6).

Nhiều nhà giải kinh đã nhìn về áo choàng rất dài của Ngài như là một cách để che đi những đặc điểm của gương mặt của Đức Chúa Trời (tương tự như khối trong câu 4). Nó thực hiện chức năng che đậy, tương tự như Đám Mây Vinh Hiển *Shekinah* trong suốt Thời Kỳ Lang Thang Trong Hoang Mạc.

6:2 “Sê-ra-phim” Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SÊ-RA-PHIM

- A. Đây là lần duy nhất mô tả về chúng trong Kinh Thánh. Nó có thể là “những con rắn bay” trong 14:29; 30:6 (BDB 977 I và BDB 733) được nghĩ đến. Thậm chí, có khả năng tên này đến từ từ trong tiếng Ai Cập “serref” (“linh vật canh gác sư tử đầu chim (guardian griffin)”).
- B. Chúng có vẻ là một cấp thiên sứ đặc biệt. Tên của chúng có nghĩa là “những hữu thể bị đốt cháy” (BDB 977 II). Từ này có gốc từ động từ “(đốt) cháy” (BDB 976).

Trong Khải Huyền 4:8, có vẻ như Sê-ra-phim và Chê-ru-bim được kết hợp. “Những Con Sinh Vật” có vẻ như là những Chê-ru-bim có hai cánh (Xuất 25:19) hoặc bốn cánh (Ê-xê-chi-ên 1:6-14), nhưng trong Khải Huyền chúng có sáu cánh và đang chiếm chỗ của các Sê-ra-phim.

6:2 “sáu cánh” Thật thú vị cách các cánh của chúng được sử dụng cho.

1. để che mắt. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là quá sức chịu đựng với cả các thiên sứ quanh Ngài.
2. Để che đi các chân. Hãy cẩn thận trong việc biến các chi tiết của một sự Hiện Thần (Theophany) thành những bộ phận theo nghĩa đen của các tạo vật. Thường chân là một ngôn ngữ uyển ngữ (euphemistic) của cơ quan sinh dục (7:20; Xuất 4:25; Các Quan Xét 3:24; Ru-tơ 3:4,7,8,14; I Sa-mu-ên 24:3), nhưng ở đây, bởi vì Ma-thi-ơ 22:30, có lẽ không phải. Đây có lẽ là một dấu hiệu của sự hạ mình trước sự hiện diện thánh khiết (Xuất 3:5).
3. để bay và thi hành những mạng lệnh của Đức Chúa Trời cách nhanh chóng (câu 6)

6:3 “Thánh thay, thánh thay, thánh thay” Sự thánh khiết là chủ đề trung tâm trong sách Ê-sai.

1. **שָׁרָף**, TÍNH TỪ, BDB 872, “thánh khiết,” “thiêng liêng”
 - a. sự thánh khiết của
 - (1) Đức Chúa Trời, 5:16; 6:3 (ba lần)
 - (2) Danh xưng của Ngài, 57:15
 - (3) Nơi Ngài ngự, 57:15
 - (4) Ngày Sa-bát của Ngài, 58:13
2. **שָׁרָף**, ĐỘNG TỪ, BDB 872, “được biệt riêng,” “biệt riêng ra thánh”
 - a. đặc tính của Đức Chúa Trời’s, 5:16; 29:23
 - b. Đức Chúa Trời, 8:13; 65:5
 - c. các thiên sứ của Đức Chúa Trời, 13:3
 - d. danh xưng của Đức Chúa Trời, 29:23
 - e. các ngày lễ, 30:29
 - f. những người được biệt riêng ra thánh, 66:17
3. **שָׁרָף**, DANH TỪ, BDB 871, “sự biệt riêng,” “sự biệt riêng ra thánh”
 - a. hạt giống thánh, 6:13
 - b. núi thánh, 11:9; 27:13; 56:7; 57:13; 65:11,25; 66:20
 - c. sự biệt riêng, 23:18
 - d. con đường thánh, 35:8
 - e. nơi thánh (đền thánh), 43:28; 62:9; 64:11
 - f. thành thánh, 48:2; 52:1
 - g. Đấng Thánh, 49:7
 - h. cánh tay Thánh, 52:10
 - i. ngày thánh, 58:13
 - j. dân thánh, 62:12
 - k. Thánh Linh, 63:10,11
 - l. ngôi của Đức Chúa Trời, 63:15
 - m. nơi thánh, 63:18
 - n. các thành thánh, 64:10

Sự lặp lại ba lần chỉ về một sự SO SÁNH TỌT BẠC trong tiếng Hê-bơ-rơ (Giê-rê-mi 7:4; Ê-xê-chi-ên 21:27).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

I. Cách dùng trong Cựu ước

- A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là “chia ra.” Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông “được biệt riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng”
- B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chôn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.
- C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất

của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).

- D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời “đầy thương xót” và một Đức Chúa Trời “thánh khiết” của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các trước giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jê-sus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5). 45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jê-sus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ.

▣ **“Đức Giê-hô-va vạn quân”** Cụm từ này nguyên gốc là “Trưởng đạo binh thiên đàng.” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9.

▣ **“Khấp đất”** Từ này hàm ý tư tưởng Độc Thân. Đức Chúa Trời đã luôn luôn là Đức Chúa Trời của toàn bộ nhân loại (Sáng 1:26,27; 3:15; 12:3; Xuất 19:5,6; Dân Số Ký 14:21; Thi 2:8; 22:27-28; 59:13; 72:8,19; Ê-sai 45:21-22; 49:6; 52:10; Mi-chê 5:4). Thần học của Ê-sai là phổ quát toàn cầu (12:5; 24:14-16; 42:10-12). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 2:2.

6:4 “Nhân tiếng kêu đó” Điều này có thể chỉ về tiếng của Đức Chúa Trời (câu 8) hoặc, trong văn mạch, của các Sê-ra-phim (“Thánh thay, Thánh thay, Thánh thay,” trong câu 3).

▣ **“đèn đầy những khói”** ĐỘNG TỪ này (BDB 569, KB 583, *Niphal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) cũng được sử dụng trong Ê-xê-chi-ên 10:4. Nó có thể chỉ về Dân Số Ký 14:21; Thi 72:19; và Ha-ba-cúc 2:14. Điều này có thể chỉ về cả (1) một biểu tượng của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời; (2) một sự chỉ đến đám mây *Shekinah*, vốn là biểu tượng nhưng đồng thời che đi sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Xuất 40:34); hoặc (3) khói xuất phát từ bàn xông hương của đèn thờ để Đức Chúa Trời không thể bị nhìn thấy.

6:5 “Khôn nạn cho tôi! Xong (tiêu) đời tôi rồi” ĐỘNG TỪ này (BDB 198 II, KB 225, *Niphal* THÈ HOÀN THÀNH) chỉ về sự hủy diệt (“cách thâm lặng”) một ai hoặc một điều gì đó.

1. của những thành phố
 - a. của người Mô-áp, Ê-sai 15:1
 - b. của người Phi-li-tin, Giê-rê-mi 47:5
2. của những nhóm người
 - a. Y-sơ-ra-ên, Ô-sê 4:6
 - b. Giê-ru-sa-lem, Sô-phô-ni 1:11
 - c. Ê-đôm, Áp-đi-a câu 5
3. của các vị vua
 - a. Y-sơ-ra-ên, Ô-sê 10:7,15
 - b. Ai Cập, Ê-xê-chi-ên 32:2
4. của loài người dưới ản dụ của các loài vật, Thi 49:13,21
5. của Ê-sai, bởi vì ông nhìn thấy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 6:5

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời nhắc nhở Ê-sai về sự kém thiếu sự công bình của ông kèm thêm vào hậu quả là sự đoán phạt theo yêu cầu của Kinh Thánh! Ân điển chính là chìa khóa, nhưng sự thánh khiết chính là mục tiêu (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7,26; Phục Truyền 18:13; Ma-thi-ơ 5:48)! Một người không thể vẫn là con người cũ của mình sau khi gặp gỡ Đức Chúa Trời, ấy vậy mà đây chính xác là những gì dân sự của Ngài đã làm.

▣ **“môi đơ dáy”** Lời nói của con người phản ánh tâm lòng (Ma-thi-ơ 15:18; Mác 7:20,23). Điều này được bày tỏ trong Ê-sai 29:13 (Ma-thi-ơ 15:8-9) và Ê-xê-chi-ên 33:30-32.

Ê-sai nhận biết tội lỗi của chính mình (trách nhiệm giao ước cá nhân, Ê-xê-chi-ên 18 và 36) và tội lỗi của cộng đồng của ông (trách nhiệm tập thể). Cả hai đều đúng đắn và có những hậu quả và lợi ích! Dân sự của Đức Chúa Trời phải phản ánh đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho các dân tộc, nhưng họ lại bị suy đồi bại hoại bởi các dân tộc. Có lẽ rằng “những kẻ có lòng trong sạch có thể thấy Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 5:8), nhưng Ê-sai đã biết rằng ông không phải là một trong số họ, cũng không phải họ là tuyển dân giao ước. Đây chính là “sự” căng thẳng của “những giao ước điều kiện” và rằng niềm hy vọng cho một “giao ước không điều kiện” sẽ được thiết lập trong một tuyển dân của Đức Chúa Trời (Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

▣ **“bởi mắt tôi đã thấy Vua”** Hãy xem bài viết trong câu 1.

▣ **“Vua”** Các vua của Giu-đa đại diện cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Đáng đã là vua thật sự của tuyển dân Giao Ước (Xuất 15:18; Dân Số Ký 23:21; Các Quan Xét 8:23; I Sa-mu-ên 8:7; 12:12; I Các Vua 22:19; Giê-rê-mi 46:18; 48:15; 51:57).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 6:6-13

⁶ Bấy giờ, một trong các sê-ra-phim bay đến tôi, trong tay cầm than lửa đỏ đã dùng kẹp gấp từ bàn thờ.
⁷ Vị ấy đưa than lửa đỏ chạm vào miệng tôi, và nói: “Đây, cái này đã chạm đến môi ngươi, lỗi ngươi đã được xóa rồi, tội ngươi được tha rồi.”

⁸ Lúc ấy, tôi nghe tiếng Chúa phán: “Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho chúng ta?” Tôi thưa: “Có con đây, xin Chúa sai con!”⁹ Ngài phán: “Hãy đi và nói với dân này rằng:

‘Hãy nghe để mà nghe,

Nhưng các ngươi sẽ chẳng hiểu gì;

Hãy xem để mà xem,

Nhưng các ngươi sẽ chẳng thấy chi.’

¹⁰ Hãy làm cho dân ấy tối dạ,

Nặng tai, nhắm mắt;

Kéo mắt họ thấy được,

Tai họ nghe được,

Lòng họ hiểu được,

Rồi họ trở lại và được chữa lành chẳng!”

¹¹ Tôi hỏi: “Lạy Chúa, cho đến bao giờ?” Chúa trả lời:

“Cho đến khi các thành bị bỏ hoang,

Không có dân cư,

Nhà không có người ở,

Và đất đai trở nên hoang vu hoàn toàn;

¹² Cho đến khi Đức Giê-hô-va dời dân đi xa,

Và nhiều nơi trong xứ trở nên điêu tàn.

¹³ Cho dù một phần mười còn lại trong số họ

Sẽ bị thiêu nuốt;

Nhưng, như khi người ta đốn cây thông, cây sồi còn chừa gốc,

Thì giống thánh là gốc của nó.”

6:6 Câu này là một hình ảnh rất chi tiết. Ê-sai đã có một khái tượng về đền thờ thiên đàng, nơi ngự của Đấng Thánh. Luôn khó để xác định được đâu là thật và đâu chỉ là hình ảnh! Chúng ta đang nhìn xuyên qua làn sương mù của cõi thuộc linh. Chúng ta không có trách nhiệm phát triển một sự hiểu biết chi tiết về thiên

đàng từ những đoạn Kinh Thánh như thế này. Thật ra, sự ấn tượng/ lẽ thật tổng quát mới là chìa khóa.

Điều kỳ diệu rằng Đức Chúa Trời đã khởi hoạt sự mặc khải dành cho nhân loại sa ngã. Ngài mặc khải (1) Chính Ngài; (2) những kế hoạch của Ngài; và (3) một cách liên tục, cũng như trong tương lai, sự chối bỏ của dân sự của Ngài (6:9-13). Giu-đa đã từ chối lắng nghe và nhìn xem, nhưng Ê-sai, là người đã nhận biết tội lỗi mình, đã được tẩy sạch và đã sẵn sàng (câu 8).

☐ **“bàn thờ”** Từ này (BDB 258) có vẻ chỉ cả về (1) bàn xông hương trước bức màn hoặc (2) bàn dâng sinh tế trước Nơi Thánh. Sự chạm vào miệng Ê-sai biểu tượng cho sự tẩy sạch nghi lễ, tôn giáo.

6:7 “đề trên (chạm vào) miệng ta” Phương cách tẩy sạch và bổ nhiệm này tương tự với Giê-rê-mi 1:9 và Đa-ni-ên 10:16. Tuy nhiên, Ê-xê-chi-ên được phán hãy ăn một cuộn sách (Ê-xê-chi-ên 2:8-10; 3:3), vốn tương tự với Giê-rê-mi 15:16 và Khải Huyền 10:8-11. Tất cả là những sự ẩn dụ cho việc tiếp nhận Lời của Đức Chúa Trời để có thể công bố cách đúng đắn cho những người khác.

☐ **“lỗi người được bỏ rồi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 693, KB 747, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “xoay đi” hoặc “cất đi.” Trong câu này nó song hành với “được tha” (nguyên văn “được che phủ,” “chuộc tội cho,” BDB 497, KB 493, *Pual* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 22:14; 27:9; 28:18). Ê-sai đã được thay đổi trong sự đối diện với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Quá khứ đã được giải quyết đầy hiệu quả và tương lai sẽ trở nên khác biệt. Điều này được công bố bởi Sê-ra-phin, là thiên sứ phát ngôn cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Đây là một đoạn Kinh Thánh thật vĩ đại về ân điển, rất giống với sự gặp gỡ với Chúa Giê-xu đã sống lại của Phao-lô trên đường đi Đa-mách(Công Vụ 9).

Cơ cấu đầy đủ và trọn vẹn cho sự tha thứ và chuộc tội không được đề cập đến trong đoạn Kinh Thánh, nhưng từ đoạn 53:5-6 vai trò then chốt của Đấng Mê-si, người Tôi Tớ Chịu Khổ, và khái niệm của “sự chuộc tội thay thế, đại diện cho” được bày tỏ (Sáng 3:15; Mác 10:45; Rô-ma 5:12-21; II Cô-rinh-tô 5:21).

6:8 “Ai sẽ đi cho Chúng Ta” Cụm từ “Chúng ta” hàm số nhiều (có nhiều chỗ trong Cựu Ước có thể nhìn thấy thể số nhiều này: Sáng 1:26; 9:6; Phục Truyền 6:4-5; Thi 110, cũng như trong danh xưng SỐ NHIỀU *Elohim*, Sáng 1:1; 5:1). Philo và Eben Ezra cho rằng “thể số nhiều của sự oai nghiêm”; những người khác cho rằng nó chính là “một hội đồng thiên đàng” (Rashi, I Các Vua 22:19-23; Gióp 1:6-12; 2:1-6). Nó cũng có thể chỉ về một sự báo trước của khái niệm về một Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Tam Vị Nhất Thể).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ “Ba Ngôi,” không phải là chữ Kinh thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

A. Các sách Phúc âm

1. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)

2. Giăng 14:26

B. Công vụ- Công-vụ 2:32-33, 38-39

C. Phao-lô

1. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10

2. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6

3. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14

4. Ga-la-ti 4:4-6

5. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6

6. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5

7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13

8. Tít 3:4-6

D. Phi-e-rơ- I Phi-e-rơ 1:2

E. Giu-đe- câu 20,21

Cựu ước cũng có gợi ý về điều này

A. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời

1. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
2. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7

B. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh

1. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
2. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
3. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
4. Xa-cha-ri 3:1-2

C. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14

D. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mê-si (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12

E. Đấng Mê-si và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10

F. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm ngặt, chỉ theo độc thân thời kỳ đầu:

1. Tertullian- cho Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen- hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius- không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism- tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh với ba thể hiện thân vị đời đời.

☐ **“CÓ TÔI ĐÂY”** Đây là một câu thành ngữ Hê-bơ-rơ phổ biến dùng cho sự sẵn sàng (Sáng 22:1,7,11; 27:1; 31:11; 46:2; Xuất 3:4; ISa-mu-ên 3:4,5,6,8,16; 22:12; IISa-mu-ên 1:7).

☐ **“xin hãy sai tôi”** ĐỘNG TỪ “sai” (BDB 1018, KB 1511) là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH được sử dụng như là một lời cầu nguyện cầu xin. Đây chính là sự đáp ứng của Ê-sai với câu hỏi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nó rõ ràng bày tỏ sự sẵn sàng của ông.

Một sự tự hỏi rằng, đến mức độ nào khái niệm Hê-bơ-rơ của “sự sai đi một người bởi Đấng Thánh” là hình mẫu của việc Chúa Jesus là “Đấng Được Sai Đi” trong Phúc Âm Giăng và các tín đồ là những “người được sai đi” của Ngài vào trong thế gian (Giăng 17:18; 20:21). Đức Chúa Trời đang vươn đến với tạo vật phản nghịch của Ngài! Gần đây tôi nghe một câu của một bài hát Cơ Đốc nói rằng “Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài, Ngài vẫn đang sai những người con của Ngài.” Những lời đầy uy quyền về Đức Chúa Trời và về dân Ngài!

6:9-10 Như cách ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bày tỏ mục đích của Ngài dành cho chức vụ của Ê-sai, Ngài cũng bày tỏ cho Ê-sai sự đáp ứng thông điệp của Ngài sẽ xảy ra trên Giu-đa.

1. hãy đi, câu 9, BDB 229, KB 246, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. hãy nói, câu 9, BDB 55, KB 65, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
3. hãy nghe, câu 9, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH and *Qal* INFINITIVE ABSOLUTE of BDB 1033, KB 1570
4. nhưng chẳng hiểu chi, câu 9, BDB 106, KB 122, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH, 1:3; 5:21; 10:13; 29:14
5. hãy xem, câu 9, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH và *Qal* THỂ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI của BDB 906, KB 1157
6. nhưng chẳng thấu hiểu, câu 9, BDB 393, KB 380, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong

nghĩa THÊ MỆNH LỆNH

7. Hãy làm cho dân ấy cứng lòng (nguyên văn “béo”), câu 10, BDB 1031, KB 1566, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
8. nặng tai, câu 10, BDB 457, KB 455, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
9. nhắm mắt, câu 10, BDB 1044, KB 1612, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH

Những THÊ MỆNH LỆNH theo sau bởi những hậu quả (ba THÊ CHƯA HOÀN THÀNH của những ĐỘNG TỪ được sử dụng trước đó “xem,” “nghe,” và “thấu hiểu”). Đức Chúa Trời biết (bởi cả sự biết trước của Ngài hoặc là sự làm cho cứng tấm lòng/ tâm trí vốn đã ương ngạnh của họ của Ngài) rằng họ sẽ không đáp ứng và được cứu.

1. nó trở lại (e rằng họ ăn năn), BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH phủ định
2. được chữa lành chẳng (e rằng họ được chữa lành chẳng) BDB 950, KB 1272, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH phủ định

Ê-sai sẽ giảng và suy nghĩ rằng một số sẽ đáp ứng, phần lớn đa số dân tộc/ xã hội của ông sẽ không (Rô-ma 1:24,26,28; Ê-phê-sô 4:19) hoặc không thể đáp ứng (29:9,10; Phục Truyền 29:4; Ma-thi-ơ 13:13; Rô-ma 11:8)! Ê-sai không phải là một nhà truyền giáo ở đây, nhưng là một tiên tri của những sự không vâng lời/ những hậu quả giao ước (Ma-thi-ơ 13:13; Mác 4:12; Lu-ca 8:10). Thông điệp của sự hy vọng cho một thời đại tương lai, không phải thời đại của ông!

6:10 “nhắm (mò) mắt” Từ này (BDB 1044, KB 1612) nguyên văn là “bị che bởi những sự huyền nhiệm” (29:9; 32:3).

☐ **“ăn năn”** Trong Cựu Ước, từ này (BDB 996, KB 1427) có nghĩa là “một sự thay đổi của hành động.” Trong Tân Ước sự ăn năn có nghĩa là “sự thay đổi của tâm trí.” Cả hai khái niệm đều được bao gộp!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỰU ƯỚC

Khái niệm này là then chốt nhưng khó để có thể định nghĩa. Hầu hết chúng ta đều có một định nghĩa đến từ quan điểm hệ phái của chúng ta. Tuy nhiên, thường để “thiết lập” một định nghĩa thần học là sử dụng dựa trên một vài từ Hê-bơ-rơ (và Hy Lạp) vốn không chỉ cách cụ thể về định nghĩa được “thiết lập” này. Phải ghi nhớ rằng những tác giả Tân Ước (ngoại trừ Lu-ca) đã là những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ sử dụng những thuật ngữ Hy Lạp Koine, do vậy xuất phát điểm chính là những thuật ngữ Hê-bơ-rơ, mà từ đó cốt yếu có hai điều.

1. *nacham* (BDB 636, KB 688)

2. *shub* (BDB 996, KB 1427)

Điều đầu tiên, *nacham*, vốn ban đầu có vẻ như đã có nghĩa là hít vào một hơi thở sâu, được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau.

- a. “sự nghỉ ngơi” hoặc “an ủi” (ví dụ, Sáng 5:29; 24:67; 27:42; 37:35; 38:12; 50:12; thường được sử dụng trong các tên, II Các Vua 15:14; I Sử ký 4:19; Nê-hê-mi 1:1; 7:7; Na-hum 1:1)
- b. “than khóc” (ví dụ, Sáng 6:6,7)
- c. “đổi ý” (ví dụ, Xuất 13:17; 32:12,14; Dân Số Ký 23:19)
- d. “sự thương xót” (ví dụ, Phục 32:36)

Chú ý rằng những điều này liên quan sâu sắc đến cảm xúc! Đây chính là chìa khóa: những cảm nhận sâu sắc dẫn dắt đến hành động. Sự thay đổi của hành động thường nhằm vào những người khác, nhưng cũng hướng đến Đức Chúa Trời. Đây là một sự thay đổi thái độ và hành động hướng đến Đức Chúa Trời vốn truyền cho từ này một sự đáng chú ý thần học. Nhưng ở đây, sự cần trọng cần phải được tập chú. Đức Chúa Trời được mô tả rằng Ngài “hối hận” (Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các quan xét 2:18; I Sa-mu-ên 15:11,35; Thi 106:45), nhưng điều này không gây ra kết quả từ sự hối tiếc về tội lỗi hoặc một sự sai trật, nhưng là một cách nói theo nghĩa đen về cách Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót và quan tâm (Dân Số Ký 23:19; I Sa-mu-ên 15:29; Thi 110:4; Giê-rê-mi 4:27-28; Ê-xê-chi-ên 24:14). Dựa vào hình phạt dành cho tội lỗi và sự phản nghịch được tha thứ nếu như tội nhân thực sự quay lại khỏi tội lỗi của ông ta/ cô ta/ họ và quay lại với Đức Chúa Trời.

Từ này có khoảng nghĩa rất rộng. Văn mạch là then chốt để xác định ý nghĩa được dự định trước.

Từ thứ hai, *shub*, có nghĩa là “quay lại” (quay lại khỏi, quay về, quay đến). Nếu nó là chính xác rằng hai yêu

câu của giao ước là “sự ăn năn” và “đức tin” (ví dụ, Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:4,15; 2:17; Lu-ca 3:3,8; 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3), khi đó *nacham* rchi về những cảm xúc mãnh liệt của việc nhận ra tội lỗi của một cai đó và quay đi khỏi nó, trong khi *shub* sẽ chỉ đến sự quay lại khỏi tội lỗi đến với Đức Chúa Trời (một ví dụ của hai hành động thuộc linh là A-môt 4:6-11, “người đã không quay trở lại với Ta” [năm lần] và A-môt 5:4,6,14, “hãy tìm kiếm Ta...hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va... hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ”).

Ví dụ tuyệt vời đầu tiên của năng quyền của sự ăn năn chính là sự phạm của Đa-vít đối với Bát-sê-ba (II Sa-mu-ên 12; Thi 32, 51). Đã có những hậu quả liên tiếp dành cho Đa-vít, gia đình của ông, và cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Đa-vít đã được phục hồi trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời! Ngay cả vị vua tàn ác Ma-na-se cũng có thể ăn năn và được tha thứ (II Sử ký 33:12-13).

Cả hai từ này được sử dụng song hành với nhau trong Thi 90:13. Phải có một sự nhận biết tội lỗi và một sự quay lại cách cá nhân và có chủ ý khỏi nó, cũng như là một sự khao khát tìm kiếm Chúa và sự công chính của Ngài (Ê-sai 1:16-20). Sự ăn năn bao gồm một khía cạnh về sự nhận thức, một khía cạnh cá nhân, và một khía cạnh đạo đức. Cả ba điều đều được đòi hỏi, tất cả để bắt đầu một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời và duy trì mối quan hệ mới đó. Cảm xúc hối hận sâu sắc chuyển thành một sự cam kết gắn chặt với Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời!

6:11 “cho đến chừng nào” Điều này chỉ về khoảng thời gian bao lâu thông điệp của Đức Chúa Trời sẽ bị chối bỏ.

6:12 “dời dân đi xa” Điều này chỉ về một cuộc lưu đày, nhưng dù là người A-si-ri sẽ mang mười chi phái phía bắc hoặc là người Ba-by-lôn sẽ mang những chi phái phía nam thì không thể xác định (rất có thể là một sự mơ hồ cố ý).

6:13 “còn lại một phần mười dân cư tại đó” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Dân sót, Ba ý nghĩa tại 1:9. Cũng hãy chú ý (1) Con trai Ê-sai, Sê-a-Gia-rúp, 7:3, có nghĩa là “một dân sót sẽ trở về” cũng hãy xem (2) phần thảo luận tại 10:20-22.

▣ **“họ sẽ lại bị thiêu đốt”** Câu 13, dòng b và c, có thể hiểu trong hai cách.

1. nghĩa đen theo văn mạch – dân sự của Đức Chúa Trời trong ẩn dụ của một cây lớn bị chặt và đốt, nhưng vẫn còn sự sống ở nơi gốc. Một chồi non sẽ mọc lên (Đấng Mê-si hoặc một cộng đồng của Đấng Mê-si, 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Nhưng những nan đề tương lai vẫn còn đó (sẽ bị đốt).
2. theo lịch sử, tập quán – sự thờ phượng hình tượng phồn thực của người Ca-na-an (*Thần A-sê-ra*) sẽ bị thiêu đốt hoàn toàn. Dân sự của Đức Chúa Trời một ngày sẽ được phóng thích khỏi sự thờ hình tượng!

▣ **“hạ cây... chừa gốc nó lại”** Câu 13 có hai từ được sử dụng duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước, những từ khóa!

1. “hạ,” BDB 1021 I, cùng một từ gốc với từ được sử dụng cho công trong đền thờ (I Sử Ký 26:16). Từ gốc căn bản có nghĩa là “ném,” “gieo,” hoặc “quăng.”
2. “gốc,” BDB 663, thường được sử dụng cho những cột đá thiêng
 - a. bởi các tổ phụ và Môi-se
 - b. bởi những kẻ thờ hình tượng phồn thực người Ca-na-an (*thần Ba-anh*)

▣ **“giống thánh là gốc của nó”** Câu này, cũng giống như 4:2, có nghĩa rộng về Đấng Mê-si. Hãy xem bài viết đầy đủ tại Ê-sai 11:1. Cụm từ này bị bỏ đi trong bản dịch LXX.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc

phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Vì sao cái chết của vua Ô-xia lại tác động rất sâu sắc đến Ê-sai?
2. Ê-sai đã gặp gỡ ai?
3. Tại sao thông điệp của Ê-sai lại bị chối bỏ?
4. Làm thế nào để so sánh, đối chiếu thời đại của Ê-sai với thời đại của chúng ta?

Ê-SAI 7

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cuộc Chiến Chống Lại Giê-ru-sa-lem	Ê-sai Được Sai Đến với Vua A-cha	Ê-sai và Trận Chiến Syro-Ephraimite (7:1-8:15)	Một Thông Điệp dành cho Vua A-cha	Sự Can Thiệp của Ê-sai
7:1-2	7:1-2	7:1-2	7:1 7:2	7:1-2
7:3-9	7:3-9 (7b-9)	7:3-9 (7b-9)	7:3-6 7:7-9a 7:9b	7:3-9 (7b-9)
Con Trè Em-ma-nu-ên	Lời tiên tri Em-ma-nu-ên	Dấu chỉ Em-ma-nu-ên	Dấu chỉ Em-ma-nu-ên	Ê-sai Can Thiệp Một Lần Nữa
7:10-17	7:10-17	7:10-17	7:10-11 7:12 7:13-16 7:17	7:10-12 (11) (13b-17) Sự Tiên Tri về Một Cuộc Xâm Lược
7:18-20	7:18-22 (18-19) (20)	7:18-19 7:20	7:18-19 7:20	7:18-25 (18-25)
7:21-22	(21-22)	7:21-22	7:21-22	
7:23-25	7:23-25 (23-24) (25)	7:23-25	7:23-25	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NGHIÊN CỨU VĂN MẠCH

- A. Đơn vị văn học này (những đoạn 7-12) thường được gọi là “Quyển Em-ma-nu-ên” bởi vì chủ đề xuyên suốt về một con trẻ vĩ đại của một thời đại mới sẽ được sinh ra để giải cứu và phục hồi dân sự của Đức Chúa Trời.
- B. Kết cấu của phần Kinh Thánh này là những sự kiện lịch sử gắn liền với trận chiến Sy-ri-Ép-ra-im trong giai đoạn khoảng năm 735-733 T.C và sự xâm lược Sy-ri và Palestine bởi người A-si-ri dưới thời vua Tiếc-la-Phi-lê-se III (cũng có tên là *Phun*, II Các Vua 15:19).
 1. những đoạn 7-10:4 được xác định niên đại vào khoảng năm 735 T.C (thời vua Tiếc-la-Phi-lê-se III, 745-729 T.C)
 2. những đoạn 10:5-34 được xác định niên đại vào khoảng năm 701 T.C (thời vua San-chê-ríp, 705-681 T.C)
 3. những đoạn 11:1-12:26 báo trước về một thời đại của Đấng Mê-si.
- C. Cả phần này dùng những con trẻ như là những biểu tượng của những sự kiện lịch sử
 1. con đầu lòng của Ê-sai (Sê-a-Gia-rúp), 7:3
 2. con trẻ là dấu hiệu dành cho A-cha, 7:14-16
 3. con thứ hai của Ê-sai (Ma-he-Sa-la-Hát-Bát), 8:1,3
 4. Đấng Mê-si như con trẻ, 7:14; 9:6-7, 11:1-5
 5. những con trẻ của thời kỳ mới, 11:6-9
- D. Hãy đọc những phần tường thuật lịch sử song hành bên dưới đây
 1. đoạn 7-10:4- hãy đọc II Các Vua 16 và II Sử Ký 28
 2. đoạn 10:5-34- hãy đọc II Các Vua 18:17-20:11 và II Sử Ký 32:9-24
- E. Có một sự trái ngược giữa sự thiếu đức tin được bày tỏ bởi Vua A-cha và đức tin được bày tỏ bởi con trai của ông, Vua Ê-xê-chia (37:14-20,30). Hãy nhớ rằng nhân vật chính của Kinh Thánh chính là Đức Chúa Trời! Ngài mong muốn ở với dân sự của Ngài (Em-ma-nu-ên) nhưng sự tin cậy/đức tin của họ là quan trọng then chốt!

NGHIÊN CỨU KINH THÁNH THEO CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 7:1-2

¹ Vào thời trị vì của A-cha, con Giô-tham, cháu Ô-xia, vua nước Giu-đa, thì vua nước A-ram là Rê-xin và vua Y-sơ-ra-ên là Phê-ca, con Rê-ma-lia, kéo quân lên đánh thành Giê-ru-sa-lem nhưng không thể chiếm được. ² Khi nhà Đa-vít được báo tin rằng: “A-ram đã liên minh với Ép-ra-im,” thì lòng vua A-cha và dân chúng rúng động như cây rừng lung lay trước gió.

7:1 “Vào thời trị vì của A-cha” A-cha trị vì trong những năm 735-715 T.C Bối cảnh của đoạn Kinh Thánh này chính là cuộc xâm lược Giu-đa bởi cả Sy-ri và Y-sơ-ra-ên bởi vì Giu-đa không tham gia trong liên minh chính trị của họ chống lại người A-si-ri.

☐ **“Phê-ca”** Ông là người đã chiếm đoạt ngôi báu (niên đại của thời kỳ ông cai trị, theo Bright, vào những năm 737-732; theo Young, là vào những năm 736-730; và theo quyển NIV Study Bible, là vào những năm 752-732) của Mười Chi Phái phía Bắc. Hãy xem biểu đồ của “Các Vị Vua Trong Thời Kỳ Vương Quốc Phân Đôi” trong Phụ Lục Bốn, #3.

7:2 “Khi nhà Đa-vít được báo tin rằng” Điều này chỉ về tin được báo cho cả gia đình hoàng gia hoặc là tin được công bố chính thức tại buổi triều.



NASB “đã đóng trại tại”
NKJV “đã dàn trận tại”
NRSV “đã liên minh với”
TEV “đã ở tại đó”
NJB “đã ngừng chân tại”
LXX “đã kết hợp với”
Peshitta “đã liên minh với”
REB “đã lập một liên minh với”

ĐỘNG TỪ này (BDB 628, KB 679, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “nghỉ ngơi.” Trong văn mạch này nó có nghĩa là thiết lập trại vững chắc ở giữa một địa điểm. Điều này ngụ ý rằng Sy-ri là phía mạnh hơn, và là quân thống trị trong liên minh này.

Chú ý cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong câu 19 để mô tả một đội quân xâm lược khổng lồ.

☐ **“lòng vua A-cha và dân chúng”** Cụm từ này có thể chỉ về gia đình hoàng gia và dân chúng của Giê-ru-sa-lem là những người đã nghe tin báo.

☐ **“rúng động như cây rừng lung lay trước gió”** Có sự lặp lại của ĐỘNG TỪ “lung lay,” hoặc “loạng choạng” (BDB 631, KB 681, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH và *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP). Thường mức độ mãnh liệt được mô tả bởi cấu trúc của một ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và một THỂ NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI, nhưng ở đây, có sự lặp lại của một ĐỘNG TỪ và một NGUYÊN MẪU trong cùng một thể.

Giu-đa và cả những người lãnh đạo của họ đều hoảng sợ. Họ không có sự tự tin trông cậy vào nơi sự hiện diện và những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 7:3-9

³ Đức Giê-hô-va phán với Ê-sai: “Con hãy cùng con trai của con là Sê-a Gia-súp ra đón A-cha tại cuối kênh dẫn nước hồ trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt. ⁴ Con hãy nói với A-cha rằng: ‘Hãy thận trọng và giữ yên lặng, đừng sợ và chớ sờn lòng vì hai đầu que củi chỉ còn khói, tức là cơn giận dữ của Rê-xin, vua A-ram, và của con trai Rê-ma-lia. ⁵ Vì A-ram cùng với Ép-ra-im và con trai của Rê-ma-lia mưu tính hại vua, và nói rằng: ⁶ Chúng ta hãy lên đánh Giu-đa, xé nó ra từng mảnh, phân chia nó cho chúng ta, và lập một vua giữa nó tức là con trai của Ta-bê-ên.’ ⁷ Chúa là Đức Giê-hô-va phán:

‘Mưu ấy không thành,
Việc đó không xảy ra!

⁸ Vì đầu của A-ram là Đa-mách,
Đầu của Đa-mách là Rê-xin.

(Trong sáu mươi lăm năm nữa, Ép-ra-im sẽ bị hủy diệt, không còn được kể là một dân.)

⁹ Đầu của Ép-ra-im là Sa-ma-ri,
Đầu của Sa-ma-ri là con của Rê-ma-lia.

Nếu các ngươi không tin chắc,
Sẽ không thể đứng vững được.’”

7:3 “Ê-sai” Tên ông là một sự kết hợp của hai DANH TỪ, “sự cứu rỗi” và “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.” Cần thêm vào, để hiểu hoặc để hàm ý về mặt ý nghĩa, một động từ phải đảm đương ý nghĩa, “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là sự cứu rỗi,” “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đem sự cứu rỗi,” v.v...

☐ **“Sê-a-Gia-rúp”** Đây là con trai đầu của Ê-sai. Tên của ông có nghĩa là “một dân sót sẽ trở về” trong đoạn 10:20-23. Chính sự kiện này khi Ê-sai được truyền phải mang theo con trai mình để gặp vua để chỉ ra rằng tên của con trai ông có liên quan đến chủ đề của cuộc nói chuyện. Tên ấy có thể chỉ về

1. chỉ có một phần nhỏ của đạo quân xâm lược có thể sống sót và quay trở về nhà
2. chỉ một phần nhỏ của một Giu-đa bất trung sẽ sống sót. Ê-sai sử dụng khái niệm “một dân sót trung tín” khá thường xuyên. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9.

☐ **“cuối kênh dẫn nước hồ trên”** Điều này chỉ về suối Ghi-hôn vốn là nguồn cung cấp nước cho Giê-ru-sa-

lem trong những cuộc vây hãm. Đây cũng là suối nước được sử dụng trong lễ đăng quan của các vua của Giu-đa. A-cha đang kiểm tra sự chuẩn bị để đối phó với cuộc vây hãm. Ông đang xem xét những nguồn tài nguyên mình có!

7:4-9 Đây là thông điệp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho A-cha thông qua tiên tri Ê-sai. Phần đầu chỉ về A-cha.

1. hãy thận trọng, BDB 1036, KB 1581, *Niphal* THỂ MỆNH LỆNH
2. giữ yên lặng, BDB 1052, KB 1641, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
3. đừng sợ, BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH sense
4. chớ sờn lòng, BDB 939, KB 1236, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH. Việc gây cho A-cha hoảng sợ chính là mục đích của cuộc xâm lược của Sy-ri và Y-sơ-ra-ên (câu 5).

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả những mưu tưởng của liên minh Syro-Ephraimite (câu 6).

1. chúng ta hãy lên đánh Giu-đa, BDB 748, KB 828, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ KHÍCH LỆ
2. gây cho họ một sự kinh hãi ghê gớm (theo bản Kinh Thánh NASB margin), BDB 880, KB 1089, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng theo nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ
3. đục cho chúng ta một lỗ thủng nên tường của chúng nó, BDB 131, KB 149, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng theo nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ
4. lập một vua giữa nó tức là con trai của Ta-bê-ên, BDB 573, KB 590, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng theo nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả kế hoạch của Ngài trong câu 7.

1. nó không thể đứng vững được, BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. việc đó cũng không thể xảy ra, BDB 224, KB 243, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang tể trị trên lịch sử, không phải là những đạo quân của con người, dù cho đó là Sy-ri/Y-sơ-ra-ên hay là A-si-ri. Tuy nhiên có một yêu cầu dành cho những lãnh đạo thay mặt cho Giu-đa—họ cần phải có đức tin, trông cậy vào lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 9)!

1. tin, BDB 52, KB 63, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, SỐ NHIỀU (hội đồng hoàng gia và những lãnh đạo, những câu 13,14)
2. sẽ không tồn tại được (nguyên văn “đứng vững”), BDB 52, KB 63, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, SỐ NHIỀU

Một cách chơi chữ về nghĩa của từ נגל cũng được tìm thấy trong II Sứ Ký 20:20. Đây là cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong II Sa-mu-ên 7:16 trong mối liên hệ với sự bền vững của vương quyền của triều đại nhà Đa-vít. Trong một mối quan hệ giao ước ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chọn lựa sẽ không hành động nếu như những thành viên của giao ước từ chối có đức tin/ sự tin cậy vào nơi Ngài (30:15). Hãy xem Chủ đề đặc biệt của chủ đề “Tin cậy” tại 22:25.

☐ **“hai đầu que củi chỉ còn khói”** Hai kẻ xâm lăng được mô tả rằng họ sẽ sớm “chỉ-còn.” Sy-ri (Đa-mách) sụp đổ vào tay người A-si-ri vào năm 732 T.C và Y-sơ-ra-ên (Sa-ma-ri) sụp đổ vào năm 722 T.C Con số này (65 năm) được tìm thấy trong câu 8 rất khó để dung hòa với những thông tin lịch sử hiện nay về thời kỳ lịch sử này.

7:6

NASB “đục...một lỗ thủng trên tường của chúng nó”

NKJV “đục một khoảng trống trên tường của nó”

NRSV “chinh phục nó”

NJB “tiêu diệt nó”

Peshitta “đục một lỗ thủng trên chúng nó”

REB “bẻ gãy tinh thần chúng nó”

ĐỘNG TỪ này (BDB 131, KB 149, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ KHÍCH LỆ) có nghĩa là “phá vỡ để mở ra” hoặc “phá vỡ xuyên qua” (II Các Vua 3:26).

☐ Tên “Ta-bê-ên” (BDB 370) là một tên tiếng A-si-ri. Có hai sự sử dụng tên này được biết: (1) một nhóm người sống tại Ga-la-át hoặc (2) tên một vị vua Ty-rơ (To-ba-il, theo bản LXX dịch là Ta-bê-ên, cũng được gọi là Êt-Ba-anh); Tuy nhiên, bản dịch MT thêm những nguyên âm vào tên và đổi nó thành “Tabeal,” vốn được dùng trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “chẳng tốt đẹp cho bất cứ điều gì.” Sự thay đổi các tên vốn rất thông dụng trong Cựu Ước để chỉ về quan điểm của tác giả về tính cách của nhân vật. Tuy nhiên, trong văn mạch chỗ này chỉ về một kẻ giúp đỡ A-si-ri từ bên trong của người Giu-đa.

7:7 “Chúa là Đức Giê-hô-va phán, Muru ấy không thành, Việc đó không xảy ra” Đây là một trong những câu trong văn mạch này dạy về sự kiểm soát và tể trị của Đức Chúa Trời trên các quốc gia và trên toàn bộ lịch sử (những câu 17, 18 & 20). Cũng hãy xem ghi chú tại 8:10 và 28:18.

7:8 “(Trong sáu mươi lăm năm nữa)” Yếu tố thời gian này thật khó để hiểu. Nó có thể liên hệ với sự kiện may relate to Ê-sạt-ha-đôn hoàn tất cuộc lưu đày và tái định cư trong vùng đất của Y-sơ-ra-ên (II Các Vua 17:24; Ê-xơ-ra 4:2). Đây có thể là một ví dụ tốt của (1) sự mơ hồ của những lời tiên tri nói về tương lai; (2) một sự cập nhật biên tập trên phần văn bản của sách Ê-sai với một sự bình luận biên tập; hoặc (3) cả hai.

Bản dịch NIV mô tả cách chơi chữ của Ê-sai là “Nếu người không đứng vững trong đức tin của người, người sẽ không đứng vững được trong mọi điều.”

7:9 “Nếu các người không tin chắc” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Tin, Tin Cây, Đức Tin, và Sự Trung Tín trong Cựu Ước và 22:25.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 7:10-17

¹⁰ Đức Giê-hô-va lại phán với A-cha: ¹¹ “Hãy xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con ban một dấu lạ, hoặc dưới vực sâu hoặc trên trời cao.” ¹² Nhưng A-cha thưa: “Con sẽ không xin và cũng không dám thử Đức Giê-hô-va.” ¹³ Ê-sai nói: “Này, nhà Đa-vít hãy nghe đây! Có phải các người cho rằng làm phiền người ta là việc nhỏ, mà nay lại muốn làm phiền Đức Chúa Trời ta nữa sao? ¹⁴ Vì vậy, chính Chúa sẽ ban cho các người một dấu lạ: Này, một trinh nữ sẽ mang thai, sinh một con trai và đặt tên là Em-ma-nu-ên. ¹⁵ Con trẻ ấy sẽ ăn mỡ sữa và mật, cho đến khi biết bỏ điều dữ và chọn điều lành. ¹⁶ Vì trước khi con trẻ ấy biết bỏ điều dữ chọn điều lành thì đất nước của hai vua mà người sợ sẽ bị bỏ hoang. ¹⁷ Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên người, trên dân tộc người và trên hoàng gia những ngày tai họa chưa từng có kể từ ngày Êp-ra-im tách khỏi Giu-đa, đó là Ngài sẽ sai vua A-si-ri đến.”

7:11 Có hai cách hiểu của từ Hê-bơ-rơ trong câu 11.

1. hai sự sử dụng của ĐỘNG TỪ “hỏi (xin)” (BDB 981, KB 1371, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH), NKJV, Peshitta
2. một sự sử dụng ĐỘNG TỪ (השאל) và một sự sử dụng DANH TỪ *Sheol* (השאלה), NASB, Vulgate, TEV, NJB, REB (LXX dịch là “sự sâu thăm”)

Quyển UBS Preliminary Report on the Hebrews Text đánh giá cho hai từ “hỏi (xin)” (THÊ MỆNH LỆNH) một điểm “B” (một số người nghi ngờ về điều này). Nhưng cả hai đều phù hợp với văn mạch bối cảnh. Ở đây một lần nữa cách dùng từ chính xác ở đây là không chắc chắn, nhưng nghĩa cả câu thì rất rõ ràng. Điều này là chính xác đối với đa phần rộng lớn của nhưng nan đề về ngữ cảnh này. Hãy nhớ, ý tưởng trung tâm của khổ thơ (hoặc đoạn văn), không phải là những chi tiết, mới chính là chìa khóa dẫn đến một sự hiểu biết tỏ tường sự mặc khải của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Sự khao khát được biết nhiều hơn nữa, nhiều hơn những người khác, thì không đến từ Đức Chúa Trời!

Thật ngạc nhiên, Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ cho người tôi tớ sòn lòng của Ngài để có thể tin cậy vào Lời của Ngài.. Ngài ban cho dân sự giao ước của Ngài những dấu lạ (37:30; 38:7,8; 55:13). Sự ân chứng vật lý này không có sẵn hoặc được hứa trước cho tất cả mọi tín đồ (Ma-thi-ơ 12:38-39; 16:1,4; Mác 8:11-12; 13:4; Lu-ca 11:16,29; Giăng 2:18; 4:48; 6:30; I Cô-rinh-tô 1:22). Những dấu lạ và/hoặc phép lạ cũng có thể thường xuyên là những sự lừa dối của Sa-tan (Ma-thi-ơ 7:21-22; 24:24; Mác 13:22)!

☐ **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con”** Thật thú vị để chú cách chơi chữ giữa “Đức Chúa Trời của người” và “Đức Chúa Trời của tôi.” Tuy nhiên, nhiều nhân vật của đức tin trong Cựu Ước sử dụng cụm từ “Đức Chúa Trời của người” trong những cuộc đối thoại với người khác. Nó là một thành ngữ mà không có

mục đích thần học nào.

☐ **“hoặc dưới vực sâu hoặc trên trời cao”** Nhà Tiên Tri quả quyết rằng A-cha có thể xin bất cứ dấu lạ nào trên đất, hoặc dưới đất, hoặc trên trời cao để xác quyết sự chân thật của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẵn lòng để bày tỏ cách rõ ràng định của Ngài dành cho A-cha.

Để xem một sự thảo luận về *Sheol* Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những người chết ở đâu? tại 5:14.

7:12 Nhưng A-cha thưa: “Con sẽ không xin và cũng không dám thử Đức Giê-hô-va.” Câu này có vẻ như là một thông điệp rất đáng giá bởi vì dân sự của Đức Chúa Trời được phán rằng không được “thử” (BDB 650, KB 702) Đức Chúa Trời (Xuất 17:2,7; Dân Số Ký 14:22; Phục Truyền 6:16; Thi 78:18,41,56; 95:9; 106:14). Tuy nhiên, động cơ của vị vua này rằng ông đã đưa ra quyết định sẽ thỉnh cầu A-si-ri, chứ không phải Đức Chúa Trời, để xin sự giúp đỡ. Đây không phải là sự tôn trọng Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chính Ngài đã ban cho vị vua từ dòng dõi Đa-vít này cơ hội để xác nhận sự tin cậy của ông ở trong Lời, sự bảo vệ, và sự chu cấp của Ngài, nhưng ông đã không làm điều đó!

7:13 “hãy nghe đây” ĐỘNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, SỐ NHIỀU) được sử dụng rất thường xuyên trong Ê-sai, nhưng chỉ là lần duy nhất ở đây trong “quyển sách Em-ma-nu-ên” (những đoạn 7-12). Đức Chúa Trời muốn được lắng nghe và vâng lời!

☐ **“nhà Đa-vít”** Trong văn mạch của cụm từ này, vốn có thể chỉ về tập thể, đang chỉ về A-cha như là đại diện của vương quyền Đa-vít (II Sa-mu-ên 7).

☐ **“là việc nhỏ”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ (BDB 589, Dân Số Ký 16:13; Giô-suê 22:17; Ê-xê-chi-ên 16:20; 34:18). Dân sự đang đối xử với Đức Chúa Trời và ý định được bày tỏ của Ngài (Luật Môi-se) như là một việc nhỏ nhặt, không quan trọng.

☐ **“làm phiền (thử thách sự kiên nhẫn)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 521, KB 512) được sử dụng hai lần.

1. một lần liên hệ đến con người (*Hiphil* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
2. một lần liên hệ với Đức Chúa Trời (*Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)

A-cha đã không thực hiện tốt những bổn phận của mình như là đại diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (II Sa-mu-ên 7) giữa dân sự!

7:14 “Vì vậy, chính Chúa sẽ ban cho các ngươi một dấu lạ” Dấu lạ này (BDB 16) phải áp dụng trước tiên cho thời đại của A-cha (đặc biệt trong những câu 15-16)!

☐ **“trinh nữ”** Từ Hê-bơ-rơ ở đây là *almah* (BDB 761). Từ này được sử dụng cho một người nữ trẻ trong độ tuổi có thể kết hôn (Sáng 43:24; Xuất 2:8; Châm Ngôn 30:19). Nó chỉ về một người nữ đã trưởng thành về mặt tình dục. Ngoài ra còn một từ Hê-bơ-rơ khác dùng cho trinh nữ, *bethulah* (BDB 143), vốn được sử dụng trong Ê-sai trong 23:4, 12; 37:22; 47:1; 62:5. Bản dịch Bảy Mươi dịch câu này trong từ tiếng Hy Lạp “trinh nữ.” Những từ này có trường nghĩa giao nhau và tất cả những người nữ trẻ trong văn hóa Y-sơ-ra-ên đều được xem là những trinh nữ. Tuy nhiên, tôi không tin hai sự giáng sinh đồng trinh, nhưng chỉ một mà thôi. Có một sự chịu thai bình thường trong thời kỳ của A-cha như là một dấu lạ và một (mạo từ “ấy,” trong bản dịch MT) sự chịu thai trinh nữ trong thời kỳ Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 1:18-23; Lu-ca 1:26-38). Đây là một lời giao ước ứng nghiệm kép (nhiều lần)!

Tôi nghĩ rằng Tân Ước không nhấn mạnh điều này hơn nữa (chỉ xuất hiện hai lần trong sự tường thuật về sự giáng sinh [Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31,34] và không bao giờ xuất hiện trong một bài giảng trong sách Công Vụ hoặc thư tín bởi bất kỳ vị Sứ Đồ nào) là bởi vì sự hiểu lầm có thể xảy ra bởi niềm tin tôn giáo Hy Lạp-La Mã, nơi mà sự ăn ở của các vị thần và con người, sinh ra con cái, là rất phổ biến.

Sự cố gắng để lập nền tảng một tín lý tội lỗi như là sự chuyển giao của một tinh trùng người nam và, vì đó, chỉ ra (đó là) lý do cho một sự trinh nữ hạ sinh, đối với tôi, là ngu xuẩn! Trong thực tế, một điều tương tự đối với sự có con cái của những người vợ vô sinh (son sẻ) của Các Tô Phụ chỉ bởi vì sự thúc đẩy của Đức Chúa Trời mà thôi. Đức Chúa Trời vẫn đang tể trị về Đấng Mê-si! Và một lẽ thật vĩ đại hơn được mặc khải trong Tân Ước nơi mà Đấng Mê-si được giới thiệu rất rõ ràng là Đấng Thánh nhập thể (Giăng 1:1; 5:18;

10:33; 14:9-11; Phi-líp 2:6)! Vì vậy, có một nhu cầu cần thiết có một sự hạ sinh bởi trinh nữ!



NASB	“sẽ cùng với một con trẻ và sinh một con trai”
NKJV, Peshitta	“sẽ chịu thai và sinh một con trai”
NRSV	“sẽ cùng với một con trẻ và sinh một con trai”
TEV	“sẽ mang thai và sẽ có một con trai”
NJB, REB	“sẽ cùng với một con trẻ và sẽ sinh một con trai”
LXX	“sẽ cùng với một con trẻ và sẽ sinh một con”

TÍNH TỪ này (BDB 248) thường chỉ về một người vốn đã mang thai, nhưng ở đây có một sự mơ hồ, rõ ràng hiển nhiên nhưng những bản khác.

Điều này phải chỉ về một vài người nữ trong thời của Ê-sai; dù cho đó là vợ vua (sự hạ sinh của vua Ê-xê-chia), vợ của nhà tiên tri, hay là một người thiếu nữ trẻ trong triều đình là không rõ ràng, nhưng vua Ê-xê-chia (con trai của A-cha) phù hợp tốt nhất với văn mạch về nhà Đa-vít.

▣ **“Em-ma-nu-ên”** Danh xưng này (BDB 769) có nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (8:8,10). Trong thời kỳ của Ê-sai nhiều đứa trẻ được đặt tên có liên hệ với Đấng Thánh. Danh xưng của đứa trẻ mới chính là dấu lạ, không phải sự hạ sinh duy nhất của nó! Những người này đã không trông đợi một sự hạ sinh siêu nhiên, sự hạ sinh bởi trinh nữ, Đấng Thánh nhập thể, con trẻ siêu nhiên! Đây không phải là một lễ thật Cựu Ước, nhưng là một lễ thật được mặc khải theo tiến trình của Tân Ước!

7:15-16 Những câu này song hành với nhau (Ba TRANG TỪ được lặp đi lặp lại). Sự song hành chính là đặc điểm của phong cách văn học Hê-bơ-rơ (cả trong một đơn vị văn học, và cả trong cấp độ đoạn và câu).

7:15 “Con trẻ ấy sẽ ăn mỡ sữa và mật” Có hai thuyết về ý nghĩa của cụm từ này: điều này có cả ý nghĩa về việc con trẻ sẽ đến trong thời kỳ của sự dư dật rất lớn (Xuất 3:8), hoặc chỉ là sự trái ngược, rằng con trẻ sẽ đến trong một thời kỳ của sự thiếu thốn kinh khủng (những câu 21-22).

▣ “cho đến khi biết bỏ điều dữ và chọn điều lành” Câu này có vẻ chỉ về

1. “thời kỳ của sự giải trình” (kết quả của huấn luyện tôn giáo)
2. rằng đứa trẻ sẽ trở thành một trẻ biết những gì bị ngăn cấm và phù hợp. Trong đời sống người Do Thái sau này, điều này thường xảy ra bình thường vào khoảng mười ba tuổi (*Bar-Mitzvah*). Tuy nhiên, 8:4 hàm rằng sớm hơn rất nhiều !

7:16 “đất nước của hai vua mà người thợ sẽ bị bỏ hoang” Điều này chỉ về việc người Sy-ri (A-mốt 1:3-5) và Y-sơ-ra-ên (17:3) bị đánh bại và lưu đày bởi người A-si-ri. Kinh thành của Y-sơ-ra-ên, Sa-ma-ri, rơi vào tay A-si-ri vào năm 722 T.C sau một cuộc vây hãm kéo dài. Đại đa phần trong những chi phái này đã không bao giờ trở về Ca-na-an, nhưng đã hòa tan vào dân cư nơi họ đã đi lưu đày (Media).

7:17 “Đức Giê-hô-va sẽ giáng trên người” Đây là một ví dụ tốt rằng mỗi một sự khủng hoảng lịch sử trên quốc gia Y-sơ-ra-ên đều chịu sự kiểm soát bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho mục đích của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 7:18-19

¹⁸ Trong ngày ấy, Đức Giê-hô-va sẽ thổi còi gọi ruồi ở tận cùng các sông Ai Cập, và gọi ong ở đất A-si-ri đến. ¹⁹ Chúng sẽ đến đậu trong tất cả các thung lũng sâu, các vách đá, các kẽ đá, trong mọi bụi gai và đồng cỏ.

7:18 “Trong ngày đó” “Ngày đó” là ngày của sự ứng nghiệm của những lời hứa của Đức Giê-hô-va (những câu 18,20,21, 23). Nó có thể chỉ về một thời điểm tương lai gần (sự sụp đổ của Si-ri và Y-sơ-ra-ên, câu 16) hoặc một ngữ cảnh ngày cuối cùng, lai thế học (thời kỳ của Đấng Mê-si, thời đại của một sự hạ sinh bởi trinh nữ thật sự).

▣ **“thổi còi”** Hãy xem ghi chú tại 5:26.

▣ “**Ai Cập**” dân sự của Đức Chúa Trời vẫn bị ám ảnh bởi sự đấu tranh quyền lực giữa các đế chế ở tại khu vực hình Trăng Lưỡi Liềm Màu Mỡ và Sông Nin này. Ai Cập được nhắc đến trong Ô-sê 7:11; 8:13; 9:3, 6; 11:5, 11; 12:1.

7:19 “trong tất cả các thung lũng sâu, các vách đá, các kẽ đá, trong mọi bụi gai và đồng cỏ” Đây là một chuỗi của những ẩn dụ được dùng để mô tả một đạo quân xâm lược khổng lồ sẽ xâm chiếm cả những khu vực xa xôi hẻo lánh nhất của Đất Hứa.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010: 7:20

²⁰ Trong ngày ấy, Chúa sẽ dùng dao cạo thuê bên kia sông, tức là vua A-si-ri, để cạo đầu và lông chân các người, và cắt bỏ cả râu nữa.

7:20 “Trong ngày ấy, Chúa sẽ dùng dao cạo thuê bên kia sông” Câu này có vẻ chỉ về việc A-cha gửi công nạp để thuê mướn A-si-ri đến để giải cứu họ, II Các Vua 16:7-9. Đầu và hàm râu bị cạo là dấu chỉ của sự nhục nhã và than khóc (II Sa-mu-ên 10:4-5; I Sứ Ký 19:4; Giê-rê-mi 48:37).

Cụm từ “lông chân” có vẻ như chỉ về lông ở khu vực sinh dục của cơ thể những người nam trẻ (6:2; Các Quan Xét 3:24; I Sa-mu-ên 24:3), vốn chỉ về sự nhục nhã.

Từ Hê-bơ-rơ “chân” (BDB 919) trong một vài nơi có thể chỉ về

1. cơ quan sinh dục nam, Xuất 4:25; Các Quan Xét 3:24; Ru-tơ 3:4,7; I Sa-mu-ên 24:3
2. cơ quan sinh dục nữ, Phục Truyền 28:57; Ê-xê-chi-ên 16:25
3. cả những tạo vật thiên sứ, Sê-ra-phim, Ê-sai 6:2; Chê-ru-bim, Ê-xê-chi-ên 1:23 Trong Ê-sai 36:12 nước tiểu được gọi là “nước từ nơi chân” (theo NIDOTTE, tập 3, trang 1048).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010: 7:21-22

²¹ Đến lúc ấy, mỗi người chỉ có thể nuôi một con bò cái tơ và hai con chiên. ²² Nhưng chúng sản xuất sữa dư dật nên người ta sẽ ăn mỡ sữa, vì tất cả những ai còn sót lại trong xứ thì sẽ nuôi mình bằng mỡ sữa và mật.

7:21 Có nhiều cuộc thảo luận về câu này chỉ về sự thịnh vượng dư dật hay là sự thiếu thốn giống như câu 15.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010: 7:23-25

²³ Đến lúc ấy, tất cả những nơi trồng được một nghìn gốc nho, đáng giá một nghìn miếng bạc, sẽ mọc đầy những gai góc và bụi rậm. ²⁴ Ai muốn vào đó phải đem theo cung tên, vì cả xứ chỉ toàn là gai góc và bụi rậm. ²⁵ Các người cũng không còn đến các ngọn đồi mà mình đã cày xới nữa vì sợ gai góc và bụi rậm; nhưng đó sẽ là nơi để thả bò và chỗ cho chiên giẫm nát.

7:24-25 Hai câu này chỉ về một số lượng lớn những loài thú hoang sẽ xâm chiếm Đất Hứa bởi vì sự vắng mặt của con người (cả hai đều liên hệ với những sự rửa sả giao ước từ Phục Truyền 28).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Có phải dân Do Thái đã trông đợi Đấng Mê-si sẽ là Đức Chúa Trời nhập thể?
2. Có phải Ê-sai 7:14 tiên tri về một sự hạ sinh bởi trinh nữ trong thời của vua A-cha?
3. Tại sao các tên của những con trẻ lại rất đáng chú ý trong những đoạn này?

Ê-SAI 8

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự sụp đổ của Đa-mách và Sa-ma-ri 8:1-4	A-si-ri Sẽ Xâm Chiếm Xứ 8:1-4	Dấu chỉ của Ma-he Sa-la Hát Bát 8:1-4	Con Trai Ê-sai Chính Là Dấu Chỉ cho Dân Sự 8:1-2 8:3 Đại Đế Của A-si-ri Đang Tiến Đến 8:5-8a	Sự Hạ Sinh Một Con Trai Cho Ê-sai 8:1-2 8:3-4 Si-lô-ê và dòng Ó-phơ-rát 8:5-10
8:5-8 (5b-8) Một Dân Sốt Tin Cây	8:5-8 (6-8)	8:5-8	8:8b 8:9-10	(9-10) Sứ Mạng của Ê-sai
8:9-10 (9-10)	8:9-10 (9-10)	8:9-10 (9-10)	Đức Giê-hô-va Cảnh Báo Nhà Tiên Tri 8:11-15	8:11-20 (11-20)
8:11-15 (12-15)	Hãy Kính Sợ Đức Chúa Trời, và Chú Ý Lời của Ngài 8:11-15 (12-15)	Lời Làm Chứng và Sự Dạy Đồ 8:11-15	Sự Cảnh Cáo Chống Lại Việc Cầu Hối Người Chết 8:16-17 8:18 8:19 8:20 Thời Kỳ của Những Sự Hoạn Nạn 8:21-9:1a	8:11-20 (11-20)
8:16-18	8:16-18 (16-18)	8:16-22		Lang Thang Trong Sự Tối Tăm 8:21-23a (21-23a) Sự Giải Cứu 8:23b-9:6
8:19-22	8:19-22			

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn này mô tả nan đề của việc cố gắng để đưa ra dàn ý của thể loại thơ ca tiên tri bởi các khổ thơ. Nó là không chắc chắn về cách những khổ thơ được chia cấu trúc như thế nào. Nó thậm chí còn không rõ ràng về việc chúng được phân với ai!
- B. Trong những đoạn như thế này, tốt nhất cần phải cố gắng để tìm ra ý chính của mỗi khổ thơ. Sau đó hãy xem có bất cứ từ hoặc ý tưởng “chìa khóa nào được lặp đi lặp lại. Hãy cẩn thận trong việc ép buộc những chi tiết vào những ý tưởng thần học theo hệ thống hoặc giáo điều. Thơ ca Hê-bơ-rơ nổi tiếng mơ hồ. Hãy xem Phụ Lục Một.
- C. Sự mơ hồ là đặc điểm của (thể loại) Thơ Ca và Tiên Tri Hê-bơ-rơ. Việc giải kinh những chi tiết giết chết tính nghệ thuật (sự chơi chữ, phép song hành) và thường làm mất đi ý nghĩa trong những chi tiết vụn vặt. Những khổ thơ này thường riêng biệt nguyên thủy. Chúng được sáng tác để lắng nghe! Chúng vốn để tạo nên một sự tác động ảnh hưởng cảm xúc tức thời! Chỉ qua thời gian, sự cầu nguyện và sự mặc khải theo tiến trình mà những lẽ thật sẽ trở nên rõ ràng!
- D. Những đoạn 6-8 có nhiều TRANG TỪ ĐƠN. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang đề cập đến nhà tiên tri và Ngài thường đề cập những nhóm người như là những tập thể.

NGHIÊN CỨU KINH THÁNH THEO CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 8:1-4

¹ Đức Giê-hô-va phán bảo tôi: “Hãy lấy một tấm bảng lớn, và viết trên đó bằng chữ của con người: ‘Ma-he Sa-la Hát Bát.’” ² Tôi đem theo các nhân chứng đáng tin cậy là thầy tế lễ U-ri và Xa-cha-ri, con của Giê-bê-rê-kia. ³ Sau đó, tôi đến với nữ tiên tri, rồi nàng thụ thai và sinh một con trai. Đức Giê-hô-va bảo tôi: “Hãy đặt tên nó là Ma-he Sa-la Hát Bát; ⁴ vì trước khi đứa trẻ biết gọi: ‘Cha ơi!’, ‘Mẹ ơi!’ thì vua A-si-ri sẽ đến lấy đi tài sản của Đa-mách và chiến lợi phẩm ở Sa-ma-ri.”

8:1-4 Con trai thứ của Ê-sai (câu 3) là một lời tiên tri về sự hủy diệt dành cho kẻ xâm lược chính trên Giu-đa (Trận chiến Syro-Ephraimite), Sy-ri (kinh đô là Đa-mách). Đa-mách đã bị xâm chiếm bởi người A-si-ri vào năm 732 T.C và cư dân của xứ đã bị lưu đày biệt xứ. Trong một vài cách, con trai thứ của Ê-sai song hành với đứa con của lời hứa trong đoạn 7:14-16.

8:1 “Hãy lấy một tấm bảng lớn, và viết trên đó” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ban cho Ê-sai hai mạng lệnh.

1. “lấy,” BDB 542, KB 534, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

2. “viết,” BDB 507, KB 503, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, thường được sử dụng cho sự chạm khắc, Xuất 32:4,16

Chú rằng những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sắp sửa bày tỏ sẽ phải được viết xuống cách cho những độc giả đương thời, cũng như trong tương lai và rằng nó sẽ mất một miếng chất liệu để viết hoặc một bảng đất sét hoặc triện ấn (30:8) “lớn” (BDB 152). Từ Hê-bơ-rơ (BDB 163) không nói rõ chất liệu (chú ý cách sử dụng của nó trong 3:23, nơi mà nó có thể chỉ đến một triện ấn hình trục được đeo xung quanh cổ, theo JB footnote, trang 1155, và theo IVP *Bible Background Commentary*, trang 594). Không rõ từ đoạn kinh thánh có phải thông điệp dài hoặc chỉ là một cụm từ được viết với những chữ lớn!



NASB “bằng những chữ thường”

NKJV, LXX “bằng viết của con người”

NRSV, REB,
JPSOA “bằng chữ thường”

TEV “bằng những chữ lớn”

NJB “bằng bút thường”
Peshitta “trên mặt phẳng của nó”

Đây rõ ràng là một cụm từ mơ hồ bởi vì nó là chỗ duy nhất với từ “con người” (BDB 60) được sử dụng cho một vật không phải là thể sống. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn thông điệp của Ngài được ghi lại để rồi tất cả dân sự của Ngài có thể dễ dàng hiểu được thông điệp của Ngài.



NASB “Nhanh chóng thay những của cướp, vội vã thay những con mồi”
NKJV, NRSV “Ma-he-Sa-la-Hát-Bát”
TEV “Hãy cướp bóc nhanh chóng, hãy cưỡng đoạt cách vội vã”
Peshitta “hãy thúc giục những kẻ phụ tù, và ghi lại những của cướp”
JB footnote “Nhanh lên-những của cướp, vội vã lên –chiến lợi phẩm”
REB footnote “nhanh chóng cho những của cướp, vội vã lên cho sự tước đoạt”

Đây là tên của con trai thứ của Ê-sai, “Ma-he-Sa-la-Hát-Bát” (câu 3). Hai ĐỘNG TỪ giống nhau trong một thông điệp mỉa mai trong 5:19. Nó có lẽ là phản ứng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với sự kiêu ngạo của người Giu-đa. Nó có (cũng như là tất cả các tên của những con trai của Ê-sai) một thông điệp tiên tri cho cả dân sự trong thời đại đương thời của ông. Có vẻ như nó chỉ đến một sự xâm lược của người A-si-ri bởi vì sự vô tín của A-cha. Sự xâm lược ngập tràn Giu-đa cũng như là Sy-ri và Y-sơ-ra-ên.

Trong Ha-ba-cúc 1:6-8 hai ĐỘNG TỪ tương tự mô tả sự xâm lược Giu-đa bởi người Ba-by-lôn.

8:2

NASB “Chính tôi đem theo”
NKJV “Chính tôi sẽ đem theo”
NRSV “tôi để điều đó làm chứng cho tôi”
NJB “đem”
LXX “làm cho tôi”
Peshitta “Tôi đem đến với tôi”
JB “tìm cho tôi”
REB “Tôi đã để điều đó làm chứng cho tôi”
JPSOA “gọi”

ĐỘNG TỪ trong bản MT là “làm chứng” (BDB 729, KB 795, *Hiphil* THỂ KHÍCH LỆ). Trong Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls), LXX, và Peshitta thay ĐỘNG TỪ thành một THỂ MỆNH LỆNH và được bản NRSV, REB đi theo cách dùng này. Trong văn mạch, Đức Chúa Trời đang tìm kiếm hai người nhân chứng trung thực (Phục Truyền 4:26; 30:19; 31:28) để làm nhân chứng cho thông điệp của Ngài (trời và đất, hãy xem ghi chú tại 1:2).

Tên của nhân chứng thứ nhất, “thầy tế lễ U-ri,” được nhắc đến trong II Các Vua 16:10-16 (trong một sự rõ ràng khá yếu ớt). Nhân chứng kia (Xa-cha-ri, con của Giê-bê-rê-kia) không được biết đến ngoại trừ trường hợp tên này cũng chỉ về Xa-cha-ri thời Vua Ô-xia trong sử k II Sử Ký 26.

NIDOTTE, tập 3, trang 336, cho rằng chính Ê-sai là người muốn có hai nhân chứng hiện diện khi ông đặt tên cho con trai thứ của mình.

8:3

NASB “Tôi tiến đến”
NKJV, NRSV,
LXX “Tôi đã đến với”
NJB “Tôi đã quan hệ với”
REB “Tôi nằm với”

ĐỘNG TỪ này (BDB 897, KB 1132, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ về sự tương tác tình dục (Sáng 20:4; Lê-vi-ký 18:6,14,19; Phục Truyền 22:14; Ê-xê-chi-ên 18:6).

Một lần nữa câu hỏi “ai” là người thụ thai trong đoạn 7:14. Có hai khả năng chính.

1. con trẻ đặc biệt phản ánh ý tưởng về một vị vua thuộc dòng dõi Đa-vít và, vì vậy, có lẽ đó chính là Ê-xê-chia, con trai A-cha
2. Ê-sai có lẽ có mối liên hệ với A-cha, và nếu vậy, con của ông cũng có thể là một vị vua thuộc

dòng dõi Đa-vít. Sự gần gũi của 8:3 và 7:14 làm cho con trai thứ của Ê-sai gần như trở thành một sự ứng nghiệm “ngấn hạn”.

8:3 “nữ tiên tri” Đây rõ ràng là một sự chi đến vợ của Ê-sai. Bà cũng là (1) một tiên tri (BDB 612, GIÓNG CÁI SỐ ÍT) hoặc (2) đã cưới một tiên tri

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

I. Cựu ước

A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu

1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)

B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ

1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
7. tuân giữ sự dạy dỗ về cha mẹ (Châm Ngôn 1:8; 6:20)
8. các con trai và con gái của Hê-man (gia đình Lê-vi) hướng dẫn sự thờ phượng trong đền thờ (I Sứ Ký 25:5-6)
9. các con trai và con gái sẽ nói tiên tri trong thời kỳ mới (Giô-ên 2:28-29)

C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:

1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sứ ký 34:22-27)
5. Ru-tơ, một người nữ kính sợ Chúa là tổ mẫu của vua Đa-vít
6. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư

II. Tân ước

A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-lạp đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)

B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:

1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26;

Rô-ma 16:3)

7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bê-ti-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?

1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. nghi lễ tôn giáo(các luật tôn giáo và nghi thức tế lễ) của Y-sơ-ra-ên
 - b. Do Thái giáo trong thế kỷ thứ nhất
 - c. Những thông điệp của Phao lô rõ ràng mang điều kiện lịch sử trong I Cô-rinh-tô
 - (1) Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo
 - (2) Duy trì nô lệ (7:20-24)
 - (3) Sống độc thân (7:1-35)
 - (4) Những trinh nữ (7:36-38)
 - (5) Thức ăn tế thần (8; 10:23-33)
 - (6) Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (11)
3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.

B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bớt để Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép đi ra chia xẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tề. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

How to Read the Bible for All Its Worth của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics của Gordon Fee

Hard Sayings of the Bible của Walter C. Kaiser, Peter H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

8:4 Câu này có lẽ song hành với khung thời gian và thông điệp của 7:15-16 (và câu 4).

Tên của con trai Ê-sai khắc họa chính sự kiện này bởi người A-si-ri (10:5-7).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 8:5-8

⁵ Đức Giê-hô-va lại phán với tôi lần nữa rằng: ⁶ “Vì dân này đã khước từ dòng nước êm dịu của Si-lô-ê, và run sợ trước mặt Rê-xin cùng con trai của Rê-ma-lia; ⁷ cho nên, Chúa sẽ khiến nước Sông Cái chảy cuộn cuộn trên họ, tức là vua A-si-ri với tất cả vinh quang của vua. Dòng nước ấy sẽ dâng lên khỏi lòng sông, tràn ngập tất cả các bờ, ⁸ chảy vào Giu-đa, chảy tràn lan và ngập đến tận cổ. Hỡi Em-ma-nu-ên, cánh nó dang ra che phủ cả xứ người!”

8:5-6 Khổ thơ này tiếp tục thông điệp của sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Sy-ri và Y-sơ-ra-ên bởi A-si-ri, nhưng thêm vào đó là những hậu quả kinh khiếp cũng sẽ ảnh hưởng trên Giu-đa (Giê-ru-sa-lem được tha, trong câu 8b). Nó sẽ không bị hủy diệt, nhưng chỉ gần như là sống sót mà thôi.

8:6 “vì dân này” Đối tượng nào được chỉ đến ở đây?

1. Y-sơ-ra-ên
2. Giu-đa

Câu trả lời được tìm thấy trong trong câu 6b. Giu-đa không ưa thích Rê-xin, nhưng là Y-sơ-ra-ên (“con trai của Rê-ma-lia”) đã thiết lập một liên minh chính trị và quân sự với người này (7:4-5,8,9). Vì vậy, câu 7 phải chỉ về sự hủy diệt không chỉ trên Đa-mách (7:20), nhưng trên cả Sa-ma-ri (Y-sơ-ra-ên). Cũng có thể nó chỉ cả về một nhóm người trong Giu-đa là những người muốn tham gia liên minh ấy.

Motyer, trong Bộ Tyndale Old Testament Commentary (trang 81), viết rằng cụm từ “dân này” có thể chỉ đến

1. Giu-đa, 28:14
2. một thế lực ngoại bang, 23:13
3. Y-sơ-ra-ên, 9:16 (và ở đây)

▣ “các dòng nước Si-lô-ê chảy dịu” Đây là một dòng nước nhỏ ở phía đông Giê-ru-sa-lem vốn mang nước từ suối Ghi-hôn vào thành phố (II Các Vua 20:20; II Sử Ký 32:30). Nó là biểu tượng của (1) những sự xao nhãng những hành động và những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (5:24; 30:12) hoặc là (2) sự chu cấp của

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho Giê-ru-sa-lem, nhà David, và Giu-đa, trong cuộc vây hãm.

▣ **“và ưa thích (run sợ trước mặt) Rê-xin cùng con trai của Rê-ma-liã”** Sy-ri là một phần của sự đảo chính để lật đổ ngôi của nhà Đa-vít (7:6). Y-sơ-ra-ên đã đặt niềm tin của họ vào những liên minh chính trị và quân sự.

▣ **“ưa thích”** Từ này (BDB 965) có nghĩa là “vui mừng” hoặc “hân hoan,” vốn không phù hợp với văn mạch. Có lẽ nó được chọn để phù hợp với văn thơ trong câu, chứ không phải theo sách vở. ĐỘNG TỪ này “chối bỏ,” trong câu 6 và “ưa thích,” câu 6, có vẻ tương tự nhau. Lời tiên tri lẽ ra cần phải được đọc lớn. Có một giả định về điều nó chỉ về.

1. Sự vui mừng của Đa-mách
2. một nhóm người Giu-đa là những người chống đối lại liên minh giữa A-cha và người A-si-ri
3. “tan chảy” ra trong sự kinh hoàng, không phải là vui mừng (sự hiệu đính)
4. Sự vui mừng của Giu-đa trên sự xâm lược Sy-ri và Y-sơ-ra-ên bởi người A-si-ri. Hiển nhiên văn mạch ở đây là không rõ ràng về việc nó chỉ về đối tượng nào.

8:7 “Chúa sẽ khiến ...trên họ” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang kiểm soát trên lịch sử (5:26; 7:7,18; 10:5; 13:2-3). Lịch sử không phải là ngẫu nhiên, nhưng được định hướng. Nó có một đích đến cuối cùng. Lịch sử vận hành bởi những hậu quả của tội lỗi của con người và những mục đích của Đức Chúa Trời!

▣ **“nước Sông Cái (Ô-phơ-rát)”** Đây là một trong hai dòng sông chính của khu vực Mê-sô-bô-ta-mi (Lưỡng Hà). Dòng sông Ti-gơ-rít và Ô-phơ-rát hình thành nên một vùng đất hình trăng khuyết màu mỡ và kéo dài đến tận Vịnh Ba Tư để đóng lại khu vực duyên hải của biển Địa Trung Hải tại Li-băng. Một sa mạc chia cắt các đê chắn của vùng Mê-sô-bô-ta-mi (A-si-ri và Ba-by-lôn) khỏi Ca-na-an. Vì vậy, những đạo quân đi dọc theo dòng sông Ô-phơ-rát và di chuyển xuống vùng đất duyên hải Li-băng và Ca-na-an. Con đường địa lý trở thành nguồn gốc của hình ảnh biểu tượng trong Kinh Thánh “phương bắc” như là chỉ dẫn của cái ác.

8:8 Câu này chỉ về những hậu quả của một cuộc xâm chiếm Ca-na-an của người A-si-ri. Giu-đa sẽ sống sót như là một quốc gia, nhưng chỉ sống sót một cách trợ trụ. A-cha đã không lắng nghe theo Ê-sai, ông đã không tin cậy những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **“Các cánh của nó sẽ giang rộng và tràn ngập vùng đất của các ngươi (Dòng nước ấy sẽ dâng lên khỏi lòng sông, tràn ngập tất cả các bờ)”** Bản NASB, NRSV, NJB, REB liên hệ câu này với sự hủy diệt gây ra bởi người A-si-ri (“cánh” được sử dụng như là một ẩn dụ của “cuối cùng,” theo NIDOTTE, tập 2, trang 670, vì vậy chỉ về sự xâm lược cả xứ), nhưng bản TEV và JPSOA thay đổi sự ẩn dụ (từ một trận lụt để mô tả về sự xâm lược của người A-si-ri) thành sự giang rộng một đôi cánh của một con chim (BDB 642 GHÉP VỚI BDB 489, 8:8; Thi 17:8; 36:7; 57:1; 61:1,4; 63:7; 91:1,4) để chỉ về con trẻ đặc biệt được hứa trước của Đức Chúa Trời trong 7:14; cũng hãy chú ý những câu 9-10! Chú ý rằng những lời hứa liên quan đến một giao ước có điều kiện vốn đòi hỏi đức tin và sự vâng lời. Thiếu vắng đi đức tin, sự bảo vệ thiên thượng trên Giê-ru-sa-lem sẽ gửi đi một thông điệp sai trật (tương tự như nhiều người ngày nay sẽ xem tình trạng của Y-sơ-ra-ên như là một hành động thiên thượng của sự phục hồi, nhưng nan đề chính là họ đã không phải là một dân tộc được định hướng bởi đức tin hoặc sống-trung-tín theo giao ước)! Y-sơ-ra-ên ngày nay là một dân tộc thế tục!

▣ **“Hỡi Em-ma-nu-ên”** Danh xưng ở đây có vẻ như nó chỉ về một vị vua thuộc dòng dõi của Đa-vít trong thời đó (thời Vua A-cha). Điều này có lẽ là một bằng chứng theo văn mạch rằng đấng trẻ trong 7:14 chính là Ê-xê-chia. Cuối cùng, nó chỉ về Chúa Jesus, nhưng trong Ê-sai nó đã chỉ đến một sự thụ thai một em bé trai cách tự nhiên đương thời (7:15-16)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 8:9-10

⁹ Hỡi các dân, hãy liên kết và bị đập tan!
Hỡi tất cả các miền đất xa xăm, hãy lắng tai!
Hãy nai nịt, và bị đập tan;
Hãy nai nịt, và bị đập tan!

¹⁰ **Hãy bàn thảo chiến lược, nhưng nó sẽ bị phá vỡ;
 Hãy đưa ra kế hoạch, nhưng nó sẽ không đứng vững,
 Vì Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.**

8:9-10 Bản NASB 1970 cho rằng những câu 9-15 chỉ là một khổ thơ, nhưng bản Hiệu Đỉnh NASB 1995 định dạng những câu 9-10 là một khổ thơ riêng biệt (tôi cũng nghĩ điều này là đúng, cũng như những bản NKJV, NRSV, Peshitta). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang đề cập đến một đội quân xâm lược ô hợp.

1. bị tan vỡ (bị đập tan), câu 9, BDB 949, KB 1270, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. bị nghiền nát (bị đập tan), câu 9, BDB 369, KB 365, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, 7:8; 30:31; I Sa-mu-ên 2:10; Giê-rê-mi 48:1,2; 49:37; 50:2; 51:56
3. hãy lắng tai, câu 9, BDB 24, KB 27, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
- 4-5. hãy nai nịt chính mình (hai lần), câu 9, BDB 25, KB 28, *Hithpael* THÊ MỆNH LỆNH
6. bị nghiền nát, tương tự với #2
7. hãy đề ra những kế hoạch câu 10, BDB 734, KB 801, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
8. hãy lập mưu, câu 10, BDB 180, KB 210, *Piel* THÊ MỆNH LỆNH

Đối với mỗi hành động của những kẻ xâm lược, đều có một kế hoạch chống nghịch lại của Đức Chúa Trời. Tất cả mọi kế hoạch tội lỗi của họ đều dẫn đến sự hư không. Giờ đây, cần nhớ rằng Đức Chúa Trời đã gọi họ để xâm lược bởi vì tội lỗi của dân sự của Ngài, tuy vậy sau sự đoán phạt, một lần nữa Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân sự của Ngài để qua đó hoàn tất mục đích của Ngài qua họ. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

8:10 “hãy đưa ra (những) kế hoạch” Từ này (BDB 734) được dùng cho những kế hoạch của con người. Thường những kế hoạch này khác với, thậm chí là trái ngược, với những kế hoạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (14:24-27; Châm Ngôn 19:21). Đức Chúa Trời sẽ làm trọn những kế hoạch của Ngài (46:10; 55:8-11; Thi 33:11). Đức Chúa Trời không cần và cũng không tìm kiếm những người tư vấn (40:13). Nhưng kế hoạch của Ngài là chắc chắn và đời đời! Ngài có một kế hoạch cứu chuộc cho toàn thể nhân loại (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3).

▣ **“Vì Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”** Đây chính là ý nghĩa của danh xưng “Em-ma-nu-ên” từ 7:14; 8:8. Trong văn mạch này, danh xưng này chỉ đến A-cha (Vì Vua từ dòng dõi Đa-vít).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 8:11-15

¹¹ Với cánh tay mạnh mẽ đặt trên tôi, Đức Giê-hô-va phán dạy và cảnh báo tôi đừng đi theo đường lối dân này. Ngài phán: ¹² “Đừng gọi là âm mưu tất cả những gì dân này gọi là âm mưu! Đừng sợ điều dân này sợ, cũng đừng kinh hãi. ¹³ Nhưng hãy tôn Đức Giê-hô-va vạn quân là thánh. Chính Ngài là Đấng mà các người phải kính sợ và khiếp đảm. ¹⁴ Ngài sẽ là nơi thánh; nhưng Ngài là hòn đá vấp chân và là tảng đá vấp ngã cho cả hai nhà Y-sơ-ra-ên, cũng là lưới và bẫy cho dân cư thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁵ Nhiều người trong số họ sẽ vấp chân, té ngã và tan nát; họ sẽ mắc bẫy và bị bắt. ¹⁶ Hãy buộc chặt lời chứng, hãy niêm phong luật pháp giữa các môn đồ Ta!”

8:11-15 Khổ thơ này là một thông điệp khác liên hệ đến

1. sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên tuyến dân tội lỗi của Ngài
2. vị tiên tri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang suy nghĩ và nói lên những tương của Ngài, chứ không phải là những người hoặc xã hội đương thời của ông

Khổ thơ này phản ánh thông điệp cho A-cha trong 7:9, và được mở rộng cho toàn bộ cộng đồng. Nó là một thông điệp của sự đoán phạt có thể chính là đức tin/ sự hy vọng!

8:11

NASB “với năng lực mạnh mẽ”

NKJV, LXX “với bàn tay (cánh tay) mạnh mẽ”

“Bàn tay” (BDB 388) thường xuyên được sử dụng trong một nghĩa nhân hình (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1) để chỉ đến những hành động của Đức Chúa Trời trong thế giới được tạo dựng.

1. một ẩn dụ đặc biệt của sự mặc khải, Ê-sai 8:11; Giê-rê-mi 15:17; Ê-xê-chi-ên 1:3; 3:14,22; 8:1; 33:22; 37:1; 40:1

2. một ẩn dụ cho sự giải cứu khỏi Ai Cập, Xuất 3:20; 6:1; 13:3; 14:31
3. một ẩn dụ cho lời thề và/hoặc sự đoán phạt
 - a. tay Ngài vung lên, 19:16; Xa-cha-ri 2:9
 - b. tay Ngài giơ lên, 26:11; 49:22; Phục Truyền 32:40; Ê-xê-chi-ên 20:5
 - c. tay Ngài vươn ra, 14:26-27; Xuất 7:5; Giê-rê-mi 6:12
4. ẩn dụ cho sự sáng tạo, 19:25; 45:11-12; 48:13; 60:21; 64:8

▣ **“đừng đi theo đường lối dân này”** Câu 11 đang chỉ đến Ê-sai, nhưng câu 12 ở SỐ NHIỀU. “Đi” ở đây là ẩn dụ cho lối sống (Thi 1:6). Tuyên dân của Đức Chúa Trời (bởi giao ước lời hứa Áp-ra-ham) đã không còn là dân sự của Đức Chúa Trời (trong sự vâng lời theo Giao Ước Môi-se). Họ đã trở nên một lời chứng bại hoại cho các dân tộc (Ê-xê-chi-ên 36:22-38).

Trong thời đại mới, thời đại của con trẻ đặc biệt, một con đực mới sẽ được thiết lập sẵn sàng (57:14; 62:10). Đây chính là khái niệm mà Giảng Báp-tít đã nhìn thấy sứ mạng của chính ông (chuẩn bị một con đường, Ê-sai 40:3; Ma-thi-ơ 3:3; Mác 1:3; Lu-ca 3:4-6).

8:12 Câu này chỉ đến 7:2. Họ đã nghe về liên minh Syro-Ephraimite và tất cả đều kinh hoàng!

Có khả năng rằng nó chỉ về sự chống nghịch của Ê-sai với chính sách liên minh với người A-si-ri của Vua A-cha. Vị tiên tri có lẽ đã bị xem như là một kẻ gây rối loạn, hoặc thậm chí tệ hơn, một kẻ phản bội!

8:13 Những gì đáng ra họ phải sợ/ kinh khiếp chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân thánh khiết. Ngài chính trưởng đạo quân thực sự hùng mạnh. (41:10,13,14; 43:1,5; 44:2; 54:4). Ngài đang thực sự kiểm soát tất cả những sự kiện (7:7,18,20).

Ở đây không có ĐỘNG TỪ với

1. Chính Ngài là Đấng mà các người phải kính sợ (BDB 432, hoặc “hãy để Ngài...”)
2. Chính Ngài là Đấng mà các người phải khiếp đảm (BDB 791, or “hãy để Ngài...”)

Điều này làm nghiêm trọng trong những cụm từ trên. Có một sự sợ hãi phù hợp (Thi 76:12; Ma-la-chi 2:5) và không phù hợp (Lu-ca 12:4; Giảng 12:43)! Sự kính sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là sự Khôn Ngoan (Châm Ngôn 1:7) và trung tín; sự sợ hãi quyền lực của con người chính là sự kém thiếu đức tin nơi sự hiện diện và những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

8:14-15 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mô tả phản ứng của Ngài khi bị chối từ bởi chính tuyên dân giao ước của Ngài với hai ẩn dụ về sự đoán phạt.

1. một nơi thánh (Ê-xê-chi-ên 11:16) được dựng nên bởi những hòn đá (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chính là nơi thánh, Ê-xê-chi-ên 11:16)
2. một cái bẫy chàm và bẫy lưới dùng cho động vật

Dân Ngài, Y-sơ-ra-ên (“cả hai nhà Y-sơ-ra-ên”), sẽ vấp ngã (BDB 505, KB 502, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) bởi những hòn đá của nơi thánh. Ẩn dụ này sau này được phát triển thành sự chối bỏ hòn đá góc nhà (Đấng Mê-si). Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây.

Nhiều người giữa vòng dân sự Ngài, Giu-đa, sẽ vấp ngã (BDB 656, KB 709, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) bởi hòn đá đã biến thành một cái bẫy (hố) hoặc bị bắt trong một bẫy lưới (28:13) và hư mất (24:18)! Tuy nhiên, một vài người (dân sót trung tín), sẽ tin cậy nơi Ngài (những câu 16-18).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC

I. Các cách dùng trong Cựu ước

- A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).
- B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mê-si (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
- C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mê-si (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).

- D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
1. Đá nền tảng, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là “viên đá góc.”
 2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là ‘đá đầu’ từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là ‘đầu’
 3. Nó cũng có thể chỉ ‘đá chìa khóa,’ là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của toàn bộ bức tường.

II. Các cách dùng trong Tân ước

- A. Chúa Jê-sus trích Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12: 10-11; Lu-ca 20:17)
- B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
- C. Phao-lô dùng khái niệm ‘đá đầu’ trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
- D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jê-sus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jê-sus là viên đá góc và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh-tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jê-sus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19-20).
Người Do Thái đã từ chối chính nền tảng hy vọng của họ khi họ từ chối Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si

II. Những tuyên bố thần học

- A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước này, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!
- B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi và bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17-18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.
- C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jê-sus, là Đấng Mê-si, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
- D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mỗi tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
- E. Chúa Jê-sus là nền tảng đức tin chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gây vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 8:16-18

¹⁶ **Hãy buộc chặt lời chứng, hãy niêm phong luật pháp giữa các môn đồ Ta!”** ¹⁷ **Tôi trông đợi Đức Giê-hô-va, là Đấng ẩn mặt Ngài khỏi nhà Gia-cóp; tôi vẫn trông cậy Ngài!** ¹⁸ **Này, tôi và con cái mà Đức Giê-hô-va đã ban cho tôi là dấu lạ và điềm báo trong Y-sơ-ra-ên đến từ Đức Giê-hô-va vạn quân, Đấng ngự trên núi Si-ôn.**

8:16-18 Khổ thơ này liên hệ với sự khởi đầu của đoạn Kinh Thánh (những câu 1-2). Những thông điệp tiên tri dành cho những môn đồ trung tín của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (trong mọi thời đại). Đã luôn có/sẽ có một nhóm môn đồ trung tín (BDB 541). Sự sử dụng độc nhất Ê-sai của nghĩa rộng (các môn đồ) của từ này (8:16; 50:4 [hai lần]; 54:13), thường được dịch là “dạy dỗ,” “huấn luyện,” “học hỏi.”

Như vậy những câu 19-22 mô tả về ai? Nó có thể chỉ về (1) những người Giu-đa vô tín (Vương Quốc Phía Nam) hoặc (2) những người Y-sơ-ra-ên vô tín (Vương Quốc Phía Bắc).

8:16 Ê-sai cần phải

1. buộc, BDB 864, KB 1058, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

2. niêm phong, BDB 367, KB 364, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH (đặt một niêm bằng sáp trên cạnh phía ngoài)
Đây là những ẩn dụ chỉ về sự bảo hộ và yên ninh!

8:17 Ê-sai nói thay mặt cho dân sót trung tín trong những thời kỳ của sự đoán phạtthiên thượng. Họ sẽ “chờ đợi” (BDB 314, KB 313, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH), vốn cũng có thể có nghĩa là “hy vọng,” “chờ đợi cách kiên nhẫn,” hoặc “trông đợi,” thường được sử dụng cho sự trông đợi/ hy vọng dành cho Đức Chúa Trời (8:17; 25:9; 26:8; 33:2; 40:31; 51:5; 60:9; 64:4; Sô-phô-ni 3:8). Đức tin được mô tả bởi sự kiên nhẫn và hy vọng qua xuyên suốt những sự thử thách và sự trôi qua của thời gian.

▣ **“Đấng ẩn mặt Ngài”** Đây là một ẩn dụ dùng cho một mối quan hệ đổ vỡ (Phục 31:17- 18).

▣ **“tôi vẫn trông cậy Ngài (tìm kiếm Ngài cách sốt sắng)”** ĐỘNG TỪ này (BDB 875, KB 1082, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH) chỉ về sự trông đợi đầy nồng nhiệt.

1. được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 5:2,7

2. được sử dụng cho các môn đồ của Ngài trong 25:9; 33:2; 60:9

Những sự nhấn mạnh này là một khía cạnh liên hệ cá nhân của đức tin. Nó không phải là những phước hạnh của Đức Chúa Trời, nhưng sự hiện diện của Ngài mới chính là sự khao khát cao nhất của những tín đồ! Đây chính là những gì danh xưng “Em-ma-nu-ên” ngụ ý.

8:18 Điều này chỉ về văn mạch của sách Ê-sai trong thế kỷ thứ 8 (trước Chúa), nhưng cuối cùng, nó áp dụng tốt nhất dành cho Chúa Jesus (Hê-bơ-rơ 2:13).

▣ **“Đấng ngự trên núi Si-ôn”** Trong thực tế ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ngự ở thiên đàng, nhưng Hòm Giao Ước đã là bệ chân Ngài (I Sứ Ký 28:2; Thi 99:5; 132:7, là nơi thiên đàng và đất gặp nhau).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 8:19-22

¹⁹ Nếu có ai bảo các ngươi: “Hãy cầu hỏi đồng cốt và thầy bói, là kẻ nói líu riu lắm bảm,” thì hãy đáp: “Tại sao một dân tộc không cầu hỏi Đức Chúa Trời mình mà lại cầu hỏi kẻ chết cho người sống?” ²⁰ Hãy theo luật pháp và lời chúng! Nếu họ không nói như vậy, chắc chắn sẽ chẳng có rặng đồng cho họ. ²¹ Họ sẽ đi lang thang trong xứ, khốn khổ đói khát! Trong lúc đói khổ, họ sẽ nổi giận, nguyện rửa vua và Đức Chúa Trời mình. Họ sẽ ngược mặt lên trời, ²² rồi cúi nhìn xuống đất, chỉ thấy hoạn nạn và bóng tối, ảm đạm và buồn rầu; họ sẽ bị xô đẩy vào nơi tối tăm mù mịt.

8:19-22 Đoạn văn xuôi này mô tả sự tương phản của đức tin sai trật gắn liền với việc kiếm tìm những phù thủy và đồng cốt với đức tin chân thật của việc tin cậy và tìm kiếm ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những sự ngăn cản chống lại những đồng cốt và phù thủy được tìm thấy trong Phục Truyền 18:9-11 và Lê-vi-ký 20:26, 31.

8:19 “cầu hỏi” ĐỘNG TỪ này(BDB 205, KB 233) được sử dụng hai lần trong câu này.

1. tìm kiếm, cầu hỏi, cầu vấn những thần sai trật (huyền thuật), *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

2. tìm kiếm, cầu hỏi, cầu vấn ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

Trong 11:10 cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng cho các dân, các nước đến với chòi của Giê-se (Đấng Mê-si từ dòng dõi Đa-vít).

Tay ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ở trên Ê-sai trong 8:11, nhưng những tiên tri giả phán trên chính những hình ảnh và sự ảnh hưởng ma quỷ. Thật là một sự tương phản giữa người phát ngôn chân thật và những người phát ngôn giả mạo. Thật vậy, nhân loại sa ngã đi theo cách bày đàn bởi những giáo sư giả mạo sai trật!

▣ Chú ý những danh sách những tập tục huyền thuật mà dân sự Đức Chúa Trời đã bị đồng hóa bởi những dân tộc xung quanh.

1. những đồng cốt, nghĩa căn bản của ĐỘNG TÍNH TỪ này (BDB 981, KB 1371) là “hỏi” hoặc “cầu vấn.” Ở đây là cầu vấn những thế lực thuộc linh (ví dụ, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Giô-suê 9:14 hoặc thần tượng, Ô-sê 4:12).

DANH TỪ đầu, “đồng cốt” (BDB 15) là một từ khó để định nghĩa. Một vài người xem từ này chính là từ được sử dụng trong Lê-vi-ký 19:31; 20:6,27 như là (1) một hồ hoặc một huyết mộ nơi

mà các linh bị quyến dụ, cám dỗ, (2) hình thái từ của “cha” vốn chỉ đến sự thờ cúng tổ tiên. Nó được dịch trong bản dịch LXX trong Ê-sai 8:19 như là “kẻ nói tiếng bụng.” Bởi vì câu này và Ê-sai 29:4 một vài người nghĩ rằng nó có nghĩa là “nói tiếng lú lo” hoặc “nói chim chiếp.” Điều này ngụ ý về việc “nói với một giọng khác thường.” Tuy nhiên, từ I Sa-mu-ên 28:7-9, nó liên hệ đến khả năng của việc gọi hoặc nói chuyện với một ai đó ở cõi âm hoặc có thể nói thông tri với người chết hoặc những linh của âm phủ, thuật gọi hồn.

DANH TỪ thứ hai, “những kẻ thông linh” (BDB 396) là một hình thái từ của từ Hê-bơ-rô “nhận biết” (BDB 395). Nó chỉ về một người có kiến thức về thế giới thuộc linh hoặc (người) có khả năng liên hệ với những kẻ ở thế giới thuộc linh là những kẻ có kiến thức (Ê-sai 8:19; 19:3).

2. phù thủy, (BDB 396) Từ này là từ mô tả những người nam với những linh là những kẻ thông tri với người chết (19:3; Lê-vi-ký 19:31; 20:6,27; Phục Truyền 18:11; I Sa-mu-ên 28:3,9; II Các Vua 21:6; 23:24

- a. họ thì thầm, BDB 861, KB 1050, *Pilpel* ĐỘNG TÍNH TỪ, 29:4

- b. họ nói tiếng lú lo, BDB 211, KB 237, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ

8:20 “theo luật pháp và lời chứng” Những bản dịch NRSV và REB xem cụm từ này là phần cuối của câu được bắt đầu trong câu 19. Dân sự của Đức Chúa Trời cần phải tìm kiếm nơi Ngài (19:3; 31:1) và lời Ngài, chứ không phải kẻ chết, lẽ thật và sự sống!

Nhưng những kẻ phát ngôn giả không thể biết được lẽ thật bởi vì chúng không hề có sự sáng (“sự soi sáng,” 47:12-13). Đức Chúa Trời đã chu cấp những tiên tri Ngài, thông điệp của Ngài, những ghi chú được viết xuống của Ngài (8:1,2,16).

8:21 “họ” Nguyên văn tất cả các động từ ĐỘNG TỪ trong những câu 21 và 22 ở thể SỐ ÍT, NJB. Điều này chỉ về tuyển dân giao ước. Họ tìm kiếm tri thức nơi những tôn giáo sai trật và tự hỏi vì sao những thần tượng của họ không thể sản sinh ra sự thịnh vượng dư dật. Sự thịnh vượng dư dật là một trong những lời hứa giao ước của Phục Truyền 27-28, nhưng nó liên hệ không thể tách rời với sự trung thành giao ước!

Cuối cùng (những kết quả của sự đoán phạt của nền văn hóa nông nghiệp, trong câu 22; 5:13-17) họ sẽ nói điều ác theo những lãnh đạo dân sự và những thần tượng sai trật của họ (theo bản dịch NRSV và REB, vốn đi theo bản dịch LXX).

Có khả năng rằng việc nói điều ác là một sự ngụ ý đến Xuất 22:28 và Lê-vi-ký 24:15-16. Nếu như vậy, thì nó là một ví dụ khác của những sự vi phạm giao ước. Đối với tôi, văn mạch của những câu 19-20 liên hệ nó với những thần tượng sai trật.

8:22 Những câu này đi cùng với đoạn 9. Văn mạch là một sự chơi chữ giữa sự u ám/ đen tối và ánh sáng. Chú ý sự song hành trong 5:30. Đây là một sự trái ngược với những mục đích sáng tạo khởi đầu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Giê-rê-mi 4:23-26,27-28).

Ê-SAI 9

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Hạ Sinh và Cai Trị Của Vương Tử Hòa Bình	Chính Quyền Của Con Trai Được Hứa	Câu Chuyển Tiếp	Một Thời Kỳ Hoạn Nạn	Sự Giải Cứu
			(8:21-9:1)	(8:23b-10:4)
9:1-7	9:1-7 (1-2)	9:1	9:1a	9:1-2 (1-2)
		Đấng Mê-si là Vua	Vị Vua Tương Lai	
(2-7)		9:2-7 (2-7)	9:1b-7 (2-7)	
	(3-5)			9:3 (3) 9:4 (4) 9:5-6 (5-6)
	(6-7)		Đức Giê-hô-va Sẽ Hình Phạt Y-sơ-ra-ên	Những Mạng Lệnh về Vương Quốc Phía Bắc (9:7-10:4)
Con Giận của Đức Chúa Trời Trên Y-so-ra-ên Kiêu Ngạo	Sự Hình Phạt Sa-ma-ri	Sự Đoán Phạt Của Êp-ra-im		9:7-11 (7-11)
		Bài Học Mục Tiêu cho Giu-đa (9:8-10:4)		
9:8-12 (8-12)	9:8-12 (8-12a) (12b)	9:8-12 (8-12)	9:8-10 9:11-12	9:12-16 (12-16)
9:13-17 (13-17)	9:13-17 (13-17)	9:13-17 (13-17)	9:13-17	9:17-20 (17-20)
9:18-21 (18-21)	9:18-21 (18-21a) (21b)	9:18-21 (18-21)	9:18-10:4	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)
THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn 9 ở trong một sự tương phản mạnh mẽ, nhưng liên hệ với 8:19-22 bởi những sự chơi chữ (tối tăm, u ám và ánh sáng).
- B. Chú ý những sự chơi chữ
 1. tối tăm (BDB 365), 5:20; 8:22; 9:2; 29:18; 42:7; 45:3,7,19; 47:5; 49:9; 58:10; 59:9; 60:2
 2. u ám (BDB 734), 8:22; 9:1
 3. tối tăm mờ mịt (BDB 66), 8:22; 58:10; 59:9
 4. Ngài sẽ làm vinh hiển (BDB 457, KB 455, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH), 9:1
 5. “sự sáng lớn” (BDB 21, TÍNH TỪ, 152), 9:2 (hai lần)
 6. “sự tối tăm mờ mịt” (BDB 853), 9:2; thường xuyên trong Gióp; Thi 23:4; 44:19; 107:10,14; Giê-rê-mi 2:6; 13:16; A-mốt 5:8
 7. sự sáng sẽ chiếu ra trên họ (BDB 618, KB 667, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), 9:2
 Đây là những ẩn dụ đầy năng quyền của sự đoán phạt và phục hồi. Đức Chúa Trời chính là sự sáng (I Giăng 1:5,7; 2:8,9,10; Khải Huyền 21:22-25)!
- C. Đoạn này bao gồm nhiều ĐỘNG TỪ THÊ HOÀN THÀNH vốn chỉ về một hành động đã hoàn tất. Nó có thể chỉ về một hành động trong quá khứ hoặc một tương lai chắc chắn. Sự mơ hồ cố phù hợp với những lời tiên tri có nhiều sự ứng nghiệm. Đây là một sự khủng hoảng đương thời và một sự khủng hoảng tương lai; một sự tập chú tiên tri đương thời tập chú và một sự tập chú tiên tri tương lai (7:14).
- D. Đây là một việc rất phổ biến trong văn học tiên tri khi khổ thơ thay đổi dịch chuyển qua lại từ
 1. đoán phạt sang sự hy vọng
 2. tự tối tăm sang ánh sáng
 Lời Đức Chúa Trời bao gồm những lợi ích và hậu quả. Hãy cẩn thận trong việc chỉ chú ý đến một khía cạnh!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 8:23-9:6 (BẢN TIẾNG ANH NASB 9:1-7)

^{8:23} Nhưng sẽ không còn bóng tối cho người đã chịu buồn rầu. Trong quá khứ, Đức Chúa Trời đã hạ nhục đất Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li; nhưng trong tương lai, Ngài sẽ làm veng vùng đất nằm trên con đường ra biển, là miền bên kia sông Giô-đanh, tức là xứ Ga-li-lê của dân ngoại

^{9:1} Dân đi trong bóng tối

Đã thấy ánh sáng lớn;

Những người đang ngồi dưới bóng của sự chết,

Nay được ánh sáng chiếu rọi.
² Chúa đã làm cho dân này gia tăng bội phần,
 Và khiến họ tràn ngập niềm vui.
 Họ sẽ vui mừng trước mặt Chúa
 Như vui mừng trong mùa gặt,
 Như người ta reo vui lúc chia nhau chiến lợi phẩm.
³ Vì Chúa đã bẻ cái ách nặng nề,
 Ngọn roi đánh trên vai họ,
 Và cây gậy của kẻ áp bức họ,
 Như Ngài đã làm trong thời Ma-đi-an.
⁴ Tất cả giày dép dùng trong chiến trận
 Và quân phục vấy máu
 Đều sẽ bị thiêu hủy, làm môi cho lửa.
⁵ Vì một Con Trẻ được sinh cho chúng ta,
 Tức là một con trai được ban cho chúng ta;
 Quyền cai trị sẽ đặt trên vai Ngài.
 Danh Ngài là: “Đấng Kỳ Diệu, Đấng Cố Vấn,
 Đức Chúa Trời Quyền Năng,
 Cha Đòi Đòi, Chúa Bình An.”
⁶ Quyền cai trị của Ngài cứ gia tăng mãi,
 Và nền hòa bình sẽ vô tận
 Trên ngôi Đa-vít và trên vương quốc Ngài,
 Để lập vững và duy trì vương quốc ấy
 Trong công lý và sự công chính,
 Từ nay cho đến đời đời.
 Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân
 Sẽ thực hiện điều ấy!

8:23 (Bản tiếng Anh NSAB 9:1) “không còn bóng tối” Bản MT có hai mươi ba câu trong đoạn 8, nhưng bản LXX chuyển câu 23 thành đoạn 9 câu 1.

Từ “bóng tối (u ám)” (BDB 734) chỉ xuất hiện trong 8:22 và 8:23 (9:1) mà thôi. Nó liên hệ những văn mạch lại với nhau. Thật khó để biết từ chỗ nào những lời tiên tri đã bắt đầu và kết thúc. Hãy cẩn thận cho việc để cho những đoạn, câu, việc viết hoa và chia đoạn hiện đại gây cho bạn đánh mất những chủ đề liên quan. Một người biên tập (hoặc chính Ê-sai hoặc một trong những môn đồ của ông) tuyển lựa những bài giảng, những lời sấm truyền, và những bài thơ của ông vào trong một truyền tập. Thường những sự kết nối duy nhất chính là những sự chơi chữ, bối cảnh lịch sử, hoặc những văn mạch lai thế học.

Từ “không” có thể được hiểu (1) trong một nghĩa tiêu cực (nếu vậy, câu này tổng kết lại văn mạch trước đó) hoặc (2) nếu có sự thêm vào từ “thêm” (NASB), khi đó nó trở thành tích cực và bắt đầu văn mạch tiếp theo.

▣ **“cho người đã chịu buồn rầu”** TRANG TỪ này “người” có lẽ chỉ về “vùng đất” (BDB 75, ארץ). Bởi vì các chi phái Y-sơ-ra-ên phía bắc được đề cập cách đặc biệt, điều này bắt buộc phải chỉ về (1) những chi phái phía bắc hoặc (2) tuyên dân giao ước nói chung.

8:23, 9:2 (Bản tiếng Anh 9:1,3) “Ngài...Ngài...Ngươi (Chúa-bản tiếng Việt)...Ngươi” Những dịch giả bản NASB đã viết hoa những TRANG TỪ bởi vì họ nhìn thấy chúng chỉ về hành động của Đức Chúa Trời.

▣ **“đất Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li”** Đây là những sự tương phản mạnh mẽ giữa 8:19-22 và 9:1 trở đi. Hiển nhiên, hai chi phái phía bắc được phân chia xứ này đã chịu một sự đau khổ to lớn vào năm 732 T.C bởi Vua Tiếc-la Phi-lê-se III (*Phun*, II Các Vua 15:29). Không ai suy nghĩ rằng sẽ có bất kỳ thứ gì tốt sẽ sinh ra từ vùng đất này. Điều này chuẩn bị bước chuyển tiếp cho sự ứng nghiệm trong thời kỳ của chức vụ Chúa Jesus tại Ga-li-lê (“nhưng trong tương lai, Ngài sẽ làm về vang vùng đất,” Ma-thi-ơ 4:12-17).

Bởi vì hoang mạc chia cắt Mê-sô-bô-ta-mi và Ca-na-an, những đạo quân phải đi theo Sông Cái Ô-phơ-

rất lên thượng nguồn của nó và sau đó đi xuống khu bình nguyên mé biển. Điều đó có nghĩa rằng họ sẽ xâm lược từ phía bắc. Sa-bu-lôn và đất Nép-ta-li (cùng với thành Đan) sẽ là những vùng đầu tiên chịu đau khổ.

☐ **“xứ Ga-li-lê của dân ngoại”** Cụm từ này nguyên văn có nghĩa là “chu kỳ của những dân tộc” (BDB 165 II GHÉP VỚI BDB 156). Người A-si-ri tái sắp xếp nhiều dân tộc họ chinh phục được trong khu vực này. Từ được dùng cho Dân Ngoại ở đây là một từ bình thường cho các dân tộc, *goy* (BDB 156, 9:3). Đôi lúc, nó được sử dụng cho chính Y-sơ-ra-ên (Sáng 12:2; 18:18; Xuất 19:6; Ê-sai 1:4).

Trong thời của Chúa Jesus điều này chỉ về (1) Người Do Thái Ga-li-lê hoặc (2) những Dân Ngoại, vốn chỉ về một bức tranh toàn cầu về chức vụ sẽ đến của Đấng Mê-si, vốn phù hợp với sự nhân mạnh của Ê-sai về một sự bao gộp của các dân tộc.

9:1 (Bản tiếng Anh NSAB 9:2) “sẽ thấy sự sáng lớn” Ánh sáng là một sự ẩn dụ cho sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Phục Truyền 33:2; Ha-ba-cúc 3:3; Khải Huyền 21:22-24). Ở đây, sự sáng (BDB 21) là sự ẩn dụ cho phúc âm (Ê-sai 42:6; 49:6; 51:4; 60:1,3). Không ai trông đợi Đấng Mê-si sẽ thực hiện chức vụ đến với những người Ga-li-lê “không-được-đàng-hoàng-lắm” này. Câu này là một lời tiên tri đáng kinh ngạc về khu vực cụ thể của chức vụ của Chúa Jesus! Không ai trông đợi “vùng Ga-li-lê của những Dân Ngoại” sẽ trở thành một sự bùng nổ khởi đầu của “phúc âm”!

9:2 (Bản tiếng Anh NSAB 9:3) “Người sẽ gia tăng dân này (Chúa đã làm cho dân này gia tăng)” Từ này (ĐỘNG TỪ, BDB 915, KB 1176, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) có thể chỉ đến lời hứa nguyên thủy của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho các Tô Phụ về việc gia tăng dòng dõi của Áp-ra-ham.

1. như sao trên trời (Sáng 15:5; 26:4; Phục Truyền 10:22; 28:62)
2. như cát bãi biển (Sáng 22:17; 32:12)
3. như bụi của đất (Sáng 13:16; 28:14; Dân Số Ký 23:10)

☐ **“Người sẽ gia tăng sự vui mừng của chúng (Chúa...khiến họ tràn ngập niềm vui)”** Bản Hê-bơ-ro MT (Kethiv) dùng từ “không” (BDB 518), nhưng bản NASB dịch nó là “họ.” Những người biên tập bản MT đề nghị trong sự giới hạn (Qere-số lượng nhỏ sự khác biệt của phần Kinh Thánh được ghi chép lại từ phần văn bản được nói) nó có thể được thay bằng “người (nam)” (họ cũng làm điều này với mười bốn chỗ khác). Bản dịch LXX cũng dịch là “người (nam).”

DANH TỪ này “sự vui mừng” (BDB 970) xuất hiện hai lần trong câu (cũng có thể trong cả câu 17), giống như sự liên hệ với ĐỘNG TỪ “vui mừng” (BDB 162, KB 189, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH). Cả hình thái ĐỘNG TỪ của “sự vui mừng” (BDB 970, KB 1333, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) cũng xảy ra cả trong câu này. Rõ ràng Ê-sai đang nhấn mạnh về ý tưởng này!

Họ vui mừng bởi vì sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Đức Chúa Trời giao ước đang hiện diện với dân sự Ngài (Em-ma-nu-ên). Sự vui mừng của họ được mô tả qua hai sự diễn tả ẩn dụ.

1. mùa gặt
2. chiến lợi phẩm

9:3-4 (Bản tiếng Anh NSAB 9:4-5) Bởi vì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang hiện diện (câu 3), Ngài chiến đấu cho họ (Cuộc Thánh Chiến).

1. bẻ gãy cái ách nặng nề của họ (giải phóng khỏi những kẻ cai trị ngoại bang, Giê-rê-mi 28:2; Ê-xê-chi-ên 34:27)
2. bẻ gãy cây gậy trên vai họ
3. bẻ gãy ngọn roi của những kẻ áp bức họ (cây gậy và ngọn roi là những biểu tượng của những vị vua ngoại bang và sự kiểm soát của họ, 10:27)

Cùng một ĐỘNG TỪ, “bẻ gãy được sử dụng cho cả ba chỗ, BDB 369, KB 365, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, 7:8; 8:9 (ba lần).

Cũng như một đại được-Đức Chúa Trời- ban-năng lực (Ghi-đê-ôn) đánh bại người Mi-đi-an, thì giờ đây, công cụ được lựa chọn bởi Đức Chúa Trời, Ba-by-lôn, sẽ tiêu diệt sự cai trị của người A-si-ri trên Ca-na-an. Đức Chúa Trời đang tề trị trên lịch sử thế giới và đang biết rõ cách đặc biệt về Ca-na-an bởi vì hậu tự của Áp-ra-ham (Đấng Mê-si sẽ đến).

▣“**như tại trận chiến Mi-di-an**”Hãy xem 10:26 và Các Quan Xét 6-8.

9:4 (Bản tiếng Anh NSAB 9:5) Những kẻ thù của tuyền dân giao ước sẽ bị đánh bại và phục trang của họ (giày và áo choàng) sẽ được sử dụng làm chất đốt và cho lửa. Đây là sự ản dụ của một sự chiến thắng đầy đủ và trọn vẹn. Một vài phần Kinh Thánh nói về sự hủy diệt những khí cụ chiến tranh của những đạo quân ngoại bang bởi vì sự tin cậy của dân sự Ngài và sự an ninh chắc chắn ở trong Ngài và những lời hứa của Ngài, không phải là sự chiếm được những khí cụ chiến tranh của họ (Thi 46:9; 76:3; Ô-sê 2:18).

Chiến Binh Thiên Thượng của cuộc chinh phục một lần nữa chiến đấu cho dân sự của Ngài. Câu 4 là một ví dụ hoàn hảo!

9:5-6 (Bản tiếng Anh NSAB 9:6-7) Bản NKJV đánh dấu hai câu này như là một đoạn riêng biệt.

Câu 6 mô tả con trẻ đặc biệt, Em-ma-nu-ên.

1. chính quyền (cai trị) sẽ được đặt trên vai Ngài; con trẻ đặc biệt, niềm hy vọng của một hậu tự công chính từ dòng dõi Đa-vít (II Sa-mu-ên 7) quay trở lại trong tầm mắt
2. Danh của Ngài (đặc tính của Đức Chúa Trời của Ngài)
 - a. Đấng Muru Luận Kỳ Diệu, danh xưng này chỉ về một kế hoạch thiên thượng, 14:26,27; 19:17
 - b. Đức Chúa Trời Quyền Năng, 10:21
 - c. Cha Đồi Đồi
 - d. Vương Tử của Hòa Bình (Chúa Bình An), Mi-chê 5:5

Danh xưng đầu tiên có thể là hai danh xưng riêng biệt, nhưng ba danh xưng còn lại là những sự kết hợp của hai từ. Những danh xưng năm lớp có thể phản ánh tập tục đương thời tại Ai Cập, nơi mà Pha-ra-ôn được nhận năm tên Vương hiệu tại lễ đăng quang của mình.

Có bốn danh xưng ghép. Những danh xưng này có lẽ là những tên mới của con trẻ khi vì vua lên ngôi. Từ Em-ma-nu-ên trong 7:14 và 8:8-10, cũng như danh xưng “Đức Chúa Trời Quyền Năng” trong 9:6, không tự động chỉ đến Đấng Thánh, nhưng phản ánh ý tưởng về vị vua. Những tên phản ánh đặc tính của Đức Chúa Trời vốn hy vọng có thể bày tỏ đặc điểm của vị vua từ dòng dõi Đa-vít. Cần phải nhớ rằng những danh xưng này liên quan đến (1) lãnh vực cai trị, (2) sức mạnh quân sự, (3) sự chăm sóc mục đồng, và (4) chất lượng của sự trị vì. Thần Tánh của Đấng Mê-si cũng được ngụ ý, mặc dù không cụ thể như, trong Đa-ni-ên 7:14; Giê-rê-mi 32:18. Cần phải nhớ rằng người Do Thái không trông đợi Đấng Mê-si sẽ trở nên sự nhập thể vật lý của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì sự nhân mạnh độc nhất của Y-sơ-ra-ên trên tư tưởng độc thần (Xuất 8:10; 9:14; Phục Truyền 4:35,39; Ê-sai 40:18,25; 46:5). Chỉ có “Sự Mặc Khải Theo Tiến Trình” dạy dỗ lẽ thật này (Giăng 1:1-14; Phi-líp 2:6; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Nếu Tân Ước là đúng đắn, thì tư tưởng độc thần Cựu Ước phải trở nên đa sắc (ví dụ: một thần tánh với ba sự phát lộ thân vị vĩnh hằng (divine essence with three eternal personal manifestations)). Ngôn ngữ thậm xưng Cựu Ước đã trở thành nghĩa đen! Nhưng những lời tiên tri Cựu Ước về quốc gia và địa lý Y-sơ-ra-ên đã trở nên mang tính toàn cầu để bao gộp “các dân tộc.” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3. Sáng Thế Ký 3:15 đã được nhận ra và tổng kết lại trong Giăng 3:16; 4:42; I Ti-mô-thê 2:4; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:1; 4:14).

Câu 7 mô tả sự cai trị của Ngài là.

1. một chính quyền toàn cầu và vĩnh hằng (Mi-chê 5:4)
2. một sự hòa bình toàn cầu và vĩnh hằng (Mi-chê 5:5a)
3. sự cai trị trên ngôi Đa-vít (16:5; II Sa-mu-ên 7)
4. thiết lập công lý và sự công chính mãi mãi (hai DANH TỪ này thường được sử dụng chung với nhau, 32:16; 33:5; 59:14)
5. Sự sốt sáng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được bảo đảm về sự hiện thực

Câu 7 chắc chắn có vẻ như là một sự cai trị đời đời (Đa-ni-ên 2:44; 4:3,34; 6:26; 7:13-14,27; Ê-xê-chi-ên 37:25; Mi-chê 4:7; 5:4; II Phi-e-rơ 1:11), không phải chỉ vị giới hạn trong sự cai trị thiên hy niên (hãy xem những bài viết của tôi trong Quyền Giải Kinh Khải Huyền, “Phần Giới Thiệu Thiết Yếu” và Dẫn nhập vào đoạn 20 tại www.freebiblecommentary.org). Lời hứa này là cốt yếu của khái niệm về thời đại mới của Thánh Linh! Sự đảo ngược cách đầy đủ và trọn vẹn của Sự Sa Ngã. Sự thiết lập phục hồi lại ý tưởng Đức Chúa Trời (mối quan hệ của Vườn Ê-đen).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 9:7-11
(BẢN TIẾNG ANH NASB 9:8-12)

- ⁷ Chúa đã truyền một lời chống lại Gia-cốp,
Và lời ấy giáng trên Y-so-ra-ên.
⁸ Toàn dân, tức là Ép-ra-im và dân cư Sa-ma-ri,
Sẽ biết lời ấy.
Với lòng tự cao tự đại, họ nói rằng:
⁹ “Gạch đã đổ xuống,
Nhưng chúng tôi sẽ xây lại bằng đá quý;
Cây sung đã bị đốn ngã,
Nhưng chúng tôi sẽ thay bằng cây bá hương.”
¹⁰ Vì vậy, Đức Giê-hô-va sẽ khiến kẻ đối địch của Rê-xin
Nổi lên chống lại họ, và khuấy động kẻ thù của họ.
¹¹ Dân A-ram phía trước, dân Phi-li-tin phía sau,
Há miệng ra nuốt Y-so-ra-ên.
Dù vậy, cơn giận Ngài chưa quay khỏi
Và tay Ngài vẫn còn giơ ra!

9:7-11 (Bản tiếng Anh NSAB 9:8-12) Đức Chúa Trời đã gửi một thông điệp rõ ràng đến những Chi Phái Phía Bắc. Họ đã lắng nghe nó và hiểu nó (câu 9a), nhưng sự đáp ứng của họ là không thể chấp nhận.

- Họ xác nhận trong sự kiêu ngạo (BDB 144) và tự cao (BDB 152)
 - họ sẽ xây dựng lại sau sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, thậm chí tốt hơn, câu 10
 - họ sẽ trồng lại sau sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, thậm chí tốt hơn, câu 10
- ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dấy lên (BDB 960, KB 1305, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) và khuấy động (BDB 1127, *Pilpel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, chỉ duy nhất ở đây và có khả năng ở 19:2)
 - Người Sy-ri
 - Người Phi-li-tin
- Nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vẫn có thể bị lay động (những câu 12,17,21)
 - Cơn giận của Ngài vẫn chưa quay khỏi
 - Tay Ngài vẫn còn chưa giơ ra

9:7-8 (Bản tiếng Anh NSAB 9:8-9) “Y-so-ra-ên...Ép-ra-im...Sa-ma-ri” Ba tên này được định danh cho Mười Chi Phái Phía Bắc sau sự phân chia năm in 922 T.C

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 9:12-16
(BẢN TIẾNG ANH NASB 9:13-17)

- ¹² Nhưng dân chúng không quay về Đấng đánh phạt mình
Cũng chẳng tìm kiếm Đức Giê-hô-va vạn quân.
¹³ Vậy nên chỉ trong một ngày,
Đức Giê-hô-va sẽ cắt khỏi Y-so-ra-ên
Cả đầu lẫn đuôi, cả cành cọ lẫn cây sậy.
¹⁴ Đầu là trưởng lão và người được tôn trọng,
Đuôi là kẻ tiên tri dạy điều dối trá.
¹⁵ Những kẻ dẫn dắt dân này đã sai lạc,
Còn những người được dẫn dắt thì bị hủy diệt.
¹⁶ Vì vậy, Chúa không vui lòng về giới trẻ của họ,
Cũng chẳng xót thương kẻ mồ côi và góa bụa,
Vì tất cả họ đều vô đạo và gian ác,
Miệng nào cũng nói điều ngu xuẩn.
Dù vậy, cơn giận Ngài chưa quay khỏi
Và tay Ngài vẫn còn giơ ra!

9:12-16 (Bản tiếng Anh NSAB 9:13-17) Lý do mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tiếp tục cơn giận bởi vì sự kém thiếu sự

đáp ứng của Y-sơ-ra-ên.

1. Họ không quay trở lại (ăn năn, nguyên vãn “quay,” BDB 996, KB 1427, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH)
2. Họ không tìm kiếm (BDB 205, KB 233, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân

Vì vậy, họ hoàn toàn (bị cắt bỏ đầu [“các trưởng lão”] và đuôi [các tiên tri]) bị hủy diệt! Họ đã dẫn dắt dân sự đi lạc đường (BDB 1073, KB 1766, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) và vì vậy họ sẽ bị rối loạn (nguyên vãn “trở nên nông cạn,” BDB 118, KB 134, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ). Chúa Jesus đề cập đến loại lãnh đạo này trong Ma-thi-ơ 15:14; 23:16,24. Khi ánh sáng của người trở nên sự tối tăm, sự tối tăm sẽ lớn là đường nào! Ngài không hề có sự thương xót trên (theo bản NRSV, MT, “vui mừng trên”)

1. những người nam trẻ (giới trẻ) (câu 17)
2. những kẻ mồ côi (câu 17)
3. những kẻ góa bụa (câu 17)

Thường ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bảo vệ cho những đối tượng này (Phục Truyền 10:18), nhưng ở đây họ cũng bị đoán phạt chung với phần còn lại của dân tộc phản nghịch của Đức Chúa Trời!

Bởi vì tất cả họ là những người

1. không tin kính (vô đạo) (BDB 338)
2. làm những điều gian ác (BDB 949, KB 1269, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ)
3. nói điều ngu xuẩn (BDB 615)

Những câu 8-12 được gắn kết lại với nhau bởi một cụm từ được lặp đi lặp lại (“Tay ngài sẽ vươn ra”) tại 12c,d; 17e,f; và 21c,d. Cũng hãy chú ý văn mạch đi qua 10:4, nơi mà cụm từ được lặp lại một lần nữa. Hãy cẩn thận việc phụ thuộc quá nhiều vào việc phân chia đoạn và câu. Chúng không phải là nguyên thủy, không được thần cảm!

9:15 (Bản tiếng Anh NSAB 9:16)

NASB “mang đến sự rối loạn”

NKJV “bị hủy diệt”

NRSV “bị bỏ lại trong sự rối loạn”

TEV “hoàn toàn làm chúng rối loạn”

NJB “bị nuốt mất”

LXX “nuốt chúng nó”

Peshitta “chìm sâu”

REB “bị nhận chìm sâu”

Từ gốc Hê-bơ-rơ (BDB 118, KB 134) cơ bản có nghĩa là “nuốt xuống,” “nuốt vào” (25:7,8; 28:4; 49:19), nhưng ở đây có một số khả năng những gốc từ khác

1. công bố (KB 135 II, Châm Ngôn 19:28)
2. bị rối loạn (KB 135 III, 3:12; 19:3; 28:7) với quá nhiều rượu (NASB)

“Bị rối loạn” phù hợp với sự song hành nhất! Hãy nhớ, văn mạch, văn mạch, văn mạch xác định nghĩa, chứ không phải là một từ vựng!

9:16 (Bản tiếng Anh NSAB 9:17) “(Ngài) cũng chẳng xót thương kẻ mồ côi và góa bụa” Đây là biểu tượng cao nhất của sự quay đi của Đức Chúa Trời. Nó chính xác là sự trái ngược của những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Phục Truyền.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 9:17-20

(BẢN TIẾNG ANH NASB 9:18-21)

¹⁷ Vì sự gian ác cháy bùng lên như lửa,

Thiêu hủy gai gốc và bụi rậm,

Đốt cháy các bụi cây trong rừng,

Làm cho khói cuộn cuộn bốc lên.

¹⁸ Bởi cơn giận của Đức Giê-hô-va vạn quân,

Đất bị thiêu đốt, dân trở thành mồi cho lửa;

Người ta chẳng còn tiếc thương anh em mình.

¹⁹ Họ cầu xé bên phải mà vẫn đói,

Và ăn nuốt bên trái vẫn chưa no;
Ai nấy ăn thịt của chính cánh tay mình.

²⁰ Ma-na-se chống Ép-ra-im, và Ép-ra-im chống Ma-na-se,
Rồi cả hai cùng chống lại Giu-đa.

Dù vậy, cơn giận của Đức Giê-hô-va chưa quay khỏi
Và tay Ngài vẫn còn giơ ra!

9:17-20 (Bản tiếng Anh NSAB 9:18-21) Những câu này mô tả sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Những Chi Phái Phía Bắc. Sự đoán phạt được mô tả như một ngọn lửa thiêu đốt xứ. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Lửa tại 1:31. Ngay cả con người cũng trở thành nhiên liệu cho lửa!

Sự gian ác của dân sự được mô tả như là

1. không một người nam nào buông tha cho anh em mình
2. trộm cắp nhưng vẫn đòi
3. ăn nhưng không được thỏa mãn (ăn ngay cả chính cơ thể họ, Giê-rê-mi 19:9; bản Targums dịch từ này là “đồng loại” và vì vậy bản JPSOA “họ hàng của mình”)

Tuyên dân giao ước của Đức Chúa Trời chống cự lẫn nhau!

9:17 (Bản tiếng Anh NSAB 9:18) “sự gian ác cháy bùng lên như lửa” Thật thú vị rằng ngọn lửa có thể trở nên tích cực hoặc tiêu cực.

1. ở đây, là sự tiêu cực (sự gian ác)
2. 62:1, là sự tích cực (sự cứu rỗi)

Văn mạch, văn mạch, văn mạch xác định ý nghĩa. Hãy cẩn thận những định nghĩa được sắp đặt trước của những từ ngữ Kinh Thánh!

Ê-SAI 10

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
A-si-ri Chính là Công Cụ của Đức Chúa Trời	Sự Đoán Phạt trên Sa-ma-ri (9:8-10:4)	Sự Đoán Phạt Êp-ra-im Bài Học cho Giu-đa (9:8-10:4)	Đức Giê-hô-va sẽ Hình Phạt Y-sơ-ra-ên (9:8-10:4)	Những Sự Thù Tội Trên Vương Quốc Phía Bắc (9:7-10:4)
10:1-4 (1-4)	10:1-4 (1-4)	10:1-4 (1-4)	10:1-4	10:1-4
	A-si-ri Kiêu Ngạo cũng sẽ Bị Đoán Phạt	Ô, Khốn thay cho A-si-ri!	Vua A-si-ri là Công Cụ của Đức Chúa Trời	Lời Chống Lại Vua A-si-ri
10:5-11 (5-11)	10:5-11 (5-11)	10:5-11 (5-11)	10:5-6 10:7-11	10:5-11 (5-11)
10:12-14 (13-14)	10:12-14 (13-14)	10:12-14 (13-14)	10:12 10:13-14	10:12-14 (13-14)
10:15-19 (15-19)	10:15-19 (15-19)	10:15-19 (15-19)	10:15 10:16-19	10:15-19 (15-19)
Một Dân Sốt sẽ Trở Về	Dân Sốt Trở Về của Y-sơ-ra-ên	Chi Dân Sốt Sẽ Trở Về	Một Số Ít Sẽ Trở Về	Dân Sốt Nhỏ Nhoi
10:20-23 (21-22)	10:20-23 (20-23)	10:20-23 Sự Tuyên Phán Lời Hứa	10:20-23 Đức Giê-hô-va sẽ Hình Phạt A-si-ri	10:20-23 (20-23) Hãy Tin Cây nơi Đức Chúa Trời
10:24-27 (33-34)	10:24-27 (27)	10:24-27a Sự Tiến Đánh của A-si-ri 10:27b-32 (27b-32)	10:24-27 Kẻ Xâm Lược Tiến Đánh	20:24-27 (24b-27) Cuộc Xâm Lược
10:28-32 (28-32)	10:28-32 (28-32)	Đức Giê-hô-va, Người Tiêu Phũ, Sẽ Đón Hạ A-si-ri	10:28-32	10:28-34 (28-34)
10:33-34 (33-34)	10:33-34 (33-34)	10:33-34 (33-34)	10:33-34	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần

cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 10:1-4

- ¹ **Khôn cho những kẻ lập ra luật bất công,
Những kẻ viết nên đạo luật trái lẽ,**
- ² **Để trước đoạt quyền lợi của người cô thế
Và cướp mất công lý khỏi người nghèo khó trong dân Ta,
Biến người góa bụa thành miếng mồi của chúng,
Và kẻ mồ côi trở thành chiến lợi phẩm!**
- ³ **Các ngươi sẽ làm gì khi đến ngày trừng phạt,
Khi tai họa từ xa ập đến?
Các ngươi sẽ trốn đến ai để cầu cứu?
Các ngươi sẽ để danh vọng mình ở đâu?**
- ⁴ **Chúng chỉ còn một việc là khom lưng giữa đám tù binh
Và ngã gục giữa những người bị giết.
Dù vậy, cơn giận của Chúa chưa quay khỏi
Và tay Ngài vẫn còn giơ ra.**

10:1 “**Khôn thay**” THÁN TỪ này (BDB 222) thường xuyên được sử dụng trong Ê-sai (và cả Giê-rê-mi). Nó được dịch là (bản dịch NASB 1995 Update)

1. “cũng,” 1:4; 17:12
2. “ôi,” 1:24
3. “khôn thay,” 5:8,11,18,20,21,22; 10:1,5; 18:1; 28:1; 29:1,5; 30:1; 31:1; 33:1; 45:9,10; 55:1 (những lời sấm than khóc (khôn thay cho...))
4. “hỡi ôi,” 55:1; cũng có lẽ trong 10:5

Nó chỉ về một sự thống khổ và đau đớn hoặc là một sự triệu tập (Điểm #4 phía trên). Có một THÁN TỪ khác (BDB 17), vốn thường được dịch là “khôn thay,” vốn dùng để bày tỏ sự khóc than và tuyệt vọng (3:9,11; 6:5; 24:16 và 8 lần trong Giê-rê-mi).

▣ Sự song hành trong câu 1a và b liên hệ đến những lãnh đạo dân sự (là những người đã đưa ra những điều luật xấu xa) và những quan án (là những người liên tục đưa ra những quyết định không công chính, 5:23). Sự lãnh đạo trên Y-sơ-ra-ên đã vi phạm một cách ranh mãnh, chủ tâm. Giao Ước Môi-se vốn nhấn mạnh vào sự chăm sóc cho người nghèo, và những người cô thế, bị ruồng bỏ trong xã hội (câu 2; 1:17,23; 3:14,15; 11:4; Phục Truyền 16:19; 24:17; 27:19; Châm Ngôn 17:23; 18:5; A-môt 4:1; 5:12).

10:2 Sự việc xảy ra hoàn toàn trái ngược khi những kẻ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tìm kiếm để bảo vệ (kẻ mồ côi và người góa bụa) đã trở thành miếng mồi và của cướp!

10:3 Một chuỗi những câu hỏi đã giải thích rõ ràng số phận của những kẻ bóc lột! Vào một ngày, dù cho đó là ngày đương thời hoặc cuối rốt (lai thế), Đấng Tạo Hóa sẽ triệu tập những tạo vật của Ngài, được dựng nên theo hình và ảnh của Ngài, để giải trình về sự quản trị món quà của sự sống (câu 4). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là một Đấng Thánh luân lý, đạo đức và đầy lòng thương xót và Ngài yêu cầu những đặc tính ấy trên tuyền dân giao

ước của Ngài, để rồi “các dân tộc” có thể biết Ngài và đến với Ngài!! Y-sơ-ra-ên đã đưa ra một thông điệp sai trật!

10:4 “tay Ngài vẫn còn giơ ra” Đây là một cụm từ được lặp đi lặp lại trong đơn vị văn học này (9:12,17,21). Nó là một phép hành văn tu từ nhân hình (anthropomorphic) (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1) để diễn đạt sự đoán phạt không thể trì hoãn được nữa của Đức Chúa Trời.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 10:5-11

- ⁵ **Khôn cho A-si-ri, cây roi của sự thịnh nộ Ta!**
Cây gậy trong tay nó là sự tức giận của Ta!
- ⁶ **Ta sai nó chống lại một nước bất kính,**
Ta truyền cho nó đánh một dân chọc giận Ta,
Để cướp bóc, tước đoạt
Và giày đạp chúng như bùn ngoài đường.
- ⁷ **Nhưng nó không hiểu như thế,**
Lòng nó chẳng nghĩ như vậy;
Nó muốn tiêu diệt
Và loại trừ thật nhiều nước.
- ⁸ **Vì nó nói rằng:**
“Chẳng phải các tướng lĩnh của ta đều là vua sao?”
- ⁹ **Chẳng phải Ca-nô sẽ như Cạt-kê-mít,**
Ha-mát sẽ như Ạt-bát,
Sa-ma-ri sẽ như Đa-mách sao?
- ¹⁰ **Như tay ta đã nắm được các vương quốc có thần tượng,**
Tượng thần của họ còn hơn cả Giê-ru-sa-lem và Sa-ma-ri,
- ¹¹ **Ta lại chẳng làm cho Giê-ru-sa-lem và thần tượng nó**
Như ta đã làm cho Sa-ma-ri và thần tượng nó sao?”

10:5-19 Đây là một đơn vị văn học về sự hành động của Đức Chúa Trời trên quốc gia A-si-ri. Họ là một thế lực Cận Đông Cổ độc ác nhất. Họ đã hung ác, tàn bạo với cả những nhóm người phụ tù bị bắt. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ sử dụng dân tộc không tin kính ngoại bang này để hoàn thành những mục tiêu của Ngài (những câu 5b; 6b; như Ha-ba-cúc 1:12-17 đã hỏi Đức Chúa Trời về việc Ngài sử dụng sự lưu đày bởi người Ba-by-lôn). Đức Chúa Trời sử dụng những kẻ xấu để thực hiện phán quyết của Ngài! Ngài đã không thực hiện chúng (Sa-tan, các quỷ, những thiên sứ sa ngã, những đế quốc xấu xa), nhưng Ngài hướng chúng cho sự tốt lành rộng lớn hơn (Job 12:23; Thi 47:7-8; 66:7; Đa-ni-ên 2:21; Công Vụ 17:26, Kế hoạch cứu chuộc toàn nhân loại của Ngài, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3).

Tuy nhiên, kẻ xấu sẽ gặt những hậu quả cho hành động của họ. Một ngày kia, họ cũng sẽ bị đoán phạt (Phục Truyền 32:34-43; Ê-sai 14:24-27; 30:27-33; 31:5-9). Những gì A-si-ri đã làm cho những dân khác, Ba-by-lôn (13:5) sẽ làm cho họ!

10:5 “Khôn cho A-si-ri, cây roi của sự thịnh nộ Ta” Công cụ của Đức Chúa Trời dùng để hình phạt dân sự phản nghịch của Ngài chính là quốc gia tàn ác A-si-ri (7:17; 8:7). Tuy nhiên, họ cũng phải chịu trách nhiệm cho những hành vi của mình (10:24-27). Sự kiêu ngạo của A-si-ri được nhìn thấy trong những câu 8-11,12.

10:6 “một nước bất kính... một dân chọc giận Ta” ôi, thật là, điều này chỉ đến đất nước của người Y-sơ-ra-ên (9:17,19)! Cùng một cụm từ này được dùng cho Y-sơ-ra-ên trong 19:17; 32:6. Thật mỉa mai, dân tộc giao ước được gọi là “không tin kính (vô thần, vô luân)” và tạo nên một sự tương đồng vô đạo đức với dân tộc “không tin kính” A-si-ri!

☐ **“Để cướp bóc, tước đoạt”** Cũng như câu 21, “một dân sót sẽ quay về,” được phản ánh trong tên của con trai đầu của Ê-sai (7:3), điều này cũng phản ánh bởi tên biểu tượng của con trai thứ hai của ông (8:1,3).

10:7 “Nhưng nó không hiểu như thế,

Lòng nó chẳng nghĩ như vậy” A-si-ri đã không biết rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hướng những hành động của nó cho những mục đích của Ngài. A-si-ri đã chỉ theo đuổi nhiều và nhiều hơn những của cướp mà thôi.

Ý định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho vua A-si-ri được bày tỏ trong một chuỗi những *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP (câu 6) chống lại Y-sơ-ra-ên.

1. cướp bóc (BDB 1021, KB 1531)
2. tước đoạt (BDB 102, KB 117)
3. giày đạp (TRẠNG TỪ BDB 962, KB 1321, DANH TỪ BDB 942)

Ý định của Vua A-si-ri được mô tả trong hai *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP trong câu 7c,d.

1. tiêu diệt (BDB 1029, KB 1552)
2. loại trừ (BDB 503, KB 500)

10:8-11 Những suy nghĩ của Vua A-si-ri (“những sự kiêu ngạo,” TEV) đã bị bộc lộ ra trong những câu này

1. tất cả những tướng lĩnh quân đội của hắn đều như những vị vua (NRSV, TEV, NJB, REB, Peshitta), câu 8
2. quân đội của hắn (Tiếc-la-Phi-lê-se III hoặc cũng có thể là San-chê-ríp trong 701 T.C) đã đánh bại nhiều thành phố và quốc gia bên kia sông Ô-phơ-rát, cùng với các thần của họ, câu 9
 - a. Ca-nô (hoặc Calneh), thành phố ở phía bắc Sy-ri (A-môt 6:2) đã thất thủ vào năm 742 T.C (tất cả những niên đại này đều là ước lượng mà thôi)
 - b. Cạc-kê-mít, thành phố chính của người Hê-tít, gần thượng nguồn của sông Ô-phơ-rát, đã gia nhập vào liên minh A-si-ri vào năm 738 T.C
 - c. Ha-mát, thành phố nằm gần khu vực biên giới phía bắc của Y-sơ-ra-ên (II Sử Ký 8:4) gần lưu vực Sông Orontes, sụp đổ vào năm 738 T.C
 - d. Arpad, thành phố ở tây bắc in Sy-ri thất thủ vào năm 741 T.C
 - e. Sa-ma-ri (thủ đô của của Y-sơ-ra-ên) thất thủ vào năm 722 T.C bởi Sa-gôn II
 - f. Đa-mách (thủ đô của Sy-ri) thất thủ vào năm 732 T.C
3. hắn đã đe dọa tiêu diệt Giê-ru-sa-lem và những “thần tượng” của nó như hắn đã làm đối với Sa-ma-ri, câu 11. Hắn đã không có sự hiểu biết về sự khác biệt giữa “những thần tượng” (2:8) và sự thờ phượng thật dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Một từ chỉ về cuộc xâm lược bởi người A-si-ri được mô tả thật sinh động. Các tên địa danh được liệt kê theo tuyến đường xâm lược truyền thống của những đế chế Cận Đông Cổ Đại đến từ khu vực Mê-sô-bô-ta-mi. Bởi sa mạc, họ bắt buộc phải đi theo Sông Ô-phơ-rát đến thượng nguồn của nó và sau đó đi dọc về phía nam dọc theo bình nguyên gần biển. Nan đề của việc nhận diện cuộc xâm lược nào bởi người A-si-ri khá phức tạp bởi vì San-chê-ríp, là người đã tiến đánh Giê-ru-sa-lem để vây hãm nó, thật ra đã đến từ phía nam của thành phố vào năm 701 T.C. Sự sụp đổ của các thành phố vừa được nhắc đến đã xảy ra dưới thời của Tiếc-la-Phi-lê-se III (*Pul*). Vì vậy, Tôi suy nghĩ rằng con đường này đã được “ý tưởng hóa” như là một kẻ xâm lược phương bắc.

10:11 “những thần tượng” Đây là một từ thú vị (BDB 47). Nghĩa cơ bản của nó là không chắc chắn, nhưng nó được phát âm tương tự với *Elohim*, vốn khiến cho những học giả suy đoán rằng nó chỉ về những thần tượng yếu đuối và không hiện hữu (NIDOTTE, tập 1, trang 411). Tư tưởng độc thần là sự độc nhất của đức tin của người Y-sơ-ra-ên. Có những thực thể thuộc linh khác, nhưng chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời (Phục Truyền 4:35,39; 6:8; 32:39; Ê-sai 43:9-11; 45:21-22; Giê-rê-mi 2:11; 5:7,10; Rô-ma 3:30; I Cô-rinh-tô 8:4,6; I Tim. 2:5; Gia-cơ 2:19). Các thần tượng tượng trưng cho sự hư không, chỉ có những sự hy vọng sai trật và những sự sợ hãi (mê tín) của nhân loại sa ngã vốn có thể nhận ra rằng thực tế có nhiều hơn chỉ là thế giới vật chất, nhưng không thể thấu hiểu lẽ thật thuộc linh (sự mặc khải).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 10:12-14

¹² Nhưng khi Chúa đã hoàn thành mọi công việc của Ngài trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem, Ngài phán: “Ta sẽ trừng phạt những việc làm của lòng tự đại và sự kiêu hãnh của con mắt tự cao của vua A-si-ri. ¹³ Vì vua này nói rằng:

“Ta đã hành động bằng sức mạnh của tay ta

Và bởi sự khôn ngoan của ta, vì ta thông minh.
 Ta đã xóa bỏ biên giới các dân,
 Và cướp đoạt các kho báu của chúng.
 Như một người hùng mạnh,
 Ta đã hạ bệ các vua
¹⁴ Tay ta đã bắt lấy của cải các dân
 Như bắt một tổ chim;
 Ta đã thu gom cả mặt đất,
 Như người thu gom trứng bỏ rơi;
 Chẳng ai vỗ cánh,
 Há miệng, hay kêu hót!”

10:12-14 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA khẳng định sự tề trị của Ngài trên A-si-ri và những chiến thắng của họ. Ngài sẽ đoán phạt vua A-si-ri (câu 12) cho

1. tấm lòng kiêu ngạo
2. đôi mắt ngạo mạn của hắn

Sự kiêu ngạo của vua A-si-ri được mô tả trong một chuỗi những lời tự khen ngợi chính mình (những câu 12-14), vốn có vẻ rất giống với những văn bản cổ của người A-si-ri trong giai đoạn này (hãy xem *The IVP Bible Background Commentary OT*, trang 599)

1. bằng sức mạnh của tay ta
2. bởi sự khôn ngoan của ta

Hắn đã cướp bóc các quốc gia ở phía bờ tây sông Ô-phơ-rát như một người cướp tở của một con chim!

10:13

NASB “như một người hùng mạnh”

NKJV “như một người can đảm”

NRSV, TEV,

REB “như một con bò đực”

NJB “như một kẻ anh hùng”

Nghĩa căn bản của TÍNH TỪ này (BDB 7), “mạnh mẽ,” có thể chỉ về

1. một người mạnh bạo/hung tợn, Gióp 24:22; 34:20; Giê-rê-mi 46:15; Ca Thương 1:15
2. một tâm trí bừng binh, Ê-sai 46:12
3. những thiên sứ, Thi 78:25
4. những loài vật
 - a. những con bò đực, Ê-sai 10:13 có thể chỉ về một con bò đực bởi vì một con bò đực có cánh là biểu tượng của A-si-ri (trên những cạnh của cổng Ishtar, Thi 22:13; 68:30; Ê-sai 34:7)
 - b. những con ngựa, Các Quan Xét 5:22; Giê-rê-mi 8:16; 47:3; 50:11

10:14 Kinh Thánh thường dùng những ẩn dụ về loài chim để mô tả về sự bảo vệ và chăm sóc của Đức Chúa Trời (Xuất 19:4; Phục Truyền 32:11; Ru-tơ 2:12; Ê-sai 31:5; Ma-thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:34), nhưng ở đây ẩn dụ này bị đảo ngược! Đức Chúa Trời đã cất bỏ sự bảo vệ của Ngài!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÀN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 10:15-19

¹⁵ Cái rìu lại khoe mình với người cầm rìu,
 Hay cái cưa lại tự tôn tự đại với kẻ cầm cưa sao?
 Điều đó giống như cây roi điều khiển người gĩa roi,
 Cây gậy nâng người cầm gậy!
¹⁶ Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân
 Sẽ làm cho những người mập mạnh của vua ấy trở nên gầy mòn;
 Và dưới cảnh vinh hoa của vua ấy,
 Lửa sẽ cháy lên như một đám lửa thiêu đốt.
¹⁷ Ánh sáng của Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên lửa,

**Đấng Thánh của nó sẽ là một ngọn lửa,
Sẽ đốt cháy và thiêu nuốt gai góc và bụi rậm
Chỉ trong một ngày.**

**¹⁸ Còn sự trù phú của rừng và vườn cây ăn quả của vua ấy,
Ngài sẽ tận diệt hết, cả hồn lẫn xác,
Như kẻ kiệt sức đi loạng choạng.**

**¹⁹ Số cây trong rừng còn lại chẳng là bao,
Một đứa trẻ cũng có thể đếm được.**

10:15-19 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đáp ứng với sự khoác lác của Vua A-si-ri bằng việc chặt ván.

1. Sức mạnh ở lưỡi rìu hay là ở người sử dụng rìu?
2. Sức mạnh ở lưỡi cưa hay là nó ở trên người cầm cưa?
3. Sức mạnh ở cây gậy (hay cây roi) hay là nó ở trên kẻ vung gậy lên?
4. Sức mạnh ở trong cây vương trượng (cây gậy) hay là nó ở trên người giơ vương trượng lên?

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đoán phạt hấn và quân đội của hấn trong một ngày (câu 17). Điều này chỉ về (1) Tiéc-la-Phi-lê-se III hoặc (2) đặc biệt chỉ về San-chê-ríp (701 T.C), được ghi lại trong Ê-sai 36-38; II Các Vua 18:17-21:11; II Sứ Ký 32:9-24, nơi mà 185.000 quân lính đã bỏ mạng trước tường thành Giê-ru-sa-lem để đáp lại sự kiêu ngạo của vị vua A-si-ri và những tướng lãnh của hấn, điểm 2 (#2) phù hợp nhất, nhưng đã không xảy ra cho đến những thập kỷ sau khi Tiéc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm Sa-ma-ri). Có một sự khác biệt giữa Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và những thần tượng của các dân tộc!

10:16 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang kiểm soát tể trị trên lịch sử. Đây là tiền đề căn bản của tư tưởng độc thần liên hệ đến sự liên hệ với Đấng Thánh. Ngài đang hiện diện và hành động trên tạo vật của Ngài. Trong Cựu Ước tất cả mọi quan hệ nhân quả đều được quy cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Phục Truyền 32:29; Gióp 5:18; Ê-sai 45:7; Ô-sê 6:1; A-mốt 3:6). Đó là một cách để xác quyết tư tưởng độc thần. Chính xác cách Ngài hành động như thế nào, khi nào, nơi nào Ngài hành động, là không rõ, nhưng có

1. một kế hoạch cứu chuộc đời đời
2. một dân tộc giao ước
3. một Đấng Mê-si sẽ đến
4. một tâm lòng dành cho “các dân tộc”

Lịch sử không mang tính chu kỳ, nhưng có một mục đích!

10:17 Sự sáng (hãy xem bài viết tại 9:2) và lửa là những biểu tượng của Đấng Thánh (9:19; 29:6; 30:27; 31:9; 33:11-12,14). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Lửa tại 1:31.

10:18 “cả hồn lẫn xác” Nhân loại có cả yếu tố cấu thành vật lý và một nguồn lực sự sống. Chúng ta là con người cần được chuẩn bị cho sự sống trên hành tinh này và cho mối liên hệ với một Đấng Thánh không hữu thể! Chúng ta chia sẻ hành tinh này với các loài động vật, nhưng chúng ta là những tạo vật đời đời!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 10:20-23

²⁰ Trong ngày đó, dân sót của Y-sơ-ra-ên và những người sống sót của nhà Gia-cốp sẽ không còn nương cậy vào kẻ đã đánh họ nữa; nhưng họ sẽ thật lòng nương cậy vào Đức Giê-hô-va là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ²¹ Một số dân sót, tức là dân sót của Gia-cốp, sẽ trở lại cùng Đức Chúa Trời quyền năng. ²² Hỡi Y-sơ-ra-ên, dù dân ngươi đông như cát biển thì chỉ một phần sót lại sẽ trở về. Sự hủy diệt đã được quyết định, công lý sẽ tràn lan. ²³ Vì Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân đã quyết định thực hiện sự hủy diệt trên khắp đất.

10:20-23 Đoạn này tập chú vào hai lẽ thật thần học.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ bảo vệ và phục hồi một dân sót trung tín (“thật sự nương cậy nơi Đức Giê-hô-va,” BDB 1043, KB 1612, *Niphal* THÈ HOÀN THÀNH) để hoàn thành những mục đích của Ngài với dòng dõi của Áp-ra-ham.
2. “Trong ngày đó” chỉ về một ngày của sự giải cứu. Một điều không bao giờ biết chắc rằng lời hứa

được ứng nghiệm tại Ba Tư hay trong thời Mác-ca-bê hay là thời kỳ cuối rốt. Quyển sách đã thực sự giúp tôi hiểu về thể loại Tiên Tri và Khải Thị được viết bởi D. Brent Sandy, *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic*.

10:20 “sẽ không còn nương cậy vào kẻ đã đánh họ nữa” A-cha đã tin cậy/nương dựa vào A-si-ri để tìm kiếm sự giúp đỡ thay vì từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng trong tương lai sẽ không lặp lại. Họ (tuyển dân giao ước) sẽ nương dựa nơi chỉ một mình ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mà thôi!

10:21 “một dân sót sẽ trở lại” Dân sót này được mô tả đến từ Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên. Trong văn mạch này, nó phải chỉ về Mười Chi Phái Phía Bắc vốn đã bị chia cắt vào năm 922 T.C và đã bị đi lưu đày bởi A-si-ri vào năm 722 T.C. Một vài người trong số họ đã trở về Giê-ru-sa-lem cùng với Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua sau sắc lệnh của Vua Si-ru vào năm 538 T.C cho phép tất cả các nhóm dân có thể quay về vùng đất quê hương của họ. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Dân Sót, Ba Ý Nghĩa tại 1:9. Cụm từ dịch nghĩa tên của con trai đầu của Ê-sai (Sê-a-Gia-rúp) là người đã đi với cha mình để đối chất với Vua A-cha (7:1-3).

☐ **“cùng Đức Chúa Trời quyền năng”** Đây cũng là cùng một danh hiệu được sử dụng cho Đấng Mê-si trong 9:6. Nó được tìm thấy chỉ ở trong hai chỗ này.

10:22 “đông như cát biển” Đây là một sự chỉ đến lời hứa có nhiều hậu tự, dòng dõi đông đúc, vốn là một điểm chính của giao ước Áp-ra-ham (Sáng 22:17; 32:12).

Thật là một sự tương phản đáng buồn đã xảy ra khi những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Các Tô Phụ về dòng dõi hậu tự đông đúc

1. như sao
2. như bụi đất
3. như cát

đã bị giảm đi bởi vì sự bất tuân mạng lệnh và sự thiếu hụt sự tin cậy cá nhân (câu 20) trở nên chỉ một số ít được trở về (câu 21-22). Ở đây chính là sự liên hệ giữa sự phước hạnh được định trước của Đức Chúa Trời và khả năng của con người sa ngã!

☐ **“Sự hủy diệt đã được quyết định, công lý sẽ tràn lan”** Sự đoán phạt trên Y-sơ-ra-ên đã được

1. quyết định bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 22
2. ra lệnh bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 23

Cả hai từ này (NASB 1995) được dịch từ cùng một ĐỘNG TỪ (BDB 358, KB 356, 28:22; Đa-ni-ên 9:26,27; 11:36). Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt dân Ngài (câu 22). Câu 23 là một (1) sự song hành với câu này hoặc (2) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ đoán phạt cả trái đất (bản dịch LXX, Peshitta, NRSV, Phao-lô đã trích dẫn bản dịch LXX trong Rô-ma 9:27-28). Văn mạch phù hợp với lựa chọn #1 tốt hơn. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã phán Ngài sẽ làm điều đó; Ngài đã làm!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 10:24-27

²⁴ Vì vậy, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán thế này: “Hỡi dân Ta đang ở Si-ôn, đừng sợ người A-si-ri khi chúng đánh ngươi bằng roi và gươm gây chống lại ngươi, như người Ai Cập đã làm. ²⁵ Vì chỉ còn ít lâu nữa thôi, sự trừng phạt sẽ chấm dứt; và con thịnh nộ của Ta sẽ hướng về chúng để hủy diệt chúng. ²⁶ Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ quét roi trên chúng, như đã đánh người Ma-đi-an nơi tảng đá Ô-rép; Ngài cũng gươm gây trên biển như đã làm tại Ai Cập. ²⁷ Trong ngày đó, gánh nặng của chúng sẽ cất khỏi vai ngươi, ách của chúng sẽ cất khỏi cổ ngươi; ách sẽ bị gãy vì sự béo mập của ngươi.”

10:24-27 Đoạn Kinh Thánh một lần nữa nhấn mạnh về sự công chính đạo đức của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vốn được phản ánh trong sự đoán phạt chống lại điều ác.

1. Y-sơ-ra-ên đã kinh nghiệm cơn giận công chính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 22)
2. A-si-ri (Ê-sai 37:26-28)
3. như cơn giận của Ngài trên Ai Cập trong thời kỳ Cuộc Xuất Hành (Xuất 14:16,27)
4. như Ghi-đê-ôn chống lại người Mi-đi-an (Các Quan Xét 6-8)

Những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, trong quá khứ và tương lai, được mô tả trong câu 27, song hành với hành động của Ngài (14:25) qua Đấng Mê-si trong 9:4, cũng mô tả chiến trận chống lại người Mi-đi-an (một thành ngữ chỉ về việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đánh bại hoàn toàn một kẻ thù 9:4; Thi 83:9-11).

10:24 “dừng sợ người A-si-ri” ĐỘNG TỪ này (BDB 431, KB 432, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng như một THỂ MỆNH LỆNH. Hàm ý rằng “hãy kính sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng sẽ đem sự đoán phạt trên chúng” (những câu 25-27).

10:26 “tăng đá Ô-rép” Ghi-đê-ôn triệu tập người Ép-ra-im để họ giúp ông quét sạch quân Mi-đi-an rút lui còn sót lại. Hai trong số những quan trưởng của họ bị bắt và giết (Các Quan Xét 7:24-25). Địa điểm xảy ra sự kiện này đã lấy tên của hai quan trưởng Mi-đi-an này, Ô-rép và Xê-ép. Vị trí chính xác ở đâu thì vẫn chưa xác định.

10:27

NASB

“cái ách sẽ bị vỡ bởi vì sự béo mập”

NKJV

“cái ách sẽ bị phá hủy bởi vì dầu xức”

LXX, REB

“cái ách sẽ bị phá hủy khỏi vai của các người”

Peshitta

“cái ách sẽ bị phá hủy khỏi cổ người bởi sức mạnh các người”

Từ, các bản dịch trên, bạn có thể thấy các sự lựa chọn.

1. để nguyên cụm từ “bởi vì sự béo mập,” LXX, REB

2. chỉ về Đấng Mê-si, NKJV (được xức dầu)

3. Peshitta xem câu này là một sự chỉ đến sức mạnh và sự tăng trưởng (Phục Truyền 32:15), vốn có thể tương phản với câu 16.

Từ những đoạn 7-12 liên hệ với con trẻ đặc biệt của Thời Đại Mới, bao gồm cả Đấng Mê-si, Tôi thích cách hiểu của bản NKJV như là một cách hiểu mang lại ý nghĩa rõ nhất trong đơn vị văn học lớn này.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 10:28-32

²⁸ Chúng đến A-giát, xuyên qua Mi-gơ-rôn,

Để hành lý tại Mích-ma.

²⁹ Vượt qua đèo, chúng nói:

“Chúng ta sẽ đóng trại qua đêm tại Ghê-ba.”

Ra-ma run sợ,

Ghi-bê-a của Sau-lơ chạy trốn!

³⁰ Hỡi con gái Ga-lim, hãy cất tiếng kêu to!

Hỡi người La-ít, hãy chú ý lắng nghe!

Đáng thương cho người A-na-tốt!

³¹ Mát-mê-na lần trốn,

Cư dân Ghê-bim tìm nơi ẩn núp.

³² Chính ngày đó, chúng sẽ dừng lại ở Nóp,

Vung tay chống lại núi của con gái Si-ôn,

Và chống lại đôi cửa Giê-ru-sa-lem!

10:28-32 Theo H. C. Leupold, trong quyển *Exposition of Isaiah*, tập 1, trang 40, mô tả đoạn thơ (khổ thơ) này như là một “Tân Bi Kịch của Sự Lấn Tới của Người A-si-ri Đến Nổi Gần Như Chiếm Được Si-ôn Được Mô Tả Bằng Ngôn Ngữ của Bản Tin từ Tiên Tuyên.” Rất nhiều địa điểm địa lý được nhắc đến và những gì đã xảy ra tại những địa điểm đó khi đội quân tay sai A-si-ri tiến đến.

☐ **“A-giát”** Đây chính là A-hi gần với thành Giê-ri-cô. Những địa điểm được đề cập chỉ về sự di chuyển của người A-si-ri hướng về Giê-ru-sa-lem từ phương bắc.

10:30 “hãy cất tiếng kêu to...hãy chú ý” Cả hai đều là THỂ MỆNH LỆNH.

1. BDB 843, KB 1007, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

2. BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THỀ MỆNH LỆNH
 Điều này phá vỡ cấu trúc của những câu 28-32. Nếu khổ thơ là “những tin báo từ tiên tuyên,” thì câu 30 là một lời bình luận từ nhà tiên tri, không phải từ một sứ giả A-si-ri.

▣	
NASB	“A-na-tốt khôn khổ”
NKJV	“Đáng thương cho người A-na-tốt”
NRSV	“Hãy trả lời họ, hỡi A-na-tốt”
TEV	“Hãy trả lời, hỡi người A-na-tốt”
NJB, REB	“A-na-tốt sẽ lắng nghe”
Peshitta	“Hãy trả lời ta, hỡi A-na-tốt”

Cụm từ này đến từ cả hai từ

1. ĐỘNG TỪ “trả lời,” BDB 772, *Qal* THỀ MỆNH LỆNH
2. một TÍNH TỪ “đáng thương,” BDB 776

Chúng đều có cùng những phụ âm. UBS Hebrews Text Project cho mục #2 một điểm “C” (sự nghi ngờ đáng kể). Chắc chắn rằng có thể từ “khôn khổ” và “A-na-tốt” là một sự chơi chữ về phát âm (theo quyển NASB Study Bible, trang 974).

10:32 Dòng thứ hai của vầng thơ mô tả về sự khinh miệt của người A-si-ri đối với Đức Chúa Trời của người Giu-đa và đền thờ của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 10:33-34

³³ **Này, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân,
 Sẽ dùng uy lực đáng sợ mà chặt các cành cây;
 Những cây kiêu kỳ đều bị đốn ngã,
 Những cây cao lớn bị hạ thấp.**
³⁴ **Ngài dùng rìu sắt đốn những bụi cây trong rừng,
 Và Li-ban sẽ ngã xuống bởi Đấng Quyền Năng.**

10:33-34 Những câu 33-34 khó có thể xác định rằng ai là kẻ “bị đốn hạ.” Có vẻ như đây là sự liên hệ văn học giữa Ê-sai 10:16-19 và 11:1. Ê-sai thường sử dụng hình ảnh trong lâm nghiệp. Dù ai là người đã biên tập cuộn sách của Ê-sai, họ cũng đã sử dụng những cách chơi chữ và chủ đề như là một cách để liên hệ những thông điệp tiên tri được ghi chép của Ê-sai lại với nhau. Chúng ta phải ghi nhớ rằng lẽ thật chính của đơn vị văn học và những khổ thơ thì quan trọng hơn là

1. những chi tiết
2. bối cảnh lịch sử chính xác của mỗi đơn vị văn học

Tình yêu của chúng ta dành cho Kinh Thánh và sự khao khát được biết nhiều hơn đã khiến chúng ta xem Kinh Thánh không theo văn mạch và theo những cách mang tính văn học, vốn sẽ phá hủy tính chất văn học tự nhiên của Kinh Thánh và đặc biệt là thể loại văn học tiên tri!

Tôi nghĩ rằng đây chính là một sự soạn thảo công phu từ những câu 16-19. Hình ảnh của sự hủy diệt cả một cánh rừng, vốn biểu tượng cho quân đội A-si-ri và những lãnh đạo của nó.

10:33 Nửa sau của câu này có một vài từ được tìm thấy duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. Đây là lý do tại sao lẽ thật trung tâm của đoạn văn (văn xuôi) hoặc khổ thơ (thơ ca) là then chốt thiết yếu. Lẽ thật hoặc hình ảnh chính sẽ là chìa khóa, không phải mỗi hoặc tất cả chi tiết.

10:34

NASB, NKJV	“bởi Đấng Quyền Năng”
NRSV	“với những cây hùng vĩ của nó”
TEV	“những cây tốt nhất”
NJB	“của Đấng Toàn Năng”
LXX	“với những cây cao ngất sừng sững”
REB	“với những cây cao quý của nó”

Cụm từ này có thể chỉ về

1. Đức Chúa Trời (câu 33a; câu 34a)
2. những cây cao lớn của xứ Li-băng (câu 33b,c; LXX)

Ê-SAI 11

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Cai Trị Công Bình của Chối Nhánh	Sự Cai Trị của Hậu Tự Giê-se	Vị Vua Mê-si	Vương Quốc Bình An	Đồng Đội Nhà Đa-vít
11:1-9	11:1-5	11:1-3a	11:1	11:1-4
(1-9)	(1-5)	(1-3a)		(1-4)
			11:1-5	
			(2-5)	
		11:3b		
		(3b)		
		11:4-9		
		(4-9)		
				11:5
				(5)
	11:6-9		11:6-9	11:6-9
	(6-9)		(6-9)	(6-9)
		Thời Đại Đấng Mê-si	Những Phu Tù Sẽ Trở Về	Trở Về Từ Sự Tàn Lạc
11:10	11:10	11:10	11:10-16	11:10-16
(10)	(10)			(10-16)
Dân Sót Được Phục Hồi				
11:11-16	11:11	11:11-16		
(11-16)	(11)			
	11:12-16	(12-16)		
	(12-16)			

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất

2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NGHIÊN CỨU VỀ BỐI CẢNH

- A. Đoạn 11 tương phản rõ rệt với đoạn 10, những câu 33-34, vốn mô tả về sự sụp đổ của A-si-ri (10:15-19).
- B. Cũng như A-si-ri bị đốn hạ như một khu rừng lớn, thì Đấng Mê-si sẽ dấy lên từ gốc của Giê-se. Ê-sai thường xuyên sử dụng hình ảnh từ cây cối.
- C. Ê-sai 11 phản chiếu những lời hứa dành cho hậu tự của Đa-vít được chép trong II Sa-mu-ên 7.
- D. Ý tưởng thời kỳ lai thế học cuối rốt cũng được mô tả trong 2:2-4; 9:1-7. Đoạn 11, câu 10 có thể đi cùng với 1-9 hoặc 11:16 phụ thuộc vào cách mỗi cá nhân có quan điểm như thế nào về viễn cảnh của sự cai trị của Đấng Mê-si (Đất Hứa hay toàn bộ trái đất được phục hồi).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 11:1-5

- ¹ Có một chồi sẽ nứt ra từ gốc Giê-sê,
Một cành từ rễ nó sẽ ra trái.
- ² Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài,
Là thần khôn ngoan và thông sáng,
Thần mưu lược và quyền năng,
Thần tri thức và kính sợ Đức Giê-hô-va.
- ³ Ngài vui thích trong sự kính sợ Đức Giê-hô-va.
Ngài sẽ không xét xử theo mắt thấy,
Cũng chẳng phán quyết theo tai nghe.
- ⁴ Nhưng Ngài sẽ xét xử trong sự công chính cho người cô thế,
Và phán quyết công bằng cho kẻ nhu mì trên đất.
Ngài sẽ đánh thê gian bằng cây gậy nơi miệng mình,
Và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ gian ác.
- ⁵ Sự công chính sẽ làm dây thắt lưng của Ngài,
Và sự thành tín sẽ làm dây ràng hông.

11:1 “một chồi” Từ hiếm này được tìm thấy duy nhất ở đây trong Cựu Ước, (“cành non,” “nhánh cây,” hoặc “chồi cây” được dịch là “cây roi” trong Châm Ngôn 14:3, BDB 310, KB 307) rõ ràng chỉ về một hậu tự siêu nhiên của Đa-vít (6:13; II Sa-mu-ên 7; Khải Huyền 22:16) từ một gốc cây tưởng chừng như đã chết (dân Giu-đa đi phu tù) sẽ trở nên một vì vua mới! Hình ảnh này (nhưng với một từ Hê-bơ-rơ khác) được tìm thấy lại ở trong Bài Hát Tôi Tớ Chịu Khổ Song trong Ê-sai 52:13-53:12 (câu 2).

Quyển The Jewish Study Bible (trang 807) cho biết thêm một bình luận thú vị về “cái chồi.”

“Nếu cách dịch ‘cái chồi’ là chính xác, thì đoạn Kinh Thánh có thể cho rằng Vương Triều nhà Đa-vít sẽ (hoặc đã) đến một sự kết thúc; phần đọc này sẽ làm chệch hướng nghiêm trọng bởi khái niệm của Ê-sai về các vua từ dòng dõi Đa-vít sẽ cai trị đời đời (II Sa-mu-ên 7:8-16; Thi 89:20-37). Nhưng từ Hê-bơ-rơ ‘geza’ không chỉ chỉ về một chồi non của một cái cây đã bị đốn hạ nhưng cũng chỉ đến thân của một cây sống.”

Tôi không thể xác nhận nghĩa này dùng cho “cái chồi” ngoại trừ nó là 40:24.

▣ **“từ thân (gốc) Giê-se”** Giê-se là cha của Vua Đa Vít. Hậu tự tương lai này được đề cập trong câu 10; 9:7; 16:5.

Cụm Ước cho biết dòng dõi của Đấng Đặc Biệt Sẽ Đến, Đấng Được Xức Dầu.

1. từ chi phái Giu-đa, Sáng 49:8-12, đặc biệt câu 10 và Khải Huyền 5:5
2. từ gia tộc Giê-se, II Sa-mu-ên 7

Con trẻ đặc biệt của thời kỳ mới đã được xác định như là một người cai trị đặc biệt. Đặc tính của Ngài sẽ bày tỏ về đặc tính của thời kỳ mới (Giê-rê-mi 23:5).

▣ **“một cành từ rễ nó”** DANH TỪ “cành,” “chồi non,” hoặc “chồi” (BDB 666, 14:19; 60:21; Đa-ni-ên 11:7) song hành với “nhánh” hoặc “chồi” (BDB 855, 4:2; 61:11). Sự tăng trưởng mới sẽ đến! Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 4:2.

▣ **“sẽ ra trái”** Bản MT có ĐỘNG TỪ “ra trái” (פרה, BDB 826, KB 963, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Cuộn Biển Chết, NASB), nhưng hầu hết những bản cổ và hiện đại cho là một động từ tương tự ĐỘNG TỪ, פרה (BDB 827).

1. NKJV, NRSV, Peshitta, “sẽ lớn lên”
2. NJB, “sẽ lớn”
3. LXX, Targums, “sẽ vươn lên”
4. REB, “sẽ nảy lên từ”
5. JPSOA, “sẽ nảy mầm”

Lựa chọn thứ phù hợp với sự song hành tốt nhất!

11:2 “Thần (của Đức Giê-hô-va)” Nhiều người cố gắng liên hệ đoạn Kinh Thánh này với bảy vị thần trong Khải Huyền 1:4. Điều này có vẻ đáng ngờ đối với tôi. Bản MT liệt kê sáu đặc tính, nhưng bản dịch LXX thêm vào một đặc tính thứ bảy, “trung thành,” ở chỗ của “sự kính sợ” trong câu 2, nhưng sau đó thêm vào “sự kính sợ” từ câu 3. Tuy nhiên, điều này không liên hệ với những danh xưng trong Ê-sai 9:6 và mô tả vua được chuẩn bị một cách đầy trọn bởi Đức Chúa Trời từ sự suy nghĩ, sự quản trị, và sự trung thành. Thần Linh của Đức Giê-hô-va ngự trên Ngài như Ngài đã làm trên Đa-vít (I Sa-mu-ên 16:13).

Thân vị của “Thần (Linh)” chưa được mặc khải đầy đủ trong Cựu Ước. Trong Cựu Ước thân vị của Thần Linh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tác động để hoàn thành những mục đích của Ngài, rất giống với “Thiên Sứ của Đức Giê-hô-va.” Nó chưa đầy đủ cho đến thời kỳ Tân Ước khi thân vị và Thần Tánh của Ngài được mặc khải. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời tại 6:8. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Thân Vị Của Thánh Linh tại 32:15-20.

Một vấn đề khác với từ này (BDB 924) chính là nó có thể chỉ đến những đặc tính của con người hoặc hành động của Đấng Thánh.

▣ **“sẽ ngự trên Ngài”** ĐỘNG TỪ này (BDB 628, KB 679) là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH biểu thị về một tình trạng cư ngụ ổn định. Tình trạng này sẽ tồn tại kéo dài ở lại. Một lẽ thật tương tự được đề cập đến trong những cách khác nhau trong 42:1; 59:21; 61:1; Ma-thi-ơ 3:16; Lu-ca 4:18.

▣ **“thần (của sự)...”** Căn bản ở đây có ba nhóm ân tứ.

1. sự thông sáng
 - a. khôn ngoan, BDB 315 (trái ngược với 10:13)
 - b. hiểu biết, BDB 108 (hãy xem cập đầu tiên trong Phục Truyền 4:6)
2. sự quản trị hiệu quả (9:6-7)
 - a. mưu lược, BDB 420
 - b. quyền năng, BDB 150
(Sự cai trị hòa bình bởi năng quyền chính trị, II Các Vua 18:20)
3. sự trung thành cách cá nhân
 - a. sự thông biết về Đức Giê-hô-va, BDB 395
 - b. sự kính sợ Đức Giê-hô-va, BDB 432 (câu 3)

Cùng một cách mô tả như vậy được tìm thấy trong 2:2-4; 9:6-7; 42:1-4. Nó cũng là một thời điểm của công lý,

sự công chính, và hòa bình

11:3 “vui thích” Từ này nguyên gốc là “hà hơi vào” (BDB 926, KB 1195, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP). Nó được sử dụng trong nghĩa của một mùi dễ chịu của của lễ hoặc hương dâng lên cho Đức Chúa Trời (Sáng 8:21).

▣ **“trong sự kính sợ Đức Giê-hô-va”** Từ “kính sợ” (BDB 432) chỉ về một sự tôn trọng dùng cho sự kính sợ đối với Đức Chúa Trời. Nó cũng có ý để giữ tuyền dân giao ước khỏi phạm tội (Xuất 20:20; Phục Truyền 4:10; 6:24). Vua Đa-vít kính sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (II Sa-mu-ên 23:3). Đấng Mê-si ở đây, một Đa-vít mới, phản chiếu cách hoàn hảo sự chỉ đến một ví dụ mang tính khái niệm về một “người Y-sơ-ra-ên thật.” Chú ý cách nó được hình thành hình thành phân dẫn nhập vào Châm Ngôn (1:7; cũng hãy chú ý 2:5; 14:26,27)!

▣ **“Ngài sẽ không xét xử theo mắt thấy”** Bởi vì những ân tứ của Thánh Linh Đấng Cai Trị đặc biệt từ ngôi Đa-vít sẽ có thể phân biệt lẽ thật và không bị lừa dối bởi những lời làm chứng giả dối. Ngài sẽ là quan án công bình cách hoàn hảo. Các vua Y-sơ-ra-ên có vai trò như là phương cách cuối cùng cho công lý.

11:4 Nó có gây kinh ngạc cho bạn không khi sự nghèo đói và sự áp bức sẽ tiếp tục cho đến thời đại mới? Sự giải nghĩa một cách máy móc theo từng chữ sẽ gây nên bối rối. Mục đích của câu này chính là đặc tính của Đấng Cai Trị, không phải là một sự mô tả về xã hội thiên hy niên! Nó có mục đích bày tỏ rằng Ngài sẽ mang đến sự phù hợp với những ý tưởng về giao ước của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ phản chiếu chính đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và đưa phương cách mang điều này vào trong những mối quan hệ của con người!

▣ **“sự công chính”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:4.

▣ **“bằng cây gậy nơi miệng mình”** Phần này có vẻ rất giống cụm từ được sử dụng trong Khải Huyền 1:16; 2:16, vốn nói lên năng lực của lời phán (Sáng Thế Ký 1; Giảng 1) trong cụm từ “thanh gươm của miệng ta.” Hai dòng cuối của áng thơ nói về sự quyền năng đầy hiệu nghiệm của Đấng cai trị (câu 2c).

11:5 Các phục sức chính là một ẩn dụ được sử dụng để mô tả về những phẩm chất của Đấng cai trị công bình sẽ đến trên ngôi Đa-vít. Sau này Phao-lô sử dụng điều này để mô tả sự chu cấp cho những trận chiến thuộc linh của các thánh đồ (Ê-phê-sô 6:14).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 11:6-9

⁶ Bấy giờ, sói sẽ ở với chiên con,
Beo nằm chung với dê con;
Bê, sư tử tơ và thú béo ở chung với nhau,
Một trẻ nhỏ sẽ chăn dắt chúng.
⁷ Bò cái sẽ ăn chung với gấu,
Các con nhỏ của chúng nằm chung với nhau;
Sư tử ăn rơm như bò.
⁸ Trẻ còn bú chơi đùa bên hang rắn hổ mang,
Trẻ thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục.
⁹ Chúng sẽ chẳng làm hại, cũng chẳng cắn giết ai
Trên khắp núi thánh Ta;
Vì sự hiểu biết Đức Giê-hô-va sẽ đẩy dẫy thế giới
Như các dòng nước phủ đầy biển.

11:6-9 Đây là một bức tranh của thời đại Đấng Mê-si, được mô tả trong ngôn ngữ của Sáng Thế Ký 1 và được sử dụng trong Khải Huyền 22. Thiên nhiên đã bị ảnh hưởng bởi tội lỗi của con người, Sáng Thế Ký 3. Nó cũng sẽ được tác động bởi sự cứu chuộc của Đấng Mê-si (Rô-ma 8:19-25). Chú sự nhấn mạnh một lần nữa trẻ của thời kỳ mới trên con.

Mối liên hệ giữa con người và các loài vật phản ánh Vườn Ê-đen. Con người có quá nhiều điểm chung với các loài vật đã phủ đầy mặt đất. Chúng cùng được tạo dựng cho mối tương giao với Đức Chúa Trời (Gióp

38:39; 40:34) và với chúng ta! Kinh Thánh bắt đầu với Đức Chúa Trời, con người, và sự thiết lập trong vườn (Sáng Thế Ký 1-2) và nó kết lại với Đức Chúa Trời, con người, và trong những đoạn Kinh Thánh này trong Ê-sai, là cả loài vật (Ê-sai 65:15; Ô-sê 2:18; Khải Huyền 21-22). Cá nhân tôi không nghĩ rằng những thú vật nuôi của chúng ta sẽ không ở thiên đàng, nhưng tôi có nghĩa rằng những loài vật sẽ là một phần của cõi đời đời! Chúng sẽ thêm vào sự tuyệt vời dư dật cho sự sống. Chúng chỉ trở thành thức ăn và sự che thân sau sự kiện Sự Sa Ngã!

Một điểm nữa về sự mơ hồ cổ hữu liên quan đến các đoạn Kinh Thánh liên hệ với sự chung cuộc cuối rốt (lai thế) chính là thời kỳ của những nhân vật được đề cập. Các em nhỏ (câu 6) và trẻ sơ sinh (câu 7) hàm rằng sự sinh đẻ về mặt cơ thể vật tiếp tục. Điều này có vẻ như là một sự thiết lập trên trái đất hoàn toàn tương tự với sự sống hiện tại (Ma-thi-ơ 24:38; Lu-ca 17:27). Tuy nhiên, Chúa Jesus khẳng định rằng sẽ không có hoạt động sinh dục trong thời kỳ mới (Ma-thi-ơ 22:29-30). Có phải tất cả nhân loại trong thời kỳ cuối rốt sẽ có độ tuổi khác nhau? Họ sẽ già đi hay không? Tất cả những câu hỏi này đã gây cho những nhà giải kinh phải đưa ra những giả định về một giai đoạn giới hạn về thời gian trên mặt đất của sự công chính được hồi phục (một thiên niên kỷ) và một tình trạng lý tưởng về tương lai. Một vài người đã giả định về sự chia ra giữa một nhóm người ở thiên đàng và một nhóm khác ở trên trái đất. Cá nhân tôi thích hơn một Sự Trở Lại duy nhất, có thể nhìn thấy được và một mối quan hệ lý tức thì với Đức Chúa Trời. Nếu điều này là chính xác, rất nhiều phần Cựu Ước và Tân Ước cần phải được xem như là một sự liên quan đến Vương Quốc Thuộc Linh của Đức Chúa Trời. Hãy xem những phần giải kinh của tôi ở các sách Khải Huyền, Đa-ni-ên, Xa-cha-ri trực tuyến miễn phí tại www.freebiblecommentary.org.

Một ngày mới về sự hoàn bình chung được mô tả trong những từ ngữ hoàn hảo, rộng lớn và bao gộp tất cả. Khi nào thời đại mới được bày tỏ?

1. sự trở về từ sự lưu đày dưới thời Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua (Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi)
2. thời kỳ Mac-ca-bê (hai thế kỷ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước)
3. sự khởi đầu của Vương Quốc Đức Chúa Trời Đức Chúa Trời trong giai đoạn Chúa Jesus sống trên đất (Các Phúc Âm)
4. một giai đoạn thiên hy niên (chỉ duy nhất trong Khải Huyền 20:1-10)
5. một vương quốc đời đời (Đa-ni-ên 7:14)

Mỗi một quan điểm được xem như là một cơ hội mới, nhưng với những hạn chế (từ điểm #1-4). Đây là nơi mà những hệ thống thần học (mang tính hệ phái) nhận lấy những sự chỉ dẫn mơ hồ và biến chúng thành một “hệ thống thần học” mà qua đó xem xét cả Kinh Thánh. Những lời hứa là chắc chắn! Nhưng khung thời gian và những chi tiết thì không chắc chắn.

Một câu hỏi trung tâm vốn giải quyết với vấn đề “Sự phục hồi của một vườn địa đàng được nhận theo nghĩa đen như thế nào (Sáng Thế Ký Giảng 4:21-24:1-3 và Khải Huyền 21-22)?” Có phải (1) hành tinh này là sự tâm điểm; (2) hay là toàn bộ vũ trụ là tâm điểm; hoặc (3) một thế giới thuộc linh vượt qua thời gian-không gian, có thể là một chiều khác nữa của hiện thực (Giăng 4:21-24; 18:36)?

11:6

NASB, NKJV,

NRSV “và vật nuôi”

REV, REB “sẽ được cho ăn cùng với nhau”

NJB “vật nuôi” đã sẵn sàng xuất chuồng”

Bản LXX và Peshitta thêm vào “bò đực” và cũng thêm cả vào ĐỘNG TỪ “được cho ăn cùng nhau.” Bản MT có từ “vật nuôi,” nhưng không có ĐỘNG TỪ. Với một sự hiệu đính “và vật nuôi” (וּמְרִיאָ) có thể được đổi thành “sẽ được cho ăn” (יִמְרָא). UBS Hebrews Text Project đánh giá về việc sử dụng ĐỘNG TỪ này một điểm “C” (khá đáng ngờ). Cùng với sự song hành của hai dòng đầu, và dòng thứ tư của áng thơ có ĐỘNG TỪ, một động từ cũng được xem xét sẽ có ở dòng thứ ba. Sách Ê-sai từ Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scroll) và Bản Bảy Mươi (Septuagint) đều có ĐỘNG TỪ “cho ăn.”

Vật nuôi cũng có những nghĩa rộng về sinh tế (1:11; A-môt 5:22).

11:9 “núi thánh Ta” Điều này không chỉ chỉ về Giê-ru-sa-lem hoặc Sinai, nhưng toàn bộ trái đất như là một mệnh đề song hành trong câu 9b chỉ đến. Cũng hãy chú sự chỉ đến Đấng Mê-si giờ đây đã có thể truyền thông một cách hiệu quả với toàn thể nhân loại (Sáng 1:26-27; 3:15). Ngài là một Đấng mang giao ước lý

tương!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 11:10

¹⁰ Trong ngày đó,
cội rễ Giê-sê sẽ đứng lên làm ngọn cờ cho các dân tộc;
các nước đều tìm đến Ngài,
và nơi ngự của Ngài sẽ đầy vinh quang.

11:10 Những câu Kinh Thánh như câu 4, 9, và 10 có thể được hiểu trong hai cách.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ phục hồi dân sự của Ngài trở về Ca-na-an và cả thế giới sẽ nhận biết họ.
2. Sự nhân mạnh của một sự cai trị toàn cầu của một hậu tự Đa-vít ứng nghiệm lời hứa trong Sáng 3:15 dành cho một sự phục hồi hình và ảnh của Đức Chúa Trời trên toàn thể nhân loại, vốn đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi Sự Sa Ngã.

Có phải những đoạn Kinh Thánh trên trong Ê-sai theo nghĩa cao nhất về duy chỉ Y-sơ-ra-ên hoặc là về toàn bộ thế giới? Chúng là sự ứng nghiệm theo nghĩa đen, biểu tượng hay là sự ứng nghiệm nhiều lần? Đây là nơi mà quan điểm tổng thể của một người về Kinh Thánh bắt đầu nhận ra (cách tốt hơn hoặc tệ hơn) những đoạn. Tôi cũng có những định kiến như tất cả mọi người khác! Tôi đã cố gắng liệt kê những định kiến ấy của tôi trong Chủ đề đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob. Bạn có thể đọc chủ đề này tại 1:3. Thật khó để trung thành với những đoạn văn bản và văn mạch bối cảnh và toàn bộ văn bản trong cùng một lúc! Không ai có thể làm tốt điều này!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 11:11-16

¹¹ Trong ngày đó, Chúa còn đưa tay ra một lần nữa để chuộc dân sót của Ngài, tức là dân còn lại từ A-si-ri, Ai Cập, Pha-trô, Cút, Ê-lam, Si-nê-a, Ha-mát và các hải đảo.

¹² Ngài sẽ dựng một ngọn cờ cho các nước,
Quy tụ những người Y-sơ-ra-ên bị ruồng bỏ,
Tập hợp những người Giu-đa lưu lạc
Từ bốn phương trên đất.

¹³ Bấy giờ, sự ghen tị của Ép-ra-im không còn nữa,
Kẻ thù của Giu-đa sẽ bị tiêu diệt;
Ép-ra-im sẽ không còn ghen tị Giu-đa,
Và Giu-đa không còn căm thù Ép-ra-im nữa.

¹⁴ Họ sẽ tấn công Phi-li-tin về phía tây,
Cùng nhau cướp bóc dân phương Đông;
Tay họ giơ ra chống lại dân Ê-đôm và Mô-áp,
Dân Am-môn thần phục họ.

¹⁵ Đức Giê-hô-va sẽ làm khô cạn vịnh Ai Cập;
Vung tay trên Sông Cái với ngọn gió nóng,
Ngài tách nó ra thành bảy dòng suối,
Và khiến người ta có thể đi qua không ướt dép.

¹⁶ Vậy sẽ có một đường cái cho dân sót của Ngài,
Là những người còn lại từ A-si-ri;
Cũng như đã có một đường cái cho Y-sơ-ra-ên,
Trong ngày họ ra khỏi đất Ai Cập.

11:11 Câu này nói về một sự thăm viếng tội đĩnh bởi Đức Chúa Trời (2:2,11,12,20; 3:7,18; 4:1,2; 7:17,18,20; 9:14; 10:3,17,20,27). Ở đây, nó là một ngày của sự phục hồi! Tuyên dân giao ước (trong trường hợp này là Mười Chi Phái Phía Bắc), đã bị tán lạc trên khắp khu vực Cận Đông Cổ Đại, sẽ trở về nhà (một biểu tượng của việc quay lại với đức tin nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA).

Tuy nhiên, phần còn lại của đơn vị văn học này (những đoạn 7-12) có đặc điểm toàn cầu (2:2-4; 9:1-7)!

☐ “**đưa tay ra**” Đây là một thành ngữ hình nhân cho những hành động của Đấng thánh trên lịch sử. Trong Sáng Thế Ký 1 Đức Chúa Trời phán và các sự kiện xảy ra, nhưng ở đây Ngài đưa tay ra (câu 15;

1:25; 5:25; 8:11; 9:12,17,21; 10:4, v.v...).

11:12 “bốn phương (góc) trên đất” Bốn là con số biểu tượng cho toàn bộ trái đất.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH

A. Một vài con số gồm có hai chức năng là số đếm và biểu tượng:

1. Một - Đức Chúa Trời (Phục truyền Luật lệ Ký 6:4; Ê-phê-sô 4:4-6.)
2. Sáu - con người không hoàn hảo (7 thiếu đi một, Khải huyền 13:18)
3. Bốn-toàn bộ mặt đất (bốn góc đất, bốn hướng gió)
4. Bảy - hoàn hảo thiên thượng (bảy ngày sáng tạo). Chú ý cách sử dụng biểu tượng trong sách Khải huyền:
 - a. bảy chân đèn, 1:13,20; 2:1
 - b. bảy ngôi sao, 1:16,20; 2:1
 - c. bảy hội thánh, 1:20
 - d. bảy thần linh của Đức Chúa Trời, 3:1, 4:5; 5:6
 - e. bảy cây đèn, 4:5
 - f. bảy ấn, 5:1,5
 - g. bảy sừng và bảy mắt, 5:6
 - h. bảy thiên sứ, 8:2,6; 15:1,6,7,8; 16:1; 17:1
 - i. bảy tiếng kèn, 8:2,6
 - j. bảy tiếng sấm, 10:3,4
 - k. bảy ngàn, 11:13
 - l. bảy đầu, 13:1; 17:3,7,9
 - m. bảy tai vạ, 15:1,6,8; 21:9
 - n. bảy bát, 15:7
 - o. bảy vị vua, 17:10
 - p. bảy cái bát, 21:9
5. Mười - sự trọn vẹn
 - a. được dùng trong các sách Phúc Âm:
 - (1) Ma-thi-ơ 20:24; 25:1,28
 - (2) Mác 10:41
 - (3) Lu-ca 14:31; 15:8; 17:12,17; 19:13,16,17,24,25
 - b. được dùng trong sách Khải huyền:
 - (1) 2:10, mười ngày hoạn nạn
 - (2) 12:3; 17:3,7,12,16, mười sừng
 - (3) 13:1, mười mào triều
 - c. Bội số của 10 trong sách Khải huyền:
 - (1) 144.000 = 12x12x1000, xem 7:4, 14:1,3
 - (2) 1.000 = 10x10x10, xem 20:2,3,6
6. Mười hai - tổ chức theo loài người
 - a. mười hai con trai của Gia-cốp (mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, Sáng thế Ký 35:22; 49:28)
 - b. mười hai trụ cột, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4
 - c. mười hai viên đá đeo trên ngực của Thầy Tế Lễ Cả, Xuất Ê-díp-tô Ký 28:21; 39:14
 - d. mười hai ổ bánh mì, đặt trên bàn trong Nơi Thánh (biểu tượng cho sự chu cấp của Chúa dành cho mười hai chi phái), Lê-vi Ký 24:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 25:30
 - e. mười hai thám tử, Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:23; Giô-suê 3:22, 4:2,3,4,8,9,20
 - f. mười hai sứ đồ, Ma-thi-ơ 10:1
 - g. sử dụng trong sách Khải huyền:
 - (1) mười hai ngàn người được đóng dấu, 7:5-8
 - (2) mười hai vì sao, 12:1
 - (3) mười hai cửa, mười hai thiên thần, mười hai chi phái, 21:12

- (4) mười hai nền đá, tên của mười hai sứ đồ, 21:14
 - (5) Giê-ru-sa-lem mới hình khối mỗi chiều mười hai ngàn ếch-ta-đơ, 21:16
 - (6) mười hai cửa được làm từ mười hai loại ngọc, 21:12
 - (7) cây sự sống có mười hai loại trái, 22:2
7. Bốn mươi - con số biểu tượng thời gian:
- a. đôi khi có nghĩa đen (ra khỏi Ai-cập và lang thang trong đồng vắng, Xuất Ê-díp-tô Ký 16:35); Phục truyền Luật lệ Ký 2:7; 8:2
 - b. có thể là nghĩa đen hoặc biểu tượng
 - (1) lũ lụt, Sáng thế Ký 7:4,17; 8:6
 - (2) Môi-se ở trên núi Si-nai, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:18; 34:28; Phục-truyền Luật-lệ Ký 9:9,11,18,25
 - (3) những giai đoạn trong cuộc đời của Môi-se:
 - (a) bốn mươi năm ở Ai Cập
 - (b) bốn mươi năm trong sa mạc
 - (c) bốn mươi năm dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên
 - (4) Đức Chúa Giê-xu kiêng ăn bốn mươi ngày, Ma-thi-ơ 4:2; Mác 1:13; Lu-ca 4:2
 - c. Hãy chú ý (bởi công cụ Thánh Kinh Phù Dân) số lần con số này xuất hiện về thời gian được xác định bởi Kinh Thánh
8. Bảy mươi – con số trọn vẹn chỉ dân chúng:
- a. Y-sơ-ra-ên, Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5
 - b. bảy mươi trưởng lão, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:1,9
 - c. theo ý nghĩa lai thế, Đa-ni-ên 9:2,24
 - d. nhóm truyền giáo, Lu-ca 10:1,17
 - e. sự tha thứ (70x7), Ma-thi-ơ 18:22
- B. Các tài liệu tham khảo hay
- 1. “*Biblical Numerology*” của John J. Davis
 - 2. “*Plowshares and Pruning Hooks*” của D. Brent Sandy

11:13 “Ép-ra-im sẽ không còn ghen tị Giu-đa,

Và Giu-đa không còn căm thù Ép-ra-im nữa” Chú ý ở đây kỷ nguyên mới của sự hiệp một chính là nguyên tắc chủ đạo, không phải là sự chia rẽ đã là đặc điểm chính mô tả về dân sự của Đức Chúa Trời trong quá khứ.

11:14 Câu này quả là một sự kinh ngạc! Có phải chăng Ê-sai đã nói tiên tri về một sự hiệp một để trả thù của Y-sơ-ra-ên hay là họ sẽ là kênh dẫn của sự mặc khải dành cho “các dân tộc” để họ đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong sự hòa bình (2:2-4)?

▣ “**những con trai của phương Đông**” Cụm từ này có thể chỉ về một vài nhóm dân, phụ thuộc vào văn mạch (Sáng 29:1; Các Quan Xét 6:3,33; 7:12; 8:10; I Các Vua 4:30; Gióp 1:3; Ê-sai 11:14; Giê-rê-mi 49:28; Ê-xê-chi-ên 25:4,10).

11:15 Kẻ thù truyền thống của tuyển dân giao ước sẽ bị đánh bại hoàn toàn lần cuối cùng.



NASB, NKJV,

NRSV “sẽ hủy diệt hoàn toàn”

TEV, NJB “sẽ làm khô cạn”

LXX “sẽ làm cho hoang vu”

Peshitta “sẽ làm khô cạn hoàn toàn” REB “sẽ chia ra”

Bản dịch NASB theo cách viết của bản MT (והחריבם, BDB 355, KB 353, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH), mà dự án UBS Hebrews Text Project đánh giá một điểm “B” (nghi ngờ). Một cách đọc khác là (והחריב, BDB 351, KB 349). Bản NEB và REB cho nó là một từ gốc được đề nghị (חריב, KB 354 II, *Hiphil* THỂ HOÀN

THÀNH), vốn có nghĩa là “phân tách” hoặc “chia ra” (Xuát 14:16). Đây là một sự ám chỉ đến với một sự xuất hành mới (câu 11)!

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Có phải những danh xưng của con trẻ được sử dụng trong những đoạn 9 và 11 là một sự khẳng định của Thần Thánh của Ngài?
2. Giải thích bối cảnh lịch sử trong những đoạn từ 7 đến 10:4 và từ 10:4 đến 34.
3. Thiên nhiên sẽ là một phần của thiên đàng hay không?

Ê-SAI 12

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lòng Biết Ôn Được Bày Tò	Một Bài Ca Ngợi Khen	Hai Bài Ca	Bài Ca Của Sự Tạ Ôn	Bài Thi Thiên
12:1-6	12:1-2	12:1-2	12:1-3	12:1-2
(1-6)	(1-2)	(1-2)	(1-3)	(1-2)
	12:3	12:3-4		12:3-6
	(3)	(3b-4)		(3-6)
	12:4-6		12:4-6	
	(4b-6)		(4b-6)	
		12:5-6		
		(5-6)		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VẤN MẠCH

- A. (Những) bài ca ngợi khen này đóng lại “Quyển Em-ma-nu-ên” (những đoạn 7-12).
- B. Bởi vì cụm từ mở đầu, “trong ngày đó” được lặp lại trong câu 4, một vài bản dịch (JB, NASB Study Bible) cho rằng chúng là hai bài ca.
 1. những câu 1-3, Xuất 15:1-17; Thi Thiên 118
 2. những câu 4-6, Thi 165:1; 148:13
- C. Nó tương tự với Xuất Ê-díp-tô-ký 15 (bài ca của Môi-se) và Thi Thiên 118. Thường thì vào những dịp của những chiến thắng hoặc sự giải cứu vĩ đại, Y-sơ-ra-ên sáng tác những bài ca của sự ngợi

khen đến với Đức Chúa Trời của họ.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 12:1-6

¹ Trong ngày đó, người sẽ nói rằng:

“Lạy Đức Giê-hô-va, con cảm tạ Chúa,
Dù Ngài đã nổi giận với con,
Nhưng cơn giận Chúa đã quay khỏi,
Và Chúa lại an ủi con.

² Nay, Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi của con;
Con sẽ tin cậy và không sợ hãi.

Vì Giê-hô-va, chính Đức Giê-hô-va, là sức mạnh và bài ca của con,
Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của con.”

³ Vậy nên, các người sẽ vui vẻ mức nước nơi nguồn cứu rỗi. ⁴ Trong ngày đó, các người sẽ nói rằng:

“Hãy cảm tạ Đức Giê-hô-va,
Hãy kêu cầu danh Ngài;

Hãy cho các dân tộc biết công việc của Ngài!

Hãy nhắc họ nhớ rằng danh Ngài đáng được tôn cao!

⁵ Hãy ca tụng Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã làm những công việc rực rỡ;

Hãy cho cả thế giới biết rõ điều này!

⁶ Hỡi cư dân Si-ôn, hãy reo hò và lớn tiếng tung hô!

Vì Đấng đang ngự giữa người là vĩ đại,

Là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên!”

12:1 “người sẽ nói rằng” ĐỘNG TỪ này (BDB 55, KB 65, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về một thái độ xác định của một cá nhân người Y-sơ-ra-ên (SỐ ÍT). Nó rất giống với bài ca chiến thắng được thấy trong Xuất 15:1-17. Đây cũng là một bài ca của sự ngợi khen về sự giải cứu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Một người nói lên thay mặt cho cả cộng đồng giao ước.

Âng thơ ngắn này đã được đặt ở đây bởi vì nó kết nối với sự trở về từ sự lưu đày được đề cập đến trong 11:11-16. Nó cũng có một sự liên hệ với mục đích thần học của việc các dân tộc sẽ biết và đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (2:2-4; 11:10; 12:4-6).

▣ **“trong ngày đó”** Đây là một thành ngữ dùng cho hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên lịch sử, cả về thời điểm đương thời hoặc là cuối rốt (lai thế). Đó là một thời điểm của sự đến để kết toán lại. Đối với một số người, đó là thời điểm của sự vui mừng và chiến thắng, đối với những người khác, sẽ là thời điểm của sự đoán phạt và loại bỏ! Sự không vâng lời giao ước ảnh hưởng đến cả thời gian và cõi đời đời!

Bởi vì cụm từ này xuất hiện cả trong câu 1 và câu 4, nên có lẽ đoạn này có hai bài ca ngợi khen (theo bản JB).

▣ **“con cảm tạ Chúa”** ĐỘNG TỪ này (BDB 392, KB 389 II, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ KHÍCH LỆ) căn bản có nghĩa là “ném” hoặc “gieo.” Tuy nhiên, đặc biệt trong các Thi Thiên, từ gốc *Hiphil* chỉ về “tuyên xưng” hoặc “ngợi khen.” Nó cũng được thấy trong Ê-sai trong 12:1,4; 25:1; 38:18,19.

▣ **“Hỡi (lạy) Đức Giê-hô-va”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Danh Xưng được dùng cho Đấng Thánh tại 1:1.

▣ **“Dù Ngài đã nổi giận với con”** Điều này chỉ về phản ứng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với việc giao ước yêu thương của Ngài đã bị vi phạm lặp đi lặp lại (trong 40:1-2; 54:8; và rất nhiều đoạn khác). Cơn giận của Đức Chúa Trời là một sự khó khăn cho nhiều độc giả Kinh Thánh để có thể hiểu. Đối với tôi một sự so sánh giữa Phục Truyền 5:9 và 5:10 và 7:9 sẽ rất có ích. Cơn giận của Đức Chúa Trời có thể hiểu tốt nhất như là sự dạy dỗ, kỷ luật của cha mẹ (Ê-bơ-rơ 12:5-13).

☐ **“con giận Chúa đã quay khỏi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 996, KB 1427, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) thường xuyên được dịch là “sự ăn năn,” khi được dùng cho con người. Trong nghĩa của sự hối hận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (thay đổi định và hành động) dành cho tuyển dân giao ước của Ngài (Ô-sê 11:8-9). Trong Cựu Ước nó thường được kết nối cách đặc biệt với sự ăn năn của họ. Tuy nhiên, trong Tân Ước (và trong giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) nó được thúc đẩy bởi ân điển và sự thương xót của Ngài, tách rời khỏi khả năng của nhân loại sa ngã để có thể thực hiện/ thích nghi/ phục hưng đổi mới!

☐ **“Và Chúa lại an ủi con”** ĐỘNG TỪ này (BDB 636, KB 688, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “an ủi,” hoặc “làm nguôi lòng” (22:4; 40:1; 51:3,12,19; 61:2; 66:13). Sau sự sửa phạt, sự an ủi sẽ đến! theo sau sự sửa dạy mỗi liên hệ được phục hồi! Có một niềm hy vọng cho những kẻ phản nghịch và những tội nhân ở trong đặc tính thương xót, ân huệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ma-la-chi 3:6).

12:2 “Ngài đã trở nên sự cứu rỗi của con” Không có ĐỘNG TỪ trong dòng thơ này, vốn nhấn mạnh cụm từ. Đối với thuật ngữ “sự cứu rỗi” (BDB 447) Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 33:2.

☐ **“Con sẽ tin cậy”** ĐỘNG TỪ này (BDB 105, KB 120, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ ra rằng điều gì là chắc chắn (đáng tin cậy) hoặc “sẽ phục xuống trước.” ĐỘNG TỪ này về sự tin cậy, tín nhiệm cách tự tin vào nơi Đức Chúa Trời (26:3,4; Thi 78:22).

☐ **“và không sợ hãi”** ĐỘNG TỪ này (BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) là một sự trái ngược trong sự tin cậy (Phục Truyền 28:66; Ê-sai 44:8,11). Bởi vì họ đã tin cậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không còn có bất kỳ lý do nào nữa để họ phải sợ hãi con giận của Ngài, nhưng chỉ nương dựa nơi tình yêu và những lời hứa giao ước của Ngài (I Giăng 4:17-18)!

☐ **“GIÊ-HÔ-VA Đức Chúa Trời”** Đây là hai từ liên hệ với những danh xưng dùng cho Đấng Thánh.

1. ה', BDB 219 từ rút gọn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xuất 17:16; Thi 118:14; Ê-sai 26:4; 38:11)
2. יהוה, BDB 217 (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)

Để xem một sự thảo luận về những thuyết liên hệ với danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời từ ĐỘNG TỪ “là,” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:1.

☐ **“sức mạnh và bài ca của con”** Giống như 12:2a, ở đây không có ĐỘNG TỪ đi với hai DANH TỪ, vốn chỉ ra bởi những học giả Masoretic.

1. sức mạnh, BDB 738, mô tả về “Tôi Tớ” trong 49:5 và trong sự ngợi khen của trong Thi 81:1
2. bài ca, BDB 274 I; hai DANH TỪ giống nhau được thấy trong bài ca chiến thắng của Môi-se trong Xuất 15:2, cũng ở trong Thi 118:14

Nghĩa của DANH TỪ thứ hai, הַרְמוֹ không rõ (BDB 275 II).

1. bài ca, NASB, NKJV, NJB, Peshitta (BDB 274 I, KB 274 I)
2. có thể, NRSV, TEV, JPSOA (KB 274 II)
3. LXX dịch là “sự vinh hiển và sự ngợi khen của tôi”
4. REB dịch là “nơi trú ẩn và bảo vệ của tôi”
5. cùng một thể từ (זמרה) ở đây cũng xuất hiện trong Sáng 43:11, nơi nó được dịch là “sản vật tốt nhất của xứ”)

☐ Thật ngạc nhiên rằng dòng 1 có vẻ để ủng hộ cho một điều gì đó nhưng trong dòng 4 lại xem nó như là một tiến trình. Thơ ca Hê-bơ-rơ thật mơ hồ, không rõ nghĩa. Hãy xem những bài viết mở đầu về Văn Thơ Hê-bơ-rơ.

12:3 ĐỘNG TỪ này có hai sự ẩn dụ.

1. Món quà của nước đem lại sự sống Đức Chúa Trời, thật quan trọng đối với những ai phụ thuộc vào trồng trọt và chăn nuôi. Nước tốt lành được xem như là một sự ban phước từ nơi Đức Chúa Trời (Phục Truyền 27-29).
2. Sự cứu rỗi/giải cứu được mô tả như là một nguồn dư dật từ nơi món quà của Đức Chúa Trời (48:18; Thi 36:9; Giê-rê-mi 2:13; 17:13).

▣ “**ngươi**” Thể SỐ ÍT trong những câu 1-2 thay đổi thành SỐ NHIỀU của một niềm vui chung tập thể (những câu 4-6).

12:4-6 Những câu Kinh Thánh này liệt kê ra những điều của dân tộc vui mừng, biết ơn của Đức Chúa Trời (câu 6b) nên làm và tại sao (câu 5b; 6b)

1. cảm tạ, BDB 392, KB 389, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, câu 1 (trong bối cảnh thờ phượng)
2. kêu cầu danh Ngài, BDB 894, KB 1128, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (trong bối cảnh thờ phượng)
3. cho các dân tộc biết công việc của Ngài, BDB 393, KB 390, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
4. nhắc họ nhớ rằng danh Ngài đáng được tôn cao, BDB 269, KB 269, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
5. ca tụng Đức Giê-hô-va, BDB 274 I, KB 273, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH (trong bối cảnh thờ phượng)
6. Hãy cho cả thế giới biết rõ điều này, *Kethiv* (nó được viết xuống) BDB 393, KB 390, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ;
Qere (nó được đọc) BDB 393, KB 390, *Hophal* ĐỘNG TÍNH TỪ (theo Owens, trong quyển *Analytical Key* chép là *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ)
7. hãy reo hò, BDB 843, KB 1007, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, 54:1
8. la lớn lên sự vui mừng (lớn tiếng tung hô), BDB 943, KB 1247, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, 54:1 Một lần nữa hãy chú về trách nhiệm truyền giáo bắt buộc (2:2-4; 51:4-5).

12:4 “Hãy kêu cầu danh Ngài” Cụm từ này hàm ý về sự tham gia trong bối cảnh thờ phượng (Sáng 4:26; 12:8; 21:33; 26:25; Xuất 34:5-7; Rô-ma 10:9-13). Danh xưng sẽ bày tỏ chính Ngài, đặc tính của Ngài! Qua việc kêu cầu Ngài chúng ta xưng nhận nhu cầu của chúng ta cho Ngài và khao khát của chúng ta được trở nên giống Ngài và làm Ngài hài lòng. Cụm từ này chỉ về một sự khao khát mối quan hệ (Ê-sai 43:1; 45:3,4)!

Trong bộ NIDOTTE, tập 4, trang 150, có một danh sách hay liên hệ với danh xưng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. tên Ngài có thể được ca ngợi, Giô-ên 2:26
2. tên Ngài có thể được yêu quý, Thi 5:11
3. tên Ngài có thể được công bố, Thi 22:22
4. tên Ngài có thể được kính sợ, Ma-la-chi 4:2
5. tên Ngài có thể được chờ đợi, Thi 52:9
6. tên Ngài có thể được công bố, Ê-sai 12:4
7. tên Ngài có thể được bước đi trên, Mi-chê 4:5
8. tên Ngài có thể bị nói phạm đến (lộng ngôn), Ê-sai 52:5
9. tên Ngài có thể bị làm cho ô dơ, Giê-rê-mi 34:6
10. tên Ngài có thể bị phi báng, Ê-xê-chi-ên 36:21-23

Dân sự của Đức Chúa Trời có thể phản chiếu Chính Ngài một cách tích cực hoặc tiêu cực, nhưng chúng ta đều phản chiếu Chính Ngài (Ma-thi-ơ 5:13-16)!

12:6 Câu này được đặt trong Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Khoảng cách giữa cánh của hai Chê-ru-bim phía trên Hòm Giao Ước được xem như là bệ chân của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, là nơi mà trời và đất gặp nhau. Sự mô tả này song hành với tên của con trẻ, “Em-ma-nu-ên,” vốn có nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.” Không có sự phước hạnh nào tuyệt vời hơn là sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và mối quan hệ cá nhân với Ngài!

▣ “**Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên**” Hãy xem ghi chú tại 1:11,24.

Ê-SAI 13

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Lời Tiên Tri Về Ba-by-lôn	Tuyên Bỏ Nghịch Lại Ba-by-lôn	Những Lời Sấm Tuyên Phán Nghịch Lại Những Nước Ngoại Bang (13:1-23:18)	Đức Chúa Trời Sẽ Hình Phạt Ba-by-lôn	Nghịch Lại Ba-by-lôn
13:1-5	13:1	13:1	13:1	13:1
(2-5)	13:2-3 (2-3)	13:2-3 (2-3)	13:2-3	13:2-22 (2-22)
Sự Đoán Phạt trong Ngày của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA	13:4-5 (4-5)	13:4-5 (4-5)	13:4-5	
13:6-16	13:6-10 (6-10)	13:6-22 (6-22)	13:6-10	
	13:11-16 (11-16)		13:11-13	
Ba-by-lôn Sẽ Sụp Đổ bởi Người Mê-đi			13:14-16	
13:17-22	13:17-22		13:17-22	
(17-22)	(17-22)			

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn 13 đánh dấu một phần mới trong sách Ê-sai kéo dài đến 21:17 và cả 23:1-8. Phần này của sách Ê-sai tập chú vào sự đoán phạt những quốc gia lân cận. Chính bản thân thể loại văn học của phần này và của cả sách. Nó rất tương tự với Giê-rê-mi 46-51; Ê-xê-chi-ên 25-32; A-mốt 1-2; Áp-đi-a, Na-hum, và Sô-

phô-ni 2.

B. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đề cập đến những quốc gia lân cận, cả những nước lớn và nhỏ, thông qua tôi tớ Ngài; những thông điệp mà họ sẽ không bao giờ nghe được hoặc đáp ứng được. Điều này biểu thị sự tể trị toàn năng tuyệt đối của Ngài (2:1-4; 9:7; 11:9)! Ngài là Vua của toàn bộ trái đất; là Chúa của toàn bộ tạo vật (Phục Truyền 32:8 trong bản dịch LXX)!

C. Các nước được nhắc đến là

1. Ba-by-lôn (hoặc là người A-si-ri sử dụng vương hiệu của người Ba-by-lôn “Vua của Ba-by-lôn”), 13:1-14:23
2. A-si-ri, 14:24-27
3. Phi-li-tin, 14:28-32
4. Mô-áp, 15:1-16:14
5. Sy-ri, 17:1-3
6. Y-sơ-ra-ên, 17:4-14
7. Ê-thi-ô-pi (Cút), 18:1-7; 20:1-6
8. Ai Cập, 19:1-25; 20:1-6
9. Ba-by-lôn, 21:1-10
10. Ê-đôm, 21:11-12
11. A-ra-bi, 21:13-17
12. Giê-ru-sa-lem, 22:1-25
13. Ty-rơ, 23:1-18

Bạn cũng hãy chú rằng người A-si-ri có vẻ như xen vào văn mạch ở 14:24-27. Thật đáng ngạc nhiên rằng

1. Ba-by-lôn được đề cập lần đầu tiên trong khi nan đề trong thời kỳ của Ê-sai lại là người A-si-ri.
2. Ba-by-lôn được nhắc đến lần nữa trong 21:1-10.
3. A-si-ri đột ngột được nhắc đến duy nhất cách ngắn gọn trong 14:24-27 mà không có một phần mở đầu mới (“lời sấm tuyên án”).

Một cách để xử lý về mặt văn mạch với những nan đề này là hãy xem toàn thể cả phần 13:1-14:27 như là một sự chỉ đến A-si-ri. A-si-ri hoàn toàn khuất phục và đánh bại Ba-by-lôn vào năm 689 T.C và vua của họ đã lấy cả danh xưng “vua của Ba-by-lôn” (14:4). Nếu điều này đúng thì nó không phải chỉ đến đế chế Neo-Ba-by-lôn (Nê-bu-cát-nét-xa), nhưng là nước Ba-by-lôn trước đó (Merodach-baladan) là nước đã rơi vào tay người A-si-ri vào năm 729 T.C và kinh đô của Ba-by-lôn đã bị cướp bóc và phá hủy vào năm 689 T.C Bản NASB Study Bible (trang 976) chỉ ra rằng không có một phần mở đầu “lời sấm tuyên phán” nào tại 14:24, vốn hàm cho một đơn vị văn học từ 13:1-14:32.

Một nan đề cho sự tiếp cận giải nghĩa này là “người Mê-đi,” là dân đã hủy diệt đế chế Neo-Ba-by-lôn vào năm 539 T.C, được nhắc đến trong câu 17. Tuy nhiên, với sự suy yếu của A-si-ri vào năm 660, Mê-đi và Ba-by-lôn kết hợp nhau để nổi loạn chống lại đế chế đang suy thoái trong thời của vua Ashurbanipal (theo bộ IVP Bible Background Commentary, trang 601). Kinh đô của người A-si-ri rơi vào tay của quân đội kết hợp của người Mê-đi và Ba-by-lôn vào năm 612 T.C

D. Đây là một chỗ tốt chỉ chỉ ra cách mà những phần thơ chuyển từ ngôi thứ nhất (vị tiên tri nói thay mặt cho Đức Chúa Trời) sang ngôi thứ ba (vị tiên tri nói về Đức Chúa Trời).

1. Những câu 1-3, ngôi thứ nhất
2. Những câu 4-10, ngôi thứ ba
3. Những câu 11-16, ngôi thứ nhất
4. Những câu 17-18, ngôi thứ nhất
5. Những câu 19-22, ngôi thứ ba

Nhưng, những câu 13 và 19 chỉ ra sự khó khăn đến nhường nào để dũi theo cấu trúc này. Trong thực tế, vị tiên tri thay đổi ngược xuôi cách tự do để bày tỏ về thông điệp “trong một cách thơ ca” (chơi chữ, nhịp điệu của các dòng thơ, những từ hiếm, thay đổi ngôi của người nói).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 13:1-16

¹ Lời tiên tri về Ba-by-lôn; điều mà Ê-sai, con trai A-mốt, đã thấy:

² Hãy dựng một ngọn cờ trên núi trọc!

Hãy cất tiếng lên với chúng,

Vẫy tay gọi chúng

Vào các cửa của người quý tộc!

³ Chính Ta đã ra lệnh cho những người đã được Ta biệt riêng ra,

Cũng đã gọi các dũng sĩ của Ta đến

Để thi hành cơn thịnh nộ của Ta;

Họ là những người vui mừng về sự cao trọng của Ta.

⁴ Trên các núi có tiếng náo động,

Như tiếng của một đoàn quân đông đảo!

Đó là tiếng gươm thét của các vương quốc,

Tức các nước họp lại với nhau.

Đức Giê-hô-va vạn quân đang tập trung

Một đạo quân để ra trận.

⁵ Đức Giê-hô-va và những vũ khí thịnh nộ của Ngài

Đến từ miền đất xa xăm, từ cuối tận phương trời,

Để hủy diệt cả mặt đất.

⁶ Hãy than khóc, vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần rồi!

Ngày đó sẽ đến như cuộc tàn phá từ Đấng Toàn Năng.

⁷ Vì vậy, mọi tay đều bủn rùn,

Mọi lòng đều tan chảy.

⁸ Họ sẽ kinh hãi.

Sự đau đớn và thảm sầu bắt lấy họ;

Họ đau đớn như cơn quặn thắt của sản phụ lúc sinh con.

Mọi người sửng sốt nhìn nhau,

Mặt đỏ bừng như ngọn lửa!

⁹ Nay, ngày Đức Giê-hô-va đến,

Là ngày thảm khóc, thịnh nộ và tức giận dữ dội,

Để làm cho đất trở nên hoang tàn

Và tiêu diệt những kẻ có tội khỏi đó.

¹⁰ Lúc ấy, các ngôi sao trên trời và các chòm sao

Sẽ không chiếu sáng nữa;

Mặt trời vừa mọc lên thì đã tối sầm,

Và mặt trăng cũng không còn soi sáng nữa.

¹¹ Ta sẽ trừng phạt thế gian vì sự gian ác,

Phạt kẻ ác vì tội lỗi của chúng;

Ta sẽ chấm dứt sự kiêu căng của kẻ ngạo mạn,

Và hạ sự tự cao của kẻ bạo ngược.

¹² Ta sẽ làm cho con người hiếm hơn vàng ròng,

Cho loài người hiếm hơn vàng Ô-phia.

¹³ Vì vậy, Ta sẽ khiến các tầng trời rung chuyển,

Quả đất bị lay động dời khỏi chỗ nó

Bởi cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va vạn quân,

Trong ngày Ngài tức giận dữ dội.

¹⁴ Bấy giờ, như linh dương bị săn đuổi,

Như bầy chiên không có người chăn,

Ai nấy sẽ trở về với dân tộc mình,

Và sẽ trốn về xứ sở mình.

¹⁵ Bất cứ kẻ nào người ta tìm thấy sẽ bị đâm,

Mọi người bị bắt đều ngã gục dưới lưỡi gươm.

¹⁶ Các trẻ thơ của họ bị đập tan nát

Trước mắt họ,

Nhà cửa bị cướp phá,

Vợ họ bị cưỡng hiếp.

13:1

NASB, NRSV,

REB “lời sấm”

NKJV “gánh nặng”

TEV “một thông điệp”

NJB “sự tuyên bố”

LXX “một khái tượng”

Peshitta “lời tiên tri”

Từ này (BDB 672, KB 639) có thể có nghĩa là “gánh nặng” hoặc “khối lượng.” Nó (BDB 672 III) được sử dụng mười một lần trong phần này (những đoạn 13-23) của Ê-sai để mô tả về những lời sấm tiên tri của một tương lai u ám trên những quốc gia lân cận với Y-sơ-ra-ên. Từ này có thể đơn giản chỉ về

1. một giọng cất lên để công bố một thông điệp
2. một thông điệp được chuyển đi bởi một ai đó đến với người nhận
3. một sự kết hợp nặng nề với một lời sấm tuyên án đoán phạt.

▣ **“Ba-by-lôn”** Đây là một đế chế của khu vực bình nguyên màu mỡ hình bán nguyệt (Fertile Crescent) là khu vực ảnh hưởng đến dân sự của Đức Chúa Trời. Thế lực hùng mạnh đầu tiên của khu vực Fertile Crescent tác động đến Y-sơ-ra-ên chính là A-si-ri, sau đó là Neo-Ba-by-lôn, và tiếp đó là Mê-đô-Ba Tư. Ba-by-lôn được sử dụng trong Kinh Thánh như là một biểu tượng của sự áp bức và tàn bạo (I Phi-e-rơ 5:13; Khải Huyền 14:8; 16:19; 17:5). Sự sụp đổ của Ba-by-lôn được bày tỏ trong 13:1-14:23 (Ba-by-lôn cũ) và 21:1-10 (Ba-by-lôn mới). Hãy xem ghi chú tại Những ý tưởng theo văn mạch, phần C, Đoạn thứ hai.

▣ **“Ê-sai, con trai A-môt”** Kẻ thù đương thời ngay trước mắt của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa trong thời của tiên tri Ê-sai chính là A-si-ri. Nhưng, là một tiên tri của Đức Chúa Trời, ông được bày tỏ (“đã thấy,” BDB 302, KB 301, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 1:1; 2:1; 13:1; A-môt 1:1; Mi-chê 1:1; Ha-ba-cúc 1:1) về sự suy tàn trong tương lai của Ba-by-lôn cũ, A-si-ri, Tân-Ba-by-lôn, và sự dấy lên của vua Si-ru Đại Đế (câu 17; 44:28-45:1). Những ai chối bỏ thông điệp tiên tri phô bày ra một sự định kiến vốn sẽ ảnh hưởng toàn bộ sự giải kinh của họ! Hãy xem Những ý tưởng theo văn mạch, phần C, Đoạn thứ hai.

Lời tiên tri nói về tương lai là bằng chứng chính yếu về một Kinh Thánh được thần cảm-siêu nhiên cách độc nhất. Hãy xem bài giảng “The Trustworthiness of the Old Testament” và bài “The Trustworthiness of the New Testament” trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org trong phần “Video Sermons” ở hội thánh Lakeside Baptist.

13:2 Điều này mô tả sự tập hợp của một quân đội hùng mạnh (câu 9). Từ câu 17 chúng ta biết được rằng đây là quân đội của người

(1) A-si-ri hoặc (2) Mê-đô Ba Tư dưới thời cai trị của Si-ru II được triệu tập bởi Đức Chúa Trời để đánh bại cả hai Ba-by-lôn, “cũ” hoặc “mới” (44:28; 45:1).

▣ **“Hãy dựng một ngọn cờ trên núi trọc”** Câu này mô tả cách mà những đội quân cổ xưa truyền đi thông điệp.

1. những cờ xí, ngọn cờ ở những nơi dễ nhìn thấy, 5:26; 31:9; Giê-rê-mi 51:12
2. la hét (huýt còi, 5:26)
3. những cử động tay, 10:32; 19:16

Có một chuỗi của những THÊ MỆNH LỆNH chỉ về ủa muốn c ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. hãy dựng, BDB 669, KB 724, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. cất lên, BDB 926, KB 1202, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
3. vẫy, BDB 631, KB 682, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, 10:32; 11:15; 19:16

4. vào, BDB 97, KB 112, *Qal* THÊ CHỮA HOÀN THÀNH, nhưng được sử dụng trong nghĩa của một THÊ MỆNH LỆNH (bản NEB thay đổi những nguyên âm và dịch là “hãy vung grom của các người lên, hỡi các người, những kẻ danh giá”)

13:3 “Ta đã ra lệnh cho những người đã được Ta biệt riêng ra” Đức Chúa Trời đang tể trị trên lịch sử! Những chiến binh Mê-đi không được biệt riêng ra trong nghĩa của luân lý, đạo đức hoặc tôn giáo. Bởi vì phần lớn họ là những tội tớ không hay biết của Đức Chúa Trời “biệt riêng ra” (“nhưng người được... biệt riêng ra,” BDB 872, KB 1073, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ) để thực hiện quyết định của Ngài. Cùng một trường có thể thấy ở nhân vật Vua Si-ru được gọi là “kẻ chẵn chiên của ta” trong 44:28; “kẻ được xúc dầu của ta” trong 45:1.

Những ghi chú trong quyển *The Jewish Study Bible* từ JPSOA xem “những người được biệt riêng ra của ta” (“những kẻ được làm tinh sạch”) như là một sự chỉ đến một bữa ăn sinh tế nơi mà những người khách được căn dặn trước cần phải chuẩn bị chính mình (trang 809).

Một lựa chọn khác là có thể xem phần thơ này như là cách diễn tả một thuật ngữ của “Cuộc Thánh Chiến” và nếu như vậy, thì những điều này có thể chỉ đến các thiên sứ (Giô-suê 5:13-15).

13:4 Điều này mô tả âm thanh của chiến trận và sự chiến thắng!

13:5 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang mang đến những đội quân tham lam đông đúc từ khu vực Trăng Khuyết Màu Mỡ (Fertile Crescent) để hình phạt dân sự của Ngài tại Ca-na-an (5:26; 7:18).

☐	
NASB	“từ những chân trời xa nhất”
NKJV, Peshitta	“tận cùng của bầu trời”
NRSV	“tận cùng của các tầng trời”
TEV	“tận cùng của đất”
NJB	“từ những chân trời xa nhất”
LXX	“từ the tận cùng xa nhất của bầu trời”

Bản NRSV gần như theo nguyên gốc. Nó chỉ về nơi mà tại đó mặt trời mọc lên, vì vậy, về phía đông, là chính hướng của vùng đất nguyên gốc của những thế lực hùng mạnh Mê-sô-bô-ta-mi.

13:6 “than khóc” từ này (BDB 410, KB 413, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH) chỉ về cách to gào khóc, than khóc. Sự bày tỏ những cảm xúc than khóc của người phương đông thì mãnh liệt hơn rất nhiều so với người phương tây. Từ này được sử dụng thường xuyên trong Ê-sai (13:6; 14:31; 15:2,3; 16:7 [hai lần]; 23:1,6,14; 52:5; 65:14) và cả trong Giê-rê-mi (4:8; 25:34; 47:2; 48:20,31,39; 49:3; 51:8).

☐ **“vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần rồi”** Đức Chúa Trời Sáng Tạo là một Đức Chúa Trời luân lý, đạo đức. Ngài tiến đến với Tạo vật của Ngài và những tạo vật ở trong ánh sáng của đặc tính của Ngài. Đôi khi Ngài đến với sự khăng định và phước hạnh, nhưng những lần khác (như ở đây) Ngài đến với sự đoán phạt (Phục Truyền 27-29). Tất cả các tạo vật đạo đức phải giải trình tại thời điểm của họ cũng như thời điểm cuối rốt (Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải Huyền 20:11-15) với Đấng Thánh đã ban cho họ sự sống!

☐ **“Đấng Toàn Năng”** Đây là danh xưng Hê-bơ-rơ *Shaddai*. Đây là danh xưng trong thời các Tò Phụ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Xuất 6:3). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những danh xưng dành cho Deity tại 1:1. Nó là một sự chơi chữ (BDB 994) giữa “sự hủy diệt” (כזח, BDB 994) và “Đấng Toàn Năng” (יגשדו, BDB 994). chú ý mối liên hệ với Giô-ên 1:15.

13:7-8 Sự tiếp cận của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chắc chắn sẽ gây nên tức thời những đáp ứng sợ hãi.

1. “than khóc,” câu 6
2. “mọi tay đều buông thõng (bùn rùn),” câu 7, Ê-xê-chi-ên 7:17; 21:7
3. “Mọi lòng đều tan chảy,” câu 7, 19:1; Na-hum. 2:10
4. “Họ sẽ kinh hãi,” câu 8
5. “Sự đau đớn và thâm sâu bắt lấy họ,” câu 8
6. “đau đớn như cơn quặn thắt của sản phụ lúc sinh con,” câu 8, 21:3; 26:17; 66:7
7. “Mọi người sừng sốt nhìn nhau,” câu 8

8. “Mặt đỏ bừng như ngọn lửa,” câu 8

13:9 Câu này mô tả ngày của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong mối liên hệ với các tội nhân (câu 10).

Một vùng đất hoang vu không có người ở đối nghịch cách chính xác với định của Đức Chúa Trời dành cho tạo vật của Ngài (Sáng Thế Ký 1-2).

13:10 Sự tiến đến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đến với tạo vật của Ngài gây nên sự rung động trên thiên nhiên. Những phản ứng này thường xuyên được nhắc đến như là thể loại lai thể học trong thời kỳ cuối rốt, nhưng trong thực tế chúng là những sự ân dụ trong những sách tiên tri Cựu Ước và duy nhất một lần chuyển thành thể loại lai thể học trong thời kỳ-hai-thế-kỷ-giữa-Cựu-Ước-và-Tân-Ước (inter-biblical period) và trong Tân Ước.

1. các ngôi sao và những chòm sao không còn chiếu sáng nữa (người cổ đại tin rằng những sự vật này là những thần thánh kiểm soát vận mệnh con người), câu 10
2. mặt trời và mặt trăng mọc lên sẽ tối sầm, câu 10
3. các tầng trời rung chuyển, câu 13
4. trái đất bị rung chuyển khỏi chỗ của nó, câu 13

Các tầng trời, nơi ngự của Đức Chúa Trời, trở nên tối tăm và đáng sợ (Ê-xê-chi-ên 32:7; Giô-ên 2:10,31; 3:15; Ma-thi-ơ 24:29; Khải Huyền 6:12-13). Nhưng có một vầng sáng mới sẽ đến (2:5; 9:2; 60:1-3,19-20).

13:11 “thế gian” Từ này (BDB 385) là một từ đồng nghĩa thơ ca của ארץ (“vùng đất,” “trái đất,” 14:21; 24:4; 34:1). Nó rõ ràng là một sự thậm xưng (hoặc cũng có thể không phải, 24:4; 34:1), nhưng nó mô tả về khái niệm thần học về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Đấng sáng tạo và kiểm soát hành tinh này!

Chú cách nhân loại được mô tả .

1. gian ác
2. xấu xa bởi hành vi tội lỗi
3. sự kiêu căng của kẻ ngạo mạn
4. sự ngạo mạn của kẻ tàn nhẫn

Sự mô tả tương tự được gán cho tuyển dân giao ước trong 2:9,11,17; 5:15! Sự suy đồi chết chóc (ích kỷ, tội lỗi) của Sự Sa Ngã hiện diện ở khắp mọi nơi (cũng hãy xem Sáng 6:5,11; 8:21)!

13:12 “Ô-phia” Điều này chỉ về phía nam A-ra-bi về mặt địa l. Sự ám chỉ ở đây chỉ về nhân loại trở nên thật sự khan hiếm trong ngày đoán xét.

13:14-16 Đây thật sự là những mô tả sống động của một cuộc xâm lược kinh hoàng.

1. bị săn đuổi như những con linh dương
2. như chiên không có người chăn
3. chạy trốn về dân tộc xứ sở mình
4. những cư dân sẽ bị đâm xuyên
5. những cư dân sẽ bị ngã gục dưới lưỡi gươm
6. những trẻ thơ sẽ bị đập tan nát trong tầm nhìn của cha mẹ chúng, câu 18; II Các Vua 8:12; 15:16; Ô-sê 13:16; Na-hum 3:10
7. nhà cửa bị cướp bóc
8. vợ họ bị cưỡng hiếp (NASB), Phục Truyền 28:30

Sự đoán phạt bởi một cuộc xâm lược là một trải nghiệm kinh khiếp. Những dân tộc hiếu chiến đã ban ra những sự đối xử tàn bạo này và sẽ nhận lại chính những điều đó (Thi 137:8-9)! Quân đội tàn bạo nhất giữa những đội quân hung tợn này chính là A-si-ri.

13:16 Phần ghi chú của bản MT đề nghị rằng ĐỘNG TỪ “cưỡng hiếp” (BDB 993, KB 1415, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Phục Truyền 28:30; Giê-rê-mi 3:2; Xa-cha-ri 14:2) được đọc (*Qere*) là “bị nắm với” (BDB 1011, KB 1486, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, LXX; Lê-vi Ký 15,20; Phục Truyền 22,27; Mí-chê 7:5).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 13:17-22

¹⁷ **Này, Ta sẽ khiến người Mê-đi chống lại họ;
Quân ấy chẳng quý bạc,**

Cũng không thích vàng.

¹⁸ Cung của chúng bắn nát các thanh niên;

Chúng không thương xót thai trong lòng mẹ;

Mắt chúng chẳng thương tiếc trẻ con.

¹⁹ Ba-by-lôn là sự huy hoàng của các vương quốc,

Là niềm kiêu hãnh ngạo mạn của người Canh-đê,

Sẽ giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ,

Khi Đức Chúa Trời lật đổ chúng.

²⁰ Nó sẽ vĩnh viễn không người ở,

Từ đời này sang đời kia sẽ chẳng ai cư trú;

Người Ả-rập sẽ không cắm trại tại đó,

Người chăn chiên cũng không cho bầy mình nằm nghỉ nơi ấy.

²¹ Nhưng thú dữ hoang mạc sẽ nghỉ ở đó,

Nhà cửa thì đầy những chim cú;

Đà điều tới đó trú ngụ,

Và dê rừng sẽ nhảy nhót tại đó.

²² Linh cầu sữa vang trong cung điện,

Chó rừng tru lên trong các lâu đài xa hoa.

Thời điểm Ba-by-lôn sụp đổ đã gần kề,

Các ngày của nó sẽ không còn kéo dài nữa.

13:17 “Người Mê-đi” Đây là một thế lực lớn hùng mạnh khác của vùng Fertile Crescent phía bắc và phía đông của A-si-ri. Đầu tiên họ liên minh với Ba-by-lôn “cũ”, nhưng sau đó kết hợp với Ba Tư dưới thời của vua Si-ru II (44:28; 45:1; Giê-rê-mi 51:11).

☐ **“Quân ấy chẳng quý bạc, cũng không thích vàng”** Quân đội này quá tập trung vào việc báo thù đến nỗi không thể mua chuộc được họ!

13:18 “bông trái của tử cung” Cụm từ này chỉ về những em bé chưa được sinh ra và mẹ của chúng hoặc những con trẻ.

☐ **“mắt”** Từ này được sử dụng ở đây để chỉ về thái độ/ hành động của một người (Phục Truyền 7:16; 13:8; 19:13; Ê-xê-chi-ên 7:4; 16:5; 20:17). Ở đây để chỉ về những kẻ xâm lược sẽ không có bất kỳ sự thương xót nào kể cả trên trẻ thơ. Dòng thơ này song hành với dòng thơ trên đó!

Những chiến binh Mê-đi không có sự thương xót hay lòng trắc ẩn (Giê-rê-mi 6:23; 21:7; 50:42).

13:19 Sắc đẹp và sự tinh xảo của Ba-by-lôn đã từng rất nổi tiếng (Đa-ni-ên 4 về Neo-Ba-by-lôn), nhưng tất cả sẽ biến mất và bị hủy diệt! Tuy nhiên, nếu điều này chỉ về Ba-by-lôn trong thời kỳ A-si-ri, nó sẽ hoàn toàn bị hủy diệt vào năm 689 T.C bởi vua San-chê-ríp.

☐ **“Canh-đê”** Đây là tên của bộ tộc phía bắc Ba-by-lôn và thường được sử dụng như là một từ đồng nghĩa dùng cho những dân tộc sau này của đế chế Neo-Ba-by-lôn (Nê-bu-cát-nét-xa). Để xem những nghĩa rộng khác của từ hãy xem ở Đa-ni-ên 1:24.

☐ **“Sô-đôm và Gô-mô-rơ”** Đây là những thành phố cực kỳ gian ác, mà Đức Chúa Trời đã hủy diệt bằng lửa và diêm sinh (Sáng 19:24-28; Phục Truyền 29:23).

13:20-22 Đây là ngôn ngữ ngoa dụ (Những bài ai ca của người Sumer trên U-rơ và những khái tượng của Nefertiti trên Vương Quốc Ai Cập cũ). Thành phố này sụp đổ vào thời kỳ cai trị của Vua A-si-ri Merodach-baladan với sự hủy diệt hoàn toàn. Thành phố bị đánh bại vào tay của quân Mê-đô-Ba Tư army vào năm 539 T.C mà không bị hủy diệt trên diện rộng.

Một quyển sách đã giúp đỡ tôi rất nhiều, vốn là một người phương tây trong thời kỳ hiện đại, có thể hiểu được văn học tiên tri và khái thị phương đông chính là quyển, *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* được viết bởi D. Brent Sandy.

13:20 Sự hủy diệt này quá toàn diện đến nỗi

1. nó không còn người ở qua nhiều thế hệ
2. Người Á-rập không cắm trại ở đó
3. bầy súc vật nuôi không gặm cỏ tại đó
4. những tòa nhà còn lại chỉ được cư ngụ bởi thú hoang (có thể cả những quý, những câu 21-22; 34:13-15; Khải Huyền 18:2)
5. không còn sự tồn tại là một quốc gia

Điều này phù hợp hơn với đế chế Ba-by-lôn “cũ” hơn là Ba-by-lôn “mới”. Người Mê-đi đã bỏ rơi liên minh của họ với Merodach-baladan và liên kết với người A-si-ri để tiêu diệt kinh đô của Ba-by-lôn vào năm 689 T.C

Ê-SAI 14

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Chê Nhạo của Y-so-ra-ên	Sự Thương Xót trên Gia-cốp	Trở Về Từ Sự Lưu Đày	Trở Về Từ Sự Lưu Đày	Kết thúc sự Lưu Đày
14:1-2	14:1-2 Sự Suy Vong của Vua Ba-by-lôn	14:1-2 “Kẻ Mạnh Bị Suy Vong Như Thế Nào”	14:1-2 Vua Ba-by-lôn Trong Thế Giới Sự Chết t	14:1-2 Cái Chết của Vua Ba-by-lôn
14:3-23 (3-21)	14:3-4a 14:4b-8 (4b-8) 14:9-11 (9-11) Sự Sup Đồ của Lu-xi-phe 14:12-15 (12-15) 14:16-17 (16-17) 14:18-21 (18-21) Ba-by-lôn Bị Hủy Diệt	14:3-11 (4b-11) 14:12-20a (12-20a)	14:3-4a 14:4b-8 14:9-11 14:12-15 14:16-17 14:18-21 Đức Chúa Trời Sẽ Hủy Diệt Ba-by-lôn	14:3-8 (4b-8) 14:9-15 (9-15) 14:16-21 (16-21) 14:22-23
Sự Đoán Phạt Trên A-si-ri	A-si-ri Bị Tiêu Diệt	Lời Chống Lại A-si-ri	Đức Chúa Trời Sẽ Hủy Diệt Người A-si-ri	Lời Chống Lại A-si-ri
14:24-27	14:24-27 (24-27) Phi-li-tin bị Hủy Diệt	14:24-27 (24-27) Lời Chống Lại Phi-li-tin	14:24-27 Đức Chúa Trời sẽ Hủy Diệt Phi-li-tin	14:24 (24) 14:25 (25) 14:26 (26) 14:27 (27) Lời Chống Lại Phi-li-tin
14:28	14:28-31	14:28-31	14:28	14:28
Sự Đoán Phạt trên Phi-li-tin 14:29-32 (29-32)	(29-31)	(29-31)	14:29-30 14:31	14:29 (29) 14:30-31 (30-31)
	14:32 (32)	14:32 (32)	14:32	14:32

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Có rất nhiều những sự thảo luận về mối quan hệ giữa đoạn 14:12-21 với Sa-tan. Có vẻ đối với tôi thì chúng ta cần phải tiếp nhận một cách nghiêm túc bối cảnh lịch sử và bối cảnh văn học đặc trưng của Ê-sai và xác quyết rằng nguyên thủy đoạn Kinh Thánh này nói về vua của Ba-by-lôn (hoặc các vị vua của A-si-ri sau vua Ashurbanipal). Tuy nhiên, nan đề của vua Ba-by-lôn, cũng như là mọi tạo vật có ý thức khác, chính là sự kiêu ngạo. Nếu chúng ta quay trở lại với Sáng 3:5, chúng ta sẽ thấy sự khao khát được trở nên giống như Đức Chúa Trời. Không chỉ tội lỗi ảnh hưởng đến thế giới của các thiên sứ, nhưng cả thế giới vật chất (Đa-ni-ên 4; 11:36; Ê-xê-chi-ên 28:từ câu 13 trở đi; II Tê-sa 2:4). Có vẻ như đối với tôi thì “Ba-by-lôn” trong Kinh Thánh chính là một biểu tượng của các chính quyền không tin kính Đức Chúa Trời của con người (Khải Huyền 14:8; 16:19; 17:5; 18:2,10,21). Vị vua là một biểu tượng của một sự lãnh đạo đồi bại. Đứng phía sau những lãnh đạo xấu xa của thế gian trong Cựu Ước là những vị thần của quốc gia của họ (Đa-ni-ên 10:13,20). Từ Tân Ước chúng ta hiểu rằng bản thể có thân vị của điều ác được biết đến chính là Sa-tan. Sự định danh rất phổ biến của Sa-tan trong đoạn Kinh Thánh này có lẽ đã bị ảnh hưởng bởi
1. Sự phiên dịch của Jerome trong bản dịch *Vulgate* ở câu 12 là “Lucifer”
 2. Tertulian và Gregory the Great liên hệ đoạn này với Lu-ca 10:18
 3. Đoạn Kinh Thánh này được sử dụng là nền tảng của cả tác phẩm *Inferno* của Dante và *Paradise* của Milton
- B. Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SA-TAN

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc. Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (Sot 9b và Sanh. 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lơ mơ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng.

Tôi đồng với học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thế (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự

cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

- C. Cá nhân tôi cảm thấy càng lúc càng không thoải mái khi sử dụng Ê-sai 14 và Ê-xê-chi-ên 28 như là những đoạn Kinh Thánh chỉ về nguồn gốc và sự truyền lại của một thiên sứ là kẻ cám dỗ. Tôi nghĩ rằng sự tò mò của chúng ta đã lái chúng ta để rồi sử dụng những văn mạch từ Kinh Thánh cách không phù hợp. Kinh Thánh im lặng về rất nhiều về đề mà chúng ta rất tò mò. Thần Học Hệ Thống phải khởi nguồn từ sự giải kinh! Trong nhiều cách khác nhau thì thế giới thuộc linh bị che giấu và trở nên mờ mịt một cách cố chủ đích.
- D. Để xem về văn mạch tương tự, hãy xem trong Ê-xê-chi-ên 28 trong bộ giải kinh “Old Testament Studies,” tại www.freebiblecommentary.org.
- E. The Jewish Study Bible (trang 812) nói về bài thơ này rằng “nó mô tả về cái chết nhục nhã đáng khinh của một vương triều A-si-ri trong thời đại của Ê-sai, có lẽ là Vua Sa-gôn II, là người đã bị giết trong chiến trận vào năm 705. Sau này nó được tái giải nghĩa như là sự tiên đoán về sự suy song của vương triều của người Ba-by-lôn.” Tôi nghĩ rằng Ê-sai (hoặc một học trò của ông) đã sử dụng một bài thơ trước đó, hoặc ít nhất là một hình ảnh của bài thơ đó, để mô tả về một chuỗi những vị vua kiêu ngạo phương đông là những người sẽ bị hủy diệt bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.
- F. Thật là không thể để có thể giải thích phù hợp tất cả những sự mơ hồ lịch sử ở trong lời tiên tri này. Hãy nhớ rằng thế loại tiên tri Hê-bơ-rơ là một “nhà chỉ đường” của lịch sử, chứ không phải là một bản đồ chỉ đường chi tiết. Người phương tây đã hiểu lầm những hình ảnh, sự mơ hồ, và sự khoa dụ! Hãy xem quyển, *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic*, được viết bởi D. Brent Sandy.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 14:1-2

¹ **Thật, Đức Giê-hô-va sẽ thương xót Gia-cốp và chọn Y-so-ra-ên một lần nữa. Ngài sẽ cho họ định cư trên đất của họ. Người ngoại bang sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp.** ² **Các dân sẽ dẫn đưa họ trở về quê hương. Trên đất của Đức Giê-hô-va, nhà Y-so-ra-ên sẽ chiếm hữu các dân ấy làm tôi trai tớ gái. Họ sẽ bắt giữ những kẻ đã bắt giữ họ, và cai trị những kẻ đã áp bức họ.**

14:1 “Đức Giê-hô-va sẽ thương xót” ĐỘNG TỪ này (BDB 933, KB 1216, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 49:13,15; 54:7-8) chỉ về mối liên hệ đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với tuyền dân giao ước của Ngài (Ô-sê 1-2), cũng như đã “chọn” (BDB 103, KB 119, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 41:8,9; 44:1; 49:7) họ. Trong 9:17 Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên sẽ không có sự thương xót trên tuyền dân giao ước của Ngài (Ô-sê 1-3;) và trong 13:18 người Mê-đi sẽ không có sự thương xót trên Ba-by-lôn, nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ một lần nữa phục hồi mối quan hệ độc nhất của Ngài với hậu tự của Áp-ra-ham!

Sau khi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sử dụng những cường quốc ở khu vực Mê-sô-bô-ta-mi để đoán phạt sự không vâng phục của tuyền dân giao ước của Ngài, thì Ngài sẽ hoạch định một “cuộc xuất hành mới” và một “cuộc chinh phục xứ mới”!

▣ **“Gia-cốp...Y-so-ra-ên”** Hay từ này có thể được sử dụng cho cả Mười Chi Phái Phía Bắc và Hai Chi Phái Phía Nam sẽ được hiệp nhất một lần nữa.

14:1-2 “Người ngoại bang sẽ liên kết với họ và sẽ hợp tác với nhà Gia-cốp...và các dân” Có hai sự lựa chọn cho việc giải nghĩa những câu 1-2: (1) cả câu 1 và 2 đi cùng với nhau và mô tả cùng một nhóm người (người ngoại bang... các dân) hoặc (2) câu 1 mô tả về những phước hạnh cho những người không phải là người Do-Thái (người ngoại bang) và câu 2 mô tả về những kẻ thù bị đánh bại của Y-so-ra-ên sẽ trở thành tôi tớ

của họ.

Thật khó để cân bằng trong Ê-sai và Mi-chê về thái độ và hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với các dân tộc

1. Ngài yêu họ và bao gộp họ vào trong tuyển dân giao ước của Ngài (2:2-4; 11:10, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3)
2. Ngài đoán phạt họ và đặt họ làm nô lệ (60:10; 61:5)

Theo cách nào đó cả hai đều đúng! Các nhà tiên tri quay đi quay lại, thường trong cùng một văn mạch, giữa hai thái cực này. Lựa chọn #1 phản ánh Sáng Thế Ký 1-3; 12, trong khi lựa chọn #2 phản ánh lịch sử của Y-sơ-ra-ên tại Ca-na-an.

Trong Ê-sai các dân tộc đem tuyển dân giao ước về xứ của họ (Ca-na-an) và trở nên một với họ trong sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (49:22; 60:4-9,10-14; 66:20). Điều này có thể phản ánh một “cuộc xuất hành mới.” Nhiều người ngoại bang đã rời Ai Cập cùng với Y-sơ-ra-ên và những người khác đã gia nhập vào họ trên suốt chặng đường (lang thang trong đồng vắng và cuộc chinh phục). Có lẽ hình ảnh trong câu 2 phản ánh điều này. Nếu như vậy, nó sẽ giải quyết được nan đề trong điểm #2 ở trên.

14:3 Có một sự “đảo-ngược-vai-trò” giữa câu 2 (tình trạng nô lệ của những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên) và câu 3 (tình trạng nô lệ của Y-sơ-ra-ên, giờ đây đã kết thúc). Tình huống “đảo ngược-vai-trò” rất phổ biến trong Cựu Ước. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hành động tron nhiều cách không ngờ để khẳng định sự lựa chọn của hậu tự của Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 12, 15, 17). Mục đích của sự tập chú đặc biệt của Ngài không phải là sự thiên vị, nhưng là một kế hoạch cứu chuộc đời đời (Sáng 3:15; 12:3) cho toàn bộ nhân loại vốn được dựng nên theo hình ảnh của Ngài (Sáng 1:26-27).

Cũng rất phổ biến trong Ê-sai, có một sự tập chú ngắn hạn và một sự tập chú dài hạn. Vị tiên tri liên kết hai chiều này với nhau. Một ví dụ hay là ở trong đoạn 13, nơi mà sự đoán phạt trên Ba-by-lôn và Neo-Ba-by-lôn được kết hợp với nhau

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 14:3-27

³ Đến ngày Đức Giê-hô-va cho người được nghỉ ngơi khỏi cảnh đau khổ, rối loạn, và lao động nặng nhọc mà người ta cưỡng bách người, ⁴ thì người sẽ nói lên lời chế nhạo này về vua Ba-by-lôn rằng:

“Kẻ áp bức đã đến lúc tận số rồi!

Cơn giận dữ của hấn cũng phải kết thúc thôi!

⁵ Đức Giê-hô-va đã bẻ gãy cây gậy của kẻ ác

Và cây trượng của kẻ cai trị,

⁶ Là kẻ không ngừng đánh các dân

Trong cơn giận dữ,

Cai trị các nước trong cơn thịnh nộ

Và sự bức hại không ai ngăn được.

⁷ Nay cả thế giới đều được nghỉ ngơi yên ổn;

Trỗi giọng hoan ca!

⁸ Cả đến cây tùng cũng hoan hỉ vì người,

Cây bá hương trên núi Li-ban nói rằng:

“Từ khi người nằm xuống,

Không còn ai lên đốn ta nữa!”

⁹ Âm phủ sâu thẳm cũng bị khuấy động vì người

Để đón người đến.

Nó đã vì người đánh thức các âm hồn,

Tức là tất cả lãnh tụ trên đất;

Nó đã làm cho tất cả vua của các nước

Phải đứng dậy khỏi ngại mình.

¹⁰ Tất cả những người ấy

Sẽ nói với người rằng:

“Này, ngài cũng yếu ớt như chúng tôi,

Trở nên giống như chúng tôi rồi!”

¹¹ Sự sang trọng với tiếng đàn hạc của ngài
Đều bị đem xuống âm phủ.
Một lớp dòi làm nệm cho ngài,
Còn sâu bọ thì làm mền!”

¹² Hỡi sao mai, con trai của rạng đông,
Sao ngươi từ trời rơi xuống!
Hỡi kẻ đánh bại các nước,
Sao ngươi bị hạ xuống đất!

¹³ Chính ngươi đã nói trong lòng rằng:
“Ta sẽ lên trời,
Ta sẽ nhắc ngài ta lên
Cao hơn các ngôi sao của Đức Chúa Trời.
Ta sẽ ngồi trên núi hội kiến
Xa tít về phương bắc.

¹⁴ Ta sẽ lên cao hơn các đám mây,
Làm cho ta giống Đấng Rất Cao.”

¹⁵ Nhưng ngươi phải bị đem xuống âm phủ,
Xuống tận đáy vực sâu!

¹⁶ Những người thấy ngươi
Sẽ chăm chú nhìn ngươi và hỏi:
“Có phải đây là kẻ đã từng làm rung chuyển địa cầu,
Làm cho các vương quốc đảo điên,

¹⁷ Làm cho thế giới trở thành hoang mạc,
Lật đổ các thành
Và không mở cửa ngục cho kẻ bị cầm tù chẳng?”

¹⁸ Tất cả vua chúa các nước khi nằm xuống,
Đều được an táng long trọng nơi lăng tẩm mình.

¹⁹ Nhưng ngươi thì bị ném xa khỏi mộ
Như một cành non ghê tởm,
Như áo của những người bị giết, bị đâm bằng gươm,
Bị xô xuống những tảng đá dưới hố,
Như một xác chết bị giày đạp dưới chân!

²⁰ Ngươi sẽ không được chôn với các vua trong lăng tẩm,
Vì ngươi đã tiêu diệt xứ sở
Và giết hại dân chúng.
Dòng dõi kẻ làm ác
Sẽ mãi mãi không được nhắc đến.

²¹ Vì tội lỗi của cha ông,
Hãy chuẩn bị một chỗ tàn sát con cháu của chúng;
Kéo chúng nổi lên chiếm đất đai,
Và lập thành trì khắp mặt đất!

²² Đức Giê-hô-va vạn quân tuyên phán: “Ta sẽ đứng lên chống lại chúng. Ta sẽ tiêu diệt danh Ba-by-lôn
và dân sót lại, cả đến con cháu và dòng dõi kế tiếp,” Đức Giê-hô-va phán vậy. ²³ “Ta sẽ làm cho đất nước ấy
thành nơi ở của loài nhím, thành ra ao tù; và Ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét sạch đất ấy.” Đức Giê-hô-va
vạn quân phán vậy.

²⁴ Đức Giê-hô-va vạn quân đã thề rằng:
“Chắc chắn điều Ta đã hoạch định sẽ xảy ra,
Điều Ta đã quả quyết sẽ đứng vững.

²⁵ Ta sẽ đập tan quân A-si-ri trong đất Ta;
Ta sẽ giày đạp nó trên các núi Ta.
Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta,
Gánh nặng nó sẽ được cất khỏi vai họ.”

²⁶ Đó là kế hoạch đã được hoạch định
 Cho cả thế giới;
 Đó là cánh tay đã giơ ra
 Trên tất cả các nước.
²⁷ Vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã hoạch định
 Thì ai bãi bỏ được?
 Cánh tay Ngài đã giơ ra
 Thì ai có thể làm cho rút lại được?

14:4 “chế nhạo” Đây là một thuật ngữ trong thể loại Văn Học Khôn Ngoan Hê-bơ-rơ *mashal* (BDB 605), vốn thường được dịch là “châm ngôn.” Tuy nhiên, cấu trúc thơ ca của những câu 3-21 ở trong khung cảnh của một bài ai ca than khóc trong đám tang (cũng như đoạn 47 và sách Ca Thương).

▣ **“ngịch cùng vua Ba-by-lôn”** Sự định danh tính trong danh xưng này là không rõ ràng. Xin vui lòng đọc “Những ý tưởng theo văn mạch,” phần C, đoạn thứ hai trong đoạn 13. hãy chú ý, trong 14:24, cách đề cập đến A-si-ri cách trực tiếp, mà không có bất kỳ cấu trúc “lời sấm tuyên án” nào. Sau sự sụp đổ của thành Ba-by-lôn vào tay người A-si-ri trong năm 689 T.C, các vua A-si-ri chiếm lấy và thêm vào vương hiệu danh xưng “vua của Ba-by-lôn.”

▣

NASB “cơn giận đã nguôi”

NKJV “thành bằng vàng đã ngừng”

NRSV “sự xác lảo của hán đã dừng lại”

NJB “sự kiêu ngạo đã kết thúc như thế” LXX “kẻ độc công đã ngừng lại”

Bản MT có từ מרהבה /, nhưng từ này chỉ được sử dụng duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. Nếu chữ 7 (d) bị đổi thành chữ 7 (r), giống như cuộn sách Ê-sai trong Những Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls), thì מרהבה (BDB 923) trở thành “kiêu ngạo” hoặc “xác lảo.” Dự án UBS Hebrews Text Project cho văn bản này một điểm “C” (sự nghi ngờ đáng kể).

Bản dịch NKJV đi theo một từ gốc tiếng A-ram chỉ về vàng. Không còn bản dịch lớn nào đi theo hướng này.

14:5 “Đức Giê-hô-va đã” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mới là Đấng kiểm soát đằng sau lịch sử nhân loại (câu 22-23,24). Ngài có thể không được nhìn thấy bởi những người thiếu vắng đức tin, nhưng Ngài đang dẫn dắt lịch sử đến với lần đến của Đấng Mê-si (lần thứ nhất) và sự kết thúc chung cuộc của thời kỳ của sự công chính (lần đến thứ hai). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

▣ Cây gậy (BDB 641) và cây trượng (BDB 986) là những biểu tượng của quyền lực của hoàng đế (câu 6). Chúng được sử dụng bởi cách dùng A-si-ri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 10:5.

14:7 “cả thế giới đều được nghỉ ngơi yên ổn” Sự “nghỉ ngơi” (BDB 628, KB 679, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về một thời kỳ của sự hòa bình khỏi những sự xâm lược. Cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong câu 3 (*Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) để chỉ về sự nghỉ ngơi/ hòa bình của tuyển dân giao ước. Ở đây nó chỉ về toàn bộ khu vực Cận Đông Cổ Đại (“cả thế giới”).

Sự suy vong của những cường quốc Mê-sô-bô-ta-mi đã mang đến sự nghỉ ngơi, yên ổn và hạnh phúc xuyên suốt trên cả khu vực Cận Đông Cổ Đại. Kẻ áp bức đã bị đánh bại (câu 8).

▣ **“(họ) trở lại giọng hoan ca”** Ê-sai nói khá thường xuyên về niềm vui của sự giải cứu (44:23;49:13; 52:9;54:1).

Ở đây, nó là một nhân tố của một niềm vui lai thế học (“cả trái đất”). Ý định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho nhân loại chính là sự nghỉ ngơi, hòa bình, dư dật, và sự hân hoan (Sáng Thế Ký 1-2)!

14:8 “Không còn ai lên đốn ta nữa” Điều này có thể chỉ về ba điều.

1. Ba-by-lôn xuất khẩu rất nhiều cây để phục vụ cho chính những dự án xây dựng của họ (theo nghĩa

đen)

2. kẻ thù sẽ không chặt gỗ để dựng nên những khí cụ vây hãm (theo nghĩa đen)
3. xứ sẽ thịnh vượng trong sự hòa bình (theo nghĩa biểu tượng)

14:9 “Âm phủ (Sheol)” Sheol được nhân cách hóa như một sự chuẩn bị để chào đón sự tụ họp của những vị vua sẽ ngã xuống. Nó (BDB 982) chỉ về nơi cầm giữ những người chết. Trong Cựu Ước, cuộc sống sau cái chết được mô tả như là một sự tồn tại có thức, nhưng không có niềm vui, con người đơn giản chỉ là những chiếc bóng của chính mình trước kia mới một sự bình đẳng ép buộc trong sự yên lặng (những câu 10-11, Gióp 3:17-19; 10:21-22; 21:23-26). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Người chết ở đâu? Tại 5:14.



NASB	“những linh của người chết”
NKJV	“người chết”
NRSV	“bóng tối”
TEV, NJB	“các âm hồn”
LXX	“những kẻ mạnh”
REB	“người chết cổ xưa”

Từ này (BDB 952 I, 26:19) được sử dụng trong thơ ca dùng cho

1. những vị vua đã chết, TEV, NJB
2. những chiến binh đã chết, LXX
3. những tổ tiên đã chết, REB
4. người chết nói chung, NASB, NKJV

Trong những văn bản lịch sử, nó chỉ về the *Rephaim*, một tộc người liên hệ với những kẻ khổng lồ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THUẬT NGỮ SỬ DỤNG CHO NHỮNG CHIẾN BINH HOẶC DÂN TỘC CAO LỚN/MẠNH MẼ

Những dân tộc cao/ lớn/ mạnh mẽ được gọi bằng một vài tên khác nhau:

1. *Nê-phi-lim* (BDB 658) - Sáng 6:4; Dân Số Ký 13:33
2. *Rê-pha-im* (cả BDB 952 hoặc BDB 952 II) - Sáng 14:5; Phục 2:11,20; 3:11,13; Giô-suê 12:4; 13:12; II Sa-mu-ên 21:16,18,20,22; I Sứ ký 20:4,6,8
3. *Xam-xu-mim* (BDB 273), *Xu-xin* (BDB 265) - Sáng 14:5; Phục 2:20
4. *Ê-mim* (BDB 34) - Sáng 14:5; Phục 2:10-11
5. *A-na-kim* (các con trai của *Anak*, BDB 778 I) - Dân Số Ký 13:33; Phục 1:28; 2:10-11,21; 9:2; Giô-suê 11:21-22; 14:12,15



NASB, NRSV	“những lãnh đạo trên đất”
NKJV	“những quan trưởng trên đất”
TEV	“những kẻ quyền lực”
NJB	“những kẻ cai trị thế giới”

Từ này nguyên văn có nghĩa là “những con cừu đực” (BDB 800, Ê-xê-chi-ên 34:17). Nó liên hệ với những con đầu đàn của bầy và từ đó theo nghĩa bóng nói về xã hội của con người.

14:11 Hai dòng đầu chỉ về lối sống hoang phí, nông cuồng của những vị vua phương đông. Họ nằm trên những chiếc gối và ngủ trên những chiếc giường mềm mại.

Hai dòng cuối mô tả về chiếc giường mới của những vị vua này ở nơi Âm phủ (Sheol)/huyệt mộ (những dòi bọ). Ngay cả những đế vương là những người xem mình như là những vị thần, một ngày kia cũng sẽ nằm trên một tấm giường của những dòi bọ! Sự chết khiến cả nhân loại trở nên bình đẳng (5:14). Quả là một hình ảnh tương phản đáng giá!

▣ **“dòi bọ”** Ở đây chúng được sử dụng theo nghĩa đen như là một thành ngữ dùng cho sự chết và theo nghĩa bóng của sự sợ hãi sự chết và sự chuyển tiếp của đời sống con người.

14:12 “**ngươi đã sa xuống từ trời như thế nào**” ĐÔNG TỪ này (BDB 656, KB 709, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về một tình trạng ổn định. Câu hỏi là, “Điều này nói theo nghĩa đen hay nghĩa bóng?” ĐÔNG TỪ được sử dụng ở đây cho một cái chết đầy bạo lực (BDB 657, câu 2a). Ê-sai cũng sử dụng nó trong 3:8; 8:15 cho sự hủy diệt của một thành phố. Nhưng cụm từ thêm vào, “từ thiên đàng (từ trời),” mới chính là những từ khiến những nhà giải kinh khẳng định về một thực thể thiên sứ, cũng như những lời tương tự của Chúa Jesus trong Lu-ca 10:18.

▣

NASB	“Hỡi sao mai buổi sáng”
NKJV, Vulgate	“Hỡi Lu-xi-phe”
NRSV	“Hỡi Sao Mai”
TEV	“sao mai sáng chói”
NJB, LXX	“Sao mai”
REB	“Sao mai sáng”

Từ Hê-bơ-rơ GIỐNG ĐƯỢC là הלל (BDB 237, KB 245). Dạng từ này chỉ xuất hiện duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. gốc từ là, הלל có thể có nghĩa là

1. “chiếu sáng,” có lẽ chỉ về trăng mới
2. “khoác lác” hoặc “khen ngợi,” từ đó chúng ta có những bài thi thiên Hallel (những bài thi thiên ngợi khen) Cuốn KB đề nghị một vài lựa chọn sau đây cho nguồn gốc của gốc từ này.
 1. từ một từ gốc Ugaritic, *hll*
 2. từ một từ gốc tiếng Ả-rập, hình khuyết của trăng mới
 3. từ một từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ, không rõ nghĩa, nhưng có lẽ chỉ về sao Kim, sao mai buổi sáng (“con trai của bình minh”)
 4. từ tiếng La-tinh, Lucifer chỉ về Sao Kim (nguyên văn “kẻ mang ánh sáng”)

Cả điểm chính ở đây của danh xưng này chính là vàng sáng trên bầu trời này nhanh chóng bị khuyết đi bởi ánh bình minh. Sự rực rỡ của nó thật ngắn ngủi! Vì vậy, một vàng sáng mới, rực rỡ và sáng chói hơn sẽ đến!

▣ “**ngươi**” Hai dòng tiếp theo của câu 12 rõ ràng là chỉ đến một vị vua trên đất của người A-si-ri hoặc Ba-by-lôn (những câu 16-17). Những hình ảnh của bài thơ (trong những câu 4-21) được lấy từ những thần thoại của người Ca-na-an (những câu 13-14), vốn được biết đến từ những Bảng Đá Ras Shamra được xác định niên đại từ thế kỷ mười lăm và được tìm thấy tại thành phố Ugarit.

Những từ “sao mai buổi sáng” (*Helal*) và “hừng đông” (*Shabar*) đều là danh xưng của những vị thần trong thần thoại của người Ca-na-an, cũng như là ngọn núi của những vị thần phương bắc (Ngọn Zaphon, Thi 48:2). Cũng như vậy, danh xưng của vị thần, “Chí Cao,” là phổ biến trong những bài thơ Ugaritic và chỉ về *Ba-anh Shamim* (“Chúa của thiên đàng). Trong một bài thơ thần thoại của người Ca-na-an *Helal*, một vị thần kém hơn, cố gắng cướp đoạt quyền lực, nhưng đã bị đánh bại. Đây là những gì ở phía sau của hình ảnh trong Ê-sai của một vị vua phương đông chuyên quyền kiêu ngạo.

Sự mô tả của một vị vua Cận Đông tự cao, kiêu ngạo được mở rộng từ những câu 8-11. Với duy nhất câu 12, được lấy nguyên văn theo bản Vulgate, và sự thiếu kém kiến thức về văn học Ugaritic mới có thể sử dụng văn mạch này để chỉ về một thiên sứ trưởng nổi loạn mà thôi. Hãy xem phần Những ý tưởng theo văn mạch, phần B.

14:13-14 Hai câu này bày tỏ sự tự cao và kêu ngạo của những vị vua Cận Đông Cổ Đại.

1. “ta sẽ cất lên...,” BDB 748, KB 828, *Qal* THỂ CHỨA HOÀN THÀNH
2. “Ta sẽ cất ngai của ta lên...,” BDB 926, KB 1202, *Hiphil* THỂ CHỨA HOÀN THÀNH
3. “ta sẽ ngồi trên...,” BDB 442, KB 444, *Qal* THỂ CHỨA HOÀN THÀNH
4. “ta sẽ cất mình lên trên...,” giống như ĐÔNG TỪ trong mục số #1
5. “Ta sẽ làm cho mình trở nên giống như ...,” BDB 197, KB 225, *Hiphil* THỂ CHỨA HOÀN THÀNH

Sự tự cao và kiêu ngạo chính là bản chất của tâm hồn con người sa ngã. Duy nhất ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đoán phạt sự tự phong thần chính mình (self-deification) của con người!

14:13 “**các ngôi sao của Đức Chúa Trời**” Danh xưng dành cho Đấng Thánh là *El, ʾl* (BDB 42), vốn là một

sự định danh phổ biến của thần linh xuyên suốt cả khu vực Cận Đông Cổ Đại. Ở đây, cũng vậy, có thể phản ánh về những thần thoại của người Ca-na-an từ tiếng Ugarit.

Những vì sao đã từng được xem là những thiên sứ/ những vị thần là những thực thể kiểm soát số phận của con người (Hệ thống thờ phượng trăng sao của người Ba-by-lôn đến từ Ziggurats). Người này muốn nắm quyền kiểm soát trên toàn bộ mặt đất.

▣ “Ta sẽ ngồi trên núi hội kiến

Xa tít về phương bắc” Đây là biểu tượng của nơi ngự của Đức Chúa Trời (Thi 48:2; Ê-xê-chi-ên 28:14). Điều đáng ngạc nhiên chính là địa điểm của nó “xa tít về phương bắc.” Núi của Đức Chúa Trời ở cực bắc là một phần của thần thoại của Người Ca-na-an, cũng tương tự như Ngọn Olympus của người Hy Lạp.

14:14 “Đấng Rất Cao” Danh xưng này *Elyon*, עליון (BDB 751 II), được sử dụng bởi Ba-la-am trong Dân Số Ký 24:16 và nó song hành với *Shaddai* (Đấng Quyền năng, BDB 994). Nó cũng được sử dụng bởi Môi-se trong Bài Hát của ông trước khi qua đời trong Phục Truyền 32:8, cũng như bởi Đa-vít trong II Sa-mu-ên 22:14 và trong một vài bài Thi Thiên.

Nó cũng được sử dụng trong những bảng đá Ras Shamra Tablets để chỉ về vị thần tối cao của người Ca-na-an.

14:15 Thay vì đi đến ngọn núi ở cực bắc (BDB 438), hấn sẽ đi xuống nơi sâu thẳm (BDB 438), *Sheol*.

Từ *Sheol* (BDB 982, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 5:14) song hành với “hố thẳm” (BDB 92, Ê-xê-chi-ên 31:16), vốn là một tên khác dùng cho huyết mộ (Châm Ngôn 28:17). Cùng từ này được sử dụng trong câu 19 và nó song hành với huyết mộ/lăng mộ (câu 18).

14:16-19 Đây là khổ thơ thứ tư; nó chỉ về sự kinh ngạc của những người đang quan sát trong *Sheol* vào xác của vị vua Ba-by-lôn đã chết. Nó tương tự với những câu 9-11.

14:17 Câu này chỉ về những hành động trục xuất đầy bạo lực của cả A-si-ri và Ba-by-lôn. Công cụ kiểm soát dân cư này đã bị đảo ngược bởi Si-ru II (Mê-đô-Ba Tư) vào năm 538 T.C

14:19 “một cảnh non (bị) ghê tởm” Cùng từ này (BDB 666) được sử dụng trong 6:13 cho “dòng dõi thánh từ nơi gốc” và trong 11:1 của nhánh/chồi của Giê-se, cả hai đều chỉ về Đấng Mê-si, vị Vua thật. Các vị vua của khu vực Cận Đông Cổ Đại là một “cảnh non bị chối bỏ (ghê tởm)”!

▣ “**Như một xác chết bị giày đập**” Điều này bày tỏ về sự sỉ nhục của một sự chôn cất không đàng hoàng (có lẽ chỉ đến Vua Sa-gôn II). Vua không chỉ bị lỡ mất tang lễ hoàng gia, hấn còn lỡ mất cả sự chôn cất!

Từ “giày đập” (BDB 100, KB 115, *Hophal* ĐỘNG TÍNH TỪ) cũng được sử dụng trong câu 25 (*Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH). Nó là một ẩn dụ cho sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (63:6, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và 63:18, *Polel* THỂ HOÀN THÀNH). Những bài Thi Thiên sử dụng nó cách thường xuyên cho chiến thắng trên kẻ thù của tuyển dân giao ước bởi quyền năng và sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Thi 44:5; 60:12; 108:13). Một tuyển dân giao ước bất tuân đã giày đập vùng đất của Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 12:10; *Polel* THỂ HOÀN THÀNH).

14:20 Vị vua kiêu ngạo sẽ không chỉ bị chối bỏ để hưởng được một sự chôn cất đàng hoàng, hấn còn không thể được kế nghiệp bởi các thành viên trong gia đình. Cả hấn và nhà của hấn sẽ bị cất bỏ. Đất nước của hấn sẽ không còn nhớ đến hấn nữa!

14:21 Những hậu tự của vua sẽ bị giết bởi vì những tội lỗi của cha mình. Điều này phản ánh Xuất 20:5. Vị vua và vương quốc đời bại của hấn chắc chắn sẽ không được cho phép hưởng sự thịnh vượng. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mong muốn một trái đất đầy đầy, nhưng không bao gồm những kẻ không công chính.

14:22-23 Phần này hình thành một khổ thơ tổng kết lại. Có vẻ như, đối với tôi, câu 23 liên hệ với 13:21-22, vốn là một sự ẩn dụ để mô tả về một sự hoang tàn hoàn toàn trên cả quốc gia này, vị vua này và cả thành phố của hấn.

14:22 “con cháu và hậu tự” Hai từ này (BDB 630 and 645) chỉ về dòng dõi.

1. từ đầu, con cái trong hiện tại
2. từ thứ hai, cây phá hệ hoặc dòng dõi

Sự thiếu vắng mất mát hậu tự được xem như là một sự sỉ nhục và rửa sả (47:9). Nó thậm chí còn được tin rằng sẽ ảnh hưởng đến đời sau của một người.

14:23 “Ta sẽ dùng chổi hủy diệt mà quét sạch đất ấy” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang vẽ ra hình ảnh như là một người vợ/ người con đang dọn dẹp nhà bằng cách quét nhà (BDB 370, KB 367, *Pilpel* THÊ HOÀN THÀNH). Tất cả rác rưởi sẽ bị loại bỏ. Thật là một sự ẩn dụ mang tính chất gia đình nhưng đầy mạnh mẽ (độc nhất trong Ê-sai).

14:24-27 Hầu hết những bản dịch tiếng Anh chuyển sang một đoạn (thơ) mới ở đây. Nhưng cần chú ở đây không hề có sự đánh dấu “lời sám tuyền phán,” vốn hàm ý rằng 13:1-14:27 chính là một đơn vị văn học đang nói về sự hủy diệt trên A-si-ri. Hãy xem Những ý tưởng theo văn mạch, ở phần C.

14:24 Câu này quả quyết rằng ý muốn của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ được thực hiện. Lời của Ngài là chắc chắn (46:11; 55:8-9; Gióp 23:13; Thi 33:9; Công Vụ 4:28).

▣ **“Đức Giê-hô-va vạn quân đã thề rằng”** Bởi quyền năng và thẩm quyền của chính Ngài, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã tuyên bố những kế hoạch và mục đích của Ngài (14:24; 45:23; 62:8; Phục Truyền 1:8,35; 2:14; 4:31; 6:10,18,23; Giê-rê-mi 51:14; A-môt 4:2; 8:7).

14:25 “đập tan quân A-si-ri trong đất (tay) Ta” Câu này có thể chỉ về thảm họa đã tiêu diệt 185,000 quân của Vua San-chê-ríp trong một đêm ngay trước các cổng thành Giê-ru-sa-lem trong thời của Vua Ê-xê-chia (II Các Vua 18:13-19:37, đặc biệt ở 19:35-37; II Sử Ký 32).

▣ **“Ách của nó sẽ được cất khỏi dân Ta”** Đây là một chủ đề định kỳ được lặp đi lặp lại (9:4; 10:27). Ách, cũng giống như “gậy” hoặc “roi,” là một biểu tượng của sự áp bức ngoại bang.

14:26-27 Vị vua A-si-ri đã lên một kế hoạch thống trị cả thế giới (câu 26), nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã lên một kế hoạch khác (8:10), một kế hoạch cứu chuộc cả thế giới (câu 27)! A-si-ri, Ba-by-lôn và Ba Tư là những công cụ trong kế hoạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và không ai có thể cưỡng lại cánh tay (quyền năng) của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 14:28-32

²⁸ Vào năm vua A-cha băng hà, lời tiên tri này đã được công bố:

²⁹ “Hỡi cả dân Phi-li-tin, đừng vội vui mừng,

Vì roi đánh người đã bị bẻ gãy,

Bởi vì từ dòng dõi rắn sẽ sinh ra rắn lục,

Và con của nó sẽ là rắn lửa bay.

³⁰ Bây giờ, người nghèo hơn hết sẽ tìm được thức ăn,

Kẻ túng thiếu sẽ nằm nghỉ yên ổn.

Nhưng Ta sẽ khiến dòng dõi người chết đói,

Và những kẻ còn sót lại của người sẽ bị giết.

³¹ Hỡi công, hãy than khóc! Hỡi thành, hãy kêu la!

Hỡi cả dân Phi-li-tin, hãy tan chảy!

Vì có một luồng khói đến từ phương bắc,

Không ai rời bỏ hàng ngũ mình.”

³² Phải trả lời thế nào cho sứ giả của nước này?

Hãy trả lời rằng:

“Đức Giê-hô-va đã lập Si-ôn,

Và kẻ nghèo khổ trong dân Ngài sẽ tìm được nơi ẩn náu.”

14:28 Chú ý rằng một “lời sấm tuyên án” được đề cập đến trong 14:28-32 vốn nói về sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên đất Phi-li-tin (dân Phi-li-tin), nhưng điều này không liên hệ với khổ thơ nói về người A-si-ri trong những câu 24-27.

▣ **“Vào năm vua A-cha băng hà”** Trong bảng biểu Cựu Ước của tôi về, “Các Vị Vua trong thời kỳ Vương Quốc phân đôi” (Phụ Lục Bốn, mục #3), ba học giả đã đưa ra niên đại cai trị ước tính của họ của vua A-cha.

1. John Bright, 735 - 715 T.C
2. E. J. Young, 736 - 728 T.C
3. R. K Harrison, 732/732 - 716/715 T.C

Những niên đại này (của sự cai trị và đồng cai trị, không nhất thiết là năm băng hà) có thể phù hợp với bốn vị vua A-si-ri đầy tàn bạo.

1. Tiếc-la-Phi-lê-se III, 745 – 727 T.C
2. Sanh-ma-na-sa V, 727 – 722 T.C
3. Sa-gôn II, 722 – 705 T.C
4. San-chê-ríp, 705 – 681 T.C (185,000 quân đã bị giết ngay trước tường thành Giê-ru-sa-lem vào năm 701 T.C, Ê-sai 36-39; II Các Vua 18-19).

Trong điểm #3, Sa-gôn II, chết trên chiến trường rời xa quê hương và đã tham gia vào một chiến dịch quân sự chống lại Phi-li-tin.

14:29 Phi-li-tin bị ra lệnh không được hân hoan (BDB 970, KB 1333, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH nhưng sử dụng trong nghĩa của một THÊ MỆNH LỆNH) bởi vì đế chế đời bại này đã bị đánh bại. Sự giải cứu ngắn hạn của họ đã không tồn tại được lâu!

▣ Hai dòng cuối trong câu 29 rất mơ hồ và không chắc chắn. Chúng có vẻ chỉ về những việc đang rất xấu sẽ càng tệ hơn nữa.

Cụm từ “rắn (lửa) bay” chính là DANH TỪ “rắn (lửa)” (BDB 977 I, 30:6; Dân Số Ký 21:6) kết hợp với ĐỘNG TÍNH TỪ “bay” (BDB 733, KB 800, *Polel* ĐỘNG TÍNH TỪ), vốn chỉ về một sự di chuyển rất tốc độ (trườn bò, nhanh như tên bắn đầy ẩn tượng).

14:30 Hai dòng đầu chỉ về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời dành cho

1. Tuyên dân giao ước của Ngài (câu 32) hoặc là
2. Những người nghèo túng của xã hội Phi-li-tin

14:31 “Hỡi công, hãy than khóc! Hỡi thành, hãy kêu la!” Hai THÊ MỆNH LỆNH này

1. than khóc, BDB 410, KB 413, *Hiphil*
2. kêu la (kêu khóc), BDB 277, KB 277, *Qal*

mô tả sự hủy diệt năm thành phố của người Phi-li-tin, mỗi một thành cùng với vua của nó (những thế chế thành phố).

▣ **“Hỡi cả dân Phi-li-tin, hãy tan chảy”** ĐỘNG TỪ này (BDB 556, KB 555, *Niphal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI) mô tả sự kinh hoàng đến tê liệt xâm chiếm cả dân cư (Xuất 15:15; Josh. 2:9,24; I Sa-mu-ên 14:16).

Chú ý cụm từ này chỉ về sự hủy diệt của cả một xã hội (Giê-rê-mi 47 và A-mốt 1:6-8).

14:31 “Không ai rời bỏ hàng ngũ mình” Câu này mô tả một kẻ xâm lược Mê-sô-bô-ta-mi mới. Một kẻ vừa mới ra đi (trong câu 29), nhưng một kẻ khác, một kẻ kinh khủng hơn (câu 29c,d), đang đến!

▣ **“Vì có một luồng khói đến từ phương bắc”** Các đế chế ở Fertile Crescent (khu vực hình Trăng Khuyết đầy Màu Mỡ) nằm ở phía Đông của Ca-na-an, nhưng bởi vì sa mạc nằm ở giữa, kẻ thù của họ đã phải đi dọc theo dòng Ô-phơ-rát đi lên phía thượng nguồn và sau đó đi dọc xuống các bình nguyên ven biển. Vì vậy “phương bắc đã trở nên một thành ngữ cho sự xâm lược, xấu xa và hủy diệt.

1. ở đây nó chỉ về A-si-ri
2. trong Giê-rê-mi 4:6; 6:1,22; 10:22; 13:20; 15:12; 46:20,24; Ê-xê-chi-ên 26:7 nó chỉ về Neo-Ba-by-lôn.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Những đoạn 13-14 chỉ về Ba-by-lôn hay A-si-ri?
2. Những đoạn 13 and 14 nói về một vị vua cụ thể trong lịch sử hay là danh xưng được sử dụng như là một biểu tượng của chính quyền không tin kính, gian ác của con người?
3. Có phải đoạn 14 là một sự chỉ đến Sa-tan?
4. Đoạn này có đề cập đến các quý và thú vật trong 13:21-22; 14:23 hay không?
5. Tóm lại lẽ thật thần học trong một câu Kinh Thánh.
6. Phần tiên tri này cần phải được sử dụng như thế nào trong Kinh Thánh?

Ê-SAI 15

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Đoán Phạt trên Mô-áp	Lời Tuyên Bỏ Chông Nghịch	Lời Chông Lại Mô-áp	Đức Chúa Trời Sê Huy Diệt	Về Phần Mô-áp
	Trên Mô-áp	(15:1-16:14)	Mô-áp	
15:1-9	15:1-4	15:1-9	15:1-9	15:1
(1-9)	(1-4)	(1-9)		(1)
				15:2a-d
				(2a-d)
				15:2e-3
				(2e-3)
				15:4-5c
				(4-5c)
	15:5-9			15:5d-f
	(5-9)			(5d-f)
				15:6
				(6)
				15:7
				(7)
				15:8
				(8)
				15:9
				(9)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

Những địa điểm được đề cập đến trong những đoạn 15-16

Ê-sai rất quen thuộc với những khu vực địa lý của khu vực Bên-Kia-Sông-Giô-đanh (phía đông của dòng sông Giô-đanh).

A. Các thành phố

1. A Mô-áp, câu 1
2. Kiệt Mô-áp, câu 1 (Kiệt-Ha-rê-sét, 16:7,11)
3. Đi-bôn, câu 2,9
4. Nê-bô, câu 2
5. Mê-đê-ba, câu 2
6. Hết-bôn, câu 4; 16:9
7. Ê-lê-a-lê, câu 4; 16:9
8. Gia-hát, câu 4
9. Xoa, câu 5
10. Ê-lát Sê-li-sia, câu 5 (nguyên văn “Ê-lát Thứ Ba,” Giê-rê-mi 48:34)
11. Lu-hít, câu 5
12. Hô-rô-na-im, câu 5
13. Ê-la-im, câu 8
14. Bê-e Ê-lim, câu 8
15. Đi-môn (DSS, “Đi-bôn”), câu 9
16. Sê-la, 16:1
17. Kiệt-Ha-rê-sét, 16:7,11
18. Síp-ma, 16:8,9
19. Gia-ê-xe, 16:8,9
20. Admah (REB 15:9)?

B. Những Vùng Nước

1. Dòng nước ở Nimrim, câu 6
2. Khe Cây Liễu (Arabim) (có lẽ là một “suối cạn của những cây dương”), câu 7
3. các dòng nước của Đi-môn, câu 9
4. chỗ cạn của sông Ạc-nôn, 16:2

C. Sự liệt kê ra rất nhiều những thành phố và vùng nước để nhấn mạnh về một sự hủy diệt toàn bộ. Có một sự di chuyển của những người tị nạn về phía nam hoặc phía Giu-đa (16:1-4).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 15:1-9

¹ Lời tiên tri về Mô-áp:

Trong một đêm, A Mô-áp bị tàn phá và tiêu diệt!

Trong một đêm, Kiệt Mô-áp cũng bị tàn phá và tiêu diệt!

² Dân Đi-bôn lên miếu thờ

Trên các nơi cao mà khóc lóc.

Mô-áp khóc than

Về Nê-bô và Mê-đê-ba;

Tất cả đều bị hói đầu

Và phải bị cắt râu.

³ Ngoài đường phố, họ mặc áo sô;

Trên mái nhà và trong các quảng trường,

Mọi người đều khóc than, hạ mình và khóc lóc.

⁴ Hết-bôn và Ê-lê-a-lê kêu la,

Tiếng kêu của họ nghe thấu đến Gia-hát.

Vì vậy, linh chiến của Mô-áp kêu thất thanh;

Tâm hồn họ run rẩy.

⁵ Lòng tôi kêu la vì Mô-áp;
Kẻ trốn chạy của nó phải trốn đến Xoa và Ê-lát Sê-li-sia.

Vì tại đèo Lu-hít,

Họ vừa trèo vừa khóc;

Trên con đường Hô-rô-na-im,

Họ cất tiếng kêu than về sự hủy diệt.

⁶ Các dòng nước ở Nim-rim

Đã cạn kiệt;

Cỏ đã khô héo, cỏ non chẳng có,

Không còn một cây xanh nào.

⁷ Vì vậy, tài sản thu được

Và báu vật tích lũy,

Họ đều mang sang

Khe Cây Liễu.

⁸ Tiếng kêu khóc vang ra

Khắp lãnh thổ Mô-áp;

Tiếng than van thấu đến Ê-la-im

Và thấu đến Bê-e Ê-lim.

⁹ Các dòng nước ở Đì-môn đầy máu;

Nhưng Ta còn giáng thêm tai họa trên Đì-môn,

Sai sự tử đui kịp những người Mô-áp thoát nạn

Và những kẻ còn sót lại trong xứ.

15:1 Chú ý cách những sự đánh dấu văn mạch của Ê-sai của một thông điệp mới hoặc một khái niệm “lời sấm tuyên phán” (BDB 672 III) xuất hiện trong câu 1. Hãy xem ghi chú tại 13:1 (14:28; 17:1; 19:1; 21:1,11,13; 22:1; 23:1; 30:6). Từ này chỉ về một sự mặc khải của Đấng Thần Linh.

▣ **“Mô-áp”** Đây là một trong những họ hàng của Y-sơ-ra-ên từ dòng dõi của Lót và một trong hai người con gái của ông ngay sau chuyến đi chạy trốn khỏi thành Sô-đôm (Sáng Thế Ký 19). Mô-áp, Am-môn, và Ê-đôm (những quốc gia phía bên kia sông Giô-đanh) được đề cập đến đầu tiên phải nhận sự thống trị của Giu-đa trong 11:14.

Những đoạn 15-16 hình thành nên một đơn vị văn học nói về sự đoán phạt trên Mô-áp (Giê-rê-mi 48; Ê-xê-chi-ên 25:8- 11; A-mốt 2:1-3; Sô-phô-ni 2:8-11). Mô-áp được nhắc đến khá thường xuyên trong Dân Số Ký bởi vì Y-sơ-ra-ên cần phải đi ngang qua đất của họ để bước vào xứ Ca-na-an. Môi-se đã được chôn ở đây (Phục Truyền 34).

▣ **“(chắc chắn) trong một đêm”** Cụm từ này được lặp đi lặp lại hai lần và nhấn mạnh vào sự đột ngột và tuyệt đối của sự đoán phạt sẽ đến trên những thành phố của người Mô-áp.

Hai động từ ĐÔNG TỪ “tàn phá” (BDB 994, KB 1418) và “phá hủy” (nguyên văn “cắt bỏ khỏi,” BDB 198, KB 225) đều là những THÈ HOÀN THÀNH, đều ghi chép về một sự hủy diệt hoàn toàn. Ê-sai sử dụng ĐÔNG TỪ “hủy diệt” để mô tả về chính ông 6:5.

Các đạo quân A-si-rin xâm lược Ca-na-an/Palestine một số lần.

1. Sa-gôn II in 715 T.C

2. Sa-gôn II in 711 T.C

3. San-chê-ríp in 701 T.C

▣ **“A Mô-áp”** Từ này (BDB 786 I) có thể chỉ về một thành phố (nó là từ chung cho thành phố trong tiếng Mô-áp) hoặc một khu vực (Phục Truyền 2:9,29).

Bởi vì Kiệt Mô-áp (BDB 885 II) cũng có nghĩa là “bức tường ” (LXX, thành được bao bọc bằng tường) trong tiếng Hê-bơ-rơ, có lẽ rằng A Mô-áp và Kiệt Mô-áp chỉ về kinh đô của người Mô-áp trong hai dòng thơ song hành với nhau.

15:2 “Đì-bôn...Nê-bô...Mê-đê-ba” Có một danh sách những thành phố Mô-áp được liệt kê trong Dân Số Ký

trong sự liên hệ với Thời Kỳ Lang Thang Trong Hoang Mạc để rồi cuối cùng Y-sơ-ra-ên đã đến được Ca-na-an từ phía bờ đông của Jordan Rift Valley (Thung lũng Sông Cạn Giô-đanh).

15:2-3 khóc lóc...hói đầu...cắt râu...khóc than...mặc áo xô...khóc lóc” Tất cả đều chỉ về những tập tục than khóc của khu vực Cận Đông Cổ Đại (22:12; Ê-xơ-ra 9:3; Gióp 1:20; Giê-rê-mi 7:29; 16:6; 41:5; 47:5; 48:37; Ê-xê-chi-ên 7:18; 27:31; Mi-chê 1:16). Dân chúng cố gắng quay trở lại với các thần của họ (câu 2); họ cố gắng ăn năn và tìm kiếm sự giúp đỡ, nhưng không hề có sự giúp đỡ nào đến từ những hình tượng không hề có sự sống!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG TẬP TỤC THAN KHÓC

Người Do-Thái bày tỏ nỗi đau đớn khi mất người thân, và sự ăn năn tội lỗi một cách cá nhân và tập thể như sau:

1. Xé áo ngoài, Sáng 37:29,34; 44:13; Các Quan Xét 11:35; II Sa-mu-ên 1:11; 3:31; I Các Vua 21:27; Gióp 1:20
2. mặc bao bố, Sáng 37:34; II Sa-mu-ên 3:31; I Các Vua 21:27; Giê-rê-mi 48:37
3. cởi giày, II Sa-mu-ên 15:30; Ê-sai 20:3
4. đặt tay lên đầu , II Sa-mu-ên 13:19; Giê-rê-mi 2:37
5. rải cát bụi lên đầu , Giô-suê 7:6; I Sa-mu-ên 4:12; Nê-hê-mi 9:1
6. ngồi trên trên đất , Lam. 2:10; Ê-xê-chi-ên 26:16 (nằm trên đất, II Sa-mu-ên 12:16); Ê-sai 47:1
7. đấm ngực , I Sa-mu-ên 25:1; II Sa-mu-ên 11:26; Na-hum 2:7
8. cắt da thịt , Phục Truyền 14:1; Giê-rê-mi 16:6; 48:37
9. kiêng ăn , II Sa-mu-ên 1:12; 12:16,21; I Các Vua 21:27; I Sử Ký 10:12; Nê-hê-mi 1:4
10. hát ca thương , II Sa-mu-ên 1:17; 3:31; II Sử Ký 35:25
11. đè đầu hói, (nhỏ, hoặc cạo trọc), Giê-rê-mi 48:37
12. cắt râu hàm thật ngắn., Giê-rê-mi 48:37
13. che mặt , II Sa-mu-ên 15:30; 19:4

15:4 “Hết-bôn... Ê-lê-a-lê... Gia-hát” Đây là những thành phố nằm ở phía bờ đông của sông Giô-đanh, gần với nhau và thường được định danh cùng với Mô-áp (hoặc Am-môn, Mesha Stone, thế kỷ thứ 9 T.C).

▣ **“kêu la”** Đây là ĐỘNG TỪ (BDB 277, KB 277, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được sử dụng trong thể *Qal* THỂ MỆNH LỆNH tại 14:31 (Phi-li-tin). Ở đây chỉ về Mô-áp và trong trong câu 5 nó chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hoặc Ê-sai. Hãy chú ý cách sử dụng của nó trong Giê-rê-mi 48:20,31.

▣

NASB	“những người nam được trang bị vũ khí”
NKJV, Peshitta	“những chiến binh được trang bị vũ khí”
NRSV, LXX,	
JB	“những con sư tử”
NJB	“những chiến binh”
REB	“những chiến binh dũng cảm nhất”

Sự khác biệt giữa những chiến binh và những con sư tử trong tiếng Hê-bơ-rơ là một sự nguyên âm hóa, chứ không phải một sự thay đổi phụ âm.

▣ **“Tâm hồn họ run rẩy”** ĐỘNG TỪ này (BDB 438, KB 440, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ xuất hiện duy nhất ở đây. Chỉ có một vài từ Hê-bơ-rơ được dịch là “run rẩy.” Chúng chỉ về sự sợ hãi và thiếu vắng của hành động trước sự đối mặt với sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Chúng khắc họa nên “cuộc thánh chiến.” Điều này có thể được chọn bởi những lý do trong thơ ca để sự phát âm giống như ĐỘNG TỪ “kêu khóc.”

15:5-9 The Jewish Study Bible xem những câu này như một sự chỉ đến những người Mô-áp bỏ trốn đến Ê-đôm (trang 815). Điều này là có khả năng bởi vì địa điểm chính xác của những thành phố này là không xác định được, mặc dù tất cả nằm ở phía đông hoặc đông nam của Sông Giô-đanh.

15:5 “Lòng tôi (Ta) kêu la vì Mô-áp” Từ “tôi (Ta)” trong văn phải bắt buộc phải chỉ về chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 9). Mặc dù nó có thể là chính vị tiên tri,

16:9,11 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nghe những tiếng kêu khóc của dân Mô-áp và Ngài động lòng. Họ vẫn phải gánh chịu sự đoán phạt, nhưng không phải từ một Đức Chúa Trời thiếu suy nghĩ và không quan tâm! Họ chậm chạp chỉ còn được sự cung cấp sự giúp đỡ/ chỗ trú ẩn trong 16:1-4. Thật sự là một câu tuyệt vời!

Bản Bảy Mươi thay đổi sự đề cập này thành “tâm lòng của khu vực Mô-áp kêu khóc với họ” (NJB).



NASB, NRSV,

TEV, NJB,

REB

“Ê-lát Sê-li-sia”

NKJV, LXX,

Peshitta

“như một con bò cái tơ ba tuổi”

Đây có thể là một thành phố hoặc một cụm từ (Giê-rê-mi 48:34).

▣ **“Những kẻ trốn chạy của nó”** Bản MT chép là “các then cửa của nó” (BDB 138, בריחה nguồn gốc từ בריה, nhưng phần lớn các bản dịch thay đổi nguyên âm của nó thành những kẻ tị nạn (trốn chạy)” nguồn gốc từ מברה (BDB 138).

15:6 Trong Cựu Ước Đức Chúa Trời tể trị trên thời tiết (Phục Truyền 27-29). Ngài ban sự dư dật cho sự vâng phục giao ước, nhưng cầm giữ sự kết quả trong nông nghiệp đối diện sự đói bại, xấu xa, và nổi loạn. Mô-áp phải đối diện với sự xâm lược (câu 9a) và sự thiếu kém thức ăn.

15:7 Mô-áp có vị trí nằm trên một tuyến đường giao thương chính từ Ai Cập đến Sy-ri. Họ đánh thuế những đoàn lữ hành và trở nên giàu có.

15:9 “một con sư tử” Ở đây có thể là

1. nghĩa đen, Đức Chúa Trời sử dụng thú vật để đoán phạt (I Các Vua 13:24-28; II Các Vua 17:25)

2. một biểu tượng của quân đội A-si-ri (5:29; Giê-rê-mi 50:17)

3. nghĩa bóng của một sự xâm lược từ Giu-đa (11:14, sư tử[người cai trị] của Giu-đa).

Bản JPSOA thay đổi đáng kể việc phiên dịch câu này (đặc biệt những dòng 2-4) để làm cho nó có nghĩa tích cực (trong câu 5, “tôi”).

“Vì ta đã đổ thêm (nước) trên dòng Đì-môn

Ta đã đổ trên nó –những kẻ trốn chạy Mô-áp – đất đai (chú thích, ‘những giọt nước mắt’) cho những dân sót của nó”

Bản LXX trong câu 9, những dòng 2-4, cũng rất khác biệt, nhưng là một sự tiêu cực được quyết định.

“Vì ta đã mang người Ả-rập đến trên những kẻ chạy trốn,

và ta đã loại bỏ dòng dõi của Mô-áp và A-ri-ên

và những kẻ sót lại của Adama.”

Ê-SAI 16

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Tiên Tri về Sự Hủy Phá Mô-áp	Mô-áp bị Hủy Diệt	Lời Chống Lại Mô-áp (15:1-16:14)	Tình Cảnh Tuyệt Vọng Của Mô-áp	Sự Kêu Cầu của Người Mô-áp
16:1-5 (1-5)	16:1-2 (1-2) 16:3-5 (3-5)	16:1-4b (1-4b)	16:1-2 16:3-4b 16:4c-5 (4c-5)	16:1-2 (1-2) 16:3-5 (3-5)
16:6-12 (6-12)	16:6-7 (6-7) 16:8-9 (8-9) 16:10-11 (10-11) 16:12 (12)	16:6-7 (6-7) 16:8-11 (8-11) 16:12	16:6 16:7-12	16:6 (6) Bài Ai Ca của Mô-áp 16:7-12 (7-12)
16:13-14	16:13-14	16:13-14	16:13-14	16:13-14

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 16:1-5

- ¹ Hãy gửi chiên con
Cho người cai trị vùng đất
Từ Sê-la qua hoang mạc,
Đến núi của con gái Si-ôn.
- ² Tại những chỗ cạn của sông Ạt-nôn,
Các thiếu nữ Mô-áp bị đuổi đi
Như đàn chim vỡ tổ.
- ³ Chúng kêu cứu:
“Xin chỉ bảo, xin quyết định,
Giữa ban trưa, xin phủ bóng che chúng tôi như ban đêm;
Xin che giấu những người bị đuổi,
Và đừng tố giác những kẻ trốn tránh!
- ⁴ Xin cho phép những kẻ bị đuổi của Mô-áp
Trú ngụ giữa các người;
Hãy làm nơi ẩn náu cho họ
Khỏi kẻ hủy diệt.
Vì kẻ áp bức sẽ không còn,
Sự hủy diệt chấm dứt,
Và kẻ giày đạp bị diệt khỏi đất.
- ⁵ Khi ấy, ngai báu sẽ được vững lập trong sự nhân từ,
Trong trại Đa-vít sẽ có một nhà lãnh đạo
Ngồi trên ngai ấy trong sự trung tín;
Người sẽ tìm kiếm công lý
Và nhanh chóng thực hiện sự công chính.”

16:1 Đến với ai và từ ai cũng như tại sao là những câu hỏi về văn mạch.

1. Những người Mô-áp trốn chạy gửi một món quà sinh tế đến với vị vua cai trị từ ngôi Đa-vít để đảm bảo sự giúp đỡ từ ông, theo bản dịch TEV, NRSV
2. Một sự chỉ đến Đấng Mê-si, theo câu 5; Peshitta, Vulgate
3. một thông điệp về sự đoán phạt tiếp diễn và sự hủy diệt thậm chí sẽ đến với những kẻ sống sót của Mô-áp, câu 12

▣ “**gửi**” ĐỘNG TỪ này (BDB 1018, KB 1511) là một *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. Nó chỉ về một hành động kiên cường, tuyệt vọng.

▣ “**một con cừu công nạp**” Bản MT chỉ có “những con chiên” (BDB 503 III, SỐ NHIỀU, và được mô tả “như là của công”). Chỉ có bản NASB thêm vào TÍNH TỪ vào bản dịch. Về sự khác biệt giữa SỐ NHIỀU và SỐ ÍT (giữa các bản dịch):

1. SỐ NHIỀU, theo bản NRSV, REB, JB
2. SỐ ÍT, theo bản MT, NJB, NASB, NKJV, TEV Mô-áp vốn nổi tiếng về bầy chiên của họ (II Các Vua 3:4).

Các bản dịch cổ cũng có những cách dịch rất khác nhau

1. LXX, “Ta sẽ gửi chúng như những con vật đang kinh hãi trong xứ!”
2. Peshitta, “Ta sẽ gửi con trai của kẻ cai trị của xứ.”
3. JPSOA, “sai phái một sứ giả đến với người cai trị của xứ.”

▣ “**Từ Sê-la**” Nghĩa gốc của từ này (BDB 700) là “vách đá,” “vực đá” (Giê-rê-mi 51:25), nhưng nó đã trở thành một sự định danh cho một thành phố ở Ê-đôm, Sê-la hoặc Pê-tra (BDB 701 II, II Các Vua 14:7; Ê-sai 42:11). Tuy nhiên, Sê-la không phù hợp hoàn toàn với văn mạch vì thế có thể một thực thể đá gần với biên giới Giu-đê. Nó cũng có thể đơn giản chỉ về một con đường ở phía nam.

Ở đâu thì không quan trọng bằng từ ai, đến với ai và tại sao.

▣ **“đền núi của con gái Si-ôn”** Đây là một cách nói theo nghĩa bóng để chỉ về đền thờ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại Giê-ru-sa-lem. Cụm từ này có nghĩa là những con cừu được gửi đến để dâng sinh tế cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-xơ-ra 7:17).

16:2 Mô-áp được mô tả giống như

1. những con chim trốn chạy/ xáo xác, BDB 622 I, KB 672, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
2. những con chim non vỡ tổ tán loạn, BDB 1018, KB 1511, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ

Sau này họ được định danh cụ thể là “những con gái của Mô-áp,” nhưng trong chỗ này, cũng như trong câu 14, chỉ về tất cả những cư dân của xứ vẫn còn sống sót.

▣ **“Tại những chỗ cạn của sông Ạt-nôn”** Dòng Sông Ạt-nôn (sông cạn El-Mujib) chảy vào giữa Biển Chết về phía đông. Nó chính là ranh giới địa lý giữa Am-môn về phía bắc và Mô-áp về phía nam (kéo dài đến Khe Suối Xê-rét [có lẽ chính là sông cạn El-Hesa]).

Thật ngạc nhiên về những chỗ cạn này (những chỗ băng qua sông có mực nước thấp) không gần biên giới với Giu-đa, nhưng đi qua Biển Chết. Có lẽ một lực lượng quân sự người Giu-đa đã hành quân xuyên qua Am-môn đến với những chỗ cạn này. Cũng có thể cụm từ này chỉ về một cuộc xuất hành trốn thoát phương nam khỏi những kẻ xâm lược phương bắc.

16:3-4 Những câu này cho biết (1) thông điệp (THỂ MỆNH LỆNH được sử dụng như là những sự thỉnh cầu) vốn được gửi cùng với những con cừu (2) lời khiển trách của Ê-sai dành cho những người Giu-đa đã chấp nhận những người Mô-áp. Tôi nghĩ lựa chọn #1 là tốt nhất.

1. “xin chỉ bảo,” BDB 97, KB 112, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH, được viết trong thể GIÓNG ĐỤC SỐ NHIỀU, nhưng được đọc ở thể GIÓNG CÁI SỐ ÍT để thống nhất với “chỉ bảo” (BDB 420), vốn ở thể GIÓNG CÁI
2. “xin quyết định,” BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
3. “xin phủ bóng che,” BDB 1011, KB 1483, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (25:4; 32:2; Thi 91:1)
4. “che giấu những người bị đuổi,” BDB 711, KB 771, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH
5. “đừng tố giác những kẻ trốn tránh,” BDB 162, KB 191, *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
6. “Xin cho phép những kẻ bị đuổi của Mô-áp trú ngụ giữa các người,” BDB 157, KB 184, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH
7. “Hãy làm nơi ẩn náu cho họ,” BDB 217, KB 241, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Mặc dù Mô-áp là một kẻ thù truyền thống, nhưng có những mối liên hệ gần gũi với nhà Đa-vít (Ru-tơ; I Sa-mu-ên 22:3-5).

16:3 “Giữa ban trưa, xin phủ bóng che chúng tôi như ban đêm” Đây là cách nói theo ngôn ngữ bóng bẩy cho sự bảo vệ. Nó cũng có thể là một sự chỉ đến đặc biệt đến đám mây vinh hiển *Shekinah* đã đi theo dân Y-sơ-ra-ên xuyên suốt qua vùng đất này trong suốt Thời Kỳ Lang Thang trong Hoang Mạc. Nó chính đám mây che chở (bóng che và sự mát mẻ) vào ban ngày và trú lửa vào ban đêm. Nó biểu tượng cho sự hiện diện cá nhân, sự chu cấp và sự bảo vệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

16:4 Có một chuỗi những điều kiện về thời gian liên hệ với cuộc xâm lược Mô-áp mà sau đó thẩm quyền cai trị của Giu-đê sẽ được mở rộng trên cả khu vực (câu 5).

Ở đây là những điều kiện.

1. những kẻ bóc lột (BDB 568) đã kết thúc (BDB 67, KB 79, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)
2. sự hủy diệt (BDB 994, *Qal* ACTIVE ĐỘNG TÍNH TỪ) đã ngót (BDB 477 I, KB 476, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)
3. những kẻ áp bức (BDB 942, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG) đã hoàn toàn biến mất khỏi xứ (BDB 1070, KB 1752, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)

16:5 Câu này mô tả về chính quyền cai trị từ Giu-đê sẽ đến (9:6-7; 11:3-5).

1. một ngai báu sẽ được thiết lập (THỂ HOÀN THÀNH) trong sự nhân từ (BDB 338, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt sau đây)

2. một quan án sẽ ngồi (THÊ HOÀN THÀNH) trên nó trong sự trung tín (BDB 54) trong trại của Đa-vít
3. Người sẽ tìm kiếm công lý (BDB 1048, 11:3,4)
4. Người sẽ thực thi, thúc đẩy công lý (“sự công chính,” BDB 841, 11:4,5, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:4; “thúc đẩy,” BDB 555, thường có nghĩa là có kỹ năng trong điều gì đó, và vì vậy, có thể làm nó một cách nhanh chóng. Ở đây nó chỉ về Người cai trị từ ngôi Đa-vít là Người có thể nhanh chóng hành động trong sự công chính)

Câu này chính là lý do mà bản Peshitta và Vulgate xem văn mạch ở đây nói về Đấng Mê-si.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ YÊU THƯƠNG NHÂN TỪ (HESED)

Ý nghĩa của thuật ngữ này có phạm vi rộng. BDB mô tả các đặc điểm của nó theo cách sau (xem trang 338-339):

- A. Được sử dụng trong mối liên hệ của con người với nhau
 1. Nhân từ với người khác (ví dụ, I Sa-mu-ên 20:14; II Sứ ký 24:22)
 2. Nhân từ đối với những người nghèo khó (ví dụ, Mi-chê 6:8)
 3. Tình yêu mến (xem Giê-rê-mi 2:2; Ô-sê 6:4)
 4. Sự bày tỏ bề ngoài (xem Ê-sai 40:6)
- B. Được sử dụng trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời
 1. Thành tín trong giao ước và yêu thương
 - a. “cứu chuộc khỏi những kẻ thù và khốn đốn” (ví dụ, Giê-rê-mi 31:3; E-xơ-ra 27:28; 9:9)
 - b. “giữ gìn mạng sống khỏi cái chết” (ví dụ, Gióp 10:12; Thi thiên 86:13)
 - c. “phục hồi đời sống tâm linh” (ví dụ, Thi thiên 119:41,76,88,124,149,150)
 - d. “cứu chuộc khỏi tội lỗi” (xem Thi thiên 25:7; 51:3)
 - e. “giữ lời giao ước” (ví dụ, II Sứ ký 6:14; Nê-hê-mi 1:5; 9:32)
 2. Mô tả thần tính (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6; Mi-chê 7:20)
 3. Sự nhân từ của Đức Chúa Trời
 - a. “dồi dào” (ví dụ, Nê-hê-mi 9:17; Thi thiên 103:8)
 - b. “lớn lao” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6; Phục truyền Luật lệ Ký 5:10; 7:9)
 - c. “muôn đời” (ví dụ, I Sứ ký 16:34,41; II Sứ ký 5:13; 7:3,6; 20:21; E-xơ-ra 3:11)
 4. Những hành động của lòng nhân từ (ví dụ, II Sứ ký 6:42; Thi thiên 89:2; Ê-sai 55:3; 63:7; Ca thương 3:22)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 16:6-12

⁶ Chúng ta đã nghe sự kiêu căng của Mô-áp,
Nó thật là ngạo mạn! Nó tự cao, kiêu căng và xác xược;
Sự khoe khoang của nó là trống rỗng!

⁷ Vì thế, Mô-áp sẽ khóc than,
Mọi người đều than khóc vì Mô-áp.

Các người hãy khóc, hãy rên xiết
Vì bánh nho của Kiệt Ha-rê-sét!

⁸ Vì cánh đồng Hết-bôn đã khô héo,
Và vườn nho Síp-ma cũng vậy;

Những nhà cai trị các nước
Đã chặt các gốc nho tốt,
Mà cành nó từng vươn tới Gia-ê-xe,
Lan ra hoang mạc;

Chôi của nó đâm ra
Tới bên kia biển.

⁹ Vì vậy, cùng với sự khóc lóc của Gia-ê-xe,
Ta khóc cho vườn nho Síp-ma.

Hỡi Hết-bôn, hỡi Ê-lê-a-lê,

Ta sẽ tưới nước mắt trên các người,
 Vì tiếng reo hò của người đập nho lúc hái trái mùa hạ,
 Và mùa gặt của các người không còn nữa!
¹⁰ Sự vui mừng hoan hỉ đã bị cất khỏi
 Vườn cây ăn quả;
 Và trong vườn nho
 Cũng không còn tiếng reo mừng,
 Không còn ai đập nho trong hầm ép rượu;
 Ta đã làm dứt tiếng reo vui của người đập nho.
¹¹ Bởi thế, lòng Ta vì Mô-áp than van như tiếng đàn hạc,
 Tâm hồn Ta vì Kiệt Hê-re cũng vậy.
¹² Lúc ấy, dù Mô-áp chịu một nhọc đi đến nơi cao,
 Vào trong đền miếu nó để cầu nguyện cũng luống công!

16:6 Ở đây bắt đầu một khổ thơ mới. Những câu 1-5 là những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hy vọng nó sẽ xảy ra, nhưng ở câu 6 mô tả vì sao nó sẽ không thể xảy ra (so sánh với Giê-rê-mi 48:29).

1. sự kiêu căng của Mô-áp
2. sự kiêu ngạo quá đáng
3. sự tự cao
4. ngạo mạn
5. cơn thịnh nộ (BDB 720, “xác láo”)
6. những sự khoe khoang sai trật, lười nhác (BDB 95 III, trống rỗng, những sự khoe khoang ảo tưởng, Gióp 11:3; Giê-rê-mi 48:30)

Từ Hê-bơ-rơ “kiêu ngạo” (BDB 144) được lặp đi lặp lại trong nhiều cách khác nhau bốn lần. Mô-áp, cũng giống như những thân tượng của họ, tuyên bố rất nhiều, nói rất nhiều, nhưng không thể làm được điều gì!

16:7-10 “Vì thế” Ở đây là những hậu quả.

1. Mô-áp sẽ khóc than bởi vì sự thờ phượng Ba-anh của họ (“những bánh trái nho”), những câu 7,12 (nó cũng có thể là một thành ngữ khác để chỉ về sự thất bại trong trồng trọt)
2. những cánh đồng khô héo đi mà không có mùa gặt, những câu 8-10 (15:6)

Cũng có thể rằng “bánh trái nho” trong văn mạch này chỉ về một lối sống xa hoa.

16:10 “rượu” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:22.

▣ **“Ta đã làm dứt tiếng reo”** Câu này chỉ về việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ sai những kẻ xâm lược phá hủy vụ mùa và những ngày lễ hội thường niên của họ.

Ý tưởng về việc cất bỏ “niềm vui” được lặp đi lặp lại trong câu này.

1. sự vui mừng bị cất bỏ, BDB 62, KB 74, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH
2. sự hân hoan bị cất bỏ (được xem là có cùng ĐỘNG TỪ với mục #1)
3. không còn tiếng la hét (hoặc những bài ca) của niềm vui, BDB 943, KB 1247, *Pual* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
4. không còn tiếng la hét mừng rỡ, BDB 929, KB 1206, *Pola* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
5. sự la hét sẽ ngớt, BDB 991, KB 1407, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH

16:11 Câu hỏi là ai là người nói ở đây.

1. Đức Chúa Trời (יהוה, BDB 588, 63:15; Giê-rê-mi 31:20)
2. vị tiên tri
3. Mô-áp được nhân hóa

Bởi câu 12, Mô-áp (lựa chọn #3) không thể chính xác. Bởi câu 13 nó có thể là lựa chọn #2, tiên tri Ê-sai, nhưng bởi vì đoạn 15:5,9, cũng như những sự hàm si ở trong-về Đấng Mê câu 5, Tôi nghĩ rằng chính là Đức Chúa Trời là. Đấng khóc than cho “những-gì-phải-xây-ra”.” Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại được dựng nên theo hình ảnh Ngài, được dựng lên cho mối liên hệ, nhưng họ đã quay bỏ sang những thần giả dối,

những sự hy vọng giả dối!



NASB, REB “Kiệt Ha-rê-sét”

NKJV, NRSV,

TEV, NJB “Kiệt Ha-rê”

Bản MT được phản ánh trong bản NKJV, nhưng nó là thể rút gọn từ bản NASB (câu 7; thành phố đơn giản chỉ được nhắc đến như là “Kiệt” trong 15:1).

16:12 Câu này có thể được hiểu trong hai cách.

1. Mô-áp mang những của lễ (câu 1) đến Giê-ru-sa-lem (câu 5), nhưng sự kiêu ngạo của nó đã chối bỏ để hoàn toàn nắm chặt lấy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 6). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA quan tâm đến họ (15:5; 16:11).
2. Mô-áp kiếm tìm sự giúp đỡ từ những thần tượng của nó (15:2; 16:12), nhưng chúng không có khả năng đáp ứng.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 16:13-14

¹³ Đó là lời Đức Giê-hô-va đã phán về Mô-áp từ xưa. ¹⁴ Nhưng bây giờ, Đức Giê-hô-va phán rằng: “Trong ba năm nữa, theo cách tính của người làm thuê, vinh quang của Mô-áp cùng với đoàn dân đông đảo của nó sẽ bị khinh miệt; số còn sót lại sẽ rất ít và yếu ớt.”

16:14 Câu này mô tả về số phận sắp xảy ra (trong 3 năm) của Mô-áp đầy kiêu căng!

Thay vì sự dư dật dân cư, của cải, ảnh hưởng và vụ mùa, Mô-áp sẽ trở nên “rất nhỏ và yếu ớt bất lực”! Sự đảo ngược trong lịch sử là đáng kinh ngạc và chỉ ra cho nhân loại sa ngã đến với sự chắc chắn và yên bình chỉ có thể tìm được nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên!

Ê-SAI 17

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Tiên Tri Về Đa-mách	Lời Tuyên Bỏ Chống Lại Sy-ri và Y-so-ra-ên	Lời Chống Lại Liên Minh Sy-ri-Êp-ra-im	Đức Chúa Trời Sẽ Trừng Phạt Sy-ri và Y-so-ra-ên	Lời Chống Lại Đa-mách và Y-so-ra-ên
17:1-3 (1-3)	17:1-3 (1-3)	17:1-3 (1-3)	17:1-3	17:1-3 (1-3)
17:4-11 (4-11)	17:4-8 (4-8)	17:4-6 (4-6)	17:4-6	17:4-6 (4-6)
		17:7-8	17:7-8	17:7-8
	17:9 (9)	17:9	17:9	17:9-11 (9-11)
	17:10-11 (10-11)	17:10-11 (10-11)	17:10-11	
			Những Dân Tộc Thù Nghịch Sẽ Bị Đánh Bại	
17:12-14 (12-14)	17:12-14 (12-14)	17:12-14 (12-14)	17:12-14	17:12-14 (12-14)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải nghĩa. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 17:1-3
¹ Lời tiên tri về Đa-mách:

“**Này, Đa-mách sẽ không còn là một thành nữa
Mà sẽ trở nên một đồng đồ nát.**

² **Các thành của A-rô-e bị bỏ hoang
Và sẽ làm chỗ cho bầy chiên năm nghỉ,
Chẳng ai làm chúng kinh hãi.**

³ **Đồn lũy sẽ biến mất khỏi Ép-ra-im,
Vương quốc của Đa-mách cũng không còn;**

Số người còn sót lại của A-ram

Cũng sẽ giống như vinh quang của dân Y-sơ-ra-ên.” Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

17:1 “Đa-mách” Đây là thủ đô của người A-ram/Sy-ri. Cuộc xâm lược và hủy diệt trên Sy-ri đã được ám chỉ đến trước đó trong 7:16; 8:4; 10:9. Nó là một thành phố cổ xưa (Sáng 14:15; 15:2) và là một thành quan trọng nằm trên tuyến đường giao thương phía bắc và đông bắc.

▣ Chú ý sự song hành đồng nghĩa của những dòng 2 và 3. Tiếc-la-Phi-lê-se III đã hủy diệt một phần Đa-mách vào năm 732 T.C Nó đã được xây dựng lại như là thủ đô của một khu vực thuộc A-si-ri. Chú ý rằng mọi lời tiên tri đều được nói trong ngôn ngữ thậm xong (phóng đại) (Hãy xem quyển, *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* được viết bởi D. Brent Sandy).

17:2 “Các thành của A-rô-e” Cụm từ này rất rối rắm.

1. Đây là tên của một thành phố, không phải một khu vực.
2. Có một vài thành phố đi cùng với tên này (BDB 792, vốn có thể chỉ đến một “loại cây” hoặc một “chòm núi,” AB, tập 1, trang 399). Ba trên bốn di chỉ có thể nằm ở phía nam trên lãnh thổ của người Sy-ri.
3. Bản dịch LXX bỏ qua tên của những địa danh này (cũng giống như bản REB).
4. Bản Peshitta đọc nó là Adoer.

Có vẻ như Sy-ri và Y-sơ-ra-ên được liên hệ với nhau trong đoạn này. Họ đã hình thành một liên minh chính trị/ quân sự chống lại A-si-ri và cố ép Giu-đa tham gia với họ. Liên minh này đã gây ra trận chiến Syro-Ephraim mà bởi đó hai quốc gia phương bắc này đã xâm lược Giu-đa (7:16; 8:4; 10:9).|

Hầu hết những phần chỉ về Mười Chi Phái Phía Bắc đều gọi là Y-sơ-ra-ên/Gia-cóp (câu 4); Sa-ma-ri hoặc Ép-ra-im (câu 3). Sy-ri đã ở dưới sự kiểm soát bởi người Y-sơ-ra-ên trong suốt thời kỳ Vương Quốc Thống Nhất.

A-rô-e có lẽ là một sự chỉ đến một pháo đài nằm trên Sông Ạt-nôn.

▣ Những dòng 2 và 3 mô tả sự hủy diệt toàn diện và dịch chuyển dân cư của khu vực.

17:3 Những thành phố có tường thành xây dựng kiên cố của Sy-ri và Ép-ra-im sẽ biến mất (BDB 991, KB 1407, *Niphal* THÈ HOÀN THÀNH). Bản JPSOA có một ghi chú ủng hộ sự hiệu đính về từ ngữ từ “Ép-ra-im” (BDB 68)

מִירְפָּאָם thành מִרְפָּאָם “A-ram” (BDB 78), vốn sẽ là một sự song hành thật sự. Nhưng nếu khổ thơ thứ nhất nói về Cuộc Chiến Syro-Ephraim, thì sự song hành vốn đã có sẵn. Tôi nghĩ câu 3 có một cấu trúc thơ giao thoa chéo nhau (chiasm) AB, BA, cũng như trong bản MT.

▣ “**Số người còn sót lại của Sy-ri**” Cụm từ này có thể chỉ đến

1. kinh thành là nơi duy nhất của sức mạnh của người Sy-ri còn sót lại (và nó cũng sẽ sụp đổ, câu 6)
2. khi kinh thành sụp đổ thì ngay cả những người còn sót cũng không thể sống sót

▣ Mặc dù hai dòng cuối của câu 3 xuất với mục đích tích cực, nhưng cuối cùng cũng đã không thể tích cực. Ép-ra-im đã bị tiêu diệt trong câu 3a, và giờ đây Sy-ri cũng đã chia sẻ cùng một số phận (theo cách viết rất mỉa mai, “vinh quang,” trong câu 4). “Vinh quang” ở đây có thể chỉ đến kinh thành của Y-sơ-ra-ên, “Sa-ma-ri,” vốn đã bị sụp đổ sau một cuộc vây hãm kéo dài vào tay A-si-ri dưới thời cai trị của Vua Sa-gôn II vào năm 722 T.C

▣ “Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang kiểm soát trên lịch sử, đặc biệt những sự kiện ảnh hưởng đến tuyên dân giao ước của Ngài.

Để biết về danh xưng “Đức Giê-hô-va vạn quân” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh tại 1:1.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 17:4-11

⁴ “Trong ngày đó, vinh quang của Gia-cốp sẽ giảm đi,
Thân xác béo mập sẽ trở nên gầy ốm.

⁵ Điều ấy sẽ xảy ra như khi con gặt túm các ngọn lúa
Rồi dùng cánh tay cắt bông lúa;

Và như khi người ta mót lúa
Trong thung lũng Rê-pha-im

⁶ Thì sẽ còn sót lại những bông lúa mót được;
Như khi người ta rung cây ô-liu,

Còn sót hai ba trái
Trên đầu cành rất cao,

Hoặc bốn năm trái
Trên những cành sai quả.”

Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán vậy.

⁷ Trong ngày đó, người ta sẽ hướng về Đấng Tạo Hóa mình, và mắt họ chăm nhìn Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. ⁸ Họ sẽ không còn hướng về các bàn thờ là công việc của tay mình, và không còn nhìn đến các vật bởi ngón tay mình làm ra, dù là các tượng Át-tạt-tê hay bàn thờ dâng hương.

⁹ Trong ngày đó, các thành kiên cố của họ sẽ giống như những nơi bị bỏ hoang trong rừng hoặc trên đỉnh núi, là những nơi đã bị bỏ hoang trước mặt con dân Y-sơ-ra-ên; đó là cảnh hoang tàn.

¹⁰ Vì người đã quên Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi người,
Không nhớ đến Vàng Đá trú ẩn của người.

Cho nên dù người trồng vườn cây tốt nhất,
Lại ươm mầm giống nho ngoại quốc;

¹¹ Trong ngày người trồng, người thấy nó lớn lên,
Vào một buổi sáng, hạt giống đâm chồi nở hoa;

17:4 “trong ngày đó” không rõ ràng những câu dưới nên được phân vào khổ thơ nào. Cụm từ này có thể chỉ về sự khởi đầu của một khổ thơ mới (câu 4, câu 7, câu 9, câu 11). Thật khó để xác định sự khác biệt giữa thơ ca và văn xuôi được đưa lên cao trào (hãy chú ý những phần chia đoạn và dòng thơ của những bản dịch khác nhau từ đầu đoạn).

▣

NASB “mờ đi”
NKJV “tàn đi”
NRSV “hạ xuống”
TEV “kết thúc”
NJB “thu nhỏ lại”

ĐỘNG TỪ này (BDB 195, KB 223, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) nguyên gốc chỉ về những trái cây hoặc cành cây mọc thấp, nhưng gốc từ *Niphal* chỉ về một vật bị hạ xuống hoặc đặt xuống thấp (Các Quan Xét 6:6). Từ gốc *Qal* được sử dụng trong 19:6 và 38:14.

Đây là phần đầu tiên trong nhiều sự tuyên bố đầy tiêu cực về Y-sơ-ra-ên.

1. vinh quang...sẽ mờ đi, câu 4
2. Thân xác béo mập sẽ trở nên gầy ốm, câu 4
3. Y-sơ-ra-ên sẽ bị đốn hạ, câu 5
4. chỉ còn lại một vài trái ô-li-ve sót lại ở trên rất cao, câu 6

17:5 “thung lũng Rê-pha-im” Cụm từ này chỉ về một thung lũng màu mỡ nằm về phía tây nam của Giê-ru-

sa-lem vốn được nhắc đến một vài lần trong Cựu Ước (II Sa-mu-ên 5:18,22; 23:13; I Sứ Ký 11:15; 14:9; và ở đây). Nó phải được dùng để phục vụ cho hình ảnh nguyên gốc của Ê-sai về sự không kết quả sẽ bị ngăn trở đã được trình bày trước (câu 4). Lý do vì sao ông lại dùng một địa điểm ở Giu-đa, chứ không phải Y-sơ-ra-ên, là không rõ.

17:6 Vụ mùa ô-li-ve ban đầu được thu hoạch bằng cách rung lắc hoặc đập vào thân cây (24:13; Phục Truyền 24:20). Sẽ luôn có vài trái ô-li-ve còn sót lại không rụng xuống. Chúng thường được để lại cho người nghèo (những người đi mót quả). Ê-sai sử dụng hình ảnh này như là một biểu tượng dùng cho một dân sót của những người sống sót.

☐ **“Hai ba trái...(hoặc) bốn năm trái”** Đây là một ví dụ của một thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho một số lượng không xác định.

17:7-8 Những câu này hình thành nên một sự tương phản. Câu 7 chỉ về sự ăn ăn, câu 8 chỉ về những điều họ quay lại khỏi (sự thờ hình tượng). Câu hỏi là hai câu Kinh Thánh này chỉ về ai.

1. Y-sơ-ra-ên
2. Y-sơ-ra-ên và Sy-ri
3. Y-sơ-ra-ên, Sy-ri, và A-si-ri
4. tất cả các nền văn hóa Cận Đông Cổ Đại (“người ta,” מִכֹּל אֲרָצוֹת).

Có phải điều này có song hành với những đoạn 7, 9, và 11? Cũng hãy chú sự đắc thắng được hứa trước của dân sự của Đức Chúa Trời trong những câu 12-14 (đặc biệt trong câu 14b)!

17:7 Sự song hành của câu này liên hệ “Đấng Tạo Hóa” (Đấng Tạo Dựng nên trời và đất và Đấng Tạo Dựng nên Y-sơ-ra-ên, 51:13) với “Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên” (một danh xưng được sử dụng gần như bởi riêng Ê-sai). Đây là một sự ngụ ý về tư tưởng độc thần!

17:8 Thay vì Đức Chúa Trời chính là “Đấng tạo dựng” họ đã dựng nên những thần tượng của riêng họ (Những tượng Ba-anh và A-sê-ra, dòng 3; 2:8,20; 30:22; 31:7).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THỜ THẦN SINH SẢN TRONG VÙNG CẬN ĐÔNG CỔ ĐẠI

I. Lý do của nguồn gốc

- A. Con người cổ đại khởi đầu là săn bắn-hái lượm, nhưng cuộc sống từ du canh du cư tiến tới định cư đã tạo ra nhu cầu về cây trồng và gia súc.
- B. Các dân cư trong vùng Cận Đông thời cổ đại không thể tự bảo vệ trước sức mạnh thiên nhiên .
- C. Khi các nền văn minh phát triển xung quanh các nguồn nước ngọt thì họ phải lệ thuộc vào chu kỳ đều đặn của các mùa. Các sức mạnh thiên nhiên trở thành các vị thần cần phải cầu khẩn và chế ngự.

II. Ở đâu và Tại sao

- A. Các tôn giáo thờ việc sinh sản phát triển ở:
 1. Ai-cập (sông Nile)
 2. Mê-sô-bô-ta-mi (sông Tigris và Euphrates)
 3. Ca-na-an (sông Giô-đanh)
- B. Có một sự giống nhau căn bản giữa các tôn giáo thờ thần sinh sản, mùa màng trong vùng Cận Đông cổ đại.
- C. Các mùa và thời tiết thường thay đổi và không thể đoán trước đã tạo điều kiện để phát triển những huyền thoại. Những huyền thoại này dùng sự tương tự giữa con người và thần linh như là nền tảng cho sự sống trong cõi linh thiêng cũng như trên đất.

III. Thờ Ai và thờ như thế nào.

- A. Thờ Ai? (các vị nam thần và nữ thần)
 1. Ai Cập.
 - a. Isis (nữ thần)

- b. Osiris (nam thần)
 - 2. Mê-sô-pô-ta-mi
 - a. Ishtar / Inanna (nữ thần)
 - b. Tammuz / Dumuzi (nam thần)
 - 3. Ca-na-an.
 - a. Ba-anh (nam thần)
 - b. Asherah, Astarte, Anath (nữ thần)
 - B. Mỗi cặp được thần thoại hóa theo những cách tương tự.
 - 1. một thần chết đi.
 - 2. thần kia phục hồi.
 - 3. hình thức chung của các thần chết đi và sống lại là mô phỏng các chu kỳ trong thiên nhiên.
 - C. Ma thuật xem sự kết hợp tính dục của con người (cũng như hôn nhân của các vị thần) như một cách để bảo đảm khả năng sinh sản của cây trồng, gia súc, và con người.
- IV. Người Y-sơ-ra-ên.
- A. Dân sự của Đức Giê-hô-va đã được cảnh báo (ví dụ, Lê-vi Ký và Phục truyền Luật lệ Ký) tránh xa các tôn giáo thờ sinh sản (đặc biệt là của dân Ca-na-an).
 - B. Việc thờ phượng này rất phổ biến bởi vì những mê tín dị đoan của con người cộng thêm với sự thúc đẩy của hành vi tính dục.
 - C. Sự thờ hình tượng liên quan đến việc tìm các phước lành của đời sống qua các cách cúng bái và lễ nghi thay cho một đức tin cá nhân và sự tin cậy vào Đức Giê-hô-va.
- V. Những Sách Được Đề Nghị
- A. W. F. Albright, *Archaeology and the Religion of Israel*
 - B. J. H. Breasted, *Development of Religion and Thought in Ancient Egypt*
 - C. James G. Frazer
 - 1. *Adonis, Attis, Osiris*
 - 2. *Folklore in the Old Testament*
 - 3. *The Worship of Nature*
 - D. H. Gordon, *Before the Bible*
 - E. S. N. Kramer, *Mythologies of the Ancient World*

▣ **“bàn thờ dâng hương”** Từ này (BDB 329 được gọi là một “cột-mặt-trời,” nhưng KB 329 gọi nó là một “bàn thờ-dâng hương” có thể di chuyển được) luôn được sử dụng trong nghĩa tiêu cực trong văn mạch của sự thờ hình tượng (Lê-vi-ký 26:30; II Sứ Ký 14:5; 34:4,7; Ê-sai 17:8; 27:9; Ê-xê-chi-ên 6:4,6).

17:9 Có vẻ như bắt đầu một phần tưởng mới. Nó mô tả về sự đoán phạt sẽ đến trong một sự ảm dụ nông nghiệp phóng đại (bản MT)

- 1. giống như những nơi bị bỏ hoang trong rừng
- 2. là những nơi đã bị bỏ hoang

Câu này được dịch khác bởi bản dịch được đi theo bởi bản JB, NRSV, và REB (và JPSOA có vẻ như ghi nhận sự hợp lệ của nó trong phần ghi chú ở cuối trang). Cụm từ chỉ về (1) một sự xuất hành chạy trốn nhanh chóng ở nơi những thứ vô dụng bị bỏ lại hoặc (2) những nhóm người bị đánh bại bởi người Y-sơ-ra-ên trong suốt Cuộc Chinh Phục Đất Hứa (người A-mô-rít và người Hê-tít).

17:10 Câu này đề cập cách độc nhất về Y-sơ-ra-ên và lý do của sự đoán phạt dành cho họ bởi Đấng Thánh giao ước của họ.

- 1. quên mất Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ngươi (Thi 78:11,42)
- 2. Không nhớ đến Vàng Đá trú ẩn của ngươi (Thi 18:1-3; 78:35)
- 3. ngươi trồng vườn cây tốt nhất (để tôn kính một thần lạ) (1:29-30; 65:3; 66:17, vườn cây thiêng. Nó có thể chỉ về Adonis/Tammuz, một vị thần thực vật mà những vườn hoa được trồng vào thời điểm sớm của mùa xuân cho vị thần này, AB, tập 6, trang 318)

▣ **“Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ngươi”** Đây là một sự mô tả lặp đi lặp lại về Đức Chúa Trời của Y-sơ-

ra-ên (12:2; 17:10; 33:2; 45:17; 61:16; 62:10; Thi 65:5; 68:19; 85:4). Sự cứu rỗi chỉ về sự giải cứu khỏi bất kỳ thế lực hoặc sự áp bức nào chối bỏ hoặc ngăn cản sự khao khát giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho dân sự của Ngài. Duy chỉ tội lỗi của Y-so-ra-ên mới có thể ngăn cản sự khao khát của Ngài dành cho họ và đầu vậy, Ngài vẫn không thay đổi là “Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi người” (Mi-chê 7:7; Ha-ba-cúc 3:13,18).

17:11 Điều này chỉ về những khu vườn thiêng ở điểm #3 trong câu 10 phía trên đây.

1. họ đã trồng nó cách cẩn thận
2. họ rào nó lại
3. họ chăm bón nó

Nó mọc lên và ra hoa kết quả một cách nhanh chóng kỳ diệu, nhưng kết quả là

1. gặt nên kết quả
2. sự đau yếu
3. sự đau đớn không thể chữa được (Gióp 34:6; Giê-rê-mi 15:18; 17:9; 30:12,15; Mi-chê 1:9)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 17:12-14

¹² **Ôi, các dân đông đảo nào động làm sao!**

Chúng gầm lên như biển cả thét gào!

Tiếng ồn ào của các dân

Ầm ầm như tiếng của nhiều dòng thác đổ!

¹³ **Thật, các dân gào lên như nhiều dòng nước đổ ầm ầm,**

Nhưng khi Chúa quở trách, chúng trốn đi xa,

Và bị đù đi như rơm rác trên núi bị gió thổi,

Như bụi đất gặp cơn gió bão.

¹⁴ **Vào buổi tối, kìa, có sự kinh hãi,**

Trước lúc bình minh, chúng chẳng còn gì.

Đó là phần của quân cướp phá,

Là số phận dành cho bọn cướp bóc chúng ta.

17:12-14 Đây là khổ thơ cuối của đoạn 17. Nó được khắc họa bởi sự song hành và sự sử dụng lặp đi lặp lại của hai từ gốc.

1. BDB 242, KB 250, “thì thâm,” “lớn lên,” “gầm rống,” hoặc “huyền nao”
 - a. DANH TỪ, câu 12
 - b. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, câu 12
 - c. *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ, câu 12
2. BDB 980, KB 1367, “rống lên,” “náo động,” “ồn ào,” hoặc “vỡ loảng xoảng”
 - a. DANH TỪ (BDB 981), câu 12
 - b. DANH TỪ (BDB 981), câu 12
 - c. *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ, câu 12
 - d. DANH TỪ (BDB 981), câu 13
 - e. *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ, câu 13
3. hình ảnh song hành, câu 13
 - a. như rơm rác, câu 13
 - b. như bụi đất, câu 13

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gầm rống thì lớn hơn là sự náo động của các dân và họ sẽ phải rút lui như là một kết quả tất yếu! Ngài vượt qua những vực nước hỗn độn một lần nữa cũng như trong sự tạo hóa (Thi Thiên 29).

4. tương phản
 - a. Vào buổi tối, kìa, có sự kinh hãi
 - b. Trước lúc bình minh, chúng chẳng còn gì.
5. những từ đồng nghĩa, câu 14
 - a. cướp đoạt, BDB 1042, KB 1367, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
 - b. cướp bóc, BDB 102, KB 117, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG

17:14 “trước lúc bình minh, chúng chẳng còn gì” Cụm từ này không có ĐỘNG TỪ, vốn chỉ về một sự nhấn mạnh. Dòng này đem lại một văn mạch của sự phục hồi dành cho những câu 12-14. Khổ thơ này song hành với những tưởng của Thi Thiên 2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sai những dân tộc (để sửa phạt dân sự của Ngài bởi vì sự bất tuân giao ước của họ và sự thiếu kém sự trung tín,) nhưng Ngài cũng đoán phạt chính những quốc gia đó. Dân sự của Ngài an toàn trong chính Ngài! Sự đảo ngược tương tự với 10:33-34.

Thường trong sách Ê-sai, sự giải cứu của Đức Chúa Trời được liên kết với sự đến của ánh sáng (8:22-9:2; 17:14; 29:18; 30:26; 33:2; 42:16; 49:9-10; 58:8,10; 60:1-3,19-20).

▣ **“phần của”** Từ này (BDB 324) chỉ về ý muốn của Đức Chúa Trời trong hình ảnh của việc bắt thăm thánh. Nó không có ý chỉ về một số phận hoặc vận mệnh ngẫu nhiên, nhưng là những sự kiện đang nằm trong tay của Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 13:25).

Ê-SAI 18

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thông điệp dành cho Ê-thi-ô-pi	Sự Tuyên Phán Nghịch Lại Ê-thi-ô-pi	Còn về Ê-thi-ô-pi	Đức Chúa Trời sẽ Đoán Phạt Ê-thi-ô-pi	Lời chống lại Cút
18:1-7 (1-7)	18:1-2 (1-2) 18:3 (3) 18:4-6 (4-6) 18:7	18:1-2 (1-2) 18:3-6 (3-6) 18:7	18:1-2 18:3-6 18:7	18:1-6 (1-6) 18:7

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 18:1-7

- ¹ Khôn cho đất đập cánh kêu vù vù,
Là đất ở bên kia các sông của Cút;
- ² Ngươi sai sứ dùng thuyền bằng lau vượt biển,
Lướt trên mặt nước!
Hỡi các sứ giả nhanh nhẹn,
Hãy đi đến một nước có người cao da bóng,
Đến một dân mà xa gần ai cũng sợ,
Một nước hùng cường và hay xâm lược,
Là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt.
- ³ Hỡi tất cả cư dân trên thế giới,
Là những người sống trên mặt đất!
Vừa khi ngọn cờ dựng trên núi,

Các người hãy xem!

Vừa khi kèn thổi lên,

Các người hãy lắng nghe!

⁴ Vì Đức Giê-hô-va đã phán với tôi thế này:

“Từ chỗ Ta đang ngự, Ta sẽ yên lặng nhìn xem

Như tia nắng lung linh từ ánh mặt trời,

Như làn sương trong ánh nắng mùa gặt.

⁵ Trước kỳ thu hoạch, khi mùa hoa đã hết,

Và hoa đã thành những chùm nho chín,

Người ta sẽ dùng liềm cắt những cành non,

Tĩa bỏ những cành rậm lá.

⁶ Chúng sẽ cùng bị bỏ lại

Cho chim săn mồi trên núi

Và cho thú vật trên đất.

Chim săn mồi sẽ ăn chúng trong mùa hạ,

Tất cả thú vật trên đất sẽ ăn suốt mùa đông.”

⁷ Lúc ấy, dân tộc người cao da bóng, tức là dân mà xa gần ai cũng sợ, một nước hùng cường và hay xâm lược, là đất nước có nhiều sông ngòi chia cắt, chính dân ấy sẽ đem lễ vật dâng lên Đức Giê-hô-va vạn quân tại nơi danh Đức Giê-hô-va vạn quân ngự, là núi Si-ôn.

18:1

NASB

“Than ôi”

NKJV, Peshitta

“Khốn thay”

NRSV, JPSOA

“Ôi”

THÁN TỪ này (BDB 222) thường xuyên được sử dụng trong các lời tiên tri (1:4,24; 5:8,11,18,20,21,22; 10:1,5; 17:12; 18:1; 28:1; 29:1,15; 30:1; 31:1; 33:1; 45:9; 55:1). Phần lớn bày tỏ một sự đáp ứng tiêu cực với sự đau đớn sẽ đến bởi sự đoán phạt thiên thượng. Tuy nhiên, vọng một vài văn mạch nó chỉ về sự đồng cảm hoặc thương xót, như trong 18:1; 55:1; Giê-rê-mi 47:6.

▣

NASB, NRSV

“vùng đất của những cánh kêu vù vù”

NKJV

“vùng đất bị che bóng bởi những cánh kêu ồn ào”

TEV

“vùng đất nơi những tiếng động của cánh được nghe thấy”

NJB

“Vùng đất của cào cào kêu vù vù”

LXX

“những cánh của vùng đất của những con tàu”

Peshitta

“vùng đất của những cánh che”

REB

“vùng của những con tàu buồm” (từ những từ cùng gốc trong tiếng Ả-rập và A-ram, từ bộ Targums, và bản dịch LXX)

JPSOA

“vùng đất của bóng tối dưới những cánh”

Từ gốc (ללצ, BDB 852) có một vài nghĩa có thể xảy ra.

1. 852 I, vù vù, ồn ào như tiếng cánh của những con côn trùng
2. 852 II, những tiếng ồn ào xuyên thấu khi bay (Gióp 40:7)
3. cùng NHỮNG PHỤ ÂM, nhưng khác NHỮNG NGUYÊN ÂM, những con cào cào kêu vù vù (Phục Truyền 28:42)
4. SỐ NHIỀU, những nhạc khí gõ (II Sa-mu-ên 6:5; I Sứ Ký 13:8; Thi 150:5).
5. ĐỘNG TỪ liên quan (ללצ, BDB 852), kêu ù ù (I Sa-mu-ên 3:11; II Các Vua 21:12; Giê-rê-mi 19:3) hoặc rung lên (Ha-ba-cúc 3:16)
6. 853 II, chìm (Xuất 15:10)
7. 853 III, trở nên tối đen (Nê-hê-mi 13:19; Ê-xê-chi-ên 31:3)
8. DANH TỪ liên quan ללצ, bóng tối (Ê-sai 4:6; 16:3; 25:4,5; 30:2,3; 32:2; 34:15; 38:8; 49:2; 51:16 (đây là cách JPSOA đã dịch cụm từ này)

□
NASB, MT,
NJB, REB **“Cút”**
NKJV, LXX,
 Peshitta **“Ê-thi-ô-pi”**
NRSV footnote **“Nubia”**

Từ này chỉ về vùng đất phía nam của thác nước lớn đầu tiên của sông Nin. Nó được biết đến trong Sáng Thế Ký là “Cu-sơ (Cút)” (BDB 468, Sáng 2:13; 10:6,7,8). Trong thời kỳ Hy Lạp nó được gọi là “Ê-thi-ô-pi.” Ngày nay nó có thể bao gồm cả Sudan và những phần của nước Ethiopia hiện đại (ghi chú trong bản TEV, trang 625).

Trong cùng văn mạch (đoạn 19), nó có thể chỉ đến Triều Đại thứ 25 của những người cai trị Ai Cập người Nubian (Pianchia, Shabaka).

Tuy nhiên, hãy chú ý rằng những người được nhắc đến ở đây là “phía bên kia bờ sông của Cút .” Có lẽ chính Ai Cập cũng đang tìm kiếm những sự vụ lợi!

18:2 “những thuyền bằng lau” Đầu tiên một suy nghĩ là điều này bắt buộc phải chỉ về những thuyền buồm trên sông Nin, nhưng đồng thời cùng một loại thuyền này cũng được sử dụng trên những dòng sông Tigris và Euphrates (theo quyển, *Manners and Customs of the Bible*, trang 2560 được viết bởi James M. Freeman).

□**“Hãy đi”** Đây là một *Qal* THÊ MỆNH LỆNH. Nhưng mệnh lệnh này dành cho ai?

1. những sứ giả từ Cút
2. những sứ giả từ Ai Cập
3. Những sứ giả từ những nhóm người hám lợi ở phía nam của Cút
4. những sứ giả đến từ A-si-ri
5. mọi đội quân của con người chống lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và dân sự giao ước của Ngài

Ê-sai thường xuyên chuyển từ một bối cảnh theo lịch sử thành một bối cảnh lai thế học. Những sự kiện và những sự khủng hoảng trong thời đại của ông báo trước những sự kiện của những tổng kết then chốt của lịch sử. Sự linh hoạt này thật khó để xác định cố định vào một chỉ dẫn lịch sử (thời gian, địa điểm, con người). Những hậu quả và mục đích rộng lớn luôn vận hành phía sau những sự kiện đã hiện hữu.

□ Câu này mô tả về dân tộc này

1. là một dân đi biển (những thuyền lau bằng lau sậy, BDB 479 ghép với BDB 167)
2. dân cao lớn (BDB 604, KB 645, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ, nguyên văn “kéo dài”)
3. dân trơn láng, BDB 598, KB 634, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ (được sử dụng cho đầu trơn, nhưng cũng dùng cho những thanh gươm được đánh bóng và da của những người: [1] không tì vết, REB, TEV, “da trơn láng” [2] một màu sẫm, “màu đồng”, NJB; hoặc [3] cạo sạch, không có lông tóc trên đầu)
4. xa gần ai cũng sợ
5. một dân tộc hùng mạnh (từ Hê-bơ-rơ không rõ, nhưng có lẽ là một thành ngữ được dùng cho “một ngôn ngữ lạ”)
6. một dân hay xâm lược (từ Hê-bơ-rơ không rõ)
7. vùng đất bị chia cắt bởi những dòng sông (từ Hê-bơ-rơ không rõ, ĐỘNG TỪ này, BDB 102, KB 107, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, duy nhất xuất hiện ở trong đoạn này. Cách dịch “chia cắt” ở đây dựa trên từ gốc tiếng A-ram. REB dịch là “gây tai họa,” chỉ về một trận lụt hàng năm, tuy nhiên, nó có thể chỉ về dòng Tigris and Euphrates)

Dân Số Ký 2-6 được lặp lại trong câu 7. Sự mô tả này phù hợp với nhóm người ở phía nam của thác nước lớn đầu tiên của sông Nin, một nhóm người cao lớn, đen và hiếu chiến.

Tuy nhiên, văn mạch này cũng có thể hiểu rằng Ai Cập muốn tìm kiếm liên minh quân sự để chống lại A-si-ri. Từ được dịch là “cao” không bao giờ được dịch theo cách này bất kỳ nơi nào khác trong Kinh Thánh. Sự mở rộng toàn câu trong câu 3 có thể khiến cho thông điệp từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rằng không ai có thể giúp đỡ một đất nước trốn khỏi sự đoán phạt của Ngài. chính Ai Cập, hay là bất cứ một dân tộc lừng danh hiếu chiến nào có thể giúp đỡ Giu-đa (như trong đoạn 7), duy chỉ mình ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Những câu hỏi về văn mạch

1. đoạn 18 có phải là một đoạn thơ độc lập?
2. đoạn 18 có liên quan với đoạn 17?
3. đoạn 18 có liên quan với đoạn 19?



NASB “một nước hùng mạnh và áp bức”
NKJV “một nước hùng mạnh và giẫm đạp lên”
NRSV “một nước mạnh và xâm chiếm”
TEV “một nước mạnh mẽ và đầy quyền lực”
JPSOA “một nước lấp bắp và nói riu rít”

Bản dịch LXX và Peshitta dịch cụm từ này như là một nước bị đánh bại, nhưng không được theo bởi những bản dịch hiện đại.

Có hai DANH TỪ mô tả được sử dụng cho những người này.

1. Từ “hùng mạnh” (BDB 876) được dùng hai lần. Cách này có thể làm tăng nặng nghĩa của từ (tiếng ồn của những quân đội hành quân của họ, theo IVP Bible Background Commentary, trang 608) hoặc là, giống như bản JPSOA, đổi nó thành một sự mô tả ngôn ngữ của họ.
2. Từ thứ hai (BDB 101) có nghĩa đen là “giẫm đạp lên” (NKJV) trong nghĩa biểu tượng của sự xâm lược.

18:3 “tất cả cư dân trên thế giới, là những người sống trên mặt đất” Ê-sai đã đề cập đến một nhóm lớn hơn này một vài lần (2:2-4; 9:7; 11:10,11-12; 12:4-6; 17:7-8; 26:9). Những gì đã xảy ra với tuyên dân giao ước ảnh hưởng đến mọi dân tộc. Từ này có thể chỉ đến một sự cứu chuộc hay đoán phạt trên toàn cầu (13:11; 24:4; 34:1). Trong một nghĩa, cách sử dụng từ “thế giới” (BDB 385) chỉ về tầm quan trọng đáng chú ý, quyền năng, và sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên toàn cầu, cũng như đơn vị văn học về sự đoán phạt trên những dân tộc xung quanh đã bày tỏ. Những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ảnh hưởng trên toàn bộ trái đất. Ngài là Chúa của toàn bộ thế giới tạo vật!

Ai đã gửi những thông điệp trong câu 3 và nó được gửi đến ai?

1. Từ Cút đến A-si-ri
2. Từ liên minh chống A-si-ri gửi đến Cút (phần ghi chú trong bản NRSV)
3. Thông điệp về khả năng hợp tác chống A-si-ri gửi đến Sy-ri và Y-sơ-ra-ên (phần ghi chú trong bản REB)
4. Cút đáp ứng với thông điệp cầu cứu từ Giu-đa (phần ghi chú Jewish Study Bible)
5. phần ghi chú bản JB cho biết cả đoạn chỉ về Ai Cập bởi vì trong giai đoạn này các Pha-ra-ôn là người Nubian. Vì vậy nó có thể là cùng một đơn vị văn học với đoạn 19, chứ không phải đoạn 17!
6. A-si-ri gửi đến cả thế giới
7. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gửi đến toàn bộ những kẻ thù con người là những kẻ chống lại mục đích và dân sự của Ngài (Thi 2).

Qua đó chúng ta một lần nữa thấy được sự mơ hồ, nhưng đầy mạnh mẽ và giàu hình ảnh của thơ ca Hê-bơ-rơ.

▣ Những từ này có về sự truyền thông trong chiến trận (giương cờ và nghĩa thổi kèn). Những biểu tượng này có thể nói về

1. sự đoán phạt (những câu 5-6)
2. sự cứu rỗi (câu 7)

Thật là tuyệt vời đến dường nào về áng thơ nhỏ này đã khắc họa sự rối ren của trái đất và sự yên bình của thiên đàng, cũng như là những gì có vẻ như là một sự đoán phạt biến thành một lời mời gọi (2:2-4; 11:10; 49:6; 51:4-8).

18:4 “Vì Đức Giê-hô-va đã phán với tôi” Đây là một sự nhắc đến đặc biệt một lần nữa về sự công bố về sự thần cảm của Ê-sai. Thông điệp không phải của chính ông, nhưng là của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Đây là vấn đề của tác quyền của Kinh Thánh! Đức Chúa Trời có phán hay không? Chúng ta có hiểu được lời phán của Ngài hay không? Chúng ta có thể tin cậy lời phán của Ngài hay không? Đây là những câu hỏi nền tảng cần phải được trả lời bởi tất cả mọi người và bất cứ ai là người bước đến và liên hệ với Kinh Thánh. Hãy xem những bài

giảng “Sự Đáng Tin Cậy của Cựu Ước” và “Sự Đáng Tin Cậy của Tân Ước” trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org trong “Hội Thảo về Giải Nghĩa Kinh Thánh,” Bài Thứ Hai.

▣ Những dòng 2-4 mô tả về thông điệp của Đức Chúa Trời gửi đến với Cút hoặc đến với A-si-ri. Ngài phán một cách chắc chắn (hai THỂ KHÍCH LỆ) từ (1) Ngọn Mô-ri-a, đền thờ nơi Ngài ngự giữa những cánh của Chê-ru-bim trên Hòm Giao Ước hoặc là (2) một sự chỉ đến thiên đàng (I Các Vua 8:39,43,49). Sự hiện diện của Ngài là chói sáng rực rỡ!

Trong sách Ê-sai Giê-ru-sa-lem không bao giờ bị cất đi. Câu này có thể phản ánh thần học đó. Thế giới có thể rơi vào chiến tranh loạn lạc (câu 3), nhưng Giu-đa luôn được yên ninh trong sự che chở, bảo vệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA 7:4; 8:8). Giu-đa không cần hình thành liên minh với Sy-ri/Y-sơ-ra-ên hay Ai Cập. A-si-ri sẽ bị đánh bại cách hoàn toàn.

Sự thanh bình, hòa bình và yên ninh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nơi thiên đàng thì tương phản trái ngược với sự loạn lạc trên trái đất. Điều này rất giống với cấu trúc văn học của sách Khải Huyền, nơi mà sự hỗn loạn trên đất được mô tả trong những đoạn 2-3, nhưng nơi ngôi trên thiên đàng thì thật yên tĩnh và bình yên trong những đoạn 4-5! Lịch sử không phải là một dòng chảy thay đổi liên tục, nhưng là một phương tiện cho một kế hoạch cứu chuộc đến đỉnh điểm được thiết kế và điều khiển bởi Đức Chúa Trời!

18:5 Thông điệp đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được đưa ra trong những ẩn dụ trong nông nghiệp, vốn rất phổ biến trong Ê-sai. Một vụ mùa thất bại sẽ hủy diệt những người phụ thuộc vào vụ mùa trong mỗi năm. Đây là một ẩn dụ của sự đoán phạt tức thời (17:14).

18:6 Cái chết của dân cư loài người sẽ trở thành một bữa tiệc thịnh soạn cho các loài chim săn mồi và những loài thú hoang.

18:7 Một thời điểm sẽ đến khi những người sót lại của những dân này (hoặc có lẽ là toàn bộ thế giới Người Ngoại (không phải là người Do Thái) sẽ gửi đến một thông điệp nữa, nhưng lần này không phải là một sự đe dọa (câu 3), nhưng là một lễ vật cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA ở Giê-ru-sa-lem (câu 7, dòng 6). Món quà này phải là một biểu tượng văn hóa/tôn giáo về sự nhận biết uy quyền và sự tể trị của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Những kẻ thù trong câu 1-2 giờ đây là những người thờ phượng! Đây là sự ứng nghiệm của Sáng 3:15 (Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Thiên Kiến Thuần Túy Tin Lành của Bob tại 1:3). Mục đích cứu chuộc thì rộng lớn hơn là dòng dõi xác thịt của Áp-ra-ham. Nó bao gộp dòng dõi thuộc linh của ông (Rô-ma 2:28-29)!

▣

NASB, NKJV,

NRSV, REB,

LXX

“từ”

NJB

“thay cho”

Bản MT dùng DANH TỪ “dân” (BDB 766 I), nhưng không có GIỚI TỪ. Có lẽ chính dân là những của lễ.

Bản DSS, Bản Bảy Mươi và Vulgate có một giới từ “từ”

Ê-SAI 19

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thông điệp gửi đến Ai Cập	Lời Công Bố Nghịch cùng Ai Cập	Lời Chống Nghịch cùng Ai Cập	Đức Chúa Trời Sê Đoan Phạt Ai Cập	Lời Chống Nghịch cùng Ai Cập
19:1-4 (1-4)	19:1 (1) 19:2-4 (2-4)	19:1-4 (1-4)	19:1-4	19:1-4 (1-4)
19:5-10 (5-10)	19:5-10 (5-10)	19:5-10 (5-10)	19:5-10	19:5-15 (5-15)
19:11-15 (11-15)	19:11-15 (11-15)	19:11-15 (11-15)	19:11-15	
		Sự Cải Đạo của Ai Cập Và A-si-ri	Ai Cập Sê Thờ Phụng Đức Giê-hô-va	Sự Cải Đạo của Ai Cập
19:16-17	19:16-17 Ai Cập, A-si-ri và Y-so-ra-ên Sê Được Phước	19:16-17	19:16-17	19:16-23
19:18	19:18	19:18	19:18	
19:19-22	19:19-22	19:19-22	19:19-22	
19:23	19:23	19:23	19:23-25	
19:24-25	19:24-25	19:24-25		19:24-25

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 19:1-4

¹ Lời tiên tri về Ai Cập:

“Này, Đức Giê-hô-va cưới trên đám mây,
Nhanh chóng đến Ai Cập.

Các tượng thần của Ai Cập đều run rẩy trước mặt Ngài,
Lòng người Ai Cập thất đảm kinh hồn.

² Ta sẽ khiến người Ai Cập chống lại người Ai Cập;

Người ta sẽ gây chiến với anh em mình,
Người lân cận chống người lân cận,
Thành này chống thành kia,
Vương quốc này chống vương quốc nọ.

³ Người Ai Cập sẽ mất hết tinh thần,
Ta sẽ làm xáo trộn kế hoạch của chúng.

Bây giờ, chúng sẽ cầu hỏi các tượng thần,
Các thầy phù thủy, đồng cốt, và thầy bói.

⁴ Ta sẽ phó dân Ai Cập
Vào tay các bạo chúa,
Một vua bạo ngược sẽ cai trị chúng.”

Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

19:1 “Đức Giê-hô-va cưới trên đám mây” Đây là ngôn ngữ bóng bẩy mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là

1. Đáng tề trị trên thiên nhiên
2. Đáng điều khiển sức mạnh của tự nhiên
3. sự mau chóng khi Ngài đến

Hãy xem Thi 18:10; 104:3. Cụm từ này có một sự liên hệ về Đấng Mê-si với Đa-ni-ên 7:13 và Ma-thi-ơ 26:64; Mác 14:62.

Cũng như nhiều cụm từ trong Cựu Ước khác mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chúng ta tìm được những cụm từ tương tự dù cho những vị thần ngoại giáo hoặc cho những kẻ thống trị của khu vực Cận Đông Cổ Đại. Cưới trên đám mây cũng được sử dụng cho *Ba-anh* trong những bài thơ Ugaritic. Cũng như cách dân sự của Đức Chúa Trời đối diện với những tuyên bố/ những sự công bố mang tính ngạo mạn của những dân tộc xung quanh, thì họ cũng khẳng định về Đức Chúa Trời của họ, là Đức Chúa Trời duy nhất, là Đấng mà trong Ngài họ mới có thể tìm thấy được ý nghĩa thật sự của đời sống họ. Thật chính xác như những cụm từ như “Vua các vua và Chúa các chúa” và rất nhiều những danh xưng phổ biến khác của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **“nhanh chóng đến Ai Cập”** Sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA một lần nữa là cả sự phán xét (những câu 1-15) và sự cứu chuộc (những câu 16-23). Nó có hai lớp nghĩa xuyên suốt qua phần lớn những lời tiên tri Hê-bơ-rơ. những cách hành văn trong văn học được biết đến như là “sự đảo ngược” thống trị trong thể loại này. Nó giống như những phép song hành phản đề vốn chiếm một khối lượng lớn trong tác phẩm (như một nghịch lý).

Ai Cập sẽ bị sửa phạt để rồi được tẩy sạch và chuẩn bị cho sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài sẽ đến với họ trong sự giải cứu cũng như Ngài đã đến với Giu-đa. Tấm lòng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được hướng đến những con người được tạo dựng nên theo hình ảnh của Ngài (Sáng 1:26- 27), không chỉ là một nhóm người được lựa chọn mà thôi (Y-sơ-ra-ên). Ngài dùng dòng dõi của Áp-ra-ham để hoàn thành một mục đích lớn hơn (Sáng 3:15)!

▣ **“Các tượng thần của Ai Cập”** Ai Cập có rất nhiều thần (Xuất 12:12; Dân Số Ký 33:4). Sự thờ hình tượng và sự thông linh của họ được mô tả trong câu 3.

1. những tượng thần (BDB 47)
2. những hồn ma của người chết (BDB 31, tìm thấy duy nhất ở đây)
3. những đồng cốt (BDB 15, “những kẻ cầu hồn,” Phục Truyền 18:11)
4. những kẻ thông linh (BDB 396, “những phù thủy,” “những kẻ liên hệ với các linh,” Phục Truyền 18:11) Hãy xem ghi chú tại 8:19.

Những tai vạ trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký đã làm mất đi giá trị của nhiều thần tượng của người Ai Cập một cách cố ý ững mục đích gây dựng đức tin của cả người để phục vụ cho nhY-sơ-ra-ên và Ai Cập (“vô số người ngoại bang,” Xuất 12:38).

Trong phần Kinh Thánh này, những người này tuyên bố rằng họ có quyền năng hoặc mối liên hệ tâm linh (thông linh) để liên hệ với người chết (Lê-vi-ký 19:31; 20:6,27; Phục Truyền 18:11; I Sa-mu-ên 28:8; II Các Vua 21:6; II Sứ Ký 33:6; Ê-sai 8:19; 19:3). Họ tìm kiếm những thông tin và cách kiểm soát tương lai, nhưng xa cách khỏi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Điều này bị gây ra bởi vì

1. bản chất sa ngã của nhân loại
2. sự tự lừa dối chính mình của những tiên tri/ tư tế
3. những hoạt động ma quỷ
4. sự tìm kiếm những quyền năng thuộc linh có quyền cuộc sống của chúng ta và cuộc sống những người khác

▣ Hai dòng cuối của câu 1 song hành với nhau.

1. những thần tượng của Ai Cập sẽ bị rúng động, BDB 631, KB 681, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 6:4; 7:2 (hai lần); 19:1; 24:20 (hai lần); 29:9; 37:22
2. tâm lòng của những người Ai Cập sẽ tan chảy trong họ, BDB 587, KB 606, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 13:7; Giô-suê 2:11; 5:1; 7:5 (từ ngữ của “cuộc thánh chiến”)

19:2 Một sự tự hỏi điều này có liên hệ với

1. quân đội thiện chiến của những kẻ cai trị người Nubian chống lại những người Ai Cập bản địa ở khu vực Delta
2. sự mâu thuẫn giữa những thành phố khác nhau ở Ai Cập, mà mỗi thành phố đều có những vị thần riêng của họ

Sự mâu thuẫn bên trong giữa cùng một dân tộc và quân đội của họ là một ví dụ khác của “cuộc thánh chiến” (Các Quan Xét 7:22; I Sa-mu-ên 14:20; II Sứ Ký 20:23).

▣ “**Ta sẽ...**” Ê-sai đang nói trực tiếp cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (những câu 2,3,4). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gây nên

1. những cuộc nội chiến, câu 2
2. sự thoái chí nản lòng, câu 3a
3. những lời tư vấn/ chiến lược gây rối loạn, câu 3b
4. sự tin cậy vào những thần giả dối, câu 3,c,d
5. sự tiến đến của một bạo chúa tàn bạo, một vị vua hùng mạnh, câu 4

▣

NASB, REB “Ta sẽ xúi giục”

NKJV “Ta sẽ khiến”

**NRSV, TEV,
NJB, LXX,**

Peshitta “Ta sẽ khuấy động”

ĐỘNG TỪ này (BDB 696 I hoặc BDB 1127) được sử dụng hai lần trong gốc từ *Pilpel* (Ê-sai 9:11 và ở đây). Trong văn mạch nó có vẻ có nghĩa là

1. khuấy động
2. kích động
3. xúi giục (gốc từ Ê-thi-ô-pi)

Gốc từ tiếng Ả-rập có nghĩa là “có mùi hôi thối” (NIDOTTE, tập 3, trang 233).

19:3 “làm hỏng” Gốc từ Hê-bơ-rơ này (BDB 118 I) bình thường có nghĩa là “nuốt.” Nhiều học giả cho rằng nó có một nghĩa thứ hai cho cùng một từ gốc, “làm hỏng” hoặc “làm rối loạn” (BDB 118 III, 3:12; 9:15; 28:7).

19:4 Trong văn mạch (20:4) điều này có thể chỉ về (1) A-si-ri (đoạn 20) hoặc (2) những kẻ xâm lược (đoạn

18). Cùng một thuật ngữ được sử dụng cho Ba-by-lôn trong Giê-rê-mi 46:26; Ê-xê-chi-ên 29:19. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA điều khiển các đế chế cho mục đích của Ngài.

Bạn phải lựa chọn xem đây có phải là cách nói khoa dụ tiêu biểu của hoàng gia Cận Đông Cổ Đại hay không, vốn rất phổ biến trong thế giới cổ đại, hay là sự thật (một thế giới quan theo Kinh Thánh). Những tác giả được thần cảm lấy những thuật ngữ của khu vực Cận Đông Cổ Đại và dùng những từ đó cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Sự căn cứ vững chắc của nó là một vấn đề đức tin! Có phải Kinh Thánh là một sự tự mặc khải duy nhất, được thần cảm của một Đấng Chân Thần, Đức Chúa Trời duy nhất? Đây chính là vấn đề! Hãy xem những bài giảng của tôi “Tại sao Tôi Tin Cây Cọ Ước” và “Tại sao Tôi Tin Cây Tân Ước” trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org trong phần “Hội Thảo Giải Nghĩa Kinh Thánh” (Video đã chỉnh sửa của Hội Thảo năm 2009, Bài số 3).

▣ “**Ta sẽ phò**” ĐÔNG TỪ này (BDB 698, KB 755, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH) có nghĩa “chuyên tay cho” (Targums, LXX, Peshitta). Đông từ thể *Piel* xuất hiện duy nhất ở đây. ĐÔNG TỪ này xuất hiện ở thể *Niphal* trong Sáng 8:2 và Thi 63:12, nơi nó có nghĩa “hãy dừng lại.” Nghĩa rộng của từ thể *Piel* đến từ một từ gốc A-ram. Vì vậy, chúng có thể có hai từ gốc Hê-bơ-ơ khác nhau.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:5-10

- ⁵ **Biển sẽ không còn nước,
Sông sẽ cạn và khô.**
- ⁶ **Kênh rạch sẽ trở nên hôi thối,
Sông suối của Ai Cập cạn dần và khô đi;
Lau sậy đều chết héo.**
- ⁷ **Các đồng cỏ dọc bờ sông
Và cửa sông Nin,
Cùng tất cả đồng ruộng đã gieo của nó đều khô héo,
Bị cuốn đi, không còn nữa.**
- ⁸ **Những người đánh cá sẽ khóc than,
Mọi kẻ giăng câu ở sông Nin đều rên xiết,
Và kẻ thả lưới trên các dòng nước đều ủ rũ.**
- ⁹ **Những người dệt vải gai mịn
Và những người dệt vải trắng đều xấu hổ.**
- ¹⁰ **Các thợ dệt của Ai Cập đều chán nản,
Tất cả người làm thuê đều buồn rầu.**

19:5-10 Khô thơ này mô tả sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Ai Cập.

1. nguồn nước dồi dào từ sông Nin của họ sẽ khô cạn.
2. sự mất mát nguồn nước sẽ khiến cây cỏ khô chết.
3. sự mất mát nguồn nước tưới tiêu vụ mùa sẽ khô chết.
4. mất đi nguồn nước thì nghề đánh cá sẽ than khóc và mòn mỏi.
5. với sự mất mát đó thì nghề may mặc cũng phải dừng lại.
6. Cả xã hội Ai Cập đều sẽ bị ngừng lại một cách hủy diệt và nghiền nát.
7. tất cả những người làm thuê đều sẽ phải than khóc.

Có ba ĐÔNG TỪ liên quan mô tả sự mất đi của nguồn nước.

1. “khô cạn,” BDB 677, KB 732, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH, câu 5; 41:17;
2. “khô nẻ,” BDB 351, KB 349, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, những câu 5,6; 11:15; 37:25; 44:27; 50:2; 51:10
3. “khô,” BDB 386, KB 384, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, những câu 5,7; 15:6; 27:11; 40:7,8,24; 42:15 (hai lần); 44:27

Khả năng của Đức Chúa Trời trong việc kiểm soát nguồn nước (nguồn vật chất duy nhất mà Đức Chúa Trời đã không dựng nên cách rõ ràng trong Sáng Thế Ký 1) được lặp đi lặp lại nhiều lần trong Cây Ước.

1. phân tách nước ở phía trên và phía dưới, Sáng 1:7
2. thu gom nước để đất khô có thể hiện ra, Sáng 1:9-10

3. sai con nước lụt, Sáng 7:4,7
4. làm khô đi con lụt, Sáng 8:2-3
5. chu cấp một giếng nước cho A-ga, Sáng 21:19
6. rẽ đôi và phục hồi Biển Cây Sậy, Xuất 14:16,27
7. tẩy sạch nguồn nước tại Ma-ra, Xuất 15:22-25
8. chu cấp nước từ hòn đá trong đồng vắng, Dân Số Ký 20:8,11
9. hứa ban sự dư dật trong nông nghiệp nếu giao ước được vâng giữ, Phục Truyền 27-28
10. rẽ đôi sông Giô-đanh, Giô-suê 3:14-17; 4:23-24
11. làm khô cạn sông Nin và các sông nhánh của nó, Ê-sai 19:5
12. sẽ làm cạn khô sông Ô-phơ-rát, Khải Huyền 16:12
13. dòng nước chảy ra từ đền thờ (Ê-xê-chi-ên 47:1) từ Giê-ru-sa-lem (Xa-cha-ri 14:8) và từ thành thánh thiên đàng, Khải Huyền 22:1

Đối với dân sống ở sa mạc thì đây thực sự là những phép lạ vĩ đại và là bằng chứng của quyền năng của Đức Chúa Trời bởi vì bản chất nước chính là biểu tượng của sự sống. Hãy nhớ, dòng sông Nin được xem là một trong những vị thần chính của Ai Cập (cũng như thần *Re*, vị thần mặt trời, câu 18).

19:6 “sẽ bốc mùi hôi thối” ĐỘNG TỪ này (BDB 276 II, KB 276, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) xuất hiện duy nhất ở đây. Có vẻ nó phản ánh một gốc từ tiếng Á-rập. Sự chết của nguồn cây cỏ rất dồi dào đã bắt đầu thối rữa!

19:9

NASB, NJB “vải trắng”
NKJV “vải tốt”
NRSV, REB “trở nên nhọt nhọt”
LXX “vải lanh”
JPSOA “phiền muộn”

Bản MT dùng chữ חורר, “áo trắng” (để xem sự song hành trong tiếng A-ram hãy xem Đa-ni-ên 7:9), nhưng sự song hành phù hợp tốt hơn với חורר, “trở nên nhọt nhọt” (Ê-sai 29:22 và bản DSS của câu này). Rõ ràng đây là một sự chơi chữ có ý từ “trắng” (חורר, BDB 301).

19:10

NASB “những cột trụ”
NKJV, JPSOA “những nền tảng của nó”
NRSV, TEV, NJB “những người dẹt vải”

Bản MT (BDB 1011, chỉ ở đây) dùng từ “nền tảng” hoặc “sự hỗ trợ” (của xã hội), vốn chỉ về những lãnh đạo thuộc giai cấp thượng lưu. “những người dẹt vải” đến từ những người tìm một sự song hành cân bằng với “những người làm thuê” (theo bản DSS, Targums đến từ từ gốc tiếng A-ram, “những người dẹt vải”) trong dòng thứ hai. Câu hỏi đặt ra là, “Sự song hành đồng nghĩa (người dẹt vải) hay phản đề (giai cấp thượng lưu và giai cấp hạ lưu)?” Văn bản Hê-bơ-rơ vẫn là mơ hồ (bản LXX và Peshitta).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:11-15

- ¹¹ Các quan chức ở Xô-an chỉ là ngu dại;
 Các cố vấn khôn ngoan của Pha-ra-ôn đưa ra những ý kiến diên rò.
 Sao các người có thể nói với Pha-ra-ôn:
 “Tôi là con của bậc hiền triết,
 Là con cháu các vua thời xưa?”
- ¹² Vậy thì các bậc hiền triết của người ở đâu?
 Họ hãy nói cho người biết
 Những gì Đức Giê-hô-va vạn quân đã định
 Để chống lại Ai Cập.
- ¹³ Các quan chức ở Xô-an đã trở nên dại dột,
 Các quan chức ở Nốp bị lừa dối;
 Những người làm viên đá gốc cho các bộ tộc của chúng

Đã làm cho Ai Cập lầm lạc.

¹⁴ Đức Giê-hô-va đã trộn vào giữa chúng

Một linh nhằm lẫn,

Nó làm cho Ai Cập lầm lạc trong mọi việc,

Như người say vừa đi lão đảo vừa nôn mửa.

¹⁵ Chẳng còn việc gì có thể làm cho Ai Cập nữa,

Dù là đầu hay đuôi, việc lớn hay việc nhỏ.

19:11-15 Khổ thơ này là một soạn thảo kỹ lưỡng từ câu 3.

1. câu 11, “Các quan chức (hoàng tử) ở Xô-an” (Tanis, thủ phủ của khu vực Delta) đơn giản chỉ là ngu dại (BDB 17, được sử dụng cho Giu-đa trong Giê-rê-mi 4:22)
2. câu 11, “lời tư vấn của những cố vấn khôn ngoan nhất của Pha-ra ôn trở nên ngu dại” (nguyên văn “ngu đần,” BDB 129 II, KB 146, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ, Giê-rê-mi 10:14,21; 51:17)
3. câu 13, “những hoàng tử của Xô-an đã hành động một cách ngu xuẩn” (BDB 383, KB 381, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ, Giê-rê-mi 5:4; 50:36)
4. câu 13, “những hoàng tử của Memphis (Noph, một thủ đô khác của Ai Cappj) bị lừa dối” (BDB 674, KB 728, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH; *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH được sử dụng trong Sáng 3:13)
5. câu 13, “đã dẫn Ai Cập đi lầm lạc” (BDB 1073, KB 1766, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, câu 14; 3:12; 9:16; Giê-rê-mi 23:13,32; Ô-sê 4:12; Mi-chê 3:5)
6. câu 14, “dẫn đi lầm lạc...lão đảo” (cùng một ĐỘNG TỪ như ở mục #5, ở đây chỉ về tình trạng say rượu)

19:11 Dòng 4 là một thành ngữ chỉ về một nhóm những người khôn ngoan, giống như việc Đa-ni-ên là thành viên của một nhóm tương tự ở Ba-by-lôn. Từ “con trai” có chức năng như là “thành viên của một nhóm.”

19:12 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hỏi một cách mỉa mai một câu hỏi tu từ. Nó được nhấn mạnh hơn nữa bởi hai THỂ CHỨA HOÀN THÀNH (BDB 616, KB 615, và BDB 393, KB 390) được sử dụng trong nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (“hãy để chúng...”).

Họ tuyên bố rằng mình khôn ngoan (câu 11d; I Các Vua 4:30; Công Vụ 7:22). Họ công bố rằng mình có những kế hoạch (câu 3b), nhưng sự khôn ngoan và những kế hoạch của họ đã bị phủ nhận trong những kế hoạch của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 12a).

19:13 “Những người làm viên đá góc cho các bộ tộc của chúng” Ở đây “đá góc” (BDB 819) chỉ về những lãnh đạo (Các Quan Xét 20:2; I Sa-mu-ên 14:38).

19:14

NASB, LXX “trộn lẫn”

NKJV, Peshitta “lẫn vào”

NRSV, JB “đổ vào”

REB, NJB “pha”

Bản MT dùng ĐỘNG TỪ “pha lẫn” (פָּחַל, BDB 587, KB 605, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH), vốn chỉ về một thứ rượu mạnh (5:22). Tuy nhiên, bởi Ê-sai 29:10 nó có thể là một ĐỘNG TỪ có lẽ là פָּחַל (“đổ vào,” BDB 650, KB 703, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH), vốn được thấy trong bản DSS. Trong cả hai trường hợp, điểm chính ở đây là sự say sưa như là một ẩn dụ về sự bối rối và không ổn định.

19:15 Dòng thứ hai có hai thành ngữ chỉ về mọi giai cấp trong xã hội (9:14-15).

1. đầu – đuôi
2. cây cọ – cây sậy

Sẽ có một sự bất lực hoàn toàn bởi Đức Chúa Trời khiến/sai đến! Những ai đã tuyên bố mình là khôn ngoan (những câu 11d, 12a, 13c) đã bị chứng tỏ rằng họ không hề khôn ngoan bởi vì những gì họ đã tin cậy vào (1) những thần lừa dối; (2) những người cuồng tín sai trật; và (3) những kế hoạch ngu muội (câu 3)! Mọi sự lãnh đạo của Ai Cập (những câu 11-12), xã hội dân sự và tôn giáo, đã mất đi vai trò của mình, cũng như tất cả

những người làm của chúng (những câu 8-10).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:16-17

¹⁶ Trong ngày đó, người Ai Cập sẽ giống như đàn bà run rẩy sợ hãi khi thấy tay Đức Giê-hô-va vạ quân vung lên, giơ ra chống lại chúng. ¹⁷ Bảy giờ, đất Giu-đa sẽ trở thành nỗi kinh hoàng cho Ai Cập. Mỗi khi người ta nhắc đến Giu-đa trước mặt ai thì người ấy khiếp sợ, vì chương trình của Đức Giê-hô-va vạ quân dự định trừng phạt Ai Cập.

19:16-17 Hai câu này mô tả những hành động mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (“tay Đức Giê-hô-va vạ quân vung lên”) sẽ làm, mục đích của Ngài (câu 17b, BDB 420).

1. Người Ai Cập sẽ trở nên giống như đàn bà, câu 16
2. họ sẽ run rẩy, câu 16 (BDB 353, KB 350, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)
3. họ sẽ rơi vào sự kinh hoàng, câu 16 (BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)
4. Giu-đa sẽ trở nên một nỗi khiếp sợ cho Ai Cập, câu 17 (ĐỘNG TỪ, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, DANH TỪ, “sự khiếp sợ,” BDB 291, nhưng chỉ thấy duy nhất ở đây)
5. họ sẽ ở trong sự kinh khiếp, câu 17 (BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, hãy xem mục #3)

19:16 “Đức Giê-hô-va vạ quân” Giống như cụm từ “trong ngày đó” liên kết năm khổ thơ cuối (trong những câu 16, 18, 19, 23, 24), thì danh xưng lặp đi lặp lại này của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (những câu 16, 17, 18, 20, 25 và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đứng một mình trong những câu 19, 20, 21, 22). Đức Chúa Trời giao ước rất năng động trong những khổ thơ về sự cứu chuộc đầy tuyệt vời dành cho các dân tộc này!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:18

¹⁸ Trong ngày đó, tại đất Ai Cập sẽ có năm thành nói tiếng Ca-na-an và nhân danh Đức Giê-hô-va vạ quân mà thề. Một trong các thành ấy được gọi là Thành Hủy Diệt

19:18 Đây là một đoạn văn riêng biệt. Nó chỉ về sự cải đạo từ việc thờ hình tượng trở thành thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Cụm từ “tiếng Ca-na-an” chỉ về tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 488 I). Nó có thể là một sự ngụ ý chỉ về Ê-sai 6:5 hay là ngay cả Sáng 11:1.

Cụm từ “thề một cách nghiêm túc (trung thành)” (BDB 989, KB 1396, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ) chỉ về một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời của Giu-đa (những câu 19-22, 23, 24-25). Đây luôn luôn là mục đích của sự đoán phạt thiên thượng!

▣ **“Trong ngày đó”** Chú ý cụm từ được lặp đi lặp lại cách định kỳ, “trong ngày đó,” trong những câu 16, 18, 19, 23, 24. Điều này chỉ về những ngày đặc biệt trong tương lai.

1. của một sự đoán phạt và kinh hoàng, những câu 16-17
2. của một sự cải đạo (những câu 18, 19-22) và thờ phượng trên toàn cầu (những câu 23, 24-25)

Một lần nữa, một sự khủng hoảng đương thời (câu 20) tại khu vực Cận Đông Cổ Đại đã phản chiếu một sự kiện lai thế học cuối rất. Sự đoán phạt có một mục đích cứu chuộc (câu 22). Điều ác, sự phản nghịch, và sự ngu dốt sẽ không phải là những lời cuối cùng! ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một kế hoạch và mục đích cứu chuộc đời đời dành cho cả thế giới (câu 24b).

▣ **“năm thành”** Lý do của con số cụ thể này là không rõ ràng. Nó chỉ về một sự cải đạo, nhưng không cải đạo cách hoàn toàn (một nửa của con số mười, Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Biểu Tượng và Những Con Số trong Kinh Thánh tại 11:12). Câu hỏi còn lại, “Nó chỉ về ai?”

1. các thành của những người định cư Do Thái
2. các thành của những vị thần Ai Cập

Bởi những câu 19-22, 23, 24-25, tôi chọn lựa chọn #2. Văn mạch này không nói đến người Do Thái, nhưng là người Ai Cập.

▣

NASB, NKJV “Thành của Sự Hủy Diệt”

NRSV, TEV,

NJB “Thành của Mặt Trời”

Từ của bản MT “hủy diệt” (BDB 249) xuất hiện duy nhất ở đây. ĐỒNG TỪ của cùng một từ gốc (BDB 248) có nghĩa là “quảng xuống,” “phá vỡ,” hoặc “xé nát.” Nó có thể là một sự chơi chữ trên một thành phố Ai Cập là nơi thờ phượng thần “Mặt Trời” (On, Heliopolis).

1. החרס, thành Mặt Trời (BDB 357, theo bản DSS, Targums, Vulgate)

2. חרס, thành của sự hủy diệt

Hàm ý là những đền thờ dành cho *Re* (thần Mặt Trời) sẽ bị phá nát.

Từ Hê-bơ-rơ “mặt trời” có cùng phụ âm với “ngăn cấm” (phó cho sự hủy diệt). Ở đây có thể có một sự chơi chữ đôi.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 19:19-22

¹⁹ Trong ngày đó, sẽ có một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va ngay giữa đất Ai Cập, và có một cột trụ cho Đức Giê-hô-va gần biên giới. ²⁰ Đó là dấu hiệu và bằng chứng cho Đức Giê-hô-va vạn quân tại đất Ai Cập. Khi họ kêu cầu Đức Giê-hô-va vì bị áp bức thì Ngài sẽ sai một vị cứu tinh đến bảo vệ và giải cứu họ. ²¹ Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Ai Cập biết Ngài; và trong ngày đó, người Ai Cập sẽ nhận biết Đức Giê-hô-va. Họ sẽ dâng sinh tế và tế lễ mà thờ phượng Ngài; họ sẽ khẩn nguyện cùng Đức Giê-hô-va và hoàn nguyện. ²² Đức Giê-hô-va sẽ đánh Ai Cập; Ngài đánh rồi lại chữa lành. Họ sẽ trở về cùng Đức Giê-hô-va, Ngài sẽ nghe lời họ khẩn cầu và chữa lành cho họ.

19:19

NASB, NKJV,

Peshitta

“ngay giữa đất Ai Cập”

NRSV, NJB

“tại trung tâm đất Ai Cập”

REB

“tại trái tim của Ai Cập”

LXX

“ngay tại biên giới của nó”

Cách sử dụng của từ này (BDB 1063) Trong Giô-suê 3:17; 4:3,9,10,18 nên được hiểu là “bên bờ,” không phải là “ở giữa.” Nó là từ gốc của “bên cạnh biên giới của nó” trong bản LXX.

Khi nào những sự kiện này sẽ xảy ra?

1. đền thờ nhỏ bé Do Thái được dựng lên bởi những người làm thuê người Do Thái trên một hòn đảo trên sông Nin (Elephantine, Aswan hiện nay, tại thác nước lớn đầu tiên trên Nile), một thời điểm ngắn trước 525 T.C
2. đền thờ của người Do Thái (theo hình mẫu giống như đền thờ tại Giê-ru-sa-lem) được dựng lên tại Leontopolis bởi Onias IV, một thầy tế lễ thượng phẩm bị trục xuất khỏi Giê-ru-sa-lem, vào năm 160 T.C (theo quyển *Antiq.* được viết bởi Josephus 12.9.7; 13.3.3)
3. một sự kiện lai thế học

19:19-20 Thật là một sự kiện tuyệt vời, nhưng cũng rất đáng ngạc nhiên về một sự hiện diện vật chất thật sự của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ được thiết lập ở tại Ai Cập.

19:20 Tiến trình này có thể được so sánh với cách làm thế nào ĐỨC GIÊ-HÔ-VA xử lý với Y-sơ-ra-ên trong sách Các Quan Xét. Sự đoán phạt tàn bạo bởi sự xâm lược và chiếm đóng (câu 4) mang đến sự ăn năn và đức tin ở nơi Đức Chúa Trời cũng như khả năng và sự sốt sắng của Ngài để hành động của sự giải cứu. Người Ai Cập đã đến được với một giây phút thuộc linh đó và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã trả lời.

Thật là một lời chứng tuyệt vời rằng văn mạch này nói về đặc tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Ngài sẵn sàng tha thứ và chấp nhận hoàn toàn những kẻ thù của tuyển dân giao ước của Ngài. Ngài thực sự chính là Đức Chúa Trời của các dân tộc, Đấng Cứu Rỗi của toàn thể thế gian (Giăng 3:16; Tít 1:3; 2:10; 3:4).

▣ **“một Đấng Cứu Rỗi và một Đấng Bên Vực”** Trong văn mạch điều này chỉ về một người sẽ đánh bại lãnh chúa tàn bạo và vị vua cường bạo trong câu 4, nhưng cuối cùng nó có sự ngụ ý về Đấng Mê-si. Trong Ê-sai “Đấng Cứu Rỗi” này là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA Chính Ngài và không có ai khác (43:3,11; 45:15,21),

nhưng trong Tân Ước chúng ta biết rằng nó chính là sự hành động của Đấng Mê-si như là sự đại diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 28:16; Rô-ma 9:30-33; 10:9-13; I Phi-e-rơ 2:6-10).

1. một Đấng Cứu Rỗi, BDB 446, KB 448, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ
2. một người bảo vệ, BDB 936, KB 1224, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ
3. một người giải cứu, BDB 664, KB 717, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH

19:21 “Đức Giê-hô-va sẽ làm cho Ai Cập biết Ngài; và trong ngày đó, người Ai Cập sẽ nhận biết Đức Giê-hô-va” Đây là một sự chơi chữ của từ Hê-bơ-rơ “biết” (BDB 393, KB 390), vốn chỉ cả về tri thức và mối quan hệ cá nhân với.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: động từ Biết (các mô hình minh họa sau hầu hết đến từ Phục Truyền)

Động từ “biết” (Yada, trong tiếng hê-bơ-rơ, BDB 393) có vài ý nghĩa (trường nghĩa rộng Qal).

1. Hiểu biết về sự tốt và sự xấu – Sáng. 3:22; Phục. 1:39; Ê-sai 7:14-15; Giô-na 4:11
2. biết qua thực hiện – Phục. 9:2,3,6; 18:21
3. biết qua kinh nghiệm, từng trải – Phục. 3:19; 4:35; 8:2,3,5; 11:2; 20:20; 31:13; Giô-suê. 23:14
4. cân nhắc – Phục Truyền 4:39; 11:2; 29:16
5. Biết cách riêng tư
 - a. một nhân vật – Sáng 29:5; Xuất 1:8; Phục Truyền 22:2; 33:9
 - b. vị thần – Phục Truyền 11:28; 13:2,6,13; 28:64; 29:26; 32:17
 - c. Giê-hô-va YHWH – Phục Truyền 4:35,39; 7:9; 29:6; Ê-sai 1:3; 56:10-11
 - d. một đối tác tình dục – Sáng 4:1,17,25; 24:16; 38:26
6. Biết một kỹ năng, hoặc tri thức – Ê-sai 29:11,12; A-mốt 5:16
7. tính khôn ngoan – Phục Truyền 29:4; Châm Ngôn 1:2; 4:1; Ê-sai 29:24
8. kiến thức của Đức Chúa Trời về
 - a. Môi-se – Phục Truyền 34:10
 - b. Y-sơ-ra-ên – Phục Truyền 31:21,27,29

▣ **“thờ phượng”** Chú ý những nhân tố sau của sự thờ phượng (BDB 712, KB 773, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) được đề cập.

1. sinh tế, BDB 257
2. của lễ, BDB 585
3. lời thề hứa, BDB 623, KB 674, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

Chúng không chỉ thực hiện những nghi lễ của sự thờ phượng, nhưng sẽ sống bày tỏ ra (BDB 1022, KB 1532, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, nguyên văn “thực hiện”) những nghi lễ đó (những lời nguyện hứa/ thề hứa).

19:22 Những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Ai Cập lặp lại giống với những hành động của Ngài đối với tuyền dân giao ước.

1. Ngài đã đánh họ (hai lần, BDB 619, KB 669)
2. họ đã kêu cầu đến Ngài, câu 20
3. Ngài đã chữa lành cho họ (hai lần, BDB 950, KB 1272)
4. họ đã quay trở lại với Ngài (BDB 996, KB 1427, đây chính là từ Hê-bơ-rơ dùng cho sự ăn năn)
5. Ngài đã đáp ứng với họ (BDB 801 I, KB 905, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH, hãy xem THÊ CHƯA HOÀN THÀNH trong Sáng 25:21; II Sứ Ký 33:13; Ê-xơ-ra 8:23. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA lắng nghe và đáp ứng với sự thỉnh cầu ăn năn của họ).

Hãy chắc chắn để ghi nhớ rằng sự đoán phạt (đánh) đã là mục đích của sự thiết lập (hoặc cho Y-sơ-ra-ên, sự phục hồi) một mối quan hệ với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:23

²³ Trong ngày đó, sẽ có con đường cái đi từ Ai Cập đến A-si-ri; người A-si-ri sẽ đến Ai Cập, và người Ai Cập sẽ đến A-si-ri. Người Ai Cập và người A-si-ri sẽ cùng nhau thờ phượng Đức Giê-hô-va.

19:23 Có một sự chuyển động tuôn chảy cách tự do giữa các dân tộc với mục đích của sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Các dân tộc đã đến!

Thật hào hứng về con số bao nhiêu lần Ê-sai đã sử dụng hình ảnh của con đường.

1. một con đường cho những kẻ lưu đày Giu-đa trở về, 11:16; 57:14
2. một con đường cho những kẻ thờ phượng Dân Ngoại để đến, 19:23
3. một con đường của sự thánh khiết, 26:7; 35:8; 43:19; 49:11; 51:10
4. một con đường của Đấng Mê-si, 40:3; 42:16

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 19:24-25

²⁴ Trong ngày đó, Y-sơ-ra-ên sẽ cùng với Ai Cập và A-si-ri thành bộ ba để làm nguồn phước giữa thế gian, ²⁵ vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã ban phước cho họ. Ngài phán: “Phước cho Ai Cập là dân Ta, A-si-ri là công trình của tay Ta, Y-sơ-ra-ên là cơ nghiệp của Ta!”

19:25 Những cụm từ giao ước giờ đây được sử dụng cho những người Ai Cập và người A-si-ri bị khinh ghét.

Hãy so sánh điều này với 45:14-17. Thật là một sự tương phản. Thật khó để có thể kết giữ những điều này với nhau (các dân tộc được yêu thương, các dân tộc bị đoán phạt). Tôi chọn câu 22! Tôi chọn câu 20!

Ê-SAI 20

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Tiên Tri Về Ai Cập và Ê-thi-ô-pi 20:1-6	Những Dấu Chỉ Nghịch Lại Ai Cập và Ê-thi-ô-pi 20:1-6	Lời Nghịch Lại Ai Cập 20:1-6	Dấu Chỉ của Vị Tiên Tri Lỏa Lò 20:1-6	Liên Quan Với Sự Chiếm Giữ Ách-đốt 20:1-6

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 20:1-6

¹ Vào năm mà vua A-si-ri là Sa-gôn sai tổng tư lệnh đến Ách-đốt để tấn công và chiếm thành, ² thì chính lúc ấy có lời Đức Giê-hô-va phán qua Ê-sai, con trai A-mốt, rằng: “Hãy đi, mở vải xô khỏi lưng con, và cởi giày khỏi chân con.” Ê-sai làm đúng như thế, ông cởi trần và đi chân đất. ³ Đức Giê-hô-va lại phán: “Như đây tớ Ta là Ê-sai đã đi mình trần và chân đất trong ba năm để làm dấu lạ và điềm báo về Ai Cập và Cút thế nào, ⁴ thì cũng vậy, những người Ai Cập bị bắt và người Cút bị lưu đày, cả trẻ lẫn già, đều bị vua A-si-ri giải đi mình trần, chân đất, và hở mông để làm nhục Ai Cập thế ấy. ⁵ Bây giờ, những ai xem Cút là niềm hi vọng, và xem Ai Cập là niềm kiêu hãnh của mình sẽ khiếp sợ và hổ thẹn. ⁶ Trong ngày đó, những cư dân miền duyên hải này sẽ nói rằng: ‘Kìa dân tộc mà chúng ta xem là niềm hi vọng, và chạy đến cầu cứu để được giải thoát khỏi vua A-si-ri, nay đã bị như thế! Chúng ta làm sao trốn khỏi được?’”

20:1 Câu này đã mang lại cho những độc giả hiện đại một bối cảnh chính xác của sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên người Phi-li-tin bởi sự mô tả về sự sụp đổ của Ách-đốt (một trong năm thành phố tự trị của người Phi-li-tin—Ách-đốt, Ách-ca-lôn, Ga-xa, Gát, Éc-rôn). Sự sụp đổ của một thành chỉ về sự sụp đổ của tất cả (hãy xem lời sấm tuyên phán trước đó trong 14:28-32).

Các thành này đã bị hủy diệt hai lần (1) bởi Sa-gôn II (được nhắc tên trong Cựu Ước duy nhất ở đây, ông đã cai trị từ năm 722-705 T.C), là vua của A-si-ri. Vào năm 713 T.C Vua của Ách-đốt, Azuri, đã nổi loạn và vào năm 711 T.C quân đội của Sa-gôn II đã đến và chấm dứt sự nổi loạn này và (2) bởi San-chê-ríp vào năm 705-701 T.C

Tuy nhiên, đoạn này không hình thành nên một lời sấm tuyên phán mới về sự hủy diệt người Phi-li-tin (hoặc “các vùng mé biển (duyên hải),” câu 6), nhưng là một sự tiếp nối của sự đoán phạt trên Cút/Ai Cập, đã bắt đầu từ đoạn 18. Sự sỉ nhục của Ách-đốt phải chịu là một sự báo trước về sự phụ tù nhục nhã, sỉ nhục của những người Ai cập bởi quân đội người A-si-ri trong một vài sự kiện đặc biệt sắp đến. Những đạo quân Ai Cập đã bị bắt trong chiến trận và phải đi lưu đày.

▣ **“tổng tư lệnh”** Từ này chỉ về (BDB 1077) một cấp tướng quân (II Các Vua 18:17 và cũng cần chú ý trong Ê-sai 36:2, nơi tên của các tướng trong II Các Vua 18 cũng xuất hiện, nhưng không phải là danh hiệu này).

20:2 Ê-sai được sai bảo để phục trang (hay nói đúng hơn, là cởi phục trang) theo một cách được biết đến để chỉ về những tập tục văn hóa than khóc đương thời (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 15:2-3), nhưng cũng để chỉ về sự xấu hổ, khi A-si-ri chinh phục và mang nhiều dân tộc đi lưu đày.

1. Ách-đốt (người Phi-li-tin)
2. Ai Cập
3. Cút hoặc một từ đồng nghĩa của Ai Cập trong Triều đại thứ 25 vốn là những người Nubian.

Những gì đã xảy ra cho Ách-đốt sẽ xảy ra trong ba năm (câu 3) sắp đến với Ai Cập.

▣

NASB, NRSV,

Peshitta “nói lông áo vải gai”

NKJV

“cởi bỏ áo vải gai”

TEV, LXX

“cởi bỏ ... áo vải gai”

REB

“cởi áo”

ĐỘNG TỪ phổ biến này (BDB 834, KB 986, *Piel* THẺ HOÀN THÀNH) căn bản có nghĩa là “mở ra.” Vì vậy câu hỏi là, “Điều này có nghĩa là ‘nói lông’ (than khóc) hay là ‘cởi bỏ’ (sỉ nhục)?”

1. “cởi bỏ,” NIV, Thi 30:11; NASB dịch là “nói lông,” nhưng có nghĩa là “cởi bỏ” trong Ê-sai 52:2; Giê-rê-mi 40:4
2. “nói lông,” Ê-sai 5:27

Thường khi mặc “áo vải gai” (BDB 974) sẽ chỉ về sự than khóc, cũng giống như là đi chân không (Mi-chê 1:8), nhưng có lẽ rằng Ê-sai cởi bỏ biểu tượng của chức vụ tiên tri của ông (“áo lông,” BDB 12 GHÉP VỚI, BDB 972, Ma-thi-ơ 3:4). Nếu điều này là chính xác thì câu Kinh Thánh này nói về sự ở trần (nhưng là “trần truồng,” BDB 736 trong những câu 2,3,4 có thể có nghĩa, Sáng 2:25). Tuy nhiên, phần lớn những sử dụng của từ “ở trần” có nghĩa là có mặc quần áo một phần (47:1-3; I Sa-mu-ên 19:24; II Sa-mu-ên 6:14,20; A-môt 2:16; Mi-chê 1:8; Giăng 19:23; 21:7).

20:3 “như là một dấu lạ” DANH TỪ này, “dấu lạ” (BDB 16), được sử dụng

1. như là một mốc thời gian, Sáng 1:14
2. như là một sự đánh dấu trên người, Sáng 4:15
3. như là một sự đánh dấu của giao ước, Sáng 9:12,13,17; 17:11
4. như là một sự đánh dấu của một đức tin vào lời hứa, Xuất 3:12
5. như là một phép lạ để ấn chứng sự đại diện cho Đức Chúa Trời (Môi-se), Xuất 4:8 (hai lần), 9,17,28,30; 7:3; 8:23, v.v...
6. ngọn cờ của chi phái, Dân Số Ký 2:2; Thi 74:4
7. như là một sự cảnh báo, Dân Số Ký 16:38; 17:10

Nó cũng thường được sử dụng trong Ê-sai.

1. sự giáng sinh đặc biệt, 7:14
2. con cái của Ê-sai, 8:18
3. bàn thờ và trụ cột tại Ai Cập, 19:19
4. cách phục sức của Ê-sai, 20:3
5. mùa gặt, 37:30
6. sự buông tha Giê-ru-sa-lem khỏi tay người A-si-ri, 38:7
7. Sự chữa lành Ê-xê-chia, 38:22

8. những dấu giả dối, 44:25
9. những phước hạnh trong nông nghiệp, 55:13
10. những người truyền giáo gửi đến các dân tộc, 66:19



NASB “một dấu hiệu”
NKJV, Peshitta “một sự kỳ diệu”
NRSV, REB,
NJB, LXX “một điềm”

Từ “điều kỳ diệu,” “dấu lạ,” “điềm báo” (BDB 68) là những từ đồng nghĩa với “dấu chỉ,” “đánh dấu” (BDB 16). Nó được sử dụng khá thường xuyên trong Xuất Ê-díp-tô Ký và trong Phục Truyền, nhưng chỉ hai lần trong Ê-sai (8:18 và 20:3).

BDB có hai sự sử dụng chính.

1. một sự biểu thị đặc biệt về quyền năng của Đức Chúa Trời
2. một dấu hiệu về những sự kiện tương lai hoặc những hành động biểu tượng chỉ về những sự kiện trong tương lai (Xa-cha-ri 3:8).

20:4 Câu này mô tả sự lưu đày.

1. những người trẻ và già đều bị bắt đi (thành ngữ chỉ về toàn bộ dân cư)
2. ở trần (BDB 736, thành ngữ cho sự sỉ nhục, vẫn có đồ lót bó sát)
3. chân trần (BDB 405, thành ngữ cho sự than khóc)
4. mông không được che (BDB 1059, chỉ ở đây và trong II Sa-mu-ên 10:4, thành ngữ của sự sỉ nhục)
5. ô nhục/trần truồng (BDB 788, hãy xem những hình ảnh trên tường thành A-si-ri)

Câu này bày tỏ rất rõ ràng rằng Ê-sai đã gây sốc cho cả nền văn hóa của ông bằng cách ở trần/ lỏa lồ trong ba năm để minh họa cho một lẽ thật/ lời tiên tri thần học. Sự trần truồng là một phần của sự rửa sả của sách Phục Truyền (28:48), vốn phản ánh sự lưu đày.

20:5 Bởi vì Cút/ Ai Cập đã tin cậy vào chính mình (quân đội, sự khôn ngoan, của cải, tôn giáo) họ sẽ

1. mất hết tinh thần, BDB 369, KB 365, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 7:8; 8:9 (ba lần); 9:4; 20:5; 30:31; 31:4,9;37:27; 51:6,7
2. nhục nhã , BDB 101, KB 116, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 1:29; 19:9; 20:5; 24:23; 26:11; 29:22; 30:5; 37:27; 41:11; 44:9,11 (hai lần); 45:16,17,24; 49:23; 50:7; 54:4; 65:13; 66:5

Rõ ràng hai từ này là những phần chính trong thông điệp của Ê-sai, cả tiêu cực và tích cực!

20:6 Câu này liên hệ Ách-đốt (câu 1) với tất cả các cư dân của bình nguyên ven biển ở Palestine. Có vẻ như Ai Cập đã hứa hỗ trợ về quân sự nếu như A-si-ri xâm lược, nhưng họ đã không thể/ không làm điều đó (30:7; 31:3). Không có một ai đến giải cứu (10:3).

Chắc chắn, đoạn này bênh vực thông điệp của Ê-sai gửi đến Ê-xê-chia không được liên minh với Ai Cập (30:1-5; 31:1-3).

Ê-SAI 21

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức Chúa Trời Đưa Mạng Lệnh Rằng Ba-by-lôn sẽ Bị Hủy Diệt 21:1-10 (1-5)	Sự Sụp Đổ của Ba-by-lôn Được Công Bỏ 21:1-2 (1b-2)	Lời Chống Lại Ba-by-lôn 21:1-10	Một Khải Tượng về Sự Sụp Đổ của Ba-by-lôn 21:1-2a 21:2b 21:3-4 21:5 21:6-7	Sự Sụp Đổ của Ba-by-lôn 21:1-5 (1-5) 21:6-10 (6-10)
(6-7)	21:3-5 (3-5)		21:8	
(8-10)	21:6-9 (6-9)	Lời Về Ê-đôm 21:11-12 (11b-12)	21:9 21:10	
Những Lời Sấm Tuyên Phán Về Ê-đôm và A-ra-bi 21:11-12 (11-12)	Lời Công Bỏ Chống Lại Ê-đôm 21:11-12 (11-12)	Lời về A-ra-bi 21:13-15 (13-15)	Một Thông Điệp về Ê-đôm 21:11 21:12 Một Thông Điệp về A-ra-bi 21:13-15	Lời về Ê-đôm 21:11 21:12 Lời Chống Lại Người Ả-rập 21:13a 21:13b-15 (13b-15) 21:16-17
21:13-15 (13-15)	Lời Công Bỏ Chống Lại A-ra-bi 21:13-15 (13-15)	21:16-17	21:16-17	
21:16-17	21:16-17			

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Danh sách trong đoạn này liệt kê một vài quốc gia được nhắc bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA qua vị tiên tri của Ngài, tất cả đều được dẫn vào bởi dấu chỉ văn học, “lời sấm tuyên phán (lời tiên tri) về.”
- B. Tôi đã đề cập trước đây rằng tôi suy nghĩ về lời sấm tuyên phán đề cập đến “vua Ba-by-lôn” thực sự nói về A-si-ri (13:1-14:27). Đoạn này (những câu 1-10) mới thực sự nói về Ba-by-lôn.
Đây không phải là Neo-Ba-by-lôn của thời Nabonidus và Nê-bu-cát-nết-xa, nhưng là dân Canh-đê sống gần với cửa biển của sông Tigris và Euphrates. Kinh thành của họ sẽ là thành Ba-by-lôn và vua của họ Merodach-baladan, là người đã nổi loạn vào năm 720 T.C, nhưng đã bị đánh bại bởi Vua Sa-gôn II và đã chạy thoát ra nơi đầm lầy và trốn vào Ê-lam vào năm 710 T.C (theo IVP *Bible Background Commentary*, ở trang 611). Thành Ba-by-lôn đã bị tiêu diệt bởi người A-si-ri vào năm 703 T.C và vua A-si-ri đã chiếm lấy danh hiệu “Vua của Ba-by-lôn.”
- C. Đoạn này cũng nói về
1. Ê-đôm, những câu 11-12
 2. A-ra-bi, những câu 13-17

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 21:1-10

¹ Lời tiên tri về hoang mạc gần biển.

Nó đến từ hoang mạc,

Là vùng đất kinh hoàng,

Giống như cơn gió lốc càn quét Nê-ghep.

² Có một khái tượng kinh hoàng đã tỏ ra cho tôi:

Kẻ phản bội đang phản bội,

Kẻ hủy diệt đang hủy diệt!

“Hỡi người Ê-lam, hãy tiến lên!

Hỡi người Mê-đi, hãy bao vây!

Ta sẽ làm cho dứt

Mọi tiếng than thở của nó.”

³ Vì thế, lưng tôi đau lắm,

Cơn quặn thắt bắt lấy tôi

Như cơn quặn thắt của đàn bà lúc sinh đẻ;

Sự đau đớn mà tôi chịu khiến tôi không nghe được,

Sự kinh hãi làm cho tôi không thấy được!

⁴ Lòng tôi dao động,

Nỗi khiếp sợ khiến tôi bàng hoàng;

Buổi hoàng hôn mà tôi mong đợi

Trở nên nỗi khiếp sợ cho tôi.

⁵ Người ta dọn bàn tiệc,

Cắt kẻ canh giữ, rồi họ ăn uống.

“Hỡi các quan chức, hãy đứng dậy!

Hãy bôi dầu vào thuẫn!”

⁶ Vì Chúa phán với tôi thế này:

“Hãy đi, đặt người canh gác,

Truyền nó báo lại điều gì nó thấy.

⁷ Khi nó thấy quân lính cưỡi ngựa đi từng cặp,

Có người cưỡi lừa và lạc đà

Thì phải chú ý,

Phải hết sức chú ý.”

⁸ Người canh gác kêu lên:

“Thưa chúa, tôi đứng trên tháp canh suốt ngày,
Tôi trực tại trạm canh suốt đêm.

⁹ Kia, có quân lính cười ngửa
Đi từng cặp mà đến!”

Rồi người lính canh nói:

“Ba-by-lôn đã sụp đổ, sụp đổ rồi!

Mọi hình tượng tà thần của nó
Đã bể nát dưới đất!”

¹⁰ Hỡi kẻ bị đập như thóc trên sân đập lúa của tôi!
Điều tôi đã nghe từ Đức Giê-hô-va vạn quân,

Là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,

Thì tôi đã báo cho anh em biết rồi. ”

21:1 “hoang mạc gần biển” Cụm từ này có thể cố gắng để dịch là (1) danh xưng A-si-ri của Ba-by-lôn (theo *Mat-Amil*, bản JB footnote) hoặc (2) danh xưng trong tiếng Akkadian “Vùng Đất của Biển” (*Mat tam-tim*), nhưng giờ đây nó đã bị hủy diệt, và vị vậy “vùng đất” đã bị đổi thành “nơi hoang vu (hoang mạc).” Bản Peshitta dịch cụm từ này là “hoang mạc của biển,” có lẽ để chỉ về khu vực đầm lầy gần cửa biển của Những Con Sông Tigris và Euphrates. Trong bản TEV chỉ có “Ba-by-lôn.” Từ “hoang mạc” (BDB 184) chỉ về một vùng đất rộng lớn nơi không có người ở.

21:1-2a Ê-sai cố để bày tỏ cảm xúc sâu sắc của mình khi ông nhận được lời sấm tiên tri này.

1. giống như cơn gió lốc ở Nê-ghép, câu 1
2. đến từ hoang mạc, câu 1
3. đến từ một vùng đất kinh hoàng (BDB 431, KB 432, *Niphal* ĐỘNG TÍNH TỪ), câu 1
4. một khái tượng kinh khiếp (BDB 904), câu 2a

21:2b Câu này mô tả về những kẻ xâm lược Ba-by-lôn (người A-si-ri, câu 9).

1. những kẻ bội bạc vẫn sẽ tiếp tục hành động một cách bội bạc, chơi chữ trên từ BDB 93, KB 108, hai *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, 24:16; 33:1; Giê-rê-mi 3:20; 5:11 (có lẽ rằng cách dịch của bản NIV của chữ “kẻ phản bội,” và bản REB, “kẻ phản bội,” hoặc NRSV, “kẻ bội bạc” đã phù hợp với Merodach-baladan, vua của Ba-by-lôn, một cách tốt hơn)
2. kẻ hủy diệt sẽ tiếp tục hủy diệt, chơi chữ trên hai từ BDB 994, KB 1418, hai *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, 16:4; 33:1; Giê-rê-mi 6:26

21:2c Đức Chúa Trời ra lệnh cho hai cường quốc Mê-sô-bô-ta-mi phương bắc tấn công Ba-by-lôn.

1. “tiến lên” (BDB 748, KB 828, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) Ê-lam (BDB 743). Đây là một sự kinh ngạc bởi vì khởi đầu người Ê-lam đã giúp đỡ Ba-by-lôn để thoát khỏi sự cai trị của người A-si-ri.
2. “vây hãm” (BDB 848, KB 1015, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) Người Mê-đi (BDB 552). Đây là một tộc người sống ở khu vực phía bắc của dòng Ô-phơ-rát.

Có khả năng rằng đây là tiếng kêu gào than khóc trong chiến trận của những dân tộc trong liên minh chống A-si-ri (Ê-lam, Mê-đi, đây cũng là cách giải nghĩa của nhà giải kinh người Do Thái Ibn Ezra). Điều này khiến ý rằng hơn nếu nghĩa rõ Ba-by-lôn trong những ngày của tiên tri Ê-sai được đề cập.

21:2d Bản NASB dịch là “Ta đã đem sự kết thúc đến trên những tiếng rên siết mà nó đã gây ra.” Bản MT ghi là “ta đã mang đến sự kết thúc tất cả những tiếng thờ dai” (BDB 991, KB 1407, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH). Cụm từ, “nó đã gây ra,” NASB, không có trong bản MT. Nếu cụm từ này được cho vào, cần phải đề cập rằng dòng này của bài thơ phù hợp với Neo-Ba-by-lôn cách tốt hơn. Để chế trong tương lai sau này đã có một lãnh thổ ảnh hưởng rộng lớn hơn rất nhiều (Nê-bu-cát-nét-xa, Đa-ni-ên 4).

Một lần nữa, một số người (bao gồm cả tôi) xem dòng cuối này như là một lời tuyên bố từ vua Ba-by-lôn (Merodach-baladan) hoặc những vị thần của vị vua này (thần Ma-đốc (Marduk)) gửi trực tiếp cho A-si-ri/Ni-ni-ve “phải-bị-đánh-bại”. Có rất nhiều người cho rằng đoạn này thật khó để xác định được người nói chủ

định (nhà tiên tri, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vua Ba-by-lôn, những kẻ canh gác, những tiếng nói không rõ).

21:3-4 Nhà tiên tri mô tả về tác động của thông điệp đã xảy ra trên chính cá nhân ông. Đa-ni-ên cũng kinh nghiệm về sự phiền não, đau đớn cơ thể trong những sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Đa-ni-ên 7:15,28; 8:27; 10:16-17).

1. thất lung tôi đầy đau đớn khổ não
2. những cơn đau vây hãm tôi như những cơn đau của người nữ khi sinh đẻ, 13:8; 26:17
3. Tôi quá hoang mang đến nỗi không nghe được, 19:14 (một thành ngữ của tình trạng say rượu)
4. tôi quá kinh hoàng đến nỗi không thể nhìn được
5. lòng tôi dao động (tâm trí tôi bối rối)
6. sự kinh khiếp xâm chiếm tràn ngập trên tôi
7. buổi hoàng hôn tôi trông đợi đã biến thành sự run rẩy (“hoàng hôn” có khả năng nói về Ba-by-lôn bị đánh bại đồng nghĩa về một A-si-ri bành trướng mạnh mẽ hơn, rộng khắp hơn nữa)

Mọi ĐỘNG TỪ ở đây đều là những THỂ HOÀN THÀNH, vốn chỉ về một tình huống đã được hoàn tất. Tại sao ông lại quá phiền não? Không có ai giờ đây có thể ngăn A-si-ri lại! Nó đang tiến đến!

21:4 Câu này mở rộng câu 2a (“một khải tượng kinh hoàng”). Nó mô tả về phản ứng của Ê-sai đối với lời sấm tiên tri này.

1. tâm trí tôi bối rối, BDB 1073, KB 1766, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
2. sự kinh hoàng xâm chiếm tôi, BDB 129, KB 147, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
3. buổi hoàng hôn tôi trông đợi đã biến thành sự run rẩy khiếp sợ, BDB 962, KB 1321, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

Câu hỏi ở đây là, “Tại sao Ê-sai lại quá phiền não trong sự sụp đổ của Ba-by-lôn?” Có lẽ bởi vì

1. sự hung bạo kinh hoàng gắn liền với nó
2. Ba-by-lôn kim giữ A-si-ri quân bình. Giờ đây A-si-ri đã được tự do để mở rộng bờ cõi (hãy xem Exposition Bible Commentary, tập 6, trang 134).

21:5 Câu này có một chuỗi bốn *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (có chức năng như THỂ MỆNH LỆNH) và sau đó là hai *Qal* THỂ MỆNH LỆNH.

1. dọn bàn tiệc
2. trải thảm (hãy xem ghi chú phía dưới đây)
3. ăn
4. uống

Câu này chỉ về một bữa tiệc hoang phí. Một vài nhà giải kinh xem câu này như một sự chỉ về Đa-ni-ên 5. Nếu như vậy, thì đoạn này chỉ về Neo-Babylon của một giai đoạn sau này (thời Nê-bu-cát-nét-xa).

Ở giữa bữa tiệc, một sứ giả đến và kêu gọi họ cho những sự chuẩn bị về quân sự (“quan chức (đội trưởng),” BDB 978).

1. hãy đứng dậy, BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. bôi dầu vào thuẫn, BDB 602, KB 643, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. Những chiến binh cổ đại đã bọc thuẫn của mình bằng da để những tên bị đốt sẽ đâm vào da mềm và sẽ bị dập tắt, II Sa-mu-ên 1:21.



NASB, NJB	“căng lên những mảnh vải”
NKJV, Peshitta	“đặt người canh gác lên tháp (canh)”
NRSV, TEV,	
REB	“trải thảm”
JB	“che nó bằng vải”

Cụm từ này được tạo thành từ một DANH TỪ và một từ GÓC ĐỘNG TỪ tương tự.

1. DANH TỪ, צַפְיָה (BDB 860 II) được tìm thấy duy nhất ở đây, một vài học giả xem nó là “thảm,” những người khác xem là “người canh gác” (BDB 859, צַפְיָה)
2. GÓC ĐỘNG TỪ, צָפַה (BDB 860 II, NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI), có nghĩa là “bố trí” hoặc “nằm trên”

Từ khi người ở khu vực Cận Đông Cổ Đại ngồi ăn trên sàn với những chiếc gối, câu này có thể chỉ về cách sắp xếp bố trí của việc ngồi/ ăn (“sắp những chiếc gối,” NIDOTTE, tập 3, trang 832).

21:6 Chú vị tiên tri đang chuyển tiếp những lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. hãy đi, BDB 229, KB 246, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. đặt những lính canh vào vị trí, BDB 763, KB 840, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH (“lính canh,” nguyên văn “những người canh giữ,” BDB 859, KB 1044, *Piel* ĐỘNG TÍNH TỪ)
3. truyền nó báo cáo lại, BDB 616, KB 665, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH

21:7 Người này được ra lệnh canh gác cho một sự dàn quân rất cụ thể.

1. những lính cưỡi ngựa đi theo từng cặp
2. một đoàn những người cưỡi lừa
3. một đoàn những người cưỡi lạc đà

Từ “người cưỡi” (BDB 935) cũng có thể được hiểu như những cỗ chiến xa được kéo bằng hai con ngựa (NKJV, Peshitta). Đối với điểm #2 và #3, từ này cũng có thể được xác định là những người cưỡi (NRSV, LXX).

Khi nhìn thấy cách dàn quân và trang bị cụ thể này, người này phải báo cáo lại ngay lập tức (sự sử dụng lặp lại hai lần của từ “chú ý,” BDB 904). A-si-ri đang tiến đến!

21:8 Đây là một cách công bố loan báo về một đội quân ồn ào (như sư tử) được báo bởi người canh gác trên tường thành. Ông ta đã chẳng nhìn thấy gì.

Bản MT rất khó hiểu và những từ Hê-bơ-rơ từ bản DSS đã cho là người canh gác rống lên như sư tử, vốn là sự lựa chọn cho việc hiểu một phần văn bản tiếng Hê-bơ-rơ đầy bí ẩn.

Tuy nhiên, cũng có thể xem “sư tử,” אריה (BDB 71) như là một lỗi của người sao chép thay cho “đã thấy,” ראה (BDB 906), từ có sẽ dẫn đến cách dịch, “và người nhìn thấy người lính gác” (người canh gác) sẽ kêu lên.

21:9 Một cách đầy bất ngờ, quân đội được dàn quân và trang bị đã đến trong tầm nhìn của người canh gác! Sự hiện diện của nó tại Palestine chỉ về một sự sụp đổ sau đó của thành Ba-by-lôn. Sự sụp đổ này được mô tả bởi sự nhân đôi ĐỘNG TỪ (BDB 656, KB 709, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH), vốn rất phổ biến trong sách Ê-sai. Thành Ba-by-lôn thất thủ một vài lần vào tay nhiều vị vua A-si-ri khác nhau.

Kết cuộc của thành được hoàn tất bởi minh họa của sự đập tan (BDB 990, KB 1402, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) những thân tượng của nó (những đoạn 46-47). Cùng với sự thất thủ của Ba-by-lôn cùng và bất động của Ê-lam và Mê-đi, A-si-ri có thể tiếp tục những dự định bành trướng của nó!

21:10 Vị tiên tri nói với tuyến dân giao ước đang bị đàn áp rằng Đức Chúa Trời (“ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân,” “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên”) của họ đã hành động, nhưng hành động như thế nào?

1. Sự sụp đổ của Ba-by-lôn đã không phải là một chiến thắng cho chính họ, nhưng là một sự đảm bảo rằng A-si-ri chắc chắn sẽ đến.
2. Câu hỏi còn lại là Ba-by-lôn nào vị tiên tri đang chỉ đến ở đây?
 - a. Ba-by-lôn của vua Merodach-baladan trong thời đại của Ê-sai
 - b. Neo-Ba-by-lôn của vua Nê-bu-cát-nét-xa trong thời đại của Ê-xê-chi-ên và Giê-rê-mi

Nạn đề ở đây không phải là một trong những thực tế của lời tiên tri mang tính chất tiên đoán, nhưng của bối cảnh lịch sử!

Chỉ một ghi chú về một cách giải nghĩa xen kẽ trong câu này. Rất có thể người được đề cập đến ở đây là những người Ba-by-lôn là những người sẽ bị A-si-ri tiêu diệt. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nghe trước về sự thất thủ của Mô-áp (15:5; 16:11) và lời cầu nguyện của những người Ai Cập bị áp bức (19:20).

☐ **“kẻ bị đập như thóc trên sân đập lúa của tôi”** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ “con (trai) của sân đập lúa của tôi.” Từ Hê-bơ-rơ “con trai” có nhiều nghĩa rộng được sử dụng trong Ê-sai.

1. con trai của sự màu mỡ, 5:1
2. con trai của bình minh, 14:12
3. con trai của sự khôn ngoan, 19:11
4. con loài người, 56:2

5. con của một vùng đất ngoại bang, 56:6

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 21:11-12

¹¹ Lời tiên tri về Đu-ma:

Từ Sê-i-ro, có tiếng gọi tôi:

“Này người lính canh, đêm thế nào rồi?

Này người lính canh, đêm thế nào rồi?”

¹² Người lính canh đáp:

“Buổi sáng đến, đêm cũng đến.

Nếu muốn hỏi thì cứ hỏi;

Nhưng hãy trở lại, hãy đến đây.”

21:11 Một thông điệp mới bắt đầu (sử dụng sự đánh dấu văn học, “lời sấm tiên tri”). Bản MT chép là “dumah” (BDB 189). Đây là một sự chơi chữ trên thành ngữ tiếng dùng cho “yên lặng” (BDB 189). Ê-đôm sẽ nín lặng. Bản LXX chép là “Idumea.” Ê-đôm đã nằm trong liên minh chống A-si-ri, cũng như Phi-li-tin. Tất cả sẽ bị nghiền nát vào năm 711 T.C bởi quân đội của Sa-gôn II.

☐ **“Si-e-ro”** Từ này (BDB 973) có thể chỉ về vùng đất của người Ê-đôm (Sáng 32:3; 36:30; Dân Số Ký 24:18; Phục Truyền 2:4,8, 12,22,29; Các Quan Xét 5:4).

21:11c-12 Đây là một khổ thơ rất bí ẩn với một vài THÊ MỆNH LỆNH. Một người canh gác trên tường thành, cũng như trong những câu 6 và 8, được nhắc đến bởi một giọng nói bí ẩn đã hỏi về thời gian của đêm tối (hai lần). Câu trả lời cũng rất lạ.

1. bình minh đến
2. nhưng đêm tối cũng đến
3. hãy hỏi một lần nữa
4. hãy hỏi một lần nữa

nó có thể có nghĩa, “khi nào tất cả những điều này sẽ xảy ra?”

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 21:13-15

¹³ Lời tiên tri về Ả-rập:

Hỡi đoàn thương buôn người Đê-đan,

Các người sẽ nghỉ đêm trong rừng Ả-rập.

¹⁴ Hỡi cư dân đất Thê-ma,

Hãy đem nước đến cho những kẻ khát,

Và đem bánh cho những người lánh nạn.

¹⁵ Vì họ chạy trốn để thoát khỏi lưới gươm,

Trốn khỏi gươm tuốt trần,

Trốn khỏi cung giương ra,

Và trốn cuộc chiến ác liệt.

21:13 Một thông điệp mới (sử dụng dấu chỉ chuyển tiếp văn học, “lời sấm tiên tri”) được đề cập về Ả-rập (A-ra-bi). Không chắc ai kẻ thù ở đây.

1. A-si-ri (cuộc xâm lược)
2. Kedar (cuộc nội chiến)

Thật thú vị là “Đu-ma” (câu 11) và Si-e-ro (câu 11) cũng là những tên những địa danh nằm trong, hoặc nằm gần với, A-ra-bi.

☐ **“những bụi cây”** Ê-sai sử dụng những hình ảnh “rừng cây” khá thường xuyên. Từ này (BDB 420) có thể có nghĩa là

1. rừng
2. bụi cây

Bởi vì A-ra-bi là sa mạc, từ thứ hai phù hợp tốt nhất. Nó sẽ chỉ về những rãnh núi nơi những cây bụi sẽ mọc dày, nơi các loài thú sẽ ẩn nấp. Giờ đây, những người chạy trốn, những kẻ lánh nạn, và những đoàn thương buôn

(người Dedanites là một nhóm người Bedouin kết hợp với Sheba) ẩn nấp ở tại đó để trốn thoát khỏi những cuộc xâm lược quân sự (câu 15). They could not use the usual roads or resting places.

21:14 Những người Ả-rập được ra lệnh (BDB 87, KB 102, *Hiphil* THỀ MỆNH LỆNH) mang nước và thức ăn cho họ.

▣ **“Thê-ma”** Đây là một thành phố chính ở phía bắc, nơi bắt nguồn của sự thờ thần mặt trăng. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Sự thờ phượng mặt trăng tại 3:18.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 21:16-17

¹⁶ Chúa đã phán với tôi thế này: **“Còn một năm nữa, theo năm của người làm thuê, mọi vinh quang của Kê-đa sẽ chấm dứt. ¹⁷ Những dũng sĩ bắn cung của dân Kê-đa còn lại rất ít. Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán vậy.”**

21:16 **“Còn một năm nữa, theo năm của người làm thuê”** Cùng một thành ngữ của chính xác được tìm thấy sớm hơn trong Ê-sai 16:14.

▣ **“Kê-đa”** Đây là một thành lớn khác của Ả-rập. Nó, bởi sự hàm ý nói về cả quân đội A-ra-bi, sẽ bị đánh bại. Sa-gôn II đã tấn công khu vực này vào năm 715 T.C

Một lần nữa cụm từ thần học **“Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã phán vậy.”** Không phải là cường quốc của những đội quân cổ đại điều khiển những sự kiện của khu vực Cận Đông cổ đại, nhưng là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên! Đây là một sự khẳng định dành cho tư tưởng độc thần.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010: 22:1-11

¹ Lời tiên tri về thung lũng khái tượng.

Có việc gì xảy ra cho các người,
Mà tất cả các người đều leo lên nóc nhà vậy?

² Hỡi thành đầy tiếng ồn ào huyền ảo,
Là thành vui vẻ kia!

Những kẻ bị giết của người chẳng phải chết vì gươm,
Cũng không phải là tử trận.

³ Tất cả những người cai trị người đều cùng nhau chạy trốn,
Họ bị bắt trời mà không cần cung tên.

Tất cả người của người bị phát hiện
Đều bị trời chung với nhau, dù họ đã trốn đi xa.

⁴ Vì vậy, tôi nói:

“Hãy ngoảnh mặt khỏi tôi!
Hãy để tôi khóc lóc thảm thiết;

Đừng cố tìm cách an ủi tôi
Về sự hủy diệt của con gái dân tôi!”

⁵ Thật là một ngày kinh hoàng, giày đạp và hỗn loạn,
Được bày tỏ trong thung lũng khái tượng
Bởi Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân;

Tường thành bị phá hủy,
Tiếng kêu cứu vang đến núi.

⁶ Ê-lam đeo giỏ đựng tên
Với chiến xa và kỵ binh,
Còn Ki-rơ thì mở thuẫn sẵn sàng.

⁷ Các thung lũng đẹp nhất của người đầy chiến xa,
Còn kỵ binh thì dàn trận ngay trước cổng thành.

⁸ Màn che Giu-đa đã bị cất đi rồi.

Trong ngày đó, người trông vào vũ khí trong Cung Rừng. ⁹ Các người thấy thành Đa-vít có nhiều lỗ hổng, nên trữ nước ở hồ dưới. ¹⁰ Các người đem nhà cửa ở Giê-ru-sa-lem, rồi triệt hạ một số nhà cửa để củng cố tường thành. ¹¹ Các người lại xây hồ chứa nước giữa hai lớp tường thành để chứa nước ao cũ. Nhưng các người không trông lên Đấng đã làm nên điều này; các người không nhìn xem Đấng đã dự định điều này từ xưa.

22:1 “lời (sấm) tiên tri” Đây là một dấu chỉ văn mạch về một thông điệp mới từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho một nhóm dân/ tộc người. Thật ngạc nhiên ở giữa sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên những dân tộc xung quanh, thì Ngài nhắc đến Giu-đa, có lẽ bởi vì tội lỗi của họ, họ cũng chỉ là một trong những *goim* (những dân tộc) khác mà thôi.

Chắc chắn có thể rằng những thông điệp này liên quan với những cuộc xâm lược trong lịch sử. Trong những năm khác nhau, nhiều đạo quân và dân tộc đã bị tác động. Nhưng văn thơ Hê-bơ-ơ thật mơ hồ rằng một tình huống lịch sử cụ thể thì có để xác định chắc chắn được. Có lẽ đã có một sự biên tập lại sau này những thông điệp của Ê-sai dựa trên những cách chơi chữ cụ thể và những từ khóa, không phải những sự kiện lịch sử (những bài thơ nằm ngoài một trật tự theo niên đại).

Hãy nhớ rằng điểm chính của cả lời sấm tiên tri và lẽ thật chính của mỗi khổ thơ chính là cách tiếp cận ý nghĩa của lời tiên tri (của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA’), không phải là sự tập chú vào những chi tiết và từ hiếm.

☐ **“thung lũng khái tượng”** Bởi vì sự sử dụng cụm từ này trong trong câu 5b, nó phải chỉ về “ngày của sự

kinh hoàng” được gửi đến bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân (hãy xem Joel 3:14).

Thật ngạc nhiên bản JB đổi “khải tượng” thành “Him-nôm” (Giê-rê-mi 7:31-34). Bản LXX dịch là “thung lũng Si-ôn.”

22:1b-2b Có một sự mô tả về thời gian của sự vui mừng tại Giê-ru-sa-lem.

1. leo lên nóc nhà
2. các người đầy tiếng ồn ào huyên náo
3. các người thành náo nhiệt
4. các người thành hân hoan hơn hờ

Bản JB (phần ghi chú) cho rằng nó liên hệ với những sự thắng lợi khởi đầu của Ê-xê-chia trên A-si-ri vào năm 705 T.C hoặc 713 T.C (theo Jewish Study Bible).

22:2c-3d Có vẻ như một vài thành phần trong thành phố (những lãnh đạo và những chiến binh) đã bỏ trốn trước những kẻ xâm lược

1. họ đã bị bắt nhưng không phải trên chiến trường
2. những lãnh đạo của họ cũng bỏ trốn, nhưng cũng đã bị bắt
3. tất cả họ là những kẻ bỏ trốn sẽ bị mang đi lưu đày

Bởi vì những dòng thơ này nhiều người tin rằng đoạn Kinh Thánh này chỉ về cuộc vây hãm của Nê-bu-cát-nét-xa vào năm 586 T.C, khi vua Sê-đê-kia đã bỏ trốn khỏi thành và đã bị bắt (II Các Vua 25:4-6), nhưng tôi nghĩ nó chỉ về một trong những lần xâm lược dưới đây của A-si-ri:

1. Tiếc-la-Phi-lê-se III (Ê-sai 7-12)
2. Sanh-ma-na-sa V (II Các Vua 17)
3. Sa-gôn II (sự sụp đổ Sa-ma-ri vào năm 722 T.C, 28:1-6)
4. San-chê-ríp (705 và 701 T.C, Ê-sai 36-39; II Các Vua 18-19)

Đoạn này có vẻ liên quan cụ thể với thời kỳ cai trị của vua Ê-xê-chia (715-687 T.C). Nhưng như thường lệ trong Ê-sai, những cuộc xâm lược này được trình bày pha lẫn vào nhau. Ê-sai trước tiên quan tâm về thần học, lịch sử là một tội tở để bày tỏ về những lễ thật về Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, và sự cứu chuộc.

22:4 Vị tiên tri nói về chính ông, như ông đã làm trong 21:3-4

1. Hãy ngoảnh mặt khỏi tôi, BDB 1043, KB 1609, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. Hãy để tôi khóc lóc thảm thiết, BDB 600, KB 638, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THÊ KHÍCH LỆ
3. Đừng cố tìm cách an ủi tôi, BDB 21, KB 23, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THÊ MỆNH LỆNH (“an ủi,” BDB 636, KB 688, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)

Vị tiên tri muốn được để yên để có thể đối diện với sự than khóc một cách riêng tư.

▣ **“con gái dân tôi”** Đây là một cụm thành ngữ về một nhóm người hay một tộc người (1:8; 10:30, 32; 16:1; 23:10-12; 37:22; 47:1,5; 52:5; 62:11). Ở đây nó chỉ về tuyên dân giao ước Giu-đa (“các con gái của Si-ôn”).

22:5 Câu này mô tả về “ngày của sự kinh hoàng” của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Nó là sự đối nghịch của những câu 1-2.

1. kinh hoàng, BDB 223, Phục Truyền 28:20
2. sự nô dịch (giày đạp), BDB 101, sử dụng chỉ 3 lần, 18:2,7
3. hỗn loạn, BDB 100, sử dụng chỉ 2 lần, Mi-chê 7:4
4. tường thành bị phá hủy, 998, BDB 903 II, KB 1148, *Pilpel* ĐỘNG TÍNH TỪ (chỉ duy nhất ở đây; nhiều học giả cho rằng gốc từ ở trong tiếng Ả-rập hoặc Ugaritic nghĩa là, “la lên,” “gãy vỡ,” hoặc “làm ồn ào” (KB 1128 I, 98)
5. kêu cứu vang đến núi (Không có ĐỘNG TỪ)

▣ **“đền núi”** DANH TỪ này ở thể (BDB 249) ĐƠN và có thể chỉ về đền thờ trên núi (kêu khóc với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA).

22:6-7 Những câu này mô tả những khía cạnh quân sự của cuộc xâm lược. Ê-lam và Ki-ơ-rơ (có lẽ là người Mê-đi, 21:2; II Các Vua 16:9) sống ở những khu vực Mê-sô-bô-ta-mi. Họ trở thành những lính đánh thuê trong quân đội A-si-ri để giữ họ khỏi bị xâm lược.

22:6

NASB “ky binh”

NKJV “người nam”

REB “A-ram”

Bản MT dùng từ “người nam” (אֲרָם, BDB 9, hãy xem 31:8, nơi mà từ “adam” cũng được dùng trong một nghĩa quân sự), nhưng để cho phép song hành, một số người đã đổi nó thành “A-ram,” אֲרָם . Sự mơ hồ giữa אֲרָם và אֲרָם là một sự bối rối phổ biến trong tiếng Hê-bơ-ơ.

22:8 “Ngài đã cất bỏ sự phòng thủ của Giu-đa” “Phòng thủ” trong câu này có nghĩa là “bao bọc” (BDB 697). Họ đã không tin cậy nơi Ngài (câu 11c,d) và Ngài đã cất bỏ sự hiện diện bảo vệ của Ngài (một đám mây, 4:5; Thi 105:39). Điều này đã luôn là vấn đề xuyên suốt trong lịch sử của cả Y-sơ-ra-ên. Dân sự của Đức Chúa Trời đã không tin cậy và vâng lời Ngài và đã xảy ra những hậu quả! Những sự rửa sả và phước hạnh của Phục Truyền 27-29 đã chỉ chúng ra thật rõ ràng.

“Sự phòng thủ” có thể chỉ đến theo nghĩa đen về pháo đài Azekah (Jewish Study Bible, phần ghi chú, trang 825).

☐ **“Trong ngày đó”** Đây là một thành ngữ phổ biến trong Các Sách Tiên Tri dùng cho ngày của Đức Chúa Trời thăm viếng (19:16,18, 19,21,23,24).

☐

NASB “người phụ thuộc vào”

NKJV, NRSV “người nhìn vào”

NJB “người xoay sự tập chú của mình vào”

ĐỘNG TỪ này (BDB 613, KB 661, *Hiphil* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ ra rằng họ tin cậy vào vũ khí của họ, không phải ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

☐ **“của nhà trong rừng (Cung Rừng)”** Đây là tên của một xưởng đúc vũ khí ở tại Giê-ru-sa-lem (I Các Vua 7:2; 10:17).

22:9 Bối cảnh lịch sử ở đây trong thời của Ê-xê-chia. Ông đã xây dựng (II Các Vua 20:20) các hồ để thu trữ nước trong suốt những cuộc vây hãm (câu 11; 7:3; Nê-hê-mi 3:16). Bên ngoài, Ê-xê-chia đã thực hiện rất nhiều sự chuẩn bị vật chất cho cuộc phòng thủ của Giê-ru-sa-lem ngay trước khi San-chê-ríp đến vào năm 701 T.C, nhưng họ đã không cứu được thành Giê-ru-sa-lem; nó đã là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và mục đích vĩ đại của Ngài (câu 11).

22:10 Câu này có vẻ mô tả về những tường thành là những tường đôi (mà không có sự xác nhận khảo cổ học). Nhiều người đã di chuyển vào trong thành phố để trú ẩn đã xây những căn nhà tạm tại khu vực giữa hai bức tường. Nhưng những căn nhà này đã bị cất bỏ (hãy xem IVP, Bible Background Commentary, trang 614).

Một cách khác để hiểu câu này rằng những căn nhà đã bị hủy diệt đã lấp đầy khoảng trống giữa hai bức tường. Điều này làm cho những khí cụ vây hãm có thể đục thủng một lỗ trên tường thành.

Cùng một khu vực đã bị đổ đầy nước tại những nơi trũng thấp (câu 11). Điều này có tác dụng như là

1. một phòng tuyến đối với những kẻ xuyên thủng qua tường phía ngoài
2. một lượng nước trữ thêm để cung cấp cho thành phố vốn đầy những người lánh nạn

22:11 “Nhưng các người không trông lên Đấng đã làm nên điều này” Đây là một chìa khóa thần học then chốt cho văn mạch. Cùng một ĐỘNG TỪ của câu 8b được lặp lại (ở đây một *Hiphil* THÈ HOÀN THÀNH, nguyên văn “nhìn”). Họ đã tin cậy vào những sự xây dựng công sự vững chắc và chu cấp chuẩn bị cho chiến tranh, chứ không phải vào Đức Chúa Trời giao ước của họ!

▣ “các người không nhìn xem Đấng đã dự định điều này từ xưa” ĐÔNG TỪ này (BDB 906, KB 1157) là một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH. Dân sự của Đức Chúa Trời đã bỏ rơi những lời hứa của sự bảo bọc mà Ngài đã phán với họ. Ê-sai nhấn mạnh những lời hứa này và thường xuyên khẳng định rằng Giê-ru-sa-lem sẽ không thất thủ.

Lý do Đức Chúa Trời sẽ không cho phép nó sụp đổ bởi vì mục đích bao quát toàn bộ của Ngài (“lên kế hoạch,” nguyên văn “thiết lập,” BDB 427, KB 428, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ, 37:26; 46:11; Giê-rê-mi 18:11) cho dân sự của Ngài.

1. công bố cho thế giới về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. thiết lập nên khuôn mẫu về một xã hội tin kính
3. trở nên nguồn dẫn cho sự đến của Đấng Mê-si

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 22:12-14

¹² Trong ngày đó, Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân

Kêu gọi các người khóc lóc và than vãn,

Cạo đầu và mặc áo sô;

¹³ Thay vào đó, các người lại vui mừng hoan hỉ:

Mổ bò, giết chiên,

Ăn thịt và uống rượu.

Các người nói: “Nào, hãy ăn uống đi,

Vì ngày mai chúng ta sẽ chết!”

¹⁴ Chính Đức Giê-hô-va vạn quân đã tiết lộ điều này vào tai tôi:

“Chắc chắn tội này sẽ chẳng bao giờ được tha cho đến khi các người chết.”

Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

22:12-14 Đây là một khổ thơ khác về những gì sẽ bắt đầu với cụm từ “trong ngày đó.”

Câu 12 liệt kê những tập tục than khóc (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 15:2-3) mà sẽ mô tả về Giê-ru-sa-lem.

1. khóc lóc, BDB 113 (không có ĐÔNG TỪ)
2. gào khóc, BDB 704 (không có ĐÔNG TỪ)
3. cạo đầu, BDB 901 (không có ĐÔNG TỪ, sự sỏi đầu có thể bởi việc cạo đầu hay nhổ tóc, Ê-xơ-ra 9:3; Gióp 1:20; Giê-rê-mi 7:29; 16:6; 41:5; 48:37; Mi-chê 1:16)
4. mặc áo sô, BDB 291, KB 291, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Câu 13 mô tả những gì Giê-ru-sa-lem đã đang làm thay vì. Họ lẽ ra đã phải tìm kiếm ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong sự ăn năn và cầu nguyện, nhưng không, họ đã mắc kẹt trong

1. sự vui vẻ, BDB 965
2. sự mừng rỡ, BDB 970
3. dâng sinh tế như thường lệ, hai *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI (BDB 246, BDB 133)
4. ăn những sinh tế của mối quan hệ, BDB 37, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI
5. uống, BDB 1059 I, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI

22:13d Thái độ của họ về cuộc sống được bày tỏ trong dòng thơ này. Nó tương tự với bữa tiệc của Bê-n-xát-xa trong Đa-ni-ên 5.

Thái độ này phản ánh sự thiếu hiểu biết về những kế hoạch (BDB 427, KB 428, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ, c a u 11d) của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho Giê-ru-sa-lem và dân sự của Ngài (5:11-12). Thay vì cảm thấy sự hy vọng và mục đích của cả dân tộc, họ đã tìm kiếm sự hài lòng tạm bợ tức thời cá nhân! Đây chắc chắn là một lời mà hội thánh cũng cần được nghe!!!

22:14 Sự kém thiếu đức tin của Giu-đa đã bắt đầu gây ra hậu quả cái chết của họ. Sự đoán phạt đã đến với Giu-đa. Chính Giê-ru-sa-lem sẽ được buông tha, nhưng Giu-đa sẽ bị phá hủy.

Giu-đa đã lỡ mất đi thời điểm thăm viếng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (để giải cứu), và giờ đây họ sẽ kinh nghiệm sự thăm viếng của Ngài để hủy diệt!

☐ “Chắc chắn tội này sẽ chẳng bao giờ được tha” Tội nào? Tội nghĩ tội của sự kém thiếu đức tin và nương dựa vào nơi Đức Chúa Trời được đề cập trong câu 11c,d.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 22:15-25

¹⁵ Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân phán bảo tôi: “Con hãy đi nói với viên quản lý Sép-na là người cai quản cung điện, rằng: ¹⁶ ‘Ông đang làm gì ở đây? Ông có bà con gì ở đây không mà lại đục cho mình một phần mộ tại đây? Thật, ông đang đục cho mình một phần mộ trên cao, khoét cho mình một nơi an nghỉ trong vàng đá!’ ¹⁷ Hỡi kẻ mạnh sức! Nay, Đức Giê-hô-va sắp túm chặt ông, và quăng mạnh ông ra xa. ¹⁸ Ngài sẽ cuộn tròn ông và ném ông như quả bóng vào một xứ rộng mênh mông. Tại đó, ông sẽ chết; chiến xa đã từng làm cho ông vẻ vang cũng nằm ở đó. Ông sẽ là nổi ô nhục cho nhà chủ mình!’ ¹⁹ Chúa phán: ‘Ta sẽ cách chức ngươi, và ngươi sẽ bị truất khỏi địa vị mình.

²⁰ Trong ngày đó, Ta sẽ kêu gọi đầy tớ Ta là Ê-li-a-kim, con trai Hinh-kia. ²¹ Ta sẽ lấy áo ngươi mặc cho người, lấy đai ngươi thắt cho người, lấy quyền bính của ngươi trao vào tay người. Người sẽ là cha đối với cư dân Giê-ru-sa-lem và nhà Giu-đa. ²² Ta sẽ đặt chìa khóa nhà Đa-vít trên vai người. Người mở thì không ai đóng được, và đóng thì không ai mở được. ²³ Ta sẽ làm cho người vững chắc như cọc lều đóng xuống đất; và người sẽ trở nên một ngai vinh quang cho nhà cha mình. ²⁴ Người ta sẽ treo trên người mọi vinh quang của nhà cha mình, con cái dòng dõi, và tất cả những vật dụng bé nhỏ, từ cái chén đến cái bình.”

²⁵ Đức Giê-hô-va vạn quân phán: “Trong ngày đó, cái chốt đóng vào nơi vững chắc sẽ bị long ra và rơi xuống; và vật nặng treo trên đó sẽ bị cắt đứt.” Đức Giê-hô-va đã phán vậy.

22:15-19 Phần này mô tả sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên Sép-na, người quản lý của Vua Ê-xê-chia. Lna-ý do chính xác của sự thay đổi Sép bằng Ê-li-a-kim (những câu 20-25) là không rõ, nhưng chắc chắn nó phải rất nghiêm trọng và trong văn mạch, có thể nó là một “tinh thần tự nỗ lực dựa vào chính mình.”

Sép-na có lẽ chính là “Sép-na” của II Các Vua 18:18, người là thư ký của Ê-li-a-kim.

22:16 Đây là một chuỗi những câu hỏi thách thức quyền phục vụ của Sép-na.

22:17-19 Tội lỗi luôn có những hậu quả. Những lãnh đạo càng phải chịu trách nhiệm cách đặc biệt. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả như là một người thi hành sự đoán phạt.

1. sẽ ném ông, câu 17, BDB 376, KB 373, *Pipel* ĐỘNG TÍNH TỪ; và DANH TỪ liên hệ (BDB 376), “quăng ông một cách tàn bạo”
2. sẽ túm chặt lấy ông, câu 17, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH và *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI của BDB 742 II, KB 814 II
3. “cuộn tròn ông cách thật chặt như một quả bóng sắp bị quăng đi,” câu 18, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ, cũng như là DANH TỪ, của cùng một gốc từ (BDB 857, KB 1039)
4. chết như một kẻ bị ruồng bỏ tại một quốc gia ngoại bang, câu 18c,d
5. “Ta sẽ phế truất ngươi,” câu 19, BDB 213, KB 239, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
6. “Ta sẽ hạ ngươi xuống,” câu 19, BDB 248, KB 256, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

Đây là một thuyết từ vựng học thú vị liên hệ với điêm #2. NIDOTTE, tập 3, ở trang 380-381, đề nghị rằng gốc từ có nghĩa là “bắt chấy rận,” như là một sự ẩn dụ cho một sự hủy diệt hoàn toàn (Giê-rê-mi 43:12).

22:20-25 Những câu này mô tả về những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm đối với người kế nhiệm Sép-na, Eliakim (II Các Vua 18:18, 26,37; 19:2; Ê-sai 22:20; 36:3,11,22; 37:2).

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ triệu tập ông, nguyên văn “gọi,” BDB 894, KB 1128, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ mặc cho ông một áo choàng, câu 21, BDB 527, KB 519, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH
3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ thắt lưng một cách an ninh cho ông, câu 21, ĐỘNG TỪ từ mục #2 hàm
4. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ trao cho người quyền bính của ngươi, câu 21, BDB 304, KB 302, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
5. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đặt chìa khóa nhà Đa-vít trên vai người, câu 22, BDB 678, KB 733, *Qal* THÊ

- HOÀN THÀNH
6. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm cho người vững chắc như cọc lều đóng xuống đất, câu 23, BDB 1075, KB 1787, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

22:21-23 Những câu này mô tả về những gì ông sẽ làm.

1. ông sẽ trở thành cha của những cư dân của Giê-ru-sa-lem
2. những gì ông mở sẽ không ai đóng được, ông đóng sẽ không ai mở được, câu 22
3. ông sẽ trở thành một ngai của sự vinh quan cho nhà của cha mình, câu 23 (câu 24)

Trong một nghĩa nào đó có thể thấy Ê-li-a-kim là một biểu tượng hoặc một sự báo trước về Đấng Mê-si. Cùng một sự báo trước cách hình bóng có thể thấy trong sách Xa-cha-ri với Xô-rô-ba-bên và Giê-hô-sua (Xa-cha-ri 3-4).

22:23 “vững chắc” Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây, đặc biệt II., A., 1., b., (2).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIN, TIN CẬY, NIỀM TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC. (יָמַן)

I. Lời mở đầu,

Cần phải nói rằng khái niệm thần học rất quan trọng này trong Tân Ước không được định nghĩa rõ ràng trong Cựu Ước. Nó luôn ở đó, xuất hiện trong một số đoạn Kinh thánh và nhân vật Cựu Ước pha trộn:

1. Cá nhân và cộng đồng
2. Từng trải cuộc gặp gỡ cá nhân và vâng phục giao ước

Đức tin thể hiện trong cả cuộc gặp gỡ cá nhân và cuộc sống hàng ngày. Nó dễ được mô tả qua ví dụ một nhân vật hơn là giải thích qua nghiên cứu từ vựng. Khía cạnh cá nhân được minh họa tốt nhất qua

1. Áp-ra-ham hậu tự
2. Đa-vít và Y-sơ-ra-ên

Những người này gặp gỡ Đức Chúa Trời và cuộc sống họ được thay đổi, tuy không tuyệt hảo, nhưng tiếp tục trong đức tin). Sự thử thách tiết lộ ưu điểm và yếu điểm của họ. Mối liên hệ mật thiết, tin cậy với Đức Chúa Trời khiến đức tin họ lớn mạnh theo thời gian. Đức tin được thử nghiệm và tinh chế trường tồn, ấy là bằng chứng về sự tận hiến và lối sống của họ.

II. Gốc chính của từ vựng

A. יָמַן (BDB 52)

1. Động từ: Tin

- a. gốc *Qal* – Hỗ trợ, nuôi dưỡng (ví dụ., II Các vua. 10:1,5; Ê-xơ-tê 2:7, sử dụng ngoài thần học)
- b. gốc *Niphal* – làm chắc chắn, thiết lập, khẳng định, trở nên thành tín, đang tin cậy

(1) về con người, Ê-sai 8:2; 53:1; Giê-rê-mi 40:14

(2) về sự việc, Ê-sai 22:23

(3) về Đức Chúa Trời, Phục. 7:9; Ê-sai 49:7; Giê-rê-mi. 42:5

c. gốc *Hiphil*.– đứng vững, tin, tin cậy

(1) Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, Sáng. 15:6

(2) Y-sơ-ra-ên ở Ai-cập tin, Xuất 4:31; 14:31 (từ dạng phủ định trong Phục-truyền. 1:32)

(3) Y-sơ-ra-ên tin Giê-hô-va phán qua Mô-sê, Xuất. 19:9; Thi 106:12,24

(4) A-cha không tin Đức Chúa Trời, Isa 7:9

(5) bất cứ ai tin Ngài, Ê-sai 28:16

(6) Tin sự thật về Đức Chúa Trời, Ê-sai 43:10-12

2. Danh từ (giống đực) – sự thành tín (ví dụ., Phục-truyền. 32:20; Ê-sai 25:1; 26:2)

3. Trạng từ – thực vậy, quả thực, tôi đồng ý, chắc là như vậy (xem. Phục-truyền. 27:15-26; I Các Vua. 1:36; I Sứ Ký 16:36; Ê-sai 65:16; Giê-rê-mi 11:5; 28:6). Tương tự chữ

“Amen” trong Tân Ước và Cựu Ước

B. אמת (BDB 54) danh từ giống cái, sự chắc chắn, thành tín, lẽ thật

1. Về con người, Ê-sai 10:20; 42:3; 48:1
2. Về Đức Chúa Trời, Xuất 34:6; Thi Thiên 117:2; Ê-sai 38:18,19; 61:8
3. Về lẽ thật, Phục-truyền. 32:4; I Các Vua 22:16; Thi 33:4; 98:3; 100:5; 119:30; Giê 9:5; Xa-cha-ri 8:16

C. אמונה (BDB 53), sự chắc chắn, sự bền đỗ, chất lượng

1. về bàn tay, Xuất 17:12
2. về thời gian, Ê-sai 33:6
3. về con người, Giê-rê-mi 5:3; 7:28; 9:2
4. về Đức Chúa Trời, Thi 40:11; 88:11; 89:1,2,5,8; 119:138

III. Phao-lô sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phao-lô dựa vào sự hiểu biết mới của ông về Giê-hô-va và Cựu Ước khi gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (xem. Công vụ 9; 22; 26).

B. Ông tìm được chỗ dựa trong Cựu Ước cho sự hiểu biết mới về hai phân đoạn quang trọng của Cựu Ước, trong đó gốc אמת được sử dụng.

1. Sáng thế. 15:6 – Áp-ra-ham gặp Đức Chúa Trời do Ngài chủ động (Sáng thế 12) kết cục đem lại một cuộc sống vâng phục trong đức tin (Sáng thế 12-22). Phao-lô gọi nhớ trường hợp này trong Rô-ma 4 and Ga-la-ti 3.
2. Ê-sai 28:16 – Những ai tin (ví dụ., tảng đá góc mà Đức Chúa Trời đã thử nghiệm và đặt để sẽ không bao giờ
 - a. Rô-ma. 9:33, “bị hổ thẹn hoặc thất vọng”
 - b. Rô-ma. 10:11, cũng giống như trên
3. Ha-ba-cúc. 2:4 – tNhững ai biết Đức Chúa Trời thành tín, phải sống một cuộc đời thành tín (xem. Giê-rê-mi. 7:28). Phao-lô sử dụng câu này trong Ro-ma 1:17 and Ga-la-ti. 3:11 (xem ghi chú Hê-bơ-rơ 10:38).

IV. Phi-e-rơ sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phi-e-rơ kết hợp

1. Ê-sai 8:14 – I Phi-e-rơ 2:8 (khỏi vấp phạm)
2. Ê-sai 28:16 – I Phi-e-rơ 2:6 (tảng đá góc)
3. Ps. 118:22 – I Phi-e-rơ 2:7 (Tảng đá bị chối từ)

B. Ông sử dụng ngôn ngữ độc đáo mô tả Y-sơ-ra-ên, “Một chủng tộc tuyển chọn, một vương đảng tư tế, Một dân tộc thánh khiết, một gia sản công dân của Đức Chúa Trời”

1. Phục-truyền. 10:15; Ê-sai 43:21
2. Ê-sai 61:6; 66:21
3. Xuất. 19:6; Phục-truyền. 7:6

Và bây giờ ông cũng sử dụng khái niệm này khi đức tin Hội thánh trong Đấng Christ

V. Giảng sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. trong Tân Ước

Từ gốc (*pisteuō*) trong tiếng Hy-lạp. dịch ra là tin, đức tin hoặc tin cậy. Ví dụ danh từ không được sử dụng, nhưng động từ được sử dụng nhiều lần trong Phúc Âm Giảng. Ông không an tâm vì thực chất của sự hứa nguyện đối với Chúa Giê-xu Na-xa-rét, Đấng Mê-si trong vòng đám đông. Ví dụ khác về đức tin hời hợt bên ngoài có trong Giảng 8:31-59 and Công vụ 8:13, 18-24. Đức tin theo nghĩa Kinh thánh sâu nhiệm hơn là sự hưởng ứng ban đầu. Nó phải trưởng thành trong quá trình môn-đồ-hóa (xem. Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

B. Sử dụng với giới từ (PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa “vào.” Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh việc tín đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào Chúa Giê-su

- a. Vào danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. Vào Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45, 48; 12:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công vụ 10:43; Phi-lip. 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. Vào Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. Vào Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. Vào Chúa Giê-su (Giăng 12:11; Công vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. Vào Ánh Sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa “ở trong” Giăng 3:15; Mác 1:15; Công vụ 5:14
 3. *epi* có nghĩa “trong”, “hoặc trên,” as in Matt. 27:42; Công vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma. 4:5,24; 9:33; 10:11; I Tim.1:16; I Phi-e-rơ 2:6
 4. DATIVE CASE không giới từ trong Ga-la-ti 3:6; Công vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10 (chỉ có tin, chứ không tin vào)
 5. *hoti*, có nghĩa “tin rằng”, về nội dung điều đáng tin:
 - a. Chúa Giê-su Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Chúa Giê-su Đấng Phán: Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Chúa Giê-su trong Cha and the Cha trong Con (Giăng 10:38)
 - d. Chúa Giê-su Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Chúa Giê-su Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 - f. Chúa Giê-su được phái bởi Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)
 - g. Chúa Giê-su là một với Cha (Giăng 14:10-11)
 - h. Chúa Giê-su đến từ Cha (Giăng 16:27,30)
 - i. Chúa Giê-su xác nhận tên mình như tên của Cha theo giao ước, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
 - j. Chúng ta sẽ sống cùng Ngài (Rô-ma. 6:8)
 - k. Chúa Giê-su chết và sống lại (I Tê-sa 4:14)

VI. Kết luận

Đức tin theo Thánh Kinh là sự hưởng ứng của con người đối với lời phán và lời hứa Thần Linh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (ví dụ., Giăng 6:44,65), nhưng con người phải đáp lại trong cuộc hội thoại thuộc linh này

1. Tin cậy
2. Vâng phục trong giao ước

Đức tin theo kinh thánh là

1. mối liên hệ cá nhân (Đức tin khởi đầu)
2. Khẳng định chân lý theo Kinh Thánh, tin vào mạc khải của Đức Chúa Trời.
3. Vâng phục thích hợp trong cuộc sống hàng ngày

Đức tin theo Kinh thánh không phải là vé đi Thiên Đàng, hay tài khoản bảo hiểm, Nó là mối liên hệ mật thiết. Đây là mục đích của công cuộc sáng tạo, và con người được sáng tạo trong hình ảnh Đức Chúa Trời(xem. Sáng 1:26-27). Trong ý nghĩa “mật thiết” Đức Chúa Trời mong cầu mối liên hệ chứ không phải mức độ hiểu biết thuộc linh. Mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi con cái Ngài cũng phải ánh tính cách gia truyền (ví dụ., đòi hỏi thánh khiết như Ngài, xem. Lê-vi Ký 19:2; Matt. 5:48; I Phi-e-rơ 1:15-16). Sự Sa Ngã (xem. Sáng thế 3) ảnh hưởng khả năng đáp ứng của chúng ta, Chính vì vậy mà Đức Chúa Trời đã chủ động trợ giúp chúng ta, ban cho chúng ta tâm lòng và tâm linh mới qua sự ăn năn và đức tin. Nhờ đó chúng ta có thể thông công và vâng phục Ngài. Cả ba điều trên “liên hệ, chân lý và vâng phục” đều quan trọng, đều phải được duy trì. Trong ngôn ngữ Kinh thánh, mục đích tối hậu là biết và phản chiếu tính cách của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta. Mục đích của đức tin không phải là thiên Đàng trong một ngày nào đó, nhưng trở nên giống-Chúa hàng ngày

Sự trung tín của con người là kết quả (theo Tân Ước), chứ không phải là cơ sở (theo Cựu Ước) cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời, Con người đặt đức tin vào sự thành tín, tin cậy vào sự đáng tin cậy của Ngài. Trọng tâm của quan điểm Tân Ước là con người phải bắt đầu đáp ứng và

tiếp tục trong ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời, thể hiện trong Đấng Christ. Ngài đã yêu thương, sai phái, cung ứng. Chúng ta phải đáp lại trong đức tin và sự trung tin (xem. Ê-phê-sô. 2:8-9 và 10)!

Đức Chúa Trời thành tín mong cầu những người trung tín bày tỏ Ngài cho thế gian bắt tin, và giúp họ tìm được niềm tin cá nhân nơi Ngài

22:25 Ngay cả Ê-li-a-kim (cọc lều đóng vào nơi vững chắc), với tất cả sự giúp đỡ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cũng không thể dừng sự đoán phạt đang đến.

1. cái chốt (cọc) cũng sẽ bị bẻ gãy (long ra) (BDB 559 I, KB 561, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
2. vật nặng sẽ bị cắt xuống (BDB 154, KB 180, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH)
3. vật nặng sẽ bị rơi xuống (BDB 656, KB 709, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH)
4. vật nặng sẽ bị cắt bỏ (BDB 503, KB 500, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) Sự đoán phạt đang đến, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA phán (BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH).

22:25 “cái chốt” Nó có thể chỉ về (BDB 450)

1. Sép-na
2. Ê-li-a-kim
3. Giu-đa
4. Giê-ru-sa-lem
5. Mê-si

Trong văn mạch #1 hoặc #2 là tốt nhất, nhưng những lựa chọn khác chỉ về những kế hoạch tương lai của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 11).

Ê-SAI 23

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự sụp đổ của Ty-rơ	Lời Công Bỏ Chống Lại Ty-rơ	Lời Sám Tiên Tri Về Si-đôn	Một Thông Điệp Về Phê-ni-xi	Lời Chống Lại Ty-rơ
23:1-7 (1-7)	23:1-7 (1) (2-3) (4-5) (6-7)	23:1-12 (1-7)	23:1-3 23:4 23:5 23:6-9	23:1-14 (1b-4) (5-6) (7-14)
23:8-11 (8-11)	23:8-14 (8-9) (10-12)	(8-12)	23:10-13	
23:12 (12)				
23:13-18 (14)	(13) (14) 23:15-18 (16)	23:13-18 (14) (16)	23:14 23:15 23:16 (16) 23:17-18	23:15 23:16 (16) 23:17-18

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Sự định tội trên Phê-ni-xi song hành với Ê-xê-chi-ên 26-28; A-mốt 1:9-10. Ty-rơ (thủ phủ của Phê-ni-xi) là một nước duyên hải hùng mạnh và giàu có, đã làm cho họ trở nên rất kiêu ngạo và dựa vào khả năng và nỗ lực của bản thân mình.
- B. Bởi vì nó là một đế chế rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia và khu vực địa lý đã than khóc bởi sự mất mát trong giao thương của
1. tàu bè của Tarshish (khu vực tây Địa Trung Hải), những câu 1,6,14
 2. những vùng duyên hải, những câu 2,6
 3. những thương nhân của Si-đôn (thành phố rộng thứ hai của Phê-ni-xi), câu 2
 4. Ai Cập, những câu 3,5
 5. Ca-na-an, câu 11
 6. đảo Síp, những câu 12
- C. Chú ý con số THÊ MỆNH LỆNH trực tiếp gửi đến Ty-rơ/Phê-ni-xi.
1. hãy khóc, câu 1, BDB 410, KB 413, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, 13:6; 14:31; 15:2,3; 16:7 (hai lần); 65:14
 2. hãy giữ yên lặng (nguyên văn “hãy yên lòng”), câu 2, BDB 198, KB 226, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
 3. hãy xấu hổ, câu 4, BDB 101, KB 116, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, 1:29; 19:9; 20:5; 24:23; 26:11; 29:22; 30:5; 37:27; 41:11; 42:17; 44:9,11; 45:16,17,24; 49:23; 50:7; 54:4; 65:13; 66:5; Mi-chê 3:7; 7:16
 4. hãy đòi qua, câu 6, BDB 716, KB 778, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, 23:2
 5. hãy than khóc, câu 6, giống như trong #1
 6. hãy đi xuyên qua (nguyên văn “hãy đòi qua”), câu 10, giống như trong mục #4
 7. hãy dấy lên, câu 12, BDB 877, KB 1086, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
 8. hãy chạy sang, câu 12, tương tự với #4,6
 9. hãy than khóc, câu 14, tương tự với #1,5
 10. hãy than khóc, câu 16, BDB 542, KB 534, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
 11. dạo quanh thành phố, câu 16, BDB 685, KB 738, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
 12. gảy lên dây đàn (nguyên văn “hãy chơi cho thật khéo léo”), câu 16, BDB 405, KB 408, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, I Sa-mu-ên 16:17; Thi 33:3; Ê-xê-chi-ên 33:32
 13. hãy hát nhiều bài hát, câu 16, BDB 915, KB 1176, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
- D. Cũng như mọi khi, việc nỗ lực giải nghĩa những bài thơ trong Ê-sai theo bối cảnh lịch sử sẽ giúp đỡ rất nhiều trong việc hiểu được những chi tiết và những sự hàm ý, nhưng những bài thơ này có thể phù hợp với nhiều cuộc xâm lược khác nhau. Sách Ê-sai là một tuyển tập những thông điệp xuyên suốt qua cuộc đời của ông kết hợp với những thời điểm tương lai. Chúng được cấu trúc trong những cách không theo trình tự thời gian dựa trên
1. những từ/ lời liên quan với nhau
 2. những địa điểm địa lý liên quan với nhau
 3. những sự chơi chữ
 4. những chủ đề
 5. và thêm những điều khác nữa
- Những người ở thời hiện đại không biết các sách Cựu Ước được tổng hợp biên tập như thế nào, khi nào hoặc bởi ai.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 23:1-7

¹ Lời tiên tri về Ty-rơ:

Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc,

Vì Ty-rơ đã bị hủy phá,

Không còn nhà cửa, cũng chẳng còn lối vào!
 Từ đất Kít-tim, họ đã biết được tin này.
² Hãy nín lặng! Hỡi cư dân duyên hải,
 Hỡi những thương gia ở Si-đôn,
 Là những kẻ vượt biển chở đầy hàng.
³ Hạt giống của Si-ho, mùa màng của sông Nin,
 Được chở theo đường biển,
 Là nguồn lợi của nó;
 Nó là nơi giao thương của các nước.
⁴ Hỡi Si-đôn, hãy hổ thẹn! Vì biển đã nói,
 Pháo đài của biển nói rằng:
 “Tôi không quặn đau, cũng không sinh con,
 Không nuôi thanh niên, cũng không nuôi thiếu nữ.”
⁵ Khi tin này đồn đến Ai Cập,
 Người ta chắc sẽ rất đau xót khi nghe tin về Ty-rơ.
⁶ Hãy dòi qua Ta-rê-si;
 Hỡi cư dân duyên hải, hãy than khóc!
⁷ Phải chăng đây là thành vui vẻ của các ngươi?
 Là thành có từ thời cổ
 Mà chân nó đã đem nó
 Đến các miền xa trú ngụ.

23:1 “Hãy than khóc, hỡi tàu bè của Ta-rê-si” “than khóc” (ללן, BDB 410, KB 413, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH) chỉ về một sự ớn ào ớn tai. Nó được sử dụng thường xuyên Ê-sai (13:6; 14:31; 15:2,3; 16:7 [hai lần]; 23:1,6,14; 52:5; 65:14 và một từ liên quan [ללן] in 15:8 [hai lần]). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Tập Tục Than Khóc ở 15:2-3.

Chú rằng cùng một cụm từ này cũng xuất hiện trong câu 14. Thường một cụm từ lặp lại đánh dấu một đơn vị văn học, nhưng ở đây không phù hợp lắm.

Những tàu bè của Ta-rê-si là những tàu lớn thương mại chở ngũ cốc, thường đến từ Ai Cập. Chúng trở thành một thành ngữ (cũng như “Phê-ni-xi” và “Người Ca-na-an”) dùng cho những thương nhân.

▣ “Ta-rê-si” Địa điểm này (BDB 1077) có thể chỉ về

1. một thành phố ở phía nam Tây Ban Nha ở ven Đại Tây Dương, vốn là một thuộc địa của Phê-ni-xi (Tartessus, câu 7)
2. đảo Sardinia (Sáng 10:4)
3. một thành phố ở phía bắc của bờ biển Phi Châu (Carthage đã là một thuộc địa của Phê-ni-xi)
4. một ẩn dụ cho một hải cảng xa xôi
5. một biểu tượng của một con tàu đi biển thương mại lớn
6. một quốc gia duyên hải kinh địch (I Các Vua 10:22)

▣ “không có nhà cửa hoặc bến cảng” Thành Ty-rơ có hai khu vực.

1. phần lớn nhà cửa và cửa hàng nằm ở phần duyên hải ở đất liền (Ty-rơ 19:29; II Sa-mu-ên 24:7)
2. cung điện, đền thờ, và pháo đài nằm trên đảo (nguyên thủy trên hai hòn đảo nhỏ) cách khỏi bờ biển (Ê-xê-chi-ên 27:32)

Điều này làm cho nó gần như không thể bị tấn công cho đến khi Alexander Đại Đế tiêu diệt phần đất liền và sử dụng phần đổ nát của nó để xây dựng một con đường đắp để tấn công pháo đài trên đảo vào năm 332 T.C (Ê-xê-chi-ên 26:3-5).

Những con tàu từ Ta-rê-si đã không có nơi để đổ hàng, cũng như nhận hàng mới để mang về nước.

Có một nan đề của văn bản liên quan với từ “hải cảng.” Nó nguyên gốc là “đi vào” (NJB, “không có lối vào,” BDB 97, KB 112, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP), vốn có thể chỉ về một hải cảng hoặc một bến tàu. Nó song hành với câu 14, vì vậy bản dịch NRSV phiên dịch dòng này là “về pháo đài bị hủy diệt của ngươi.”

☐ **“Síp”** Bản MT chép là “Kít-tim” (BDB 508), có lẽ lấy từ tên của một thành phố của người La Mã được gọi là “Citium,” vốn từ xưa là một thuộc địa của Phê-ni-xi (câu 7).

Một vài người nhận định những cư dân này với những con trai của Gia-van, Ê-li-sa (Sáng 10:4; Ê-xê-chi-ên 27:7).

23:2 “Hãy yên lặng” Động từ *Qal* THỆ MỆNH LỆNH song hành với “than khóc” trong câu 1 (BDB 198 I). Có một sự suy xét cần thận dựa trên từ gốc tiếng Ugarit phản ánh một từ gốc riêng biệt (BDB 199 II) “ai ca” (“than khóc,” TEV; “ai ca,” REB).

☐ **“Si-đôn”** Đây là một thành phố duyên hải (Sáng 10:19) của Phê-ni-xi nằm cách Ty-ơ hai mươi lăm dặm về phía bắc. Nó là thành phố chính đầu tiên (Giô-suê 13:4,6). Thành phố có vẻ đến từ con trai lớn nhất của Ca-na-an, con trai của Ham (Sáng 10:15). Ty-ơ và Si-đôn thường được liên hệ với nhau trong Tân Ước trong sự chỉ về dân Phê-ni-xi (Ma-thi-ơ 11:21,22; 15:21; Công Vụ 12:20).

☐ **NASB, NRSV,**

NJB “Những sứ giả vượt biển”
NKJV “Những người vượt biển được đổ đầy”
TEV “Người gửi những người sứ giả”
JB “những người mà hàng hóa đi vượt biển”

Bản NASB theo cuộn Ê-sai từ bản DSS. Bản MT ghi là “đi vượt biển (BDB 569, KB 583, *Piel* THỆ HOÀN THÀNH) họ đã đổ đầy người.” Từ “những sứ giả người,” trong những biến thể của nó, rất giống với ĐỘNG TỪ “đổ đầy” trong tiếng Hê-bơ-rơ.

1. ĐỘNG TỪ, מלאך (“đổ đầy,” BDB 569, NKJV)
2. DANH TỪ, מלאכין (“sứ giả,” BDB 521, NASB)

23:3

NASB, JB “hạt giống của sông Nin”
NKJV, NRSV,
REB “hạt giống của Si-hô”
NJB “hạt giống của Canal”
Peshitta “mùa thu hoạch của dòng sông”

Bản MT cho là “hạt giống của Si-hô, mùa thu hoạch của sông Nin.” Si-hô (BDB 1009) có nghĩa là “ao của Horus” (KB 1477). Nó chỉ về

1. một nhánh về phía tây của sông Nin (BDB 1009)
2. một kênh của dòng nước đen (BDB 1007 I)
3. một dòng sông ở phía tây khu vực tứ giác Delta

Nó được đọc trong một cách khác

1. Giô-suê 13:13; I Sứ Ký 13:5, שיהור
2. Giê-rê-mi 2:18, שחור
3. Ê-sai 23:3, שחר

nhưng tất cả đều chỉ về cùng một khu vực tại Ai Cập.

☐ **“nó là nơi giao thương của các nước”** Hãy xem Ê-xê-chi-ên 27:3-23.

23:4 “hãy hổ thẹn” ĐỘNG TỪ này (BDB 101, KB 116, *Qal* THỆ MỆNH LỆNH) được sử dụng cho sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những thần tượng (Giê-rê-mi 50:2). Ở đây nó chỉ về sự hổ nhục của một quốc gia bại trận (1:29; 19:9; 37:27; 41:11). Những dân tộc này có thể kinh nghiệm được sự tha thứ và phục hồi nếu họ quay trở về với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (49:23); đây chính là dân sự thật sự của chính Ngài (29:23; 45:17; 54:4).

☐ Si-đôn được nhân hóa. Bản NRSV phần ghi chú cho biết “Thành Si-đôn đồ nát hiểm muộn như biển cả không có thủy thủ (những thanh niên trẻ).”

23:7 Câu này mô tả về Ty-ơ (câu 5)

1. thành phố mừng rỡ (đầy kiêu ngạo và tự thỏa mãn, 22:2; 24:8; 32:13)
2. thành phố rất cô (kiêu ngạo về sự cô xưa của họ)
3. một dân tộc đi chiếm thuộc địa (kiêu ngạo về sự ảnh hưởng quốc tế)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 23:8-11

- ⁸ Ai đã định điều này chống lại Ty-rơ,
Là thành đã đội mão miện?
Các thương gia của nó vốn thuộc hàng quý tộc,
Các nhà buôn của nó vốn là hạng danh giá trong thiên hạ.
- ⁹ Chính Đức Giê-hô-va vạn quân đã định điều ấy,
Để hạ tính kiêu căng của mọi vinh quang,
Và làm nhục mọi kẻ sang trọng trên mặt đất.
- ¹⁰ Hỡi con gái Ta-rê-si, hãy đi xuyên qua đất người,
Như lưu vực sông Nin;
Không còn sự trói buộc nào nữa.
- ¹¹ Đức Giê-hô-va đã giơ tay Ngài trên biển,
Làm cho các vương quốc rúng động.
Ngài đã truyền lệnh về Ca-na-an:
Phải phá hủy đồn lũy nó.

23:8-12 Khổ thơ này được thống nhất bởi cách sử dụng ĐỘNG TỪ “định” (nguyên văn “*tur vān*” hoặc “*cō dīn*,” BDB 419, KB 421, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, những câu 8,9; 14:24, 26, 27; 19:12,17). Đây là một sự hoạch định phía sau của lịch sử—ĐỨC GIÊ-HÔ-VA! Những vương quốc của đời này lên những kế hoạch của họ (câu 8), thế nhưng Đức Chúa Trời của tạo hóa đã có hoạch định của Ngài (câu 9).

23:8

NASB, NRSV	“người trao những vương miện”
NKJV, Peshitta	“thành được đội vương miện”
TEV	“thành để vương”
NJB	“kẻ đã từng trao vương miện”
REB	“thành được trao những vương miện như những món quà tặng”

ĐỘNG TỪ này (BDB 742, KB 815, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ) có nghĩa là “đội vương miện.” Nó có thể chỉ về

1. kẻ trao vương miện (NASB, NRSV, NJB, REB)
2. người đội vương miện (TEV, NKJV, Peshitta)

23:10 Để chế duyên hải thù nghịch đã có cơ hội để nổi lên bởi vì sự hủy diệt của đế chế Phê-ni-xi.

Một cách hiểu dự khuyết của cụm từ trong bản Bảy Mươi (Septuagint), “Đến tận vùng đất của người; bởi vì không còn tàu bè nào ra từ Carthage.” Nó được theo bởi bản REB, “Hãy lấy đất trồng trọt của cánh đồng của người, hỡi người Ta-rê-si; bởi vì thương trường người đã mất.” Những ngày giao thương buôn bán của người đã hết, hãy định cư và làm vườn trên đất của người.

23:11 “Đức Giê-hô-va đã giơ tay Ngài trên biển” Hãy xem ghi chú tại 14:26.

☐ “(Ngài đã) làm cho các vương quốc rúng động” ĐỘNG TỪ này (BDB 919, KB 1182, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH) được sử dụng cho sự “ làm rúng động” nhiều điều của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. các núi, 5:25
2. các tầng trời, 13:13
3. âm phủ (Sheol), 14:9
4. biển, 23:11
5. chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 28:21
6. những người cảm thấy yên ninh, 32:10,11
7. những dân tộc, 64:2

và một lần nữa trên Giu-đa bởi vì họ đã chống nghịch lại với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 37:29.

☐ **“Ca-na-an”** Câu này chỉ về Ty-ơ như là pháo đài hải cảng duy nhất nằm trên bờ biển Ca-na-an hoặc Ca-na như một cách chỉ về vương quốc thương mại Phê-ni-xi.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010: 23:12

¹² **Ngài phán:**

“Hỡi con gái Si-đôn, là trinh nữ bị áp bức,

Người sẽ chẳng còn vui mừng nữa!

Hãy mau chạy sang xứ Kít-tim!

Nhưng tại đó người cũng sẽ không được an thân.”

23:12 Trong đoạn này Phê-ni-xi (NIV) được gọi bởi tên kinh đô cũ của nó, “Si-đôn,” và thủ phủ mới hiện tại của nó, “Ty-ơ.”

☐ **“Hãy dậy lên, chạy băng qua Síp; và cả tại đó người cũng sẽ không tìm được sự yên nghỉ”** Một vài người xem đây là một sự chỉ về vua cụ thể của Si-đôn, “Lulli,” đã chạy trốn đội quân A-si-ri đến đảo Síp vào năm 701 T.C, nơi ông ta đã bị giết tại đó (phần ghi chú trong bản JB, trang 1177). Điều này đương nhiên có thể xảy ra, nhưng không hoàn toàn chắc chắn. Bài thơ Hê-bơ-rơ này thật mơ hồ.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍCH 2010: 23:13-18

¹³ **Hãy xem đất của người Canh-đê! Ở đây không còn dân nữa. Người A-si-ri đã làm cho nó thành chỗ ở của dã thú. Chúng đã dựng tháp, vây thành, phá hủy cung điện, và làm cho nó thành ra đồng đồ nát.**

¹⁴ **Hỡi tàu bè Ta-rê-si, hãy than khóc!**

Vì đôn lũy các người đã bị phá hủy rồi.

¹⁵ **Lúc ấy, thành Ty-ơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm, tức là một đời vua. Sau bảy mươi năm ấy, Ty-ơ sẽ như bài ca của kỹ nữ:**

¹⁶ **“Hỡi kỹ nữ bị lãng quên kia!**

Hãy lấy đàn hạc dạo quanh thành phố,

Đàn cho thật hay, hát cho thật nhiều

Để người ta nhớ đến người!”

¹⁷ **Sau bảy mươi năm ấy, Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng thành Ty-ơ; nó sẽ trở lại nghề cũ của nó và làm điểm cho mọi vương quốc trần gian trên mặt đất này. ¹⁸ Nhưng lợi nhuận và tiền công của nó sẽ được biệt ra thánh cho Đức Giê-hô-va, thay vì gom góp tích trữ. Vì lợi nhuận ấy sẽ được dành cho những người phục vụ trước mặt Đức Giê-hô-va, để họ được ăn sung mặc sướng.**

23:13 “Hãy xem đất của người Canh-đê” Câu này có vẻ chỉ về sự hủy diệt Ba-by-lôn (không phải là Neo-Ba-by-lôn) bởi người A-si-ri (những đoạn 13-14). Có hai “Ba-by-lôn” được đề cập đến trong Các Sách Tiên Tri.

1. một vùng đất nhỏ bán tự quản gần với cửa biển của các sông Tigris và Euphrates đã nổi dậy chống lại người A-si-ri và đã bị chinh phục và kinh thành của họ “Ba-by-lôn” đã bị hủy diệt bởi Vua Sa-gôn II (722-705 T.C), là người đã chiếm lấy vương hiệu “Vua của Ba-by-lôn.” Nếu vậy nó có thể chỉ về những vua người Ba-by-lôn
 - a. Vua Merodach-baladan, đã trị vì trong những năm 721-710 và một lần nữa từ năm 703-702 T.C (Hắn đã sai sứ giả đến với Vua Ê-xê-chia vào năm 712 T.C, II Các Vua 20:12-21; Ê-sai 39)
 - b. Vua Shamash-shum-ukim, con trai của Esarhaddon, 681-669 T.C người anh em trai nổi dậy chống lại vua Ashurbanipal [669-633 T.C] người đã lên ngôi làm vua A-si-ri
2. một Ba-by-lôn mới (“tân”) xuất hiện trên sân khấu vào năm 626 T.C cùng với sự nổi lên của Nabopolassar (626-605 T.C), cha của Nê-bu-cát-nết-xa II (605-562 T.C). Nabopolassar đã là phương tiện trong sự sụp đổ của Asshur (một thủ phủ A-si-ri) vào năm 614 T.C và Ni-ni-ve (kinh đô chính của A-si-ri) vào năm 612 T.C (hãy xem “Một khảo sát vắn tắt về Những Cường Quốc ở Khu Vực Mesopotamia” trong Phụ Lục Ba).

▣ **“nó”** Có phải từ này chỉ về kinh thành của người Canh-đê, Ba-by-lôn hay là Si-đôn/Ty-rơ? Trong văn mạch nó chỉ về Ba-by-lôn bị đánh bại bởi Sa-gôn II vào năm 710 hoặc bởi San-chê-ríp vào năm 689 T.C Ty-rơ cũng sẽ giống như Ba-by-lôn. A-si-ri, Neo-Ba-by-lôn, và Alexander Đại Đế đang tiến đến!!!

▣ **“cho những tạo vật của nơi hoang mạc (dã thú)”** Từ này (BDB 850 II) chỉ về những loài thú nơi hoang mạc. Nó thêm vào nghĩa rộng của sự cư ngụ của ma quỷ (NIDOTTE, tập 3, trang 79, và những bản dịch NEB, REB).

23:15 “trong bảy mươi năm” Sự xác định thời gian xảy ra ở đây và trong câu 17. Nó có vẻ như một sự ám chỉ về một khoảng thời gian hoàn toàn (của 7x10, Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những Con Số Biểu Tượng Trong Kinh Thánh 11:12). Hãy chú ý một vài cách sử dụng của từ này trong Kinh Thánh.

1. sự báo thù, Sáng 4:24
2. tuổi của Tha-rê khi Áp-ra-ham được sinh ra, Sáng 11:26
3. bảy mươi người trong gia đình Gia-cốp di chuyển sang Ai Cập, Xuất 1:5
4. bảy mươi trường lão trong Thời Kỳ Hoang Mạc trong Đòng Vắng, Xuất 24:1,9; Dân Số Ký 11:16,24,25 (cũng như trong Ê-xê-chi-ên 8:11)
5. con số của những anh em của A-bi-mê-léc đã bị giết, Các Quan Xét 9:56
6. độ tuổi ước tính của cuộc sống, Thi 90:10 (được nhân gấp hai chính là một phước hạnh đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời, Gióp 42:16)
7. tai vạ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã giết chết 70,000 người, II Sa-mu-ên 24:15; I Sử Ký 21:14
8. Bảy mươi con trai của vua A-háp, II Các Vua 10:1,6,7
9. bảy mươi năm đoán phạt
 - a. của Giu-đa tại Ba-by-lôn, Giê-rê-mi 25:11; Đa-ni-ên 9:2; Xa-cha-ri 7:5
 - b. của Ty-rơ, Ê-sai 23:15
10. Chúa Jesus sai đi bảy mươi môn đồ, Lu-ca 10:1,17
11. tha thứ bảy mươi lần bảy, Ma-thi-ơ 18:22

▣ **“như những ngày của một vị vua”** Cụm từ này được xác định như là thời gian cai trị của một quốc vương. Bảy mươi năm đã là quãng thời gian kéo dài của một cuộc đời thông thường, nhưng ở đây nó chỉ về một sự cai trị rất dài, vốn có lẽ chỉ về tính chất nghĩa bóng của con số được làm tròn.

23:17-18 Những sự giàu có của Phê-ni-xi sẽ tuôn chảy đến với dân sự của Đức Chúa Trời được phục hồi (cũng hãy xem 18:7 và 45:14, vốn chỉ về những hành động tương tự). Phê-ni-xi sẽ không đáp lại với lời chứng của Y-sơ-ra-ên, nhưng sẽ vẫn là một nước ngoại giáo (thờ phượng *Ba-anh*).

Ê-SAI 24

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Đoán Phạt trên Mặt Đất	Sự Đoán Phạt Không Thể Trì Hoãn Trên Mặt Đất	Kỳ Tận Thế của "Ê-sai" (24-27) Sự Đoán Phạt Trên Toàn Cầu	Đức Giê-hô-va sẽ Đoán Phạt Thế Giới	Sự Đoán Phạt của Đức Giê-hô-va
24:1-6	24:1-13 (1-3) (4-6)	24:1-23 (1-3) (4-13)	24:1-3 24:4-13	24:1-6 (1-6) Bài Ca về Thành Phố bị Phá Hủy
24:7-23 (7-23)	(7-13) 24:14-20 (14-16) (17-18) (19-20) 24:21-23 (21-23)	(14-16) (17-20) (21-23)	24:14-16a 24:16b-20 24:21-23	24:7-16a (7-16a) Trận Chiến Cuối Cùng 24:16-23b (16-23b)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

BACKGROUND STUDY

- A. Ê-sai 24-27 hình thành một đơn vị văn học liên hệ với kỳ tận thế (sự đoán phạt thế giới). Thể loại đặc biệt này trong Ê-sai (nó hình thành một giai đoạn văn học cho sự phát triển của thể loại văn học

khải thị) là khuôn mẫu của những phước hạnh và đoán phạt của của thời kỳ cuối rốt (tận thế) đan xen với nhau, rất giống với Phục Truyền 27-28. Ê-sai 24 nói về sự đoán phạt toàn thể gian của Đức Chúa Trời, trong khi đoạn 25 nói về toàn bộ trái đất sẽ được phước bởi Si-ôn được phục hồi (Ê-sai 2:2-24).

- B. Ê-sai 13-23 chỉ về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những quốc gia xung quanh sẽ ảnh hưởng đến dân sự của Đức Chúa Trời. Ê-sai 24-27 là một sự tổng kết rõ ràng của đơn vị văn học này. Cùng một thể loại văn học bao gộp có thể thấy ở trong những đoạn 24 and 35.
- C. Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG TẬN THẾ

(Phần chủ đề đặc biệt này lấy từ tuyển tập giải kinh sách Khải Huyền.)

Khải Huyền là một thể loại văn chương tận thế đặc biệt của người Do thái. Nó thường được sử dụng trong những gian đoạn lịch sử căng thẳng, xung đột để bày tỏ lòng tin quyết sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên dòng lịch sử và sự giải cứu dành cho dân sự của Ngài. Thể loại văn chương này có những đặc điểm

1. nhấn mạnh đến quyền cai trị phổ quát của Đức Chúa Trời (thuyết độc thần và thuyết định mệnh)
2. sự tranh chiến giữa thiện và ác, giữa đời này và đời sau (thuyết nhị nguyên)
3. sử dụng những chữ mật mã (thông thường xuất phát từ Cựu Ước hay là những tác phẩm thuộc thể loại tận thế của Do thái giáo trong giai đoạn giao thời sau khi Cựu Ước kết thúc nhưng trước khi Tân Ước bắt đầu)
4. đề cập đến những màu sắc, con số, thú vật đôi khi cả con người
5. dùng những khái tượng, giấc mơ như những cách thức để tương giao với thần linh.
6. tập trung chú trọng vào sự tận thế (thời đại mới)
7. dùng những nhóm biểu tượng cố định, không phải thực tại để truyền đạt những sứ điệp tận thế
8. Một số ví dụ của thể loại này
 - a. Cựu Ước
 - (1) Ê-sai 24-27, 56-66
 - (2) Ê-xê-chi-ên 37-48
 - (3) Đa-ni-ên 7-12
 - (4) Giô-ên 2:28-3:21
 - (5) Xa-cha-ri 1-6, 12-14
 - b. Tân Ước
 - (1) Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21, và I Cô-rinh-tô 15 (trong vài phương diện)
 - (2) II Tê-sa-lô-ni-ca 2 (trong hầu hết các khía cạnh)
 - (3) Khải Huyền (chương 4-22)
 - c. Những sách không được kinh điển (dựa theo *The Method and Message of Jewish Apocalyptic*, của D. S. Russell, trang 37-38)
 - (1) I Hê-nóc, II Hê-nóc (những bí mật của Hê-nóc)
 - (2) Jubilees
 - (3) Những lời tiên tri của Sibylline III, IV, V
 - (4) Giao ước của mười hai Tô phụ
 - (5) Những Thi-thiên của Sa-lô-môn
 - (6) Sự thăng thiên của Môi-se
 - (7) Sự tuận đạo của Ê-sai
 - (8) Sự tận thế theo Môi-se (cuộc đời của A-đam và Ê-va)
 - (9) Sự tận thế theo Áp-ra-ham
 - (10) Giao ước của Áp-ra-ham
 - (11) II Esdras (IV Esdras)

(12) Ba-rúc II, III

9. Có mặt các thực tại đối nghịch trong thể loại này: nhị nguyên luận, đối lập, hoặc nghịch lý (thường đặc trưng cho văn tự của Giảng):

- a. Trời - đất
- b. Thời đại xấu xa (người xấu, linh xấu) - thời đại công nghĩa tốt lành (người tốt, linh tốt)
- c. sự sống ngày nay - sự sống tương lai

Tất cả các thực tại này đang tiến về điểm chung kết, được định mệnh bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải thể giới mà Đức Chúa Trời dự định, nhưng Ngài luôn dự bị, hành động và áp đặt mục đích của mình cho đến khi mối liên hệ con người – Thiên Chúa được phục hồi như trong vườn Ê-đen. Đấng Christ đến trong chương trình của Đức Chúa Trời. Hai “sự đến” của Ngài (Giáng Sinh và Tái Lâm) đem lại tình trạng các nhị nguyên hiện nay.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 24:1-6

¹ **Này, Đức Giê-hô-va sẽ làm cho đất trống không và hoang vu;**

Ngài làm cho mặt đất biến dạng và dân cư tan lạc.

² **Bấy giờ, mọi người sẽ cùng chung cảnh ngộ:**

Thầy tế lễ cũng như dân chúng;

Ông chủ cũng như tớ trai, bà chủ cũng như tớ gái;

Kẻ bán cũng như người mua;

Kẻ cho mượn cũng như người mượn,

Chủ nợ cũng như con nợ.

³ **Mặt đất sẽ hoàn toàn trống không và hoang vu,**

Vì Đức Giê-hô-va đã phán lời này.

⁴ **Quả đất sầu thảm và hoang tàn,**

Thế gian hao mòn và hoang tàn;

Dân được tôn cao nhất trên đất cũng phải hao mòn.

⁵ **Quả đất bị ô uế**

Bởi dân cư của nó,

Vì họ đã vi phạm luật pháp,

Trái điều răn,

Và phá vỡ giao ước đời đời.

⁶ **Vì thế, sự nguyên rửa ăn nuốt đất,**

Cư dân trên nó phải mắc tội.

Do đó dân trên đất bị thiêu hủy,

Chỉ ít người còn sót lại.

24:1 “Đức Giê-hô-va sẽ làm cho đất trống không và hoang vu” Câu 1 và 3 sử dụng một chuỗi những ĐỘNG TỪ mạnh mẽ để mô tả về sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên trái đất(ở đây không phải trên “xứ” bởi vì sự song hành với “thế giới” [BDB 385, 14:16-17; 34:1; Giê-rê-mi 10:12; 51:15], Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây).

1. làm...hoang tàn, câu 1, BDB 132, KB 150, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, câu 3; Na-hum 2:2
2. phá hủy, câu 1, BDB 118, KB 135, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, Na-hum 2:10
3. bóp méo (nguyên văn “văn,” NRSV), BDB 730, KB 796, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
4. làm tan lạc, câu 1, BDB 806, KB 918, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH
5. làm cho hoang tàn một cách hoàn toàn, câu 3, BDB 132, KB 150, *Niphal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ chỉ về sự gia tăng cường độ
6. cướp bóc hoàn toàn, câu 3, BDB 102, KB 117, *Niphal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ để gì về sự gia tăng cường độ. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA lấy lại

món quà của Ngài, được ban cho trong sự sáng tạo thế giới (những câu 5-6). Đây là một sự đảo ngược của mục đích sự tạo hóa nguyên thủy, nhưng một dân sót sẽ sống sót (câu 6)!

Câu 1 và 3 rất tương tự với sự đoán phạt thế giới của Đức Chúa Trời (אָרָר, BDB 75) trong những ngày của Nô-ê (Sáng Thế Ký 6-9; cũng hãy chú ý nỗ lực để tránh khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời 2:10,19,21). Sự làm rỗng thế giới chính xác là sự đối lập với mục đích của thế giới được tạo dựng!

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VÙNG ĐẤT, QUỐC GIA, MẶT ĐẤT(erets)

Giống như những từ gốc Hê-bơ-rơ, bối cảnh văn mạch là quan trọng thiết yếu trong việc xác định nghĩa dự định của chúng. Sự giới hạn về số lượng của những từ gốc Hê-bơ-rơ (là một ngôn ngữ Sê-mít cổ đại) gây nên mỗi từ trong số đó thực hiện chức năng của nó với những ý nghĩa và khoảng nghĩa rộng khác nhau. Từ gốc này (BDB 75, KB 90) có thể có nghĩa là

1. cả hành tinh (mặt đất những người cổ đại không nhận ra được kích thước và hình dạng của nó. thường nó được sử dụng để chỉ về “thế giới đã biết”)
 - a. Sáng Thế Ký 1-2; 6-9; 10:32; 11:1,4,8,9; 14:19; 18:18,25; 22:18, v.v...
 - b. Xuất 9:29; 19:5
 - c. Thi 8:1,9; 24:1; 47:2,7; Giê-rê-mi 25:26,29,30
 - d. Châm Ngôn 8:31
 - e. Ê-sai 2:19,21; 6:3; 11:4,9,12; 12:5
2. mặt đất trong sự tương phản với bầu trời
 - a. Sáng Thế Ký 1:2
 - b. Xuất 20:4
 - c. Phục Truyền 5:8; 30:19
 - d. Ê-sai 37:16
3. tu từ ẩn dụ cho những cư dân loài người trên hành tinh
 - a. Sáng Thế Ký 6:11; 11:1
 - b. I Các Vua 2:2; 10:24
 - c. Gióp 37:12
 - d. Thi Thiên 33:8; 66:4
4. quốc gia hoặc vùng lãnh thổ
 - a. Sáng Thế Ký 10:10,11; 11:28,31
 - b. đặc biệt là Y-sơ-ra-ên (món quà từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ngài sở hữu nó)
5. bụi đất, Giô-suê 7:21
6. âm phủ (KB 91)
 - a. Xuất 15:12
 - b. Thi 22:29; 71:20; Giê-rê-mi 17:13; Giô-na 2:6
7. thế giới mới
 - a. Ê-sai 9:1-7; 65:17; 66:22
 - b. hãy xem trong Tân Ước, Rô-ma 8:19-22; Ga-la-ti 6:15; II Phi-e-rơ 3:13; Khải Huyền 21:1,5

Hãy nhớ xem văn mạch, bối cảnh, bối cảnh thì đặc biệt quan trọng. Đôi khi các từ cùng gốc có thể giúp đỡ, nhưng không phải luôn luôn.

▣ **“làm biến dạng bề mặt của nó”** Điều này có thể cả là một sự ẩn dụ của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên mặt đất trong những thuật ngữ chỉ vật chất (nguyên văn “vặn (xoay),” BDB 730, KB 796, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) hoặc nó có thể là một sự ẩn dụ của Đức Chúa Trời cho sự làm trống rỗng tất cả các cư dân trên mặt đất giống như một người nào đó sẽ tẩy sạch một cái nồi bẩn trong nhà bếp.

▣ **“và làm tan lạc dân cư nó”** Cụm từ này rất giống với từ được sử dụng trong Sáng Thế Ký 10 được dùng cho tháp Ba-bên. Ở đây nó chỉ về sự lưu đày.

24:2 Câu này chỉ về mọi sự phân biệt xã hội sẽ bị loại bỏ. Mọi người đều sẽ bị đoán phạt (câu 4).

24:3 “Vi Đức Giê-hô-va đã phán lời này” Câu này chỉ về sự chắc chắn của sự kiện này bởi vì Đức Chúa Trời đã phán điều đó (BDB 180, KB 210, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH, 24:3; 25:8; 40:8; 55:10-11). Cũng cần chú ý lời phán của sự tương phản được định trước, lời phán của sự sáng tạo giờ đây đã trở thành lời phán của sự đoán phạt.

24:4 Chú ý sự mô tả về trái đất.

1. khóc than – (1) BDB 5 I, KB 6, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, Giê-rê-mi 23:10; dùng cho sự nhân hóa trái đất, cũng hãy chú ý câu 7, hoặc (2) BDB 5 II có nghĩa là “làm khô cạn,” vốn phù hợp với sự song hành của những câu 4 và 7 tốt hơn (NRSV, REB)
2. khô héo – BDB 615, KB 663, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH (hai lần)
3. tan biến dần – BDB 51, KB 63, *Pulal* THÊ HOÀN THÀNH, 16:8; 33:9
4. ô uế – BDB 337, KB 335, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

Chú ý số lần của ĐỘNG TỪ THÊ HOÀN THÀNH trong những câu 4 và 5 chỉ về một hành động đã được quyết định, một hành động trọn vẹn! Tất cả những ĐỘNG TỪ có một sự giống nhau hoàn toàn.

Đức Chúa Trời của tạo hóa đang hành động như đặc tính quyền năng Ngài trong sự sáng tạo của Ngài. Tạo hóa được dựng nên như một sân khấu cho Ngài và nhân loại tương tác, nhưng những tạo vật của Ngài đã bị ô uế và làm nhơ bẩn bởi hành động của họ. Nó được tạo dựng cho sự dư dật, nhưng giờ đây đối diện với sự không kết quả và sự đoán phạt.

▣ **“thế giới (quả đất)”** Từ Hê-bơ-rơ này (BDB 385) thường được sử dụng với sự liên hệ với “trái đất” (BDB 75, Gióp 37:12; Thi 96:13; 98:9; Giê-rê-mi 10:12; Ca Thương 4:12, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại câu 1). Ê-sai sử dụng từ này nhiều hơn bất cứ tiên tri nào khác (NIDOTTE, tập 4, trang 273, 13:11; 24:4; 34:1).

▣ **“Dân được tôn cao nhất trên đất cũng phải hao mòn”** Bản dịch RSV (với chỉ sự thay đổi phụ âm) ngụ ý rằng cụm từ liên quan đến sự đoán phạt trời và đất (tất cả tạo vật), không phải chỉ những người ưu việt (“cao”) của thế giới mà thôi.

24:5 “Quả đất bị ô uế bởi dân cư của nó” Thiên nhiên chịu đau khổ bởi tội lỗi của con người (24:20; Sáng 3:17-19; Dân Số Ký 35:33; Giê-rê-mi 3:1-2,9; Rô-ma 8:18-25).

1. họ đã vi phạm những luật lệ, BDB 716, KB 778, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
2. họ đã xâm phạm những mạng lệnh Ngài, BDB 322, KB 321, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH
3. họ đã phá vỡ giao ước đời đời, BDB 830, KB 974, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH

Điều này không chỉ về Luật Môi-se, nhưng cả về (1) sự mặc khải tự nhiên được tìm thấy trong Thi 19:1-6 và Rô-ma 1:19, 20; 2:14-15 hoặc (2) trong những ngày trong thời của Nô-ê (Sáng 6:5-7,11-12, có thể cụ thể trong 9:4-6). Cùng một cụm từ “giao ước đời đời” xuất hiện trong Sáng 9:16. Giao ước đời đời có liên hệ với việc lấy đi mạng sống của con người (26:21). Tội giết người gây ra những hậu quả! Sự sống thuộc về Đức Chúa Trời. Ngài mong muốn nhân loại sinh sản nhiều và đổ đầy trái đất, không phải giết hại lẫn nhau!

24:6 “sự nguyên rửa ăn nuốt đất” Câu này có vẻ giống với sự rửa sả trong Sáng 3:17-19. Về mặt thần học câu này có chức năng giống như Rô-ma 1:18-3:20; tất cả đều đã phạm tội (phá vỡ giao ước, câu 5) và cần sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời!

▣

NASB, NKJV,

JB

“bị thiêu hủy”

NRSV

“bị hao mòn đi”

REB

“hao mòn”

Peshitta

“sẽ bị hủy diệt”

LXX

“sẽ trở nên kém thiếu đi”

DSS

“sẽ trở nên nhọt nhọt” (từ BDB 301 I, Ê-sai 29:22)

Bản MT chép là “bị thiêu hủy” (BDB 359 I, KB 357 hoặc 351 I, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH). Các học giả đã đề nghị đây có thể là một từ gốc tiếng Ả-rập, “sản sinh” (KB 351 II), vốn phù hợp với cụm từ tiếp theo.

Đây là một ví dụ tốt của sự khó khăn trong sự mơ hồ của thơ ca Hê-bơ-rơ. Văn mạch thường là sự hướng dẫn an toàn duy nhất dành cho nhà giải kinh và ngay cả vậy, những từ gốc và từ cùng gốc khác vẫn có thể xảy ra. Bản MT không phải là văn bản tiếng Hê-bơ-rơ sớm nhất.

☐ “**chỉ còn ít người sót lại**” Câu này chính là ý tưởng căn bản của một dân sót trung tín rằng Đức Chúa Trời sẽ buông tha cho một số ít của con người trên đất. Điều này có vẻ tương tự với những lời của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 7:14. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Dân Sót, Ba Ý Nghĩa trong 1:9.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 24:7-23

- ⁷ Rượu mới than vãn,
Cây nho tàn héo,
Mọi người có lòng vui vẻ đều thờ dài;
- ⁸ Tiếng trống vui vẻ đã ngưng,
Tiếng ồn ào của cuộc vui đã hết,
Âm điệu vui tươi của đàn hạc đã dứt.
- ⁹ Chẳng còn ai vừa uống rượu vừa hát ca;
Rượu mạnh sẽ đắng cay cho người uống nó.
- ¹⁰ Thành phố hỗn loạn đã đổ nát;
Nhà cửa đều đóng lại, không ai vào được.
- ¹¹ Ngoài đường phố có tiếng kêu la đòi rượu;
Mọi cuộc vui đều trở nên tăm tối,
Niềm vui trên đất đã rời xa!
- ¹² Trong thành chỉ còn cảnh hoang tàn,
Cổng thành bị đập phá tiêu tan.
- ¹³ Vì giữa các dân trên đất,
Sẽ giống như lúc người ta rung cây ô-liu,
Và như khi một trái nho sau mùa hái trái.
- ¹⁴ Những người sống sót này sẽ cất tiếng reo mừng;
Từ phương tây, họ lớn tiếng vui mừng
Ca ngợi uy nghiêm của Đức Giê-hô-va.
- ¹⁵ Vậy từ phương đông, hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va,
Từ các hải đảo, hãy tôn cao Danh Đức Giê-hô-va,
Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
- ¹⁶ Từ các nơi tận cùng mặt đất, chúng tôi đã nghe tiếng ca ngợi:
“Vinh quang thuộc về Đấng Công Chính.”
Nhưng tôi nói: “Tôi mòn mỏi, tôi mòn mỏi!
Khốn nạn cho tôi, những kẻ phản bội!
Những kẻ phản bội cứ tiếp tục phản bội!”
- ¹⁷ Hỡi cư dân trên đất,
Sự kinh hãi, hổ sấu, và lưới bẫy
Đang chờ đợi các ngươi.
- ¹⁸ Ai trốn khỏi tiếng kinh hãi
Sẽ rơi xuống hố;
Nếu lên khỏi hố
Sẽ mắc vào lưới bẫy.
Vì các cửa sổ trên trời đều mở ra,
Các nền dưới đất đều rung chuyển.
- ¹⁹ Đất bị đập vỡ tan nát,
Đất bị xé ra từng mảnh,
Đất bị rúng động dữ dội.
- ²⁰ Đất lảo đảo như người say,
Lắc lư như cúp lều tranh;

Tội lỗi của nó chắt nặng lên nó,
 Và nó sẽ ngã xuống, không sao dậy nổi!
²¹ Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va sẽ trừng phạt
 Đao binh ở trên các tầng trời cao,
 Và các vua trần gian ở dưới đất thấp.
²² Họ bị tập trung lại
 Như tù nhân trong hầm;
 Họ bị giam trong ngục tối.
 Sau nhiều ngày, họ sẽ bị trừng phạt.
²³ Mặt trăng sẽ xấu hổ,
 Mặt trời sẽ mắc cỡ;
 Vì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trị vì
 Trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem.
 Ngài bày tỏ vinh quang
 Trước mặt các trưởng lão Ngài.

24:7-14 Đây là một chuỗi của những ẩn dụ về những hoạt động xã hội thông thường của một cộng đồng nông nghiệp vốn sẽ bị tiêu diệt bởi vì sự đoán phạt của Đức Chúa Trời.

24:9 “**ruợu...ruợu mạnh**” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:22.

24:10 “**Thành hỗn loạn đã đổ nát**” Đây là một sự chơi chữ trong đơn vị văn học này trên chữ “thành phố.” Thành phố này không thể được xác định cách cụ thể, và, vì vậy, có vẻ đây là biểu tượng thay cho toàn thể xã hội con người đã hành động xa cách khỏi Đức Chúa Trời (giống như thành trong Sáng Thế Ký 11). Đây là một ẩn dụ giống với cách sử dụng của từ (1) “thế gian” trong I Giăng và (2) “kỵ nữ (đám phụ) Ba-by-lôn” trong Khải Huyền 18 như là một sự chỉ đến thay mặt cho cả xã hội sa ngã loài người. Thành này có thể xem thấy trong Ê-sai 25:2,3,12. Một sự phạm đến thành của Đức Chúa Trời cũng được thấy trong Ê-sai 26:1-6 (Hê-bơ-rơ 11:10,16).

Trong nguyên văn, từ “hỗn loạn (đổ nát)” (BDB 1062) có nghĩa là “sự trống rỗng,” “hư không,” “không có hình dạng nhất định,” “hỗn loạn,” hoặc “không có thực” được sử dụng cho mặt đất trong Sáng Thế Ký 1:2 (“không có hình dạng”). Nó được sử dụng thường xuyên trong Ê-sai (24:10; 29:21; 34:11; 40:17,23; 41:29; 44:9; 45:18,19; 49:4; 59:4), nhưng chỉ một lần duy nhất khác trong tất cả Các Sách Tiên Tri còn lại (Giê-rê-mi 4:23). Đức Chúa Trời đã bắt đầu lại với tạo vật của Ngài cùng với Nô-ê (Sáng Thế Ký 6-9), và giờ đây Ngài lại bắt đầu một lần nữa!

Hãy xem Bảng số “Hai” Các thành phố trong phần Dẫn Nhập vào đoạn 26, phần D.

24:12 “**Cổng thành bị đập phá tiêu tan**” ĐỘNG TỪ này (BDB 510, KB 507, *Hophal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ về “thành phố không được xác định” mất đi sự phòng thủ, các cổng của nó đã bị hủy phá đổ nát! Ai có thể đứng vững trước mặt ĐỨC GIÊ-HÔ-VA?

24:13 “**Vì giữa các dân trên đất**” Câu này có thể được giải nghĩa theo hai cách: (1) nó có thể chỉ về mọi dân trên đất (trong câu 1 và Ê-sai 11:10) hoặc (2) nó có thể chỉ về dân Giu-đa bị tản lạc trong Sự Lưu Đày (11:11 và 24:8). Thật khó để đưa ra quyết định trong chỗ này, nhưng có vẻ đối với tôi, bởi vì những câu 14,16 và 25:6,7, chúng ta đang nói về khái niệm toàn cầu (lựa chọn #1) cũng như đặc điểm chung của sách Ê-sai. Khái niệm toàn cầu này rất đặc biệt trong sự mời gọi dành cho cả Ai Cập và A-si-ri để trở thành một phần của Vương Quốc của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 19:18-25.

▣ “**Sẽ giống như lúc người ta rung cây ô-liu,**

Và như khi mót trái nho sau mùa hái trái” Đây là một ẩn dụ nông nghiệp của mùa thu hoạch. Nó chỉ về một sự rằng sẽ chỉ có một số ít người được để lại mà thôi (câu 6; Mi-chê 7:1). Những câu từ 14-16 là một đơn vị chỉ về những ai trồng cây nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Đây chính là đặc điểm của đơn vị văn học này cũng như của thể loại văn học đặc biệt này trong Ê-sai đối với những phước hạnh lời hứa ngay giữa sự đoán phạt.

24:14-15 “phương tây...phương đông” Từ “phương tây” (BDB 410) nguyên văn là “biển” và chỉ về Đại Dương Địa Trung Hải. Từ “phương đông” (BDB 22) nguyên văn là “ánh sáng” vốn chỉ về sự mọc lên của mặt trời. Một lần nữa, hai từ này có thể chỉ về Ai Cập về phía tây và phía đông của A-si-ri (19:23-25).

24:15 Jewish Study Bible khẳng định rằng một vài nhóm (Người Giu Đa hoặc Người Ngoại là những người đã tin cậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, trong những câu 15,16a; 25:3) bắt đầu cảm tạ Đức Chúa Trời trong sự ngợi khen (câu 14) rằng sự đoán phạt đã qua, nhưng đột nhiên họ nhận ra rằng nó vẫn chưa kết thúc (những câu 16b-23).

Sự nhận ra sự toàn năng và vinh hiển của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rõ ràng là dấu hiệu đầu tiên của một mối quan hệ tươi mới với Ngài (12:5; 26:10). Một số ít người (Giu-đa và Dân Ngoại), dân sót trung tín (câu 6; Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9) sẽ vẫn được nhìn thấy trung tín ngay cả ở giữa sự đoán phạt (Ha-ba-cúc 2:4).

☐ **“từ các vùng đất duyên hải của biển”** Trong bản LXX chỗ này được dịch là “các hải đảo,” vốn là một sự chỉ đến khá thường xuyên trong sách Ê-sai dành cho những người Ngoại (41:5; 42:4,10).

24:16a Đây là một sự chỉ đến khác dành cho khía cạnh toàn cầu của sự bao gộp cả những tín đồ người ngoại (2:2-4).

☐ **“Đấng Công Chính”** Những bản dịch NASB và NRSV xem cụm từ này chỉ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Bản Peshitta, KJV, và ASV dịch là “kẻ công chính,” vốn là một sự chỉ đến khác dành cho dân sót trung tín vốn sẽ được cứu ra khỏi Y-sơ-ra-ên và các dân tộc trên đất. Bản dịch REB ghi là “dân tộc công chính,” có vẻ một ý tưởng về Y-sơ-ra-ên.

24:16b Có một sự chia tách rõ ràng ở đây nhưng không được đánh dấu rõ ràng bởi những sự chia câu truyền thống. Từ phần ngợi khen rõ ràng trong những câu 14-16a, câu 16b bắt đầu một bài ai ca đám tang liên hệ với sự đoán phạt sẽ đến của Đức Chúa Trời (chú ý từ “khốn thay” [hai lần, nguyên văn “tôi mòn mỏi hoặc hao mòn”] và “khốn thay,” THÁN TỪ này, BDB 17). Từ này rõ ràng có mối liên hệ chính xác với văn mạch nào là không xác định được. Nó có thể là một bình luận cá nhân của chính vị tiên tri Ê-sai rằng thời kỳ của ông không phù hợp (với lời tiên tri), những câu 14-16a. Có nhiều cách dịch Tiếng Anh khác biệt cho cụm từ này.

AB Commentary (trang 353) ghi chú rằng cụm từ này đã bị bỏ đi bởi bản Bảy Mươi (Septuagint) và tác giả (Blenkinsop) cho rằng từ gốc tiếng A-ram cho từ “bí mật,” vốn theo truyền thống của những ra-bi Do Thái và những bản dịch Peshitta và Vulgate.

24:16c,d Đây là một sự chơi chữ rất mạnh mẽ. Sự sử dụng nhiều lần của cùng một từ (BDB 93, KB 108), vốn là một sự nhấn mạnh lặp đi lặp lại rất mạnh mẽ về một dân tộc thiếu kém đức tin và đầy sự giáo quyết. Hãy chú ý

1. kẻ phản bội, BDB 93, KB 108, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
2. hành động cách phản bội, BDB 93, KB 108, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH
3. DANH TỪ, BDB 93 I (Giê-rê-mi 12:1)
4. lặp lại của #1
5. lặp lại của #2

24:17 “Sự kinh hãi, hổ sấu, và lưới bẫy” Đây là một cách chơi chữ trên sự phát âm của những từ tương tự nhau. Tất cả những từ này (BDB 808, 809, 809) được sử dụng cho việc bẫy thú (Giê-rê-mi 48:43,44).

24:18

NASB	“tiếng của thảm họa”
NKJV, Peshitta	“tiếng của sự kinh hãi”
NRSV	“âm thanh của sự kinh hoàng”
NJB	“tiếng khóc của kẻ sợ hãi”
LXX	“kẻ sợ hãi”
REB	“tiếng huynh não của kẻ kinh hoàng”

Bản MT chép là “tại âm thanh của sự kinh hoàng” (BDB 876 GHEP VỚI BDB 808). Đây là một sự ám chỉ đến

(1) âm thanh của chiến trận (Ê-sai 29:6; Giê-rê-mi 4:19,21; Ê-xê-chi-ên 1:24), (2) tiếng của Đức Chúa Trời (30:30-31), hoặc (3) một khái niệm chỉ về giao ước (Giê-rê-mi 3:13,25; 7:23; 11:4,7; 26:13; 38:20).

☐ **“sẽ rơi xuống hố...sẽ bị mắc vào bẫy”** Đây là những sự ngụ đến việc loài người sẽ bị mắc vào bẫy như những loài thú (8:15; 28:13). Con người sẽ cố gắng trốn chạy khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời nhưng chỉ có thể tìm đến với những thảm họa (2:10,19-22).

24:18c “các cửa sổ trên trời đều mở ra” Đây là một sự chỉ đến phần chép về trận nước lụt trong Sáng Thế Ký (7:11; 8:2). Sự mở ra của các cửa sổ trên trời có thể là một sự phước hạnh (nước dùng cho trồng trọt và cho những bầy gia súc, II Các Vua 7:2,19; Ma-la-chi 3:10) hoặc sự đoán phạt (đổ quá nhiều nước xuống, Sáng 7:11; 8:2; Ê-sai 24:18, hoặc không có nước).

24:19 Chú s ự song hành của NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ phù hợp nhau.

1. sự tan rời, BDB 949, KB 1270, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Hithpoel* THỂ HOÀN THÀNH
2. sự chia cắt xuyên qua, BDB 830, KB 975, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Hithpoel* THỂ HOÀN THÀNH
3. sự rung lắc cách mạnh bạo, BDB 556, KB 555, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Hithpoel* THỂ HOÀN THÀNH

Cùng một cấu trúc nhấn mạnh cường độ (NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ từ cùng một từ gốc) tiếp tục trong câu 20, BDB 631, KB 681, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH.

Trái đất, được tạo nên dành cho Đức Chúa Trời và nhân loại có thể gặp gỡ và tương giao, được tạo dựng cho sự dư dật phong phú và sự sống, đã trở nên đồ nát, và sẽ bị phá hủy

1. bằng nước, Sáng Thế Ký 6-9
2. bằng lời phán, Ê-sai 24:3
3. bằng những hình ảnh khái thị lai thể học, Giê-rê-mi 4:23-28
4. bằng lửa, II Phi-e-rơ 3:10-11

24:20 sự say sưa (lão đảo, BDB 631, KB 681, NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một từ gốc) thường được sử dụng như là biểu tượng của sự đoán phạt trong Cựu Ước (Ê-sai 19:14; 28:7,8; 29:9).

☐ **“(và nó) lắc lư như túp lều tranh”** Đây là một sự ngụ ý văn hóa về một túp lều nhỏ (BDB 434) vốn được dựng lên trên cánh đồng trong thời kỳ thu hoạch để một người nào đó có thể ở trong nó để anh có thể bảo vệ cho vụ mùa của mình (1:8). Những câu 19-20 mô tả gánh nặng tội lỗi đè nặng lên thế giới tạo vật vật chất (Rô-ma 8:18-22).

☐ **“sẽ không bao giờ đứng dậy được nữa”** Đây là một thông điệp ngoa dụ để chỉ về sự tăng nặng của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên một trái đất ô uế về mặt đạo đức. Nhưng từ những phần Kinh Thánh khác, chúng ta biết được rằng Ngài sẽ có sự thương xót trên nó và phục hồi nó! Để biết về cách sử dụng ngôn ngữ thậm xưng (ngoa dụ) trong cả thể loại văn học tiên tri và khái thị (lai thể học) hãy xem quyển *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* được viết bởi D. Brent Sandy.

24:21 “trong ngày đó” Hãy xem ghi chú tại 2:11. Đây là một chủ đề lai thể học đánh dấu được lặp đi lặp lại tron g 25:9; 26:1,2,12.

☐ **“đạo binh trên tầng trời cao”** Nhiều lần trong Cựu Ước cụm từ này chỉ về những các vị thần chiêm tinh của người Ba-by-lôn (40:26; 45:12). Tuy nhiên, trong văn mạch này, nó chỉ về khái iệm Cựu Ước của các thiên sứ của các quốc gia (Phục Truyền 32:8 trong bản LXX và Đa-ni-ên 10). Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt cả loài người là những người chống nghịch lại Ngài và cả những thiên sứ là những kẻ đã hỗ trợ sự nổi loạn của con người hoặc sự cám dỗ của Sa-tan (hãy xem quyển *The Language and Imagery of the Bible*, được viết bởi G. B. Caird, trang 179).

24:22 Cả những vị vua kiêu ngạo và tự cao của đất (10:12; 13:11) và những thiên sứ (bảo hộ) của những quốc

gia (bản dịch LXX của Phục Truyền 32:8 và Đa-ni-ên 10:10-13) sẽ bị đoán phạt và giam cầm. Điều này có vẻ rất giống với II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe, câu 6; và Khải Huyền 20:1-3. Điều này có vẻ như là một sự chỉ đến âm phủ (Sheol) (trong Cựu Ước) hoặc nơi tối tăm (Tartarus) (trong Tân Ước). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 5:14.

Một vài học giả cho rằng “sau nhiều ngày” ở đây chỉ về thiên hy niên trong Khải Huyền 20:1-6. Đây là một biểu tượng điển hình của những học giả thiên hy niên là những người tìm kiếm cách dữ dội cho những bằng chứng về khoảng thời gian được nhắc đến trong Khải Huyền 20. Hãy xem tập giải kinh của tôi đã viết ở Khải Huyền đoạn 20 trên website www.freebiblecommentary.org.

▣ **“những tù nhân”** Cấu trúc từ này (BDB 64) chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây và nó bị khuyết đi trong bản dịch DSS, bản dịch LXX, và bản tiếng Targums.

24:23 “Mặt trăng sẽ xấu hổ,

Mặt trời sẽ mắc cỡ” Đây là một cách nói theo ngôn ngữ khái thị về những sự kiện địa chất trong thiên nhiên như là sự tiến đến của Đấng Tạo Hóa. Sự hiện diện của chính Đức Giê-hô-va sẽ trở nên ánh sáng cho nhân loại (Ê-sai 30:26; 60:19, 20; Khải Huyền 21:23; 22:5).

▣ **“Vi Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trị vì**

trên núi Si-ôn và tại Giê-ru-sa-lem” Một lần nữa ở đây chính là khía cạnh toàn cầu của một dòng chảy của toàn bộ thế giới chảy đến với Giê-ru-sa-lem để biết về một Đức Chúa Trời chân thân(Ê-sai 2:2-4; 24:23; 25:6-7; 27:6, 13). Hình ảnh này đã được toàn cầu hóa về sự cai trị của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên toàn bộ trái đất trong Đa-ni-ên 2:35,44-45!

▣ **“Ngài bày tỏ vinh quang trước mặt các trưởng lão Ngài”** Những trưởng lão (BDB 278) đã là những lãnh đạo trong ngày của Môi-se (Xuất 3:16,18; 4:29; 12:21, v.v...). Từ này chỉ về những người lớn tuổi đến từ các chi phái khác nhau. Nó đã trở thành đại diện cho toàn bộ sự lãnh đạo dân sự. Trong sách Ê-sai, những lãnh đạo đã trở nên vô trách nhiệm (3:2-3; 9:14-16), nhưng ở đây trong sự bày tỏ lai thế, họ sẽ nắm lấy vinh quang của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (có lẽ trong sự thờ phượng và tôn cao, của những trưởng lão được chuộc). Theo quyển *Synonyms of the Old Testament* được viết bởi Robert Girdlestone (trang 245) cho rằng họ là những đại diện cho toàn bộ dân sự của Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRƯỞNG LÃO

1. Nói về Thiên sứ trong Hội Đồng Thiên Sứ (Ê-sai 24:23). Thuật ngữ này cũng được dùng tương tự trong Khải Huyền (4:4,10; 5:5,6,8,11,14; 7:11,13; 11:16; 14:3; 19:4).
2. Nói về người lãnh đạo các bộ tộc (*zaqen*) in the OT (Xuất. 3:16; Dân-số-ký 11:16). Sau này cũng được dùng nói về nhóm lãnh đạo trong hội đồng công luật tối cao. San-hê-rin (Ma-thi-ơ. 21:23; 26:57). Trong thời Chúa Giê-su có 70 thành viên, được kiểm soát bởi Thầy Tế Lễ Tối Cao thoái hóa.
3. Nói về những người lãnh đạo hội thánh địa phương. Có ba danh hiệu tương đồng (Mục sư, giám mục, trưởng lão) Xem. Tít 1:5,7; Công-vụ 20:17,28). Phi-e-rơ và Giăng dùng danh hiệu này để đặt mình trong vị trí lãnh đạo. (I Peter 5:1; II Giăng 1; III Giăng 1).
4. Nói về người lớn tuổi trong hội thánh, không nhất thiết ở trong vị trí lãnh đạo (I Ti-mô-thê 5:1; Tít 2:2)

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính

trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Tại sao những đoạn 24-27 được gọi là những đoạn khai thị (nói về ngày cuối rốt lai thế)?
2. Từ đoạn Kinh Thánh Cựu Ước nào mà Ê-sai đã vẽ lên hình ảnh của ông?
3. Thành trung tín trong 1:26 liên hệ như thế nào với thành hỗn loạn trong 24:10?
4. Ai đã nói trong những câu 14-16a và trong câu 16b?
5. “những đạo binh thiên đàng” là ai (nguyên văn “đạo binh của nơi cao trong những nơi cao”)?

Ê-SAI 25

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Bài Ca Ngợi Khen sự Thương Xót của Đức Chúa Trời	Sự Ca Ngợi Đức Chúa Trời	Bài Ca Cảm Tạ	Bài Ca Ngợi Khen	Một Bài Ca của Sự Cảm Tạ
25:1-5 (1-5)	25:1-5 (1-5)	25:1-5 (1-5)	25:1-5 (1-5)	25:1-5 (1-5)
		Phần Lai Thế Học Thứ Ba 25:6-10a (6-10a)	Đức Chúa Trời Chuẩn Bị cho Bữa Tiệc 25:6-8 25:9	Bữa Tiệc Lớn Thiên Thương
25:6-12 (6-12)	25:6-8 (6-8) 25:9-12 (9)	Những Lời của Sự Diệt Vong 25:10b-12 (10b-12)	Đức Chúa Trời Sẽ Hình Phạt Mô-áp 25:10-12	25:6-12 (6-8) (9-12)
	(10-12)			

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để dũi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Thật là một đoạn Kinh Thánh vĩ đại về tình yêu toàn nhân loại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!
 1. kế hoạch cứu chuộc của, câu 1d
 2. đặc tính yêu thương của Đức Chúa Trời, câu 4
- B. Đoạn này chính là nguồn gốc Cựu Ước của nhiều
 1. những lời trích dẫn của Chúa Jesus (John 5:28-29)
 2. những lời trích dẫn của Phao-lô
 - a. trong I Cô-rinh-tô 15 về sự phục sinh, câu 54

- b. mục đích của chiếc màn trong II Cô-rinh-tô 3:15-16 và trong Ê-phê-sô 4:18
 - 3. Giảng sử dụng những hình ảnh Cựu Ước trong sách Khải Huyền
 - a. lau ráo hết nước mắt, Khải Huyền 7:17; 21:4
 - b. các thành của thế gian bị hủy diệt (Ba-by-lôn, Khải Huyền 14:8; 16:19; 18:2)
 - c. Bữa tiệc của Đấng Mê-si, Khải Huyền 19:9
 - 4. Sự xác định trước của Lu-ca về kế hoạch cứu chuộc trong Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; cũng hãy chú ý Lu-ca 22:22 (hãy xem Ê-sai 2:2-4; 9:6-7; 11:1-10)
- C. Đây làm một trong một vài ý tưởng thoáng qua về sự phục sinh trong Cựu Ước
- 1. Ê-sai 26:19
 - 2. Gióp 14:14; 19:25-27
 - 3. Ê-xê-chi-ên 37:12-14
 - 4. Đa-ni-ên 12:2

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 25:1-5

¹ Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời của con!

Con tôn vinh Ngài, con ca ngợi danh Ngài;

Vì Ngài đã làm những việc kỳ diệu

Là những việc đã được hoạch định từ xưa một cách thành tín và chân thật.

² Vì Ngài đã làm cho thành phố trở nên đồng gạch vụn,

Thành trì kiên cố trở nên đồng đổ nát.

Đền đài của dân ngoại chẳng phải là thành nữa,

Nó sẽ chẳng bao giờ được xây dựng lại.

³ Vì thế, một dân hùng mạnh sẽ tôn vinh Ngài;

Thành của các nước hung ác sẽ kính sợ Ngài.

⁴ Vì Ngài là nơi nương tựa cho người cô thế,

Là chôn nướng nấu cho kẻ nghèo thiếu trong lúc khó khăn,

Là nơi trú ẩn khỏi cơn bão táp,

Là bóng mát tránh cơn nóng bức,

Khi những kẻ hung bạo thổi hơi ra

Như bão táp xông vào tường thành.

⁵ Ngài làm cho tiếng ồn ào của dân ngoại nín lặng

Như giảm sức nóng trên đất khô hạn;

Và làm im tiếng hát của kẻ hung bạo

Như nắng nóng tan đi bởi bóng mây.

25:1 “Ôi (lạy) Đức Giê-hô-va, Ngài là Đức Chúa Trời của con” Phần này của sách Ê-sai rất mang tính cá nhân (61:10). Ê-sai biết ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ông như là một người đại diện giới thiệu về giao ước thuộc linh) và kêu nài đến Ngài như là một người bạn, một Đấng Cứu Thế, và là Đấng Toàn Năng!

Hãy chú cách Ê-sai mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

- 1. Con sẽ tôn cao Ngài, câu 1, BDB 926, KB 1202, *Polel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong ý nghĩa của một THÊ KHÍCH LỆ
- 2. Con sẽ cảm tạ Danh của Ngài, câu 1, BDB 392, KB 389, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong ý nghĩa của một THÊ KHÍCH LỆ.

Hãy chú ý cách ông mô tả về Đức Chúa Trời.

- 1. Ngài là Đức Chúa Trời của con, câu 1
- 2. Ngài đã làm những việc kỳ diệu, câu 1
- 3. Những kế hoạch của Ngài đã được hoạch định từ lâu với sự thành tín trọn vẹn, câu 1
- 4. Ngài đã khiến một thành trở nên đồng đổ nát, câu 2
- 5. Một dân hùng mạnh sẽ tôn vinh Ngài, câu 3

6. Ngài là nơi nương tựa cho người cô thế, câu 4

7. Ngài đã khuất phục tiếng gầm rống của những kẻ lạ mặt, câu 5

Đây là một bài thi thiên của sự ngợi khen, không giống như Thi Thiên 145. Đây là một sự đối ngược thần học với sự đoán phạt toàn cầu của đoạn 24.



NASB, NKJV,

NRSV “những điều tuyệt vời”

TEV “những điều kỳ diệu”

NJB “điều kỳ diệu”

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG ĐIỀU KỲ DIỆU (שֵׁנִי)

Từ này(BDB 810) chỉ về những hành động mà con người không thể thực hiện bởi chính mình hoặc thậm chí không thể giải thích, những hành động vốn gây ra sự kinh ngạc và kính sợ (Sáng 18:14; Giê-rê-mi 32:17,27; Xa-cha-ri 8:6).

ĐỘNG TỪ

1. cuộc Xuất Hành, Xuất 3:20; 34:10; Mi-chê 7:15
2. những tai vạ, Phục Truyền 28:59
3. băng qua sông Giô-đanh, Giô-suê 3:5
4. những sự kiện trong quá khứ của Đức Chúa Trời, Các Quan Xét 6:13; I Sứ Ký 16:9,12,24; Neh. 9:17
5. sự hạ sinh của Sam-sôn, Các Quan Xét 13:19
6. tình yêu của Đa-vít dành cho Giô-na-than, II Sa-mu-ên 1:26
7. đờng sử dụng khá thường xuyên trong Gióp, 5:9; 9:10; 10:16; 37:5,14; 42:3
8. ba mươi hai lần trong các Thi Thiên
9. lời tu vấn khuyên dạy của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 28:29
10. hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 29:14 (hai lần); Giô-ên 2:26

DANH TỪ

1. cuộc Xuất Hành, Xuất 15:11; Thi 77:11,14; 78:12
2. trong sự liên hệ với sự chết, Thi 88:10,12
3. sự ngợi khen những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Thi 89:5
4. luật pháp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Thi 119:129
5. Đấng Mê-si của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 9:6
6. hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Ê-sai 25:1; 29:14
7. những hành động trong kỳ cuối rốt, Đa-ni-ên 12:6

Những hành động của Đức Chúa Trời trong những cách đầy quyền năng cứu chuộc để bày tỏ về chính mình Ngài dành cho tạo vật cao cấp nhất của Ngài (con người). Ngài muốn họ biết Ngài và tin cậy Ngài. Những hành động của Ngài là sự mặc khải, sự ghi chép lại những hành động này chính là sự thần cảm, và sự hiểu biết những hành động này chính là sự soi sáng. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn cả thế giới biết Ngài!

▣ “**Những kế hoạch đã được thiết lập từ lâu, với sự thành tín trọn vẹn**” Đức Chúa Trời đang ở trong sự kiểm soát trọn vẹn lịch sử. Đây là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong Cựu Ước (Ê-sai 14:24,26-27; 23:8,9; 46:10-11). Lịch sử không mang tính chu kỳ, nhưng có mục đích. Không có ĐỘNG TỪ nào trong bản MT (“thiết lập” được giả định).

Hai từ Hê-bơ-rơ được dịch là “thành tín trọn vẹn có cùng nguồn gốc.

1. từ đầu (אָמַן, BDB 53) “sự chắc chắn,” “sự kiên định,” hoặc “trung thành.” Nó là một DANH TỪ GIỐNG CÁI (Thi 88:12; 89:1,2,5,8; Ô-sê 2:20).
2. từ thứ hai (אָמַן, BDB 53) có nghĩa là “tin cậy” hoặc “trung tín.” Nó là một DANH TỪ GIỐNG ĐỰC (26:2; Phục Truyền 32:20).

Cùng với nhau chúng (những từ cùng họ cùng với nhau) chỉ về sự thành tín trọn vẹn và toàn bộ của Đức Chúa Trời với những kế hoạch, những lời hứa và những mục đích của Ngài (Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5-6; Ê-sai 2:2-

4; 19:23-25, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3).

25:2 “một thành trở thành đồng đổ nát” Ở đây một thành được dùng như biểu tượng cho sự phản nghịch của một người (24:10). Nó dùng cho mọi thủ phủ của xã hội con người vốn cố gắng để đưa ra đường lối của chính mình và thỏa mãn những nhu cầu của chính mình mà không có Đức Chúa Trời. Hãy xem ghi chú tại 24:10 và bảng biểu tại đoạn 26, Phần dẫn nhập vào đoạn, phần D.

Từ “đồng đổ nát” (BDB 164) được sử dụng cho một đồng gạch đá vỡ vụn sau khi một thành phố bị tiêu diệt (37:26; II Các Vua 19:25; Giê-rê-mi 9:11; 51:37). Những thành kiên cố đã là sự phòng thủ mạnh mẽ nhất của họ, nhưng giờ đây, chúng chỉ là một đồng gạch đá!

☐ **“Một đền đài của những kẻ lạ”** JPSOA sửa chỗ này thành “thành lũy của những kẻ kiêu ngạo” (phần ghi chú), vốn được theo bởi bản dịch JB, và quyển *The Bible: An American Translation*, được viết bởi Smith và Goodspeed, và quyển *A Translation of the Old Testament Scriptures From the Original Hebrews* được viết bởi Spurrell. Bản dịch LXX dịch là “một thành phố của những kẻ không tin kính (hoặc vô đạo).”

Điều này liên quan đến một sự thay đổi từ

1. bản MT, םרר, BDB 266 I, KB 267, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, “những người lạ”
2. םרר, BDB 267, “xác lác,” “đầy kiêu ngạo”

Đây là sự rối rắm giữa chữ Hê-bơ-ơ “R” và “D,” vốn trông thực sự giống nhau.

25:3 “một dân hùng mạnh sẽ tôn vinh Ngài” Câu này có thể chỉ đến những nhóm Người Ngoại khác nhau.

1. 18:2,7 (Cút)
2. 19:19-25 (Ai Cập và A-si-ri)
3. 24:14-15 (các dân từ phương đông và phương tây [duyên hải])

Từ “dân hùng mạnh” (BDB 766 & 738) song hành với “các dân tàn nhẫn” (BDB 156 & 792, những câu 4d,e và 5). Sự mô tả về quyền năng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (“những điều kỳ diệu,” BDB 810, câu 1) thuyết phục họ rằng Ngài chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA của toàn vũ trụ.

☐ **“Thành của các nước hung ác sẽ kính sợ Ngài”** Ở đây một lần nữa là một sự chơi chữ trên từ “thành,” nhưng sự ngụ ý rằng ngay cả những có thành nổi loạn (24:10; 25:2,3,12; 26:1-6), một ngày kia, cũng sẽ ngợi khen và thờ phượng Đức Chúa Trời. Tư tưởng của sự cứu chuộc toàn thể giới (universalism) đây ngay nhiên nhưng được lặp đi lặp lại trong Ê-sai (2:2-4; 19:23-25; 24:14- 16a; 43:21) lại xuất hiện một lần nữa (ngợi khen Đức Chúa Trời!).

25:4 Đây rõ ràng là một sự ngụ ý chỉ về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời dành cho những người bị kỳ thị về mặt tôn giáo và xã hội (4:5-6; 32:2). Đức Chúa Trời yêu mến người nghèo (29:19). Chú ý cách ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hành động hướng đến những người nghèo khổ, cô thế và bị ruồng bỏ trong xã hội.

1. một sự bảo vệ cho những kẻ cô thế
2. một sự bảo vệ cho những người thiếu thốn trong lúc khó khăn
3. một chỗ trú ẩn khỏi cơn bão, 4:6; 32:2
4. một bóng mát trong sự thiêu đốt

Thật khác biệt với “kẻ hung ác” (BDB 792, 29:5,20). Đây chính là cách mà xã hội cần phải trở thành (Xuất 20; Phục Truyền 5).

Cũng hãy chú rằng những người thiếu thốn và nghèo khổ phải tìm kiếm/ tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và lời hứa giúp đỡ của Ngài. Đức Chúa Trời hành động giữa con người xa ngã trong một mối tương giao giao ước. Ngài luôn nắm sự khởi xướng và đặt ra những điều kiện, nhưng con người phải đáp ứng lại (Thi 50:15; 91:15; 107:6,13) với sự đề nghị của Ngài trong sự ăn năn, đức tin, sự vâng phục và sự kiên trì bền đỗ. Cả Cựu Ước và Tân Ước đều có những lợi ích và những trách nhiệm đi kèm! Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

☐

NASB	“như một cơn mưa bão nghịch lại một bức tường thành”
NKJV, Peshitta	“như một trận bão xông vào một bức tường thành”
NRSV	“như một trận mưa bão mùa đông”

TEV, NJB “như một trận mưa bão mùa đông”
REB “như một trận bão tuyết”

Bản MT chép là “con mưa bão” (BDB 281, 4:6; 28:2; 30:30; 32:2) và “tường” (קיר, BDB 885, 22:5; 38:2; 59:10). Một từ tương tự “lạnh” (קור, NRSV, TEV, NJB, REB, NIDOTTE, tập 3, ở trang 994,995, קר có nguồn gốc từ קרר, BDB 903). Dự án UBS Hebrews Text Project cho điểm “bức tường” một điểm A (có khả năng rất lớn).

25:5 “bài hát của kẻ hung ác” JPSOA thay đổi từ Hê-bơ-rơ từ “bài hát” trở thành “con mưa bão” (câu 4).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 25:6-12

⁶ Trên núi này, Đức Giê-hô-va vạn quân dọn cho mọi dân tộc

**Một yến tiệc béo bổ, một tiệc rượu ngon,
Đồ béo có tùy, và rượu ngon tinh chế.**

⁷ Trên núi này, Ngài sẽ xé bỏ

**Cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc,
Và tấm chăn che phủ muôn nước.**

⁸ Ngài sẽ vĩnh viễn tiêu diệt sự chết.

Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ lau ráo nước mắt

Khỏi mặt mọi người;

Và xóa sạch sự sỉ nhục của dân Ngài

25:6 “Trên núi này, Đức Giê-hô-va vạn quân dọn cho mọi dân tộc” Tại đây, Ngọn Si-ôn chính là sân khấu của những hành động kỳ cuối rốt (lai thể) của Đức Chúa Trời (2:2-4; Xuất 24:11; Ma-thi-ơ 8:11; Lu-ca 14:15; 22:16; Khải Huyền 19:9). Bữa tiệc của Đấng Mê-si dành cho tất cả mọi dân tộc (27:13; 66:20). Đức Chúa Trời sẽ chu cấp những thức ăn tốt nhất (Ê-sai 55)!

☐ **“trên núi này”** Cụm từ này chỉ về Ngọn Si-ôn (Giê-ru-sa-lem) được đổi mới hoặc Ngọn Mô-ri-a (đền thờ) tại Giu-đa (24:23). Giê-ru-sa-lem, trong những văn mạch lai thể, có thể chỉ về

1. theo nghĩa đen về một thành phố ở Giu-đa
2. theo nghĩa bóng để chỉ về đất mới (Khải Huyền 21:1-2)

☐ **“rượu”** Chú ý những loại rượu khác nhau.

1. rượu lâu năm, BDB 1038 II, từ này chỉ về loại rượu được để lắng đi để tạo sự ổn định.
2. rượu cất, BDB 279, KB 279, *Pual* ĐỘNG TÍNH TỪ, chỉ về loại rượu được gạn hay lọc sau khi nó đã được để lắng ổn định trong một thời gian dài, sẽ tạo nên một chất lượng tuyệt hảo

Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Rượu và Sự Nghiện Ngập tại 1:22.

25:7 “Trên núi này, Ngài sẽ xé bỏ

Cái màn che mặt phủ trên mọi dân tộc,

Và tấm chăn che phủ muôn nước.” Điều này cực kỳ quan trọng. Cần chú ý rằng Đức Chúa Trời sẽ loại bỏ một điều gì đó (nguyên văn “những bề mặt” [BDB 815], “che phủ” [BDB 532, KB 523, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG], “mà nó che phủ” [BDB 532, KB 523, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG]; cụm từ song hành có nghĩa đen là “cái màn” [BDB 697], “mà nó căng ra” [BDB 651 II, KB 703, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ BỊ ĐỘNG], hoặc “đan kết lại” [BDB 651 II, theo phần ghi chú bên lề của bản NASB, và theo NIDOTTE, tập 3, trang 253]) từ nhóm Người Ngoại (“trên mọi dân tộc” song hành với “trên muôn nước,” chúng đều là những cụm từ mang tính bao gộp và toàn cầu) rằng họ sẽ có thể đến với Ngài. Có nhiều thuyết khác nhau về “(vật) sự che phủ này.”

1. chính là sự chết (câu 8, sự lặp lại của ĐỘNG TỪ trong câu 7)
2. một dấu của sự than khóc dành cho người chết (II Sa-mu-ên 15:30)
3. một dấu chỉ của sự xấu hổ (II Sa-mu-ên 19:5; Giê-rê-mi 14:3)
4. sự mù lòa thuộc linh (II Cô-rinh-tô 3:15-16; Ê-phê-sô 4:18)
5. từ gốc Hê-bơ-rơ לול (BDB 532) chỉ xuất hiện duy nhất ở đây. Từ này liên hệ với לול (BDB 532), vốn có nghĩa là “bí mật” (Ru-tơ 3:7; I Sa-mu-ên 18:22; 24:4 và thường chỉ về sự thờ hình tượng, Xuất 7:22; 8:7,18).

Từ “che phủ” này có thể chỉ về những tôn giáo sai trật đã làm mù lòa con mắt của nhân loại sa ngã (Rô-ma 1:21- 32).

25:8 “Ngài sẽ vĩnh viễn tiêu diệt sự chết” Thật là một thông điệp vĩ đại! Tình trạng nguyên thủy của vườn Ê-đen sẽ được phục hồi (65:19-20). Con người ô tội, phản nghịch có thể được cứu chuộc mãi mãi! Sự phục sinh được đề cập đến cách cụ thể trong 26:19 (Gióp 14:14; 19:25-27; Ê-xê-chi-ên 37:12-14; Đa-ni-ên 12:2; I Cô-rinh-tô 15).

Sự chết cai trị từ A-đam cho đến Đấng Christ (Rô-ma 5:12-21), nhưng cùng với sự phục sinh của Chúa Jesus, sự chết đã bị đánh bại (Ô-sê 13:14 đã được trích lại trong I Cô-rinh-tô 15:55-57).

Trong Cựu Ước linh hồn phạm tội sẽ chết (Ê-xê-chi-ên 18:4,20; Rô-ma 6:23). Giao Ước Môi-se đã là một giao ước dựa trên sự thi hành (Lê-vi-ký 18:5; Gal. 3:12), nhưng bởi vì Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3) và sự rửa sả (Ga-la-ti 3:13; 4:5). Chúa Jesus, Đấng Mê-si, sẽ giải thoát chúng ta khỏi án tử hình đó (Cô-lô-se 2:14).

▣ “Chúa là Đức Giê-hô-va sẽ lau ráo nước mắt

Khởi mắt mọi người” Chú ý giao ước của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (nguyên văn *Adon GIÊ-HÔ-VA*) là Đấng sẽ thực hiện sự lau ráo (BDB 562, KB 567, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 43:25; 44:22; Thi 51:1,9). Cũng chú rằng nó là “mặt của (tất cả) mọi người” (BDB 481 và BDB 815)!

Chủ đề của sự đau buồn than khóc, sự thương xót (đoán phạt), và sự vui mừng (cứu rỗi) được phục hồi là một chủ đề định kỳ trong Ê-sai (30:19; 35:10; 51:11; 65:19; cũng hãy ghi nhớ rằng cách sử dụng của nó trong Tân Ước, Khải Huyền 7:17; 21:4).

▣ “Và xóa sạch sự sỉ nhục của dân Ngài

Khởi cả mặt đất”

Câu này có hai nghĩa có thể.

1. nó liên hệ với giao ước mới trong Ê-xê-chi-ên 36:22-38 vốn sửa lại hình ảnh của Y-sơ-ra-ên ở giữa các dân tộc
2. nó liên hệ giữa “dân sự Ngài với mọi dân tộc (Rô-ma 2:28-29; Rô-ma 9:6; và 11:26; cũng hãy xem Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6). Sự quả trách chính là hậu quả của tội lỗi. Sự loại bỏ nó chính là hành động của sự tha thứ và phục hồi. Đây là kế hoạch thánh của một sự cứu chuộc toàn cầu (câu 1)!

▣ “**Vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy”** Ở đây một lần nữa là sự chắc chắn của những kiến bởi vì Đức Chúa ròi đã phán những lời ấy (24:3; 30-31; 40:8; 55:10-11).

25:9 “trong ngày đó” Cụm từ này chỉ về ngày của sự thăm viếng của Đức Chúa Trời’. Đối với một số người, nó sẽ là một ngày phán xét; đối với một số người nó sẽ là một ngày cứu rỗi (12:1-4; 26:1; 27:1-2). Hãy xem ghi chú tại 2:11.

▣ “**đây là Đức Chúa Trời chúng ta”** Cụm từ này có thể chỉ về (1) Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Giao Ước Áp-ra-ham, Sáng Thế Ký 12,15,17) hoặc là (2) Đức Chúa Trời của tạo vật là Đấng đã hứa giải phóng tất cả con người được dựng nên theo hình và ảnh của Ngài (Sáng 1:26,27) trong Sáng 3:15.

▣ “**Chúng ta trông đợi Ngài”** ĐỘNG TỪ này (BDB 875, KB 1082, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH) xuất hiện hai lần (8:17; 26:8; 33:2; 40:31; 49:23; 51:5; 60:9). Nó có nghĩa rộng của “trông đợi,” “tin cậy vào,” “háo hức chờ đợi cho”!

Nó được sử dụng thường phần lớn trong Thi Thiên và Ê-sai.

▣ “**và Ngài đã cứu chúng ta”** Thường trong Cựu Ước ĐỘNG TỪ này (BDB 446, KB 448, *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “giải cứu” (sự giải cứu vật chất), Sáng 12:12; Xuất 1:17-22; 14:30; Gia-cơ 5:20), nhưng trong văn mạch này ý nghĩa của nó gắn với sự sử dụng của Tân Ước từ “cứu chuộc” (Ma-thi-ơ 1:21; 18:11; I Cô-rinh-tô 1:21; 9:22; I Tim. 1:15; II Tim. 1:9). Những dân này (Do Thái và Người Ngoại) sẽ được cứu khỏi tội lỗi và sự chết. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 33:2.

▣ “Chúng ta hãy hân hoan vui mừng” Cả hai đều là những THỂ KHÍCH LỆ.

1. BDB 162, KB 189, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ
2. BDB 970, KB 1333, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ

Sự cứu rỗi của Ngài mang lại sự phục hồi của niềm vui và sự hân hoan đến với thể giới tạo vật của Ngài (35:1-2,10; 65:18; 66:10).

25:10-11 Có một chuỗi của những từ kép được nhân đôi với mục đích nhấn mạnh.

1. bước xuống, câu 10, BDB 190, KB 218
 - a. *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH
 - b. *Niphal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. dang cánh tay Ngài, câu 11, BDB 831, KB 975
 - a. *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
 - b. *Piel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. bơi, câu 11, BDB 965, KB 1314
 - a. *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ
 - b. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Mô-áp sẽ cố gắng để bơi trong hố phân (câu 10, đây là chỗ duy nhất dùng từ [מַן], BDB 199)). Bản LXX và Peshitta không theo cách đọc này, nhưng dịch là “như cách họ bước xuống sàn từ những cỗ xe.” JPSOA chữa nó lại thành một địa điểm là “Madmenah,” gần với Giê-ru-sa-lem, 10:31.

25:10-12 Phần này có vẻ trở lại với chủ đề của sự đoán phạt trên những dân tộc xung quanh và đặc biệt trên Mô-áp (JPSOA đề nghị sự hiệu đính thành “A-si-ri”). Mô-áp đã bị đoán phạt trước đó trong Ê-sai 15-16. Ở đây, Mô-áp (dân tộc duy nhất được nhắc đến trong 24-27) có vẻ là một biểu tượng của toàn thể con người phản nghịch, kiêu ngạo trong chính hoàn cảnh của họ. Mô-áp, nằm trên khu vực cao nguyên và rất giàu có bởi vì sự giao thương thương mại, là một biểu tượng của toàn bộ những thành quả đạt được của con người xa cách khỏi Đức Chúa Trời. Đây có vẻ là bối cảnh của (1) “thành phố hỗn loạn” trong Ê-sai 24:10 hoặc (2) “thành không thể bị đánh bại” được nhắc đến trong Ê-sai 26:5.

25:11 “Nhưng Đức Giê-hô-va sẽ hạ sự kiêu ngạo nó xuống” ĐỘNG TỪ này (BDB 1050, KB 1631, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, câu 10 (cũng được sử dụng hai lần trong 26:5 để chỉ đến ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ hạ “thành” (24:10; 25:2-3). Nó là một ĐỘNG TỪ được sử dụng định kỳ trong Ê-sai liên hệ với sự đoán phạt những kẻ kiêu ngạo và tự cao của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (2:9,11,12,17; 5:15 [hai lần]; 10:33; 13:11; 25:11; 29:4; 40:4; hãy chú ý Sa-mu-ên 22:28; Gióp 40:11; Thi 18:27; Châm Ngôn 29:23).

Sự kiêu ngạo quá đáng của Mô-áp được nhắc đến trước đó trong 16:6 và sự hủy hoại của nó vào 16:14.

▣

NASB, NKJV “sự bịp bợm của tay nó”

NRSV “sự bói rôi của tay họ”

TEV “những bàn tay họ sẽ lún xuống cách vô vọng”

NJB “điều mà tay nó đã cố gắng”

JB “nó vươn dài cánh tay nó”

Peshitta “của cướp của cánh tay họ”

JPSOA đề nghị một sự hiệu đính “cùng với sự tượng trưng cho quyền lực của họ,” vốn có thể liên hệ với “những công sự kiên cố không thể bị đánh bại,” câu 12.

Vấn đề của từ “sự bịp bợm,” אַרְבּוּת (BDB 70), được thấy duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước, nhưng một thể rất giống với, אַרְבּוּת (BDB 70) có nghĩa “mai phục” hoặc אַרְבּוּת (BDB 70) có nghĩa là “nằm để chờ đợi” hoặc “mai phục,” nhưng nó không phù hợp với văn mạch ở đây.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có.

Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Những sự khác biệt giữa “ngày đó” trong 25:9 và 24:21?
2. Tại sao Mô-áp lại được nhắc đến cách đơn độc trong 25:10-12?

Ê-SAI 26

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Bài Hát Tin Cây nơi Sự Bảo Vệ của Đức Chúa Trời	Bài Ca Sự Cứu Rỗi	Bài Ca Chiến Thắng	Đức Chúa Trời Sẽ Ban Cho Dân Sự Ngài Sự Đắc Thắng	Bài Ca Cảm Tạ
26:1-6 (1-6)	26:1-11 (1b-6)	26:1-6 (1-6) Một Bài Thánh Thi Lai Thế	26:1-19 (1-6)	26:1-6 (1-6) Một Bài Thánh Thi
26:7-10 (7-10)	(7-9) (10-11)	26:7-15 (7-15)	(7-18)	26:7-19 (7-11)
26:11-19 (11-19)	26:12-19 (12-15) (16-18) (19)	26:16-19 (16-19)	(19)	(12-15) (16-19)
	Hãy Trú Ẩn Khỏi Sự Đ đoán Phạt Đang Đến	Phản Lai Thế Thứ Tư (26:20-27:1)	Sự Đ đoán Phạt và Sự Phục Hồi	Sự Đ đoán Phạt của Đức Giê-hô-va
26:20-21 (20-21)	26:20-27:1 (20-21)	26:20-21 (20-21)	26:20-21	26:20-27:1 (20-21)

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

Cần phải nhớ rằng Ê-sai 26 và 27 hình thành một phần của đơn vị văn học bắt đầu từ đoạn 24.

- A. Những đoạn 24-27 là một đơn vị văn học nằm ở phần tổng kết lại một chuỗi những lời sấm tiên tri của sự đoán phạt nghịch lại những dân tộc xung quanh được thấy trong Ê-sai 13-23. Sự đoán phạt không phải là những lời cuối cùng! Đức Chúa Trời của sự ân điển và thương xót có một kế hoạch bao gộp, cứu chuộc, đời đời!
- B. Toàn bộ phần này là một vở kịch trên hai thành phố.
1. những thành được hình thành bởi những con loài người sa ngã của Ca-in, là những người đã cố gắng đạt được những nhu cầu của họ một cách hoàn toàn dựa nguồn lực của chính họ (Sáng Thế Ký 10-11).
 2. thành Si-ôn, nơi Đức Chúa Trời ngự (trên cánh cửa hai Chê-ru-bim nằm trên Hòm Giao Ước trong sự thánh khiết nhất trong nơi thánh của đền thờ Giê-ru-sa-lem) và tại nơi mà dân sự của Ngài (Người Do Thái và Người Ngoại) đến với Ngài và thờ phượng Ngài (2:2-4; 19:18-25; Hê-bơ-rơ 11:10; 12:22; 13:14; Khải Huyền 21:1-2).

- C. Những thành phố này đại diện cho những nhóm dân/ tộc người.

Những Thành Phố của Con Người

1:7,8, những thành Giu-đa bị đốt

1:21, thành trung tín đã trở nên một ky nữ

6:11, Những thành Giu-đa bị phá hủy

14:17,21, tất cả mọi thành phố bị phá hủy

14:31 những thành Phi-li-tin

17:1-3,9, những thành Sy-ri bị phá hủy

19:2, những thành Ai Cập cũng bị phá hủy

22:2,9, thành hân hoan, Giê-ru-sa-lem sụp đổ

23, Ty-rơ bị hủy diệt

24:1-25:5, sự hủy diệt các thành trên toàn cầu

Mô-áp và những đền đài, những thành phố trên núi bị giày đạp

25:10-12, Mô-áp và những đền đài, công trình kiên cố

26:5, thành không thể bị đánh bại, có lẽ là Mô-áp

27:10 những thành kiên cố

29:1, “A-ri-ên” (Giê-ru-sa-lem)

33:2,19, thành mừng rỡ (Giê-ru-sa-lem)

48:2, thành thánh, nhưng chỉ trong danh nghĩa bên ngoài

Thành phố của Đức Chúa Trời

1:26, thành của sự công chính, thành trung tín

19:18-22, Những thành phố của Ai Cập thờ phượng Đức Chúa Trời

19:23-25, mọi người Ai Cập và A-si-ri được bao gộp vào dân sự của Đức Chúa Trời

25:6-9, bữa tiệc trên núi Đức Chúa Trời (ví dụ, những thành phố đã Giê-ru-sa-lem)

26:1, thành mạnh mẽ, Giê-ru-sa-lem, được phục hồi

45:13, thành của Ta (44:23)

52:1-6, thành thánh 60:14, thành của Đức Giê-hô-va

62:12, thành không bị bỏ rơi

66:6, tiếng rống từ thành phố, tiếng từ đền thờ

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 26:1-6

¹ Trong ngày đó, ở đất Giu-đa người ta sẽ hát bài ca này:

“Chúng ta có một thành kiên cố!
Chúa lấy sự cứu rỗi
Làm tường, làm lũy.
² **Hãy mở các cổng**
Cho dân công chính,
Là dân giữ lòng trung tín, được vào đó.
³ **Người nào để tâm trí mình nương cậy nơi Chúa**
Thì Ngài sẽ gìn giữ người trong sự bình an trọn vẹn,
Vì người tin cậy Ngài.
⁴ **Hãy tin cậy Đức Giê-hô-va đến đời đời,**
Vì Đức Giê-hô-va, chính Đức Giê-hô-va,
Là vàng đá của mọi thời đại!
⁵ **Ngài đã hạ bệ những kẻ ở trên cao;**
Triệt hạ thành cao ngất,
San thành bình địa
Và ném nó xuống bụi đất.
⁶ **Nó sẽ bị giày đạp dưới chân,**
Dưới bàn chân của kẻ nghèo nàn,
Dưới bước chân của người cô thế.”

26:1 “Trong ngày đó” Cụm từ này chỉ về sự viếng thăm của Đức Chúa Trời trên thế giới tạo vật của Ngài. Nó có thể cho một sự ban phước hoặc đoán phạt. Hãy xem ghi chú đầy đủ tại 2:11.

▣ **“bài ca”** Có một vài bài ca trong đơn vị văn học này (những đoạn 24-27).

1. (của) sự đoán phạt, 23:15-18
2. sự đoán phạt, 24:7-11
3. sự thờ phượng, 24:14-16
4. sự tạ ơn và ngợi khen, 25:1,3,6,9
5. sự hân hoan, 26:1,19
6. sự hân hoan, 27:2

Thể loại âm nhạc/ ngợi khen này bày tỏ sự đến của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong sự đoán phạt hoặc ban phước (Phục Truyền 27- 28).

▣ **“Chúng ta có một thành kiên cố”** Thành được nói về trong những câu 1-6, với một ngoại lệ có thể trong câu 5, là thành của Đức Chúa Trời, Giê-ru-sa-lem được phục hồi, vốn là biểu tượng của sự phục hồi toàn bộ trái đất của Đức Chúa Trời. Hãy xem Phần Bối Cảnh phía trên, Phần D.

▣ **“Ngài thiết lập tường thành và thành lũy cho sự bảo vệ”** Những tường lũy là những công việc trên để ngăn những máy móc vây hãm tấn công tường thành. ĐẠI TỪ này chỉ về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

Thuật ngữ “sự bảo vệ (an ninh)” nguyên văn là “sự cứu rỗi” (BDB 446), Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 33:2.

26:2 “Hãy mở các cổng
Cho dân công chính,

Là dân giữ lòng trung tín, được vào đó” Câu này chỉ về thành thánh và đền thờ (60:11,18; 62:10).

Từ “dân” (BDB 156) ở đây thường được sử dụng trong một cách làm giảm đi giá trị để chỉ về Người Ngoại, nhưng ở đây nó có nghĩa rộng cách tích cực để chỉ về sự trung tín của dân Giu-đa. Hãy nhớ rằng, văn mạch, văn mạch, văn mạch!

▣ **“Là dân giữ lòng trung tín”** Những câu 2-4 có vẻ như một cách chơi chữ trên từ Hê-bơ-rơ “trung tín” hoặc “đáng tin cậy.” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 22:23. Câu này nhấn mạnh vào sự tiếp diễn của đức tin bởi

1. *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG của “giữ” (BDB 1036, KB 1581)
2. thể SỐ NHIỀU của “đức tin” (BDB 53)

Một lần nữa, không xác định được đây nói về một người hay nói về một chính thể của một dân tộc (NRSV, JB, REB). Nó là một sự tương tự với nan đề trong 24:13 (Ê-sai 30:15). Ý tưởng của một kẻ trung tín sót lại có thể liên hệ với ý tưởng về sự trông đợi Đức Giê-hô-va (25:9; 26:8). Ở giữa sự đoán phạt tuyền dân thật của Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục tin cậy nơi Ngài.

26:3 “tâm trí mình nương cậy nơi Chúa

Thì Ngài sẽ gìn giữ người trong sự bình an trọn vẹn” Chú ý khía cạnh giao ước.

1. Tâm trí của người tín đồ luôn ở trong ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 701, KB 759, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ BỊ ĐỘNG, nhưng được sử dụng trong ý nghĩa của một (ĐỘNG TÍNH TỪ) CHỦ ĐỘNG, I Sử Ký 29:18).
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA gìn giữ người (BDB 665 I, KB 718, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, mối quan hệ giao ước luôn có hai phía, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:19).
3. “sự bình an trọn vẹn” là một sự nhân đôi (dùng hai lần) của từ *shalom* (BDB 1022, DSS). Cách nhân đôi các từ rất phổ biến trong phần này của Ê-sai.

☐ “**Vì người tin cậy Ngài**” Từ “tin cậy” (BDB 105, KB 120, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ BỊ ĐỘNG) có nghĩa là “tin cậy” nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (12:2; 26:4; 36:15; 37:10; 50:10). Chú ý rằng câu tiếp theo có cùng một từ như một THỂ MỆNH LỆNH. Đây ý tưởng thần học quan trọng về sự cần thiết của một mối tương giao cá nhân với Đức Chúa Trời, không chỉ là sự vâng lời. Cả hai đều thiết yếu!

26:4 “Hãy tin cậy Đức Giê-hô-va đến đời đời” Về ĐỘNG TỪ này (BDB 105, KB 120, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH), Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 22:23.

Danh xưng dùng cho Đấng Thánh trong dòng đầu của câu 4 là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA; trong dòng thứ hai là một SỰ RÚT GỌN Yah và YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:1.

Từ “đời đời” (BDB 723 I), thể SỐ NHIỀU đầu tiên và sau đó là thể SỐ ÍT (GHÉP, 65:18; Thi 83:18; 92:8). Cách ghép này, cùng với chữ “mãi mãi” (BDB 761), được sử dụng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, hàm ý chỉ về mối liên hệ cá nhân sau cõi đời này (những câu 14,19; Thi 23:6).

☐ “**Là vàng đá của mọi thời đại**” Từ “vàng đá” là một ẩn dụ của sự không đời đời được dùng cho đặc tính không thay đổi của Đức Chúa Trời (Thi 18:1, 2; Ê-sai 17:10; 30:29; 44:8).

26:5 “thành không thể bị đánh bại” Câu này có thể chỉ về sự kiêu ngạo của Mô-áp (25:10-12), cụ thể trong câu 12. Sự kiêu ngạo của con người và sự tự cao luôn dẫn đến kết quả của sự đoán phạt Thiên Thượng.

26:6 Ở đây ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hành động đại diện cho dân sự của Ngài. Ý tưởng của “sự giày đạp” liên hệ với 25:10, chính là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Mô-áp, có vẻ như, trong văn mạch này, trở thành một biểu tượng cho toàn thể xã hội con người, tội lỗi, phản nghịch (tương tự với cách dùng của Ba-by-lôn trong Khải Huyền).

Chú ý những từ khác nhau liên hệ với bàn chân.

1. ĐỘNG TỪ, “giày đạp” (BDB 942, KB 1245, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)
2. DANH TỪ, “chân” (BDB 919, SỐ ÍT)
3. DANH TỪ, “chân” (BDB 919, SỐ NHIỀU)
4. DANH TỪ, “bước” (BDB 821)

Đoạn này có một vài từ kép (được nhân đôi), vốn là đặc điểm của một văn mạch lớn hơn.

1. bình an, câu 3
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 4
3. chân, câu 6

Hãy nhớ mọi sự nhân đôi các TỪ GỐC ĐỘNG TỪ trong những đoạn 24-27.

1. “quản quai,” BDB 615, KB 663, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 24:4
2. “ngừng,” BDB 991, KB 1407, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 24:8
3. “uông,” BDB 1059, KB 1667, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và ĐỘNG TÍNH TỪ, 24:9
4. “phản bội,” BDB 93, KB 108, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ và THỂ HOÀN THÀNH (hai lần), 24:16

5. “bước lên,” BDB 190, KB 218, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH và NGUYÊN MẪU, 25:10
6. “giờ ra,” BDB 831, KB 975, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH và THỂ CHỮA HOÀN THÀNH, 25:11
7. “boi,” BDB 965, KB 1314, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ và NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, 25:11
8. “tin cậy,” BDB 105, KB 120, *Qal* PASSIVE ĐỘNG TÍNH TỪ và *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, 25:3,4
9. hạ xuống,” BDB 1050, KB 1631, *Niphal* THỂ CHỮA HOÀN THÀNH (hai lần), 26:5
10. “xem,” BDB 302, KB 301, *Qal* THỂ CHỮA HOÀN THÀNH (hai lần), 26:11
11. “gia tăng,” BDB 414, KB 418, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (hai lần), 26:15
12. “hãy để làm,” BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH (hai lần), 27:5
13. “đánh,” BDB 645, KB 697, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ và THỂ HOÀN THÀNH, 27:7

▣ “Dưới bàn chân của kẻ nghèo nàn,

Dưới bước chân của người cô thế” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng giảm đạp, nhưng Ngài thường sử dụng những kẻ được ủy nhiệm (A-si-ri, Ba-by-lôn). Giờ đây những kẻ nghèo nàn và cô thế là những người đã bị lạm dụng sẽ trở nên những người được ủy nhiệm của Ngài (3:14-15).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 26:7-10

⁷ Đường người công chính là đường ngay thẳng;

Lạy Đấng Ngay Thẳng, xin Ngài làm cho đường người công chính được bằng phẳng.

⁸ Lạy Đức Giê-hô-va, thật vậy, trên con đường phán xét của Ngài,

Chúng con trông đợi Ngài;

Linh hồn chúng con khao khát

Danh Ngài và kỷ niệm của Ngài.

⁹ Ban đêm linh hồn con khao khát Chúa;

Vâng, thần linh trong con thiết tha tìm kiếm Ngài.

Vì khi sự phán xét của Ngài thực thi trên đất

Thì cư dân trên thế giới học biết sự công chính.

¹⁰ Dù nhận được ân huệ,

Kẻ ác cũng không học điều công chính.

Sống trong đất ngay thẳng, nó vẫn hành động gian tà,

Và không nhìn thấy uy nghiêm của Đức Giê-hô-va.

26:7 “đường...ngay thẳng...bằng phẳng” Đây là một sự chơi chữ trên ý tưởng của sự chuẩn bị một con đường cho một sự viếng thăm của hoàng đế. Nó được sử dụng theo nghĩa bóng cho một sự chuẩn bị thuộc linh cho sự thăm viếng của Đức Chúa Trời. Đây là khái niệm mà Giảng Bap-tít đã sử dụng để mô tả về chức vụ của chính ông (40:3,4; 42:16; 45:13; Ma-thi-ơ 3:3; Mác 1:3; Lu-ca 3:4-6; John 1:25).

Một con đường được ban bằng, bằng phẳng sẽ mang đến tâm trí một đường thẳng vốn chỉ về một lối sống tin kính và vâng phục giao ước. Một người tin Chúa cần phải có những đặc điểm

1. một tấm lòng cho Đức Chúa Trời (mối quan hệ cá nhân, câu 9)

2. một đời sống cho Đức Chúa Trời (sự vâng phục, câu 8)

Những điều này cần đi cùng với nhau! Chúng không thể bị tách rời (Lu-ca 6:46).

▣

NASB, NJB

“Hỡi Đấng Ngay Thẳng”

NKJV

“Hỡi Đấng Ngay Thẳng Nhất”

NRSV, JPSOA

“Hỡi Đấng Chính Trực”

Đây là nơi duy nhất trong Kinh Thánh sử dụng danh xưng này cho Đức Chúa Trời. Một vài người xem nó là sự liên hệ với khái niệm “Đấng Công Chính” (24:16), trong khi những bản dịch khác biến nó thành một danh xưng cho Đức Chúa Trời, trong khi những người khác xem nó liên hệ với những người đi theo công chính của Ngài’ (LXX, Peshitta, JB, REB) chuyển đi bằng phẳng khi họ quay trở về với Ngài tại Giê-ru-sa-lem được phục hồi (42:16).

26:8 “con đường” Chú ý cách từ này (nguyên văn đường mòn, BDB 73) chỉ về “con đường” trong câu 7.

1. câu 7, con đường thật sự
2. câu 8, đời sống

▣ **“Chúng tôi đã trông đợi Ngài cách sốt sắng”** ĐỒNG TỪ này (BDB 875, KB 1082, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH) được dịch bởi bản dịch NASB bằng cách thêm vào TRẠNG TỪ trong tiếng Anh “sốt sắng.” Những bản dịch tiếng Anh khác không có từ này. Câu này chỉ về một sự tin cậy/ trông đợi cách kiên nhẫn nơi Đức Chúa Trời ở giữa những hoàn cảnh khó khăn (8:17; 25:9; 33:2)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THUẬT NGỮ DÙNG CHO SỰ MẠC KHẢI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (sử dụng cho sách PHỤC TRUYỀN và THI THIÊN)

I. “những luật lệ” BDB 349, “một đạo luật, sắc lệnh, hoặc quy định”

A.(từ) giống đực, קח

-Phục 4:1,5,6,8,14,40,45; 5:1; 6:1,24,25; 7:11; 11:32; 16:12; 17:19; 27:10; Thi 2:7; 50:16; 81:4; 99:7; 105:10,45; 148:6

B. (từ) giống cái, קהק

-Phục 6:2; 8:11; 10:13; 11:1; 28:15,45; 30:10,16; Thi 89:31; 16,23,26,33,48,54,64,68,71,80,83,112,124,135,145,155,171

II. “Luật pháp” BDB 435, “sự hướng dẫn”

-Phục 1:5; 4:44; 17:11,18,19; 27:3,8,26; 28:58,61; 29:21,29; 30:10; Thi 1:2; 19:7; 78:10; 94:12; 105:45; 72,77,85,92,97,109,113,126,136,142,150,153,163,165,174

III. “Những lời chứng” BDB 730, “những luật pháp thiên thượng”

A.SỐ NHIỀU, עדת

-Phục 4:45; 6:17,20; Thi 25:10; 78:56; 93:5; 99:7;

B.עדות hoặc עדת

-Thi 19:8; 78:5; 81:5; 119:2,14,31,36,88,99,111,129,144,157

IV. “những lời giáo huấn” BDB 824, “một trách nhiệm được giao”

-Thi 19:8; 103:18; 111:7;
119:4,15,27,40,45,56,63,69,78,87,93,94,100, 104,
110,128,134,141,159,168,173

V.“các mạng lệnh” BDB 846

-Phục 4:2,40; 5:29; 6:1,2,17,25; 8:1,2,11; 10:13; 11:13; 15:5;
30:11,16; Thi 19:8; 119:6,10,19,21,32,35,47,48,60,66,73,86,96,
127,131,143,151,166,176

VI. “những sự phán xét/pháp lệnh” BDB 1048, “những sự cai trị” hoặc “công lý”

-Phục 1:17; 4:1,5,8,14,45; 19:9; 48:11; 89:30; 97:8;
105:5,7; 7:12; 16:18; 30:16; 33:10,21; Thi 10:5;
102,106,120,132,137,149,156,160,164; 147:19; 149:9

VII. “các đường lối Ngài” BDB 202, Những nguyên tắc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho đời sống của

-Phục 8:6; 10:12; 11:22,28; 19:9; 26:17; 28:9; 30:16; 32:4; Thi 5,37,59

VIII. “(những) lời Ngài”

A. BDB 202

-Phục 4:10,13,36; 9:10; 10:4; Thi 119:9,16,17,25,28,42,43,
81,89,101,105,107,114,130,139,147,160,161,169

B. BDB 57

1. “lời”

-Phục 17:19; 18:19; 33:9; Thi 119:11,67,103,162,170,172

2. “lời hứa”

-Thi 119:38,41,50,58,76,82,116,133,140,148,154

▣ **“Linh hồn chúng con khao khát**

Danh Ngài và kỷ niệm của Ngài” Đây là sự trông đợi cá nhân của một người thờ phượng dành cho Đức Chúa Trời của ông (câu 9; 25:9). “Danh Ngài” bày tỏ về đặc tính của Đức Chúa Trời (Xuất 3:15; Thi 135:13). “Kỷ niệm Ngài” bày tỏ về những hành động vĩ đại của Ngài được công bố trong sự ngợi khen.

26:9 Hai dòng đầu trong 9 rất giống với những Thi Thiên. Người thờ phượng khao khát sâu sắc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, không phải những sự kiện về Ngài, nhưng là Ngài, chính Ngài.

1. khao khát, BDB 16, KB 20, *Piel* THÊ HOÀN THÀNH
2. tìm kiếm, BDB 1007, KB 1465, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, Thi 63:1; 78:34; Ô-sê 5:15

Đây thật là một ngôn ngữ đầy mạnh mẽ và cá nhân. Nó gọi nhắc tôi về Thi 42:1-2. Chúng ta được dựng nên để biết Ngài. Chúng ta không thể tìm kiếm được sự bình an ở ngoài Ngài! Tâm linh của chúng ta, được dựng lên theo hình và ảnh Ngài, khao khát mong mỏi chính Ngài!

▣ Phần hai dòng thứ hai và câu 10 nói về những kẻ xấu đã hiểu sai về sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời và đã lợi dụng lòng tốt của Ngài (Rô-ma 2:4-5). Luật pháp của Đức Chúa Trời (sự đoán phạt) vốn có mục đích giúp cho các dân tộc biết Ngài (câu 11), nhưng sự không vâng lời của Y-sơ-ra-ên đã phủ mờ sự mặc khải này. Ngay cả chính người Y-sơ-ra-ên cũng những truyền thống của gia đình họ (những lời hứa dành cho Áp-ra-ham).

Những cư dân trung tín của thế giới sẽ học sự công chính (câu 9d), nhưng kẻ ác thì không như vậy (câu 10b).

▣ **“sự phán xét”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Quan Án, Sự Phán Xét, Công Lý trong Ê-sai tại 3:1.

26:10 “dù kẻ ác nhận được ân huệ” Câu này mô tả ý định (vươn đến với kẻ ác để thay đổi họ) và hành động mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Ngài ban cho họ ân huệ (sự thương xót), BDB 335, KB 334, *Hophal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
2. họ được cho phép sống “trong đất của sự ngay thẳng”
3. những dấu hiệu rõ ràng của Ngài (giơ cánh tay của Ngài lên) cho họ, câu 11

Đáp ứng của kẻ ác dành cho sự mặc khải của chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là gì?

1. không học điều công chính, câu 10
2. không hành động cách ngay thẳng, câu 10
3. không thấu hiểu sự oai nghiêm vĩ đại của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 10
4. không thấy sự nhiệt huyết của Ngài cho dân Ngài, câu 11

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 26:11-19

¹¹ **Lạy Đức Giê-hô-va, tay Ngài đã giơ lên
Mà chúng vẫn không thấy.**

**Xin cho chúng thấy lòng sốt sắng của Ngài vì dân Ngài, và chúng xấu hổ.
Xin lửa thiêu nuốt kẻ thù của Ngài.**

¹² **Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài thiết lập sự bình an cho chúng con,
Vì mọi công việc của chúng con đều do Ngài làm cho chúng con!**

¹³ **Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con,
Ngoài Ngài, đã từng có các chủ khác cai trị chúng con,
Nhưng bây giờ, chúng con chỉ tin cậy một mình Ngài
Và cầu khẩn danh Ngài.**

¹⁴ **Chúng đã chết, sẽ không còn sống nữa;
Nhưng âm hồn không trôi dạt được,
Vì Ngài đã trừng phạt và hủy diệt chúng,
Xóa sạch mọi kỷ niệm của chúng.**

¹⁵ **Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài đã làm cho dân này lớn mạnh,
Ngài đã làm cho dân này lớn mạnh.**

**Ngài đã được tôn vinh;
Ngài đã mở mang bờ cõi đất này.**

¹⁶ **Lạy Đức Giê-hô-va, trong cảnh khốn cùng,
Họ đã tìm kiếm Ngài;
Khi bị Ngài sửa trị, họ hết lòng cầu khẩn Ngài.**

¹⁷ **Lạy Đức Giê-hô-va, trước mặt Ngài,
Chúng con khác nào sản phụ sắp sinh,
Quặn thắt, kêu la trong cơn đau đớn.**

¹⁸ **Chúng con đã thai nghén, quặn thắt,
Nhưng chỉ sinh ra gió.
Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất,
Cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian này.**

¹⁹ **Những người chết của Ngài sẽ sống,
Xác của họ sẽ trỗi dậy!
Hỡi những kẻ ở trong bụi đất, hãy thức dậy và reo vui!
Vì sương móc của Ngài như sương móc rạng đông,
Và đất sẽ buông tha các âm hồn.**

26:11 “tạy Ngài đã giơ lên” Đây là một thành ngữ dùng cho những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cả trong quá khứ và hiện tại. Chúng rất rõ ràng, nhưng những kẻ thù của dân sự Ngài không nhìn thấy và hiểu Ngài (câu 10; 5:12,25; 8:11; 9:12; 10:4,10; 11:15; 13:2; 14:26-27; 23:11; 25:10; 28:2, v.v...).

▣ **“Xin lửa thiêu nuốt kẻ thù của Ngài”** Đây có thể là một THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong ý nghĩa của một THỂ MỆNH LỆNH (“xin lửa thiêu nuốt kẻ thù của Ngài”).

26:12 Đây là một sự khẳng định mạnh mẽ về sự oai nghiêm chí cao của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Ngài hành động thay mặt cho Y-sơ-ra-ên (Ê-xê-chi-ên 36:22-38) cho những mục đích cứu chuộc của Ngài!

26:13 “các chủ khác” Có lẽ cụm từ này có khả năng chỉ về những thần giả dối trong 2:8; 27:9, nhưng nó cũng có thể là sự ám chỉ đến những quốc gia thù nghịch (Sy-ri, A-si-ri, Ba-by-lôn) mà Y-sơ-ra-ên phải đối diện.

▣ **“Ngoài Ngài, đã từng có các chủ khác cai trị chúng con”** ĐỘNG TỪ này (BDB 127, KB 142, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) có thể có nghĩa

1. sở hữu một người vợ hoặc thê thiếp, Sáng 20:3; Xuất 21:3,22; Phục Truyền 22:22; 24:1
2. cai trị, 26:13; I Sử Ký 4:22

Câu này có thể chỉ về sự thờ hình tượng, đặc biệt sự thờ hình tượng phồn thực. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là “chủ,” “chồng” duy nhất thật sự của họ (Ô-sê 2:14-20).

▣

NASB	“chúng con xưng danh Ngài”
NKJV	“chúng con đề cập đến danh Ngài”
NRSV	“chúng con nhận biết danh Ngài”
NJB, REB	“chúng con cầu khẩn danh Ngài”
LXX	“chúng con gọi tên Ngài”

ĐỘNG TỪ này (BDB 269II, KB 269, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “nhớ.” KB cho rằng nó có nghĩa là “tuyên bố trong sự ngợi khen” (bài hát ngợi khen). Vì vậy, từ này, chỉ về một bối cảnh thờ phượng nơi mà đặc tính và những hành động của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên được tán dương, ca tụng (cách tích cực, Thi 71:14-16; và tiêu cực, không được xưng các thần khác trong sự ngợi khen, Xuất 23:13).

Chú ý rằng đó chính là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (“qua Ngài”) mà dân sự Ngài có thể thờ phượng.

1. sự cứu chuộc cả dân sự (câu 15, đền thờ)
2. sự cứu chuộc cá nhân (câu 16, khao khát đến đó)

26:14 “Chúng đã chết, sẽ không còn sống nữa;

Những âm hồn không trở dậy được” Câu này có lẽ được liên kết với câu 13, “những chủ khác,” vốn chỉ về những vị vua ngoại bang là những người sẽ không còn quấy rối Y-sơ-ra-ên nữa. Câu này không có để dạy về một nền tảng thần học về cuộc sống sau cái chết, đặc biệt về sự tận diệt những kẻ ác. Có rất nhiều những đoạn khác trong Kinh Thánh dạy về sự sống lại cách tổng quan (Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 25:46; Giăng 5:28-29; Công Vụ 24:15). Câu này nói rằng những vị vua này, giờ đây bị đoán xét và đã chết, sẽ không bao giờ có thể sống trở lại cách cá nhân và theo nghĩa bóng, một lần nữa, để hành hại dân sự của Đức Chúa Trời.



NASB	“những linh đã rời đi”
NRSV, JPSOA	“bóng tối”
TEV, JB	“những bóng ma”
NJB	“bóng tối”

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 952 I) dường như liên hệ với những vùng trũng, những kẻ chết mất đi quyền lực (Gióp 26:5; Châm Ngôn 2:18; Ê-sai 14:9; trong 26:19); từ này cũng được sử dụng cho người công chính sẽ được sống lại).

Cùng một từ gốc (BDB 952 II) là một trong những thuật ngữ được dùng cho những người khổng lồ. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 14:9. Có lẽ Rê-pha-im trở nên một ẩn dụ chuẩn mực cho những chiến binh và là hình bóng cho những vị vua của những quốc gia đầy quyền lực.

26:15 Đây là mục đích giao ước của Đức Chúa Trời dành cho hậu tự của Áp-ra-ham. Đây cũng là cùng một hình ảnh thường được mở rộng vào kỳ lai thế, nơi mà mọi dân tộc sẽ đến và thờ phượng ĐỨC GIÊ-HỒ-VA tại Giê-ru-sa-lem.

26:16 “Họ chỉ có thể thì thầm một lời cầu nguyện” Những kẻ trung tín của Đức Chúa Trời chịu đau khổ dưới sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên tập thể dân sự của Ngài. Họ đã tìm kiếm Đức Chúa Trời trong những lời cầu nguyện thì thầm và bị kiểm soát ở giữa bàn tay nặng nề của Đức Chúa Trời.

Có một cách chơi chữ thần học.

1. thì thầm một lời cầu nguyện (BDB 538 #3)
2. thì thầm như một phần của sự thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên (BDB 538 điểm #1,2, 3:3,20) Hãy nhớ, văn mạch, văn mạch, văn mạch luôn quyết định nghĩa !

26:17 “khác nào (như) sản phụ sắp sinh” Thường trong Kinh Thánh, sự sinh nở được sử dụng như một ẩn dụ dùng cho một sự đau đớn bởi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời bất ngờ xảy đến. Một vài người giải nghĩa những câu 17-18 như là sự hạ sinh của Đấng Mê-si (ẩn dụ của những sự đau đớn của sự sinh nở của Thời Đại Mới, Mác 13:8), nhưng trong văn mạch có lẽ nó chỉ đến sự đoán phạt.

26:18 “Chúng con đã thai nghén, quận thất,

Nhưng chỉ sinh ra gió.

Chúng con không đem lại sự giải cứu cho quả đất,

Cũng chẳng sinh ra cư dân trên thế gian này” Câu này là một sự chỉ đến trách nhiệm truyền giáo bắt buộc của Y-sơ-ra-ên phải trở thành một trách nhiệm tư tế hoàng gia (Xuất 19:4-6). Họ đã phải là một ngọn đèn cho các dân tộc (Ê-sai 42:6; 49:6; 51:4). Tuy nhiên, bởi vì họ đã chẳng bao giờ gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời, các dân tộc trên trái đất chỉ có thể nhìn thấy ĐỨC GIÊ-HỒ-VA trong sự đoán phạt. Đây không phải là ý định của Đức Chúa Trời (câu 15); và vì thế, mục đích của Đức Chúa Trời (25:1) dành cho Y-sơ-ra-ên và thế giới đã bị cản trở.

Từ “gió” (BDB 924) có một vài nghĩa rộng trong Ê-sai.

1. hơi thở, 11:4; 25:4; 27:8; 30:28,33; 33:11; 59:19
2. gió, 7:2; 11:15; 17:13; 26:18; 32:2; 41:16,29; 57:13; 64:6
3. linh
 - a. Thánh Linh của Đức Chúa Trời, 11:2 (4 lần); 30:1; 32:15; 34:16; 40:13; 42:1; 44:3; 48:16; 59:21; 61:1; 63:10, 11,14

- b. linh của con người, 4:4; 19:3,14; 26:9; 28:6; 29:10,24; 31:3; 37:7; 38:16; 42:5; 54:6; 57:15(hai lần), 16; 61:3; 65:14; 66:2

Tuy nhiên trong những sách Văn Học Khôn Ngoan từ này chỉ về sự vô nghĩa hoặc hư không (trống rỗng) (Truyền Đạo 1:14,17; 2:11,17,26; 4:4,6,16; 5:16; 6:9). Tôi nghĩ cách sử dụng của Ê-sai trong 26:18 và 41:29 phù hợp nhất với nghĩa rộng thứ hai. Hậu tự của Áp-ra-ham không thể mang các dân tộc đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì

1. sự sa ngã cá nhân và cá thể của họ
2. sự sa ngã của các dân tộc nhưng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể (câu 12)!

Từ “sinh” (BDB 656, KB 709, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) trong câu 18d nguyên văn có nghĩa là “làm roi” hoặc “ngã,” nhưng được sử dụng theo nghĩa bóng để về sự sinh đẻ. Từ gốc tiếng Ả-rập có nghĩa là sinh đẻ, nhưng nó được sử dụng trước tiên cho các loài vật (bản NIV).

26:19 “Những người chết của Ngài sẽ sống,

Xác của họ sẽ trỗi dậy” Câu 19 tương phản với câu 14. Đây là lý do tại sao câu 14 không thể là nền tảng thần học. Câu 19 có rất nhiều sự gắn gũi thần học với 25:8. Câu hỏi chúng ta cần tìm kiếm trong 26:3 giải quyết về vấn đề điều này chỉ về một chính thể dân tộc hoặc về một cá nhân. Từ “của họ” trong câu 19b nguyên văn là “của tôi” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Ở đây một lần nữa cách chơi chữ này giữa cá nhân và dân tộc (quốc gia). Sự phục sinh của dân tộc (quốc gia) Y-sơ-ra-ên rất giống với Ê-xê-chi-ên 37.

Có hai THÊ MỆNH LỆNH trong câu này chỉ về kẻ chết (“ngươi kẻ nằm trong tro bụi”) cần phải làm.

1. hãy tỉnh dậy, BDB 884, KB 1098, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH
 2. la lên, BDB 943, KB 1247, *Piel* THÊ MỆNH LỆNH
- Sự phục sinh là một khái niệm có vẻ rất phổ biến tại Khu Vực Cận Đông Cổ Đại.

1. Gióp (Ê-đôm trong thời kỳ những năm 2000 T.C), 14:13-15; 19:25-27
2. Sự ướp xác tại Ai Cập (bắt đầu vào khoảng những năm 3000± T.C, được hoàn thiện vào Triều Đại Thứ Hai Mười Một)
3. nhưng không (phổ biến) tại Mê-sô-bô-ta-mi

Nếu con người được tạo dựng dành cho mỗi tương giao với Đức Chúa Trời nhưng tội lỗi đã gây ra sự chết, thì một sự đảo ngược dành cho những người trung tín có vẻ có lý (lô-gic). Những ra-bi Do Thái (Pha-ri-si) tin vào một sự sống lại (Công Vụ 23:6; Hê-bơ-rơ 6:1-2). Chúa Jesus tin vào một sự phục sinh (Ma-thi-ơ 22:23-33; Lu-ca 14:14; Giăng 11:24-25). Ý tưởng thiên đàng là một vấn đề mối quan hệ. Gehenna là sự ngăn cách vĩnh viễn dành cho những kẻ chối từ đức tin và mối quan hệ! Hình ảnh của Kinh Thánh dành cho tương lai chính là một vườn Ê-đen được phục hồi (Khải Huyền 21-22).



NASB	“sương móc rụng đông”
NKJV	“sương trên cây cỏ”
NRSV, NJB	“sương sáng chói”
TEV	“như sương móc sáng lấp lánh”
REB	“sương móc của ánh sáng lấp lánh”
Peshitta	“sương móc của ánh sáng”
JPSOA	“sương hoặc cỏ cây mọc tươi tốt”

Cụm từ này nguyên văn là “cho một sương móc của ánh sáng.” Từ “ánh sáng” (BDB 21) có hai nghĩa rộng.

1. ánh sáng của sự sống đối nghịch với sự tối tăm của sự chết (SỐ NHIỀU, BDB 21 I, có thể trong Ê-xơ-tê 8:16)
2. cây cỏ (BDB 21 II, Sáng 1:11,12)

Có hai mùa mưa ở khu vực Palestine. Giữa những lần mưa này, những vụ mùa được duy trì và lớn lên bởi sương móc. Vì vậy, cả “sương” và “ánh sáng” đều là những biểu tượng của sự sống và sự tăng trưởng!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 26:20-21

²⁰ Hỡi dân Ta, hãy đi vào phòng
Và đóng cửa lại.

**Hãy ăn mình một lát,
Cho đến khi cơn thịnh nộ đã qua.
²¹ Vì vậy, Đức Giê-hô-va ra khỏi nơi Ngài ngự
Để trừng phạt tội lỗi của dân cư trên đất.
Bấy giờ, đất sẽ để lộ máu ra
Và không che đậy những kẻ đã bị giết nữa.**

26:20 Dân sự của Đức Chúa Trời đã phạm tội. Có những hậu quả. Sự đoán phạt đang đến trên họ, nhưng rồi nó sẽ qua.

Có bốn THẺ MỆNH LỆNH trong câu này xác định những người trung tín và cách họ sẽ đáp ứng trong giai đoạn của sự đoán phạt thiên thượng.

1. hãy đến, BDB 229, KB 246, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
2. hãy vào, BDB 97, KB 112, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
3. hãy đóng, BDB 688, KB 742, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
4. hãy ăn nấp, BDB 285, KB 285, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH

Tất cả là những từ GIỐNG ĐƯỢC SỐ ÍT, nhưng chỉ về tập thể của những người trung tín.

Đây là một sự ngụ ý chỉ về những trải nghiệm trong Lễ Vượt Qua trong Xuất Ê-díp-tô Ký 2.

1. đóng cửa
2. ĐỘNG TỪ, “vượt qua” (BDB 716 không phải là cùng ĐỘNG TỪ được sử dụng trong Xuất 12 (BDB 820), nhưng có cùng ý tưởng)

Kẻ trung tín sẽ được giải cứu trong sự đoán phạt từ Đức Chúa Trời.

26:21 “Đức Giê-hô-va ra khỏi nơi Ngài ngự” Cụm từ này được sử dụng duy nhất ở đây và Mi-chê 1:3. Nó có vẻ chỉ về

1. thiên đàng (ngai của Đức Chúa Trời)
2. đền thờ (bệ chân của Đức Chúa Trời)

▣ **“mặt đất”** Những đoạn 24-27 nói về một sự đoán phạt trên toàn cầu!

Ê-SAI 27

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Giải Cứu Y-sơ-ra-ên	Hãy Trú Ẩt Khỏi Sự Đuối Phạt Đang Đến (26:20-27:1)	Phần Lai thể thứ tư 27:1	Sự Đuối Phạt và Sự Phục hồi (26:20-27:13)	Sự Đuối Phạt của Đức Giê-hô-va (26:20-27:1)
27:1 (1)	(27:1) Sự Phục Hồi Y-sơ-ra-ên	Bài Thơ Lai Thể Thứ Tư của Sự Giải Cứu 27:2-11 (2-5)	26:20-27:1	27:1 Vườn Nho của Đấng Giê-hô-va 27:2-5 (2-3) (4) (5)
27:2-11 (2-11)	27:2-11 (2-5)	(6)	27:2-5	Sự Tha Thứ Và Hình Phạt 27:6-11 (6-11)
	(6)	(7-11)	27:6	Dân Y-sơ-ra-ên Trở Về 27:12-13 (12-13)
	(7-11)	Lời Sám Tiên Tri Tổng Kết Lại của Sự Diệt Vong và Sự Đắc Thắng	27:7-9 27:10-11	
27:12-13	27:12-13 (12) (13)	27:12-13	27:12 27:13	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đây là đoạn tổng kết của đơn vị văn học đã bắt đầu từ đoạn 24.
- B. Hai dòng cuối rất phù hợp với sự tổng kết theo nghĩa bóng về sự đoán phạt trong kỳ cuối rồi, đề cập

đến dòng dõi của Áp-ra-ham (Giê-rê-mi 25:29; A-mốt 3:2; I Phi-e-rơ 4:17), nhưng mở rộng cho toàn nhân loại.

- C. Câu cuối, giống như câu 5, ở rộng niềm hy vọng cho những Dân Ngoại (2:2-4; 19:18-23; 25:2-3).
- D. Đây là một đoạn thơ tuyệt vời, nhưng vẻ đẹp của nó gây nên sự mơ hồ và rối rắm. Hãy nhớ, hãy tìm kiếm ý nghĩa của cả khổ thơ, thay vì những chi tiết của những sự chơi chữ hoặc những sự ám chỉ thần thoại bí ẩn.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 27:1

¹ Trong ngày đó,

Đức Giê-hô-va sẽ dùng gươm cứng, lớn và mạnh

Để trừng phạt lê-vi-a-than là con rắn luôn lách,

Trừng phạt lê-vi-a-than là con rắn uốn lượn;

Và Ngài sẽ giết con quái vật dưới biển.

27:1 “Trong ngày đó” Hãy xem ghi chú tại 2:11.

▣ “Lê-vi-a-than là con rắn luôn lách (lẩn trốn)” Lê-vi-a-than (BDB 531) có vẻ như là một sinh vật biển thần thoại Ugarit (Gióp 41:19-21) được nhắc đến trong Gióp 3:8; Thi 104:26; A-mốt 9:3. Tuy nhiên, đôi khi nó được sử dụng như là một biểu tượng cho một dân tộc xấu xa (Thi 74:13-14, có lẽ là Ai Cập). Nó giống như một con sông uốn lượn (như một con rắn) xuyên qua vùng đất của họ. Đôi khi từ này được liên hệ cụ thể với từ “Ra-háp,” vốn là một cách chỉ đến Ai Cập (Thi 87:4; 89:9-10; và Ê-sai 30:7). Đối với tôi, có lẽ, theo văn mạch, chúng ta đang nói về một con sông là biểu tượng cho một dân tộc thù nghịch, cả Ai Cập, hoặc A-si-ri (câu 12). Lý do mà từ này được sử dụng theo nghĩa bóng thật dễ dàng chính là nó đã được sử dụng trước đó trong văn học thần thoại Ca-na-an (Thi 74:12-17; hãy xem quyển, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, được viết bởi G. Archer, trang 239-240).

Có một sự song hành giữa

1. con rắn luôn lách (BDB 638 I) hoặc con quái vật biển (phần chú thích của bản dịch NASB)
2. con quái vật biển uốn lượn
3. con rồng sống dưới biển

Cùng sự ám chỉ này được tìm thấy trong (1) những áng thơ Ugarit và (2) Ê-sai 51:9, sử dụng “Ra-háp,” kẻ cũng được xác định bởi từ “con rồng” (BDB 1072).

Mối liên hệ rõ ràng duy nhất giữa câu này và văn mạch là những câu 11-12.

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng Sáng Tạo, câu 11

2. những dòng sông Ô-phơ-rát và khe suối của Ai Cập trong câu 12

3. kỳ cuối rốt sẽ giống kỳ khởi nguyên (Sáng Thế Ký 1-2; Khải Huyền 21-22) Có vẻ sách Ê-sai là một tuyển tập của những tác phẩm viết của ông qua nhiều năm và được tổng hợp trên nền tảng của những sự chơi chữ hoặc chủ đề, chứ không phải là lịch sử.

▣ “con rồng” Từ này (BDB 1072) có nghĩa là

1. con rắn, Xuất 7:9,10,12; Phục Truyền 32:33; Thi 91:13

2. con rồng, Nê-hê-mi 2:13; Giê-rê-mi 51:34

3. con quái vật của sông/biển, Sáng 1:21; Job 7:12; Thi 74:13; 148:7. Nó song hành với Lê-vi-a-than (Thi 74:13-14). Nó được sử dụng như là một ẩn dụ chỉ về Ai Cập trong Ê-sai 27:1; 51:9,10; Ê-xê-chi-ên 29:3; 32:2.

Hai hệ thống sông lớn ở khu vực Cận Đông Cổ Đại đã là cái nôi của những nền văn minh (Sông Nin và sông Tigris/Euphrates).

Tanin (BDB 1072) song hành với

1. Lê-vi-a-than, Thi 74:13-14; Ê-sai 27:1

2. Ra-háp, Ê-sai 51:9

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 27:2-6

- ² Trong ngày đó,
Các người hãy hát cho vườn nho sai trái!
- ³ “Chính Ta, Đức Giê-hô-va là Đấng canh giữ nó,
Vẫn thường xuyên tưới nước cho nó.
Ta canh giữ nó ngày đêm,
Kéo người ta phá hại nó chẳng.
- ⁴ Ta không còn giận nữa.
Nếu nó chỉ sinh gai góc và bụi rậm,
Ta sẽ đi đánh chúng nó,
Ta sẽ đốt nó chung với nhau.
- ⁵ Không gì bằng nhờ sức Ta
Hãy làm hòa với Ta,
Phải, hãy làm hòa với Ta!”
- ⁶ Sẽ đến lúc Gia-cóp đâm rễ,
Y-sơ-ra-ên kết nụ và nở hoa,
Và sẽ ra trái đầy trên mặt đất.

27:2

NASB	“Một vườn nho để làm rượu”
NKJV	“một vườn nho để làm rượu đỏ”
NRSV, TEV	“một vườn nho Yêu Thích”
NJB, REB	“Vườn nho tuyệt hảo”
LXX	“một vườn nho tươi đẹp”
JPSOA	“Vườn Nho Của Sự Vui Thích”

Từ Hê-bơ-rơ dùng cho từ “yêu thích” là קמח (BDB 326), vốn là một từ trong bản Biblia Hebraica Stuttgartensia, nhưng bản MT và bản DSS có chữ קמח chứ không phải chữ the קמח . Từ Hê-bơ-rơ dùng cho “rượu” là קמח (BDB 330). Những dấu đặt thêm vào phụ âm (vowel points) là giống nhau cho cả hai từ. Dự án UBS Hebrews Text Project đánh giá cho cách dùng từ “yêu thích” một điểm “C” (sự nghi ngờ đáng kể).

Vườn nho là một biểu tượng dùng cho Y-sơ-ra-ên (5:1-7; Peshitta), nhưng ở đây, bởi vì tính chất toàn cầu của những đoạn 24-27, nó có thể chỉ về cả thế giới (26:21; phần ghi chú của JPSOA).

☐ “**hát**” Đây là một *Piel* THỂ MỆNH LỆNH (BDB 777, KB 854). Có một vài “bài ca” được đề cập đến trong đơn vị văn học này. Hãy xem ghi chú tại 26:1b.

27:3 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có một mối tương giao đặc biệt, mối tương giao giao ước với các hậu tự của Áp-ra-ham. Họ là dân sự của Ngài cách độc nhất. Tuy nhiên, câu 6 chỉ về việc Ngài có một kế hoạch toàn cầu dành cho toàn bộ thế giới (Sáng 3:15; 12:3; Xuất 19:5).

27:4-5 Có một vài THỂ KHÍCH LỆ và THỂ MỆNH LỆNH trong những câu Kinh Thánh này.

1. Ta sẽ bước trên chúng, BDB 832, KB 979, *Qal* THỂ KHÍCH LỆ (ĐỘNG TỪ được tìm thấy duy nhất ở đây trong Cựu Ước)
2. Ta sẽ thiêu đốt chúng, BDB 428, KB 429, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ KHÍCH LỆ
3. hãy để cho người nương dựa vào sự bảo vệ của Ta, BDB 304, KB 302, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
4. hãy để người làm hòa với Ta, BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của THỂ MỆNH LỆNH, hai lần

Câu 3 mô tả về sự chăm sóc và bảo vệ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho những hậu duệ của Áp-ra-ham; câu 4 mô tả về sự chủ của Ngài để bảo vệ và hủy diệt những kẻ thù của họ; câu 5 là một sự kêu gọi hãy tin cậy vào sự chăm sóc và bảo vệ của Ngài; câu 6 là kết quả của những phước hạnh mà trong một ngày kia sẽ đổ đầy mặt đất (ý định nguyên thủy của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 1).

27:4

NASB “giận”
NKJV “phấn nộ”
TEV, JB “giận”
NJB, LXX “tường”
REB “rượu”
Peshitta “hàng rào”

Chú ý có bao nhiêu sự lựa chọn.

1. חמה (BDB 404), “giận,” rất phù hợp với Ê-sai
2. חומה (BDB 327), “tường,” được sử dụng vài lần trong đơn vị văn học này, 2:15; 22:10,11; 25:12; 26:1
3. חמר (BDB 330), “rượu,” hiếm dùng, chỉ ở trong 27:2 và trong Phục Truyền 32:14 Dự án UBS Hebrews Text Project đánh giá cách dùng từ “giận” một điểm “B” (đáng ngờ).

27:5 “hoặc hãy để người nương tựa nơi sự che chở của Ta” Câu này chỉ rằng sự đáp ứng của con người (ngay cả dùng cho kẻ thù của Đức Chúa Trời, câu 4) là một phần của kế hoạch của Đức Chúa Trời (Ê-sai 1:16-17,18-20). Đây là một nghịch lý trong Kinh Thánh giữa sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời trên lịch sử và ý muốn của Đức Chúa Trời rằng con người sẽ đáp ứng với Ngài bởi đức tin. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3. Câu 5 chính là của lễ cho sự tha thứ và cứu chuộc dành cho những Dân Ngoại là những kẻ đặt lòng tin nơi Ngài (2:2- 4; 42:6; 45:22; 49:6).

☐ **“Hãy (để người) làm hòa với Ta”** Cụm từ này được nhân đôi (dùng hai lần), vốn là đặc điểm của phần này của Ê-sai. Hãy xem ghi chú tại 26:6.

Sự hòa bình là một khía cạnh then chốt của một mối quan hệ đức tin với Đức Chúa Trời (26:12; 32:17; 52:7; 54:10; 55:12; 57:2,19; 60:17; 66:12; Phi-líp 4:7,9) và Đấng Mê-si của Ngài (9:6,7; 53:5; Rô-ma 5:1; Giăng 14:27; 16:33; 20:19,21,26). Nó cũng liên hệ với sự hòa bình giữa các dân tộc (2:4; 39:8), nhưng không có sự bình an nào cho những kẻ xấu (48:22; 57:1; 59:18).

Ở đây từ này chỉ về một hiệp ước hòa bình, được khởi hoạt bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng phải được chấp nhận và sống bày tỏ bởi người trung tín.

27:6 “Sẽ đến lúc Gia-cốp đâm rễ,

Y-sơ-ra-ên kết nụ và nở hoa,

Và sẽ ra trái đầy trên mặt đất” Ở đây một lần nữa hình ảnh của Ngọn Si-ôn đã dấy lên trở nên cao nhất giữa tất cả các ngọn núi và mọi rào cản hình mẫu khác được loại bỏ để rồi tất cả thế giới có thể tuôn chảy đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời (2:2-4; 24:23; 25:6,7; 27:13). Sự trung tín là một sự trái ngược cách chính xác của 26:18. Có thể một phần của những bông trái chính là “những kẻ được dấy lên” trong 26:19.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 27:7-11

⁷ Có phải Ngài đánh nó như đánh kẻ đã đánh nó không?

Hay nó có bị giết như những kẻ giết nó đã bị giết không?

⁸ Ngài đã trừng phạt nó cách chùng mực

Bằng cách đuổi nó đi;

Ngài dùng con lóc mãnh liệt đùa nó đi

Trong một ngày có gió đông.

⁹ Vậy, nhờ điều sau đây mà tội của Gia-cốp sẽ được tha,

Và đây là tất cả những gì nó cần làm để tội nó được xóa bỏ:

Nó phải làm cho tất cả đá của bàn thờ

Trở nên như đá vôi tán vụn,

Các tượng A-sê-ra và các bàn thờ dâng hương

Sẽ không bao giờ dựng lại nữa.

¹⁰ Vì thành kiên cố đã trở nên hoang vắng,

Nơi cư trú đã bị bỏ hoang và lãng quên như hoang mạc.

**Bò tơ sẽ đến ăn cỏ tại đó,
 Nằm và nhoi những cành cây.
¹¹ Khi cành khô và bị bẻ gãy,
 Các phụ nữ đến lấy mà nhen lửa.
 Vì dân này không chịu hiểu,
 Nên Đấng đã làm nên nó không thương xót,
 Đấng tạo nên nó chẳng ban ơn.**

27:7 Đây là một câu rất khó. Nó công bố rằng sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sẽ rơi xuống các dân tộc theo cách mà Ngài đã dùng để đoán phạt chính dân sự của Ngài. (47:6).

Sự lặp lại của những từ và cụm từ chính là đặc điểm của đơn vị văn học này (hãy xem 26:6). Ở đây DANH TỪ này, כמח (BDB 646, GIỐNG CÁI, thường được dùng cho việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ mang sự đoán phạt trên chính dân sự của Ngài, Lê-vi-ký 26:21; Phục Truyền 28:61; Giê-rê-mi 30:12), “gây thương tích,” hoặc “tàn sát,” được đi theo bởi sự lặp lại của một ĐỘNG TỪ liên quan, כח (BDB 645, KB 697, *Hiphil* ĐỘNG TÍNH TỪ và *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH). Những kẻ mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã sử dụng để hình phạt sẽ bị hình phạt thậm chí còn nghiêm khắc hơn là việc sự hình phạt của họ hành cho dân sự của Đức Chúa Trời (NET Bible).

27:8 “họ (nó)” Từ “họ” của câu 8 chỉ về Y-sơ-ra-ên đã bị ly dị (“theo văn mạch,” BDB 936, KB 1224, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, Ô-sê 2:2) bởi Đức Chúa Trời bởi vì họ đã phá vỡ giao ước (50:1). Bởi vậy, Đức Chúa Trời đã mang đến một kẻ cai trị ngoại quốc để đoán phạt dân sự của Ngài (Phục Truyền 28:49-57; A-si-ri, Ê-sai 10:5, và Ba-by-lôn, Ê-sai 14). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời cũng sẽ đoán phạt họ (câu 7; 47:6; 49:25).

▣

NASB “bằng cách đày họ”

NKJV “trong phạm vi”

NRSV “bằng cách trục xuất họ”

NJB “bằng cách đuổi đi ”

LXX “giải tán”

Peshitta “trong phạm vi mà Ngài đã đo lường”

Bản MT chép là כחמח (chỉ thấy duy nhất ở đây), vốn có thể hiểu là

1. כחמח כח, “trong sự đo lường bởi phạm vi” (BDB 684, KB 738, *Pilpel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, Targums và Vulgate)

2. כחמח, bằng cách đuổi chúng đi (hãy xem đoạn tiếp theo)

Dự án UBS Hebrews Text Project đánh giá lựa chọn #1 một điểm “B” (một chút nghi ngờ), có lẽ bởi vì sự nhân đôi (lặp lại hai lần) của những từ và cụm từ quá phổ biến trong đơn vị văn học này.

Từ Hê-bơ-rơ tiếp theo là חלש (BDB 1018, KB 1511, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP), vốn có nghĩa là “gửi đi bằng sự lưu đày.” Một vài bản dịch khác phía trên đơn giản chỉ bỏ qua TỪ CÓ GÓC ĐỘNG TỪ đầu và chỉ dịch TỪ CÓ GÓC ĐỘNG TỪ thứ hai.

▣ **“bằng cách đuổi chúng đi”** ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ (BDB 212, KB 237, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về một sự tẩy sạch bằng cách loại bỏ những gì không tinh sạch (được lấy từ việc tinh luyện bạc, Châm Ngôn 25:4).

▣ **“gió đông”** Thường từ này chỉ về những cường quốc của khu vực Mê-sô-bô-ta-mi (46:11; Ê-xê-chi-ên 17:10; Ô-sê 13:15) đã xâm lược Palestine, nhưng không thể là nghĩa ở đây vì câu 7. Vì vậy, nó phải là một ẩn dụ về sự đoán phạt thiên thượng (Xuất 10:13; Thi 48:7; Giê-rê-mi 18:17). Đôi lúc gió đông là một hành động thiên thượng của sự ban phước (Xuất 14:21; 15:10; Dân Số Ký 11:31; hãy xem NIDOTTE, tập 3, ở trang 871-873).

27:9 Ở đây một lần nữa nhiều người đã khẳng định rằng Y-sơ-ra-ên/Giu-đa đã được tha thứ bởi vì sự đoán phạt mà họ đã phải trải qua dưới bàn tay của Đức Chúa Trời. Nhưng hãy chờ, họ cũng phải tiêu diệt mọi sự sót lại của tập tục thờ phượng phồn thực của họ (dòng 3, 4). Tuy nhiên, cần phải liên hệ với khái niệm “Tôi Tớ Chịu Khó” trong in Ê-sai 52:13-53:12. Một lần nữa, nó không phải là một tình huống và/ hoặc, nhưng hai cách nhìn

khác nhau vào những hành động của Đức Chúa Trời trong lịch sử con người. Đấng Mê-si chính là phương cách của sự cứu rỗi, nhưng con người phải đáp ứng với Ngài trong đức tin và sự trung tín.

▣ **“những đá bàn thờ (tượng)...A-sê-ra”** Đây là những biểu tượng cho những vị thần sinh sản nam nữ của người Ca-na-an vốn đã hủy diệt sự thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Chúng sẽ bị hủy diệt! Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 17:8.

▣ **“đá vôỉ tán vụn”** Từ này (BDB 162) xuất hiện duy nhất ở đây trong Cựu Ước. Nó chỉ về một hòn đá mềm có thể dễ dàng bị nghiền nát thành bột.

Cùng từ này được tìm thấy trong Đa-ni-ên 5:5, nhưng trong tiếng A-ram, chỉ về vữa trát trên những bức tường trong phòng tiệc trong cung của cháu trai của vua Nê-bu-cát-nét-xa, Vua Bên-xát-xa.

27:10 “Vì thành kiên cố đã trở nên hoang vắng” Đây là một cách chơi chữ của từ “thành phố.” hãy xem ghi chú tại 24:10 và bảng tại đoạn 26, Phần Giới Thiệu, Phần D.

27:11 Hình ảnh của một cánh đồng cỏ bỏ hoang tượng trưng cho sự lưu đày, dân sự tội lỗi của Đức Chúa Trời tiếp tục từ câu 10 trong câu 11, dòng 1-2.

Dân giao ước không vâng phục được mô tả:

1. Họ không phải là một dân sáng suốt, Ô-sê 4:14
2. Đấng dựng nên họ (43:1,7; 44:2,21,24; Phục Truyền 32:18) đã không thương xót trên họ
3. Đấng tạo dựng họ sẽ không còn ân huệ trên họ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 27:12-13

¹² Rồi sẽ đến ngày Đức Giê-hô-va sẽ đập lúa từ dòng Sông Cái cho đến suối Ai Cập; hỡi con dân Y-sơ-ra-ên, các ngươi sẽ được thu nhặt từng người một! ¹³ Trong ngày đó, kèn lớn sẽ thổi lên. Bấy giờ, những kẻ bị thất lạc trong đất A-si-ri và những kẻ bị đày sang đất Ai Cập sẽ đến thờ phượng Đức Giê-hô-va trên núi thánh tại Giê-ru-sa-lem.

27:12-13 Phần này có vẻ hình thành một tuyên bố văn học bao gộp. Câu 12 đang nói về cách Đức Chúa Trời xử lý với (“đập lúa,” BDB 286, KB 285, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH vốn chỉ về một mùa thu hoạch cuối rất lai thể với một sự phân chia giữa những người trung tín và những người bất trung, Ma-thi-ơ 13:36-43; 24:31; 25:32) Dân sự của Ngài, sử dụng hình ảnh mang tính dân tộc. Nó chỉ về những ranh giới của Đất Hứa được thấy rất thường xuyên trong Cựu Ước (Sáng 15:18; I Các Vua 8:65; Ê-xê-chi-ên 47:15-19). Câu 13 mang tính phạm vi quốc tế ; nó nói đến những Dân Ngoại vượt qua cả dân sự của Đức Chúa Trời là những người cũng sẽ được mời gọi để đáp ứng lại với Đức Chúa Trời bởi đức tin (2:2-4; 19:18-25).

Hai câu cuối phản ánh Phục Truyền 30:1-10 trong một hình ảnh lai thể học (Hãy chú Ô-sê 11:8-11).

27:12 “từ dòng sông tuôn chảy” Từ này (BDB 987) có hai ý nghĩa.

1. dòng sông tuôn chảy, BDB 987 I, Thi 69:2,15
2. thu hoạch ngũ cốc, BDB 987 II, 17:5; Sáng 41:5,6,7,22,23,24,26,27; Ru-tơ 2:2; Gióp 24:24

Đoạn này dùng cả hai nghĩa. Điềm 1 phù hợp với sự chỉ đến trong câu 1, nhưng điềm số 2 phù hợp với ĐỘNG TỪ (đập ngũ cốc) và ẩn dụ cho sự đoán phạt (sự thu hoạch).

▣ **“Khe suối Ai Cập”** Điều này chỉ về sông cạn El’arish, mà biên giới phía nam của Xứ Thánh.

27:13 “Trong ngày đó, kèn lớn sẽ thổi lên” Đây là một chủ đề lai thể lặp lại định kỳ sử dụng một sự ẩn dụ thờ phượng hoặc quân sự của một tiếng kèn được thổi lên (hai loại).

1. sự thờ phượng, Xuất 19:16,19; Lê-vi-ký 25:9; Dân Số Ký 10:2,8,10; I Sử Ký 15:24
2. quân sự, Dân Số Ký 10:9; Joshua 6; Các Quan Xét 3:27; 6:34; 7; I Sa-mu-ên 13:3; II Sa-mu-ên 2:28
3. nghĩa lai thể học, ở đây và có lẽ trong Xa-cha-ri 9:14; Ma-thi-ơ 24:31; I Cô-rinh-tô 15:52; I Tê-sa 4:16

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC SỪNG ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI Y-SƠ-RA-ÊN

Có bốn từ trong tiếng Hê-bơ-rơ liên quan với sừng/kèn.

1. “sừng cừu đực” (BDB 901) – được biến thành một dụng cụ cho âm thanh, Giô-suê 6:5. Cùng một từ này được sử dụng cho con cừu đực bị bắt vì sừng của nó mà Áp-ra-ham đã dùng thay thế cho Y-sác trong Sáng 22:13.
2. “kèn” (BDB 1051) – từ thuật ngữ trong tiếng A-si-ri dùng cho một loài cừu hoang (cừu (dê) rừng). Đây là loại sừng được sử dụng trong Xuất 19:16,19 tại Ngọn Sinai/Hô-rêp; điếm #1 và #2 song hành với nhau trong Giô-suê 6:5. Nó được sử dụng để truyền thông điệp trong những thời điểm thờ phượng và thời điểm chiến trận (cả hai ở tại Giê-ri-cô, trong Giô-suê 6:4).
3. “sừng cừu đực” (BDB 385) – từ trong tiếng Phê-ni-xi dùng cho cừu đực (Giô-suê 6:4,6,8,13). Nó cũng được dùng cho Năm Hoan Hỷ (Lê-vi-ký 25:13,28,40,50,52,54; 27:17,18,23,24).

(Cả ba mục đầu có vẻ có thể thay đổi cho nhau mà không có sự phân biệt chủ ý. Bộ Mishnah [RH 3.2] cho phép sử dụng sừng của bất kỳ loài thú nào-chiên, dê hoặc linh dương, nhưng không được dùng sừng bò.)

4. “những ống loa (kèn)” (BDB 348) – có lẽ từ ĐỘNG TỪ “căng ra,” hàm ý về một khung xương thẳng (không góc cong như sừng thú). Chúng được làm bằng bạc (theo hình dáng và định dạng của người Ai Cập)

Chúng được sử dụng cho

- a. những nghi lễ thờ phượng (Dân Số Ký 10:2,8,10; Ê-xơ-ra 3:10; Nê-hê-mi 12:35,41)
- b. cho những mục đích quân sự (Dân Số Ký 10:9; 31:6; Ô-sê 5:8)
- c. cho những mục đích hoàng gia (II Các Vua 11:14)

Một trong những sừng bằng kim loại được điều khắc tại Cổng Titus tại Rô-ma; cũng như vậy Josephus cũng mô tả chúng trong *Antiq.* 3.12.6.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Lê-vi-a-than trong Ê-sai là ai hoặc là cái gì 27:1?
2. Ê-sai 27:5 liên hệ với Ê-sai 1:16-17 như thế nào?
3. Tại sao Ê-sai 27:6 lại quá quan trọng trong ánh sáng của chương trình Đức Chúa Trời dành cho Giê-ru-sa-lem?
4. Ê-sai 27:12 và 13 đã bày tỏ đặc trưng của toàn bộ đơn vị văn học này như thế nào? (ví dụ: một sự vận hành giữa tính dân tộc và toàn thế giới, và tập thể và cá nhân)

Ê-SAI 28

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Lưu Đày của Êp-ra-im 28:1-8 (1-8)	Khôn thay cho Êp-ra-im và Giê-ru-sa-lem 28:1-4 (1-4) 28:5-8 (5-6) (7-8)	Lời Sám Tiên Tri Về Giu-đa và Êp-ra-im (28:1-35:10)		Lời Nghịch Lại Sa-ma-ri 28:1-4 (1-4) Lời Nghịch Lại các Tiên Tri Giả
28:9-13 (9-13)	28:9-10 (9-10)		Một Cảnh Báo dành cho Vương Quốc Phía Bắc 28:1-4 Ê-sai và Những Tiên Tri Say Rượu của Giu-đa 28:5-6	28:5-6 (5-6) 28:7-13 (7-13)
Giu-đa Bị Cảnh Cáo 28:14-22 (14-15)	28:11-13 (11-13) 28:14-15 (14-15) Viên Đá Góc ở Si-ôn 28:16-22 (16b-19) (20-22)	(9-10) (11-13) Lời Chống Lại các Lãnh Đạo Dân Sự 28:14-22 (14-22)	28:7-8 28:9-10 28:11-13	Lời Chống Lại Những Cố Vấn Xấu Xa 28:14-17a (14-17a)
28:23-29 (23-29)	Lắng Nghe Sự Dạy Dỗ của Đức Chúa Trời 28:23-29 (23-26) (27-29)	Ân Du của Người Nông Dân 28:23-29 (23-26) (27-29)	Viên Đá Góc Dành cho Si- ôn 28:14-17a 28:17b-21 28:22 Sự Khôn Ngoan của Đức Chúa Trời 28:23-29	28:17b-22 (17b-22) Một Ân Dụ 28:23-29 (23-29)

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Ê-sai 28:1-33:24 hình thành một đơn vị (sáu sự công bố rửa sả (lời sấm tiên tri) “khôn thay”) nói về liên minh của Giu-đa với Ai Cập chống lại A-si-ri trong sự cai trị của Vua Ê-xê-chia của Giu-đa (để biết về niên đại cai trị của ông hãy xem bảng biểu “Các Vua trong Thời Kỳ Vương Quốc Phân Đôi” trong Phụ Lục Bốn, mục #3.) Tôi dùng những niên đại này của ba học giả sau đây: John Bright, 715-687; E. J. Young, 727-699; R. K. Harrison, 716/15- 687/86). Bối cảnh lịch sử có vẻ như là thời gian bị vây hãm (705-701 T.C) bởi cuộc xâm lược bởi Vị Vua người A-si-ri San-chê-ríp vào năm 701 T.C
- B. Ê-sai 28:1-6 nói về sự thất thủ của Y-sơ-ra-ên vào tay A-si-ri. Kinh đô của Y-sơ-ra-ên, Sa-ma-ri, đã thất thủ vào năm 722 T.C trước Sa-gôn II sau một cuộc vây hãm dài ba năm.
- C. Sa-gôn II chết vào năm 705 T.C (Hãy xem bảng biểu “Một Sự Khảo Sát Vấn Tắc Về Các Cường Quốc của Khu Vực Mê-sô-bô-ta-mi” trong Phụ Lục Ba). Nhiều dân tộc chư hầu đã nắm lấy cơ hội để nổi loạn chống lại A-si-ri. San-chê-ríp, vị Vua A-si-ri tiếp theo, đã xâm lược Giu-đa vào năm 701 T.C Chúng ta biết được từ những tài liệu A-si-ri rằng ông đã chiếm bốn-mươi-sáu làng được vây bằng tường thành tại Giu-đa và đánh bại cuộc nổi loạn.
- D. Dàn ý Vấn Tắc của Đoạn này
 1. khôn thay cho những kẻ say sưa của Êp-ra-im, những câu 1-6
 2. khôn thay cho những thầy tế lễ và tiên tri say sưa của Giu-đa, những câu 7-13
 3. khôn thay cho giới lãnh đạo dân sự của Giu-đa, những câu 14-22
 4. một dụ ngôn từ nông nghiệp, những câu 23-29

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 28:1-8

- ¹ Khôn cho mào miện kiêu ngạo của những bọm rượu Êp-ra-im,
Khôn cho vòng hoa chóng tàn, là đồ trang sức xa hoa
Cho thủ phủ thung lũng phì nhiêu của những kẻ bị rượu đánh ngã!
- ² Nay, từ nơi Chúa có một người mạnh mẽ và có quyền thế,
Giống như cơn bão mưa đá, cuồng phong tàn phá,
Như nước lớn vỡ bờ, lũ lụt tràn lan;
Người sẽ dùng tay ném chúng xuống đất.
- ³ Mào miện kiêu ngạo của những bọm rượu Êp-ra-im
Sẽ bị chà đạp dưới chân.
- ⁴ Vòng hoa chóng tàn là đồ trang sức xa hoa
Cho thủ phủ của thung lũng phì nhiêu,
Cũng sẽ giống như trái vả chín trước mùa hè;
Khi có người thấy và hái được nó thì đã nuốt ngay.
- ⁵ Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ là mào triều thiên vinh quang
Và mào miện rực rỡ cho phần còn sót lại của dân Ngài.
- ⁶ Ngài sẽ là Thần Công Lý cho người ngồi tòa xét xử,
Và là sức mạnh cho những người đẩy lùi chiến trận nơi công thành.
- ⁷ Ngay cả những người này cũng loạng choạng vì rượu,
Và đi lao đảo vì rượu mạnh.

Thầy tế lễ và nhà tiên tri đều loạng choạng vì rượu mạnh,
 Họ bị nuốt chửng vì rượu,
 Và bị lão đảo vì rượu mạnh;
 Họ quờ quạng trong khải tượng,
 Và nhâm lẫn trong phán đoán;
⁸ Tất cả các bàn tiệc đầy đồ nôn mửa,
 Chẳng còn chỗ nào sạch!

28:1 “Khôn thay” Từ này (BDB 222) mô tả cả phần này (sáu lời “khôn thay,” 28:1; 29:1,15; 30:1; 31:1; 33:1, tương tự với sáu lời khôn thay của 5:8-22). Từ “khôn” phản ánh nhịp điệu thơ ca của một bài ca than khóc đằm tang.

▣ **“Những kẻ say sưa của Ép-ra-im”** Những câu 1-4 là những lời của nhà tiên tri về sự đoán phạt dành cho giới lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Mười Chi Phái Phía Bắc. Có một chuỗi những sự chỉ đến sự lạm dụng rượu của họ (những câu 1 (hai lần), 3,7; Ô-sê 7:5). Sự lạm dụng rượu thường được sử dụng như là một ẩn dụ về sự phán xử kém cỏi đã dẫn đến kết quả của sự đoán phạt thiên thượng. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:22.

Từ sự phân chia của vương quốc thống nhất (dưới Vua Đa-vít và Sa-lô-môn) trong thời của Vua Rê-hô-bô-am (922 T.C), nhóm phía bắc đã được biết đến bởi những tên này của họ.

1. Y-sơ-ra-ên (tên chung)
2. Ép-ra-im (tên chi phái lớn nhất)
3. Sa-ma-ri (tên kinh đô)

▣

NASB	“là đầu của một thung lũng phì nhiêu”
NKJV	“vốn là đầu của những thung lũng xanh tươi”
NRSV, JPSOA	“vốn là đầu của những kẻ béo mập bởi rất nhiều thức ăn”
NJB	“nằm tại đầu của một thung lũng tươi tốt”
Peshitta	“ở cửa ngõ của một thung lũng phì nhiêu”
REB	“là đầu của những kẻ ướt đầm dầu thơm”

Cụm từ mơ hồ này có thể chỉ đến

1. Sa-ma-ri nằm trên một đồi cao
2. những lãnh đạo say sưa

Bản dịch REB đi theo Bản Thảo Ê-sai của cuốn DSS.

28:2 “Chúa có một người (đại diện) mạnh mẽ và có quyền thế” Câu này chỉ về đế chế A-si-ri được sai bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Ê-sai 8:7; 10:5-6) đến để hình phạt Y-sơ-ra-ên. Sự hủy diệt của Mười Chi Phái Phía Bắc đã được hoàn tất trong sự kiện sụp đổ kinh đô Sa-ma-ri sau cuộc vây hãm ba năm bởi Vua Sa-gôn II vào năm 722 T.C (II Các Vua 17:6; 18:9-12). Mọi dân tộc của nó đã bị mang đi lưu đày tại Mê-đi. Phần rất lớn đa số trong họ đã không bao giờ trở về.

Chú ý cách mà đại diện của Đức Chúa Trời được mô tả

1. mạnh mẽ
2. hùng mạnh
3. một trận mưa đá (30:30)
4. một trận bão hủy diệt
5. một trận bão của những luồng nước mạnh mẽ đổ xuống (8:7-8)
6. “Ngài đã đuổi nó xuống đất bằng tay Ngài” (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã sai đi)

28:4 Đây là một ẩn dụ nông nghiệp liên hệ với phần thưởng tuyệt vời của những trái vả chín đầu tiên (Ô-sê 9:10; Mi-chê 7:1). Những trái này đã bị ăn một cách nhanh chóng và biến mất. Vì vậy, vùng đất màu mỡ của Mười Chi Phái Phía Bắc đã bị xâm lược và chiếm giữ bởi những người ngoại bang.

28:5 “Trong ngày đó” Hãy xem ghi chú tại 2:11. Ngày của sự thăm viếng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **“mão triều vinh quang”** Cụm từ này trái ngược trước đó với “Mão miện kiêu ngạo của những bọm rượu Ép-ra-im” trong câu 1. Trong 28:1 nó chỉ về Sa-ma-ri, ở đây chỉ về Giê-ru-sa-lem được phục hồi là nơi mà Đấng Mê-si ngự tại đó (những câu 16-17).

▣ **“mãomiện”** Đây là một DANH TỪ hiếm (BDB 862) vốn song hành với “mão triều” (BDB 742), được sử dụng cho dòng dõi hoàng gia Sa-ma-ri (câu 1) và Giu-đa (62:3).

Những lãnh đạo được bổ nhiệm của Đức Chúa Trời, ngay cả dòng dõi nhà Đa-vít, đã thất bại. Chính Ngài sẽ là vua của họ, giống như lễ ra đã phải là như vậy (I Sa-mu-ên 8:7; 10:19).

▣ **“phần còn sót lại của dân Ngài”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9. Câu này vẫn ở trong khổ thơ chi về Y-sơ-ra-ên. Cụm từ này có thể chỉ đến những (số ít) người của những chi phái phía bắc là những người trong một ngày kia sẽ trở về lại Giê-ru-sa-lem.

28:6 Câu này mô tả người lãnh đạo mới được bổ nhiệm của Đức Chúa Trời thuộc dòng dõi Đa-vít (9:1-7; 11:1-5,10).

1. một tâm linh (tinh thần) của công lý (đặc biệt trong 11:2)
2. sự tập trung của những người bảo vệ cho thành (Giê-ru-sa-lem)

28:7 Tôi đồng ý với JPSOA, TEV, và NJB rằng một chỗ chia đoạn mới cần có giữa câu 6 câu 7. Câu 7 và 8 mô tả định kỳ sự lãnh đạo say xin của Giu-đa (câu 14; Giê-rê-mi 13:12-14, bảy ĐỘNG TỪ là những *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, vốn chỉ về một tình trạng đã trở nên cố hữu), giống như những câu 1-4, vốn chỉ về một sự lãnh đạo say xin của Y-sơ-ra-ên.

▣

NASB, NRSV,

NJB

“bị hỗn loạn bởi rượu”

NKJV, ASV,

LXX

“bị ăn nuốt bởi rượu”

TEV

“trong sự hỗn loạn”

JB

“mụ mẫm với rượu”

REB

“trở nên dẫn độn với rượu”

ĐỘNG TỪ này trong BDB 118 (*Niphal* THỂ HOÀN THÀNH) có nghĩa là “nuốt xuống” hoặc “nuốt trọn” (25:8; Sáng 41:7,24; Xuất 7:12; 15:12; Dân Số Ký 16:30,32,34; 26:10; Phục Truyền 11:6; Giê-rê-mi 51:34).

Tuy nhiên, NIDOTTE, tập 1, ở trang 666-668 và KB 135-136 liệt kê ba từ gốc có khả năng.

1. KB 135 I, nuốt, bị nhận chìm
2. KB 136 II, sự công bố, truyền thông
3. KB 136 III, *Niphal* bối rối, hỗn loạn; *Piel* trong 3:12; *Pual* trong 9:16

28:8 “các bàn” Từ này (BDB 1020) có thể chỉ về

1. bàn của vua, 21:5
2. bàn của quan tổng trấn, Nê-hê-mi 5:17
3. những bữa tiệc cá nhân
4. những của lễ sinh tế, Xuất 25:23; Lê-vi-ký 24:6; Dân Số Ký 3:31; 4:7 (trong đền tạm)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 28:9-22

⁹ “VẬY, người sẽ dạy kiến thức cho ai,
Và sẽ giải thích cho ai hiểu sứ điệp của mình?

Có phải là dạy cho những trẻ thôi bú,
Mới rời khỏi vú chẳng?

¹⁰ Vì mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh;
Hàng thêm hàng, hàng thêm hàng;
Một chút chỗ này, một chút chỗ kia!”

¹¹ Vì vậy, Đức Giê-hô-va sẽ dùng môi miệng người ngoại quốc

Và tiếng khác mà phán với dân này.

¹² Ngài đã phán với họ:
 “Đây là chỗ nghỉ ngơi,
 Hãy để kẻ mệt mỏi được nghỉ;
 Đây là chỗ yên tĩnh.”
 Nhưng họ không chịu lắng nghe.

¹³ Cho nên lời Đức Giê-hô-va đối với họ sẽ là:
 Mệnh lệnh thêm mệnh lệnh, mệnh lệnh thêm mệnh lệnh;
 Hàng thêm hàng, hàng thêm hàng;
 Một chút chỗ này, một chút chỗ kia;
 Để họ bước tới thì ngã ngựa,
 Bị vỡ nát, sập bẫy và bị bắt!

¹⁴ Vì thế, hỡi những kẻ ngạo mạn,
 Đang cai trị dân này ở Giê-ru-sa-lem,
 Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va.

¹⁵ Vì các ngươi nói: “Chúng tôi đã kết ước với sự chết,
 Chúng tôi có một hợp đồng với âm phủ.
 Khi tai nạn hủy diệt tràn qua
 Sẽ chẳng chạm đến chúng tôi.
 Vì chúng tôi lấy sự gian dối làm nơi nương náu,
 Lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn.”

¹⁶ Vậy nên, Chúa là Đức Giê-hô-va phán thế này:
 “Này, Ta đặt tại Si-ôn một hòn đá,
 Là đá thử nghiệm, đá góc nhà, đá quý,
 Làm nền tảng vững chắc
 Để ai tin sẽ không hành động vội vã.

¹⁷ Ta sẽ lấy sự công minh làm dây đo,
 Và sự công chính làm chuẩn mực;
 Mưa đá sẽ quét sạch nơi nương náu của kẻ gian dối,
 Nước sẽ tràn ngập chỗ trú ẩn.”

¹⁸ Bây giờ, giao ước của các ngươi với sự chết sẽ bị hủy bỏ,
 Hợp đồng của các ngươi với âm phủ sẽ không đứng vững.
 Khi tai họa hủy diệt tràn qua
 Thì các ngươi sẽ bị nó chà đạp.

¹⁹ Mỗi lần tai họa tràn đến, nó sẽ bắt lấy các ngươi
 Vì hết buổi sáng này đến buổi sáng khác,
 Ngày cũng như đêm, tai họa sẽ tràn qua;
 Chỉ có sự khiếp sợ
 Làm cho các ngươi hiểu biết sự điệt.

²⁰ Giường ngủ quá không thể duỗi mình;
 Mền hẹp quá không đủ đắp kín.

²¹ Vì Đức Giê-hô-va sẽ đứng dậy như ở núi Phê-ra-xim,
 Ngài sẽ nổi giận như tại thung lũng Ga-ba-ôn
 Để làm công việc Ngài, là công việc khác thường;
 Để thực hiện công tác Ngài, là công tác lạ lùng.

²² Vậy bây giờ, đừng khinh lờn nữa,
 Kéo dây trói các ngươi càng siết chặt thêm;
 Vì tôi đã nghe lệnh hủy diệt trên khắp đất nước này
 Từ Chúa là Đức Giê-hô-va vạn quân.

28:9-10 Những lời của Ê-sai (hoặc lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi ông) đã bị tấn công bởi (1) những lãnh đạo tôn giáo (2) hoặc những người ông đã nhắc đến trong những câu 7-8 (Giê-rê-mi 26:9-15; A-mốt 7:12; Mi-chê

2:6-11).

28:10,13 Đây là một thông điệp rất bí ẩn. Nó liên hệ với sự lặp lại của từ $\text{לַ$ (BDB 846, trong Ô-sê 5:11 nó có nghĩa là “mạng lệnh”) và $\text{קָ$ (BDB 876 II, trong câu 17 nó có nghĩa là “một dây đo (dây chuẩn mực)”). Những kẻ bợm nhậu tôn giáo đã bị buộc tội bởi thông điệp của Ê-sai về sự trẻ con và chậm hiểu (KB 1081 I #2). Câu 11 là phản ứng của Đức Chúa Trời đối với sự đáp ứng của họ dành cho thông điệp của Ê-sai.

28:11-13 Đây là phản ứng của Ê-sai dành cho những người thượng lưu và kiêu ngạo tôn giáo trong thời của ông ở tại Giê-ru-sa-lem.

28:11 “bởi những môi lấp bắp và lưỡi ngoại bang” Đây là phản ứng của Đức Chúa Trời với sự chối bỏ của họ dành cho vị tiên tri của Ngài. Thực chất căn bản ở đây, Ngài phán, “Nếu các ngươi đã quá khó để hiểu những điều căn bản ABC của người, thì hãy chờ cho đến khi các ngươi nghe thông điệp trong tiếng A-si-ri” (câu 13; 33:19; Giê-rê-mi 5:15). Phao-lô trích câu này trong I Cô-rinh-tô 14:21 trong phần thảo luận của ông về việc “nói tiếng lạ.”

Hãy xem phần giải kinh sách I Cô-rinh-tô của tôi trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org.

28:12 “Đây là chỗ nghỉ ngơi,

Hãy để kẻ mệt mỏi được nghỉ” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn dân sự của Ngài được “nghỉ ngơi” (BDB 629) và bình an (11:10; 30:15; 32:17,18). ĐÔNG TỪ này (BDB 628, KB 679) là một *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH. Câu này chỉ về thông điệp của Ê-sai về hy vọng và sự phục hồi, nhưng chỉ khi họ quay trở về với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng họ đã không làm như vậy (câu 12b)!

Chúa Jesus đã công bố một sự kêu gọi tương tự dành cho họ trong Ma-thi-ơ 11:28-29.

28:13 Thông điệp duy nhất của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho họ chính là thông điệp của Ê-sai, nhưng họ đã chối bỏ cho đến khi họ hư mất.

1. bị vấp ngã trở lại, BDB 505, KB 502, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 3:8; 59:14
2. bị tan vỡ, BDB 990, KB 1402, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, 8:15
3. bị mắc bẫy, BDB 430, KB 432, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, 8:15
4. bị bắt đi lưu đày, BDB 539, KB 530, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, 8:15; 24:18

28:14 “nghe” ĐÔNG TỪ này (BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) đồng thời là một sự kêu gọi ăn năn và phân dẫn nhập vào sự đoán phạt. Họ đã không lắng nghe (28:12,14,22,23 [hai lần]; 29:18; 30:9,19,21,30; 32:3,9; 33:13,15,19; 34:1 [hai lần]). Thật là một chủ đề lặp đi lặp lại—Đức Chúa Trời cố gắng để hướng dẫn, nhưng họ từ chối lắng nghe!

“Hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va” là một dấu chỉ văn học của một “lời sấm tiên tri đoán phạt.”

☐ **“Hỡi những kẻ ngạo mạn”** Đây là một CẤU TRÚC GHÉP (“những con người,” BDB 35 và “khinh miệt” BDB 539). Họ được nhắc đến khá thường xuyên trong Châm Ngôn (1:22; 29:8). Thật ngạc nhiên xiết bao khi điều này chỉ đến những lãnh đạo của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem là người lẽ ra phải có sự hiểu biết tốt hơn và tin cậy nhiều hơn! Khủng hoảng làm lộ ra sự lãnh đạo chân chính và sự kém thiếu của nó.

28:15 “Chúng tôi đã kết ước với sự chết” Ê-sai mô tả suy nghĩ của những lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem cách mỉa mai. Điều này chỉ đến một hiệp định (“giao ước,” BDB 136, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:19 và từ hiếm, “hiệp ước,” BDB 302, câu 18) mà Giu-đa đã thực hiện với người Ai Cập (30:1-7). Đây là một sự chơi chữ thần học trên lời của Đức Chúa Trời bởi Môi-se về việc chu cấp cho dân sự Ngài một sự lựa chọn giữa sự sống hoặc sự chết trong Phục Truyền 30:15-20 (hãy xem ghi chú của tôi trong sách Phục Truyền trực tuyến tại www.freebiblecommentary.org). Trong trường hợp này, sự lựa chọn này liên hệ với việc chọn sự bảo vệ đến từ một nguồn sức mạnh quân sự thế gian hoặc tin cậy vào nơi Đức Chúa Trời. Họ đã lựa chọn sự chết.

☐ **“âm phủ (Sheol)”** Từ này chỉ về nơi cầm giữ người chết và là một từ đồng nghĩa với từ trong tiếng Hy Lạp “Hades.” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 5:14.



NASB “tai họa quá sức”
NKJV, NRSV “tại họa tuôn tràn”
NJB “tại họa ngập tràn”
JB “cái roi hủy diệt”
LXX “con bão ô ạt”
REB “con bão cuồng nhiệt”

Từ đầu tiên là một ĐỘNG TÍNH TỪ (BDB 1009, KB 1474, *Qal* CHỦ ĐỘNG). Từ thứ hai có những sự lựa chọn (NIDOTTE, tập 4, ở trang 64-65)

1. **רָשָׁע**, BDB 1009, “tuôn tràn,” 8:8; 10:22 (một đội quân xâm lược)
2. **שָׁרָשָׁר**, BDB 1002, “tai vạ,” “cái roi,” I Các Vua 12:11,14

☐ “tràn qua” ĐỘNG TỪ này (BDB 716, KB 778) có thể là *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH (*qere*) hoặc một *Qal* THỂ HOÀN THÀNH (*kethiv*, 26:20). ĐỘNG TỪ này có nghĩa là “vượt qua,” “băng xuyên qua,” hoặc “băng qua.” Nó được sử dụng ba-mươi-bốn lần trong Ê-sai trong đơn vị văn học này (những đoạn 28-35, 28:15,18,19 [hai lần]; 29:5; 31:9; 33:8,21; 34:10; 35:8).

☐ “Vì chúng tôi lấy sự gian dối làm nơi nương náu,
 Lấy sự lừa đảo làm nơi trú ẩn.”

Thật là một bi kịch của tuyền dân của Đức Chúa Trời: |một tình trạng tự nuông chiều chính mình bởi sự tin cậy nơi cánh tay xác thịt!

1. gian dối, BDB 469, câu 17 (rất phổ biến trong các Thi Thiên và Châm Ngôn)
2. lừa đảo, BDB 1005, 9:15; 32:7; 44:20; 57:4; 59:3,13 (phổ biến trong các Thi Thiên và Châm Ngôn, được sử dụng thường xuyên trong Giê-rê-mi)

Hình thái ĐỘNG TỪ của “nương náu” (BDB 340) chỉ về sự cư ngụ cách tự tin và tin cậy nơi một điều gì đó hoặc ai đó. Nó thường được dùng cho việc trú ẩn trong ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là hòn đá, Phục Truyền 32:37; Thi 18:2
6. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như một chim mẹ, Ru-tơ 2:12; Thi 36:7; 57:1; 61:4; 91:4
7. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như khiên thuẫn, II Sa-mu-ên 22:3,31; Thi 18:30; 144:2; Châm Ngôn 30:5
8. trong Ngài, Thi 2:12; 5:11; 7:1; 11:1; 16:1; 25:20; 31:1,19; 34:8,22; 37:40; 57:1; 64:10; 71:1;
5. 118:8,9; 141:8; Ê-sai 57:13; Nah. 1:7
6. trong tay hữu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Thi 17:7
7. Si-ôn, Ê-sai 14:32
8. trong danh của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, Sô-phô-ni 3:12

28:16 Câu này là một sự thay đổi tình trạng gây sốc, một sự đảo ngược thần học của sự hy vọng giữa sự đoán phạt. Kế hoạch cứu chuộc toàn cầu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã mặc khải về chính nó một lần nữa. Đáng Mê-si sẽ đến! Chỉ duy nhất một câu, nhưng thật là một câu tuyệt vời!

Đây là một chuỗi của những danh xưng của Đáng Mê-si sử dụng những ẩn dụ theo “cấu trúc ghép”.

1. Từ “đá” (BDB 6) thường xuyên Đức Chúa Trời; tuy nhiên, từ “đá góc nhà” (BDB 819) có một sự liên hệ độc nhất với Đáng Mê-si (Thi 118:22; Ma-thi-ơ 21:42, 44; Lu-ca 20:17; Công vụ 4:11; Rô-ma 9:33; 10:11; Ê-phê-sô 2:20; I Phi-e-rơ 2:6-8).
2. Từ “thử nghiệm” (BDB 103) là một từ mượn từ tiếng Ai Cập cho một viên đá có vân hạt thích hợp cho việc chạm khắc. Có vẻ như ở đây có ýnghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ ghi khắc viên đá góc với cụm từ được tìm thấy trong câu 16d. Then chốt của tường này chính là từ “tin” (Ê-sai 30:15 cho một sự nhấn mạnh tương tự vào “sự tin cậy”).
3. Từ “nền tảng” (BDB 414) được tìm thấy duy nhất ở đây và trong II Sử Ký 8:16, nơi nó chỉ về việc đặt nền móng của đền thờ Sa-lô-môn. Chú ý rằng nền tảng ở đây là “một nơi vững chắc” (phần ghi chú bên lề bản NASB , “được đặt một cách chắc chắn”). Từ Hê-bơ-rơ có một sự nhân đôi (dùng hai lần) của một chữ. Đây là nguồn gốc của sự mô tả của “cách vững chắc” hoặc “được đặt vững vàng”

Hãy xem những Chủ đề đặc biệt: Đá góc nhà tại 8:14-15 và Chủ đề đặc biệt: Tin, Tin Cây, Đức Tin, và Sự

Trung Tín trong Cựu Ước tại 22:23.

28:17 “công lý” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Quan Án, Sự Phán Xử, Công lý tại 3:1.

▣ **“dây đo...chuẩn mực”** Đây là những cách để đo lường sự thẳng (II Các Vua 21:13) của một chiều ngang (BDB 876II) hoặc chiều dọc (BDB 1054).

▣ **“sự công chính”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Sự Công Chính tại 1:4.

▣ Những dòng c và d một lần nữa là những cách chơi chữ của nước (27:12). Cụm từ “nơi nương náu của kẻ gian dối” và “chỗ trú ẩn (chỗ bí mật)” có thể chỉ về tập tục thờ hình tượng trong chính đền thờ (Ê-xê-chi-ên 8 và Phục Truyền 27:15). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA không hành động hoặc nói trong một nơi bí mật, tối tăm, nhưng rộng mở trong ánh sáng (45:19; 48:16).

28:18

NASB	“hủy bỏ”
NKJV, NRSV,	
JB	“làm mất hiệu lực”
TEV	“bãi bỏ”
NJB	“vỡ”
LXX, Peshitta,	
REB	“sẽ không đứng được”

ĐỘNG TỪ Hê-bơ-rơ này (BDB 877, KB 1086, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “đẩy lên,” “đứng,” hoặc “đứng lên.” Nó có nghĩa bóng cho một điều sẽ không xảy ra (7:7; 8:10; 28:18; Châm Ngôn 15:22). Ý và kế hoạch của Đức Chúa Trời vượt trên những kế hoạch của con người (14:24-27; 40:8; 46:10; Thi 35:10-11; Châm Ngôn 19:21; Giê-rê-mi 44:28)!

28:19 Câu này liên hệ với “tai vạ kinh khiếp” của câu 18. It (kẻ xâm lược, II Các Vua 24:2) sẽ đến đi đến lại và mang sự kinh hoàng và rối loạn. Họ sẽ không có khả năng để hiểu tại sao (trái ngược với 50:4).

28:20 Thành ngữ này phản ứng sự kém thiếu của những kế hoạch của con người.

28:21 “núi Phê-ra-xim...thung lũng Ga-ba-ôn” Cả hai đều chỉ về sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời trên Đa-vít trong chiến trận của ông nghịch cùng người Phi-li-tin; tuy nhiên, trong tình trạng hiện tại Đức Chúa Trời không đứng về phía của Giu-đa, nhưng phía của người A-si-ri (II Sa-mu-ên 5:17-21; I Sứ Ký 14:13-17).

▣ **“Để làm công việc Ngài, là công việc khác thường;**

Để thực hiện công tác Ngài, là công tác lạ lùng” Nhiều người nói công việc khác thường này chỉ về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên chính dân sự của Ngài; tuy nhiên, tôi nghĩ rằng, bởi vì văn mạch, công việc khác thường cũng vẫn là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, nhưng bởi cách dùng một dân không tin kính Đê Chê A-si-ri (theo sách Ha-ba-cúc, bộ NIDOTTE, tập 1, trang 775).

28:22

NASB	“của một sự hủy diệt cố ”
NKJV	“một sự hủy diệt được quyết định”
NRSV	“một sắc lệnh hủy diệt”
TEV	“một quyết định sẽ hủy diệt”
NJB	“một quyết định không thể hủy bỏ”
REB	“sắc lệnh của sự hủy diệt”

ĐỘNG TỪ này (BDB 358, KB 356, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH) trong từ gốc *Qal* chỉ về “chặt,” “ra lệnh,” hoặc “định đoạt.”

1. khoảng thời gian của đời người, Gióp 14:5
2. những sự kiện tương lai, Ê-sai 10:22-23; Đa-ni-ên 9:26-27

Lịch sử không phải là không có phương hướng; nó có mục đích. Nó có một kế hoạch và mục đích thiên thượng (sự cứu chuộc dành cho nhân loại sa ngã, Sáng 3:15). Chú ý những thông điệp trong

1. Lu-ca 22:22
2. Công vụ 2:23
3. Công vụ 3:18
4. Công vụ 4:28
5. Công vụ 13:29

☐ “trên toàn bộ trái đất” Sự đoán phạt trên toàn cầu đã được thấy trong những đoạn 24-27 được lặp lại, nhưng cảm tạ Đức Chúa Trời, ở tại đó cũng sẽ có một sự cứu chuộc trên toàn cầu (câu 16)!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 28:23-29

- ²³ **Hãy lắng tai nghe tiếng tôi;
Hãy chú ý nghe lời tôi nói!**
- ²⁴ **Có phải người cày ruộng để gieo cứ cày mỗi ngày không?
Người ấy cứ vỡ đất và bừa mãi sao?**
- ²⁵ **Khi mặt đất đã được ban bằng rồi,
Chẳng phải người ấy vãi tiểu hôi và gieo đại hôi,
Tĩa lúa mì trên luông,
Lúa mạch tại chỗ riêng,
Và đại mạch theo khu vực của nó sao?**
- ²⁶ **Ấy là Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn
Và dạy bảo nông dân cách phải làm.**
- ²⁷ **Vì người ta không đập tiểu hôi bằng trái lãn,
Cũng chẳng cho bánh xe lăn trên đại hôi;
Nhưng tiểu hôi thì đập bằng cái que,
Đại hôi thì đập bằng cây gậy.**
- ²⁸ **Người ta xay lúa mì để làm bánh,
Nhưng không đập mãi;
Dù bánh xe cán hoặc chân ngựa đập trên hạt thóc,
Thì nó cũng không giập nát.**
- ²⁹ **Điều này cũng đến từ Đức Giê-hô-va vạn quân,
Kế hoạch Ngài thật kỳ diệu,
Sự khôn ngoan Ngài thật tuyệt vời!**

28:23-29 Đây là một dụ ngôn sử dụng những ẩn dụ trong nông nghiệp về cách làm thế nào để gieo và gặt một vụ mùa cụ thể. Câu chuyện này nói lên sự thực tế rằng Đức Chúa Trời biết rõ về những điều Ngài đang làm. Ngài sẽ hành động cùng với dân sự Ngài trong những cách có mục đích và phù hợp. Ngài có một kế hoạch cứu chuộc mà chính nó sẽ hành trong ở ngoài lịch sử của con người!

28:23 Câu này là một chuỗi của những THỆ MỆNH LỆNH từ Đức Chúa Trời (câu 29) qua vị tiên tri của Ngài dành cho dân sự của Ngài.

1. hãy lắng tai, BDB 24, KB 27, *Hiphil* THỆ MỆNH LỆNH
2. nghe tiếng tôi, BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỆ MỆNH LỆNH, những câu 12,14,22
3. hãy nghe, BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THỆ MỆNH LỆNH
4. nghe lời tôi, cũng giống như mục #2

Nhưng họ đã không làm; họ không thể làm (6:9-10)!

28:28 “Ngài sẽ không tiếp tục đập cho đến mãi mãi” Đây là NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và THỆ CHƯA HOÀN THÀNH ĐỘNG TỪ của cùng một gốc từ (BDB 190, KB 218) được sử dụng cho sự nhấn mạnh tăng cường độ. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA thi hành chỉ một lượng vừa đủ của sự đoán phạt, không quá nhiều, không quá ít!

29:29 Sự hi vọng, giúp đỡ, và niềm vui đến từ việc lắng nghe và tôn trọng Lời của Đức Chúa Trời!

Ê-SAI 29

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giê-ru-sa-lem Bị Cảnh Cáo	Khôn Thay Cho Giê-ru-sa-lem	Sự Phục Hồi Sau Rốt của Giu-đa	Số phận của Giê-ru-sa-lem	Lời Về Giê-ru-sa-lem
29:1-4 (1-4)	29:1-4 (1-4)	29:1-8 (1-4)	29:1-4	29:1-12 (1-4)
29:5-8 (5-8)	29:5-8 (5-8)	(5-8)	29:5-8	(5-8)
	Sự Mù Lòa của Sự Không Vâng Phục	Sự Vô Cảm Thuộc Linh	Sự Coi Thường Những Cảnh Báo	
29:9-12 (9-10)	29:9-10 (9-10)	29:9-10 (9-10)	29:9-12	(9-10)
	29:11-12	29:11-12		Lời Tiên Tri
29:13-14 (13-14)	29:13-14 (13-14)	29:13-21 (13-14)	29:13-14	29:13-14 (13-14)
			Niềm Hy Vọng Cho Tương Lai	Sự Đắc Thắng của Sự Sáng
29:15-16 (15-16)	29:15-16 (15-16)	(15-16)	29:15-16	29:15-24 (15-24)
Phước Hạnh Sau Sự Kỳ Luật	Sự Hồi Phục Tương Lai của Sự Khôn Ngoan			
29:17-21 (17-21)	29:17-21 (17-21)	(17-21)	29:17 29:18-21	
29:22-24 (22-24)	29:22-24 (22b-24)	29:22-24 (22b-24)	29:22-24	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba

4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Dàn ý của Jewish Study Bible (ở trang 839-840) xếp đoạn này thành ba áng thơ riêng biệt và độc lập với nhau.
1. những câu 1-8 (bắt đầu với “khôn thay”)
 2. những câu 9-12
 3. những câu 15-24 (bắt đầu với “khôn thay”)
- B. Sự đảo ngược đáng kinh ngạc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với những nan đề của dân sự Ngài là một chủ đề định kỳ.
1. 3:25-5:6
 2. 8:6-8
 3. 8:22-9:1
- C. Bối cảnh lịch sử của đoạn này có vẻ như là cuộc xâm lược Giu-đa bởi Vua San-chê-ríp vào năm 701 T.C Giê-ru-sa-lem được tha (thần học của Ê-sai), nhưng Giu-đa bị tàn phá.
1. Ê-sai 36-39
 2. II Các Vua 18-19
 3. II Sứ Ký 32

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 29:1-4

- ¹ Khôn cho A-ri-ên, A-ri-ên,
Là thành mà Đa-vít đã đóng trại!
Năm này sang năm khác,
Các kỳ lễ cứ xoay vần.
- ² Ta sẽ vây hãm A-ri-ên,
Nó sẽ có tang chế và than vãn,
Nhưng nó vẫn là A-ri-ên cho Ta.
- ³ Ta sẽ đóng trại chung quanh người,
Lập đồn bao vây người,
Đắp lũy chống lại người.
- ⁴ Người sẽ bị chôn vùi, và từ lòng đất người sẽ kêu lên,
Từ bụi đất, lời nói người thêu thào yếu ớt.
Tiếng người từ dưới đất vọng lên giống như tiếng đồng cốt,
Lời nói người thì thào từ bụi đất.

29:1 “Khôn thay (cho)” Hãy xem trong 5:8.

▣ “A-ri-ên” (câu 1,2,7) Từ này có thể có nghĩa là

1. những người anh hùng, II Sa-mu-ên 23:20; I Sứ Ký 11:22 (BDB72 I, #3)
2. “sư tử của Đức Chúa Trời” (BDB 72 I #1)
3. “lò lửa của Đức Chúa Trời” (BDB 72 II)

Bởi vì nó được sử dụng trong nghĩa của lò lửa của bàn thờ trong câu 2, mà theo Ê-xê-chi-ên 43:15-16, tôi tin rằng từ này ở đây chỉ về lò lửa của Đức Chúa Trời, vốn có thể thấy rõ ràng trong 31:9. Bởi vì câu 7, rất rõ ràng đây là một sự ngụ ý chỉ về Giê-ru-sa-lem. Khổ thơ đầu (29:1-4) nói về thủ đô của Giu-đa, Giê-ru-sa-lem, cũng như 28:1-4 nói về thủ đô của Mười Chi Phái Phía Bắc, Sa-ma-ri.

▣ “Năm này sang năm khác,

Các kỳ lễ cứ xoay vần” Dòng thứ hai của câu 1 ủng hộ quan điểm rằng những câu 1-4 chỉ về Giê-ru-sa-lem, địa điểm của những kỳ lễ của Y-sơ-ra-ên (Xuất 23; Phục Truyền 16).

1. thêm, BDB 414, KB 418, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
2. giữ (vâng theo), BDB 668, KB 722, *Qal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THẺ MỆNH LỆNH

29:2-3 Những câu này mô tả về những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm cho thành phố được lựa chọn của Ngài (Giê-ru-sa-lem, địa điểm Ngài đã khiến danh Ngài ngự tại đó, Phục Truyền 12:5,11,21; 14:23,24; 16:2,6,11; 26:2).

1. Ta sẽ đem tai họa, BDB 847, KB 1014, *Hiphil* THẺ HOÀN THÀNH, câu 7; 51:13 (hai lần); Phục Truyền 28:53, 55,57.
2. nó sẽ như
 - a. một sự kêu than, BDB 58, 21:2; 35:10; 51:11
 - b. một sự than khóc, BDB 58 được lặp lại để mô tả của Ê-sai, cũng hãy xem Ca Thương 2:5
 - c. một lò lửa thiêu đốt, BDB 72, những câu 1,2,7
3. Ta sẽ đóng trại nghịch cùng người, BDB 333, KB 332, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH, Lu-ca 19:43,44
4. Ta sẽ thiết lập công sự vây hãm người, BDB 848 II; KB 1015, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH, 21:2
5. Ta sẽ dựng lên những tháp chiến trận, BDB 877, KB 1086, *Hiphil* THẺ HOÀN THÀNH, 23:13

29:4 Câu này là một chuỗi của những ẩn dụ cho sự chết.

1. người sẽ bị hạ xuống, BDB 1050, KB 1631, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH
2. từ đất người sẽ kêu lên, BDB 180, KB 210, *Piel* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH
3. từ bụi đất nơi người sẽ kiệt sức, BDB 1005, KB 1458, *Niphal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH
4. giọng người sẽ trở nên giống như một linh hồn từ lòng đất, BDB 224, KB 283, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH
5. giọng người sẽ thì thào từ lòng đất, BDB 861, KB 1050, *Pilpel* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH

Văn mạch này không nói về sự lên đồng, cũng như Phục Truyền 18:9-12,14, nhưng là ngôn ngữ ẩn dụ để mô tả về Giê-ru-sa-lem, bên bờ của sự hủy diệt hoàn toàn, sẽ kêu khóc với Đức Chúa Trời trong một giọng yếu ớt khi nằm nên mặt đất cận kề với cái chết.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 29:5-8

⁵ Nhưng muôn vàn kẻ thù của người sẽ như đám bụi li ti,

Lũ cường bạo như trấu bay đi.

Điều đó sẽ xảy đến thành linh, chỉ trong chớp lát.

⁶ Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trừng phạt chúng

Bằng sấm sét, động đất, tiếng động lớn,

Giông tố, bão táp, và ngọn lửa thiêu nuốt.

⁷ Quân đội của tất cả các nước tiến đánh A-ri-ên,

Tất cả những kẻ tiến đánh, công phá đồn lũy, và siết chặt nó

Đều sẽ tan biến như chiêm bao, như giấc mơ trong ban đêm.

⁸ Như người đói nằm mơ thấy mình được ăn,

Nhưng khi thức giấc bụng vẫn đói;

Như người khát nằm mơ thấy mình được uống,

Nhưng khi thức giấc thấy mình kiệt sức và vẫn khát,

Quân đội của tất cả các nước tiến đánh núi Si-ôn

Cũng sẽ như vậy.

29:5-6 Thật là một sự đảo ngược quyết liệt trong hai câu Kinh Thánh này trong văn mạch. Đức Chúa Trời có lời hứa sẽ phán xét Giê-ru-sa-lem và giờ đây là những lời hứa sẽ giải cứu Giê-ru-sa-lem khỏi cuộc vây hãm của kẻ thù trong Ê-sai 36-37. Trong câu 6, sự sử dụng ẩn dụ về cơn bão để mô tả Đức Chúa Trời. Đây là một chủ đề định kỳ xuyên suốt trong Các Sách Tiên Tri. Và thậm chí một cách sử dụng mạnh mẽ hơn nữa ẩn dụ này có thể được thấy trong 30:27-33.

Chú ý những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân, câu 6) sẽ làm đối với những kẻ xâm lược.

1. sẽ như đám bụi
2. sẽ trở nên như trấu bị thổi đi
3. sẽ xảy ra cách bất ngờ và ngay lập tức (Cả hai từ BDB 837, עתפ, 3;5, 30:13 và ,מאתפ, 47:11; 48:3)
4. sẽ bị hình phạt (nguyên văn “thăm viếng với,” BDB 823, KB 955, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH)) với sấm sét (BDB 947)
5. sẽ bị hình phạt với những cơn động đất (BDB 950)
6. sẽ bị hình phạt bằng tiếng động lớn (BDB 876, từ này được sử dụng trong 33:3 như một thông điệp tiên tri mà có thể song hành với I Tê-sa 4:16)
7. sẽ bị hình phạt với bão lốc (BDB 693)
8. sẽ bị hình phạt với giông tố (BDB 704)
9. sẽ bị hình phạt với the ngọn lửa thiêu đốt (BDB 529 GHÉP VỚI BDB 77; TỪ CÓ GỐC ĐỘNG TỪ, BDB 37, KB 46, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG)

Những điều này mô tả về sự đến/ thăm viếng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để đoán phạt (28:2). Những loại ẩn dụ của bạo lực này chính là nguồn khởi đầu của ngôn ngữ khái thị lai thể học.

29:5

NASB, NJB,

REB

“những kẻ thù”

NKJV, NRSV

“những kẻ thù nghịch”

NASB, NRSV (footnote)

“những kẻ lạ mặt”

TEV

“những kẻ ngoại bang”

Peshitta

“những kẻ áp bức”

Bản MT cho là “của những kẻ lạ mặt của người” וְרִיב, BDB 266, KB 267, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG), nhưng có một khả năng của sự lẫn lộn của những chữ “R” (ר) - “D” (ד). Từ Hê-bơ-rơ của “của những kẻ thù nghịch người” (רִיב) từ trong bộ Targums.

29:7-8 Đây là cách dùng của một ẩn dụ của đêm tối (nguyên văn “giấc mơ,” BDB 321; “một khái tượng trong đêm,” BDB 302 GHÉP VỚI 538) để mô tả về những kết quả cả hành động của Đức Chúa Trời Giu-đa và A-si-ri. Trong câu 7, cuộc vây hãm của A-si-ri như một cơn ác mộng đối với Giu-đa, nhưng trong câu 8 cơn ác mộng đó cũng sẽ xảy ra với quân đội A-si-ri (II Các Vua 19:35-37; II Sử Ký 32; Ê-sai 36-37).

29:7

NASB, NRSV

“những đồn lũy của nó”

NKJV

“những pháo đài của nó”

NJB

“vây hãm”

REB

“sự vây hãm”

Sự khác biệt giữa hai lựa chọn chính là sự rối rắm giữa chữ “R” và “D”.

1. đồn lũy, BDB 845 II, ומצדות
2. vây hãm, BDB 849, ומצדות

Dự án UBS Hebrews Text Project đánh giá sự lựa chọn #1 một điểm “C” (có sự nghi ngờ đáng kể).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 29:9-12

⁹ Hãy sống sờ và kinh ngạc!

Hãy làm cho mình mù mắt và quáng lòa!

Họ say nhưng không phải vì rượu;

Họ lão đảo nhưng không phải vì rượu mạnh.

¹⁰ Vì Đức Giê-hô-va đã đổ thần ngủ mê trên các người;

Ngài đã bịt mắt các người là các nhà tiên tri,

Và đã trùm đầu các người là những nhà tiên kiến.

¹¹ Vì vậy đối với các người, khái tượng về tất cả điều này giống như những lời ghi trong cuộn sách bị niêm phong. Nếu đưa cho người biết đọc và bảo: “Hãy đọc sách này,” thì người ấy sẽ trả lời rằng: “Tôi

không thể đọc được vì sách này đã bị niêm phong.”¹² Hoặc nếu đưa cuộn sách cho người không biết đọc và bảo: “Hãy đọc sách này,” thì người ấy sẽ trả lời: “Tôi không biết đọc.”

29:9 “Hãy trì hoãn và chờ đợi,

Hãy tự làm mù mắt mình và trở nên mù lòa” Hai dòng thơ đầu của câu này có bốn THẺ MỆNH LỆNH.

1. trì hoãn, BDB 554, KB 552, *Hithpalpel* THẺ MỆNH LỆNH, GIÓNG ĐỤC SỐ NHIỀU
2. chờ đợi, BDB 1069, KB 1744, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH, GIÓNG ĐỤC SỐ NHIỀU; nguyên văn là “hãy kinh ngạc,” Ha-ba-cúc 1:5
NASB “chờ đợi”
NKJV “ngạc nhiên”
NRSV “hãy sững sờ”
NJB “choáng váng”
LXX, Peshitta “hãy sững sờ”
3. làm mù mắt người, BDB 1044 I, KB 1612, *Hithpalpel* THẺ MỆNH LỆNH, GIÓNG ĐỤC SỐ NHIỀU
4. bị mù lòa, BDB 1044, KB 1612, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH, GIÓNG ĐỤC SỐ NHIỀU, 6:9-10; Mi-chê 3:6-7.

Có thể lựa chọn số #3 và #4 có nguồn gốc từ gốc tiếng Ê-ber “hãy vui thích trong” (BDB 1044 II), nếu vậy thì cụm từ này thật mỉa mai.

Chú ý sự cân bằng giữa sự tự do của con người, trong câu 9 và sự toàn năng của Đấng Thánh, câu 10. Cả hai đều đúng! Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

▣ **“Họ (trở nên) say”** Đây là một lần sử dụng nữa của từ say xỉn (BDB 1016, KB 1500, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH) để diễn tả sự bội đạo của những lãnh đạo tôn giáo và chính trị của dân sự của Đức Chúa Trời (28:1-4,7-8).

29:10-12 Chú ý những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong việc cất bỏ thông điệp của Ngài khỏi dân Ngài (6:9-10; Mi-chê 3:6-7).

1. ĐỨC Giê-hô-va đã đổ trên người (BDB 650, KB 703, *Qal* THẺ HOÀN THÀNH) một thần linh của sự ngu mê (BDB 924 GHÉP VỚI BDB 922)
2. Ngài đã bịt (BDB 783, KB 868, *Piel* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH) mắt của những tiên tri của các người
3. Ngài đã che (BDB 491, KB 487, *Piel* THẺ HOÀN THÀNH, TEV “bịt mắt”) mắt cả những lãnh đạo tôn giáo và dân sự (những câu 11-12; 6:9-10; 8:16)

Câu 10 được trích bởi Phao-lô trong sự thảo luận của ông về sự thất bại của Y-sơ-ra-ên trong việc tin cậy nơi Chúa Jesus chính là Đấng Mê-si của Y-sơ-ra-ên trong Rô-ma 11:8.

29:11 “niêm phong” TRẠNG TỪ này (BDB 367, KB 364, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ BỊ ĐỘNG) cũng được sử dụng bởi Ê-sai trong 8:16, nơi nó chỉ về một cuộn sách khai thị được viết bởi nhà tiên tri dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Sự “niêm phong (đóng ấn)” nói về cách của

1. bày tỏ sự sở hữu
2. bảo đảm an ninh

Nó được thực hiện bằng

1. một giọt sáp (hoặc đất sét) ở bên lề của cuộn sách với một nhẫn triện đóng vào nó
2. hai giọt sáp (hoặc đất sét) với một sợi dây ở giữa chúng và đều được đóng vào với nhẫn hoặc biểu tượng của người gửi

Cũng như cách Ê-sai đã được ra lệnh đóng ấn thông điệp trong 8:16, thì Đa-ni-ên cũng được lệnh như vậy trong Đa-ni-ên 12:4. Tuy nhiên, trong 29:11 nó đơn giản chỉ là một biểu tượng cho sự ngừng lại sự mặc khải của Đức Chúa Trời.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 29:13-14

¹³ Chúa phán:

“Vi dân này chỉ lấy miệng đến gần Ta,
Lấy môi miêng tôn vinh Ta,
Nhưng lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm.”

**Việc chúng kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người,
Do loài người dạy bảo.
14 Vì thế, Ta sẽ tiếp tục làm
Những việc lạ lùng giữa dân này,
Việc rất lạ đến nỗi sự khôn ngoan của người khôn ngoan sẽ tiêu mất,
Và sự thông sáng của người thông sáng sẽ bị che khuất.”**

29:13 “lại gần với những lời của chúng” Từ này (BDB 620, KB 670, *Niphal* THÊ HOÀN THÀNH) nói về một hành vi công khai của sự thờ phượng nơi đền thờ. Nó nguyên gốc được sử dụng cho các thầy tế lễ (Xuất 19:22).

☐ **“sự tôn kính dành cho ta chỉ gồm những truyền thống học vẹt”** Đây là một lẽ thật thần học đáng chú ý vốn chỉ về những nghi thức tôn giáo và nghi lễ mà thiếu đi mối quan hệ cá nhân, đi cùng với lối sống, tình yêu thương và đạo đức, chỉ là một sự góm ghềnh đối với Đức Chúa Trời (1:10-15; 58:1-5; Giê-rê-mi 7; A-mốt 5:21-24; Mi-chê 6:6-8; Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; Cô-lô-se 2:16-23; II Ti-mô-thê 3:5). Nghi lễ đã không sai trật, nhưng sự sai trật là chính thái độ của người đã cố gắng điều khiển, thao túng Đức Chúa Trời.

Dòng phía trên của bài thơ song hành với dòng kế tiếp, “tôn kính ta với những công việc của môi miệng” (Giê-rê-mi 12:2).

Họ nói một điều, nhưng lại sống một cách khác (Ma-thi-ơ 15:8-9; Mác 7:6-7, nơi “những lời” và “môi miệng” được mô tả như là “sự xao nhãng mạng lệnh của Đức Chúa Trời, các người chỉ bám vào những truyền thống của con người,” được mô tả trong Mác 7:3,5,9,13).

29:14 “Ta sẽ tiếp tục làm

Những việc lạ lùng giữa dân này

Việc rất lạ...” Trong tiếng Anh, những cụm từ này nghe có vẻ tốt, nhưng chúng đều là những *Hiphil*

NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP; the *Hiphil* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI; và DANH TỪ, tất cả đều có cùng một từ gốc (BDB 810), vốn chỉ về

1. những thảm họa phi thường trong Xuất 3:20; Phục Truyền 28:59
2. sự cô vắn phi thường trong 9:6; 28:29
3. những hành động tuyệt vời trong Xuất 34:10; I Sứ Ký 16:9,12,24; Ê-sai 25:1

Văn mạch phải xác định sự tích cực hay tiêu cực. Ở đây nó là sự tiêu cực của sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trên chính dân sự của Ngài. Sự đoán phạt này sẽ là những người cố vắn khôn ngoan và lãnh đạo tôn giáo sẽ thất bại trong việc thực hiện những công việc của họ (những câu 9-12).

Phao-lô đã trích câu này trong I Cô-rinh-tô 1:19 trong sự bàn luận của ông về sự ngu dại của sự khôn ngoan của con người, đặc biệt trong cách hiểu của nó về lý do vì sao Đấng Mê-si phải chịu khổ và chết (phức âm).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 29:15-16

15 Khôn cho những kẻ giấu ý đồ của mình khỏi Đức Giê-hô-va cách sâu kín,

Làm việc trong bóng tối

Và tự nhủ: “Ai thấy ta, ai biết ta?”

16 Các người thật là mâu thuẫn:

Thợ gốm lại coi như đất sét sao?

Vật được làm ra có thể nào nói về người làm ra mình rằng:

“Hắn đâu có làm ra tôi?”

Hoặc cái bình có được nói về thợ gốm rằng:

“Hắn chẳng hiểu biết gì,” không?

29:15 “giấu ý đồ của mình khỏi Đức Giê-hô-va” Điều này chỉ về kế hoạch của những lãnh đạo Giu-đa về một liên minh chính trị với Ai Cập (28:7-22; 30:1-5; 31:1-3) để bảo vệ họ khỏi A-si-ri. Họ đang tin cậy Ai Cập, chứ không phải ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

☐ **“Ai thấy ta, ai biết ta?”** Căn bản đây chính là sự chối bỏ sự hiện diện cá nhân của Ngài. Câu 16 mô tả sự tính toán và ngu xuẩn của những lời này.

29:16 “thợ gốm” Đức Chúa Trời như người thợ gốm là một sự so sánh ẩn dụ phổ biến của Kinh Thánh (Ê-sai 45:9; 64:8; Giê-rê-mi 18:từ câu 4; Gióp 10:9). Có lẽ nó được phát triển từ sự tạo dựng con người khởi nguyên trong Sáng 2:7. Phao-lô ám chỉ đến câu này trong Rô-ma 9:20. Rô-ma 9 chính là sự khẳng định sự toàn năng trọn vẹn và hoàn toàn của Đức Chúa Trời!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 29:17-21

- ¹⁷ Chẳng phải còn ít lâu nữa
 Thì Li-ban sẽ trở thành vườn cây ăn trái,
 Và vườn cây ăn trái sẽ được coi như rừng rậm hay sao?
- ¹⁸ Trong ngày đó, người điếc sẽ nghe được
 Lời trong cuộn sách,
 Mắt người mù sẽ ra khỏi cảnh tối tăm mù mịt
 Và thấy được.
- ¹⁹ Người nhu mì sẽ gia tăng niềm vui trong Đức Giê-hô-va,
 Người nghèo khổ sẽ vui mừng trong Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
- ²⁰ Vì kẻ bạo ngược không còn nữa,
 Kẻ ngạo mạn sẽ chấm dứt,
 Và mọi kẻ rình rập làm ác sẽ bị diệt trừ,
- ²¹ Tức là những kẻ dùng lời nói làm cho người ta bị kết tội,
 Kẻ gài bẫy người phân xử tại cổng thành,
 Những kẻ dùng lý lẽ ngụy tạo để khuất phục người công chính.

29:17-21 Phần này mô tả về một thời kỳ mới của Đấng Mê-si đang đến.

1. nó sẽ đến sớm, câu 17a (10:24-25)
2. Đất Li-ban sẽ trở nên rất màu mỡ, câu 17b,c, 32:15; 35:1-2 (theo NASB Study Bible, trang 996, liên hệ câu này với Ê-sai 10:34 và cho rằng Li-ban ở đây là một cách chỉ về A-si-ri). San-chê-ríp khoác lác về những sự cướp bóc của hắn trên cánh rừng ở Li-ban (37:24; II Các Vua 19:23).
3. kẻ điếc được nghe, câu 18a, 32:3; 35:5
4. kẻ mù được thấy, câu 18b, 32:3; 35:5
5. kẻ bị áp bức sẽ vui mừng trong Đức Giê-hô-va, câu 19a, 11:4; 61:1
6. người nghèo khổ sẽ hân hoan nơi Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, câu 19b, 3:14-15; 11:4; 14:30,32
7. kẻ tàn ác sẽ không còn nữa, câu 20a
8. những kẻ ngạo mạn sẽ chấm dứt, câu 20a, 28:14
9. những kẻ cố ý làm điều ác sẽ bị diệt trừ, câu 20b
10. công chính sẽ được phục hồi nơi cổng thành, câu 21, 32:7

Phần này song hành về mặt thần học với sự mô tả tuyệt vời về đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 25:4.

Hãy nhớ chắc đề ghi chú rằng điểm #3 và #4 trước tiên chính là hình bóng cho việc nhận và hiểu biết sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Phục Truyền 29:4; Ê-sai 5:12,13; 6:9; 30:9).

29:19 “Thánh” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:3.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 29:22-24

- ²² Vì thế, Đức Giê-hô-va là Đấng cứu chuộc Áp-ra-ham đã phán về nhà Gia-cốp như sau:
 “Giờ đây, Gia-cốp sẽ không còn hổ thẹn nữa,
 Và mặt nó sẽ chẳng còn tái xanh.
 Và mặt nó sẽ chẳng còn tái xanh.
- ²³ Nhưng khi Gia-cốp thấy con cái mình,
 Là việc tay Ta làm ra giữa họ,
 Thì họ sẽ tôn danh Ta là Thánh;
 Họ sẽ tôn thánh Đấng Thánh của Gia-cốp,
 Và kính sợ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.
- ²⁴ Những kẻ có tâm linh lầm lạc sẽ được hiểu biết,

Và kẻ hay oán trách sẽ được dạy dỗ.”

29:22-24 Cũng như phần chia những câu 5-8 trong một văn mạch của sự đoán phạt trên Giê-ru-sa-lem với một lời phán của niềm hy vọng, thì cũng vậy, trong những câu 22-24. Sự tương phản nhanh chóng giữa những lời sấm tiên tri đoán phạt và lời sấm tiên tri của lời hứa chính là đặc điểm của Các Sách Tiên Tri. Sự đoán phạt luôn luôn dùng cho mục đích của sự phục hồi!

Phải, Đức Chúa Trời sẽ phán xét dân Ngài khi họ phạm tội và phá vỡ giao ước của Ngài, nhưng Ngài có một mục đích vĩ đại hơn cho họ (một sự cứu chuộc đời đời cho toàn thể nhân loại).

Chú ý những cụm từ khác nhau và những danh xưng chỉ về Đấng Thánh giao ước.

1. Đức Giê-hô-va là Đấng cứu chuộc Áp-ra-ham, câu 22
2. những con cái của Ngài, là việc của tay Ngài, câu 23
3. danh ta...Đấng Thánh của Gia-cốp, câu 23
4. Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, câu 23, 1:4

29:22 Gia đình được lựa chọn của Áp-ra-ham đã phát triển thành những chi phái của các con trai của Gia-cốp. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa rằng một ngày khi, bởi năng lực của Ngài và sự hiện diện giao ước, họ

1. sẽ không còn xấu hổ, BDB 101, KB 116, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, được dùng khá thường xuyên trong Thi Thiên, Ê-sai, và Giê-rê-mi
2. mặt họ cũng sẽ không còn tái xanh, BDB 301, KB 299, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH, ĐỘNG TỪ được thấy duy nhất ở đây. Cả hai ĐỘNG TỪ này đều chỉ về những thành ngữ Hê-bơ-rơ của sự tuyệt vọng và mặc cảm tội lỗi trên những hành vi không vâng phục. Tội nhân cảm nhận được sự không hài lòng của Đức Chúa Trời!

▣ **“là Đấng cứu chuộc Áp-ra-ham”** ĐỘNG TỪ này (BDB 804, KB 911, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH, Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây) ở đây được sử dụng cho Áp-ra-ham. Điều này có thể có nghĩa

1. chuộc khỏi một gia đình thờ đa thần (Sáng Thế Ký 11)
2. được chọn cách độc nhất như là một thành viên trong giao ước của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 12, 15, 17)
3. một hành động giải cứu cụ thể
 - a. khỏi Pha-ra-ôn (Sáng 12:10-20)
 - b. khỏi A-bi-mê-léc (Sáng Thế Ký 20)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được gọi là “Đấng Cứu Chuộc của Y-sơ-ra-ên” (41:14; 43:14; 48:17; 49:7,26; 54:5,8). Khái niệm này của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là người cứu chuộc của một gia đình được chọn có thể là sự nhấn mạnh thần học của 22-23.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÁ CHUỘC, SỰ CỨU CHUỘC

I. Cứu Ước

A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-rơ để hiểu khái niệm này.

1. *Ga'al* (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa “được tự do bởi giá chuộc đã trả” Một dạng đánh vần khác là ‘go'el’ thêm vô ý nghĩa “chuộc lại bởi người trung bảo”, thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (Lê vi Ký 25,27), (Ru-tơ 4:14; Isa. 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân Y-sơ-ra-ên từ Ai-cập. (Xuất 6:6; 15:13; Thi Thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). Ngài trở thành “Đấng Cứu Chuộc” (Gióp 19:25; Thi Thiên 19:14; 78:35; Châm 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
2. *Padah* (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là “giải cứu”, “giải phóng”
 - a. sự cứu chuộc các con trưởng. (Xuất 13:13-15 và Dân Số Ký 18:15-17)
 - b. sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi Thiên 49:7,8,15)
 - c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và phản loạn. (Thi Thiên 130:7-8)

B. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:

1. Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
 - a. về mặt thuộc thể
 - b. về mặt xã hội,
 - c. về mặt thuộc linh. (Thi Thiên 130:8)
2. Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
 - a. của dân Y-sơ-ra-ên (Phục 7:8)
 - b. của từng cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28; Ê-sai 53)
3. Có người trung bảo. Trong 'ga'al' người này là người thuộc gia hay họ hàng (ví dụ, go'el, BDB 145).
4. Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.
 - a. Người Cha
 - b. Người Chồng
 - c. Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

II. Tân Ước

A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này

1. *Agorazō* (I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:34). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
2. *Exagorazō* (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ngụ ý chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (Luật Môi-se, Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-se 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh chịu sự rủa sả (Phục 21:23) cho tất cả chúng ta. (Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.
3. *Luō*, "giải cứu, phóng thích"
 - a. *Lutron*, "một giá đã trả" (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra. (Giăng 1:29).
 - b. *Lutroō*, "phóng thích"
 - (1) cứu chuộc Y-sơ-ra-ên (Lu-ca 24:21)
 - (2) cứu chuộc và làm thánh một dân tuyển (Tít 2:14)
 - (3) trở nên sinh tể thay thế vô tội. (IPhi-e-rơ 1:18-19)
 - c. *Lutrōsis*, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"
 - (1) Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su , Luca 1:68
 - (2) An-ne ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38
 - (3) Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê 9:12
4. *Apolytrōsis*
 - a. sự cứu chuộc ở thời điểm Tái Lâm (Công vụ 3:19-21)
 - (1) Lu-ca 21:28
 - (2) Rô-ma 8:23
 - (3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30
 - (4) Hê-bơ-rơ 9:15
 - b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ
 - (1) Rô-ma 3:24
 - (2) 1 Cô-rinh-tô 1:30
 - (3) Ê-phê-sô 1:7
 - (4) Cô-lô-se 1:14
5. *Antilytron* (1 Ti. 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá.

(trung tự câu Tít 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tể có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Ti-mô-thê. 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi 3:9; 1 John 2:2; 4:14).

B. Quan điểm thần học của Tân Ước.

1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi. (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).
2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê (Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi. (Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại (Cô-lô-se 2:14).
3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời. đã chết thay cho chúng ta (Mác 10:45; Giăng 1:29; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời. (Rô ma 6).
4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là “người bà con có quyền chuộc lại” của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)
5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơiThập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần –nhân mật thiết.
6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, (Rô ma 8:23; Ê-phê-sô . 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời Ba Ngôi.

29:24 Câu này ngược lại với những câu 9-12,14. Sự mặc khải và hiểu biết sẽ quay trở lại với dân sự của Đức Chúa Trời thông qua những người lãnh đạo được kêu gọi của Ngài, cả dân sự và tôn giáo! Đây là sự cất nhắc những kẻ mù lòa và tai điếc trong 6:9-10!!



NASB

“tâm trí”

NKJV, NRSV,

LXX, Peshitta

“tâm linh”

Từ Hê-bơ-ơ này là *ruah* (BDB 924), được sử dụng trong nghĩa của những hoạt động tâm trí (Xuất 28:3; Phục Truyền 34:9; I Sứ Ký 28:12; Gióp 20:3; Ê-xê-chi-ên 20:32). Hãy nhớ, văn mạch, văn mạch, văn mạch xác định nghĩa của từ!

Ê-SAI 30

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giu-đa Bị Cảnh Báo Chống Lại Liên Minh Với Người Ai Cập	Sự Tự Tin Vô Ích nơi Ai Cập	Lời Về Sứ Giả Gửi đến Ai Cập	Một Liên Minh Vô Dụng với Ai Cập	Lời Chống Lại Sứ Giả đến Ai Cập
30:1-5 (1-5)	30:1-5 (1-5)	30:1-7 (1-5)	30:1-5	30:1-5 (1-5)
				Một Lời Tiên Tri Khác Chống Lại Sứ Giả
30:6-17 (6-11)	30:6-7 (6-7)	(6-7)	30:6-7	30:6-7 Chức Thư 30:8-17 (8-11)
	Một Dân Phán Nghịch	Sự Thông Đồng của Giu-đa cùng Ai Cập	Một dân Không Vâng Phục 30:8-11 30:12-14	(12-14)
	30:8-11 (8-11)	30:8-17 (8-14)	30:15-18	(15-17)
(12b-14)	30:12-17 (12b-14)			Đức Chúa Trời Sẽ Tha Thứ 30:18 (18)
(15b-17)	(15b-17)	(15-17)	Đức Chúa Trời Sẽ Ban Phước cho Dân Sự Ngài 30:19-26	30:19-26 (19-26)
Đức Chúa Trời Sẽ Thương Xót và Công Chính 30:18 (18)	Đức Chúa Trời Sẽ Thương Xót 30:18-22 (18)	Niềm Hy Vọng cho Kẻ Khốn Cùng 30:18 (18)		
30:19-22	(19-22)	30:19-22	Đức Chúa Trời Sẽ Hình Phạt A-si-ri 30:27-29	Lời Chống Lại A-si-ri 30:27-33 (27-33)
30:23-33 (27-33)	30:23-26 (23-26)	Lời Sám Tiên Tri Nghịch Cùng A-si-ri 30:27-28 (27-28)	30:30-33	
	Sự Đoàn Phạt trên A-si-ri 30:27-33 (27-28)	30:29-33		
	(29-33)			

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Văn mạch này có hi vọng về nhiều cuộc nổi dậy chống lại A-si-ri sau cái chết của Vua Sa-gôn II vào năm 705 T.C. Những cuộc nổi loạn bởi vô số những nước chư hầu đã bị dẹp bỏ bởi vị vua mới San-chê-ríp.
- B. Ai Cập mà Vua Ê-xê-chia theo đuổi một liên minh chính trị/ quân sự với chính là Triều Đại Thứ-Hai-Mươi-Lăm. Triều đại này nằm dưới sự cai trị của vị Vua Người Cush/Nubia, Shabaka, là người đã cố gắng cách mãnh liệt để tập hợp lại những nước nhỏ, từ đầu nguồn của dòng Ô-phơ-rát đến biên giới Ai Cập, để chống lại A-si-ri.
- C. Có sáu lời sấm tiên tri khôn thay trong đơn vị văn học này (những đoạn 28-33).
1. khôn thay cho các chi phái phía bắc và phía nam của Y-sơ-ra-ên, đoạn 28
 2. khôn thay cho Giê-ru-sa-lem, 29:1-14
 3. khôn thay cho những kẻ tìm kiếm sự trợ giúp từ những liên minh chính trị thay vì từ nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 29:15-24
 4. khôn thay cho những kẻ tìm sự giúp đỡ từ Ai Cập, đoạn 30
 5. khôn thay cho những kẻ tìm kiếm sự giúp đỡ từ Ai Cập, những đoạn 31-32
 6. khôn thay cho A-si-ri, đoạn 33

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 30:1-5

¹ Đức Giê-hô-va phán: “Khốn cho con cái phản nghịch!

Chúng lập kế hoạch không theo ý Ta,
Lập liên minh không bởi Thần Ta,
Để thêm tội vào tội.

² Chúng không hỏi ý Ta
Mà đã đi xuống Ai Cập,
Để tìm nơi ẩn náu dưới sự che chở của Pha-ra-ôn
Và núp bóng Ai Cập!

³ Vì vậy, sự che chở của Pha-ra-ôn sẽ trở thành sự sỉ nhục cho các ngươi,
Việc núp bóng Ai Cập sẽ làm các ngươi phải xấu hổ.

⁴ Dù các thủ lĩnh nó đã có mặt tại Xô-an,
Và các sứ giả đã đến Ha-ne;

⁵ Tất cả sẽ thất vọng và xấu hổ
Vì một dân chẳng ích gì cho mình,
Chẳng giúp đỡ cũng chẳng ích lợi gì,
Nhưng chỉ đem lại xấu hổ và ô nhục.”

30:1 “Khốn” Hãy xem ghi chú tại 18:1.

▣ “con cái phản nghịch” Danh xưng này bao hàm hai lẽ thật.

1. họ là “con cái” (hậu tự của Áp-ra-ham, kẻ kẻ tự của những lời hứa, Rô-ma 9:4-5)
 2. họ hành động “cách phản nghịch” (BDB 710, KB 770, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, 1:23), nơi mà từ này được dịch là “nổi loạn,” cũng hãy chú ý 65:2. Nghĩa căn bản của từ gốc là “ương ngạnh” (Ô-sê 4:16). Trong Thi 78:8 từ này có một từ đồng nghĩa (BDB 598) song hành (Phục Truyền 1:26,43; 9:7,23,24; 21:18,20; 31:27). Thái độ này đã mô tả tính chất của dân sự Đức Chúa Trời ngay từ những thời điểm xa xưa ban đầu. Nó cũng là một phần của sự rửa sà của Sự Sa Ngã! Chú ý rằng Ê-sai đã nói rất cụ thể về những gì họ đã làm với danh hiệu “con cái phản nghịch.”
1. Họ đã mưu toan một kế hoạch của chính họ để bảo vệ chính mình chống lại A-si-ri (29:15)

2. Họ đã lập một liên minh chính trị (hãy xem ghi chú dưới đây) với Ai Cập (20:5; 31:3; 36:9), nhưng đã chối bỏ Thần của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (sự hiện diện, những lời hứa và sự bảo vệ của Ngài, 28:14-22; 29:15-16)



NASB, NRSV	“lập một liên minh”
NASB phần lẻ	“đổ ra một cửa lễ quán”
NKJV	“mưu toan những kế hoạch”
TEV	“ký kết những hiệp ước”
NJB	“lập những liên minh”
REB	“sắp đặt những âm mưu”
LXX	“sắp đặt sự thỏa thuận”
Peshitta	“đề nghị những cửa lễ rượu”

Từ gốc Hê-bơ-rơ này có một vài nghĩa.

1. **ἄλμα**, ĐÔNG TỪ, BDB 650 I trong gốc *Qal*
 - a. đổ ra, nghĩa bóng, Ê-sai 29:10
 - b. đổ ra, nghĩa đen, Ê-sai 30:1; Ô-sê 9:4
 - c. đúc những thần tượng bằng kim loại, Ê-sai 40:19; 44:10
2. **ἄλμα**, ĐÔNG TỪ, BDB 651 II có nghĩa là “dệt,” Ê-sai 25:7, REB

Mặc dù một cửa cúng bằng rượu (Phục Truyền 32:38) không phải là một phần của tiến trình nghi thức liên minh đã biết, nó có thể xảy ra vì bản chất tôn giáo của những thỏa thuận thời xa xưa (Ê-sai 57:6).

30:2 “tìm nơi ẩn náu...dưới sự che chở (dưới bóng) của Pha-ra-ôn” Câu này phản ánh hai từ (BDB 731, KB 797 và BDB 340, KB 337, cả hai đều là *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) thường được dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng ở đây chúng được dùng để mô tả về Ai Cập.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÓNG CHE LÀ ẨN DỤ DÀNH CHO SỰ BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC

Thành ngữ “bóng” rất phổ biến tại Cận Đông Cổ Đại. Hãy xem những ví dụ trong Kinh Thánh.

1. thành ngữ của sự bảo vệ, Ê-sai 16:3; 30:2-3; Ca Thương 4:20
2. thành ngữ “bóng che của tay,” Thi 121:5; Ê-sai 49:2; 51:16 3.
3. thành ngữ “bóng che của mái nhà,” Sáng 19:8
4. thành ngữ “bóng che của đám mây đặc biệt của Đức Chúa Trời,” Xuất 13:21-22; 14:19,20,24; Ê-sai 4:6; 25:4-5; 32:1-2
5. thành ngữ “bóng cánh,” Thi 17:8; 36:7; 57:1; 61:4; 63:7; 91:1,4 (ẩn dụ tương tự trong Phục 32:10-11; Ru-tơ 2:12; Ê-sai 31:5; Ma-thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:34)
6. thành ngữ của “bóng che của cây,” Các quan xét 9:15; Ê-xê-chi-ên 17:23; 31:6,17; Đa-ni-ên 4:12; Ô-sê 14:7

▣ **“mà không hỏi ta”** Những người Giu-đa này đã tham vấn thế lực huyền bí (8:19), mà không phải là tiên tri của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (nguyên văn “mà không hỏi miệng ta,” Xuất 4:16; Giô-suê 9:14).

30:3 Không hề có hy vọng nơi Ai Cập (những câu 3,5,7; 20:5-6; 36:6). Một cách đầy kinh ngạc, Giu-đa đã bỏ rơi Đức Chúa Trời giao ước của họ để tìm kiếm sự bảo vệ nơi sự bảo vệ của một kẻ cai trị áp bức họ trước đây! Giu-đa sẽ làm lại việc này một lần nữa trong ngày của Giê-rê-mi (Giê-rê-mi 2:13; 42:18-22)!

30:4 “các thủ lĩnh của họ” Bản MT dịch là “của hấn,” cách dịch này được theo bởi phần lớn những bản dịch tiếng Anh. Bản NASB có thể cho rằng những “thủ lĩnh” này chỉ về những quan trưởng của Pha-ra-ôn 19:11), nhưng trong văn mạch nó chỉ về những sứ giả của vua Ê-xê-chia đang hướng đến một liên minh chính trị/ quân sự với Ai Cập.

▣ **“Xô-an...Ha-ne”** Đây là hai thành phố vừa được giải phóng bởi Triều-Đại-Thứ-Hai-Mươi-Lăm. Chúng được dùng để chỉ về sự hùng mạnh của quân đội Ai Cập.

Hai thành phố này được nhắc đến trong mối liên hệ với khu vực tứ giác sông Nin.

1. Xô-an cũng được biết dưới tên là Tanis hoặc Avaris (Dân Số Ký 13:22; Thi 78:12,43; Ê-sai 19:11).

2. Ha-ne không xác định được (bản dịch LXX bỏ qua thành phố này), nhưng có lẽ liên hệ với Tahpanhes (Tác-pha-nết) (Giê-rê-mi 2:16; 43:7,8,9; 44:1; 46:14), một pháo đài gần đó. Một vài học giả liên hệ tên này với Heracleopolis Magna bởi vì nó là thủ phủ của khu vực trong suốt Triều Đại Nubia.

30:5

NASB, NKJV “xấu hổ”
NRSV “nhục nhã”
TEV “hối tiếc”
NJB “thất vọng”

Tất cả những bản dịch tiếng Anh đều theo lựa chọn *Qere* (phần đọc bên lề) của những học giả Masoretic (שׁבִּיחַ, BDB 101, KB 116, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, DANH TỪ của nó [BDB 102] được sử dụng sau đó trong câu này). Bản MT (*Kethib*) chép là “gây hôi thối” (שׁבִּיחַ, BDB 92, KB 107, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH; ĐỘNG TỪ của nó được sử dụng trong 50:2 và DANH TỪ trong 34:3).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 30:6-17

⁶ Lời tiên tri về các thú vật miền Nê-ghep:

Xuyên qua miền đất gian nan khốn khổ,
 Miền đất của những sư tử đực và sư tử cái,
 Miền đất của rắn độc và rắn lửa bay,
 Chúng chõ của cải mình trên lưng lừa,
 Và chõ báu vật trên gu lạc đà
 Đến cho một dân chẳng giúp ích gì cho chúng.

⁷ Vì sự cứu giúp của người Ai Cập chỉ là hư không, vô ích
 Nên Ta gọi nó là “Ra-háp ngôi yên bất động.”

⁸ Bây giờ, con hãy ghi những lời này trên một tấm bảng,
 Hãy chép vào một cuộn sách
 Để lưu lại đời sau mãi mãi.

⁹ Vì chúng là một dân phản nghịch,
 Là con cái gian dối,

Con cái không muốn lắng nghe
 Luật pháp của Đức Giê-hô-va.

¹⁰ Chúng nói với các nhà tiên kiến:
 “Đừng thấy Khải tượng nữa,”

Và nói với những người thấy Khải tượng rằng:
 “Đừng nói cho chúng tôi những Khải tượng về điều chân thật nữa!
 Hãy nói cho chúng tôi những điều êm tai,
 Và hãy kể những chuyện huyền hoặc.

¹¹ Hãy lia đường, bỏ lối,
 Đừng nói đến Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên trước mặt chúng tôi!”

¹² Vì vậy, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên phán:
 “Vì các ngươi khinh thường lời này,
 Mà tin tưởng vào sự áp bức và gian dối,
 Và nương cậy vào đó,

¹³ Nên đối với các ngươi,
 Tội ấy như vết nứt lộ ra trên một bức tường cao,
 Sắp sụp đổ thành linh, trong nháy mắt.

¹⁴ Nó sẽ bị bể nát như cái bình của thợ gốm bị bể ra,
 Bể ra từng mảnh chẳng thương tiếc;
 Đến nỗi người ta không tìm được một mảnh gốm
 Để lấy lửa trong bếp
 Hay múc nước ngoài ao.”

¹⁵ Chúa là Đức Giê-hô-va, Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên phán:

“Nhờ quay trở lại và yên nghỉ, các ngươi sẽ được giải cứu;
Nhờ yên lặng và tin cậy, các ngươi sẽ được sức mạnh.
Nhưng các ngươi đã không muốn như thế!

¹⁶ Các ngươi nói:

‘Không, chúng tôi sẽ cưỡi ngựa chạy trốn!’

Vì vậy, các ngươi sẽ phải chạy trốn.

‘Chúng tôi sẽ cưỡi ngựa phóng nhanh!’

Vì vậy, những kẻ truy đuổi các ngươi cũng sẽ phóng nhanh!

¹⁷ Một người dọa, nghìn người chạy trốn;

Năm người dọa, các ngươi đều bỏ chạy

Cho đến khi các ngươi còn sót lại

Như cột cờ trên đỉnh núi,

Như ngọn cờ ở trên đồi.”

30:6-7 Câu này mô tả những đoàn lữ hành Giu-đa đã được gửi đi xuyên qua những hoang mạc đầy nguy hiểm ở Giu-đê và Ai Cập (câu 6b,c), mang đầy những lễ vật (câu 6d,e) trong nỗ lực cố gắng hình thành một liên minh chính trị với Ai Cập (Ra-háp, BDB 923, hãy xem ghi chú tại 27:1).

NASB Study Bible đã có một bình luận rằng đoàn lữ hành có lẽ đã phải đi đường hậu bởi vì sự kiểm soát của quân đội A-si-ri trên những tuyến đường lữ hành chính (ở trang 997, cũng như trong IVP *Bible Background Commentary*, trang 621).

NIDOTTE, tập 3, trang 87, bình luận rằng có lẽ điều này tượng trưng cho một sự đảo ngược Cuộc Xuất Hành. Nhưng tôi nghĩ rằng trong văn mạch lựa chọn #1 (liên minh chính trị) phù hợp nhất. Tôi liệt kê một vài sự lựa chọn việc giải nghĩa khác nhau để minh họa.

1. văn thơ Hê-bơ-rơ có thể mơ hồ đến đường nào
2. những sự ngụ ý (ám chỉ) khác nhau có thể nhìn thấy phía sau những từ và cụm từ khác nhau như thế nào
3. để nhấn mạnh một lần nữa về tầm quan trọng của việc tìm ra được ý chính của khổ thơ và mối liên hệ của nó với văn mạch rộng hơn chứ không dựa trên những luận điểm thần học của một ai đó trên những chi tiết của thơ ca Hê-bơ-rơ

30:6 Chú ý “những thú vật” (BDB 96) của vùng Nê-ghep (BDB 616) được liệt kê ra.

1. sư tử cái, BDB 522
2. sư tử đực, BDB 539 I
3. rắn độc, BDB 821
4. rắn (lửa) bay, BDB 977 I đi cùng với *Polel* ĐỘNG TÍNH TỪ “bay” (BDB 733, KB 800), hãy xem ghi chú tại 14:29
5. những con lừa, BDB 747
6. những con lạc đà, BDB 168

Từ điểm số 1-4 nói về sự hiểm nguy của chuyến đi, trong khi điểm số 5-6 nói về những con vật chịu gánh nặng phải chuyên chở tài chính.

30:7

NASB “Ra-háp kẻ sẽ bị tiêu diệt”

NKJV “Rahab-Hem-Shebeth” (“Ra-háp ngồi yên bất động,” phần ghi chú cuối trang)

NRSV “Ra-háp kẻ sẽ ngồi yên bất động”

TEV “Vì vậy Ta đã đặt biệt danh cho Ai Cập, ‘Con Rồng Vô Hại’”

NJB “và ta đã gọi nó là ‘Ra-háp-kẻ-sụp-đổ’”

Bản MT chép là “Ra-háp kẻ ngồi yên bất động.” Ra-háp chỉ về Ai Cập. UBS Hebrews Text Project đánh giá cách viết của bản MT “chúng chấm dứt” một điểm “B” (một vài sự đáng ngờ). Cả điểm chính ở đây là Ai Cập đã không thể chấm dứt lại hoặc thậm chí giúp đỡ chống lại sự xâm lược khu vực Palestine của người A-si-ri. Con rắn (Ra-háp, BDB 923) đã không còn răng!

30:8 Có hai lý do cho một sự ghi chép được viết xuống (1) Đức Chúa Trời muốn một bằng chứng được ghi

xuống về sự phản nghịch của dân sự của Ngài để rồi đây khi Ngài mang họ ra trước sự phán xử, bằng chứng sẽ thật rõ ràng (8:1; Ha-ba-cúc 2:2) and (2) để chỉ về sự tể trị của Ngài trên lịch sử, qua đó ấn chứng về chính Ngài và sự tiên tri của Ngài để rồi những thế hệ tương lai có thể tin cậy vào nơi Lời Ngài.

Có một vài mạng lệnh trong câu này.

1. hãy đi, BDB 97, KB 112, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. viết xuống, BDB 507, KB 503, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
3. ghi khắc, BDB 349, KB 347, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
4. hãy để nó trở thành một nhân chứng mãi mãi, BDB 224, KB 243, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Bản MT chép là “một nhân chứng” (BDB 723 I), “mãi mãi” (BDB 761, NKJV, NJB, LXX, Peshitta), nhưng từ gốc, **נֶזֶר**, thường có nghĩa là “vĩnh viễn” (“một khoảng thời gian,” tương tự với *'olam*). Thường những bản dịch tiếng Anh không thể phản ánh hoàn toàn khoảng nghĩa rộng của những từ Hê-bơ-rơ. Đó là lý do vì sao việc đối chiếu những bản dịch tiếng Anh lại có ích.

30:9 “Vì chúng là một dân phản nghịch,

Là con cái gian dối,

Con cái không muốn lắng nghe

Luật pháp của Đức Giê-hô-va” Hãy xem câu 1; 1:2-3; 6:9-10; 29:9-12.

ĐỘNG TỪ “lắng nghe” (BDB 1033, KB 1570, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) chỉ về “lắng nghe để làm theo như vậy” (Phục Truyền 4:1; 6:4). Khái niệm về một đời sống đáp ứng với sự mặc khải thiên thượng chính là trái tim của đức tin Cựu Ước (Phục Truyền 29:4). Cũng như câu này chỉ rõ ra, sự vâng lời là một nan đề lặp đi lặp lại của nhân loại sa ngã. Sự yếu đuối của Cựu Ước không phải là bản thân sự mặc khải của nó, nhưng ở thành viên của giao ước là con người (Ga-la-ti 3). Ở bên trong nó chính là một nhu cầu của một “giao ước mới” (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Giao ước mới, cũng như giao ước đầu tiên, được thiết kế để phục vụ cho mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại và để mặc khải về những đặc tính của Đức Chúa Trời dành cho một thế giới sa ngã. Sự vâng lời là quan trọng thiết yếu trong cả hai (Ma-thi-ơ 11:29; Lu-ca 6:46).

30:10-11 Những người Giu-đa không tin kính không chỉ không muốn bước theo ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng họ còn không muốn nghe từ những sứ giả của Ngài!

1. với các nhà tiên kiến, đừng thấy
 - a. các nhà tiên kiến, BDB 906, KB 1157, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG
 - b. đừng thấy, BDB 906, KB 1157, thể phủ định *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
2. với những nhà tiên tri
 - a. những nhà tiên tri, BDB 302
 - b. đừng nói tiên tri, BDB 302, KB 301, negated *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
3. hãy nói cho chúng tôi những lời dễ chịu, BDB 180, KB 210, *Piel* THỂ MỆNH LỆNH
4. hãy tiên tri những ảo vọng, BDB 302, KB 301, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH. “những ảo vọng” (BDB 1122) được tìm thấy duy nhất ở đây. Họ mong muốn bất cứ thông điệp nào ngoại trừ thông điệp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!
5. hãy tránh ra (liạ) khỏi đường (nguyên văn “quay khỏi đường”), BDB 693, KB 747, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
6. quay khỏi lối, BDB 639, KB 692, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH
7. đừng cho chúng tôi nghe thêm nữa về Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên (nguyên văn “bỏ khỏi trước chúng tôi”), BDB 991, KB 1407, *Hiphil* THỂ MỆNH LỆNH

Đây là những thông điệp đáng kinh ngạc. Ê-sai đang dùng những sự chỉ trích kịch liệt để đưa ra quan điểm của ông một cách đầy mạnh bạo. Những người này là thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chỉ trong danh xưng của họ mà thôi!

30:10 “nhà tiên kiến” Từ này (BDB 909) liên quan rõ ràng với ĐỘNG TỪ rất phổ biến “thấy” (BDB 906).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC CHỮ HÊ-BƠ-RƠ KHÁC NHAU CÓ NGHĨA TIÊN TRI

Các thuật ngữ Kinh Thánh

1. *ro'eh* = tiên kiến (BDB 906), I Sa-mu-ên 9:9. Sự trích dẫn này cho thấy việc chuyển đổi sang chữ Nabi, có nghĩa là vị tiên tri và xuất phát từ gốc có nghĩa là “gọi”. *Ro'eh* là từ chữ “nhìn xem” thông thường trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người này hiểu phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn để tìm biết ý Ngài về những việc quan trọng.
2. *hozeh* = tiên kiến (BDB 302), II Sa-mu-ên 24:11; A-mốt 7:12. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của chữ *ro'eh*. Nó xuất phát từ một chữ hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ và có nghĩa là “thấy trong khái tượng.” Dạng ĐỘNG TÍNH TỪ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
3. *Nabi* = tiên tri (BDB 611), cùng nguồn gốc của động từ *nabu* trong tiếng Akkadian = “gọi” và chữ *naba'a* trong tiếng Ả Rập = “thông báo”. Đây là thuật ngữ thông dụng nhất trong Cựu Ước để chỉ rõ một vị tiên tri. Nó được sử dụng trên 300 lần. Không rõ chính xác từ nguyên, nhưng trong thì hiện tại thì nghĩa “gọi” dường như lựa chọn thích hợp nhất. Để có thể hiểu đúng phải theo cái hình thức (cách) mà Đức Giê-hô-va diễn tả là nhờ A-rôn để Môi-se trao đổi (nói chuyện) với Pha-ra-ôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10-16; 7:1; Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Tiên tri là người thay mặt cho Chúa để truyền phán với dân sự Ngài (xem A-mốt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên 3:4)
4. Tất cả ba thuật ngữ này được sử dụng cho chức vụ tiên tri trong I Sứ ký 29:29; Sa-mu-ên-*Ro'eh*; Na-than – *Nabi*; và Gát - *Hozeh*.
5. Cụm từ *'ish ha – 'elohim* (người của Chúa) có nghĩa rộng hơn cũng chỉ về người phát ngôn cho Chúa. Nó được dùng 76 lần trong Cựu Ước có nghĩa là vị tiên tri.
6. Chữ tiên tri trong Tân Ước có nguồn gốc từ trong tiếng Hy Lạp. Nó gồm có chữ
 - a. *pro*, có nghĩa là “trước” hoặc là “dành cho”
 - b. *phemi*, có nghĩa là nói.

30:12 “Và đã đặt lòng tin cậy các người nơi” ĐỘNG TỪ này (BDB 105, KB 120, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được dùng thường xuyên trong Ê-sai.

1. tin cậy nơi Đức Chúa Trời, 12:2; 26:3,4; 36:7,15; 37:10; 50:10 (trong danh của Đức Giê-hô-va)
2. tin cậy nơi những điều khác
 - a. 30:12, sự áp bức và lừa dối
 - b. 31:1, quân đội Ai Cập
 - c. 36:6,9, Ai Cập
 - d. 42:17, những thần tượng
 - e. 47:10, sự gian ác
 - f. 59:4, sự rối loạn
3. tin cậy nơi con người, 36:5,6,9

▣ **“nuơng cậy”** ĐỘNG TỪ này (BDB 1043, KB 1612, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) song hành với “tin cậy” (II Sứ Ký 13:18; 14:11; 16:7,8). Nó được thấy duy nhất ở đây trong gốc từ *Niphal* và được sử dụng một vài lần trong Ê-sai (10:20 [hai lần]; 31:1; 50:10). Nó có nghĩa đen là “dựa vào” hoặc “tự nâng đỡ chính mình” (Sáng 18:4).

30:13-14 Có hai ẩn dụ được sử dụng cho sự hủy diệt sẽ đến: (1) sự sụp đổ đến nơi của một bức tường và (2) sự nghiền nát hoàn toàn một cái nồi bằng đất.

30:15 Chú ý những danh xưng dành cho Đức Chúa Trời của Giu-đa.

1. Adon GIÊ-HÔ-VA (Chúa Đức Chúa Trời)
2. Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, những câu 11,12

Đây là những danh xưng giao ước! (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:1.) Họ đã nên là tuyển dân của giao ước!

▣ **“Nhờ quay trở lại và yên nghỉ, các người sẽ được giải cứu”** Những câu 15-17 mô tả về hai sự đáp ứng lại với những lời hứa của Đức Chúa Trời. Câu 15 mô tả về đức tin thật (Thi 118:6-9), trong khi những câu 16-17 mô tả về đức tin giả dối.

Sự cứu rỗi (BDB 446, KB 448, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) được mô tả bằng hai DANH TỪ.

1. sự ăn năn (nguyên văn “quay lại”), BDB 1000, KB 1435; đây là một từ hiếm được tìm thấy duy nhất ở đây. Một số học giả đề nghị về mối liên hệ với Mi-chê 2:8, nhưng điều đó không rõ ràng. Từ gốc căn bản, *נָשָׁב*, có nghĩa là “quay lại” và nó phù hợp với văn mạch.
2. yên nghỉ, BDB 629 I, KB 692 II, có nghĩa là “yên lặng,” “kiên nhẫn,” “hòa bình”
 - a. Gióp 17:16; Truyền Đạo 6:5, yên nghỉ trong cái chết
 - b. Châm Ngôn 29:9, không có sự yên nghỉ dành cho kẻ ngu dại
 - c. Ê-sai 30:15, có lẽ là sự yên nghỉ khỏi chiến tranh, dựa vào sự song hành với Mi-chê 2:8, điểm #1 phía trên.

Tinh thần truyền giáo trong tôi mong muốn biến những từ khóa quan trọng này thành “được cứu,” “ăn năn,” và “yên nghỉ,” này thành một thông điệp phúc âm, nhưng đây không phải là Tân Ước! Đây là một khổ thơ nói về việc Giu-đa tìm kiếm một sự thiết lập một liên minh chính trị với Ai Cập. Họ đã quay khỏi Đức Chúa Trời của họ và đã không yên nghỉ nơi Ngài (câu 15d).

☐ **“Nhờ yên lặng và tin cậy, các người sẽ được sức mạnh”** Dòng này song hành với dòng phía trên, vì vậy bốn thuật ngữ được dùng trong thông điệp của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho họ.

1. ăn năn, hãy xem phía trên
2. yên nghỉ, hãy xem phía trên
3. yên lặng, BDB 1052, KB 1641, *Hiphil* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐỐI, 7:4; 32:17
4. tin cậy, BDB 105, 32:17

Hãy nhớ đây là sự song hành thần học với sự kêu gọi của Ê-sai dành cho A-cha to “hãy chú ý và yên lặng, đừng sợ và đừng bủn rủn” trong 7:4. Giờ đây, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang nói với Ê-xê-chia với cùng một thông điệp!

Hãy Tin Cậy Ta!

30:16 “những kẻ truy đuổi các người cũng sẽ phóng nhanh” Giu-đa đã tin cậy nơi sức mạnh quân sự mà họ đã lên kế hoạch để đạt được từ Ai Cập (2:6-7; 31:1). Tuy nhiên, khi họ tin cậy vào sự nhanh nhẹn của những kỵ binh đánh thuê nhanh nhẹn, Đức Chúa Trời khẳng định rằng sự nhanh nhẹn của đội quân thay thế A-si-ri.

30:17 “Một người dọa, nghìn người chạy trốn” Đây là từ ngữ của Cuộc Thánh Chiến (Lê-vi-ký 26:8; Phục Truyền 32:30; Giô-suê 23:10). Nó được lấy ra từ Cuộc Xuất Hành và Chinh Phục xứ Palestine. Tuy nhiên, tình thế giờ đã xoay chuyển vì Đức Chúa Trời đang ở về phía A-si-ri.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 30:18

¹⁸ Dù vậy, Đức Giê-hô-va còn chờ đợi để ban ơn cho các người;
 Ngài sẽ đứng lên để tỏ lòng thương xót các người.
 Vì Giê-hô-va là Đức Chúa Trời công minh.
 Phước cho mọi người trông đợi Ngài!

30:18 “Đức Giê-hô-va còn chờ đợi để ban ơn cho các người” Thật là một câu tuyệt vời (và một sự đảo ngược đáng kinh ngạc) mặc khải về đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. mong mỏi để khoan dung
 - a. mong mỏi (nguyên văn “chờ đợi”), BDB 314, KB 313, *Piel* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH
 - b. khoan dung, BDB 335, KB 334, *Qal* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
2. chờ đợi trên cao để thương xót
 - a. chờ đợi (nguyên văn “ở nơi cao”), BDB 926, KB 1202, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH
 - b. thương xót, BDB 933, KB 1216, *Piel* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

Con người phải tin cậy nơi đặc tính của Đức Chúa Trời. Ngài muốn ban phước cho (BDB 80) tất cả những ai trông đợi (nguyên văn “chờ đợi,” cùng một ĐỘNG TỪ như mục #1 phía trên, nhưng ở đây là một *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, 25:9; 26:8; 33:2; Thi 33:20) nơi Ngài.

Sự “chờ đợi” diễn tả một sự tin cậy, một cách nhìn kiên nhẫn về sự hiện diện, những lời hứa và những ý định của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (48:9-11; Ô-sê 11:8-11), ngay cả trong những thời điểm nguy nan và không biết chắc.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÀN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 30:19-22

¹⁹ Hỡi dân ở Si-ôn, là người ở Giê-ru-sa-lem! Người sẽ không còn khóc lóc nữa. Khi người kêu cầu Ngài, chắc chắn Ngài sẽ ban ơn; vừa khi nghe tiếng người kêu cầu, Ngài liền nhậm lời. ²⁰ Chúa sẽ ban bánh hoạn nạn và nước khôn khó cho các người, Bây giờ, những người dạy dỗ người không còn ẩn mặt nữa; mắt người sẽ thấy những người dạy dỗ mình. ²¹ Khi người xoay qua bên phải hoặc bên trái, tai người sẽ nghe có tiếng phía sau mình rằng: “Đây là đường đây, hãy noi theo!” ²² Các người sẽ làm ô ướ các tượng chạm dát bạc và tượng đúc bọc vàng. Các người sẽ ném chúng ra xa như đồ ô ướ và nói: “Hãy rút khỏi đây!”

30:19-22 Chú rằng những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm trong tương lai cho Giu-đa ăn năn, trung tín.

1. Họ sẽ không còn khóc lóc nữa – đây là một sự nhấn mạnh. ĐỘNG TỪ *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và ĐỘNG TỪ *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ (BDB 113, KB 129). Thời kỳ mới này cũng được ngụ ý nhắc đến trong 25:8; 60:20; 61:1-3.
2. Ngài chắc chắn cũng sẽ khoan dung– đây là một sự nhấn mạnh bằng cách sử dụng ĐỘNG TỪ *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ (BDB 335, KB 334; hãy xem ghi chú tại câu 18).
3. Ngài nghe tiếng khóc than của họ – BDB 1033, KB 1570, *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP.
4. Ngài sẽ đáp lời– BDB 772, KB 851, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 58:9; 65:24 (giao ước luôn có hiệu lực và đầy mạnh mẽ)
5. Ngài sẽ không còn ỏn mình nữa – BDB 489, KB 486, *Niphal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Đây là một từ hiếm chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây. Nó có nghĩa đen là “ỏn vào một góc” (NKJV). Bản NASB dùng từ “ỏn” từ một từ gốc tiếng Ả-rập, “bao bọc” hoặc “canh giữ.”
6. mắt người sẽ thấy Người Dạy Dỗ mình – BDB 906, KB 1157, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG.
7. Tai người sẽ nghe lời phía sau người– BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH. Đây là một sự đảo ngược của 6:9-10 và một sự tái khẳng định lại Phục Truyền 29:4. Từ “lời” (BDB 182) mà họ sẽ nghe chính là phần còn lại của câu, vốn là những sự ỏn dụ của một đời sống đức tin.
 - a. đường lối, BDB 202 (đời sống giao ước, 35:8-9; 42:16; Thi 25:8-9)
 - b. bước trên nó, BDB 229, KB 246, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH (Lê-vi-ký 26:3; Phục Truyền 8:6; 10:12; 11:22; 28:9; I Các Vua 6:12; 8:36,61; II Sử Ký 6:16,27; Neh. 10:29; Ê-sai 2:3; Giê-rê-mi 6:16; 44:10,23; Ê-xê-chi-ên 5:6-7; 11:20; 18:17; 20:13,16,19,21; 33:15; 37:24; Đa-ni-ên 9:10; Mi-chê 4:2)
 - c. xoay qua bên phải hoặc bên trái (một thành ngữ liên hệ với việc giữ vững đường đi)
8. người sẽ quay khỏi những thần tượng của người
 - a. làm chúng ô ướ, BDB 379, KB 375, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
 - b. nghiền nát chúng, BDB 279, KB 280, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH
 - c. nói với chúng “Hãy rút đi,” BDB 422, KB 425, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

Sách Ê-sai thật độc nhất trong cách nhấn mạnh của nó rằng Giê-ru-sa-lem sẽ không bao giờ sụp đổ, nhưng Giê-rê-mi nhấn mạnh rằng nó sẽ (sụp đổ). Cả hai đều nhấn mạnh rằng nó sẽ được phục hồi nếu như và chỉ khi nó quay lại với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA!

30:20 Trong câu này có một vài nhân vật được nhắc đến.

1. “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA” – Adon (Chúa)
2. “Đấng (Người) Dạy Dỗ người” (hai lần)
3. “người” (Những người Giu-đa, SỐ NHIỀU)

“Người dạy dỗ” có thể chỉ về

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (SỐ NHIỀU CỦA Đấng CHÍ CAO, TEV, 45:15, “Ngài thật là Đức Chúa Trời ỏn mình,” nhưng với ĐỘNG TỪ khác)
2. Đấng Mê-si (Đại diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA)
3. các tiên tri/các thầy tế lễ (sự phục hồi của một sự mặc khải thật, Thi 74:9)

Từ “người dạy dỗ” (מוריד, BDB 435) có thể được hiểu như là

1. số ít, theo John J. Owens trong quyển, *Analytical Key to the OT*, tập 4, trang 90, hãy xem bản NASB, JPSOA, NRSV, ASV

2. SỐ NHIỀU, theo Benjamin Davidson trong quyển, *Analytical Hebrews and Chaldee Lexicon*, trang 475, hãy xem bản NKJV, REB

Hình thái từ có thể phản ánh cả hai (theo NIDOTTE, tập 2, trang 538).

30:22

NASB “một thứ không tinh sạch”

NKJV “một thứ ô uế”

NRSV “như giẻ rách hôi thối”

NJB “như những điều ô uế”

Peshitta “như nước ô uế của một người nữ đang có kinh nguyệt”

Đây là từ (BDB 188) chỉ về những mảnh giẻ được sử dụng trong thời kỳ người nữ đến kỳ kinh nguyệt (Lê-vi-ký 15:33; 20:18). Đây có lẽ là một thành ngữ mạnh mẽ về một vật không tinh sạch theo nghi lễ cần phải được để riêng ra (64:6).

Bản LXX (REB) dùng những từ tiếp theo “hãy đi đi” (BDB 422, KB 425) như là một từ tương tự, “phân,” vốn là một thành ngữ mang tính văn hóa của sự ô uế theo nghi lễ.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 30:23-26

²³ Chúa sẽ ban mưa cho hạt giống người gieo trên đất; lương thực là sản phẩm từ đất đai sẽ màu mỡ và dồi dào. Trong ngày đó, bầy súc vật của người sẽ ăn trên đồng cỏ rộng rãi. ²⁴ Bò và lừa cày ruộng sẽ ăn thức ăn ngon mà người ta rê bằng xẻng và chĩa. ²⁵ Trong ngày có cuộc tàn sát lớn, các đồn lũy sụp đổ, thì trên mọi núi cao đồi cả sẽ có những suối nước chảy. ²⁶ Ánh sáng mặt trăng sẽ như ánh sáng mặt trời, và ánh sáng mặt trời sẽ tăng gấp bảy lần như ánh sáng của bảy ngày, trong ngày Đức Giê-hô-va băng bó vết thương cho dân Ngài, và chữa lành thương tích cho họ.

30:23-26 Phần này mô tả về những lời hứa ban phước trên cây trồng vật nuôi dành cho hậu tự của Áp-ra-ham nếu như họ bước đi trong giao ước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Lê-vi Ký 26 và Phục Truyền 27-28).

1. mưa vào thời điểm thích hợp, những câu 23,25, 35:6,7; 41:18; 43:19,20
2. những vụ mùa tốt đẹp, câu 23
 - a. dồi dào (BDB 206)
 - b. bội thu (BDB 1032)
3. những cánh đồng xanh tốt cho bầy súc vật, câu 23, 32:20
4. một thức ăn đặc biệt cho những gia súc làm việc, câu 24 (Từ BDB 330 được thấy duy nhất ở đây)
5. những kẻ thù bị đánh bại, câu 25 (“trên mọi đồi cao.” Thành ngữ tương tự được sử dụng để chỉ về sự thờ phượng *Ba-anh* trong Ô-sê)
6. thật nhiều ánh sáng cho sức khỏe và sự tăng trưởng, câu 26, 60:20-21 (số bảy là con số của biểu tượng chỉ về lượng của sự hoàn hảo và ánh sáng là biểu tượng của sự hiện diện của Đức Chúa Trời, Danh Ngài, câu 27)

30:26 Có những phước hạnh của sự phục hồi (11:6-9; Rô-ma 8:18-22) theo sau

1. ngày của sự tàn sát khi những đồn lũy sụp đổ, câu 25
2. ngày của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA băng bó những vết thương cho dân Ngài, câu 26
3. ngày của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chữa lành những vết thương mà Ngài đã đánh họ, câu 26

▣ “**chữa lành những vết thương Ngài đã đánh họ**” Cụm từ này và những cụm từ khác tương tự với nó (Phục Truyền 32:39; I Sa-mu-ên 2:6; II Các Vua 5:7; Gióp 5:18; Ê-sai 45:7; Giê-rê-mi 1:10; 24:6; 31:28; Ô-sê 6:1; A-mốt 3:6) đã gây cho người hiện đại những nghi vấn về đặc tính thương xót của Đức Chúa Trời. Tất cả đây là những cách nói thành ngữ để nhấn mạnh tư tưởng độc thân (một và chỉ một nhân quả mà thôi). Người phương tây hiện đại cho rằng có nhiều quan hệ nhân quả trong những trải nghiệm và lịch sử của họ. Kinh Thánh khẳng định rằng sự tể trị toàn năng của Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực của thực tại. Ngài hiện hữu và đang hành động!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 30:27-33

²⁷ **Này, danh Đức Giê-hô-va từ xa mà đến;**

Con giận của Ngài nổi lên phùng phùng,
 Khói dày đặc bay lên;
 Đôi môi Ngài đầy thịnh nộ,
 Lưỡi Ngài giống như lửa thiêu nuốt;
²⁸ Hơi thở Ngài như dòng nước chảy xiết,
 Trần ngập đến cổ.
 Ngài sàng sảy các nước bằng cái sàng hủy diệt,
 Và đặt hàm thiếc vào hàm các dân để dẫn chúng lạc đường.

²⁹ Bây giờ, các ngươi sẽ ca hát như trong đêm thánh lễ. Lòng các ngươi vui mừng như người thổi sáo lên núi Đứ Giê-hô-va, đến cùng Vàng Đá của Y-sơ-ra-ên. ³⁰ Đứ Giê-hô-va sẽ làm cho nghe tiếng oai nghiêm Ngài. Ngài sẽ cho thấy cánh tay rắn đe của Ngài trong cơn thịnh nộ, trong ngọn lửa thiêu nuốt, trong bão táp, giông tố và mưa đá. ³¹ A-si-ri sẽ khiếp sợ vì tiếng Đứ Giê-hô-va. Ngài sẽ dùng roi đánh A-si-ri. ³² Mỗi khi roi trừng phạt mà Đứ Giê-hô-va đã định trên nó, thì có tiếng trống và tiếng đàn hạc; và Ngài ra tay tranh chiến với nó. ³³ Vì Tô-phết đã được chuẩn bị từ lâu, nó được chuẩn bị cho vua. Nó sâu và rộng, thật nhiều lửa và củi; hơi thở của Đứ Giê-hô-va như dòng suối lưu huỳnh đốt cháy nó.

30:27-33 Khổ thơ này phản ánh sự đoán phạt của Đứ Chúa Trời trên A-si-ri trong một thành ngữ về sự hiển thần (theophany) như là một cơn bão đang tiến đến (Xuất 19: từ câu 16; Các Quan Xét 5:4-5; Thi 18: từ câu 7; 50:3-5; Ha-ba-cúc 3:3-4).

1. những nhân tố của sự hiển thần – những câu 27, 30a-c, 33e
2. những nhân tố của trận bão – những câu 28, 30d
3. những nhân tố của sự phục hồi – câu 29
4. những nhân tố của sự đoán phạt – A-si-ri, những câu 31-33

30:27

NASB “dày đặc thay những cột khói của Ngài”
 NKJV “gánh nặng Ngài thì nặng nề”
 NRSV “trong khói dày bốc lên”
 NJB “nặng nề thay những cảnh cáo của Ngài”

Bản MT chép là בָּרָבַב , BDB 457, KB 451, GHÉP VỚI BDB 673, “khói bốc lên.” Từ thứ nhất có thể có nghĩa

1. đè nặng
2. nặng
3. gánh nặng
4. được tôn trọng

Từ thứ hai (הָרָבַב , BDB 673, KB 640) được tìm thấy duy nhất ở đây trong cả Cựu Ước. BDB cho rằng nó có nghĩa là “vật bốc lên” (mây). KB cho rằng nó có nghĩa “được cất lên, được nâng cao,” nhưng nó cũng liệt kê Các Quan Xét 20:38-40 như là một sự song hành nơi mà הָרָבַב , câu 38, chỉ về một cột khói bốc lên từ một thành phố bị đốt. Văn mạch ở đây của 30:27 là một sự hiển thần và đoán phạt, vì vậy cả hai đều phù hợp.

1. sự tôn cao, chỉ về một đám mây (*Shekinah*)
2. một cột khói nặng nề

30:28 “trần ngập đến cổ” Cùng một thành ngữ được sử dụng cho sự xâm lược của người A-si-ri trong 8:8. Ở đây thành ngữ này là một sự đảo ngược và ĐỨ GIÊ-HÔ-VA chiến đấu về phía của Giu-đa chống lại A-si-ri.

30:29 “núi Đứ Giê-hô-va, đến cùng Vàng Đá của Y-sơ-ra-ên” Đây là những thành ngữ chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem bởi vì sự song hành. Thường “vàng đá” chỉ về chính ĐỨ GIÊ-HÔ-VA (17:10; Phục Truyền 32:4,18,30; I Sa-mu-ên 2:2; Thi 18:2,31,46; 28:1; 31:3; 42:9).

30:30 “tiếng Ngài” nguyên văn, “sự vĩ đại (BDB 217) của tiếng Ngài.” Ý định của Đứ Chúa Trời sẽ được hoàn thành lời phán (sự sáng tạo, Sáng Thế Ký 1). Giọng Ngài luôn có hiệu lực (Ê-sai 45:23; 55:11; Ma-thi-

ơ 24:35). Hình ảnh của Chúa Jesus với thanh gươm hai lưỡi (Hê-bơ-rơ 4:12) từ trong miệng Ngài (Ê-sai 49:2; Khải Huyền 1:16; 2:12,16; 19:15) chính là sự song hành thần học, cũng giống như “cái roi của miệng Ngài” trong Ê-sai 11:4.

▣ “**mura đá**” Đức Chúa Trời đã sử dụng điều này trong Giô-suê 10:11 như là một cách để đánh bại Người Ca-na-an và ban chiến thắng cho Y-sơ-ra-ên (Giô-suê 10:14,42; 23:3,10).

30:31

NASB, TEV,

NJB

“sẽ khiếp sợ”

NKJV

“sẽ bị đánh gục”

NRSV

“sẽ bị đánh gục bởi sự kinh hoàng”

JB

“sẽ bị san bằng”

LXX, Peshitta

“sẽ bị đánh bại”

ĐỘNG TỪ này (BDB 369, KB 365, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) nguyên văn có nghĩa là “bị san bằng,” chỉ về một sự đánh bại hoàn toàn trong chiến trận mà tiếp nối sau đó là một sự sợ hãi chết lặng, tê liệt của sự bại trận sẽ đến (7:8; 8:9 [ba lần]; 9:4; 20:5; 30:31; 31:4,9; 37:27; 51:6,7). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang chiến đấu về phía dân sự Ngài chống lại A-si-ri. Sự sợ hãi và kinh hoàng và những trải nghiệm thất bại của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa giờ đây cũng được cảm nhận bởi A-si-ri (cái roi của sự giận dữ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, 10:5).

▣ “**Ngài sẽ dùng roi đánh**” Trong Ê-sai 10:5, A-si-ri được gọi là “cái roi của sự giận dữ của Đức Chúa Trời,” nhưng ở đây vai trò bị đảo ngược và Đức Chúa Trời đã quay trở lại về phía của dân sự của Ngài. Cái roi giờ phải cảm nhận bị roi!

30:32 Sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va được mô tả bằng thành ngữ của việc đánh bằng roi. Có thể rằng hai dòng tiếp theo (câu 32c,d) chỉ về

1. những cú đánh được trút ra theo nhịp điệu âm nhạc của sự vui mừng
2. rằng sự vui mừng của Giu-đa theo sau sự đánh bại A-si-ri bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 32d).

30:33 “Tô-phét” Đây là từ Hê-bơ-rơ dùng cho “nơi thiêu đốt” (BDB 1075). Nó thường được sử dụng trong mỗi liên hệ với sự thờ phượng *Thần Mô-lóc*. Ở đây văn mạch có thể chỉ về

1. một nơi dâng sinh tế cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được chuẩn bị bởi vị vua của dân sự được phục hồi
2. một giàn hỏa thiêu trong đám tang của vua A-si-ri được chuẩn bị bởi Chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (31:9)
3. “vị vua” vốn chỉ về *Thần Mô-lóc*, vị thần lửa Phê-ni-xi (Lê-vi-ký 18:21.) Trong văn mạch điềm #2 phù hợp tốt nhất.

Ê-SAI 31

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Giúp Đỡ Không ở Nơi Ai Cập Nhưng Nơi Đức Chúa Trời	Sự Ngu Dại khi Không Tin Cây Đức Chúa Trời	Lời Chống Lại Ai Cập	Đức Chúa Trời Sẽ Bảo Vệ Giê-ru-sa-lem	Lời Chống Lại Liên Minh Ai Cập
31:1-3 (1-3)	31:1-3 (1-3)	31:1-3 (1-3)	31:1-3	31:1-3 (1-3)
	Đức Chúa Trời Sẽ Giải Cứu Giê-ru-sa-lem	Lời Chống Lại San-chê-ríp	31:4-5	Lời Chống Lại A-si-ri
31:4-5 (4-5)	31:4-5 (4-5)	31:4-9 (4-5)	31:6-9	31:4-9 (4-9)
31:6-9 (6-9)	31:6-9 (6-9)	(6-9)		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những đoạn 31-32 là một đơn vị văn học nói về cùng một sự kiện lịch sử với 29:15-30:33. Ê-xê-chia nỗ lực để thành lập một liên minh với Ai Cập để bảo vệ chính họ khỏi người A-si-ri hung bạo, nhưng vào năm 701 T.C San-chê-ríp xâm lược Giu-đa và hủy diệt bốn-mươi-sáu thành phố có tường thành bao bọc, mặc dù chính Giê-ru-sa-lem được tha.
- B. Anchor Bible có một bảng khá thú vị chỉ về tính chất tiên tri dịch chuyển qua lại giữa sự đoán phạt và hy vọng (trang 426).

Sự đe dọa
28:14-15
29:1-4
29:15-16

Sự đảm bảo
28:16-17
29:5-8
29:17-21

30:1-17
31:1-3

30:29-33
31:4-5, 8-9

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 31:1-3

¹ Khôn cho những kẻ xuống Ai Cập để cầu cứu,
Dựa vào ngựa chiến,
Nhờ cậy vào đoàn chiến xa đông đảo
Và lực lượng kỵ binh hùng hậu,
Mà không nhìn lên Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên
Và chẳng tìm cầu Đức Giê-hô-va!
² Nhưng chính Ngài là Đấng Khôn Ngoan!
Đấng giáng họa, Đấng không rút lại lời đã phán ra.
Ngài sẽ đứng lên chống lại nhà kẻ ác
Và chống lại kẻ giúp bọn gian tà.
³ Người Ai Cập chỉ là loài người, không phải là Đức Chúa Trời;
Ngựa chiến của chúng chỉ là xác thịt, không phải là thần.
Khi Đức Giê-hô-va dang tay ra,
Kẻ giúp đỡ sẽ lao đảo, người được giúp sẽ ngã nhào
Tất cả cùng bị diệt vong.

31:1 “Khôn cho” Đây là chuỗi thứ năm của “những lời khôn cho” được bắt đầu trong 28:1; 29:1,15; 30:1; 31:1; 33:1. Từ này giới thiệu một nhịp điệu thơ ca của một bài ai ca đám tang. Hãy xem ghi chú tại 5:8.

▣ **“cho những kẻ xuống Ai Cập để cầu cứu”** Dân sự của Đức Chúa Trời đã cố gắng để tin cậy (BDB 105, KB 120, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 22:23) nơi những liên minh chính trị thay vì nơi năng quyền, sự hiện diện, và những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA để tìm kiếm sự giúp đỡ từ nơi họ (những đoạn 28-34).

▣ **“ngựa chiến...đoàn chiến xa...kỵ binh”** Người A-si-ri rất nổi tiếng về kỵ binh rất to lớn của họ. Ai Cập nổi tiếng về đạo chiến xa rất lớn của họ. Giu-đa đã rất sợ người A-si-ri và đã tin cậy nơi Ai Cập thay vì Đức Chúa Trời. Con người trong mọi thời đại cần phải cẩn thận trong việc tin cậy nơi mức độ đương thời của công nghệ hoặc những sự ưu việt về số lượng thay vì nơi Đức Chúa Trời của tạo hóa và của sự thương xót.

▣ **“những chiến xa”** Ai Cập xuất khẩu các chiến xa sang mọi quốc gia xung quanh (I Các Vua 10:29), nhưng chúng chỉ có thể có hiệu quả chỉ nơi đất bằng, không phải nơi địa hình đồi núi của Giu-đa.

▣ **“Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên... Đức Giê-hô-va”** Hai cụm từ này được dùng cho Đức Chúa Trời Giao Ước (1:4). Cụm từ đầu tiên chỉ về đặc tính của Ngài là công bình, tuy vậy Đức Chúa Trời đó lại gọi con người tội lỗi là con cái của Ngài.

Cụm từ thứ hai là danh xưng Giao Ước dùng cho Đức Chúa Trời, “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA” (Xuất 3:14). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh tại 1:1.

▣ **“nhìn lên...tìm cầu”** Cả hai ĐỘNG TỪ là những *Qal* THÊ HOÀN THÀNH ở DẠNG PHỤ ĐỊNH, vốn chỉ về một tình trạng.

1. nhìn lên (nguyên văn “nhìn chăm chăm với mục đích”), BDB 1043, KB 1609, 17:7,8
2. tìm kiếm, BDB 205, KB 233, 9:13; 55:6; 58:2; 65:10

Những ĐỘNG TỪ này chỉ về một yếu tố cá nhân mãnh liệt (Đa-ni-ên 9:13).

31:2 “chính Ngài là Đấng Khôn Ngoan! Đấng giáng họa” NET Bible xem đây là một bình luận mỉa mai về những cố vấn của Giu-đa là những người tìm kiếm sự giúp đỡ đến từ Ai Cập. Tuy nhiên, cả câu, không chỉ là hai dòng cuối, nói về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

▣ **“Đấng không rút lại lời đã phán ra”** Khi Đức Chúa Trời phán, những lời của Ngài có thể nương dựa vào (Ê-sai 45:23; 55:11; Giê-rê-mi 44:29).

▣ **“sẽ đứng lên”** ĐỘNG TỪ này (BDB 877, KB 1086, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) sử dụng phép tu từ nhân hình cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đẩy lên từ ngai của Ngài để chiến trận thay mặt cho dân sự của Ngài (14:22) hoặc chống lại dân sự của Ngài (A-mốt 7:9). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Ngôn ngữ Nhân Hình sử dụng cho Đức Chúa Trời tại 6:1.

▣ **“nhà kẻ ác... kẻ làm việc gian tà”** Hai cụm từ này chỉ về Giu-đa (“người được giúp,” câu 3e) và những liên minh chính trị của họ (Ai Cập, “kẻ giúp đỡ,” câu 3d).

31:3 Đây là sự so sánh giữa tình trạng mỏng manh của con người và sự đời đời của Đức Chúa Trời (*El*). Đặc biệt ở đây nó có thể chỉ về Xuất 14:26-31a.

Câu này cũng chỉ sự trái ngược hoàn toàn giữa Đức Chúa Trời (*El*) với con người xác thịt. Đức Chúa Trời là “thần linh” (Giăng 4:24). Ngài có thể lấy hình dạng con người (sự hiển thần), nhưng Ngài là thần linh và ngự xuyên suốt trên tạo vật của Ngài (I Các Vua 8:27; Giê-rê-mi 23:24). Ngài chọn lựa mỗi tương giao với những người tin cậy khiêm nhường, ăn năn (Ê-sai 66:1-2).

▣ **“Đức Giê-hô-va dang tay ra”** Đây là một thành ngữ nhân hình dùng cho những hành động của Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1.

▣ **“Tất cả cùng bị diệt vong”** ĐỘNG TỪ này (BDB 477, KB 476, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ về một sự hủy diệt và kết thúc hoàn toàn (1:28; 16:4; 29:20). Những gì tưởng như đầy hùng mạnh và sẽ tồn tại mãi mãi sẽ không không còn!

Đây là một sự tương tự với thành ngữ rất thông dụng về sự ngăn ngừa của con người như cây cỏ (Ê-sai 40:6-8; Thi 90:5-6; 103:15; 104:14; Gia-cơ 1:10-11; I Phi-e-rơ 1:24).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 31:4-5

⁴ Đức Giê-hô-va đã phán với tôi thế này:

“Nur sư tử hoặc sư tử tơ gặm thét khi bắt được mồi,

Mặc dù một đám chăn chiên họp lại chống nó,

Thì không vì tiếng la hét mà nó sợ hãi,

Không vì náo động mà nó khiếp sợ;

Cũng vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống

Để đánh trận trên núi Si-ôn và trên ngọn đồi của nó.

⁵ Như chim bay lượn thể nào

Thì Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ bảo vệ Giê-ru-sa-lem thể ấy;

Ngài sẽ bảo vệ và giải thoát,

Ngài sẽ vượt qua và cứu vớt nó.”

31:4 “sư tử” ẩn dụ này có vẻ như để về Đức Chúa Trời là Đấng hùng mạnh không quên trên chính vị trí đặc biệt của Ngài (đền thờ). Nếu vậy, đây là một sự đảo ngược của khổ thơ đầu (31:1-3).

▣ **“Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ngự xuống”** ĐỘNG TỪ này (BDB 432, KB 434, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “giáng xuống,” “đi xuống,” “hạ xuống.” Nó được sử dụng một vài lần cho việc ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rời bỏ nơi Ngài ngự trên các tầng trời và giáng xuống mặt đất

1. để xem và phản ứng lại với những hành động của con người, Sáng 11:5,7; 18:21

2. để mặc khải về chính mình Ngài với con người, Xuất 3:8; 19:11,18,20; Dân Số Ký 11:17,25; 12:5 (hai chỗ đặc biệt nơi Ngài ngự xuống được chép trong Xuất 34:5,6-7; Nê-hê-mi 9:13,17)

3. để mô tả về Đức Giê-hô-va trong một số bài thi thiên, II Sa-mu-ên 22:10; Thi 18:9; 144:5

4. để đoán phạt, Mi-chê 1:3 (giống như mục #1)

ĐỘNG TỪ này chỉ không gian (xuống), nhưng nó theo nghĩa bóng khi chỉ về mối liên hệ giữa trời và đất (Công vụ 1:2,9).

Giu-đa đi xuống với Ai Cập (câu 1, cùng một ĐỘNG TỪ), ĐỨC GIÊ-HÔ-VA giáng xuống để bảo vệ Giê-

ru-sa-lem ngay cả giữa sự vô tín của họ. Ê-sai khẳng định cách độc nhất về sự bất khả xâm phạm của Giê-ru-sa-lem! Tuy nhiên, những tiên tri sau ông không chia sẻ sự lạc quan về khả năng ăn năn và tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA của Giu-đa từ nơi ông (Giê-rê-mi 26:18; Mi-chê 3:11-12; 5:5b-6,7-8).

31:5 “Như chim bay lượn thế nào” Đây là một sự chi về Đức Chúa Trời dịu dàng và thành tín như một chim mẹ (“sẽ bảo vệ,” BDB 170, KB 199, cả *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH và *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI của cùng một từ gốc để chỉ về sự nhấn mạnh cường độ). Thông thường nhiều lần trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời được mô tả bằng những ẩn dụ GIÓNG CÁI (Sáng 1:2; Phục Truyền 32:11; Ê-sai 40:31; Ô-sê 11:4; Ma-thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:24).

Chú ý những điều ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ làm cho dân sự Ngài trong câu 5.

1. sẽ bảo vệ, BDB 170, KB 199 *Hiphil* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
2. sẽ bảo vệ, BDB 170, KB 199, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI
3. sẽ giải thoát, BDB 664, KB 717, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH
4. sẽ vượt qua, BDB 820, KB 947, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI
5. sẽ cứu vớt, BDB 572, KB 589, *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH

▣ **“Ngài sẽ vượt qua”** ĐỘNG TỪ này (BDB 820, KB 947, *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI, Xuất 12:11-27)

chỉ về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời chống lại những sức mạnh con người. Ở đây có vẻ như là một sự ngụ ý về sự kiện Lễ Vượt Qua trong Sách Xuất Ê-díp-tô Ký nơi mà Đức Chúa Trời, nghịch lại với tất cả mọi sự chống đối của con người, đã bảo vệ và giải thoát dân sự của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 31:6-9

⁶ Hỡi con dân Y-sơ-ra-ên, hãy trở lại cùng Đấng mà anh em đã hết sức chống nghịch. ⁷ Vì trong ngày đó, ai nấy sẽ bỏ các tượng thần bằng bạc bằng vàng do chính tay tội lỗi của anh em làm ra. ⁸ A-si-ri sẽ ngã gục dưới lưỡi gươm chẳng phải của con người,

Và một lưỡi gươm không phải của loài người sẽ ăn nuốt nó.

Nó sẽ phải trốn chạy trước lưỡi gươm ấy,

Và những thanh niên của nó sẽ phải làm lao dịch.

⁹ Tầng đá của nó sẽ qua đi vì kinh hoàng,

Các quan chức của nó khiếp sợ vì thấy ngợm cờ,

Đó là lời phán của Đức Giê-hô-va,

Đấng có lửa tại Si-ôn, có lò tại Giê-ru-sa-lem.

31:6 “hãy trở lại cùng Đấng” ĐỘNG TỪ này là *shub* (BDB 996, KB 1427, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH), vốn căn bản có nghĩa là “quay trở lại” hoặc “quay về.” Nó có thể được sử dụng cho

1. quay lưng khỏi Đức Chúa Trời, Dân Số Ký 14:43; Giô-suê 22:16,18,23,29; Các Quan Xét 2:19; 8:33; I Sa-mu-ên 15:11; I Các Vua 9:6; Giê-rê-mi 3:19; 8:4
2. quay lại với Đức Chúa Trời, I Các Vua 8:33,48; II Sử Ký 15:4; 30:9; Thi 51:13; 116:7; Ê-sai 6:10; 10:21,22; 31:6; Giê-rê-mi 3:7,12,14,22; 4:1; 5:3; Ô-sê 3:5; 5:4; 6:1; 7:10,16; 11:5; 14:1,2; A-môt 4:6,8,9,10,11 (chú ý đặc biệt trong Giê-rê-mi 7 và A-môt 4)
3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã khởi đầu phán với Ê-sai rằng Giu-đa sẽ không/không thể ăn năn (6:10), nhưng không phải đây là lần đầu trong sách này Ngài kêu gọi họ quay trở lại với Ngài.

Sự ăn năn không phải quá là một cảm xúc nhưng là một thái độ hướng về Đức Chúa Trời. Nó là một sự thay đổi thái độ sống từ tập chú vào chính mình để hướng về Ngài. Nó chỉ về một sự cố ý để thay đổi và được thay đổi. Nó không phải là một chấm dứt hoàn toàn tội lỗi, nhưng là một sự chấm dứt mỗi một ngày về sự nổi loạn đã được biết! Nó là sự đảo ngược của những kết quả của việc tập chú vào chính mình của Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3. Nó dẫn đến mang hình ảnh và giống như Đức Chúa Trời (Sáng 1:26-27), mặc dù đã bị tổn hại, nhưng đã được phục hồi! Mọi tương giao với Đức Chúa Trời bởi con người sa ngã lại trở nên có thể một lần nữa.

Sự ăn năn trong Cựu Ước trước hết có ý nghĩa là “thay đổi hành động,” trong khi “ăn năn” trong Tân Ước trước hết có nghĩa là “thay đổi tâm trí.” Cả hai điều này đều rất cần thiết cho một sự ăn năn thật theo Kinh Thánh. Cũng cần thiết để nhận ra rằng sự ăn năn bao gồm cả một hành động khởi đầu và một tiến trình tiếp tục. Hành động khởi đầu có thể được thấy trong Mác 1:15; Công Vụ 3:16 và 19; 20:21, trong khi tiến trình tiếp diễn

có thể thấy trong I Giăng 1:9; Khải Huyền 2 và 3. Sự ăn năn không phải là một chọn lựa (Lu-ca 13:3)! Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Sự ăn năn trong Cựu Ước tại 6:10.

▣ **“hư hỏng sâu nặng (hết sức chống nghịch)”** Cụm từ này nói về sự phản nghịch của Giu-đa chống lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. “sâu nặng,” BDB 770, KB 847, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH, từ này được dùng trong 30:33 để mô tả về giàn hỏa thiêu tang lễ của Vua A-si-ri. Nó cũng mô tả về tội lỗi, như ở đây và trong Ô-sê 5:2; 9:9. Nó có thể đặc biệt chỉ về những kế hoạch kín giấu của Giu-đa tìm kiếm sự giúp đỡ từ Ai Cập (29:15).
2. “hư hỏng,” BDB 694, ở đây chỉ về sự bội đạo, Phục Truyền 13:5; Ê-sai 1:5; 31:6; Giê-rê-mi 28:16; 29:32

▣ **“Hỡi con dân Y-sơ-ra-ên”** Trong Kinh Thánh từ “Y-sơ-ra-ên” có thể chỉ về một vài điều: (1) nó có thể chỉ về Tổ Phụ Gia Cóp và con cái của ông, (2) Nó cũng có thể chỉ về Mười Chi Phái Phía Bắc—vốn cũng được gọi là Sa-ma-ri và Ép-ra-im, hoặc (3) nó cũng có thể chỉ về Giu-đa. Trong văn mạch này thì nó là sự lựa chọn #3.

31:7 Y-sơ-ra-ên đã trở nên ba phải trong đức tin của họ và cố gắng để kết hợp với những tập tục thờ cúng phồn thực của người Ca-na-an (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 17:8) với sự thờ phượng của họ dành cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Điều này luôn luôn là một thảm họa. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ là Đức Chúa Trời hoặc Ngài sẽ không là bất cứ điều gì khác.

31:8 **“A-si-ri sẽ ngã gục”** A-si-ri đã là công cụ được Đức Chúa Trời sử dụng để đoán phạt Mười Chi Phái Phía Bắc (Ê-sai 10:5), nhưng Đức Chúa Trời cũng sẽ thi hành sự công chính với đất nước không tin kính A-si-ri (10:12; 14:15; 30:31-33; 37:7). Ni-ni-ve, thủ đô của A-si-ri, đã sụp đổ vào tay Neo-Ba-by-lôn vào năm 612 T.C

▣ **“dưới lưới gươm chẳng phải của con người”** Hãy đọc những đoạn 36 và 37 của sách Ê-sai, vốn mô tả về sự xâm lược và vây hãm Giê-ru-sa-lem bởi San-chê-ríp. Hãy chú ý sự giải cứu kỳ diệu của Đức Chúa Trời (chứ không phải bởi gươm của con người) trong 37:36.

▣ **“phải làm lao dịch”** Những đạo quân bị đánh bại là những người sống sót trong chiến trận có thể bị

1. xung quân như là những lính chư hầu trong đạo quân chiến thắng
2. bị bán làm nô lệ
3. bị biến thành những lao động nô dịch phục vụ trong quân đội

Tất cả các cư dân khác sẽ bị cưỡng ép làm nô lệ (Ca Thương 1:1). Tình trạng nô lệ là rất phổ biến trong thế giới cổ đại cho những con nợ hoặc những kẻ bị đánh bại.

31:9 **“Tảng đá của nó... Các quan chức của nó”** Đây là một mối liên hệ song hành trong tiếng Hê-bơ-rơ, vì vậy, từ “tảng đá” chỉ về vua của A-si-ri (hoặc một trong những vị thần của hắn, Phục Truyền 32:31,37) và những tướng quân đội của hắn (“các quan chức (quan trưởng)”) đã kinh hoàng trước “chuẩn mực” của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (BDB 651, Ê-sai 13:2; Giê-rê-mi 50:2; 51:12,27) trên Giê-ru-sa-lem.

▣ **“Đáng có lửa... có lò”** Câu này chỉ về, không phải ngọn lửa của sự đoán phạt (mặc dù một sự ngụ ý chỉ đến 30:33 là có thể xảy ra), cũng không phải ngọn lửa của sự soi sáng, nhưng chỉ đến địa điểm của lửa, lò lửa nơi nư của Đức Chúa Trời (“A-ri-ên,” 29:1,2,7, vốn chỉ đến Giê-ru-sa-lem).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. Đoạn 31 liên hệ đến tình trạng trong thời kỳ hiện đại của chúng ta về sự chạy đua vũ trang như thế nào?
2. Công nghệ và quân đội vượt trội có đảm bảo cho sự bảo vệ của một quốc gia?
3. Tại sao ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả trong những thuật ngữ GIỐNG CÁI?
4. Hãy mô tả về sự ăn năn. Nó có phải là một hành động một-lần-cho-tất-cả hay một sự trải nghiệm tiếp diễn? Nó căn bản là một thái độ hay là một sự thay đổi trong hành động?
5. Hãy mô tả cách A-si-ri đã bị đánh bại bởi những phương cách không-phải-của-con-người như thế nào.

Ê-SAI 32

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tương Lai Vinh Hiển	Sự Cai Trị Công Chính	Kỳ Nguyên Sắp Đến của Công Lý	Một Vị Vua Với Sự Chính Trực	Một Vị Vua Tốt Lành
32:1-8 (1-8)	32:1-8 (1-4) (5-8)	32:1-8 (1-8)	32:1-8	32:1-5 (1-5)
	Hậu Quả của sự Tự Mãn	Lời Chồng Lại Sự Tự Mãn của Những Phụ Nữ Giu-đa	Sự Đoán Phạt và Sự Phục Hồi	Kẻ Ngu Dại Và Người Cao Quý 32:6-8 (6-8)
32:9-20 (9-20)	32:9-15 (9-11) (12-15)	32:9-14 (9-14)	32:9-14	Lời Chồng Lại Những Phụ Nữ Giê-ru-sa-lem 32:9-14 (9) (10) (11) (12-13) (14)
	Hòa Bình của Sự Cai Trị Đức Chúa Trời 32:16-20 (16-19) (20)	Thời Đại của Thần Linh Sẽ Nhìn Thấy Sự Biến Đổi Trên Muôn Loài Tạo Hóa 32:15-20 (15-20)	32:15-20	Sự Đổ Trần của Thần Linh 32:15-20 (15-17) (18-20)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những đoạn 31-32 là phần thứ năm của sáu “lời khôn thay” (28:1; 29:1,15; 30:1; 31:1; 33:1) vốn nói về nỗ lực của Vua Ê-xê-chia để hình thành liên minh chính trị quân sự với Pha-ra-ôn người Nubia của Vương Triều Ai Cập Thứ-Hai-Mươi-Lăm.
- B. Giu-đa tin cậy Ai Cập, chứ không phải nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, cho sự bảo vệ. Ê-sai nhìn thấy đây là một sự vi phạm của sự tin cậy/ đức tin trong những lời hứa và sự hiện diện giao ước của Ngài.
- C. Đoạn này tập chú vào một chính quyền tương lai của một Vị Vua Công Chính tại Giê-ru-sa-lem (câu 1; 9:6-7; 11:1-5; Mi-chê 5:2-5a). Đây là những gì Ê-xê-chia đã nên làm. Ông đã đến rất gần với điều đó trong đức tin của mình, có thể thấy trong 37:14-20,30.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 32:1-8

- ¹ **Này, sẽ có một vua trị vì theo sự công chính,
Các quan chức sẽ cai trị theo lẽ công minh.**
- ² **Sẽ có một người như nơi núp gió
Và chỗ che bão táp,
N như suối nước trong nơi khô hạn,
N như bóng vàng đá lớn trong đất cằn cỗi.**
- ³ **Bấy giờ, mắt của những người thấy được sẽ không nhắm lại,
Tai của những người nghe được sẽ lắng nghe.**
- ⁴ **Lòng của người hấp tấp sẽ có sự thông sáng để hiểu biết;
Lưỡi của người cà lăm sẽ nói lưu loát và rõ ràng.**
- ⁵ **Kẻ ngu dại sẽ không được gọi là cao quý,
Kẻ quý quyết chẳng ai cho là đáng kính.**
- ⁶ **Vì kẻ ngu dại sẽ nói những lời dại dột,
Lòng họ mưu đồ việc gian ác
Để làm chuyện vô đạo,
Nói điều xúc phạm đến Đức Giê-hô-va;
Làm cho người đói phải trống bụng
Và kẻ khát chẳng được uống.**
- ⁷ **Kẻ quý quyết dùng những vũ khí gian tà,
Nghĩ ra những mưu ác và dùng lời dối trá
Để làm hại người nhu mì và người nghèo khó,
Dù họ đòi hỏi điều chính đáng.**
- ⁸ **Nhưng người cao quý chỉ mưu cầu những điều cao quý,
Và đứng vững trên những việc cao quý.**

32:1 “một vua...các quan trưởng” Những câu 1-8 phản ánh sự cai trị của một vị vua tin kính và chính quyền của ông/ của Đức Chúa Trời (9:6-7; 11:1-5; 16:5; Mi-chê 5:2-5a). Có vẻ như có một sự mơ hồ có ý để rồi Ê-xê-chia (có lẽ là một sự ứng nghiệm tức thời của 7:14-15) và Đấng Mê-si sẽ đến (sự ứng nghiệm cuối cùng 7:14, Ma-thi-ơ 1:23) đều được phản chiếu trong đoạn này.

32:2 Câu này mô tả trong những ẩn dụ nơi “hoang mạc” về sự cai trị của người lãnh đạo tin kính và những công sự của ông.

- 1. nơi trú ẩn (BDB 285, nguyên văn “chỗ ẩn nấp,” thể của từ chỉ được thấy duy nhất ở đây) khỏi trận gió
- 2. lều (BDB 712) che khỏi cơn bão (song hành với #1)
- 3. dòng nước nơi đất khô hạn
- 4. bóng che (BDB 853) của tảng đá lớn trong đất khô nẻ

Những ẩn dụ tương tự được dùng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong 25:4. Giờ đây chúng mô tả về tất cả dân sự của Đức Chúa Trời hoặc ít nhất là về những lãnh đạo (“các quan trưởng sẽ cai trị,” ĐÔNG TỪ, BDB 979, KB 1362, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH).

ĐÔNG TỪ này “mỗi một người sẽ” (BDB 224, KB 243 *Qal* THÊ HOÀN THÀNH) có thể chỉ về “các quan trưởng” trong câu 1 hoặc chỉ về dân sự của “giao ước mới” được mô tả trong Giê-rê-mi 31:31-34.

32:3-4 Phần này mô tả về tình trạng thuộc linh của tuyển dân giao ước được phục hồi trái ngược với 6:9-10 (Phục Truyền 29:4).

1. Họ sẽ nhìn thấy
2. họ sẽ nghe
3. họ sẽ nhận biết lẽ thật
4. họ sẽ nói lẽ thật (“những người nói lắp,” BDB 748, xuất hiện duy nhất ở đây)

32:5-8 “ngu dại...xảo trá” Hai nhóm người này sẽ vẫn hiện diện trong xã hội, nhưng họ sẽ được nhìn thấy bản chất của họ (câu 6-7). Những câu 6-7 có vẻ như mô tả về hai kẻ gian ác, trong khi câu 8 mô tả về một người cao quý “thật.”

1. kẻ “ngu dại” (BDB 614) được mô tả trong câu 6
 - a. nói những điều vô nghĩa
 - b. hướng lòng về những điều gian ác
 - (1) thực hành sự không tin kính
 - (2) nói những điều sai trật xúc phạm Đức Giê-hô-va
 - c. không cho những người đói ăn
 - d. không cho những kẻ khát uống
2. kẻ “xảo trá” (BDB 647, tìm thấy duy nhất ở đây, hai lần) được mô tả trong câu 7
 - a. có những vũ khí gian tà
 - b. lập ra những mưu gian ác
 - c. hủy diệt những người khốn khó với những lời gian trá
 - d. khinh thường lời chứng chân thật của người nghèo thiếu
3. người cao quý (BDB 622), câu 8
 - a. lập ra những kế hoạch cao quý (hoặc “rộng rãi”) trong sự trái ngược với những kế hoạch được đề cập đến trong những câu 6 and 7
 - b. những kế hoạch người sẽ đứng vững và tồn tại

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 32:9-20

⁹ Hỡi những đàn bà tự mãn,
Hãy trỗi dậy mà nghe tiếng Ta!
Hỡi những con gái vô tâm,
Hãy để tai nghe lời Ta!
¹⁰ Trong một năm và mấy ngày nữa,
Các ngươi là kẻ vô tâm sẽ run rẩy,
Vì mùa hái nho sẽ mất
Và mùa gặt hái cũng không đến.
¹¹ Hỡi những đàn bà tự mãn, hãy run rẩy!
Hỡi những kẻ vô tâm, hãy bối rối!
Hãy cởi áo, hãy ở trần,
Hãy thắt lưng bằng vải xô.
¹² Chúng sẽ đấm ngực than khóc
Về đồng ruộng màu mỡ,
Và vườn nho sai quả,
¹³ Vì gai góc và bụi rậm
Mọc lên trên đất dân Ta,
Vì mọi nhà hoan lạc trong thành vui nhộn
Không còn nữa.

¹⁴ **Thật vậy, cung điện vắng tanh,
Thành đông đúc bị bỏ hoang;
Đồi và tháp canh trở nên hoang động đến muôn đời
Cho lừa rừng làm nơi đùa giỡn,
Và làm đồng cỏ cho các bầy súc vật.**

¹⁵ **Cho đến khi Thần từ trên cao được đổ xuống cho chúng ta,
Hoang mạc biến thành vườn cây ăn quả,
Vườn cây ăn quả được xem như một cánh rừng.
Bình an trong sự cai trị của Đức Chúa Trời**

¹⁶ **Bấy giờ, lễ công minh sẽ ở trong hoang mạc,
Và sự công chính ở trong vườn cây ăn quả.**

¹⁷ **Sản phẩm của công chính là sự bình an,
Thành quả của công chính là sự yên ổn và an ninh mãi mãi.**

¹⁸ **Dân Ta sẽ cư trú trong nơi bình an,
Trong chỗ ở an toàn, và nơi nghỉ ngơi thanh thản.**

¹⁹ **Nhưng mưa đá sẽ đổ trên rừng,
Và thành trì sẽ bị triệt hạ.**

²⁰ **Phước cho các người,
Những người gieo giống bên mọi dòng nước,
Thả cho bò lừa đi ăn cỏ tự do.**

32:9-12 Khổ thơ này nói về những phụ nữ giàu có, thịnh vượng trong xã hội của Giê-ru-sa-lem (cf 3:16-4:1). Chú ý cách họ được nhắc đến.

1. hãy trở dậy hồi người, những người đàn bà dễ dãi, câu 9, BDB 877, KB 1086, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH. Cùng một ĐÔNG TỪ được sử dụng trong câu trước đó trong nghĩa “đứng vững” hoặc “tồn tại,” nhưng ở đây nó có nghĩa là “đứng lên” khi Ta Đức Giê-hô-va (hoặc tiên tri của Ngài) nhắc đến người.
2. nghe tiếng ta, câu 9, BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
3. đề tai nghe lời ta, câu 9, BDB 24, KB 27, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH (28:23). Chú cách mà ĐÔNG TỪ thứ hai và thứ ba song hành, cũng như trong cụm từ mô tả “những phụ nữ dễ dãi,” (câu 11) và “người những con gái tự mãn,” và một lần nữa trong những câu 10,11.
4. người sẽ hỗn loạn, câu 10, BDB 919, KB 1182, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH. Từ này chỉ về “sự bối rối,” “run rẩy,” “bị rối loạn.” Hãy chú những yếu tố “thời gian” trong câu 10.
 - a. trong một năm đến và một vài ngày nữa
 - b. vào thời điểm mà mùa hái nho kết thúc
 - c. mùa thu hoạch quả sẽ không đến
5. run rẩy, câu 11, BDB 353, KB 350, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, 10:29; 19:16; 41:5. Từ này song hành với “hỗn loạn” trong câu 10 (thật ngạc nhiên tất cả mọi THÊ MỆNH LỆNH trong câu 11 đều ở GIÓNG ĐỤC, trong khi chúng đề cập đến những phụ nữ).
6. hỗn loạn, câu 11, BDB 919, KB 1182, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, cùng một ĐÔNG TỪ như trong câu 10
7. cỡi, câu 11, BDB 832 II, KB 980, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH. Đây có thể là dấu chỉ của (1) sự than khóc (Ê-xê-chi-ên 26:16) hoặc (2) sự sỉ nhục (Ô-sê 2:5).
8. ở trần, câu 11, BDB 792, KB 889, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
9. thắt lưng bằng vải gai, câu 11, BDB 291, KB 291, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, cũng là một dấu hiệu của sự than khóc. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 15:2-3.
10. đấm ngực người, câu 12, BDB 704, KB 763, *Qal* ĐÔNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, một dấu chỉ khác của sự than khóc, Lu-ca 18:13; 23:48.

Tất cả những điều này liên hệ với thời kỳ vây hãm thành Giê-ru-sa-lem bởi vua San-chê-ríp vào năm 701 T.C Cuộc vây hãm là những trải nghiệm tồi tệ của sự mất mát và thảm họa.

32:9,10,11
NASB, NKJV,

NRSV	“những con gái tự mãn”
NJB	“những con gái quá tự tin”
REB	“những con gái thiếu sự quan tâm”
LXX	“những con gái của hy vọng”
JPSOA	“những phụ nữ tự tin”

Từ Hê-bơ-rơ (BDB 105, KB 120) thông thường có nghĩa là “an ninh” hoặc “tự tin,” tuy một số học giả nhìn thấy một gốc từ khác (BDB 105 II, KB 121) có nghĩa là “roi xuống tận mặt đất” (NIDOTTE, tập 1, trang 649).

Từ này cũng hiện diện trong 32:17 và nó được dịch là “tự tin” hoặc “an ninh” (phần lẻ của NASB). Những người phụ nữ giàu có, ưu việt đã quá tự tin (NJB).

32:10 “Trong một năm và mấy ngày nữa” Đây là một dấu chỉ thời gian rất cụ thể (có lẽ liên hệ với mùa thu hoạch) và có vẻ liên hệ với cuộc xâm lược của San-chê-ríp vào năm 701 T.C

32:12 “hãy đắm ngực các người” Có hai cách để hiểu cụm từ này.

1. liên hệ nó với những người phụ nữ bị lột trần và có ngực trần trong câu 11
2. đôi từ Hê-bơ-rơ “ngực” (một từ trong thơ ca hiếm, BDB 994, 7^w) thành “những cánh đồng” (BDB 961, 7^w, 56:9), như cách bản JPSOA liệt kê trong phần ghi chú cuối trang. Nếu lựa chọn thứ #2 được theo, thì “những cánh đồng,” “những cánh đồng được yêu thích,” và “những cây nho trĩu quả” trở nên sự song hành cho sự mất mát của sự dư dật trong nông nghiệp.
3. hãy xem nó là một thành ngữ cho việc than khóc dù cho nó là nói về nam hay nữ (Peshitta)

32:13 “nhà hoan lạc” Cùng một từ “hoan lạc” (BDB 965) được sử dụng trong câu 14 dùng cho “lừa rừng làm nơi đùa giỡn” Ê-sai sử dụng

1. nhân đôi (lặp lại) từ
2. những sự chơi chữ
3. những phép tu từ được lặp lại

để truyền đi những thông điệp của ông. Văn bản tiếng Hê-bơ-rơ của sách Ê-sai có sự sống động và tính nghệ thuật vượt xa so với bản dịch của nó. Ông là một nhà thơ bậc thầy. Một thắc mắc rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA truyền đi thông điệp của Ngài bằng thơ ca hay là Ê-sai đã sáng tác nên chúng. Bởi vì tất cả mọi sự mặc khải của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đều không phải là những áng thơ đầy tính nghệ thuật, có lẽ rằng đây chính là những kỹ năng của Ê-sai. Nhiều sự lựa chọn từ ngữ trong sách Ê-sai đã vượt xa với những sự chơi chữ theo cách phát âm hơn là chỉ về phần ngữ nghĩa từ vựng. Những từ hiếm được sử dụng, với những ý nghĩa độc nhất đến những từ rất thông dụng. Đây chính là nơi làm tăng lên những sự mơ hồ đối với những nhà giải kinh hiện đại!

☐ **“thành vui nhộn”** Hãy xem ghi chú tại 24:10 và bảng ở phần mở đầu dẫn nhập vào đoạn 26, phần D. Đức Chúa Trời muốn ban phước cách độc nhất cho tuyển dân giao ước để thu hút sự chú ý của “các dân tộc,” nhưng bởi vì sự phản nghịch của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, thay vì sự dư dật và hòa bình, gai góc và bụi rậm được mang đến (5:6; 7:23-25; 9:18; 10:17; 27:4; Sáng 3:18).

32:14 Câu này mô tả sự hủy diệt trên Giê-ru-sa-lem (6:11; 64:10), vốn không thường thấy bởi vì Ê-sai là người thường nhìn thấy sự giải cứu trên thành ấy (1:8-9; 8:8; 29:1-8; 37:36-37). Ê-sai cho rằng sự thiêng liêng bất khả xâm phạm của Giê-ru-sa-lem bởi vì sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA tại nơi đó (đền thờ), nhưng sau này Giê-rê-mi đã thêm vào cách rõ ràng vào vấn đề thần học này bằng cách tập chú vào bản chất điều kiện của những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đối với tuyển dân giao ước của Ngài (Phục Truyền 27-28). Ê-sai tin cậy lời của Đức Chúa Trời, nhưng những lời hứa của Ngài phải được trùng khớp với đức tin và sự vâng lời thích đáng của con người. Giao ước là một con đường hai chiều!

Chú ý cách mà sự hủy diệt được mô tả.

1. cung điện bị bỏ hoang (chòi Đa-vít bị bỏ rơi)
2. thành đông dân đã bị bỏ rơi (chòi của Áp-ra-ham bị bỏ rơi)
3. NASB, “đôi”

NJB “Ô-phen” (BDB 779), một phần của kênh nước ở phía đông nam của thành Giê-ru-sa-lem cổ

(hoặc là một ẩn dụ cho cả thành phố, tương tự với “Si-ôn”). Nó được nhắc đến trong II Sử Ký 27:3; 33:14; Nê-hê-mi 3:26-27; 11:21

4. Điểm #3 song hành với “tháp canh”; cả hai đều sẽ chỉ về những công sự kiên cố của Giê-ru-sa-lem sẽ bị hủy diệt
5. một chỗ dựa giống cho lừa hoang
6. một đồng cỏ cho bày súc vật, cả hai điểm #5 và #6 chỉ về một thành phố hoang vu, bị hủy diệt, chỉ là nơi sinh sống cho súc vật (13:21; 34:13)

Có hai ĐỘNG TỪ song hành.

1. đã bị bỏ rơi, BDB 643, KB 695, *Pual* THÊ HOÀN THÀNH, thể *Pual* chỉ có duy nhất ở đây
2. bị bỏ mặc, BDB 736, KB 806, *Qal* THÊ BỊ ĐỘNG (hoặc *Pual*) THÊ HOÀN THÀNH, Giê-rê-mi 49:25



NASB “những hang động”
NKJV “hang ô”
NRSV “hang thú”
NJB “Kẻ Canh Giữ”

Từ này (BDB 792) có nghĩa là “hang động,” nhưng trong văn mạch này là, “một hang của loài thú.” Có lẽ rằng Ê-sai đã chọn từ này bởi vì sự tương tự trong cách phát âm với

1. “lãng mộ” (từ gốc Ả-rập), ערר (văn mạch của sự chết và sự hủy diệt)
2. “tự lột trần,” ערר, ĐỘNG TỪ hiếm được sử dụng trong câu 11
3. “cánh đồng trơn,” מערה từ gốc tiếng Ả-rập (NIDOTTE, tập 2, trang 1034)

▣ “mãi mãi” Đây là một cách sử dụng liên hệ với từ trong tiếng Hê-bơ-rơ ’*olam*. Từ này có một cách sử dụng có nghĩa rộng và phải được dịch cùng với văn mạch.

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MÃI MÃI (‘*OLAM*)

Từ nguyên của thuật ngữ Hê-bơ-rơ ’*olam*, עולם (BDB 761) thì không chắc chắn (NIDOTTE, quyển 3, trang 345). Nó được sử dụng trong nhiều nghĩa khác nhau (thường được xác định bởi văn mạch). Những nghĩa sau đây chỉ là những ví dụ được lựa chọn mà thôi.

1. những điều cổ xưa
 - a. các dân tộc, Sáng 6:4; I Sa-mu-ên 27:8; Giê-rê-mi 5:15; 28:8
 - b. các địa điểm, Ê-sai 58:12; 61:4
 - c. Đức Chúa Trời, Thi 93:2; Châm 8:23; Ê-sai 63:16
 - d. sự vật, sự việc, Sáng 49:26; Job 22:15; Thi 24:7,9; Ê-sai 46:9
 - e. thời gian, thời đại, Phục 32:7; Ê-sai 51:9; 63:9,11
2. thời điểm tương lai
 - a. cuộc đời của một ai đó, Xuất 21:6; Phục 15:17; I Sa-mu-ên 1:22; 27:12
 - b. sự cường điệu dành cho vua, I Các Vua 1:31; Thi 61:7; Nê-hê-mi 2:3
 - c. sự hiện diện liên tục
 - (1) trái đất Thi 78:69; 104:5; Truyền Đạo 1:4
 - (2) tầng trời, Thi 148:5
 - d. Sự hiện hữu của Đức Chúa Trời
 - (1) Sáng 21:33
 - (2) Xuất 15:18
 - (3) Phục 32:40
 - (4) Thi 93:2
 - (5) Ê-sai 40:28
 - (6) Giê-rê-mi 10:10
 - (7) Đa-ni-ên 12:7
 - e. giao ước

- (1) Sáng 9:12,16; 17:7,13,19
 - (2) Xuất 31:16
 - (3) Lê-vi Ký 24:8
 - (4) Dân Số Ký 18:19
 - (5) II Sa-mu-ên 23:5
 - (6) Thi 105:10
 - (7) Ê-sai 24:5; 55:3; 61:8
 - (8) Giê-rê-mi 32:40; 50:5
- f. Giao ước đặc biệt với Đa-vít
- (1) II Sa-mu-ên 7:13,16,25,29; 22:51; 23:5
 - (2) I Các Vua 2:33,45; 9:5
 - (3) II Sử ký 13:5
 - (4) Thi 18:50; 89:4,28,36,37
 - (5) Ê-sai 9:7; 16:5; 37:35; 55:3
- g. Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời
- (1) Thi 45:2; 72:17; 89:35-36; 110:4
 - (2) Ê-sai 9:6
- h. luật pháp của Đức Chúa Trời
- (1) Xuất 29:28; 30:21
 - (2) Lê-vi Ký 6:18,22; 7:34; 10:15; 24:9
 - (3) Dân Số Ký 18:8,11,19
 - (4) Thi 119:89,160
 - (5) Ê-sai 59:21
- i. những lời hứa của Đức Chúa Trời
- (2) II Sa-mu-ên 7:13,16,25; 22:51
 - (3) I Các Vua 9:5
 - (4) Thi 18:50
 - (5) Ê-sai 40:8
- j. Những hậu tự của Áp-ra-ham và Đất hứa
- (1) Sáng 13:15; 17:19; 48:4
 - (2) Xuất 32:13
 - (3) I Sử ký 16:17
- k. những lễ hội giao ước
- (1) Xuất 12:14,17,24
 - (2) Lê-vi Ký 23:14,21,41
 - (3) Dân Số Ký 10:8
- l. cõi đời đời mãi mãi
- (1) I Các Vua 8:13
 - (2) Thi 61:7-8; 77:8; 90:2; 103:17; 145:13
 - (3) Ê-sai 26:4; 45:17
 - (4) Đa-ni-ên 9:24
- m. những điều mà những Thi Thiên cho biết những người tin Chúa sẽ làm mãi mãi
- (1) tạ ơn, Thi 30:12; 79:13
 - (2) ở trong sự hiện diện của Ngài, Thi 41:12; 61:4,7
 - (3) tin cậy vào sự thương xót của Ngài, Thi 52:8
 - (4) ngợi khen Chúa, Thi 52:9
 - (5) hát ngợi khen, Thi 61:8; 89:1
 - (6) công bố sự công chính của Ngài, Thi 75:9
 - (7) tôn vinh danh Ngài, Thi 86:12; 145:2
 - (8) chúc tụng danh Ngài, Thi 145:1

3. cả tiến về quá khứ và tương lai trong thời gian (“Từ trước vô cùng (đời đời) cho đến đời đời”)

- a) Thi 41:13 (Ngợi khen Đức Chúa Trời)
- b) Thi 90:2 (Chính Đức Chúa Trời)
- c) Thi 103:17 (sự nhân từ của Chúa)

Hãy nhớ, văn mạch sẽ xác định nghĩa rộng của thuật ngữ. Các giao ước và lời hứa đòi đòi thì có điều kiện (ví dụ, Giê-rê-mi 7). Hãy cẩn thận khi đọc với cách nhìn hiện đại về thời gian của chính bạn hoặc ngay cả hệ thống thần học Tân Ước của chính bạn vào trong mỗi sự sử dụng trong Cựu Ước của từ có nghĩa rất linh động này. Tân Ước phổ cập những lời hứa Cựu Ước.

32:15-20 Khổ thơ này mô tả về một thời kỳ mới, một thời kỳ công chính dành cho Giê-ru-sa-lem.

1. Thần được đổ xuống bởi Đức Chúa Trời. Mỗi liên hệ chính xác giữa ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và “Thần Linh” trong Cựu Ước thì khó để liên hệ với sự mặc khải cá nhân đầy đủ trong Tân Ước. Thần Linh thường được liên hệ với sự sáng tạo (Sáng 1:2; Gióp 26:13; Thi 104:29-30; 147:14-18). Với một sự tạo dựng tươi mới! Cùng với những thông tin của bạn, tôi cũng thêm vào câu này Chủ đề đặc biệt trong Tân Ước của tôi về “Thần vị của Thánh Linh.”

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THẦN VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Trong Cựu ước “Thánh Linh Đức Chúa Trời” (*ruach*) là một năng lực hoàn thành mục đích của Đức Giê-hô-va, nhưng không có một dấu tích nào cho thấy đó là một thân vị (personal) (tính độc thân trong Cựu ước). Tuy nhiên, trong Tân ước bản tính và bản thể hoàn toàn của Thánh Linh được ghi lại:

1. Ngài có thể bị nói phạm đến (Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy dỗ (Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Giăng 15:26)
4. Ngài cáo trách, hướng dẫn (Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi là “ai” (*hos*, Ê-phê-sô 1:14)
6. Ngài có thể bị làm buồn (Ê-phê-sô 4:30)
7. Ngài có thể bị dập tắt (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:19)

Các đoạn chỉ về Ba ngôi cũng nói đến ba thân vị (Xin xem chủ đề đặc biệt ở Công Vụ 2:32-33 “Ba ngôi Đức Chúa Trời”)

1. Ma-thi-ơ 28:19
2. II Cô-rinh-tô 13:14
3. I Phi-e-rơ 1:2

Thánh Linh được kết nối với các hoạt động của con người

1. Công vụ 15:28
2. Rô-ma 8:26
3. I Cô-rinh-tô 12:11
4. Ê-phê-sô 4:30

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của Đức Thánh Linh đã được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là thời điểm Đức Thánh Linh mới bắt đầu làm việc, nhưng đó là một chương mới trong công tác của Ngài. Jê-sus lúc nào cũng có Thánh Linh ở với. Sự kiện Chúa chịu báp têm không phải là thời điểm Đức Thánh Linh mới bắt đầu công việc, nhưng đó là một chương mới trong công tác của Ngài. Lu-ca chuẩn bị cho Hội thánh một chương mới của một mục vụ đầy kết quả. Chúa Jê-sus vẫn là trọng tâm, Thánh Linh vẫn là công cụ có kết quả và tình yêu, sự tha thứ và sự phục hồi con người của Đức Chúa Cha trong ảnh tượng của Ngài vẫn là mục tiêu!

2. Hoang mạc trở nên một cánh đồng màu mỡ...một khu rừng, câu 15. Đây là một sự đảo ngược của những câu 12-13. Hãy xem ẩn dụ tương tự về sự màu mỡ trong 29:17.
3. Công lý...sự công chính ngự trong, câu 16
4. Sự hòa bình, yên ổn, và an ninh cho đến mãi mãi, câu 17. Điều này có nghĩa là sẽ không có những sự xâm lược (câu 18).
5. Câu 19 có thể chỉ về sự hủy diệt trên A-si-ri.

6. Câu 20 là một phước hạnh khác, nhưng một cách nào đó khá mơ hồ.

32:15

NASB, NKJV,

NIV

NRSV, JPSOA

TEV

NJB

REB

“Cho đến khi Thần Linh được đổ xuống trên chúng ta từ trên cao”

“cho đến khi một (thần) linh từ trên cao được đổ xuống trên chúng ta”

“Đức Chúa Trời sẽ sai đến với chúng ta (thần) linh của Ngài”

“cho đến khi (thần) linh được đổ xuống trên chúng ta từ trên cao”

“cho đến khi (thần) linh từ trên cao đầy tràn trên chúng ta”

Văn bản tiếng Hê-bơ-rơ không có MAO TỪ, ĐAI TỪ, hoặc cụm từ mô tả (ví dụ: “của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA,” như trong 11:2 hoặc “của Ta,” 44:3; 59:21; Giô-ên 2:28) liên hệ với DANH TỪ “linh” (BDB 924). Câu hỏi là từ này liên hệ với ai mà nó chỉ đến.

1. linh của thời đại mới
2. Đức Thánh Linh
3. một linh của sự ăn năn và tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Theo ngữ pháp đề nghị đến lựa chọn số #1 hoặc #3, nhưng theo văn mạch liên hệ đến lựa chọn #2.

Đây là một chỗ chia quan trọng trong văn mạch. Những đoạn tương tự nói về Linh của Đức Chúa Trời chính là Ê-sai 44:3; Ê-xê-chi-ên 39:29; Giô-ên 2:28-29; Xa-cha-ri 12:10; Công Vụ 2:1-21. ĐỘNG TỪ tương tự được sử dụng có nghĩa về sự hy sinh làm của lễ của Đấng Mê-si trong Ê-sai 53:12. Có một chuỗi của bảy phước hạnh sẽ kết quả bởi sự hiện diện của (Thần) Linh: (1) sự màu mỡ, bội thu, (2) công lý, (3) công chính, (4) bình an, (5) sự yên ổn, (6) sự tự tin, và (7) sự cư ngụ yên ninh.

▣ **“từ trên cao”** Đây chính là thành ngữ dùng cho “thiên đàng,” địa điểm của sự cư ngụ của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Gióp 16:19; 31:2; Ê-sai 33:5).

32:16 “công lý ...sự công chính” Đây là một cặp thông dụng trong Cựu Ước (II Sa-mu-ên 8:15; I Các Vua 10:9; I Sứ Ký 18:14; II Sứ Ký 9:8; Thi 99:4; Ê-sai 9:7; 32:16; 33:5; 59:14; Giê-rê-mi 4:2; 9:24; 22:3,15; 23:5; 33:15; Ê-xê-chi-ên 18:5,19, 21,27; 33:14,16,19; 45:9; A-mốt 5:7,24). Chúng chỉ về một xã hội (những câu 17-18) nơi mọi người được tôn trọng và đối xử cách công bằng như là những thành viên của giao ước. Chúng mô tả sự hiện diện độc nhất của Đức Chúa Trời ở giữa dân sự Ngài.

32:17 “bình an” Hãy xem Chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BÌNH AN (SHALOM)

Từ Hê-bơ-rơ này (BDB 1022, KB 1532) rất phổ biến giữa những từ Sê-mít cùng gốc.

- A. Tiếng Akkad
 1. vô hại
 2. sống khỏe mạnh
 3. ở trong tình trạng tốt
- B. Tiếng Ugarit (Người Ca-na-an)
 1. vô hại
 2. khỏe mạnh
- C. Tiếng Ả-rập
 1. khỏe mạnh
 2. trong tình trạng vui vẻ, hạnh phúc
- D. Tiếng A-ram
 1. hoàn tất
 2. đến với sự kết thúc/ hoàn tất
 3. chấm dứt trong sự hòa bình
 4. vô hại

E. Những nghĩa rộng trong tiếng Hê-bơ-ơ

1. sự hoàn tất
2. sự lành mạnh
3. sự thịnh vượng
4. hòa bình

Ngày nay từ *shalom* là một cách chào hỏi Hê-bơ-ơ như là một lời chào mừng. Nó vẫn chỉ về sự vắng bóng của điều ác và sự hiện diện của điều tốt lành (sự thỏa lòng với cuộc sống). Nó chỉ về tình trạng tâm thần của sự yên ninh và thỏa mãn.

▣ **“yên ổn và an ninh”** Hai từ này (BDB 1052 and BDB 105) cũng xuất hiện trong 30:15, vốn mô tả về thời đại mới của công l, công chính và bình an (những câu 1,16).

32:19 Đây là một câu rất khó vốn có vẻ như ở ngoài bối cảnh. Nó có thể chỉ về A-si-ri. Cụm từ “cánh rừng” được sử dụng cho A-si-ri trong 10:18-19,33,34. Cụm từ “thành” được dùng cho A-si-ri trong 24:10; 25:2,3; 26:5.



NASB “nó sẽ mưa đá”

NKJV “qua mưa đá”

NRSV “sẽ biến mất hoàn toàn”

TEV “(nhưng mưa đá sẽ rơi xuống...)”

NJB “sẽ bị hủy diệt hoàn toàn”

LXX “nếu mưa đá rơi xuống”

Peshitta “mưa đá sẽ đến”

REB “nó sẽ trở nên lạnh lẽo nơi những chỗ dốc”

JPSOA “sẽ chìm xuống và biến mất”

Những cổ bản xem từ của bản MT וַיִּרְדּוּ (không xác định được thể) như là בָּרָד , BDB 135, “mưa đá,” DANH TỪ trong 28:2,17.

REB xem từ này như đến từ cùng từ gốc trong tiếng Ả-rập có nghĩa là “trở nên lạnh lẽo” (BDB 135). Bản NJB và JPSOA xem hai từ đầu của bản MT như là thể từ cùng từ gốc có gốc động từ, רָד ,

1. *Qal* THỂ HOÀN THÀNH

2. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP

chỉ về một sự hủy diệt toàn bộ và hoàn toàn (“hạ xuống”).

32:20 Câu này cũng rất khó để phù hợp với văn mạch. Tuy nhiên, sự nhất trí có vẻ rằng trong ngày đó của những phước hạnh của Đức Chúa Trời, những vụ mùa sẽ đầy tràn đến nỗi bầy vật có thể tự do rong chơi và ăn mà không thật sự ảnh hưởng đến sự kết quả của vụ mùa.

Ê-SAI 33

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời	Một Lời Cầu Nguyên Của Sự Cùng Khốn Năng Nề	Một Lời Tiên Tri Tế Lễ	Một Lời Cầu Nguyên Xin Được Cứu Giúp	Trông Đợi Sự Giải Cứu
33:1-12 (1-12)	33:1-4 (1) (2-4) 33:5-9 (5-6) (7-9) Sự Đoán Phạt Không Thể Trì Hoãn Trên Si-ôn 33:10-13 (10-13)	33:1-24 (1) (2-6) (7-12)	33:1 33:2-4 33:5-6 33:7-9 Đức Giê-hô-va Cảnh Cáo Những Kẻ Thù Ngài 33:10-13	33:1-16 (1-5) (6) (7-16)
33:13-16 (13-16)	33:14-16 (14-16) Xứ của Vua Vĩ Đại	(13-16)	33:14-16 Tương Lai Vinh Hiển	Sự Trở Về Giê-ru-sa-lem
33:17-24 (17-24)	33:17-24 (17-19) (20-23a) (23b-24)	(17-22) (23a) (23b-24)	33:17-24	33:17-24 (17-20) (21-24)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)
THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Cách chia đoạn thơ rất mơ hồ (do tính chất phức hợp của những bài thơ này) trong đoạn Kinh Thánh này. Một vài nhóm người khác nhau được đề cập.
 1. A-si-ri, câu 1
 2. dân sự giao ước, câu 2
 3. những kẻ gan dạ kêu khóc trên các đường phố, câu 7
 4. các sứ giả hòa bình kêu khóc, câu 7
 5. người qua lại, câu 8
 6. các dân, câu 12
 7. các người những kẻ ở xa, câu 13
 8. các người những kẻ ở gần, câu 13
 9. những tội nhân tại Si-ôn, câu 14
 10. người bước theo sự công chính, câu 15
 11. Người...Người ấy, câu 16
 12. lòng người, những câu 18-20
 13. dây của người, câu 23
 14. dân cư...người, câu 24

Thật khó để xác định các nhóm người mà những câu trên liên hệ với.
- B. Chú ý số tên/ danh xưng và những sự mô tả về Đấng Thánh được nhắc đến trong đoạn này.
 1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 2
 2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được tôn cao, những câu 5,10
 3. Ngài sẽ là sự bền vững (nguyên văn “sự thành tín”), câu 6
 4. một cửa của cửa sự cứu rỗi, khôn ngoan, và tri thức, câu 6
 5. sự kính sợ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, câu 6
 6. Vua trong vẻ đẹp của Ngài, câu 17
 7. Đấng uy nghiêm, câu 21
 8. một vài lần, “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là...,” câu 22
- C. Có lẽ rằng phần đầu của sách Ê-sai kết thúc sau đoạn này bởi vì cuộn Biển Chết Ê-sai DSS có một khoảng trắng gấp đôi xuất hiện sau đoạn này, chứ không phải sau đoạn 39.
- D. Dàn ý “có thể” của sự sắp đặt/trật tự của bài thơ
 1. Đức Chúa Trời đoán phạt A-si-ri là kẻ Ngài đã sử dụng để đoán phạt Giu-đa, câu 1
 2. Giu-đa cầu nguyện kêu xin sự giúp đỡ, câu 2
 3. Đức Chúa Trời đáp ứng, những câu 3-6,10-12
 4. Tình trạng hiện tại của Giu-đa, những câu 7-9
 5. những người tin kính được tha, những câu 13-16
 6. sự nhắc lại về thời kỳ A-si-ri, những câu 17-20
 7. sự cai trị của vua công chính, những câu 21-24

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÀN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 33:1-12

- ¹ **Khôn cho người là kẻ hủy diệt**
Mà chính người chưa bị hủy diệt,
Là kẻ phản bội
Mà chưa bị ai phản bội!
Khi người ngưng hủy diệt
Thì người sẽ bị hủy diệt;
Khi người thôi phản bội
Thì người sẽ bị phản bội.
- ² **Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót chúng con!**
Chúng con trông đợi Chúa.
Xin ban sức mạnh cho chúng con mỗi buổi sáng,
Giải cứu chúng con trong lúc hoạn nạn.
- ³ **Nghे tiếng ồn ào, các dân đều chạy trốn;**
Khi Chúa đứng lên, các nước chạy tán loạn.
- ⁴ **Của cải các người sẽ bị gom như cào cào;**
Người ta xông vào nó như đàn châu chấu xông tới.
- ⁵ **Đức Giê-hô-va được tôn cao vì Ngài ngự trên cao.**
Ngài làm cho Si-ôn đầy dẫy công lý và sự công chính.
- ⁶ **Ngài sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của người,**
Là sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức;
Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là kho báu Ngài ban.
- ⁷ **Này, những dũng sĩ của chúng kêu la ngoài đường;**
Các sứ giả hòa bình khóc lóc đắng cay.
- ⁸ **Đường cái hoang vắng,**
Đường sá không người qua lại;
Người ta đã phá vỡ giao ước,
Xem thường nhân chúng,
Chẳng coi ai ra gì.
- ⁹ **Đất đai than khóc và hao mòn;**
Li-ban xấu hổ và khô héo;
Sa-rôn giống như đồng hoang;
Ba-san và Cạt-mên trở trụi.
- ¹⁰ **Đức Giê-hô-va phán: “Bây giờ, Ta sẽ đứng dậy;**
Bây giờ, Ta sẽ tự tôn cao;
Bây giờ, Ta sẽ được tôn vinh!
- ¹¹ **Các người mang thai rơm rạ, hẳn sẽ sinh ra cỏ rác.**
Hơi thở của các người là lửa thiêu nuốt mình.
- ¹² **Các dân sẽ như vôi đang bị nung,**
Như gai đã bị chặt và đốt trong lửa.

33:1 “Khôn cho” Những đoạn 28-33 hình thành một đơn vị được gọi là “Phần Diệt Vong” bởi vì sự lặp đi lặp lại của từ “khôn,” (28:1; 29:1,15; 30:1; 31:1; 33:1). Hãy xem ghi chú về “Khôn (cho)” tại 5:8.

▣ **“Hỡi người kẻ hủy diệt”** Câu 1 nói về A-si-ri, cũng như những câu 3,4,7-9,11-12,17-19,23; thậm chí cả câu 21 cũng có thể chỉ về những thành phố nằm ở khu vực sông Tigris và Euphrates. Đoạn này đi theo cấu trúc về chủ đề rất phổ biến trong Ê-sai.

1. tình trạng phản nghịch lặp đi lặp lại của dân sự Đức Chúa Trời
2. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời bởi những cường quốc ngoại bang
3. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những cường quốc ngoại bang này (ở đây là A-si-ri)
4. những tình trạng vinh hiển trong tương lai trên dân sự Ngài bởi vua công chính (32:1)

Cả hai từ “bị hủy diệt” (BDB 994, KB 1418 hai lần, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, PHỤ ĐỊNH *Qal* THÊ BỊ ĐỘNG

ĐỘNG TÍNH TỪ) và “phản bội” (nguyên văn “hành động cách vô tín,” BDB 93, KB 108 hai lần, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG, PHỤ ĐỊNH *Qal* THỂ HOÀN THÀNH) cũng được sử dụng trong 21:2 về sự sụp đổ của cự Ba-by-lôn. Trong một ý nghĩa thần học sự mơ hồ nghĩa của Ê-sai là có mục đích. Ông có ý định danh những kẻ xâm lược Y-sơ-ra-ên/Giu-đa một cách mơ hồ để những bài thơ của ông có thể thực hiện chức năng như những lời tiên tri “đa-ứng-nghiệm.” Những kẻ thù đến và đi bởi bàn tay và mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và mục đích cứu chuộc vĩnh cửu của Ngài, qua sự sử dụng hậu tự Áp-ra-ham, không hề qua đi!

33:2 Nội dung lời cầu nguyện của Giu-đa được liệt kê.

1. hãy thương xót chúng tôi, BDB 335, KB 334, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH, 30:18,19
2. chúng tôi đã trông đợi Ngài, BDB 875 I, KB 1082, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH, 8:17; 25:9; 26:8; 40:31; 49:23; 51:5; 60:9
3. hãy là sức mạnh của chúng tôi (nguyên văn “vũ khí”) mỗi buổi sáng, BDB 224, KB 243, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
4. hãy là sự cứu rỗi chúng tôi trong kỳ hoạn nạn (ĐỘNG TỪ “hãy là” được cho vào)

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là niềm hy vọng duy nhất của Giu-đa (59:16; 63:1,5), chứ không phải A-si-ri (đồng minh) và cũng không phải là Ai Cập (đồng minh), duy chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Con người thường có khuynh hướng hoang loạn và đánh mất niềm tin trong những khi khủng hoảng và không chắc chắn. Họ cố gắng giải cứu chính mình bằng cách sử dụng những nguồn lực của họ và những nguồn lực con người khác, để không đạt hiệu quả gì!

▣ “**sức mạnh**” Nguyên văn là “vũ khí” (BDB 283). Đây là ẩn dụ nhân hình trong Kinh Thánh để mô tả về sự hiện diện và sức mạnh của Đức Chúa Trời trong một chuẩn mực mỗi ngày.

▣ “**sự cứu rỗi**” Từ này (BDB 447) được sử dụng trong Cựu Ước cho một sự giải cứu vật lý (12:2 [hai lần], 3; 25:9; 26:1,18; 33:6).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CỨU RỖI (ישועה)

Từ này (BDB 447) có một vài nghĩa rộng.

1. sự hạnh phúc, thịnh vượng, Gióp. 30:15
2. sự cứu rỗi thiên thượng được thực hiện cả về mặt thuộc linh lẫn thuộc thể
 - a. Sáng 49:18
 - b. Phục Truyền 32:15
 - c. Thi 3:2,8; 22:1; 35:3; 62:2; 69:29; 70:5; 78:22; 80:3; 89:26; 91:16; 106:4; 140:7
 - d. Ê-sai 12:2; 33:2; 51:6,8; 52:7,10; 56:1; 59:11; 60:18; 62:1
3. ý tưởng về sự giải cứu thuộc linh và thuộc thể được trình bày rõ ràng trong Giô-na 2:9-10
4. thường “sự vui mừng” được liên hệ với sự cứu rỗi của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, I Sa-mu-ên 2:1; Ê-sai 25:9; 26:1; Thi 9:14; 13:5; 35:9

Sự cứu rỗi liên hệ với việc hoàn thành mối tương giao và đời sống xã hội được định trước ban đầu của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với những tạo vật con người của Ngài. Nó liên quan đến cả các cá nhân và toàn bộ xã hội!

33:4 Trong câu này “của cướp”(BDB 1021) là một ẩn dụ chỉ về sự hủy diệt những kẻ thù của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

ĐỘNG TỪ “gom” (BDB 62, KB 74, *Pual* THỂ HOÀN THÀNH) cũng được dùng trong 32:10 để mô tả về sự đoán phạt trên Giê-ru-sa-lem. Nó cũng được sử dụng trong 24:22 (cùng một từ gốc) để chỉ về một sự đoán phạt lại thể toàn cầu. Con người “thu gom” cho chính mình, sự tham lam, và quyền lực nhưng Đức Chúa Trời thu gom cho sự đoán phạt. Tân Ước mô tả về sự thu gom trong thời kỳ cuối rốt lai thể của

1. những người được cứu chuộc, Ma-thi-ơ 13:48; 24:31
2. những kẻ gian ác, Ma-thi-ơ 13:40-41

▣ “**cào cào**” Nạn xâm chiếm bởi cào cào rất phổ biến ở khu vực Cận Đông Cổ Đại. Chúng thường được so sánh như là một đội quân xâm lược (Phục Truyền 28:38,42; Giô-ên 1:4; 2:25; A-mốt 7:1-2). Đức Chúa Trời điều khiển các đạo quân cũng như cách Ngài điều khiển tất cả mọi điều! Những con cào cào thu gom

những của cướp được đoạt lấy một cách sai trật của người A-si-ri.

Có nhiều từ Sê-mít được dùng cho côn trùng vốn có vẻ chi về (1) nhiều loài khác nhau hoặc (2) nhiều giai đoạn phát triển khác nhau.

33:5 “Ngài ngự trên cao” Cụm từ này là một ẩn dụ dùng cho thiên đàng (32:15; Job 16:19; 31:2). Khu vực Cận Đông Cổ Đại nhìn thiên đàng như là trên cao. Đối với người Y-sơ-ra-ên khởi từ những cửa lễ của họ bốc cao lên đến với Đức Chúa Trời, và vì vậy, Ngài phải ở trên cao. Cũng tồn tại một sự trái ngược thần học với “dưới thấp” như là ẩn dụ cho sự chết. Sheol (âm phủ) ở dưới thấp, nhưng thiên đàng thì ở trên cao. Trong kỹ nguyên hiện đại của chúng ta những ẩn dụ về không gian này có vẻ như không chính xác, nhưng hãy nhớ rằng chúng là những ẩn dụ cổ xưa không bao giờ có ý định để chuyển tải một nghĩa đen. Ngôn ngữ của Cựu Ước là một hiện tượng luận, nơi mà phương tiện của ngôn ngữ mô tả sử dụng năm giác quan của con người. Kinh Thánh không chống đối khoa học, nhưng Kinh Thánh đứng trước khoa học! Nhận lấy những ẩn dụ cổ xưa theo nghĩa đen không phải là một dấu hiệu của sự bảo thủ Kinh Thánh, nhưng đã đánh mất đi ý nghĩa được định trước của bối cảnh lịch sử nguyên gốc của các tác giả được thần cảm.

▣ **“công lý và sự công chính”** Hãy xem ghi chú tại 32:16.

33:6

NASB, NKJV,

NRSV

“Ngài sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của người”

NJB

“Người có thể xem đây là tất cả những ngày của người”

Peshitta

“Đức tin sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của người”

REB

“sức lực của nó sẽ là sự bền vững không thay đổi của người”

ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đem đến “sự bền vững,” nguyên văn là “thành tín,” BDB 53, 25:1. Niềm hy vọng và sự bền vững của Giu-đa chính là đặc tính thành tín của Đức Chúa Trời của họ (Phục Truyền 32:4; Thi 36:5; 89:1-2,5,24,33,49; 88:11; 92:2; 143:1). Đây chính là câu trả lời cho lời cầu nguyện trong câu 2. Bởi vì đặc tính thành tín Ngài ban cho dân sự ương ngạnh của Ngài

1. một của cái (BDB 340) của
 - a. sự cứu rỗi (BDB 447)
 - b. sự khôn ngoan (BDB 315 với sự thay đổi của phụ âm cuối cùng từ ך thành ך, 11:2)
 - c. tri thức (BDB 395, 11:2)
2. sự kính sợ (BDB 432, trong nghĩa của một sự sợ hãi tôn kính, 11:2; Châm Ngôn 1:7,29; 2:5) ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là của cái của người (BDB 69, trong nghĩa của một ngôi nhà kho chứa đầy tràn, I Sử Ký 27:27-28; II Sử Ký 11:11)

33:7-9 Phần này phản ánh tình trạng đáng buồn của cuộc vây hãm không thể bị trì hoãn bởi vì mọi sự thương thuyết đã thất bại (II Các Vua 18:13-16).

33:7 Hai dòng thơ đầu không phải (song hành) đồng nghĩa. Những học giả kinh thánh đã bị ảnh hưởng bởi Robert Lowth, người cố gắng để làm cho mọi phép song hành Hê-bơ-rơ phù hợp vào ba hoặc bốn loại. Ngày nay các học giả hiểu rằng có rất nhiều loại song hành thơ ca. Hiện tại cách tốt nhất để nói về dòng thứ hai “thêm vào một điều gì đó” hoặc “đi xa hơn” (theo *The Dynamics of Biblical Parallelism: Revised and Expanded*, được viết bởi Adele Berlin, trang 64).

Hai nhóm người khác nhau được nhắc đến.

1. dòng một – những chiến binh ở Giê-ru-sa-lem
2. dòng hai – sứ giả hòa bình gửi đến Ai Cập bởi vua Ê-xê-chia (câu 8)

Chúng thực hiện những điều tương tự/ song song với nhau

- “kêu khóc,” BDB 858
- “khóc than,” BDB 113

Phép song hành chính là chìa khóa để giải nghĩa thơ ca Hê-bơ-rơ, nhưng chúng ta phải nhận ra rằng nó được sử dụng trong rất nhiều dạng và nhiều mức độ văn học khác nhau.

33:7 “những người gan dạ” Cụm từ này có thể liên hệ với từ gốc *ariel*, (NJB, 29:1,2,7; 31:9).

33:8

NASB, NKJV,

Peshitta “những thành phố”

NRSV, DSS

“những lời thề”

NJB, RSV

“những nhân chứng”

REB

“những hiệp định”

TEV

“những kết ước”

Bản MT chép là “những thành phố” (עריים, BDB 746), nhưng bởi vì sự song hành, “những nhân chứng” (עדיים, BDB 729) phù hợp tốt hơn. Đây có thể là một sự lẫn lộn “R” – “D” khác. UBS Hebrews Text Project đánh giá “nhân chứng” một điểm C (khá đáng ngờ).

33:9 Câu này sử dụng những ẩn dụ nông nghiệp cho những nan đề liên quan đến cuộc vây hãm của người A-si-ri trên Giê-ru-sa-lem vào năm 701 T.C Những biểu tượng của những ẩn dụ nông nghiệp này rất phổ biến trong Ê-sai (16:8; 24:4,7). ĐỨC GIÊ-HỐ-VA kiểm soát thời tiết cho những mục đích của Ngài (Phục Truyền 27-28). Không có sự phân biệt nào giữa “tự nhiên” và “siêu nhiên” trong Kinh Thánh, cũng như ở khu vực Cận Đông Cổ Đại. Đấng Thánh vẫn trước tiên liên hệ với tạo vật của Ngài. Hãy cẩn thận về thế giới hiện đại, khoa học của bạn sẽ thế chỗ cho hệ thống thần học qua Kinh Thánh!

33:10-12 Những câu này có lẽ liên quan đến A-si-ri cũng như trong câu 1.

33:11-12 Hình ảnh của “rom rạ” và “lửa” rất phổ biến trong Ê-sai (1:7; 5:24; 9:18-19; 10:16-19; 26:11; 29:6; 30:27-28; 33:11-14; 47:14, cũng như trong Giô-ên 2:3). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Lửa tại 1:31.

Ê-sai sử dụng hình ảnh từ sự sinh sản của con người.

1. ở đây là, sự thụ thai, BDB 247 I, KB 255, *Qal* THỀ CHƯA HOÀN THÀNH, 8:3; 26:18; 59:4,13
2. sinh con, 9:6; 13:8; 21:3; 23:4; 26:17,18; 39:7; 51:18; 54:1; 59:4; 66:7,9

▣ **“Hơi thở của ta”** Đây là từ *ruah* (BDB 924) được sử dụng như một ẩn dụ nhân hình cho làn gió đoán phạt từ lỗ mũi của ĐỨC GIÊ-HỐ-VA (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1). Nó rõ ràng là một ẩn dụ của sự tham dự cách cá nhân của ĐỨC GIÊ-HỐ-VA (Xuất 15:18; II Sa-mu-ên 22:16; Thi 18:15) trong sự đoán phạt (11:4; 30:28; 40:7).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 33:13-16

¹ Khốn cho người là kẻ hủy diệt

Mà chính người chưa bị hủy diệt,

Là kẻ phản bội

Mà chưa bị ai phản bội!

Khi người ngưng hủy diệt

Thì người sẽ bị hủy diệt;

Khi người thôi phản bội

Thì người sẽ bị phản bội.

² Lạy Đức Giê-hô-va, xin thương xót chúng con!

Chúng con trông đợi Chúa.

Xin ban sức mạnh cho chúng con mỗi buổi sáng,

Giải cứu chúng con trong lúc hoạn nạn.

³ Nghe tiếng ồn ào, các dân đều chạy trốn;

Khi Chúa đứng lên, các nước chạy tán loạn.

⁴ Cửa cải các người sẽ bị gom như cào cào;

Người ta xông vào nó như đàn châu chấu xông tới.

⁵ Đức Giê-hô-va được tôn cao vì Ngài ngự trên cao.

Ngài làm cho Si-ôn đầy dẫy công lý và sự công chính.

⁶ Ngài sẽ là sự bền vững cho ngày giờ của người,

Là sự phong phú của ơn cứu rỗi, sự khôn ngoan, và tri thức;
Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là kho báu Ngài ban.

⁷ Nay, những dũng sĩ của chúng kêu la ngoài đường;
Các sứ giả hòa bình khóc lóc đắng cay.

⁸ Đường cái hoang vắng,
Đường sá không người qua lại;
Người ta đã phá vỡ giao ước,
Xem thường nhân chúng,
Chẳng coi ai ra gì.

⁹ Đất đai than khóc và hao mòn;
Li-ban xấu hổ và khô héo;
Sa-rôn giống như đồng hoang;
Ba-san và Cạt-mên trở trụi.

¹⁰ Đức Giê-hô-va phán: “Bây giờ, Ta sẽ đứng dậy;
Bây giờ, Ta sẽ tự tôn cao;
Bây giờ, Ta sẽ được tôn vinh!

¹¹ Các người mang thai rơm rạ, hẳn sẽ sinh ra cỏ rác.
Hơi thở của các người là lửa thiêu nuốt mình.

¹² Các dân sẽ như vôi đang bị nung,
Như gai đã bị chặt và đốt trong lửa.

¹³ Hỡi những kẻ ở xa, hãy nghe việc Ta đã làm;
Hỡi những kẻ ở gần, hãy nhận biết sức mạnh của Ta.”

¹⁴ Tại Si-ôn, bọn tội nhân kinh hãi,
Đám vô đạo run rẩy; chúng nói:

“Ai trong chúng ta có thể ở với lửa thiêu nuốt?
Ai trong chúng ta có thể ở với lửa cháy đời đời?”

¹⁵ Người bước theo sự công chính và nói điều chính trực,
Xem thường món lợi bất chính,

Giữ tay không nhận hối lộ;
Bịt tai không nghe chuyện đổ máu,
Nhắm mắt không nhìn việc ác.

¹⁶ Người như thế sẽ được ở nơi cao,
Có đồn lũy bằng vách đá làm nơi trú ẩn;
Người ấy sẽ luôn được cung cấp bánh ăn
Và chẳng lo thiếu nước uống.

33:13 “Người những người ở xa...người những kẻ ở gần” Trong văn mạch, câu này chỉ về dân sự của Đức Chúa Trời trong cõi lưu đày tại A-si-ri và dân sự của Đức Chúa Trời vẫn còn ở tại Giu-đa (Đa-ni-ên 9:7). Tuy nhiên, nhìn rộng ra trong văn mạch của thời kỳ mới, nó có thể liên hệ với Người Ngoại và người Do Thái (49:1; nó là một thành ngữ cho tất cả mọi người, Giê-rê-mi 25:26).

33:14 “Những tội nhân tại Si-ôn kinh hãi” Một lần nữa thực tế của một sự pha lẫn giữa những người trung tín và những kẻ không trung tín ở giữa dân sự của Đức Chúa Trời được nhắc đến. Những tội nhân

1. kinh hoàng, BDB 808, KB 922, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, DANH TỪ - 2:10,19,21; 24:17,18; ĐỘNG TỪ - 12:2;19:16,17; 44:8,11; 51:13

2. sự run rẩy đã xâm chiếm những kẻ không tin kính, BDB 28, KB 31, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH, 13:8; 21:3 Những người “không tin kính (vô đạo)” (BDB 338) đã được mô tả trong 32:6 như là những người đã thực hành sự vô đạo và nói những điều sai trật xúc phạm ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (9:17; 10:6).

▣ “Ai trong chúng ta có thể ở với lửa thiêu nuốt?

Ai trong chúng ta có thể ở với lửa cháy đời đời?” Điều này chỉ về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được nhìn thấy qua ẩn dụ của lửa kết nối với sự công chính và sự đoán phạt của Ngài (Phục Truyền 4:24; Ê-sai 30:27,30).

Về từ “liên tục” (nguyên văn “đòi đòi”) Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 32:14.

33:15 Câu này phản ánh đặc tính của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như có thể nhìn thấy trong dân sự của Ngài.

1. bước đi cách công chính
2. nói điều chính trực
3. chối bỏ những mối lợi bất chính
4. không nhận hối lộ
5. không nghe những kế hoạch gian ác (làm đổ huyết)
6. không nhìn lên những việc ác

33:16 Người nào sống một đời sống được mô tả trong câu 15

1. sẽ được sống ở những nơi cao
2. sẽ được trú ẩn nơi hòn đá vững vàng không lay chuyển
3. sẽ có dư dật lương thực
4. sẽ có nguồn nước chắc chắn

Câu này mô tả về một người trong thời kỳ mới. Ý tưởng của Phục Truyền đã được hiện thực hóa!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 33:17-24

- ¹⁷ **Mắt ngươi sẽ chiêm ngưỡng Vua trong vẻ đẹp của Ngài,
Và sẽ thấy miền đất trải rộng ra xa.**
- ¹⁸ **Lòng ngươi sẽ suy ngẫm sự kinh khiếp, và tự hỏi:
“Các quan chức ở đâu?
Kẻ thu thuế ở đâu?
Người kiểm tra các tháp canh ở đâu?”**
- ¹⁹ **Ngươi sẽ chẳng còn thấy dân bạo ngược ấy nữa,
Là dân nói tiếng xa lạ khó nghe,
Nói thứ tiếng không thể hiểu được.**
- ²⁰ **Hãy nhìn xem Si-ôn là thành của các kỳ đại lễ của chúng ta!
Mắt ngươi sẽ thấy Giê-ru-sa-lem,
Là chỗ ở yên tĩnh, là lều sẽ không còn dời đi nữa,
Các cọc lều không còn bị nhổ đi,
Tất cả dây thừng không bị đứt.**
- ²¹ **Vì uy nghiêm của Đức Giê-hô-va sẽ ở với chúng ta tại đó,
Là nơi có sông suối rộng lớn,
Không có thuyền chèo đi lại,
Chẳng có tàu lớn vượt qua.**
- ²² **Thật, Đức Giê-hô-va là Đấng Phán xét của chúng ta,
Đức Giê-hô-va là Đấng Lập Pháp của chúng ta,
Đức Giê-hô-va là Vua của chúng ta;
Chính Ngài sẽ cứu rỗi chúng ta.**
- ²³ **Các dây của ngươi đã bị tháo lỏng,
Không thể giữ chân cột buồm
Và không thể giương buồm được.
Bây giờ, người ta sẽ chia nhau nhiều chiến lợi phẩm;
Ngay cả người què cũng được phần của nó.**
- ²⁴ **Dân cư sẽ không còn nói: “Tôi bị bệnh.”
Người sống trong đó sẽ được tha tội.**

33:17 “Mắt ngươi sẽ chiêm ngưỡng” ĐÔNG TỪ này (BDB 302, KB 301) thường được dùng để chỉ về cái nhìn thuộc linh (26:11; 33:17,20; 48:6; Gióp 23:8-9; Thi 46:8; 63:2). Con người được tạo dựng để thực hiện chức năng trong hai lãnh vực.

1. thuộc thể (*nephesh*, trên hành tinh này)

2. thuộc linh (*ruah*, trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời) Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3 đã làm gián đoạn cả hai!

▣ **“Vua trong vẻ đẹp của Ngài”** Có một sự mơ hồ cố ý, rất giống với 32:1, nơi văn mạch phù hợp với cả Ê-xê-chia trong những ngày đương thời của ông và Đấng Mê-si sẽ đến của 7:14.

33:18 “Những người kiểm đếm ở đâu” Câu này chỉ về những kẻ trinh thám A-si-ri thăm dò Giê-ru-sa-lem cho cuộc vây hãm sắp đến.

33:19 “những lời khó hiểu” Cụm từ này chỉ về ngôn ngữ của người A-si-ri (28:11).

33:20 Đây chính là thân học của Ê-sai rằng Giê-ru-sa-lem sẽ không bao giờ sụp đổ (Ê-sai 36-37). Để xem một sự thảo luận đầy đủ về “thành phố” hãy xem ghi chú tại 24:10 và bảng tại phần Dẫn Nhập vào đoạn 26, phần D. Lời tiên tri này phải được hiểu trong văn mạch bởi vì trong thời của Giê-rê-mi, Đức Chúa Trời đã ban một lời tiên tri chính xác hoàn toàn trái ngược.

Hình ảnh của “một cái lều” chính là một sự ngụ ý thời xa xưa về Cuộc Xuất Hành. Nó có thể chỉ về “đền tạm” được dựng như là một chiếc lều có thể di chuyển được. Cùng một sự ngụ ý (lều) được sử dụng trong 54:2 cho một sự mở rộng trên toàn cầu.

33:21 Ẩn dụ của “những dòng sông và thuyền buồm” có vẻ như là một sự chơi chữ trên những sự liên minh của họ với Ai Cập (câu 23). Thay vì Ai Cập, ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (Đấng Oai Nghiêm) sẽ trở thành Đấng chu cấp và bảo vệ họ (câu 22).

33:22 Giê-ru-sa-lem (câu 20) một lần nữa là thành phố của Vị Vua Vĩ Đại (Chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) cũng như được đại diện bởi Đấng đại diện công chính của Ngài (Đấng Mê-si từ Ngôi Đa-vít).

33:23 Thơ ca thật mơ hồ về nghĩa. Câu này có thể chỉ đến

1. sự hủy diệt trên A-si-ri
2. sự đẩy lên cho Giê-ru-sa-lem
3. hoặc cả hai

Trong câu 17, cả “mắt các người” và “họ sẽ thấy” không có những tiền lệ rõ ràng. Câu 18 có vẻ chỉ về A-si-ri đang kiểm tra Giê-ru-sa-lem cho một sự xâm lược và vây hãm. Câu 19 có vẻ như ám chỉ về một ngôn ngữ lạ tai của những kẻ xâm lược người A-si-ri. Tuy vậy trong câu 20 khung cảnh chuyển sang Giê-ru-sa-lem không thể bị quấy rầy. Vì vậy, những câu 21 và 22 có thể chỉ về Giê-ru-sa-lem, cũng như câu 24 rõ ràng chỉ đến.

Một vài người xem “những kẻ cướp bóc” (BDB 1021) trong câu 23 như là sự liên hệ đến những nhân tố của quân đội A-si-ri đã bỏ rơi lại trước tường thành Giê-ru-sa-lem vào năm 701 T.C chứ không phải sự cướp bóc chính thành Ni-ni-ve, vốn xảy ra vào năm 612 T.C

33:24 ĐỨC GIÊ-HÔ-VA được mô tả như là Đấng chữa lành. Đây là một sự ngụ ý chỉ đến đoạn 1 nơi mà dân sự của Đức Chúa Trời được mô tả trong sự đau ốm, thương tật (1:5-6). Sự đau yếu chính là một ẩn dụ cho “tội lỗi” và “bội nghịch” (Thi 41:4; 103:3; Ê-sai 53:5). Tân Ước tiếp tục ý tưởng Do Thái của sự đau ốm liên hệ với tội lỗi (Giăng 5:14; Gia-cơ 5:14-15). Từ “cứu” trong Tân Ước chỉ về sự giải cứu thuộc thể (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 33:2).

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cợt.

1. những đoạn 32 và 33 liên hệ với 28-31 như thế nào?
2. Hai đoạn này nói về Đấng Mê-si hay về lịch sử?
3. Hãy liệt kê những phước hạnh của Thánh Linh được mô tả trong 32:15-18.
4. Hãy cho biết bối cảnh lịch sử của 33:7-9.

Ê-SAI 34

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Con giận của Đức Chúa Trời Nghịch Củng Các Nước	Sự Đoán Phạt trên Các Nước	Sự Kết Thúc Kinh Khiếp Của Những Kẻ Thù Của Đức Chúa Trời	Đức Chúa Trời sẽ Hình Phạt Những Kẻ Thù Ngài	Lời Tuyên Án Trên Ê-đôm
34:1-15 (1-15)	34:1-4 (1-4) 34:5-7 (5-7) 34:8-15 (8-12) (13-15)	34:1-17 (1-4) (5-7) (8-17)	34:1-4 34:5-8 34:9-15	34:1-17 (1-4) (5-8) (9-11) (12-17)
34:16-17 (16a-17)	34:16-17 (16-17)		34:16-17	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để dôi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. v.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Ê-sai 34 và 35 rất giống với những đoạn 24-27. Cả hai đều là những sự kết hợp giữa những phần sự đoán phạt và phước hạnh vốn được bao gộp thành một đơn vị văn học dài hơn nhiều.
 1. Ê-sai 34 nói về sự đoán phạt toàn cầu trong những thuật ngữ hình ảnh sinh động.
 2. Ê-sai 35 nói về sự phục hồi trên toàn cầu trong những thuật ngữ tươi đẹp, mang tính lý tưởng.
- B. Bởi vì ở đây có một khoảng trống rộng gấp đôi giữa đoạn 33 và đoạn 34 trong bản chép Ê-sai Cuộn

Biển Chết, có lẽ nó là một đơn vị văn học (những đoạn 34-35 và 38-39) nên đi cùng với 40-66 (như cách thiết lập văn học). Đoạn 35 là một sự thảo luận về thời kỳ mới, những ngày của sự phục hồi. Chúng mô tả về những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA muốn thực hiện với con người trước khi Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3 và sự phản nghịch của dòng dõi Áp-ra-ham.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 34:1-15

- ¹ Hỡi các nước hãy đến gần mà nghe;
Hỡi các dân, hãy chú ý!
Đất và mọi vật trên đó,
Thế giới và mọi vật sinh ra từ nó,
Hãy cùng lắng nghe!
- ² Vì Đức Giê-hô-va nổi giận chống lại mọi nước,
Con thịnh nộ Ngài giáng trên tất cả quân đội của chúng;
Ngài khiến chúng bị hủy diệt,
Phó chúng cho cuộc tàn sát.
- ³ Những kẻ bị giết của chúng sẽ bị ném bỏ,
Xác chết xông lên mùi hôi thối;
Núi non máu chảy đầm đìa.
- ⁴ Tất cả tinh tú trên bầu trời sẽ tan tác,
Các tầng trời sẽ cuốn lại như cuộn sách;
Tất cả tinh tú sẽ tàn lụi
Như lá nho khô rơi rụng,
Cũng như lá vả khô rơi xuống từ cây vả.
- ⁵ Vì gươm Ta ở trên trời đã uống thỏa mãn;
Này, nó sẽ xuống trừng phạt Ê-đôm,
Dân mà Ta đã phó cho sự hủy diệt để chịu phán xét.
- ⁶ Gươm của Đức Giê-hô-va dính đầy máu, vậy đầy mỡ,
Là máu của chiên con và dê đực,
Mỡ trái cật của chiên đực.
Vì có một cuộc dâng sinh tế cho Đức Giê-hô-va ở Bót-ra,
Là sự tàn sát lớn trong đất Ê-đôm.
- ⁷ Bò rừng, bò tơ và bò đực
Đều ngã xuống với chúng;
Đất của chúng sẽ say vì máu,
Bụi của chúng thấm đầy mỡ béo.
- ⁸ Vì Đức Giê-hô-va có ngày báo thù,
Có năm báo trả vì có Si-ôn.
- ⁹ Các sông suối Ê-đôm sẽ biến thành nhựa thông,
Bụi đất nó biến thành lưu huỳnh,
Đất đai nó trở thành nhựa thông đang cháy.
- ¹⁰ Ngày đêm không bao giờ tắt,
Khói bay lên không dứt.
Đất sẽ bị bỏ hoang từ đời này sang đời kia;
Mãi mãi không còn ai đi qua đó.
- ¹¹ Bò nông và nhím sẽ chiếm lấy nó,
Chim cú và chim quạ sẽ ở tại đó.
Chúa sẽ giăng dây đo hỗn độn
Và dây dọi trống rỗng trên nó.
- ¹² Giới quý tộc của nó không còn;
Ở đó không được gọi là vương quốc nữa,

Tất cả các quan chức của nó đều không là gì cả.

¹³ Gai góc sẽ mọc trên các lâu đài,
Bụi rậm và cỏ rác mọc lên trong các đồn lũy.

Nó sẽ trở thành hang chó rừng,
Và chỗ ở của đà điểu.

¹⁴ Thú rừng và chó rừng sẽ gặp nhau tại đó;
Loài dê ma quái hú gọi nhau;

Yêu quái sẽ qua đêm tại đó,
Và tìm được cho mình một chỗ nghỉ ngơi.

¹⁵ Chim cú sẽ làm tổ tại đó, để trứng, ấp cho nở,
Và nhóm con lại dưới bóng cánh mình;

Tại đó, điều hâu cũng tụ họp lại,
Trông mãi có đôi.

34:1 Có một vài mạng lệnh trong câu này.

1. lại gần, BDB 897 I, KB 1132, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH
2. lắng nghe, BDB 904, KB 1151, *Hiphil* THẺ MỆNH LỆNH
3. nghe, BDB 1033, KB 1570, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH

Đấng Toàn Năng của toàn vũ trụ đang nhắc đến tạo vật của Ngài và công bố sự đoán phạt trên nó.

1. “Hỡi các nước,” BDB 156, câu 2; 43:9
2. hỡi các dân, BDB 522, 17:12; 43:9
3. đất, BDB 75, 37:16,20; Sáng 18:18; 22:18; Mi-chê 1:2
4. mọi vật ở trên nó, BDB 571, 6:3
5. thế giới, BDB 385, 13:11; 24:4
6. mọi vật sinh ra từ nó, BDB 481 GHEP VỚI BDB 425

Rõ ràng ở đây chỉ về thế giới đã biết trong thời của Ê-sai, nhưng ngôn ngữ mang tính toàn cầu.

34:2 “**Vì Đức Giê-hô-va nổi giận chống lại mọi nước... Ngài khiến chúng bị hủy diệt (hoàn toàn)**” Ý tưởng “hủy diệt hoàn toàn” (BDB 355 I, KB 353, *Hiphil* THẺ HOÀN THÀNH) chỉ đến khái niệm “cuộc thánh chiến.” Trong Giô-suê khái niệm này liên hệ với Giê-ri-cô và được dịch là “ở dưới sự ngăn cấm” (được biệt riêng cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cho sự hủy diệt, Giô-suê 6:17,18 [ba lần]; 7:1 [hai lần], 12 [hai lần], 13 [hai lần], 15).

34:3 Câu này mở rộng ra ý tưởng trong câu 2, với những ẩn dụ hình ảnh sống động của cuộc chiến.

1. những người chết bị quăng ra ngoài, BDB 1020, KB 1527, *Hophal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH
2. xác của họ sẽ bốc mùi (nguyên văn “bay lên”) hôi thối của chúng, BDB 748, KB 828, *Qal* THẺ CHƯA HOÀN THÀNH, A-môt 4:10
3. các ngọn núi sẽ bị ướt sũng (nguyên văn “tan ra”) bởi máu của chúng, BDB 587, KB 606, *Niphal* THẺ HOÀN THÀNH

Câu này mô tả một khung cảnh chiến trận nơi mà các xác của người chết đã nằm đó trong một khoảng thời gian kéo dài. Tại khu vực Cận Đông Cổ Đại, một sự chôn cất không thích đáng chính là một sự kinh hoàng và bất hạnh có thể ảnh hưởng cả đến sự tồn tại sau cái chết. Nó đại diện cho một sự đánh bại hoàn toàn, thuộc thể lần thuộc linh.

34:4 Ngôn ngữ ngoa dụ (phóng đại) liên hệ với những chu kỳ của mặt trăng và mặt trời là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong Kinh Thánh.

1. Ê-sai 13:13; 34:4; 51:6
2. Ê-xê-chi-ên 32:7,8
3. Giô-ên 2:31
4. Ma-thi-ơ 24:29
5. II Phi-e-rơ 3:10
6. Khải Huyền 6:12-14; 20:11

Cụm từ “cơ binh của bầu trời” có thể chỉ về

1. những vị thần trên bầu trời (mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, các hành tinh, sao chổi, v.v...) thường liên hệ với Ba-by-lôn
2. đạo quân thiên sứ (24:21-22; Giô-suê 5:14-15, dựa trên Phục Truyền 32:8 trong bản dịch LXX và được minh họa trong Đa-ni-ên 10)

Trong văn mạch nó chỉ về những vật thể sáng trên bầu trời. Những vật thể này bị ảnh hưởng và quăng vào sự hỗn loạn bởi sự tiến đến của Đấng tạo hóa của chúng! Những vật thể vật lý thường được xem như những vị thần đã đầu phục trước ĐỨC-GIÊ-HÔ-VA!

▣ **“cuốn lại như cuộn sách”** Hình ảnh này được sử dụng bởi Giăng trong Khải Huyền 6:14. Bầu trời tại khu vực Cận Đông Cổ Đại được nghĩ là (1) một tấm da được căng chặt phía trên trái đất như là một cái bát (Ê-sai 40:22) hoặc (2) một cái lều được dựng lên (Thi 104:2). Trật tự cũ sẽ bị dời đi và thay thế bởi cái mới (Khải Huyền 21:1).

▣

NASB, NRSV “khô héo”
NKJV, TEV “rơi”

ĐỘNG TỪ này (BDB 615, KB 663) xuất hiện ba lần trong câu này.

1. *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH
2. *Qal* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP
3. *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG

Nó cũng xuất hiện trong đơn vị văn học song hành của những đoạn 24-27 (24:4 [hai lần]). Nông nghiệp cũng rúng động bởi sự tiến đến của Đấng Tạo Hóa! Chúng ta có thể nói cả bầu trời và mặt đất đều tan ra trước sự tiến đến của Đấng Tạo Hóa/ Quan Án bởi vì chúng, cũng vậy, bị ảnh hưởng bởi tội lỗi của nhân loại (Sáng 3:17-19; Rô-ma 8:19-22).

34:5 “bởi sự đoán phạt trên Ê-đôm” Ê-đôm ở đây được nhắc đến đơn độc cho sự đoán phạt trong đơn vị văn học này cũng như Mô-áp được nhắc riêng trong Ê-sai 25:10-12. Ở đây Ê-đôm (cũng như Mô-áp trước đó) là hình bóng của tất cả mọi dân tộc kiêu ngạo là những kẻ chống nghịch cùng Đức Chúa Trời.

34:6-7 Những câu này sử dụng những ẩn dụ của việc dâng sinh tế (BDB 830, Giê-rê-mi 50:27; 51:40; Ê-xê-chi-ên 39:17-20 để mô tả về sự đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

1. huyết của chiên và dê đực, câu 6
2. mỡ của trái cật chiên đực, câu 6
3. bò tơ, câu 7

Không chỉ những gia súc sẽ bị dâng làm sinh tế, nhưng cả những bò rừng (BDB 910).

Hình ảnh của lưỡi gươm của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA cũng được thấy trong Phục Truyền 32:41-42 và Ê-xê-chi-ên 21:28-32.

▣

NASB “được thỏa mãn với mỡ béo”
NKJV “được tràn ngập với mỡ béo”
NRSV, REB,
LXX “được nhồi nhét với mỡ béo”
NJB “béo ngậy với mỡ”

ĐỘNG TỪ này (BDB 206, KB 234, *Hothpael* THÈ HOÀN THÀNH) được tìm thấy duy nhất ở đây trong một từ gốc hiếm. Nó chỉ về một khái niệm phân thân, “gươm của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm béo chính nó.” *Pual* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một ĐỘNG TỪ được tìm thấy trong câu 7, “trở nên béo ngậy với mỡ.” Cả hai nói về một số lượng lớn những nạn nhân sinh tế bị giết (ẩn dụ cho sự chết của quân đội kẻ thù). Mỡ của những bộ phận phía dưới chính là phần của con vật được để nơi bàn thờ.

34:8 Chúng ta là những người giải kinh hiện đại cần phải nhớ rằng sự tinh túy của thơ ca Hê-bơ-ơ chính là

1. những điều cốt yếu rút gọn của nó

2. những cách chơi chữ của nó
3. những sự chơi chữ của nó

Nhưng người phương Tây cố gắng đi theo cách suy nghĩ Hy Lạp, giải thích theo nghĩa đen hợp lý (lô-gic)! Tuy nhiên, đây là thơ ca phương đông cổ đại. Hãy xem quyển, *The Language and Imagery of the Bible*, được viết bởi G. B. Caird, đoạn 5, và quyển “Hebrews Idiom and Hebrews Thought,” ở trang 107-117. Điều này thật đúng với Sáng Thế Ký 1-2. Hãy xem John L. Walton, *The Lost World of Genesis 1*.

Câu này là một ví dụ hay, “ngày,” dòng 1 song hành với “năm,” dòng 2. Đây không phải là một sự bình luận đương thời, lịch sử, nhưng là một sự nhận biết rằng một thời kỳ của sự đoán phạt và sự giải trình trước Đức Chúa Trời đang đến! Nó sẽ kéo dài trong bao lâu không phải là vấn đề.

34:9 “nhựa thông...lưu huỳnh...nhựa thông đang cháy” Những từ này (BDB 278, 172, 278/128) chính là những sự chỉ đến sự hủy diệt của Sô-đôm và Gô-mô-rơ trong Sáng 19:24. Cũng vậy, hãy xem sự song hành đáng chú trong Giê-rê-mi 49:17-18. Sô-đôm và Gô-mô-rơ nằm ở khu vực phía bắc của Ê-đôm (phía cực nam của Biển Chết).

34:10 Đây là một ngôn ngữ ngoa dụ (phóng đại) chỉ về một sự hủy diệt hoàn toàn sẽ tồn tại đến một tương lai không giới hạn (1:31; 13:20; 66:24).

Có hai từ dùng cho “mãi mãi” được sử dụng.

1. dòng 2, עולם (BDB 761, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 32:14)
2. dòng 4, נצח (BDB 664, II Sa-mu-ên 2:26; Ê-sai 13:20; 25:8; 28:28; 33:20; 57:16)

Cụm từ “khói của nó sẽ bốc lên cho đến đời đời” được sử dụng trong Khải Huyền 14:11 và 19:3. Có vẻ là (1) “Mô-áp” trong 25:10-12; (2) Ê-đôm trong văn mạch này; và (3) “Ba-by-lôn” trong Khải Huyền thay mặt cho “mọi xã hội của con người được sắp đặt và vận hành tách rời khỏi Đức Chúa Trời hay thậm chí chống nghịch lại Đức Chúa Trời.”

Để xem một thảo luận hay về những sự sử dụng của từ “mãi mãi” trong Kinh Thánh, hãy xem y, *Plowshares and Pruning Hooks*, được viết bởi D. Brent Sand, trang 98-101.

34:11-15 Có nhiều loài vật (chủ yếu các loại chim) được nhắc đến trong phần này. Tất cả chúng đều không tinh sạch theo Lê-vi Ký 11. Cùng những loài vật không tinh sạch này được thấy trong đồng đồ nát của thành Ba-by-lôn (13:19-22). Có hai cách giải nghĩa có thể xảy ra cho phần này: (1) những đồng đồ nát chính là biểu tượng cho những nỗ lực của con người sa ngã bị đoán phạt và hủy diệt bởi Đức Chúa Trời để rồi không còn lại gì nhưng chỉ những súc vật sống ở tại đó hoặc (2) những thành phố này giờ đây được cư ngụ bởi ma quỷ (Ma-thi-ơ 12:43). Những bản dịch hiện đại như bản NEB đã trưng ra những bằng chứng khảo cổ học rằng những loài vật này có thể chỉ đến ma quỷ (đặc biệt là câu 14).

1. NASB “con dê có lông”
NKJV “con dê rừng”
NRSV “dê ma quỷ”
TEV “các quỷ”
NJB “quỷ dê”
REB “dê đực”

Từ này có thể chỉ về (BDB 972 III)

- a. các hình tượng (II Sử Ký 11:15)
- b. các quỷ (Lê-vi-ký 17:7)
- c. những thú hoang(Ê-sai 13:21)
2. NASB, TEV “quái vật ban đêm”
NKJV “những tạo vật ban đêm”
NRSV, NJB “quỷ Lilith”
REB “cú đêm”

Từ này (BDB 535) về sau trong Do Thái Giáo đã trở thành tên riêng của một quỷ đêm cảm dỗ giống cái. Góc của từ và khái niệm này có lẽ chính là ba loại quỷ đêm của thần thoại Akkad (KB 528). Bản Peshitta xác định

nó chính là một loại “cú thét.” Bóng đem với tất cả những “âm thanh tự nhiên” của nó thật kinh hoàng với người cổ đại.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ (TÀ LINH)

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hóa này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
 2. Ai-cập, thứ tự và vận hành
 3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92
- C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Nó có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.
1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc, xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
 2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
 3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
 4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
 5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
 6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

- D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hóa giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hóa ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (quyển 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

- E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Giê-xu đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh,

xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-xu bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-xu khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

- F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.
- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi, nhưng đã bị đánh bại. Các tín đồ cần phải bước đi trong sự chiến thắng của Đấng Christ

34:11 Những từ này được dịch là “hoang tàn” (BDB 1062, 24:10) và “trống rỗng” (BDB 96) được sử dụng trong Sáng 1:2 để mô tả về sự hỗn độn khởi nguyên của hành tinh này. Ê-đôm (mọi dân tộc phản nghịch) sẽ bị hạ xuống tình trạng hư không và hỗn độn nguyên thủy (13:9-11; Giê-rê-mi 4:23-26).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 34:16-17

- ¹⁶ **Hãy tìm trong sách Đức Giê-hô-va và đọc:**
Trong những thú vật ấy, không thiếu một con nào,
Chẳng một con nào là không đủ đôi.
Vì chính miệng Đức Giê-hô-va đã truyền,
Và Thần Ngài đã quy tụ chúng lại.
- ¹⁷ **Chính Chúa đã bắt thăm,**
Tay Ngài dùng dây đo chia phần cho chúng.
Những thú vật ấy sẽ chiếm hữu đất này mãi,
Và ở đó từ đời này sang đời kia.

34:16 “Hãy tìm trong sách Đức Giê-hô-va và đọc” Ngoại trừ câu 1, không có THÊ MỆNH LỆNH nào trong đoạn này trước câu này. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA kêu gọi họ tiến đến và lắng nghe (hai THÊ MỆNH LỆNH) trùng khớp với hai THÊ MỆNH LỆNH vốn đóng lại đoạn này (một kỹ thuật văn học Sê-mít thông dụng).

1. tìm kiếm, BDB 205, KB 233, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
2. đọc, BDB 894, KB 1128, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH

Các dân đã bị bãi bỏ sự cai trị được ban cho con người trong Sáng Thế Ký 2, và vì thế các loài vật đã được phân chia xứ bởi Đấng Thánh!

Có rất nhiều ý kiến khác nhau về sách này (BDB 706). Một vài người xem nó là một sách về sự đoán phạt (29:11,12; 30:8). Một số người khác xem nó là một sự ngụ ý được nhắc đến chỉ về hai quyển sách-trong Đa-ni-ên 7:10; 12:1 và Khải Huyền 20:4-15, vốn có nghĩa bóng chỉ về sự ghi nhớ của Đức Chúa Trời.

1. “quyển sách sự sống”
 - a. Xuất 32:32

- b. Thi 69:28
 - c. Ê-sai 4:3
 - d. Đa-ni-ên 7:10; 12:1
 - e. Lu-ca 10:20
 - f. Phi-líp 4:3
 - g. Hê-bơ-rơ 12:23
 - h. Khải Huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:12,15; 21:27
2. quyền sách của hành vi/ký ức
- a. Thi 56:8; 139:16
 - b. Ê-sai 65:6
 - c. Đa-ni-ên 7:10
 - d. Ma-la-chi 3:16
 - e. Khải Huyền 20:12-13

▣ **“không thiếu một con nào,**

Chẳng một con nào là không đủ đôi.

Vì chính miệng Đức Giê-hô-va đã truyền” Ở đây chúng ta có hai ẩn dụ chỉ đến quyền năng của lời Đức Chúa Trời. Ẩn dụ đầu là ẩn dụ quân đội, trong khi ẩn dụ thứ hai là ẩn dụ về gia súc. Khi Đức Chúa Trời phán, thì có thể được trông cậy (24:3; 25:8; 55:10-11).

▣ **“Thần Ngài đã quy tụ chúng lại”** Hãy xem những ghi chú và Chủ đề đặc biệt tại 11:2; 32:15-20. Đức Chúa Trời tụ họp những loài thú/ các quý được liệt kê trong những câu 11-15.

34:17 Đây là một sự ngụ ý về sự phân chia đất bằng cách bắt thăm (Urim và Thummim) trong Giô-suê 12-19. Nó là một cách cổ xưa để nhấn mạnh rằng giao ước được làm mới lại và vĩnh cửu!

Ê-SAI 35

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Tương lai hạnh phúc của Si-ôn	Tương Lai Vinh Hiển của Si-ôn	Si-ôn Được Phục Hồi	Con Đường Đến Sự Thánh Khiết	Sự Đắc Thắng của Giê-ru-sa-lem
35:1-10	35:1-7	35:1-10	35:1-10	35:1-10
(1-10)	(1-2)	(1-2)	(1-2)	(1-7)
	(3-4)	(3-4)	(3-4)	
	(5-7)	(5-7)	(5-7)	
	35:8-10			
	(8-10)	(8-10)	(8-10)	(8-10)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu)

THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Đoạn này rõ ràng là một sự đảo ngược của đoạn 34.
- B. Câu hỏi là ai ở đây được nhắc đến và khi nào.
 1. Có phải đoạn này chỉ đến sự rục rở trong nông nghiệp của Đất Hứa trong thời kỳ cuối rốt (những tín hữu Do Thái và Dân Ngoại trung tín)?
 2. Có phải đoạn này chỉ đến những phu tù tại A-si-ri trở về Palestine (Y-sơ-ra-ên)?
 3. Có phải đoạn này chỉ về sự trở về của những phu tù tại Ba-by-lôn bởi sắc lệnh của vua Si-ru (Giu-đa)?
 4. Có phải đoạn này chỉ về hoang mạc ở giữa khu vực Mê-sô-bô-ta-mi và Palestine được biến đổi trở thành một con đường tươi tốt dành cho dân sự của Đức Chúa Trời quay trở về Palestine?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢY TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 35:1-10

¹ Hoang mạc và đất khô hạn sẽ vui vẻ;
Đông hoang sẽ mừng rỡ và trở hoa như hoa thủy tiên.

² Nó sẽ trở nhiều hoa và vui mừng,
Hón hờ trời tiếng hát ca.

Vinh quang của Li-ban sẽ được ban cho nó,
Cùng với vẻ đẹp của Cạt-mên và Sa-rôn.

Chúng sẽ thấy vinh quang Đức Giê-hô-va
Và sự huy hoàng của Đức Chúa Trời chúng ta.

³ Hãy làm cho mạnh mẽ những bàn tay yếu ớt,
Làm cho vững vàng những đầu gối run rẩy!

⁴ Hãy bảo những người có lòng lo sợ rằng:
“Hãy vững lòng, đừng sợ!

Này, Đức Chúa Trời của anh em sẽ đến với sự báo thù,
Tức là sự báo trả của Đức Chúa Trời.
Chính Ngài sẽ đến và cứu anh em!”

⁵ Bấy giờ, mắt người mù sẽ thấy được,
Tai người điếc sẽ nghe được.

⁶ Bấy giờ, người què sẽ nhảy nhót như con nai,
Lưỡi người câm sẽ ca hát vang lừng.

Vì có những dòng nước trào lên trong hoang mạc,
Và các suối tuôn chảy nơi đồng hoang.

⁷ Cát nóng sẽ biến thành ao hồ,
Đất khô hạn sẽ biến thành suối nước.

Nơi chó rừng đã ở
Sẽ trở thành đồng cỏ, có sậy và cói.

⁸ Tại đó, sẽ có một đường cái,
Một con đường gọi là Đường Thánh.

Kẻ bất khiết sẽ không được đi qua,
Nhưng nó dành cho những người được chuộc.

Ai đi trong đường ấy
Dù khờ dại cũng không lầm lạc.

⁹ Tại đó không có sư tử,
Cũng không có một thú dữ nào đi trên đường ấy;

Chẳng ai thấy chúng ở đó.
Nhưng những người được chuộc sẽ bước đi trên đường ấy.

¹⁰ Những người Đức Giê-hô-va cứu chuộc sẽ trở về,
Họ sẽ đến Si-ôn trong tiếng reo hò mừng rỡ;

Niềm vui bất tận sẽ ở trên đầu họ.
Họ sẽ tràn ngập niềm hân hoan vui mừng,

Và sự buồn bực than vãn sẽ biến mất.

35:1 “hoang mạc” Từ này chỉ về những đồng cỏ không có người ở (BDB 184, Giô-ên 1:19-20).

☐ **“đất khô hạn (sa mạc)”** Từ này (BDB 851) chỉ về vùng đất khô cằn, không thể sinh sống (41:18; 53:2; Giô-ên 2:20). Chú rằng “hoang mạc” được liên hệ với “sa mạc” và song hành với “A-ra-ba.”

☐ **“Đông hoang (A-ra-ba)”** Từ này (BDB 787) chỉ về những thung lũng vết nứt gãy Giô-đanh nằm ở phía nam của Biển Chết (33:9).

☐ **“sẽ mừng rỡ và trở hoa”** Hai ĐỘNG TỪ đầu của câu 1 cũng là một sự nhân hóa song hành của cây cỏ.

1. sẽ mừng rỡ, BDB 965, KB 1314, *Qal* THÈ CHƯA HOÀN THÀNH (có thể trong nghĩa của THÈ MỆNH

LỆNH), ĐỘNG TỪ này được sử dụng tám lần trong những đoạn 61-66

2. sẽ vui mừng, BDB 162, KB 189, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, câu 2; 25:9; ĐỘNG TỪ này được sử dụng bốn lần trong những đoạn 61-66, Giô-ên 2:21,23

ĐỘNG TỪ thứ ba “nở hoa” (BDB 897, KB 965, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH) chỉ ra cách những loài thực vật (sự nhân hóa) vui mừng như thế nào. Ê-sai thường sử dụng sự nhân hóa những yếu tố tự nhiên (33:9; 44:23; 55:12, NASB Study Bible, trang 1004). Những tình trạng của Vườn Ê-đen (Sáng Thế Ký 1-2) được phục hồi; thời kỳ mới đã đến! Câu 10 được lặp lại trong 51:11. Đây là một dấu chỉ của thời kỳ mới của sự phục hồi (7:21-25; 27:6; 32:15; 41:8-19; 55:12-13).



NASB, NRSV,

Peshitta “hoa nghệ tây”

NKJV, JPSOA “hoa hồng”

NJB, REB “lan nhật quang”

JB “hoa trường thọ”

LXX “hoa huệ tây”

Gần như không thể nào định danh chính xác (TEV “các bông hoa”) loại hoa và loài động vật trong Kinh Thánh. Các ra-bi Do Thái nói rằng từ này (BDB 287) chỉ về hoa hồng, trong khi Luther và Calvin cho rằng nó chỉ về hoa huệ tây. Mọi sự suy đoán của bất cứ ai cũng chỉ là suy đoán! Một nguồn tài liệu hay cho những vấn đề tương tự là bộ “Helps for Translators”, *Fauna and Flora of the Bible*, UBS.

35:2 “Li-ban...Cạt-mên và Sa-rôn” Ba khu vực này rất nổi tiếng về những tán thực vật tươi tốt của chúng. Cụm từ “trở hoa tươi tốt” chính là ĐỘNG TỪ *Qal* NGUYÊN MẪU TUYỆT ĐỐI và *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH của cùng một gốc từ (BDB 827, KB 965) vốn chỉ về sự gia tăng nhấn mạnh hoặc ở đây sự tăng trưởng tươi tốt.

▣“Chúng sẽ thấy” Ở đây có vẻ như là một sự tiếp tục nhân hóa những loài thực vật.

35:3-6 Những câu trên đề cập đến một vài loại người khác nhau.

1. những người kiệt sức (nguyên văn “những bàn tay yếu ớt”)
2. những người yếu đuối (nguyên văn “những đầu gối yếu ớt”)
3. những người với tấm lòng run rẩy (nguyên văn “những kẻ vội vã”)
4. kẻ mù (BDB 734)
5. người điếc (BDB 361)
6. người què (BDB 820)
7. người câm (BDB 48)

Những câu này cũng mô tả về những gì Đức Chúa Trời sẽ làm cho họ trong ngày mới của sự phục hồi.

1. dành cho nhóm #1 “sự khích lệ” (BDB 304, KB 302, *Piel* THÊ MỆNH LỆNH)
2. dành cho nhóm #2 “sự thêm sức” (BDB 54, KB 65, *Piel* THÊ MỆNH LỆNH)
3. dành cho nhóm #3
 - a. lấy sự can đảm, BDB 304, KB 302, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
 - b. đừng sợ hãi, BDB 431, KB 432, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH nhưng trong nghĩa của THÊ MỆNH LỆNH
4. dành cho nhóm #4 “mở mắt,” BDB 824, KB 959, *Niphal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
5. dành cho nhóm #5 “mở tai,” cùng ĐỘNG TỪ như mục #4
6. dành cho nhóm #6 “nhảy nhót như con nai,” BDB 194, KB 222, *Piel* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
7. dành cho nhóm #7 “lưỡi người câm sẽ ca hát vui mừng,” BDB 943, KB 1247, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH

Đây là thông điệp mà Chúa Jesus đã gửi cho Giăng Báp-tít khi ông đang ở trong tù (Ma-thi-ơ 11:4-5; Lu-ca 7:20-22). Thời kỳ mới được phản chiếu trong chức vụ của Chúa Jesus!

35:4 Chú ý những gì ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã hứa cho tuyên dân giao ước của Ngài.

1. Ngài đến với sự báo trả, BDB 668, 34:8; 59:17; 61:2; 63:4; Phục Truyền 32:25; Giê-rê-mi 50:28

2. Sự ban thưởng của Ngài cũng sẽ đến, BDB 168, 59:18 (hai lần); 66:6, cũng hãy xem 65:6
3. Ngài sẽ giải cứu họ, BDB 446, KB 448, *Hiphil* THỀ MỆNH LỆNH, 25:9; 33:22; 38:20; 45:17; 49:25; 59:1; 63:1,5,9; 64:5

35:6 “Vì có những dòng nước trào lên trong hoang mạc” Sự nở rộ của thiên nhiên quay lại trong những câu 1,2. Dấu hiệu bên ngoài của sự hiện diện thuộc linh và sự phước hạnh của Đức Chúa Trời chính là sự bày tỏ tuyệt vời của vẻ đẹp và sự tăng trưởng của thiên nhiên (câu 7).

35:7 “Nơi chó rừng đã ở” Bản dịch Peshitta và KJV dịch từ này (BDB 1072) là “rông.” Chúng tôi đã tìm được từ Những Cuộn Biên Chết rằng những con vật được liệt kê trong Cựu Ước thường liên hệ với những thân tượng của những quốc gia xung quanh, vì vậy, chỗ này chỉ cả về (1) một nơi hoang mạc hoặc (2) nơi cư ngụ của quỳ dữ (34:11-15).

Lý do văn học cho dòng thơ này rằng những hang khô cạn của chó rừng giờ đây cũng được đổ đầy với nước và có thể mọc lên những đồng cỏ.

▣
NASB “nơi nghỉ ngơi của chúng”
NKJV “nơi mỗi con có thể nằm”
NRSV “một đồng cỏ”
REB “hang ổ của chúng”

Bản MT chép là רבצה, BDB 918, “nơi nghỉ ngơi của chúng.” Bản dịch NRSV đổi nó thành לבצה, (hãy xem NIDOTTE, tập 1, trang 692-693). Cuộn Ê-sai DSS chép là “nó nằm xuống.”

▣ **“Cỏ sẽ trở nên sậy và cói”** Cỏ sẽ phát triển cao như những cây sậy và cói sẽ chỉ ra sự phát triển rực rỡ của những phước hạnh của Đức Chúa Trời trên thiên nhiên.

35:8 “Đường Thánh” Đây là chủ đề thông dụng trong sách Ê-sai (26:7; 40:3-4; 42:13). Cùng một ẩn dụ của một sự thăm viếng hoàng gia được sử dụng để mô tả sự đến của Đấng Mê-si. Giảng Báp-tít công bố rằng ông đã ứng nghiệm lời tiên tri trong Ma-la-chi 4:5 về sự chuẩn bị con đường cho Chúa. Đây chính là ẩn dụ của sự chuẩn bị một con đường thật sự, nhưng nó có một hàm thuộc linh chỉ về sự ăn năn.

35:9 “Tại đó không có sự tử” Sự kiện rằng những con vật hoang dã và nguy hiểm này sẽ vắng mặt hoặc bị biến đổi thành những bầu bạn đã được thuần hóa chính là dấu chỉ của một phước hạnh của Đức Chúa Trời (Ê-sai 11:6-9). Nó cũng là sự đảo ngược của sự đe dọa của Lê-vi-ký 26:22.

▣ **“những người được chuộc”** Từ này được sử dụng lần đầu tiên trong mối liên hệ với sự biệt dâng con đầu lòng cho Đức Chúa Trời (Xuất 13:13,15). Ý tưởng trước tiên ở đây chính là sự giải cứu khỏi tình trạng nô lệ với một cái giá được ấn định. Mối liên hệ giữa “được cứu chuộc” (BDB 145 I, KB 169, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG) trong câu 9 và “được chuộc” (BDB 804, KB 911, *Qal* ĐỘNG TÍNH TỪ THỂ BỊ ĐỘNG) trong câu 10 được lặp lại trong 40:1-3. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 29:22.

35:10 “sẽ trở về” ĐỘNG TỪ này (BDB 996, KB 1427, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “quay trở lại” (sự ăn năn hoặc thay đổi hướng). Nhiều nhà giải kinh xem câu này (và câu 8) như là một dấu chỉ của việc trở lại của những kẻ lưu đày tại Ba-by-lôn (và vì vậy kết nối với những đoạn 40-66). Điều này chắc chắn có thể bởi vì những bài thơ của Ê-sai không luôn được sắp xếp theo trình tự thời gian. Nó có thể mô tả về “sự ăn năn” như là một nếp sống (con đường của sự thánh khiết).

▣ **“Si-ôn”** Từ này sau này trở thành sự định danh cho toàn bộ thành phố Giê-ru-sa-lem (được dựng trên bảy ngọn đồi), cụ thể trong đền thờ, mặc dù về mặt địa lý Đền Thờ nằm trên Ngọn Mô-ri-a, chứ không phải Ngọn Si-ôn.

▣ Những người trở về được mô tả như là
 1. của chuộc của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA

2. đến trong tiếng hát
3. đến với niềm vui bất tận
4. trên đầu họ như có một mào miện
 - a. vui mừng
 - b. mừng rỡ
5. không có sự đau buồn
6. không có tiếng thở dài

▣ **“với niềm vui bất tận trên đầu họ”** Từ “bất tận” là *‘olam* (BDB 761). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 32:14.

▣ **“Và sự buồn bực than vãn sẽ biến mất”** Hãy xem Ê-sai 25:8 và Khải Huyền 21:4.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Tính chất của sự vui mừng và phước hạnh thuộc thể này có vẻ như không bao giờ đồng hành cùng những kẻ trở về từ Sự Lưu Đày, và nếu như vậy, điều gì mà đoạn này chỉ đến?
2. Hãy mô tả tầm quan trọng và sự khác biệt giữa hai từ: “được cứu chuộc” và “được chuộc”
3. Tại sao thiên nhiên lại được sử dụng để biểu tượng cho sự hiện diện và phước hạnh của Đức Chúa Trời?

Ê-SAI 36

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
San-chê-ríp Xâm Lược Giu-đa	San-chê-ríp Khoác Lác Chống Lại Đức Giê-hô-va	Cuộc Tấn Công của San-chê-ríp	Sự Đe Dọa Giê-ru-sa-lem của Người A-si-ri	Cuộc Xâm Lược của San-chê-ríp
36:1-3	36:1-3	36:1-3	36:1-6	36:1-10
36:4-10	36:4-10	36:4-10	36:7-10	
36:11-12	36:11-12	36:11-12	36:11 36:12	36:11-12
36:13-20	36:13-20	36:13-20	36:13-20	36:13-20
36:21-22	36:21-22	36:21-22	36:21-22	36:21-22

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NGHIÊN CỨU VỀ BỐI CẢNH (36-39)

- A. Những đoạn này hình thành một sự chuyển tiếp văn học lịch sử (hoặc phần phụ lục, theo Jewish Study Bible, trang 853) giữa cuộc đời của tiên tri Ê-sai trong những đoạn 1-39 (giai đoạn A-si-ri) và phần mà Ê-sai nói về tương lai, trong những đoạn 40-66 (giai đoạn Ba-by-lôn và thời kỳ cuối rốt). Một phần thêm vào lịch sử cũng xuất hiện trong Giê-rê-mi 52, nơi mà II Các Vua 24:18-25:30 được lặp lại.
- B. Phần này của sách Ê-sai được song hành với II Các Vua 18:13-20:19, ngoại trừ phần 38:9-20; cũng hãy xem II Sử Ký 32.

- C. Phần này có vẻ như hình thành một sự chuyển tiếp kết nối cần thiết từ một sự nhấn mạnh vào A-si-ri (những đoạn 36 và 37) sang Ba-by-lôn (những đoạn 38 và 39).
- D. Có nhiều sự thảo luận về mối liên hệ giữa sự từ chối khuất phục theo những đòi hỏi và đe dọa của vua A-si-ri San-chê-ríp của Vua Ê-xê-chia và việc Ê-xê-chia cống nạp cho hắn trong II Các Vua 18:14-16. Có thể rằng Vua Ê-xê-chia khởi đầu cống nạp và sau đó từ chối tiếp tục làm điều đó. Mối liên hệ giữa hai đoạn Kinh Thánh này cũng chỉ là phỏng đoán mà thôi.
- E. đoạn này và những đoạn song hành có một sự sử dụng cách tập chú của từ “tin cậy” (BDB 105, KB 120) hơn bất kỳ văn mạch nào khác trong Kinh Thánh.
1. Ê-sai 36:4,5,6 (hai lần), 7,9,15
 2. II Các Vua 18:19,20,21 (hai lần), 22,24,30; 19:10
 3. II Sử Ký 32:10
- “Tin cậy” (בטח) và “đức tin” (אמון, Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 22:23) là thiết yếu trong sự hiểu biết chức năng thích đáng của mối quan hệ cá nhân liên hệ đến trong giao ước. Nó nhiều hơn sự vâng phục!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 36:1-3

¹ Vào năm thứ mười bốn triều vua Ê-xê-chia thì San-chê-ríp, vua A-si-ri, lên đánh và chiếm được tất cả các thành kiên cố của Giu-đa. ² Vua A-si-ri sai Ráp-sa-kê từ La-ki đến Giê-ru-sa-lem với một lực lượng hùng hậu đe dọa vua Ê-xê-chia. Ráp-sa-kê đứng tại cổng dẫn nước ao trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt. ³ Bấy giờ Ê-li-a-kim, con trai của Hinh-kia, quan quản lý cung điện, cùng với thư ký Sép-na và quan thái sử Giô-a, con trai của A-sáp, đi ra gặp Ráp-sa-kê.

36:1 “Vào năm thứ mười bốn triều vua Ê-xê-chia” Có vẻ như từ niên đại của sự cai trị của những vua Giu-đa và mối liên hệ của chúng với lịch sử của thế giới thì xuất hiện những lỗi văn bản trong từ “thứ mười bốn.” Bởi vì II Các Vua 18:1 cho biết rằng Ê-xê-chia cùng cai trị với sự nhiếp chính với cha mình 729 và 715 T.C và sau đó trở thành vua từ năm 715 đến 686 T.C, nên nó có thể chứng minh được rằng chỗ này nên được đọc là “năm thứ hai mươi bốn của triều Vua Ê-xê-chia” (theo, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, được viết bởi Gleason L. Archer, ở trang 207,211; và quyển, *Book of Isaiah*, được viết bởi E. J. Young, trang 540-542; và bộ *The Expositor's Bible Commentary*, tập 6, trang 234; được viết bởi J. A. Motyer, và bộ *Tyndale OT Commentaries*, tập 18, trang 222).

Trong bảng Phụ Lục Bốn, #3 của tập giải kinh này có ba niên đại khác nhau của sự cai trị của Vua Ê-xê-chia.

1. John Bright – 715-687 T.C
2. E. J. Young – 727-699 T.C
3. R. K. Harrison
 - a. cùng cai trị – 729-716/15
 - b. cai trị – 716/15-687/86

Đây là ba học giả rất đáng kính, nhưng vẫn đưa ra ghi chú khác nhau. Hãy cẩn thận về niên đại cứng nhắc của những sự cai trị và đồng cai trị này. Học thuật không có sự đồng nhất ở điểm này về thời gian. Hy vọng rằng những thông tin mới từ khảo cổ học có thể làm rõ những niên đại!

▣ **“San-chê-ríp, vua A-si-ri, lên đánh và chiếm được tất cả các thành kiên cố của Giu-đa”** Chúng ta học được từ những tài liệu của người A-si-ri rằng Vua San-chê-ríp (Cai trị từ năm 705-681 T.C) công bố rằng ông đã chinh phục được 46 thành phố có tường bao bọc xung quanh. Bởi vì những dữ liệu về sự cai trị của San-chê-ríp, một cuộc xâm lược Giu-đa vào năm 701 T.C phù hợp với đoạn này.

36:2 “Vua A-si-ri sai Ráp-sa-kê” Có một vài cách hiểu của từ này (BDB 913).

1. một tên thật (NASB, NKJV)
2. “người quản lý chính”
3. “tướng chỉ huy” (Peshitta, NIV)
4. “tổng đốc” hoặc “lãnh đạo chiến trường” (NKJV footnote)
5. “quan chánh ngự thiện (NJB)

Dù là gì đi nữa thì đây là một quan chức có cấp bậc cao (phân ghi chú cuối trang của JPSOA) từ trại của người A-si-ri (II Các Vua 18:17).

Bộ NIDOTTE, tập 3, trang 1029, liệt kê một vài danh hiệu của người A-si-ri.

1. Tartān – lãnh đạo tối cao, II Các Vua 18:17
2. Rab sārīs – lãnh đạo chính, II Các Vua 18:17
3. Rab sāqēh – lãnh đạo chiến trường, II Các Vua 18:17
4. Rab Kisri – tướng đạo binh
5. Rab hanse – đội trưởng của năm mươi người
6. Rab saqu – quan ngự thiện (cầm ly) cho Vua
7. của người Akkad
 - a. tartan – #1 từ phía trên
 - b. rabu sa rēsi – tổng thái giám hoặc tướng quân đội
 - c. rab sāqēh – #3 từ phía trên
 - d. rab saqu – #6 từ phía trên
8. của người A-ram – rb swq – tướng của cuộc hành quân

▣ **“La-ki”** Đây là một trong những thành phố có tường bao bọc ở phía đông bằng duyên hải vốn bị chiếm bởi quân đội A-si-ri. Nó cách khoảng ba mươi dặm về phía tây nam của Giê-ru-sa-lem tại Shephelah.

▣ **“Ráp-sa-kê đứng tại cống dẫn nước ao trên, nằm trên đường cái dẫn đến cánh đồng thợ giặt.”** Đây là cùng một địa điểm nơi mà Ê-sai đối mặt với A-cha trong 7:3 với lời đề xuất đừng tin cậy nơi A-si-ri. Có lẽ đây là một sự liên hệ cố về mặt địa lý với sự đáp ứng của Ê-xê-chia (đức tin, 37:14-20,30) so với sự đáp ứng của A-cha (vô tín, không tin).

36:3 “Ê-li-a-kim...Sép-na...Giô-a” Một khi so sánh giữa Ê-sai 22:15 và 22:20-24, có vẻ như có những sự hoán đổi chức vụ giữa hai người này.

Nếu chúng ta có thể sử dụng những sự song hành trong chính quyền với người Ai Cập, có vẻ như những người này đại diện cho những cấp bậc thẩm quyền quản lý khác nhau ở khu vực Cận Đông Cổ Đại.

1. Ê-li-a-kim
 - a. NASB, NKJV, “chịu trách nhiệm trên cả nhà (quản gia)”
 - b. NRSV, TEV, JPSOA, “chịu trách nhiệm quản lý cung điện”
 - c. REB, “người quản lý trên cả nhà”
 - d. NJB, “người cai quản cung điện”
2. Sép-na
 - a. NASB, NKJV, JPSOA, “người lo giấy tờ”
 - b. NRSV, NJB, “thơ ký”
 - c. REB, “trợ lý lãnh đạo”
 - d. TEV, “người thơ ký phiên tòa”
3. Giô-a
 - a. NASB, NKJV, NRSV, TEV, JPSOA, “người ghi chép”
 - b. REB, “thơ ký nhà nước”
 - c. NJB, “người đưa tin”

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 36:4-10

⁴ Ráp-sa-kê nói với họ: “Hãy tâu với vua Ê-xê-chia rằng đại đế là vua A-si-ri phán thế này: ‘Sự tin tưởng của người dựa vào đâu?’ ⁵ Ta hỏi người rằng chỉ lời nói suông là có thể thay thế mưu lược và sức mạnh để chiến đấu được sao? Bây giờ, người cậy vào ai mà dám nổi lên chống lại ta? ⁶ Nay, người dựa vào Ai Cập, là cây gậy bằng sậy đã giập, mà ai dựa vào nó thì bị đâm thủng bàn tay. Pha-ra-ôn, vua Ai

Cập, là như vậy đối với tất cả những ai nương cậy ông ấy. ⁷ Có lẽ người nói với ta rằng: “Chúng tôi tin cậy Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi.” Nhưng chẳng phải ấy là Đấng mà Ê-xê-chia đã dẹp bỏ các nơi cao và các bàn thờ Ngài, khi truyền cho Giu-đa và Giê-ru-sa-lem rằng: “Các người hãy thờ lạy trước bàn thờ này,” hay sao? ⁸ Vậy bây giờ, hãy đánh cuộc với chủ ta là vua A-si-ri. Ta sẽ cấp cho người hai nghìn con ngựa, nếu người tìm đủ số kỵ binh để cưỡi! ⁹ Ngay cả khi người cậy vào Ai Cập để có chiến xa và kỵ binh, liệu người có thể đẩy lui được một tướng kém nhất trong số các thuộc hạ của chủ ta không? ¹⁰ Hơn nữa, chẳng phải là theo lệnh của Đức Giê-hô-va mà ta lên đánh xứ này để tiêu diệt nó sao? Đức Giê-hô-va đã phán với ta rằng: **Hãy lên đánh xứ này và tiêu diệt nó đi!”**

36:4 Thông điệp của San-chê-ríp đã vang dội trước tường thành Giê-ru-sa-lem để rồi tất cả mọi người phải lắng nghe và khiếp sợ (những câu 11-12)!

Câu này có ba lần sử dụng ĐỘNG TỪ “nói” (BDB 55, KB 65).

1. *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH
2. *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
3. *Qal* THÊ HOÀN THÀNH

☐ **“Sự tin tưởng (tự tin) các người dựa vào đâu”** Thông điệp rất đáng chú ý cho đến hết đoạn 36 và 37 bởi vì cách chơi chữ trên từ Hê-bơ-rơ “tin cậy” (BDB 105, KB 120, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, 12:2; 26:3,4; 31:1; 32:9-11; 36:4,5,6 [hai lần],7,9,15; 37:10) hay câu hỏi “các người tin cậy vào điều gì?” Hãy chú ý lập luận của người A-si-ri dựa trên nền tảng của những chiến thắng trước vô số thần tượng của các dân tộc khác. Sự tác động của hiệu ứng tâm lý có vẻ như đã gia thêm những hành động của Ê-xê-chia thay mặt cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với mục đích gia thêm năng lực của Ngài và gia thêm sự tin cậy của dân sự nơi Ngài (36:4,5,7,10,15,18; 37:4,6,10,17,20 đặc biệt, 23,29). Điều này đã thiết lập nên một bối cảnh, rất giống với Đa-ni-ên 3, dùng cho sự đối mặt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA với những thần tượng của A-si-ri với mục đích rằng cả thế giới sẽ biết được rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính là Đức Chúa Trời (37:20; 45:6; II Sử Ký 32:7-8).

Câu hỏi này chính là mục đích thần học trong đơn vị văn học này!

36:5

NASB, NJB “những lời trống rỗng”

NKJV “những lời vô ích”

NRSV “những lời nói suông”

LXX “những lời môi lưỡi”

Bản dịch LXX sử dụng cách dịch nguyên gốc từ bản MT (BDB 182 GHÉP VỚI BDB 973). Đây là một thành ngữ được dùng cho một ai đó nói mà không suy nghĩ (Châm Ngôn 14:23).

☐ **“nổi lên chống lại ta”** Cụm từ này chỉ về sự kiện rằng Ê-xê-chia đã khởi đầu bằng việc chấm dứt cống nạp cho A-si-ri (II Các Vua 18:7), nhưng sau đó rõ ràng lại bắt đầu lại một lần nữa khi San-chê-ríp xâm lược (II Các Vua 18:14-16) và sau đó lại từ chối lần thứ hai việc cống nạp.

36:6 “Này, người dựa vào Ai Cập, là cây gậy bằng sậy đã giập” Rõ ràng, người A-si-ri đã có những thông tin nội bộ về sự thiết lập cách yếu ớt một liên minh quân sự với Ai Cập. Ê-sai trước đó đã định tội liên minh này (30:1-5; 31:1-3).

36:7 “Đấng mà Ê-xê-chia đã dẹp bỏ các nơi cao và các bàn thờ Ngài” Đây là nỗ lực để cải thiện mối quan hệ của Ê-xê-chia với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (II Các Vua 18:5). Sự nhân mạnh lập luận rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang giận dữ với Ê-xê-chia về việc dẹp bỏ những nơi cao (II Các Vua 18:7). Tuy nhiên, đây là một sự hiểu sai của những người A-si-ri bởi vì Ê-xê-chia đã thực hiện chính xác những gì đã được đưa ra mạng lệnh trong Phục Truyền trong sự trung tâm hóa việc thờ phượng tại một địa điểm mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã chọn (Phục Truyền 12:2-5). Nhiều nơi cao đã trở thành nơi thờ phượng *Ba-anh* và *A-sê-ra* (II Các Vua 18:4).

36:8 “hãy đánh cuộc với chủ ta” ĐỘNG TỪ này (BDB 786, KB 876) là một *Hithpael* THÊ MỆNH LỆNH chỉ về một lời yêu cầu chính trị (II Các Vua 18:23; Job 17:3; Thi 119:122). Sự ngụ ý rằng, “hãy rời bỏ sự kêu cầu nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và tin cậy nơi A-si-ri” (và bởi sự ngụ ý, nơi những thần tượng của nó). Điều này có vẻ

rất phi lý nhưng hãy nhớ rằng Giu-đa cũng đã cố gắng để hình thành một liên minh với Ai Cập (những câu 6,9), và cũng có thể với cả những vị thần liên quan của người Ai Cập! Tư tưởng độc thần của Giu-đa bị thử thách!

▣ **“Ta sẽ cấp cho ngươi hai nghìn con ngựa”** Đây là một câu nói chế nhạo và dựa trên sự yếu đuối của quân đội Giu-đa. Có nhiều nghi vấn lịch sử về sự hiện diện của kỵ binh tại Giu-đa và A-si-ri trong những ngày rất sớm này, vì vậy, những nhà giải kinh cho rằng đây là một sự chỉ đến những cỗ xe mặc dù ngôn ngữ rõ ràng ở đây chỉ về kỵ binh.

36:9

NASB, TEV “quan trưởng”
NKJV, NRSV “đội trưởng”
NJB “những binh lính”
REB, Peshitta “những tội tó”
LXX “tổng đốc”

Từ này (BDB 808, II Các Vua 18:24; hãy xem NIDOTTE, tập 3, trang 603) có thể chỉ về một tổng đốc được chỉ định để đánh sập các thành kiên cố của Giu-đa. Mỗi quan chức địa phương này có một đạo quân nhỏ. Có vẻ Lachish đã trở thành một trụ sở chỉ huy của viên quan A-si-ri này.

Vì thế, sự công bố mỉa mai của Ráp-sa-kê rằng Giê-ru-sa-lem đã không thể tự mình chống lại cả một đạo dân binh vùng miền địa phương, lại càng không thể trước quân đội A-si-ri.

36:10 “chẳng phải là theo lệnh của Đức Giê-hô-va mà ta lên” Câu này là một thông điệp của người A-si-ri rằng (1) họ đã cầu vấn Đức Chúa Trời của Giu-đa (2) và Đức Chúa Trời thậm chí đang đứng về phía họ! Làm thế nào để họ biết những lời tiên tri nói về việc Đức Chúa Trời lựa chọn A-si-ri để đoán phạt Y-sơ-ra-ên, 10:5-7, không được biết rõ. Một số người tin rằng đây là một nửa-sự thật liên hệ đến 37:26.

Câu này rõ ràng mâu thuẫn với chính nó.

1. “đã không cầu vấn,” nguyên văn là “tách rời khỏi” (BDB 116)
2. “ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã phán cùng ta”

Rõ ràng chính A-si-ri (San-chê-ríp) đã khoác lác về ý muốn của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và dân sự của Ngài!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 36:11-12

¹¹ Ê-li-a-kim cùng Sép-na và Giô-a nói với Ráp-sa-kê: “Xin nói với các đầy tớ ông bằng tiếng A-ram, vì chúng tôi hiểu tiếng ấy. Xin đừng nói với chúng tôi bằng tiếng Giu-đa kéo dân ở trên tường thành nghe được.” ¹² Nhưng Ráp-sa-kê trả lời: “Có phải chủ ta sai ta truyền mấy lời này cho chủ ngươi và cho ngươi thôi sao? Chẳng phải cũng truyền cho những người ngồi trên tường thành kia, là kẻ sắp phải cùng với các ngươi ăn phân, uống nước tiểu mình sao?”

36:11 “Tiếng A-ram...tiếng Giu-đa” Tiếng A-ram (BDB 74) là ngôn ngữ ngoại giao của khu vực Cận Đông Cổ Đại và “tiếng Giu-đa” nên được dịch là “tiếng Hê-bơ-ơ” (BDB 397, II Các Vua 18:26,28; II Sử Ký 32:18). Sự nhấn mạnh của câu này là những quan chức của Vua Ê-xê-chia đang yêu cầu đại diện của A-si-ri nói trong ngôn ngữ ngoại giao để cả thành sẽ không thể hiểu những sự đe dọa.

36:12 Đây là một sự đe dọa về những nan đề liên hệ với cuộc vây hãm (thiếu lương thực và nước, II Các Vua 18:27) để gây ra nỗi sợ hãi và sự kinh hoàng giữa Giê-ru-sa-lem. Mặc dù ngay cả khi Vua Ê-xê-chia tin cậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng có lẽ những cư dân đã không tin cậy Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 36:13-20

¹³ Thế rồi Ráp-sa-kê đứng dậy, dùng tiếng Giu-đa mà nói to lên rằng: “Hãy nghe lời phán của đại đế là vua A-si-ri!” ¹⁴ Vua phán thế này: “Đừng để vua Ê-xê-chia lừa dối các ngươi, vì vua ấy không thể giải cứu các ngươi đâu!” ¹⁵ Cũng đừng để vua Ê-xê-chia khiến các ngươi tin cậy Đức Giê-hô-va khi nói rằng: “Đức Giê-hô-va chắc chắn sẽ giải cứu chúng ta cùng với thành này, và sẽ chẳng phó nó vào tay vua A-si-ri đâu!” ¹⁶ Đừng nghe Ê-xê-chia, vì vua A-si-ri phán thế này: Hãy làm hòa với ta và ra hàng, thì ai cũng sẽ được ăn trái nho, trái vả, và uống nước từ hồ chứa của mình, ¹⁷ cho tới khi ta đến và đem các ngươi vào

một xứ như xứ các người, tức là xứ có ngũ cốc và rượu mới, một xứ có bánh và vườn nho. ¹⁸ Hãy coi chừng, kẻo Ê-xê-chia đổ dành các người mà nói rằng: “Đức Giê-hô-va sẽ giải cứu chúng ta!” Vậy, có thần nào của các nước đã giải cứu xứ họ khỏi tay vua A-si-ri được không? ¹⁹ Các thần của Ha-mát và Ật-bát ở đâu? Các thần của Sê-phạt-va-im ở đâu? Các thần ấy có giải cứu Sa-ma-ri khỏi tay ta được không? ²⁰ Trong tất cả các thần của các xứ này, có thần nào đã cứu xứ mình ra khỏi tay ta chưa? Vậy, làm thế nào Đức Giê-hô-va cứu nổi Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta!”

36:13-16 Có một vài THỂ MỆNH LỆNH và THỂ KHUYÊN BẢO MỆNH LỆNH được sử dụng trong thông điệp từ San-chê-ríp thông qua Ráp-sa-kê (những sự đe dọa và hứa hẹn).

1. nghe, câu 13 – BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
2. đừng để Ê-xê-chia lừa dối người, câu 14 – BDB 674, KB 728, THỂ PHỦ ĐỊNH CỦA *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ KHUYÊN BẢO MỆNH LỆNH, 37:10; đây là cùng một ĐỘNG TỪ được sử dụng trong Sáng 3:13!
3. cũng đừng để Ê-xê-chia khiến các người tin cậy nơi Đức Giê-hô-va, câu 15 – BDB 105, KB 120, *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THỂ KHUYÊN BẢO MỆNH LỆNH
4. đừng nghe theo Ê-xê-chia, câu 16 – BDB 1033, KB 1570, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong một nghĩa của một THỂ KHUYÊN BẢO MỆNH LỆNH
5. hãy làm hòa với ta, câu 16 – BDB 793, KB 889, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
6. hãy ra đây cùng ta, câu 16 – BDB 422, KB 425, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
7. ăn, câu 16 – BDB 37, KB 46, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH
8. uống, câu 16 – BDB 1059, KB 1667, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH

36:17 Chú ý rằng hai lời hứa mà San-chê-ríp hướng đến dân cư từ các vùng quê đã chạy vào thành bao bọc bằng tường thành Giê-ru-sa-lem để tìm kiếm sự bảo vệ. Ông cho phép họ ở lại trong xứ của họ, nhưng chỉ trong khoảng thời gian ngắn. Ông sẽ buông tha mạng sống của họ. Ngay cả khi họ đầu hàng vào thời điểm này, họ vẫn sẽ bị mang khỏi xứ Giu-đa. Tuy nhiên, A-si-ri đã giết chết tất cả già trẻ, lớn bé ngay tại đó!

36:18 “có thần nào của các nước đã giải cứu xứ họ khỏi tay vua A-si-ri được không” Ở đây là một sự thách thức thần học.. Bàn tay sắt đã bị vứt xuống và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ nhặt nó lên! ĐỘNG TỪ “giải cứu” (BDB 664, KB 717) được sử dụng năm lần trong những câu 18-20. Lần đầu tiên và cuối cùng là nhưng *Hiphil* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH và ba lần khác là những *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH.

36:19 “Các thần của Ha-mát và Ật-bát ở đâu”

1. Ha-mát là một thành phố nằm ở trung tâm Sy-ri nơi mà vua của họ đã tham dự vào một cuộc nổi loạn chống lại A-si-ri và đã bị nghiền nát bởi vua Sa-gôn II vào năm 720 T.C và dân cư của nó đã bị lưu đầy đến Sa-ma-ri (II Các Vua 17:24).
2. Ật-bát là một thành phố ở phía bắc của Sy-ri nơi mà vua của họ đã tham dự vào cuộc nổi loạn chống lại A-si-ri and và đã bị nghiền nát bởi Vua Tiếc-la-Phi-lê-se III in 720 T.C

Những tên chính xác của những thần của họ thì không xác định được.

▣ “Các thần của Sê-phạt-va-im” Đây là lẽ là một thành phố ở phía bắc Ba-by-lôn. Đây là địa điểm nơi mà Sa-gôn II (722-705 T.C) đã đày những người bị lưu đầy sinh sống tại Sa-ma-ri (II Các Vua 17:24). Một vài học giả cho rằng nó chỉ về Sa-ma-ri (thủ đô đã bị chiếm đóng của Y-sơ-ra-ên, 722 T.C).

Từ II Các Vua 17:31 chúng ta biết được những vị thần phồn thực họ thờ phượng bởi sự hiến tế con cái mình chính là “Adrammelech” và “Anammelech.” Tên đầu tiên cũng là tên của một trong những con trai của San-chê-ríp là người đã ám sát ông (37:38). Sự liên hệ với nhau của những điều này là không rõ ràng.

▣ “Các thần ấy có giải cứu Sa-ma-ri khỏi tay ta được không” Điều này thật thú vị bởi vì các thần của Sa-ma-ri được liệt kê riêng biệt với Giu-đa. Họ đều cùng thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, nhưng rõ ràng sự thờ hình tượng ở vương quốc phía bắc đã trở nên quá tệ hại hoặc là những tin tức của người A-si-ri quá nghèo nàn đến nỗi họ không nhận ra rằng cả hai đều thờ phượng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (II Các Vua 17:5,6,24).

²¹ Họ im lặng, không đáp lại một lời, vì lệnh vua đã truyền: “Các người đừng đáp lại hă²².” Ê-li-a-kim, con trai của Hinh-kia, quan quản lý cung điện, cùng thư ký Sép-na, và quan thái sử Giô-a, con trai của A-sáp, xé áo mình ra, trở về gặp vua Ê-xê-chia và thuật lại những lời của Ráp-sa-kê.

36:22 “xé áo mình ra” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Nhung tập tục than khóc tại 15:1.

Ê-SAI 37

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ê-xê-chia Tìm Kiếm Sự Giúp đỡ từ nơi Ê-sai	Ê-sai Đám Bảo Sự Giải Cứu Chắc Chắn	Ê-xê-chia Cầu Ván Ê-sai	Vua Xin Lời Khuyên Từ Ê-sai	Tiên Tri Ê-sai được câu hỏi
37:1-4	37:1-7	37:1-4	37:1-4	37:1-4
37:5-7	Sự đe dọa của San-chê-ríp và Lời Cầu Nguyên Của Ê-xê-chia	37:5-7	Người A-si-ri Gửi một Lời Đe Dọa mới	37:5-7
37:8-13	37:8-13	37:8-13	37:8-13	Kẻ Hầu Rượu Trở Về với Chủ của Hắn
Lời Cầu Nguyên của Ê-xê-chia Trong Đền Thờ				37:8-9a
37:14-20	37:14-20		37:14-20	Lời Thứ Hai về những Hành Động của Vua San-chê-ríp
Đức Chúa Trời Đáp Lời Qua Tiên Tri Ê-sai	Lời của Đức Giê-hô-va về San-chê-ríp	37:14-20	Thông điệp của Ê-sai gửi đến Vua	37:9b-13
37:21-29 (22b-29)	37:21-29 (22b) (23-25) (26-27) (28-29)	37:21-29 (22b) (23-25) (26-27) (28-29)	37:21-25	37:14-20
37:30-32	37:30-32 (30b-32)	37:30-32	37:26-27 37:28-29	Sự Can Thiệp của Ê-sai
37:33-35	37:33-35 (33b-35)	37:33-35	37:30-32 37:33-35	37:21-29 (22b-25) (26-29)
A-si-ri bị Hủy Diệt 37:36-38	San-chê-ríp bị Đánh Bại và Chết			Một Dấu Dành Cho Vua Ê-xê-chia 37:30-32
	37:36-38	37:36-38	37:36-38	Một Lời Tiên Tri Về A-si-ri 37:33-35 (33b-35)
				San-chê-ríp bị Doán Phạt
				37:36
				37:37-38

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DŨI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai

3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những câu 1-7 là sự đáp ứng của Vua Ê-xê-chia đối với thông điệp của A-si-ri trong đoạn 36.
- B. Không rõ rằng những câu 1-7 và 14-20 có phải là hai sự đáp ứng riêng biệt với nhau hay không. Có vẻ rằng theo văn mạch những câu 8-9 San-chê-ríp đã gửi một thông điệp thứ hai để truyền đến Giê-ru-sa-lem và những câu 14-20 là phản ứng của Ê-xê-chia dành cho thông điệp thứ hai, vốn tương tự với thông điệp đầu tiên.
Có lẽ Ê-xê-chia đã tin cậy ĐỨC GIÊ-HÔ-VA và Ai Cập trong những câu 1-7, nhưng sau câu 9 ông đã tin cậy duy chỉ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA mà thôi (những câu 14-20,30).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:1-4

¹ Khi nghe tin ấy, vua Ê-xê-chia liền xé áo mình, mặc áo xô và đi vào đền thờ Đức Giê-hô-va. ² Vua sai quan quản lý cung điện là Ê-li-a-kim, thư ký Sép-na và các thầy tế lễ cao niên mặc áo xô đến gặp nhà tiên tri Ê-sai, con trai của A-mốt. ³ Họ nói với ông: “Vua Ê-xê-chia nói thế này: ‘Hôm nay là ngày hoạn nạn, quả phạt và ô nhục; như đàn bà đã đến lúc phải sinh con nhưng không đủ sức để sinh. ⁴ Chắc Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông đã nghe những lời của Ráp-sa-kê mà chủ hấn là vua A-si-ri đã sai đến để nhạo báng Đức Chúa Trời hằng sống; và Giê-hô-va Đức Chúa Trời của ông sẽ trừng phạt chúng theo những lời mà Ngài đã nghe. Vậy, xin ông dâng lời cầu nguyện cho những người còn sót lại đây!’”

37:1 “vua Ê-xê-chia liền xé áo mình, mặc áo xô” Đây là những dấu hiệu của sự than khóc. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 15:2-3.

▣ **“nhà của Đức Giê-hô-va”** Cụm từ này chỉ về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Chính xác ông đã tiến vào khu vực nào trong đền thờ thì không xác định được. Chỉ có các thầy tế lễ và những người Lê-vi mới có thể tiếp cận với những khu vực thánh. Tuy nhiên, có một khu vực được để riêng ra cho hoàng gia để có thể tiếp cận gần nhất và xem thấy tất cả những hoạt động nghi lễ trong những ngày lễ.

37:2 “Ê-li-a-kim...Sép-na” Hãy xem ghi chú tại 36:3,22.

37:3 Ê-xê-chia đã mô tả đầy sống động tình huống (II Các Vua 19:3).

1. NASB, NRSV, “một ngày của sự khổ não” (BDB 865 I)
NKJV, “một ngày của sự phiền muộn”
NJB, “một ngày của sự đau khổ”
LXX, “một ngày của sự hoạn nạn”
2. NASB, NKJV, NRSV, “một ngày của sự quả trách” (BDB 407)
NJB, “một ngày của sự đoán phạt”
LXX, “một ngày của sự sỉ nhục”
3. NASB, “một ngày của sự chối bỏ” (BDB 611)
NKJV, “một ngày của sự phạm thượng”
NRSV, NJB, “một ngày của sự ghét bỏ”
LXX, “một ngày của sự quả trách”
4. LXX, Peshitta, “một ngày của sự giận dữ”
5. “thời điểm sinh đẻ, nhưng không còn sức lực để sinh”

Tất cả các cụm từ này chỉ về những hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, chứ không phải A-si-ri. Ê-xê-chia đã biết rằng nan đề chính là sự không vâng phục giao ước và sự không trung tín. A-si-ri không phải là nan đề thực

sự, nhưng chỉ là, công cụ đoán phạt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA nghịch lại một dân sự không vâng lời giao ước.

37:4 Ê-xê-chia đang hy vọng rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã nghe những lời phạm thượng (“nhạo báng,” BDB 357, KB 355, *Piel* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP, những câu 17,23,24) khoác lác một cách kiêu ngạo của A-si-ri (36:15,18,20), Ngài sẽ bảo vệ Danh của Ngài (Ê-xê-chi-ên 36:22-23).

▣ “**những người còn sót**” Từ này được sử dụng cho một vài ý nghĩa tùy thuộc vào văn mạch. Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:5-7

⁵ Khi các đầy tớ của vua Ê-xê-chia đến gặp Ê-sai, ⁶ thì Ê-sai nói với họ: “Các ông hãy về tâu lại với chủ mình rằng Đức Giê-hô-va phán thế này: ‘Đừng sợ những lời con đã nghe, là những lời mà các đầy tớ của vua A-si-ri đã xúc phạm đến Ta. ⁷ Nay, Ta sẽ đặt một thần linh trong nó, khiến nó nghe tin đồn mà rút quân về nước. Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm ngay tại xứ sở nó.’”

37:6 Hãy chú ý cách Ê-sai đáp ứng lại với những sứ giả của Vua Ê-xê-chia với chỉ một vài lời của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (câu 21)!

▣ “**Đừng sợ**” Thông điệp này (BDB 431, KB 432, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THÊ MỆNH LỆNH) là một thông điệp lặp đi lặp lại từ Đức Chúa Trời dành cho những lãnh đạo của Ngài (7:4; 8:12; 10:24; 35:4; 40:9; 41:10,13,14; 43:1,5; 44:2; 51:7; 54:4; Sáng 15:1; 21:17; 26:24; 46:3; Xuất 20:20; Dân Số Ký 14:9; Phục Truyền 1:21,29; 3:2,22; 7:18; 20:1,3; 31:6,8; Josh. 8:1; 10:8,25; 11:6; Các Quan Xét 6:23, v.v...).

37:7

NASB, NJB,

LXX

“Ta đã đặt một thần linh trong hấn”

NKJV

“Ta sẽ sai một thần linh đến trên hấn”

NRSV

“Chính ta sẽ đặt một thần linh trên hấn”

TEV

“Đức Giê-hô-va sẽ khiến hoàng đế lắng nghe”

REB

“Ta sẽ làm cạn kiệt nhuệ khí của hấn”

Peshitta

“Ta sẽ sai một làn gió chống lại hấn”

Bản MT chép là *ruah* (BDB 924), vốn, trong văn mạch này chỉ về một cảm giác bên trong hoặc một ý nghĩa của sự diệt vong và điềm báo trước. Vị “hoàng đế vĩ đại” của A-si-ri (36:4) đang bị kiểm soát bởi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên!

▣ “**nghe tin đồn mà rút quân về nước**” Đây là sự đáp ứng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA bởi vì Ê-xê-chia đã quay lại với Ngài để tìm kiếm sự giúp đỡ (cũng như cách mà Vua A-cha đã không làm). Ngài đã làm rối loạn đội quân và đuổi họ về nước (câu 37). Một vài người tự hỏi có phải câu 9 không phải là sự ứng nghiệm của tin đồn này, nhưng có vẻ rằng, trong văn mạch này, chỉ đến một tin đồn sẽ buộc hấn quay trở lại A-si-ri và đơn giản sẽ không gặp Ai Cập trên chiến trường.

▣ “**Ta sẽ làm cho nó ngã chết dưới lưỡi gươm ngay tại xứ sở nó**” Hãy xem câu 38 để biết về một sự ứng nghiệm lịch sử của lời tiên tri này.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:8-13

⁸ Khi Ráp-sa-kê trở về thì gặp vua A-si-ri đang đánh thành Líp-na, vì ông được tin vua đã rời khỏi La-ki.

⁹ Bấy giờ, vua A-si-ri được tin báo về Tiệt-ha-ca, vua Cút, rằng: “Vua ấy đang kéo quân ra giao chiến với bộ hạ.” Nghe thế, vua A-si-ri lại sai các sứ giả đến gặp Ê-xê-chia, và dặn rằng: ¹⁰ “Các ngươi hãy nói với Ê-xê-chia, vua Giu-đa, rằng: ‘Đừng để Đức Chúa Trời, là Đấng mà ngươi tin cậy, lừa dối ngươi rằng Giê-ru-sa-lem sẽ không rơi vào tay vua A-si-ri đâu. ¹¹ Nay, hấn ngươi có nghe những gì các vua A-si-ri làm cho tất cả các nước, chúng đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Còn ngươi, ngươi sẽ thoát được sao? ¹² Thần của các nước mà cha ông ta đã tiêu diệt, tức là các thần của Gô-xan, Ha-ran, Rét-sép, và người Ê-đen ở tại Tê-la-

sa, có giải cứu họ được chăng? ¹³ Vua của Ha-mát, vua của Ạt-bát, vua của các thành Sê-phạt-va-im, Hê-na, và Y-va ở đâu?”

37:9-11 Phần này lặp lại 36:13-20.

37:9 “Tiệt-ha-ca, vua Cút” Có nhiều vấn đề lịch sử liên hệ với câu này, bởi vì nhân vật này, mặc dù là em trai của Vua Pha-ra-ôn đương thời của Ai Cập (Triều đại Nu-bi-an thứ hai-mươi-lăm), Shebitku, cháu của Shabaka, đã cai trị từ 407/06 - 690 T.C. Tiệt-ha-ca đã trở thành một Pha-ra-ôn và cai trị từ 690 - 664 T.C Ông cũng được biết đến như là Vua của Ê-thi-ô-pi-a (II Các Vua 19:9). Tuy nhiên, chữ này cũng có thể là một danh hiệu trong quân đội hay một lỗi về ghi chép năm tháng (vốn có nghĩa rằng một người sau này đã đọc một sự kiện hoặc nhân vật sau này vào trong một văn kiện trước đó). Do đó, trong văn mạch này, Tiệt-ha-ca chỉ là người đại diện của Pha-ra-ôn được sai đi cùng với quân đội.

37:12-13 Có một vài địa điểm địa lý được đề cập đến rằng A-si-ri đã đánh bại trước đó.

1. Gô-xan – Trong II Các Vua 17:6; 18:11; I Sử Ký 5:26 từ này gọi tên một con sông (lưu vực) của Mê-sô-bô-ta-mi nơi Tiếc-la-Phi-lê-se III đã lưu đày những người thuộc khu vực của chi phái Ru-bên, Gát, và Ma-na-se và sau này, cả mười chi phái phía bắc bởi Vua Sa-gôn II.
2. Ha-ran – Đây là một thành phố tại A-si-ri (Sáng 12:4; 24:4) đã nổi loạn và bị tiêu diệt bởi Vua Asshur-dan III vào năm 763 T.C
3. Rét-sép – Đây là một thành phố quan trọng khác tại A-si-ri, bị đánh bại bởi Shalmanezar III (858-824 T.C). Nó có lẽ đã bị đánh bại một vài lần nhưng những thông tin thì rất hạn chế.
4. Tê-la-sa – Đây là thành phố hoặc vương quốc Ê-đen vốn bị đánh bại bởi vua Tiếc-la-Phi-lê-se III. Nó nằm gần với biên giới với Ê-lam.
5. Ha-mát – Đây là thành phố của Sy-ri nằm ở biên giới với Y-sơ-ra-ên. Một phần cư dân của nó đã bị lưu đày sang Y-sơ-ra-ên.
6. Ạt-bát – Đây là thành phố nằm ở phía bắc Sy-ri, thủ phủ của một tỉnh hoặc một vương quốc nhỏ (Bit-Agusi). Nó bị đánh bại bởi vua Tiếc-la-Phi-lê-se III vào năm 740 T.C
7. Lair – Đây là một thành phố nằm ở phía bắc Ba-by-lôn vốn được phát âm gần với từ “thành” (BDB 746, לַיִר, NJB, NET Bible).
8. Sê-phạt-va-im – Hãy xem ghi chú tại 36:19
9. Hê-na – Đây là thành phố có lẽ nằm ở khu vực Thượng (phía trên) Mê-sô-bô-ta-mi (ABD, tập 3, trang 137).
10. Y-va – Đây là một địa điểm địa phương không xác định. Một vài học giả kết hợp #8 và #9 với danh xưng của một số thần địa phương.

Mục đích của việc đề cập đến những thành phố cụ thể này (mà Ê-xê-chia đã biết hoặc chúng nằm trên đường đi từ A-si-ri đến Palestine mà San-chê-ríp đã đánh bại) để chỉ ra rằng không ai có thể kháng cự lại quân đội A-si-ri!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 37:14-20

¹⁴ Ê-xê-chia nhận bức thư do các sứ giả trao tận tay. Đọc xong, vua liền đi lên đền thờ Đức Giê-hô-va và trải thư ra trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁵ Ê-xê-chia cầu nguyện với Đức Giê-hô-va: ¹⁶ “Lạy Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng ngự trên các chê-ru-bim, chỉ một mình Ngài là Đức Chúa Trời của mọi vương quốc trên đất; chính Ngài đã tạo nên trời và đất. ¹⁷ Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghiêng tai và nghe! Lạy Đức Giê-hô-va, xin mở mắt và xem! Xin nghe mọi lời mà San-chê-ríp đã gửi đến để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống. ¹⁸ Lạy Đức Giê-hô-va, các vua A-si-ri thật đã tàn phá mọi xứ sở và đất đai của họ, ¹⁹ ném các thần của họ vào lửa; vì chúng không phải là thần, mà chỉ là sản phẩm bằng gỗ và bằng đá do tay người làm ra, nên chúng đã bị hủy diệt. ²⁰ Vậy bây giờ, lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng con, xin giải cứu chúng con khỏi tay San-chê-ríp, để mọi vương quốc trên đất đều biết rằng chỉ một mình Ngài là Đức Giê-hô-va!”

37:14 Đây rõ ràng là một phần tường thuật lịch sử chi tiết trực tiếp. Nó rất sống động và cụ thể. Người đọc có thể thấy trong tâm trí của họ cảnh tượng Ê-xê-chia tiến đến với ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, ở một nơi nào đó trong

quần thể đền thờ (I Các Vua 8:33), mở cuộn thông điệp của người A-si-ri trước mặt Ngài để Ngài có thể đọc chúng. Ê-xê-chia đề cập trong câu 4 rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã nghe Ráp-sa-kê đọc thông điệp của Vua A-si-ri. Ê-xê-chia giờ đây muốn gọi nhắc Ngài về tính cách kiêu ngạo và phạm thượng của họ!

37:16 Chú ý những danh hiệu và những cách Ê-xê-chia mô tả về ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. Đức Giê-hô-va vạn quân
2. Đức Chúa Trời (*Elohim*) của Y-sơ-ra-ên, Giô-suê 7:13,19,20
3. Đấng ngự trên các chê-ru-bim, Xuất 25:22; I Sa-mu-ên 4:4; II Sa-mu-ên 6:2; II Các Vua 19:15; I Sứ Ký 13:6; Thi 80:1; 99:1
4. (Ngài) là Đức Chúa Trời (*Elohim*), Phục Truyền 10:17
5. chỉ một mình Ngài, từ này (BDB 94) chỉ về tư tưởng độc thần ở đây và sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA như là công cụ cứu chuộc của Ngài dành cho toàn bộ thế giới
6. Ngài đã tạo dựng nên trời và đất, 42:5; 45:18; Sáng 1:1 Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Danh Xưng dành cho Đấng Thánh tại 1:1.

37:17 Có một chuỗi THÊ MỆNH LỆNH trong lời cầu nguyện của Vua Ê-xê-chia được sử dụng như là những lời thỉnh cầu cung kính.

1. (xin) hãy nghiêng tai, BDB 639, KB 692, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, Đa-ni-ên 9:18
2. lắng nghe, BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
3. (xin hãy) mở mắt, BDB 824, KB 959, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH, Đa-ni-ên 9:18
4. xem, BDB 906, KB 1157, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH
5. nghe, giống như mục #2

Vua Ê-xê-chia sử dụng ngôn ngữ tu từ hình nhân để cầu khẩn Đức Chúa Trời lắng nghe, xem, và đáp ứng lại thông điệp kiêu ngạo, báng bổ của San-chê-ríp.

Cùng với những ĐỘNG TỪ này được sử dụng trong lễ cung hiến đền thờ của Sa-lô-môn, I Các Vua 8:29,52; II Sứ Ký 6:39- 40; 7:15.

▣ **“Đức Chúa Trời hằng sống”** Câu này rất mang tính tu từ hình nhân (Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 6:1), gán thuộc tính cho ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có những bộ phận của con người như thể Ngài là một con người. Cựu Ước mô tả Đức Chúa Trời như một thần linh đời đời, hiện diện vĩnh hằng. Cụm từ “Đức Chúa Trời hằng sống” là một sự chơi chữ trên danh xưng của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Xuất 3:14, vốn có nghĩa “Ta Là Đấng Ta Là (Đấng Tự Hữu Hằng Hữu).”

37:18 Đây rõ ràng là một sự đánh giá thật về những công bố của Vua San-chê-ríp.

37:19 Sự thật của câu 18 được xem như là một sự phóng đại quá mức bởi vì các thần của những thành phố được đề cập đó chỉ là những hình tượng, không phải là Đức Chúa Trời chân thật và duy nhất! Các hình tượng được dựng nên bởi tay của con người. Chúng không thể thấy và nghe và đáp ứng (câu 17) như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA có thể, đã làm, và sẽ làm!

37:20 Câu này có hai ĐỘNG TỪ.

1. giải cứu, BDB 446, KB 448, *Hiphil* THÊ MỆNH LỆNH, 25:9; 33:22; 35:4. Nó được sử dụng mười bốn lần trong những đoạn 40-66.
2. biết, BDB 393, KB 390, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH được sử dụng trong nghĩa của một THÊ MỆNH LỆNH. Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Biết tại 19:21.

Đây là một câu rất quan trọng và chỉ ra mục đích cuối cùng của những hành động của Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên được dự định trở thành một vương quốc thầy tế lễ (Xuất 19:5-6). Từ sự kêu gọi ban đầu của Áp-ra-ham (Sáng 12:3), kế hoạch của Đức Chúa Trời để có thể cứu giúp cho toàn bộ thế giới (45:8,22). Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:3.

▣ **“rằng chỉ một mình Ngài, là Đức Giê-hô-va, hỡi Đức Chúa Trời Sáng Tạo (Art God)”** Đây rõ ràng là một sự khẳng định về sự duy nhất của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên trong toàn bộ thế giới cổ đại. Duy chỉ một Ngài là Đức Chúa Trời. Không còn ai khác (43:11; 45:5,18,21-22). Đây là một sự khẳng định thần học của tư tưởng độc thần!

Cụm từ “Đức Chúa Trời Sáng Tạo” không có trong bản MT, nhưng hiện diện trong bản DSS, LXX, và song hành với II Các Vua 19:19.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 37:21-29

²¹ Ê-sai, con trai của A-mốt, sai người đến tâu với vua Ê-xê-chia rằng: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán: Vì con đã cầu xin Ta về San-chê-ríp, vua A-si-ri, ²² đây là lời Đức Giê-hô-va đã phán về nó:

‘Trinh nữ Si-ôn

Khinh miệt người, chế nhạo người;

Con gái Giê-ru-sa-lem

Lắc đầu sau lưng người!

²³ Người đã phỉ báng và xúc phạm đến ai?

Người đã lên giọng

Và ngược mắt tự cao chống lại ai?

Người dám chống lại Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên sao!

²⁴ Người đã dùng các thuộc hạ phỉ báng Chúa,

Người nói: “Vớì vô số chiến xa,

Ta lên các đỉnh núi cao,

Đến đỉnh cao chót vót của Li-ban.

Ta sẽ đốn những cây bá hương cao hơn hết,

Và những cây tùng tốt nhất của nó.

Ta sẽ đến chỗ xa nhất

Trong rừng cây rậm rạp.

²⁵ Ta đã đào giếng

Và uống nước;

Ta đã làm cạn khô mọi sông ngòi Ai Cập.

Vớì đôi bàn chân của ta.”

²⁶ Có phải người không hề nghe rằng

Ta đã định việc này từ lâu?

Những gì Ta đã hoạch định từ xa xưa,

Nay Ta khiến nó xảy ra;

Để người biến các thành kiên cố,

Ra những đồng đổ nát hoang tàn.

²⁷ Cư dân các thành ấy phải bó tay,

Khiếp sợ và hổ thẹn;

Họ như cây cỏ ngoài đồng,

Giống như đám cỏ xanh,

Như cỏ non mọc trên mái nhà,

Khác nào cánh đồng trước khi lúa mì mọc lên.

²⁸ Nhưng Ta biết khi người ngồi, lúc người đứng;

Khi người ra, lúc người vào,

Và ngay cả khi người điên cuồng chống lại Ta.

²⁹ Vì người điên cuồng chống lại Ta,

Và lời ngạo mạn của người đã thấu đến tai Ta

Nên Ta móc khoen vào mũi người,

Tra hàm thiếc vào miệng người,

Ta sẽ khiến người phải trở về

Theo con đường mà người đã đến.’

37:21-24 Đây là sự ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho đức tin của Ê-xê-chia và dẫn đến thông điệp dành cho A-si-ri, là kẻ đi quá mục đích của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (10:5) và trở nên kiêu ngạo và báng bổ.

1. câu 22, cô ấy đã khinh miệt (BDB 100, KB 114, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH), nhạo báng (BDB 541, KB

532, *Qal* THỂ HOÀN THÀNH), và lắc đầu (BDB 631, KB 681, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) Giu-đa, ở đây được gọi là

- a. trinh nữ của Si-ôn
- b. con gái Giê-ru-sa-lem

Bản Peshitta, TEV, và REB xem câu này chỉ về những hành động của Giu-đa hướng đến sự rút quân của San-chê-ríp, nhưng tôi suy nghĩ rằng nó chỉ về sự kiêu ngạo của A-si-ri nghịch lại với Giu-đa rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đang phản ứng. Câu hỏi ở đây là ai chính là “cô ấy” ở đây chỉ về San-chê-ríp chính là “hắn” trong câu 22a, nhưng “cô ấy” có thể chỉ về

- a. A-si-ri
 - b. Giu-đa
2. câu 23, nó (cô ta) đã tấn công Giu-đa của Đức Chúa Trời (Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên)
- a. phỉ báng, BDB 357, KB 355, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
 - b. xúc phạm, BDB 154, KB 180, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH
 - c. lên giọng, BDB 926, KB 1202, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH
 - d. ngược mắt tự cao, BDB 669, KB 724, *Qal* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH, 10:12
3. câu 24, tán dương những hành động của nó
- a. với vô số chiến xa, ta đã lên các đỉnh núi cao, đến các đỉnh chót vót của Li-ban
 - b. đốn những cây bá hương cao hơn hết (Ê-sai sử dụng rất nhiều những sự ngụ ý chỉ đến qua cây cối)
 - c. Ta sẽ đến chỗ xa nhất, trong rừng cây rậm rạp (nhất)

Câu 24 tương tự với sự kiêu ngạo của Vua Ba-by-lôn (mà tôi cho rằng chỉ đến Merodach-baladan, 39:1), được đề cập đến trong 14:13. Nếu như vậy, ngôn ngữ ở đây có thể chỉ đến đỉnh núi của các vị thần trong huyền thoại của Người Ca-na-an, hãy xem ghi chú tại 14:13-14.

37:21 “Vì con đã cầu xin Ta” Ê-xê-chia đáp ứng với đức tin và sự tin cậy nơi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, vì vậy khác biệt với cha mình, A-cha. Điều này chỉ ra một sự quan trọng thần học của sự cầu nguyện cầu thay. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời không giới hạn chính Ngài để hành động đáp ứng với những sự cầu nguyện của những con cái Ngài. Vì vậy, chúng ta không được đáp lời bởi vì chúng ta không cầu xin.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương
 1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
 2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
 3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
 1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha

G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cựu ước

1. Những ví dụ về sự cầu thay:

a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau

b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên

(1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23

(2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31 và tiếp sau

(3) Phục truyền 5:5

(4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau

c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:

(1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9

(2) I Sa-mu-ên 12:16-23

(3) I Sa-mu-ên 15:11

d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18

2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16

3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện

a. Thi thiên 66:1

b. Châm ngôn 28:9

c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

B. Tân ước

1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:

a. Đức Chúa Giê-su

(1) Rô-ma 8:34

(2) Hê-bơ-rơ 7:25

(3) I Giăng 2:1

b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27

2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô

a. Cầu thay cho người Do Thái

(1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau

(2) Rô-ma 10:1

b. Cầu thay cho các Hội thánh

(1) Rô-ma 1:9

(2) Ê-phê-sô 1:16

(3) Phi-líp 1:3-4, 9

(4) Cô-lô-se 1:3, 9

(5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3

(6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11

(7) II Ti-mô-thê 1:3

(8) Phi-líp 4

c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông

(1) Rô-ma 15:30

(2) II Cô-rinh-tô 1:11

(3) Ê-phê-sô 6:19

(4) Cô-lô-se 4:3

(5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25

(6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1

3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:

a. Cầu thay cho nhau:

- (1) Ê-phê-sô 6:18
- (2) I Ti-mô-thê 2:1
- (3) Gia-cơ 5:16

b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:

- (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
- (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
- (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
- (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
- (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16

c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhận:

A. Mọi liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh

1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15

B. Động cơ của người cầu nguyện

1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3

C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện

1. Trung kiên
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-se 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
2. Cứ cầu xin
 - a. Ma-thi-ơ 7:7-8
 - b. Lu-ca 11:5-13
 - c. Gia-cơ 1:5
3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
 - a. Thi thiên 66:18
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2
 - d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

37:22 “(Nó đã) lắc đầu sau lưng người” ĐỘNG TỪ này (BDB 631, KB 681, *Hiphil* THỂ HOÀN THÀNH) chỉ về một thành ngữ Hê-bơ-rơ về việc lắc đầu của một ai đó như là một dấu hiệu của sự khinh thường (II Các Vua 19:21; Gióp 16:4; Thi 22:7; 109:25; Ca Thương 2:15; Ma-thi-ơ 27:39; Mác 15:29).

37:25-29 Ở điểm này sự tập chú xoay hướng từ những thành quả của A-si-ri (mặc dù cũng có thể câu 25 chỉ về những công bố kiêu ngạo của San-chê-ríp, nhưng câu 26 không thể) sang những thành quả của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA.

1. câu 25, sự kiểm soát nguồn nước (sự sống, 11:15; 44:27) của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
2. những câu 26-27, những kế hoạch cổ xưa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về việc dùng A-si-ri để đoán phạt

- dân sự Ngài (10:5). Câu 27 chỉ về sự sỉ nhục và bị đánh bại của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.
3. câu 28, sự biết trước của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (rất giống với Thi Thiên 139)
 4. câu 29, những hậu quả của của sự kiêu ngạo chống nghịch lại ĐỨC GIÊ-HÔ-VA
 - a. móc khoen vào mũi người
 - b. tra hàm thiếc vào miệng người (đây là những ẩn dụ chỉ về sự lưu đày)
 - c. khiến người phải trở về theo con đường mà người đến (37:37)

37:26 “Có phải người không hề nghe rằng

Ta đã định việc này từ lâu?

Những gì Ta đã hoạch định từ xa xưa”

Câu này chỉ ra rằng Đức Chúa Trời luôn có một kế hoạch để xử lý không chỉ với A-si-ri (10:5; Giê-rê-mi 18:11), nhưng với toàn bộ thế giới (14:24,26; 22:11; 25:1; 46:10-11). Lịch sử không dịch chuyển trong một cách bừa bãi lung tung, nhưng trong một hướng có mục đích cứu chuộc hướng đến sự đổi chất giải trình và phục hồi kỳ cuối rồi.

Từ này được dịch là “rất xa” (BDB 935) có thể chỉ đến thời gian hoặc không gian. Nó cũng có thể chỉ đến

1. thời kỳ quá khứ xa xưa, như ở đây
2. thời kỳ tương lai, II Sa-mu-ên 7:19; I Sứ Ký 17:17

37:28 “người điên cuồng chống lại Ta” ĐỘNG TỪ này (BDB 919, KB 1182, *Hithpael* NGUYỄN MẪU DẠNG TỪ GHÉP) được lặp lại trong câu 29. Chú ý nhân tố con người!

ĐỘNG TỪ này trong từ gốc *Hiphil* thường được sử dụng trong nghĩa sợ hãi và run rẩy (14:16; 23:11) hoặc những sự kiện thời kỳ cuối rồi (lai thế học) (13:13). Nó được sử dụng cho chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong Ê-xê-chi-ên 16:43.

37:29 “Ta sẽ móc khoen vào mũi người” Đây chính xác là những điều mà A-si-ri đã làm với người khác. Nó đã đe dọa học bằng cách khoác lác về sự tàn bạo mà nó đã thực hiện với các quốc gia khác. Nó đã xiềng xích những dân tộc bị đánh bại với nhau sử dụng những móc khoen vào mũi, môi, và lưỡi và ép họ bộ hành vào sự phụ tù (II Các Vua 19:28). Đức Chúa Trời giờ đây sẽ thực hiện cùng một điều đó với họ.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:30-32

³⁰ Hỡi Ê-xê-chia, đây sẽ là dấu hiệu cho con: Năm nay các con sẽ ăn sản vật tự mọc, năm thứ nhì ăn sản vật mọc lên do hạt giống tự rơi; nhưng đến năm thứ ba, hãy gieo và gặt, trồng nho và ăn trái. ³¹ Những người trốn thoát của nhà Giu-đa còn sống sót sẽ tiếp tục đâm rễ ở dưới và ra trái ở trên. ³² Vì sẽ có dân sót lại đi ra từ Giê-ru-sa-lem, và nhóm người trốn thoát ra từ núi Si-ôn. Lòng sót sống của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ thực hiện điều đó.

37:30 “đây sẽ là dấu hiệu cho con” Điều này rất quan trọng bởi vì Ê-xê-chia chính là đại diện dòng dõi của Đấng Mê-si (7:14-16) cũng như A-cha đã là (ví dụ: 8:8c,10c). Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông một dấu lạ (BDB 16) ở đây và trong 38:7 (như Ngài đã làm với A-cha trong 7:14). Dấu lạ đặc biệt này chính là sự liên hệ đến một lời hứa ba năm của sự phục hồi hoàn toàn xứ Giu-đa. Tôi nghĩ rằng 37:30-32 nên là một đoạn riêng biệt, cũng như là 37:33-35 và 36-38.

Câu 30 có một chuỗi THÈ MỆNH LỆNH như là những lời hứa của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA về một sự phục hồi trong ba năm (những lời hứa giao ước của Phục Truyền 27-28).

1. ăn – BDB 37, KB 46, *Qal* NGUYỄN MẪU TUYỆT ĐỐI. Thê này được lặp lại trong câu này (*kethib*), nhưng những học giả của bản MT đề nghị một sự thay đổi (*Qere*) thành một *Qal* THÈ MỆNH LỆNH, vốn phù hợp với THÈ MỆNH LỆNH trong câu này. Sự khác biệt là rất gần nhau.
 - a. ואכל, MT
 - b. ואכלו, được đề nghị thay đổi
2. gieo – BDB 281, KB 282, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
3. gặt – BDB 894, KB 1126, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
4. trồng – BDB 642, KB 694, *Qal* THÈ MỆNH LỆNH
5. ăn, *Qere*, hãy xem ghi chú tại mục #1

Tôi chỉ thêm vào một ý tưởng, có thể rằng sự phục hồi được hứa ở đây liên hệ đến “Năm Hân Hỷ,” Lê-vi-ký 25:10, hãy xem quyển *Manners and Customs of the Bible*, được viết bởi James M. Freeman trang 96.

37:31 “những người trốn thoát sống sót” Hãy xem Chủ đề đặc biệt tại 1:9.

▣ Những ẩn dụ nông nghiệp được tiếp tục. Giu-đa được mô tả như là

1. tiếp tục đâm một rễ (mạnh mẽ)
2. ra trái

37:32 Những sẽ sống sót trước cuộc tấn công của A-si-ri sẽ hành động như vậy, không bởi kế hoạch hay những nguồn lực riêng của họ nhưng bởi sự nhiệt thành (9:7; 59:17) của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA vạn quân! A-cha lên kế hoạch, nhưng Ê-xê-chia đã tin cậy!

▣ **“Lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân”** Từ này (BDB 888) chỉ về tình yêu và sự chăm sóc đặc biệt của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA dành cho dân sự giao ước của Ngài (một người vợ không chung thủy của Ô-sê 1-3). ĐỨC GIÊ-HÔ-VA hành động cách nhiệt thành, sốt sắng cho những mục đích của Ngài trong sự cứu chuộc (63:15-19, vốn liên hệ với con cái của Áp-ra-ham, Sáng 12:1-3). Cụm từ này có một sự ngụ ý chỉ về Đấng Mê-si trong 9:7 và 59:17. Văn mạch sẽ quyết định (ý nghĩa) hoặc là (1) sự sốt sắng nhiệt thành hoặc (2) sự ghen tương cho cách dịch phù hợp nhất. Từ gốc có thể có hoặc là nghĩa rộng tích cực hoặc tiêu cực tùy theo văn mạch. Ở đây chắc chắn nó có ý nghĩa tích cực và cứu chuộc

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:33-35

³³ Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán về vua A-si-ri như sau: ‘Nó sẽ không vào được thành này, sẽ chẳng bắn vào đó một mũi tên nào, cũng chẳng dùng khiên hay đắp lũy mà tấn công thành. ³⁴ Nó sẽ theo con đường mình đã đến mà trở về, không vào thành này được đâu.’ Đức Giê-hô-va phán vậy. ³⁵ Vì Ta và vì Đa-vít, đầy tớ Ta, chính Ta sẽ bảo vệ và giải cứu thành này.’”

37:33-34 Đây là lời hứa sẽ không còn sự vây hãm xảy ra nghịch lại Giê-ru-sa-lem. Tại điểm này quân đội A-si-ri không còn đứng trước những công thành Giê-ru-sa-lem, nhưng vẫn còn tại các thành kiên cố của Shephelah một khoảng cách, ví dụ như Lachish.

Có một vài điều mà ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ cho phép và không cho phép trong các cuộc tấn công vào Giê-ru-sa-lem của A-si-ri.

1. đạo quân A-si-ri sẽ tiến đến Giê-ru-sa-lem để vây hãm nó
2. đạo quân sẽ không bắn một mũi tên nào tại đó
3. đạo quân sẽ không dùng khiên
4. đạo quân đó sẽ không đắp lũy công thành
5. A-si-ri sẽ rút lui cùng một cách mà nó đến

37:35 Lý do được đưa ra cho sự giới hạn và lui quân dành cho A-si-ri chính là

1. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA chính Ngài sẽ bảo vệ (BDB 170, KB 199, *Qal* THÈ HOÀN THÀNH) thành (hình ảnh cuộc Thánh Chiến)
2. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA sẽ giải cứu /giải thoát nó (BDB 446, KB 448, *Hiphil* NGUYÊN MẪU DẠNG TỪ GHÉP)
3. ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã làm điều đó
 - a. vì Chính Ngài (kế hoạch cứu chuộc đời đời và uy danh cá nhân của chính Ngài, Ê-xê-chi-ên 36:22-38)
 - b. vì Đa-vít đầy tớ Ngài (9:7; 11:1; 16:5; 22:9,22; 29:1; 38:5; 55:3; II Sa-mu-ên 7)

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 37:36-38

³⁶ Bấy giờ, một thiên sứ của Đức Giê-hô-va vào trại quân của người A-si-ri, và giết một trăm tám mươi lăm nghìn người. Sáng hôm sau, người ta dậy sớm và thấy toàn là xác chết! ³⁷ San-chê-ríp, vua A-si-ri, rút quân về, và ở tại Ni-ni-ve. ³⁸ Một hôm, khi vua San-chê-ríp đang cúi lạy thần của mình trong đền thờ

Nít-róc, thì các con trai của vua là A-tra-mê-léc và Sa-rét-se dùng gươm giết vua, rồi trốn sang xứ A-ra-rát. Con vua là Ê-sạt-ha-đôn lên kế vị.

37:36 “một thiên sứ của Đức Giê-hô-va vào” Đây là một sự tương tự với nhân vật thiên sứ sự chết là đại diện của sự hiện diện của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA trong tai vạ cuối cùng trên Ai Cập trong Xuất 11 và 12:23,29 (cũng hãy xem II Sa-mu-ên 24:16).

Không có bất cứ kẻ “gắt hái tàn nhãn nào.” ĐỨC GIÊ-HÔ-VA kiểm soát sự sống và sự chết. Thật khó để phân biệt sự toàn năng của Đức Chúa Trời ra khỏi những tình trạng của một thế giới sa ngã. Đây không phải là một thế giới Đức Chúa Trời dự định để nó trở thành. Sự chết chính là hậu quả của sự nổi loạn của con người. Đức Chúa Trời biết, cho phép, và thi hành ý định của Ngài. nguyên nhân thứ hai, rất quan trọng đối chúng ta, không phải là một phần trong thế giới quan cổ đại (Ma-thi-ơ 6:25-27; 10:28-31), nơi mà không có sự phân biệt giữa thế giới siêu nhiên và tự nhiên.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THIÊN SỨ CỦA CHÚA

Rõ ràng Đấng Thánh có thể xuất hiện trong hình hài con người. Điều cần hỏi các học giả thuyết Ba Ngôi, rằng Ngôi nào thực hiện sứ mạng này? Trong khi Đức Chúa Cha Đức Giê-hô-va và Thánh Linh Ngài luôn ở trạng thái vô hình, chúng ta có thể được gợi ý rằng Đấng Mê-si-a xuất hiện trước thì nhập thể.

Để chứng minh sự khó khăn khi xác định cuộc gặp gỡ thiên sứ có thể là sự hiển thân (một sự hiện ra của Đức Chúa Trời), xin nghiên cứu hai khả năng trong các minh họa sau đây

1. Thiên sứ của Chúa chỉ là một trong các thiên sứ
 - a. Sáng . 24:7,40
 - b. Xuất. 23:20-23; 32:34
 - c. Dân số. 22:22
 - d. Các Quan Xét 5:23
 - e. II Sa-mu-ên. 24:16
 - f. I Sử. 21:15-30
 - g. Xa-cha-ri. 1:12-13
2. Thiên Sứ của Chúa chính là một sự hiển thân
 - a. Sáng. 16:7-13; 18:1-19:1; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
 - b. Xuất. 3:2,4; 14:19 (13:21)
 - c. Các Quan Xét. 2:15; 6:22-24; 13:3-23
 - d. Ô-sê 12:3-4
 - e. Xa-cha-ri 3:1-5

▣ **“vào trại quân của người A-si-ri, và giết một trăm tám mươi lăm nghìn người”** Đây không phải ngay trước tường thành Giê-ru-sa-lem, nhưng có vẻ có một khoảng cách với trại của A-si-ri (II Các Vua 19:35). Herodotus, một sử gia cổ đại, có ghi chú lại tai họa này và ám chỉ rằng nó có liên hệ với những loài gặm nhấm, có lẽ là bệnh dịch hạch. Sự đoán phạt này không giết đi toàn bộ đạo quân. Sự kiện hiển nhiên này được báo trước trong 31:8, nơi mà nó được mô tả về cái chết bởi gươm của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Tuy nhiên, ở đây nó có vẻ như là một trận dịch. Hãy nhớ rằng đây là thơ ca phóng đại, không phải là văn tường thuật lịch sử. Những độc giả phương tây hiện đại bị ảnh hưởng quá chặt chẽ bởi chính thể giới quan của họ và đọc Kinh Thánh (một quyển sách cổ đại đông phương) bởi bộ lọc của chính sự hiểu biết về lịch sử và văn học của chính thời kỳ hiện tại của họ, vốn luôn luôn gây những sự bối rối và hiểu nhầm!

37:37 “Ni-ni-ve” Đây chính là kinh đô của A-si-ri và nó nằm bên bờ Sông Tigris.

37:38 “thần của mình trong đền thờ Nít-róc” Đây là một tên không xác định được.

1. Bản Dịch LXX của từ này có phát âm rất tương tự với thần của thành phố Asshur, là kẻ đứng đầu trong hệ thống các vị thần của người A-si-ri.
2. Nó cũng có thể là sự phát âm sai của “Nusku” (BDB 652), vị thần của sự sáng và lửa của người Ba-by-lôn và A-si-ri được thờ phượng trong sự liên hệ với thần mặt trăng (là con của hắn).

3. E. J. Young cho rằng đó là một sự viết sai cố ý tên của Marduk. Hãy xem quyển, *Manners and Customs of the Bible*, được viết bởi James M. Freeman, ở trang 182.

Chúng ta biết rằng trong những tài liệu lịch sử có một khoảng cách 20 năm giữa những câu 37 và 38. Lời tiên tri này được ứng nghiệm vào năm 681 T.C khi hai con trai của San-chê-ríp ám sát ông và chiếm đoạt ngai vàng.

▣ **“Ê-sạt-ha-đôn”** Đây chính là một trong những con trai của vua là người đã lên ngôi cai trị A-si-ri từ 681-669 T.C

Ê-SAI 38

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ê-xê-chia Được Chữa Lành	Cuộc sống của Ê-xê-chia Được Gia Thêm	Ê-xê-chia Bị Bệnh Và Được Hồi Phục	Vua Ê-xê-chia Bị Bệnh Và Được Hồi Phục	Sự Đau Ốm và Chữa Lành của Vua Ê-xê-chia
38:1-3	38:1-3	38:1-3	38:1 38:2-3	38:1-3
38:4-6	38:4-8	38:4-6	38:4-6 [38:21-22]	38:4-6 [38:21-22 and 7-8]
38:7-8		38:7-8	38:7-8	Bài Ca Ngợi Khen của Vua Ê-xê-chia
38:9-14 (10-14)	38:9-14 (10-14)	38:9-20 (10-15)	38:9-20 (10-15)	38:9-20 (10-15)
38:15-20 (15-20)	38:15-20 (15-19) (20)	(16-20)	(16-20)	(16-20)
38:21-22	38:21-22	38:21-22		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN*

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Cũng như những đoạn 36-37 liên hệ với thời kỳ của người A-si-ri, những đoạn 38-39 chỉ thẳng đến gia đoạn Ba-by-lôn ảnh hưởng trên dân sự của Đức Chúa Trời.
- B. Cần phải nhớ rằng có hai thời kỳ “Ba-by-lôn” riêng biệt
 1. Merodach-baladan II (721-710, 703-702 T.C, II Các Vua 20:12; Ê-sai 39:11) trong thời Ê-xê-chia (là người mà tôi nghĩ rằng được chỉ đến trong Ê-sai 13-14).

2. Thời Tân-Ba-by-lôn (Neo-Babylon) dưới sự cai trị của Vua Nabopolassar (626-605 T.C) và con trai ông, Nê-bu-cát-nét-xa II (605- 562 T.C), là kẻ đã gây nên sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem và đền thờ vào năm 586 T.C Ông đã ra lệnh trên một lần lưu đày người Giu-đa (605, 597, 586, 582 T.C)
- C. The Jewish Study Bible (trang 858) cho biết, “những sự kiện được mô tả trong những đoạn 38-39 được tiếp nối bởi những sự kiện trong những đoạn 36-37 bởi ít nhất là mười năm.” Điều này bởi vì sự kiện người A-si-ri bị đánh bại bởi Merodach-baladan II.
- D. Sự đau ốm và chữa lành của Ê-xê-chia cũng được chép trong II Các Vua 20:1-11. Bài thi thiên của ông tương tự với Thi Thiên 6 và 118 hoặc ngay cả Giô-na 2. Bài thi thiên của Ê-xê-chia không xuất hiện trong II Các Vua 20.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐỈNH 2010: 38:1-3

¹ Trong những ngày đó, Ê-xê-chia lâm bệnh sắp chết. Nhà tiên tri Ê-sai, con trai A-môt, đến gặp vua và nói: “Đức Giê-hô-va phán thế này: ‘Hãy sắp đặt việc nhà của con vì con sắp chết, không sống được nữa.’”
² Ê-xê-chia quay mặt vào tường và cầu nguyện với Đức Giê-hô-va: ³ “Lạy Đức Giê-hô-va, xin nhớ lại rằng con vẫn bước đi trước mặt Ngài cách trung tín hết lòng, và làm điều thiện dưới mắt Ngài!” Rồi Ê-xê-chia khóc rất thảm thiết.

38:1-8 Đây là một ví dụ tốt của sự thật rằng Đức Chúa Trời vẫn đang tể trị trên lịch sử, dù cho lịch sử cũng bị tác động bởi lời cầu nguyện của chúng ta (37:21). Nhưng cũng phải nhớ trong suốt “thời gian được ban thêm” này của cuộc đời Ê-xê-chia rằng người con xấu xa và kẻ kế ngôi của ông, Ma-na-se, đã được sinh ra. Trong nhiều cách, sự trả lời của Đức Chúa Trời cho Ê-xê-chia đã mang lại đoán phạt trên Giu-đa. Chúng ta cần phải cầu nguyện trong muôn của Đức Chúa Trời, bởi vì chúng ta không bao giờ nhìn thấy bức tranh lớn toàn cảnh.

38:3 “nhớ” ĐỘNG TỪ này (BDB 269, KB 269, *Qal* THỂ MỆNH LỆNH) là một THỂ MỆNH LỆNH của sự thỉnh cầu. Ê-xê-chia, cũng giống như Nê-hê-mi (Nê-hê-mi 13:14,22), đang cầu xin Đức Chúa Trời nhớ lại đời sống đức tin của ông. Thật thú vị rằng trong Kinh Thánh con người cầu nguyện để Đức Chúa Trời quên đi tội lỗi của họ, trong khi Đức Chúa Trời yêu cầu họ nhớ lời của Ngài.

Sự ghi nhớ của Đức Chúa Trời chính là một cách kêu cầu Ngài hãy thành tín với lời Ngài và những lời hứa của Ngài được sống bày tỏ ra trong một đời sống cá nhân.

Chú ý Ê-xê-chia quả quyết rằng.

1. Con đã bước đi (BDB 229, KB 246, *Hithpael* THỂ HOÀN THÀNH) trước mặt Ngài trong lễ thật (nguyên văn “cách trung tín,” BDB 54). “đã bước” là một ẩn dụ trong kinh Thánh để chỉ về một đời sống đức tin (Thi 26:3; 86:11).
2. Con đã làm điều đó với trọn cả tâm lòng, đây là một ẩn dụ Kinh Thánh cho sự tận hiến hoàn toàn.
3. Con đã làm điều lành trước mặt Ngài

▣ **“hết lòng”** Đây là một mệnh đề thường liên hệ với thời kỳ cai trị và đời sống của vua Đa-vít (I Các Vua 3:6; 9:4; 11:4; I Sứ Ký 28:9); dân sự (I Sứ Ký 29:9); hoặc của Vua A-sa (I Các Vua 15:14). Ê-xê-chia được xem như là một trong những vị vua tin kính Chúa của Giu-đa (II Các Vua 18:5-6).

▣ **“khóc rất thảm thiết”** Có một số câu hỏi ví dụ như tại sao Ê-xê-chia lại quá phiền não nghĩ về cái suy chết của ông: (1) sự sợ hãi sự chết trong thời kỳ trung niên, dựa trên câu 10 hoặc (2) sự thật rằng ông vẫn chưa có người nối dõi (câu 19; 39:7; II Các Vua 21:1). Nó không rõ ràng do lý hoặc ,do nào cả hai, trong những điều này là đúng bởi vì chúng ta không có phương cách tâm lý nào để phân tích những thông điệp của những nhân vật lịch sử. Bi kịch rằng trong mười lăm năm được gia thêm này, sự sinh hạ Ma-na-se đã xảy ra và ông đã trở thành vị vua gian ác nhất mà Giu-đa đã có và ông đã phải chịu trách nhiệm lớn cho sự lưu đày bởi người Ba-by-lôn.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 38:4-6

⁴ Bảy giờ, có lời Đức Giê-hô-va phán cho Ê-sai: ⁵ “Hãy trở lại nói với Ê-xê-chia rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Đa-vít, tổ phụ vua, phán thế này: ‘Ta đã nghe lời cầu nguyện của con và thấy nước mắt con. Nay, Ta sẽ cho con sống thêm mười lăm năm nữa. ⁶ Ta sẽ giải cứu con cùng thành này khỏi tay vua A-si-ri, và Ta sẽ bảo vệ thành này.’”

38:4-6 Sự thần cảm là một khái niệm rất khó để mô tả. Giáo lý này quan trọng thiết yếu cho đức tin của chúng ta, nhưng cách nó vận hành như thế nào thì không định rõ được.

1. những khái tượng
2. những giấc mơ
3. những hành động biểu tượng
4. những thông điệp bằng lời
5. những công việc của người biên tập
6. ngay cả một sự phiên dịch (bản dịch LXX được sử dụng trong thời kỳ hội thánh đầu tiên, Ê-sai 7:14)

Tôi tin rằng Kinh Thánh là một quyển sách độc nhất. Một quyển sách của sự mặc khải thiên thượng. Trong câu này, cũng giống như trong Bộ Các Sách Tiên Tri, thông điệp ở đây là một thông điệp bằng lời cụ thể đến từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA. Đức Chúa Trời Đòi Đòi đã mặc khải về chính Ngài đối với tạo vật cao nhất của Ngài, con người.

38:5 “Đức Chúa Trời của Đa-vít , tổ phụ vua” Thông điệp này liên hệ ngược về với 37:35 và tiến tới với 55:3. Đa-vít đại diện cho vị vua lý tưởng và ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã ban những lời hứa đặc biệt dành cho ông và gia đình ông, II Sa-mu-ên 7; I Các Vua 8:24-26. Một vị vua lý tưởng trên ngôi Đa-vít trong tương lai được mô tả đến trong 9:7; 16:5; 55:3.

38:6 Không chỉ Đức Chúa Trời buông tha sự sống của Vua Ê-xê-chia, nhưng Ngài cũng tha thứ cho sự sống của Giê-ru-sa-lem! Cụm từ “Ta sẽ bảo vệ” là từ ngữ của Cuộc Thánh Chiến. Đức Chúa Trời hành động thay mặt cho dân sự Giao Ước của Ngài.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 38:7-8

⁷ Đây là dấu hiệu Đức Giê-hô-va ban cho vua để chứng tỏ rằng Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện điều Ngài đã phán hứa: ⁸ ‘Này, Ta sẽ làm cho bóng mặt trời đã chiếu xuống các bậc của đồng hồ mặt trời của A-cha lui lại mười bậc.’” Vậy, trên đồng hồ mặt trời, bóng mặt trời đã lui lại mười bậc mà nó đã đi qua.

38:7-8 “dấu hiệu Đức Giê-hô-va ban cho vua” Ở đây một lần nữa, đây là một dấu hiệu vật lý để khích lệ Ê-xê-chia rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho sự sống của ông (II Các Vua 20:9 là một phần tư liệu đầu đủ). Nó có vẻ liên hệ với

1. một đồng hồ mặt trời được thiết kế để sử dụng để hướng dẫn nhà vua giờ đi ngủ.
2. Từ đầu “những bước” có nghĩa là “độ” của một đồng hồ mặt trời (theo II Các Vua 20:9-11, bản dịch JPSOA, cũng hãy xem quyển, *Manners and Customs of the Bible*, p. 183)
3. một vài biểu tượng của các hiện tượng thiên văn

Chúng ta cần phải rất cẩn thận việc trở nên giáo điều về cách chính xác làm thế nào để Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành nó. Một Đức Chúa Trời có thể làm tất cả mọi điều Ngài muốn vượt ngoài những định luật của tự nhiên. Tuy nhiên, điều này có thể được làm một cách ngang bằng với một vài hiện tượng tự nhiên ví dụ như độ ẩm cao của một lớp mây. Nó rõ ràng đó là một phép lạ của mặt trời trong Giô-suê 10:12-13 trước tiên mang tính thơ ca nhiều hơn vật lý. Chúng ta là những người tin vào phép lạ cần phải cẩn thận không gán tất cả mọi điều mà chúng ta không hiểu cho phép lạ. Rất nhiều lần Đức Chúa Trời sử dụng thiên nhiên để hoàn thành những điều siêu nhiên (những tai vạ ở Ai Cập). Trong thế giới cổ đại không có sự phân biệt giữa tự nhiên và siêu nhiên (Hãy xem quyển *The Lost World of Genesis 1* được viết bởi John L. Walton).

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 38:9-14

⁹ Sau khi lâm bệnh và được chữa lành thì Ê-xê-chia, vua Giu-đa, đã viết những lời này:

¹⁰ Tôi từng nói: “Giữa chừng cuộc đời,

Tôi phải ra đi;

Những năm còn lại của đời tôi,

Tôi bị tiêu mất nơi các cửa âm phủ!”

¹¹ Tôi từng nói: “Tôi chẳng còn thấy Đức Giê-hô-va nữa,

Là Đức Giê-hô-va ở trên đất người sống.

Tôi không còn nhìn thấy loài người nữa,

Là những người đang sống trên trần gian.

¹² Nơi ở của tôi bị nhổ lên và đời xa khỏi tôi

Như cái lều của người chẵn chiên.

Tôi cuốn đời tôi như thợ dệt cuốn vải;

Chúa cắt tôi khỏi khung cửi;

Sớm còn tối mất, Chúa kết thúc đời tôi!

¹³ Tôi giữ yên lặng cho đến sáng mai,

Nhưng Ngài đã xé tất cả xương tôi như sư tử.

Sớm còn tối mất, Chúa kết thúc đời tôi!

¹⁴ Tôi rầm rì như chim hạc, chim yến;

Gù gù như chim bồ câu;

Mắt tôi mỏi mòn nhìn lên cao.”

“Lạy Chúa, con đang trong cơn khốn đốn,

Xin Ngài cứu giúp con.

38:10-20 Đây là một bài thi thiên được viết bởi Ê-xê-chia. Ông đã nhận thức rất tốt với văn học khôn ngoan và ông đã phát triển sự sử dụng các bài Thi Thiên (II Sử Ký 29:25-30). Tuy nhiên, nó không xuất hiện trong phần song hành trong II Các Vua 20:1-11.

38:10

NASB “Trong giữa cuộc đời tôi”

NKJV, TEV,

REB “trong thời sơ khai của cuộc đời tôi”

NRSV “trong buổi ban trưa những ngày của tôi”

NJB “trong buổi trưa của cuộc đời tôi”

LXX “trong thời đỉnh cao những ngày của tôi”

Peshitta “trong giữa cuộc đời tôi”

Bản MT chép là ׀מ (BDB 198, KB 226 II), vốn có nghĩa là “sự dừng lại,” “tạm dừng,” “nghỉ ngơi,” hoặc “yên lặng.” Một vài học giả xem đây là sự chỉ đến một thời kỳ trung niên của sự nghỉ ngơi. KB 226 I nhấn mạnh một thể khác của cùng một từ gốc có nghĩa là “một nửa” (NIDOTTE, tập 1, trang 972). Bản LXX dịch từ này là “đỉnh cao những ngày của tôi,” vốn có vẻ có cùng một cách đọc.

▣ **“các cửa âm phủ”** Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Người chết ở đâu? tại 5:14.

“các cửa sự chết” được đề cập đến trong Gióp 38:17; Thi 9:13; 107:18; và Ma-thi-ơ 16:18 (nơi “âm phủ” cũng được gọi là “hades”). Đây là ẩn dụ của sự chết được ví như ngục tù.

▣ **“Những năm còn lại của đời tôi bị cướp mất”** Số tuổi của cuộc đời của một người được xem là một sự đánh dấu về sự chấp thuận của Đức Chúa Trời (Môi-se, Phục Truyền 34:7; Giô-suê, Giô-suê 24:29). Đối với một người phải chết đi trước khi có con được xem như là một sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (Thi 55:23; 89:45,46-48; Châm Ngôn 10:27).

38:11 Người Hê-bơ-rơ thời cổ xưa không xem cái chết như là một sự sum họp và tương giao với Đức Chúa Trời, nhưng là một sự chia cắt với sự sống và với Đức Chúa Trời của sự sống. Cựu Ước có một ánh sáng nhỏ bé chiếu vào cõi sau sự chết. Ngay cả Tân Ước cũng được che phủ theo một cách nào đó về lĩnh vực này, mặc dù Tân Ước cũng cung cấp thêm thông tin cho chúng ta

☐ **“Đức Giê-hô-va... Đức Giê-hô-va”** Bản MT chép là *Yah* (יה, 12:2; 26:4) hai lần, vốn có lẽ chỉ có một từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (יהוה). Cuốn Ê-sai trong bộ DSS chỉ có một từ *Yah*.

☐ **“những người đang sống trên trần gian”** Cách dịch này được tìm thấy trong phần lớn những bản dịch tiếng Anh. Bản MT có từ “ngừng lại” (“vùng đất của người chết,” BDB 293 I, יהלל); thay đổi thành “trần gian” (BDB 317, יהלל, đến từ một vài bản MSS tiếng Hê-bơ-rơ và bản Targums tiếng A-ram). USB’s Hebrews Text Project cho rằng đó là một sự chơi chữ cố ý của những từ này (ở trang 93), chứ không phải là một sự rối rắm trong văn mạch. Cụm từ “những cư dân của trần gian” cũng xuất hiện trong Thi 49:1.

38:12 Ê-xê-chia sử dụng hai sự ẩn dụ để bày tỏ về sự kết thúc của cuộc sống trên đất của ông.

1. sự nhỏ lên của một cái lều (II Cô-rinh-tô 5:1; II Phi-e-rơ 1:13,14)
2. mảnh vải được cắt khỏi khung cửa

Có một câu hỏi về cách phiên dịch từ đầu trong bản MT, דור (BDB 189, KB 217).

1. sống, thể này được tìm thấy duy nhất ở đây (BDB 190, #4, KB 217 I), NASB, NRSV, NJB, JPSOA, REB
2. thể hệ, khoảng thời gian sống, nghĩa thông thường của từ gốc (BDB 189, KB 217 II), LXX, Peshitta, NKJV, TEV

Cũng có một câu hỏi về ĐỘNG TỪ ((להל, BDB 162, KB 191). Nó có thể có nghĩa

1. “cuốn tròn” từ להל, BDB 164 II, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, 34:4 (được sử dụng trong nghĩa này chỉ duy nhất ở đây)
2. “cắt bỏ” từ להל, *Niphal* THỂ HOÀN THÀNH, một nghĩa độc nhất ở đây, thường nó có nghĩa là
 - a. mở ra, bộc lộ
 - b. rời đi, gửi đi

Hầu hết các bản dịch tiếng Anh sử dụng lựa chọn #2, đi theo bản MT, nhưng lựa chọn #1 phù hợp với văn mạch tốt hơn.

☐ **“Sớm còn tối mất, Chúa kết thúc đời tôi”** Đây là một ngôn ngữ thành ngữ (Gióp 4:20; Thi 73:14) của một sự hoàn tất một hành động.

38:13

NASB	“Tôi trần tỉnh linh hồn tôi”
NKJV	“Tôi xem xét”
NRSV, NJB	“Tôi kêu khóc xin sự giúp đỡ”
TEV	“Tôi kêu khóc với sự đau đớn”
REB	“Tôi trôi đi với sự đau đớn”

Bản MT chép là “Tôi đã yên lặng” (“yên ninh linh hồn tôi”), שוה, BDB 1000, KB 1436, *Piel* THỂ HOÀN THÀNH, nhưng nhiều dịch giả khác cho rằng cần có một sự thay đổi trở thành שוה, BDB 1002, KB 1443 I, vốn có nghĩa là “kêu xin sự giúp đỡ,” 58:9, vốn có vẻ phù hợp nhất.

☐ **“Ngài đã xé tất cả xương tôi như sư tử”** Cái chết của Ê-xê-chia được xem như là một sự hành động của ĐỨC GIÊ-HÔ-VA toàn năng. Tư tưởng độc thần Cựu Ước gán tất cả mọi nhân quả cho một mình Đức Chúa Trời. Người cô đại không nhận ra nhân quả thứ yếu (bởi con người).

Người Hê-bơ-rơ sử dụng những ẩn dụ mạnh mẽ để mô tả những hành động của Đức Chúa Trời, ở đây như là một con sư tử.

38:14 Cũng như câu 13 mô tả quyền năng của Đức Giê-hô-va, câu 14 mô tả sự yếu đuối của Ê-xê-chia.

1. NASB, NJB, REB – “lú lú”
NKJV – “lú lo”
NRSV – “ồn ào àm ỉ”
TEV – “tiếng của tôi mỏng manh và yếu ớt”

ĐỘNG TỪ này (BDB 861, KB 1050, *Pilpel* THỂ CHƯA HOÀN THÀNH) có nghĩa là “hót lú lú,” “kêu chiêm chiếp.” Ở đây được sử dụng cho loài chim được sử dụng và trong 10:14, nhưng ở những chỗ

- khác, cho các đồng cốt (8:19; 29:4).
2. “rên xiết” – BDB 211, KB 237, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH, 16:7; 59:11; Ê-xê-chi-ên 7:16; Na-hum 2:7. Nó chỉ về một sự đau đớn thống khổ cho một tình trạng hiện tại.
 3. đôi mắt nhìn mòn mỏi đến những nơi cao
 - a. “nhìn mòn mỏi” – BDB 195, KB 223, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH, sử dụng cho lời cầu nguyện đến với Đức Chúa Trời trong Thi 79:8; 116:6; 142:6 (NIDOTTE, tập 1, trang 951)
 - b. “những nơi cao” – BDB 928, vốn là một ẩn dụ dùng cho thiên đàng (32:15; 57:15; 58:4)
 4. khôn đôn – BDB 799, thể này được tìm thấy duy nhất ở đây. Thể *Pual* TRẠNG TỪ tại 23:12 có nghĩa là “bị nghiền nát.” Có lẽ Ê-xê-chia đã nghĩ đến Thi 103:6 hoặc 146:7.

▣ “**Lạy Chúa**” Bản MT chép là *adon* (BDB 10), cũng như trong câu 16, chứ không phải là ĐỨC GIÊ-HÔ-VA, như trong những câu 3,4,5,7,11,20 (hai lần), 22.

▣ “**hãy là sự yên ninh của con (xin Ngài cứu giúp con)**” THÊ MỆNH LỆNH này (BDB 786, KB 876, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) mô tả sự thỉnh cầu của Ê-xê-chia dựa trên sự yếu đuối của ông. ĐỘNG TỪ này có nghĩa là một sự thỉnh cầu (Gióp 17:3; Thi 119:122). Chính ĐỨC GIÊ-HÔ-VA đã là niềm hy vọng và sự đảm bảo của Ê-xê-chia!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 38:15-20

- ¹⁵ Con biết nói gì đây? Vì Ngài đã phán với con
Thì Ngài cũng đã làm thành việc ấy.
Suốt đời, con sẽ bước đi cách khiêm nhường
 Vì tâm hồn con đầy nỗi đắng cay.
- ¹⁶ Lạy Chúa, người ta sống là nhờ những điều ấy;
 Thần linh con cũng nhờ đó mà sống!
Xin Chúa chữa lành cho con
 Và bảo tồn sự sống của con.”
- ¹⁷ Này, nỗi cay đắng của tôi
 Đã trở nên sự bình an!
Chúa đã yêu thương linh hồn tôi,
 Đem nó ra khỏi hầm hủy diệt,
Vì Chúa đã ném mọi tội lỗi tôi
 Ra sau lưng Ngài.
- ¹⁸ Vì âm phủ không thể cảm tạ Chúa,
 Sự chết không thể ca ngợi Ngài;
Nhưng kẻ đã xuống mộ
 Không còn hi vọng nơi sự thành tín của Ngài nữa.
- ¹⁹ Người sống, chỉ có người sống mới cảm tạ Chúa,
 Như tôi làm hôm nay.
Người làm cha hãy dạy cho con cái mình
 Biết sự thành tín của Ngài.
- ²⁰ Đức Giê-hô-va là Đấng cứu rỗi tôi!
 Trọn đời chúng tôi sẽ đàn và hát
 Trong nhà Đức Giê-hô-va!

38:15-20 Khổ thơ này bày tỏ thần học Cựu Ước về *Sheol* (âm phủ). Cuộc sống đời sau không phải là một nơi đáng mơ ước.

38:15 “**Vì Ngài đã phán với con. Thì Ngài cũng đã làm thành việc ấy.**” Câu này phản ánh sự toàn năng của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên. Ngài phán, nó xảy ra (55:11)!

38:16 Dòng thứ hai rất khó hiểu trong Bản MT. Bản LXX dịch nó là “và người sẽ sống lại hơi thở mình”; JPSOA dịch nó là “hơi thở sự sống của tôi sống lại.”

38:17

NASB

“Ngài đã gìn giữ linh hồn tôi”

NKJV

“Ngài đã trừ mền giải cứu linh hồn tôi”

NRSV

“Ngài đã giữ lại sự sống tôi”

NJB

“ngài đã bảo tồn sự sống tôi”

REB, Peshitta

“Ngài đã cứu tôi”

Bản MT cho là ĐỘNG TỪ “yêu” (קָנָה, BDB 365 I, KB 362, *Qal* THÊ HOÀN THÀNH), nhưng nó có vẻ không phù hợp lắm với dòng thơ này, vì vậy một số học giả cho là “giữ lại,” קָנָה, BDB 362, 14:6; 54:2; 58:1.

▣ “**Vì Chúa đã ném mọi tội lỗi tôi ra sau lưng Ngài.**” Bài thi thiên này liên hệ với sự phục hồi của Ê-xê-chia rằng ông đã được giải cứu khỏi *Sheol*. Tuy vậy, trong một cách nào đó trong tư tưởng của người Do Thái, thảm họa luôn liên hệ với tội lỗi. Không rõ bằng cách nào có điều nào trong những hành động của Ê-xê-chia đã bị nhìn thấy bởi ĐỨC GIÊ-HÔ-VA rằng nó xứng đáng với sự chết sớm. Tuy nhiên, nó là một thông điệp tuyệt vời rằng Đức Chúa Trời tha thứ và quên đi. Hãy so sánh Thi Thiên 103:11-14; Ê-sai 1:18; 43:2- 5; 44:22; Giê-rê-mi 31:34; và Mi-chê 7:19.

Đây thật sự là một lễ thật quan trọng—khi Đức Chúa Trời tha thứ, Đức Chúa Trời cũng quên đi! Nhiều tín hữu công bố sự tha thứ của Đức Chúa Trời dựa trên những lời hứa trong Kinh Thánh, nhưng chưa kinh nghiệm được niềm vui toàn hảo của sự quên đi của Đức Chúa Trời!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG LỜI DÙNG CHỈ SỰ THA THỨ

Ở đây hầu hết là những từ hoặc thành ngữ Hê-bơ-ơ được dùng để mô tả về sự tha thứ thiên thượng cho sự phản nghịch.

1. “tha thứ,” “tha lỗi,” (סָלַח BDB 699, KB 757, Xuất 34:9; Lê-vi-ký 4:20, 26, 31, 35; 5:10, 13, 16, 18; 6:7; 19:22; Dân Số Ký 14:20; 15:25-28; 30:5,8,12; I Các Vua 8:30, 34, 36, 39, 50; Thi 103:3; Ê-sai 55:7; Đa-ni-ên 9:19; A-mốt 7:2 (từ này luôn luôn được sử dụng cho Đức Chúa Trời, không bao giờ sử dụng cho con người)
2. “quét sạch,” “xóa khỏi,” נָשָׂא (ĐỘNG TỪ rất phổ biến với rất nhiều nghĩa) – BDB 669, KB 724, ví dụ, Xuất 23:21; 32:32; 34:7; Dân Số Ký 14:18; Giô-suê 24:19; Thi 25:18; 32:1,5; 85:2; 99:8; Mi-chê 7:18
3. “che phủ,” “chuộc tội,” כָּפַר – BDB 497, KB 493, ví dụ, Lê-vi Ký; Thi 65:3; 78:38; 79:9; Ê-sai 6:7; 22:14; Giê-rê-mi 18:23; Ê-xê-chi-ên 16:63; Đa-ni-ên 9:24
4. “xóa khỏi,” “xóa sạch,” מָחָה – BDB 562, KB 567, ví dụ, Nê-hê-mi 4:5; Thi 51:1,9; Ê-sai 43:25; 44:22; 44:22; Giê 18:23
5. “chữa lành,” רָפָא – BDB 950, KB 1272, ví dụ, II Sử Ký 7:14; Thi 41:4; 103:3; Ê-sai 6:10; 57:18; Giê-rê-mi 3:22; 17:14; 30:17; Ô-sê 5:13; 14:4
6. “vượt qua,” עָבַר – BDB 716, KB 778, ví dụ, Châm Ngôn 19:11; A-mốt 7:8; 8:2; Mi-chê 7:18
7. “rửa sạch,” כָּבַס – BDB 460, KB 459, Thi 51:2,7; Giê-rê-mi 2:22; 4:14
8. “tẩy sạch,” טָהַר – BDB 372, KB 369, ví dụ, Lê-vi-ký 16:30; Thi 51:7; Châm Ngôn 20:9; Ê-xê-chi-ên 24:13
9. “quang ra phía sau,” שָׁלַךְ – BDB 1020, KB 1527, ví dụ, Lê-vi-ký 16:30; Thi 51:7; Châm Ngôn 20:9; Ê-xê-chi-ên 24:13
10. “thanh tẩy,” הָטָה – BDB 306, KB 305, ví dụ, Thi 51:7 (nghĩa rộng này của sự tẩy sạch thiên thượng của ĐỘNG TỪ phổ biến, chỉ được tìm thấy duy nhất ở đây)
11. “giấu mặt Ngài khỏi,” סָתַר – BDB 711, KB 771, ví dụ, Thi 51:9
12. “nhờ” (tiêu cực), זָכַר – BDB 269, KB 269, ví dụ, Ê-sai 43:25
13. “đạp lên” (văn học “khuất phục”), כָּבַשׁ – BDB 461, KB 460, ví dụ, Mi-chê 7:19

38:20 “Đức Giê-hô-va là Đấng cứu rỗi tôi” Hãy xem Chủ đề đặc biệt: Sự Cứu Rỗi tại 33:2.

Chú ý “sự cứu rỗi” ở đây liên hệ với một sự giải cứu chuộc thuộc thể khỏi sự chết cho phép một sự thờ phượng tương lai trong đền thờ, câu 22; II Các Vua 20:5, rất giống với Thi 23:6.

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BÁN TRUYỀN THÔNG HIỆU ĐÍNH 2010: 38:21-22

²¹ Ê-sai bảo các đầy tớ vua: “Hãy lấy một cái bánh trái và đắp trên chỗ ung độc thì vua sẽ sống.” ²² Ê-xê-chia hỏi: “Có dấu hiệu nào cho biết rằng ta còn được lên đền thờ Đức Giê-hô-va không?”

38:21-22 Những câu này không có trong cuộn DSS sách Ê-sai, nhưng chúng có trong bản dịch LXX. Một định dạng của chúng được tìm thấy trước đó trong II Các Vua 20:7. NJB đặt chúng trong bản dịch của họ sau câu 6.

38:21 “Hãy lấy một cái bánh trái và đắp trên chỗ ung độc thì vua sẽ sống” Chúng ta biết từ những tài liệu Y-so-ra-ên cổ khác rằng trái vả được sử dụng như một loại thuốc (cũng có trong tiếng Ugarit). Ở đây chúng ta biết được chính xác bản chất của chứng bệnh của (một loại ung nhọt). Dù cho nó là một loại ung thư đã phát triển hoặc là một cái nhọt như một nơi thương tổn thì không xác định được.

Chú ý rằng ĐỨC GIÊ-HÔ-VA là Đấng Chữa Lành, nhưng những thầy thuốc trong triều là người sử dụng thuốc (những trái vả). Một lần nữa những người cổ đại không phân biệt giữa nguyên nhân thiên thượng hoặc nguyên nhân tự nhiên. Tất cả mọi nguyên nhân gây kết quả đều được gán cho Đức Chúa Trời. Ngài liên hệ một cách mật thiết với thế giới của Ngài, dân sự giao ước của Ngài, và những cá nhân!

Câu này có ba THẺ MỆNH LỆNH.

1. Hãy lấy – BDB 669, KB 724, *Qal* THẺ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng trong một nghĩa của THẺ MỆNH LỆNH
2. Hãy đắp lên (nguyên văn chà xát) – BDB 598, KB 634, *Qal* THẺ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng trong một nghĩa của một THẺ MỆNH LỆNH
3. Vua sẽ sống – BDB 310, KB 309, *Qal* THẺ MỆNH LỆNH

Ê-SAI 39

CÁC CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG NHỮNG BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

NASB	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ê-xê-chia Bày Tô Những Kho Tàng của Minh	Những Sứ Giả Ba-by-lôn	Những Sứ Giả của Merodach-baladan	Những Sứ Giả Đến Từ Ba-by-lôn	Đại Sứ Từ Ba-by-lôn
39:1-4	39:1-2 39:3-8	39:1-4	39:1-3a 39:3b 39:4	39:1-2 39:3-4
39:5-8		39:5-8	39:5-7 39:8	39:5-8

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (hãy xem trang xvi ở phần giới thiệu) THEO DŌI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở MỨC ĐỘ PHÂN ĐOẠN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề (hãy đọc chu kỳ đọc thứ 3, trang xvi). Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với năm bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dōi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VẤN MẠCH

Để xem một sự thảo luận hay về thời điểm có khả năng các sứ thần đã đến, hãy xem quyển *Encyclopedia of Bible Difficulties*, của Gleason Archer, ở trang 212-213.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐÍNH 2010: 39:1-4

¹ Trong lúc đó, vua Ba-by-lôn là Mê-rô-đác Ba-la-đan, con vua Ba-la-đan, sai người đem thư và quà tặng cho vua Ê-xê-chia, vì nghe tin vua bị bệnh và được chữa lành. ² Ê-xê-chia chào mừng các sứ thần và cho họ xem kho báu của vua như vàng bạc, hương liệu, dầu quý, tất cả kho vũ khí và mọi vật trong các kho tàng. Chẳng có vật gì trong cung điện và trong toàn lãnh thổ mà Ê-xê-chia không cho họ xem. ³ Nhà tiên tri Ê-sai đến gặp vua Ê-xê-chia và hỏi: “Những người ấy đã nói gì với vua, và họ từ đâu đến?” Ê-xê-chia

đáp: “Họ từ xứ Ba-by-lôn xa xôi đến thăm ta.”⁴ Ê-sai hỏi tiếp: “Họ đã xem gì trong cung vua?” Ê-xê-chia đáp: “Họ đã xem tất cả những gì có trong cung điện của ta. Chẳng vật gì trong các kho tàng mà ta không cho họ xem.”

39:1 “Mê-rô-đac Ba-la-đan” Đây là qua trưởng của Bit-Yakin, là người đã kiểm soát nam Ba-by-lôn (721-710, 703-702 T.C) và đã nổi dậy chống lại người A-si-ri, hai lần. Hãy xem Những ý tưởng theo văn mạch dẫn vào đoạn 38.

▣ **“vua Ba-by-lôn...sai người đem thư”** Có vẻ như vị vua Ba-by-lôn này đã tìm kiếm những đồng minh chống lại A-si-ri và, thật bất hạnh, sự kiêu ngạo của Ê-xê-chia đã khiến ông làm một điều dại dột (câu 2) khi bộc lộ những của cải và tài nguyên của mình cho những sứ thần Ba-by-lôn này. Ông có lẽ đã tìm kiếm một liên minh chính trị.

39:2

NASB, NKJV “hài lòng”

NRSV, TEV,

REB “chào đón”

NJB “hân hoan”

LXX “vui mừng”

Bản MT chép là “vui mừng” (BDB 970, KB 1333, *Qal* THÊ CHƯA HOÀN THÀNH), vốn thường được sử dụng trong một nghĩa kiêu ngạo (Gióp 31:29; Thi 35:15,19,24; 38:16; Châm Ngôn 24:17; Ê-xê-chi-ên 25:6; Mi-chê 7:8).

▣ **“Chẳng có vật gì trong cung điện và trong toàn lãnh thổ mà Ê-xê-chia không cho họ xem”** ĐỘNG TỪ “phô bày” (BDB 906, KB 1157) là một *Hiphil* THÊ HOÀN THÀNH. Vua đã thật sự cố gắng khoe khoang. Ông đã phải đi cùng họ đến tất cả khắp các địa điểm thánh và dân sự (câu 4).

39:3-4 Có phải Ê-sai đang tìm kiếm thông tin? Tôi nghĩ đây là một câu hỏi châm biếm để gây sốc cho vị vua!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN TRUYỀN THỐNG HIỆU ĐỈNH 2010: 39:5-8

⁵ Bấy giờ, Ê-sai nói với Ê-xê-chia: “Xin vua nghe lời Đức Giê-hô-va vạn quân phán: ⁶ ‘Này, trong những ngày đến, mọi vật trong cung điện của con, tất cả những gì mà tổ tiên con đã tích trữ trong các kho tàng cho đến ngày nay, đều sẽ bị đem qua Ba-by-lôn; chẳng còn một thứ gì!’ Đức Giê-hô-va phán vậy. ⁷ ‘Trong số các con ruột của con, do chính con sinh ra, một số sẽ bị bắt đi làm hoạn quan trong cung vua Ba-by-lôn.’” ⁸ Ê-xê-chia đáp lời Ê-sai: “Lời Đức Giê-hô-va mà ông vừa nói là tốt!” Vì vua thâm nghĩ: “Trong đời ta sẽ được hòa bình và ổn định.”

39:5 Đây là một dấu chỉ văn học (“hãy nghe,” BDB 1033, KB 1570, *Qal* THÊ MỆNH LỆNH) cho một thông điệp thiên thượng, rõ ràng liên hệ với hành động đầy câu trả của Ê-xê-chia.

39:6 Câu này là một lời tiên tri về sự phụ tù ở Ba-by-lôn sẽ đến trong thời của vua Nê-bu-cát-nết-xa II (605, 597, 586, 582 T.C). Có vẻ như sự đột phá theo Kinh Thánh không chỉ là (1) sự kiêu ngạo của Ê-xê-chia; nhưng còn là (2) sự thờ hình tượng của con trai ông, Vua Ma-na-se (II Các Vua 21:1-18); và (3) sự vô tín và thờ hình tượng tiếp diễn của dân sự. Vấn đề thật sự ở đây là Ê-xê-chia đã bị cám dỗ để tin cậy nơi một liên minh chính trị một lần nữa, như ông đã có với Ai Cập trước đó. Một suy nghĩ rằng sự trả lời cho lời cầu nguyện của ông có lẽ đã cô lập ông khỏi những hoạt động như thế này.

39:7 Câu này thật đáng ngạc nhiên, không phải bởi vì đây là một lời tiên tri chân thật, nhưng bởi vì Ê-sai luôn tin vào một sự bất khả xâm phạm của Giê-ru-sa-lem và gia đình Đa-vít (II Sa-mu-ên 7).

Cũng cần nhớ rằng những vị khách Ba-by-lôn của Ê-xê-chia không phải là cùng một Ba-by-lôn đã gây ra bốn cuộc lưu đày. Phần lớn thơ ca của Ê-sai đều mơ hồ đủ để liên hệ đến

1. A-si-ri
2. Ba-by-lôn

3. Neo-Ba-by-lôn
4. những sự kiện thời kỳ cuối rôt (lai thể học)

▣ **“đều sẽ bị đem đi”** Điều này xảy ra với Vua Giê-hô-gia-kin (II Các Vua 24:15).

▣ **“quan”** Từ này (BDB 710) nghĩa đen có nghĩa là “những hoạn quan,” nhưng nó đã trở thành một sự chỉ về những viên quan cao cấp trong triều đình (Phô-ti-pha đã cưới vợ, Sáng 39:1). Trong văn mạch này nó phải chỉ về

1. Một biểu hiện biểu tượng của quyền lực của Ba-by-lôn
2. một sự bảo trợ của thể chế

39:8 “Lời Đức Giê-hô-va mà ông vừa nói là tốt” Đây là một thông điệp rất đáng ngạc nhiên. Nó có nghĩa cả rằng Ê-xê-chia đã nhận ra rằng sự kiêu ngạo của ông chính là nguồn gốc của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời và, vì vậy, là công bằng, hoặc nó có thể hàm ý, như trong câu 8b, rằng ông chỉ vui mừng rằng sự đoán phạt sẽ không xảy ra trong đời của ông. Một vài học giả còn cho rằng lý do của sự vui mừng bởi vì điều này có nghĩa rằng ông sẽ có một người con trai.

NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu hướng dẫn nghiên cứu giải kinh, điều đó có nghĩa bạn phải chịu trách nhiệm cho phần giải nghĩa Kinh Thánh của riêng bạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải bước đi ở trong ánh sáng chúng ta có. Chính bạn, Kinh Thánh và Đức Thánh Linh phải là sự ưu tiên cho việc giải nghĩa. Bạn không được phó mặc phần này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận sau đây được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ xuyên suốt qua những vấn đề chính trong phần này của sách. Chúng cần được suy gẫm một cách thấu đáo, không phải cạn cọt.

1. Ý tưởng của sự tin cậy này liên hệ như thế nào với thông điệp đầy ám ảnh của sứ giả A-si-ri trong Ê-sai 36 and 37?
2. Ê-xê-chia có nộp triều cống cho người A-si-ri hay ông đã có một liên minh quân sự với Ai Cập?
3. Vì sao Ê-sai 37:20 lại thật sự quan trọng?
4. Tại sao Đức Chúa Trời ban hai dấu lạ cho Ê-xê-chia?
5. Tại sao Ê-xê-chia lại bị đoán phạt quá nghiêm khắc khi ông phô bày kho tàng của mình cho những sứ giả Ba-by-lôn?

PHỤ LỤC MỘT

GIỚI THIỆU VỀ VĂN THƠ HÊ-BƠ-RO

I. PHẦN GIỚI THIỆU

- A. Thể loại văn học này hình thành 1/3 Cựu Ước. Nó đặc biệt thông dụng trong “Bộ Các Sách Tiên Tri” (tất cả (ngoại trừ A-gê và Ma-la-chi) đều bao gồm thể loại văn thơ) và những phần “Các Sách Văn Thơ” của bộ Kinh Điển Hê-bơ-ơ.
- B. Nó rất khác với văn thơ Tiếng Anh. Văn thơ Tiếng Anh được phát triển từ văn thơ, vốn đầu tiên dựa vào sự phát âm. Văn thơ tiếng Hê-bơ-ơ có rất nhiều điểm chung với văn thơ Ca-na-an. Nó căn bản dựa trên sự cân bằng ý tưởng, những dòng song hành với nhau.
- C. Những sự khám phá khảo cổ học phía bắc của Y-sơ-ra-ên tại Ugarit (Ras Shamra) đã giúp đỡ cho những học giả hiểu được về văn thơ Cựu Ước. Thể loại văn thơ từ thế kỷ thứ 15 TC đã rõ ràng kết nối về văn học với văn thơ Kinh Thánh.

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỂ LOẠI VĂN THƠ

- A. Nó rất cô đọng.
- B. Nó cố để bày tỏ lẽ thật, những cảm nhận hoặc những trải nghiệm qua những hình ảnh.
- C. Nó được viết xuống chứ không phải là đọc lên trước tiên. Nó được cấu trúc một cách cao độ. Cấu trúc này được diễn tả trong:
 1. sự cân xứng của các dòng thơ (Phép song hành)
 2. những sự chơi chữ
 3. những sự chơi chữ qua cách phát âm

III. CẤU TRÚC (Hãy xem quyển, *Introduction to the Old Testament*, được viết bởi R. K. Harrison, trang 965-975)

- A. Giám mục Robert Lowth trong quyển sách của ông, *Lectures on the Sacred Poetry of the Hebrews* (1753) đầu tiên đã mô tả thể loại văn thơ Kinh Thánh như là sự cân xứng của những dòng ý tưởng. những bản dịch hiện đại Tiếng Anh đã được cấu trúc để chỉ ra những dòng của bài thơ.
 1. đồng nghĩa- những dòng thơ diễn tả cùng một ý tưởng trong những lời khác nhau:
 - a. Thi Thiên 3:1; 49:1; 83:14; 103:13
 - b. Châm Ngôn 19:5; 20:1
 - c. Ê-sai 1:3,10
 - d. A-mốt 5:24; 8:10
 2. phản đề - những dòng thơ diễn tả những ý tưởng đối nghịch nhau bằng những phương cách của sự tương phản hoặc đề cập đến sự tích cực và sự tiêu cực:
 - a. Thi Thiên 1:6; 90:6
 - b. Châm Ngôn 1:29; 10:1,12; 15:1; 19:4
 3. tổng hợp – hai hoặc ba dòng tiếp theo phát triển ý tưởng - Thi 1:1-2; 19:7-9; 29:1-2
 4. giao thoa – một cấu trúc của thơ ca diễn tả sự điệp trong một trật tự tăng lên và giảm xuống. Điểm chính được tìm thấy ở giữa của cấu trúc.
- B. Charles A. Briggs trong quyển sách của ông, *General Introduction to the Study of Holy Scripture* (1899) đã phát triển sang giai đoạn tiếp theo của sự phân tích văn thơ Hê-bơ-ơ:
 1. biểu tượng – một mệnh đề theo nghĩa đen và mệnh đề thứ hai theo nghĩa bóng, Thi 42:1; 103:3
 2. tịnh tiến hoặc nấc-thang – những mệnh đề bày tỏ lẽ thật theo kiểu tăng dần, Thi 19:7-14; 29:1-2; 103:20-22
 3. nội tại – một chuỗi những mệnh đề, thường ít nhất là bốn mệnh đề được liên hệ với cấu trúc nội tại của dòng 1 với 4 và dòng 2 với 3 - Thi 30:8-10a
- C. G. B. Gray trong quyển sách của ông, *The Forms of Hebrews Poetry* (1915), đã phát triển khái niệm của những mệnh đề cân xứng một cách sâu hơn bởi:
 1. một sự cân xứng hoàn chỉnh- nơi mà tất cả các từ trong dòng đều được lặp lại hoặc cân xứng với một từ ở trong dòng thứ hai, Thi Thiên 83:14 và Ê-sai 1:3
 2. sự cân xứng không hoàn chỉnh nơi mà những mệnh đề không có độ dài bằng nhau, Thi 59:16;

- D. Ngày hôm nay có một sự tăng trưởng trong sự nhận biết cấu trúc văn học được sắp xếp trong tiếng Hê-bơ-rơ gọi là cấu trúc giao thoa, vốn thường nêu ra một con số của những dòng thơ song hành với nhau (a,b,b,a; a,b,c,b,a) hình thành nên một dạng đồng hồ cát, vốn có dòng (hoặc những dòng) ở trung tâm được nhấn mạnh.
- E. Thể loại của cấu trúc theo cách phát âm được hình thành trong văn thơ nói chung, nhưng không thường xuyên trong văn thơ phương đông
1. cách chơi chữ theo bảng chữ cái (thể thơ theo chữ đầu, Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10; Ca Thương 1-4)
 2. chơi chữ theo cách phát âm (thể thơ theo sự lặp lại âm đầu, Thi 6:8; 27:7; 122:6; Ê-sai 1:18-26)
 3. chơi chữ trên những nguyên âm (trùng âm theo vần điệu, Sáng 49:17; Xuất 14:14; Ê-xê-chi-ên 27:27)
 4. chơi chữ trên sự lặp lại của những từ có sự phát âm tương tự với những ý nghĩa khác nhau (sự chơi chữ -paronomasia)
 5. chơi chữ trên những từ vốn, khi phát âm, âm thanh giống như những sự vật được đặt tên (tượng thanh-onomatopoeia)
 6. sự mở đầu và kết thúc đặc biệt (bao gộp-inclusive)
- F. Có một vài thể loại thơ trong Cựu Ước. Một vài thể loại theo chủ đề, một vài thể loại thơ liên hệ theo cấu trúc:
1. bài ca cung hiến - Dân Số Ký 21:17-18
 2. bài ca công việc - (được ngụ ý chính ung không được ghi chép ở trong Các quan xét 9:27); Ê-sai 16:10; Giê-rê-mi 25:30; 48:33
 3. bài ca kể chuyện (ballads) - Dân Số Ký 21:27-30; Ê-sai 23:16
 4. những bài ca khi uống rượu – tiêu cực, Ê-sai 5:11-13; A-mốt 6:4-7, và tích cực, Ê-sai 22:13
 5. những bài ca yêu đương - Nhã Ca, những câu đố đám cưới - Các quan xét 14:10-18, những bài ca đám cưới - Thi 45
 6. bài ca thương/bài hát buồn/ tiễn biệt - (ngụ ý chỉ nhưng không được ghi lại trong II Sa-mu-ên 1:17 và trong II Sử ký 35:25) II Sa-mu-ên 3:33; Thi 27, 28; Giê-rê-mi 9:17-22; Ca Thương; Ê-xê-chi-ên 19:1-14; 26:17-18; Na-hum 3:15-19)
 7. Những bài ca chiến trận- Sáng 4:23-24; Xuất 15:1-18,20; Dân Số Ký 10:35-36; 21:14-15; Giô-suê 10:13; Các quan xét 5:1-31; 11:34; I Sa-mu-ên 18:6; II Sa-mu-ên 1:18; Ê-sai 47:1-15; 37:21
 8. những lời tạ ơn hoặc chúc phước đặc biệt của lãnh đạo - Sáng 49; Dân Số Ký 6:24-26; Phục 32; II Sa-mu-ên 23:1-7
 9. những lời ma thuật – Ba-la-am, Dân Số Ký 24:3-9
 10. những bài ca thánh- Thi Thiên
 11. những bài thơ theo chữ đầu (acrostic) - Thi 9,34,37,119; Châm Ngôn 31:từ câu 10 và Ca Thương 1-4
 12. những sự rửa sà - Dân Số Ký 21:22-30
 13. những bài thơ mắng nhiếc - Ê-sai 14:1-22; 47:1-15; Ê-xê-chi-ên 28:1-23
 14. quyển sách của những bài thơ chiến trận (Jashar) - Dân Số Ký 21:14-15; Giô-suê 10:12-13; II Sa-mu-ên 1:18

IV. HƯỚNG DẪN GIẢI NGHĨA VĂN THƠ HÊ-BƠ-RƠ

- A. Hãy tìm lẽ thật trung tâm của khổ thơ (stanza) hoặc đoạn thơ (strophe) (cái này giống như đoạn văn trong văn xuôi.) Bản RSV là bản dịch hiện đại đầu tiên nhận diện văn thơ bằng những khổ thơ (stanzas). Hãy so sánh những bản dịch khác nhau để tìm những ý tưởng có ích.
- B. Nhận diện ngôn ngữ hình bóng và diễn đạt lại bằng văn xuôi. Hãy nhớ thể loại văn học này rất cô đọng, có rất nhiều điều được chừa lại để cho người đọc có thể thêm vào.
- C. Hãy chắc chắn nhớ liên hệ những bài thơ dài hơn hướng về một vấn đề với bối cảnh văn mạch (thường là cả sách) và bối cảnh lịch sử của nó.
- D. Các Quan Xét 4 & 5 rất có ích để nhìn thấy cách văn thơ mô tả về lịch sử. Các Quan Xét 4 là văn xuôi

- và Các Quan Xét 5 là văn thơ về cùng một sự kiện (cũng hãy so sánh Xuất 14 & 15).
- F. Cố gắng để định dạng được loại song hành được gắn với, dù là đồng nghĩa, phản đề, hoặc tổng hợp. Điều này rất quan trọng.

PHỤ LỤC HAI

GIỚI THIỆU VỀ THỂ LOẠI VĂN HỌC TIÊN TRI TRONG CỰU ƯỚC

I. GIỚI THIỆU

A. Lời Mở Đầu

1. Cộng đồng tín hữu không đồng ý về cách giải thích lời tiên tri. Các chân lý khác đã được xác lập là loại quan điểm chính thống suốt nhiều thế kỷ, nhưng với điểm này thì không có.
2. Có nhiều giai đoạn về lời tiên tri trong Cựu Ước đã được xác định rõ
 - a. tiên quân chủ (trước Vua Sau-lơ)
 - (1) các cá nhân được kêu gọi là các tiên tri
 - (a) Áp-ra-ham - Sáng thế Ký 20:7
 - (b) Môi-se - Dân số Ký 12:6-8; Phục truyền Luật lệ Ký 18:15; 34:10
 - (c) A-rôn - Xuất Ê-díp-tô Ký 7:1 (phát ngôn viên của Môi-se)
 - (d) Mi-ri-am - Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20
 - (e) Mê-đát và Ên-đát - Dân số Ký 11:24-30
 - (f) Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4
 - (g) vô danh - Các Quan Xét 6:7-10
 - (h) Sa-mu-ên - I Sa-mu-ên 3:20
 - (2) Các đề cập đến các tiên tri như một nhóm - Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5; 18:20-22
 - (3) nhóm hoặc phường tiên tri - I Sa-mu-ên 10:5-13; 19:20; I Các vua 20:35,41; 22:6,10-13; II Các vua 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1; v.v.
 - (4) Đấng Mết-si-a được gọi là tiên tri - Phục-truyền Luật-lệ Ký 18:15-18
 - b. các tiên tri triều đình không có viết thành bản văn (họ tâu với nhà vua) (1) Gát - I Sa-mu-ên 7:2; 12:25; II Sa-mu-ên 24:11; I Sử ký 29:29
 - (2) Na-than - II Sa-mu-ên 7:2; 12:25, I Các vua 1:22
 - (3) A-hi-gia - I Các vua 11:29
 - (4) Giê-hu - I Các vua 16:1,7,12
 - (5) vô danh - I Các vua 18:4,13; 20:13,22
 - (6) Ê-li - I Các vua 18; II Các vua 2
 - (7) Ma-la-chi - I Các vua 22
 - (8) Ê-li-sê - II Các vua 2:8,13
 - c. các tiên tri có các bản văn chính thống (họ truyền phán cho cả quốc gia cũng như cho nhà vua): từ Ê-sai cho tới Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-ni-ên)

B. Thuật ngữ Kinh Thánh

1. *ro'eh* = tiên kiến (BDB 906), I Sa-mu-ên 9:9. Sự trích dẫn này cho thấy việc chuyển đổi sang chữ *Nabi*, có nghĩa là vị tiên tri và xuất phát do từ gốc có nghĩa là “gọi”. *Ro'eh* là từ chữ “nhìn xem” thông thường trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người này hiểu phương cách và kế hoạch của Đức Chúa Trời và được tham vấn để tìm biết ý Ngài về những việc quan trọng.
2. *hozeh* = tiên kiến (BDB 302), II Sa-mu-ên 24:11; A-môt 7:12. Về cơ bản nó là một từ đồng nghĩa của chữ *ro'eh*. Nó xuất phát từ một chữ hiếm thấy trong tiếng Hê-bơ-rơ và có nghĩa là “thấy trong khải tượng.” Dạng ĐỘNG TÍNH TỬ được sử dụng thường xuyên nhất để chỉ các vị tiên tri.
3. *nabi'* = tiên tri (BDB 611), cùng nguồn gốc của động từ *nabu* trong tiếng Akkadian = “gọi” và chữ *naba'a* trong tiếng Ả Rập = “thông báo”. Đây là thuật ngữ thông dụng nhất trong Cựu Ước để chỉ rõ một vị tiên tri. Nó được sử dụng trên 300 lần. Không rõ chính xác từ nguyên, nhưng trong thì hiện tại thì nghĩa “gọi” dường như lựa chọn thích hợp nhất. Để có thể hiểu đúng phải theo cái hình thức (cách) mà Đức Giê-hô-va diễn tả là nhờ A-rôn để Môi-se trao đổi (nói chuyện) với Pha-ra-ôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 4:10-16; 7:1; Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Tiên tri là người thay mặt cho Chúa để truyền phán với dân sự Ngài (xem A-môt 3:8; Giê-rê-mi 1:7,17; Ê-xê-chi-ên

3:4).

4. Tất cả ba thuật ngữ này được sử dụng cho chức vụ tiên tri trong I Sử ký 29:29; Sa-mu-ên - *Ro'eh*; Na-than - *Nabi*; và Gát - *Hozeh*.
5. Cụm từ *'ish ha - 'elohim* (người của Chúa) có nghĩa rộng hơn cũng chỉ về người phát ngôn cho Chúa. Nó được dùng 76 lần trong Cựu Ước có nghĩa là vị tiên tri.
6. Chữ tiên tri trong Tân Ước có nguồn gốc từ trong tiếng Hy Lạp. Nó gồm có chữ (1) *pro*, có nghĩa là “trước” hoặc là “dành cho” và (2) *phemi*, có nghĩa là nói.

II. ĐỊNH NGHĨA CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Thuật ngữ “lời tiên tri” trong tiếng Hê-bơ-rơ có phạm vi ngữ nghĩa rộng hơn trong tiếng Anh. Người Do Thái đặt tên cho những sách lịch sử từ Giô-suê cho đến Các vua (trừ Ru- tơ) là “các tiên tiên tri”. Cả Áp-ra-ham (Sáng thế Ký 20:7; Thi thiên 105:5) và Mô-i-se (Phục truyền Luật lệ Ký 18:18) được xếp vào danh sách tiên tri (cũng như Mi-ri-am, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20). Vì vậy, hãy cẩn thận với định nghĩa tự cho là đúng trong tiếng Anh!
- B. “Khuyênh hướng tiên tri có thể được định nghĩa cách thích hợp như là sự thấu hiểu về lịch sử, mà trong đó chỉ tiếp nhận ý nghĩa theo những tiêu chuẩn có sự quan tâm thiên thượng, theo mục đích thiên thượng, và có sự tham dự thiên thượng” (*Interpreter's Dictionary of the Bible*, quyển 3, trang 896).
- C. “Tiên tri là không phải là một triết gia cũng không phải là một nhà thần học hệ thống, nhưng là người trung gian cho giao ước và phân phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài để định hình tương lai của họ bằng cách cải thiện tình trạng hiện thời của họ” (“Các Tiên Tri và Lời Tiên Tri,” *Encyclopedia Judaica*, quyển 13, trang 1152).

III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

- A. Lời tiên tri là phương cách của Đức Chúa Trời phán truyền cho dân sự của Ngài, cung cấp sự hướng dẫn trong bối cảnh hiện tại của họ cùng với sự trông cậy nơi quyền kiểm soát của Ngài trong cuộc sống của họ và trên các sự kiện trên thế giới. Thông điệp của chúng về căn bản là dành cho tập thể. Nó có ý được dùng để khiển trách, khuyến khích, đem lại đức tin, sự ăn năn và bày tỏ cho dân sự của Chúa về chính Ngài và các kế hoạch của Ngài. Chúng giữ dân sự Chúa luôn trung thành với Giao Ước của Ngài. Nó được thường được dùng để bày tỏ rõ ràng việc Đức Chúa Trời lựa chọn người phát ngôn của Ngài (Phục 13:1-3; 18:20-22). Mục tiêu tối hậu của việc này là chỉ đến hay hướng về Đấng Mết-si-a.
- B. Thông thường, vị tiên tri lấy sự khủng hoảng về phương diện lịch sử hay thần học trong thời đại của mình để phóng rọi nó vào một bối cảnh lai thế. Quan điểm về thời kỳ cuối cùng của lịch sử (có mục đích) là độc nhất cho Y-sơ-ra-ên cùng với nhận thức về sự lựa chọn thiêng thượng và những lời hứa giao ước dành cho họ.
- C. Chức vụ tiên tri dường như để làm đổi trọng (Giê-rê-18:18) và thay thế cho chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm như là một cách để tìm biết ý Chúa. U-rim và Thu-mim được thay thế bởi sứ điệp bằng lời nói từ người phán truyền của Đức Chúa Trời. Chức vụ tiên tri dường như đã biến mất trong Y-sơ-ra-ên sau Ma-la-chi (hoặc thời điểm hoàn thành các sách Sử Ký). Nó không xuất hiện cho đến khi Giăng Báp-tít có mặt khoảng 400 năm sau đó. Không rõ ân tứ “tiên tri” trong Tân Ước liên quan như thế nào với Tiên tri trong Cựu Ước. Những tiên tri trong Tân Ước (Công vụ Các sứ đồ 11:27-28; 13:1; 14:29,32,37; 15:32; I Cô-rinh-tô 12:10,28-29; Ê-phê-sô 4:11) không phải là những người tiết lộ mạc khải mới, nhưng là những người nói ra và nói trước ý muốn của Đức Chúa Trời trong các hoàn cảnh thường xuyên tái diễn.
- D. Bản chất lời tiên tri là không phải chủ yếu chỉ dành riêng cho việc tiên đoán. Tiên báo là một trong những cách để xác nhận chức vị và thông điệp của nhà tiên tri, nhưng phải lưu ý “...ít hơn 2% lời tiên

tri trong Cựu Ước nói về Đấng Mết-si-a”. Ít hơn 5% bày tỏ cách cụ thể về thời kỳ Giao Ước Mới. Ít hơn 1% liên quan đến những sự kiện chưa xảy ra” (Fee & Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 166).

- E. Các tiên tri đại diện cho Chúa đến với dân sự, trong khi Thày Tế Lễ đại diện cho dân sự đến với Chúa. Đây là sự trình bày tổng quát. Vẫn có những trường hợp ngoại lệ như Ha-ba-cúc nêu lên những câu hỏi với Đức Chúa Trời.
- F. Một lý do khiến các tiên tri (trở nên) khó hiểu là vì chúng ta không biết sách của họ được kết cấu như thế nào. Chúng không theo thứ tự thời gian. Chúng dường như là theo chủ đề, nhưng không phải luôn luôn theo cách người ta mong đợi. Thường thì có không có bối cảnh lịch sử rõ ràng, không có khung thời gian, hoặc sự phân chia rõ ràng giữa những lời phán, nên gặp khó khăn (1) khi đọc liên tục suốt cuốn sách chỉ trong một lần (2) hay tóm lược chúng theo chủ đề (3) hoặc xác định chân lý chính yếu hoặc ý định của tác giả trong mỗi lời truyền phán.

IV. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA TIÊN TRI

- A. Trong Cựu Ước, dường như có sự mở rộng của khái niệm “tiên tri” và “lời tiên tri”. Y-sơ-ra-ên thời kỳ đầu đã phát triển một cộng đồng của các tiên tri, dẫn đầu bởi một nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn mạnh mẽ như Ê-li hoặc Ê-li-sê. Đôi khi cụm từ “các con trai của các tiên tri” đã được sử dụng để chỉ nhóm này (II Các vua 2). Các tiên tri nhiều lần được mô tả đặc điểm bởi các hình thức xuất thần (I Sa-mu-ên 10:10-13; 19:18-24).
- B. Tuy nhiên, giai đoạn này trôi qua nhanh chóng để tiến đến thời kỳ của các tiên tri cá nhân. Có những tiên tri (cả tiên tri thật và giả) gắn bó với nhà vua và sống tại cung điện (Gát, Na-than). Đôi khi cũng có những tiên tri độc lập, hoàn toàn không có liên quan với tình trạng hiện thời của xã hội Y-sơ-ra-ên (A-mốt, Mi-chê). Những tiên tri gồm có cả nam và nữ (II Các vua 22:14).
- C. Tiên tri thường là người bày tỏ tương lai được dựa vào sự đáp ứng lập tức của một người hoặc của cả dân tộc. Công việc thông thường của vị tiên tri là tiết lộ kế hoạch tâm mức toàn cầu của Chúa cho tất cả tạo vật của Ngài và không bị ảnh hưởng gì bởi sự đáp ứng của con người. Kế hoạch lai thế cho cả hoàn vũ này là độc nhất vô nhị giữa các tiên tri của Y-sơ-ra-ên ở thời Cận Đông cổ đại. Tiên báo và lòng trung thành theo Giao Ước là hai tiêu đề đi chung với nhau trong các sứ điệp tiên tri (xem Fee and Stuart, trang 150). Điều này ám chỉ rằng các tiên tri chủ yếu là chú trọng về tập thể. Họ thường phán với quốc gia Y-sơ-ra-ên (nhưng không phải chỉ dành riêng cho Y-sơ-ra-ên).
- D. Đa số những tài liệu tiên tri được trình bày bằng cách truyền miệng. Sau đó nó được phối hợp nhờ vào chủ đề, sắp xếp theo thời gian hoặc theo các cách thức khác của văn học ở vùng Cận Đông mà đã bị thất lạc. Bởi vì nó là truyền miệng nên nó không có cấu trúc như văn xuôi. Điều này làm cho những cuốn sách trở nên khó để có thể đọc qua một lượt và cũng khó hiểu nếu không có bối cảnh lịch sử cụ thể.
- E. Các tiên tri sử dụng nhiều kiểu mẫu khác nhau để chuyển tải thông điệp của họ
 1. Quan cảnh tòa án - Chúa kiện dân sự Ngài ra tòa; thường là một vụ ly hôn mà Đức Giê-hô-va bỏ vợ của Ngài (Y-sơ-ra-ên) vì không chung thủy (Ô-sê 4, Mi-chê 6).
 2. Ai ca tang lễ - thể loại sứ điệp bằng loại thơ đặc biệt này (thơ có vần, âm điệu) cùng với lời than đặc trưng “khôn thay” tách nó riêng ra như một hình thức đặc biệt (Ê-sai 5; Ha-ba-cúc 2).
 3. Công bố phước lành theo giao ước - tính chất có điều kiện của Giao ước được nhấn mạnh và các hậu quả (cả tích cực và tiêu cực) được nói rõ ra cho tương lai (Phục truyền luật lệ ký 27-29).

V. CÁC TIÊU CHUẨN KINH THÁNH ĐỂ KIỂM CHỨNG MỘT TIÊN TRI CHÂN CHÍNH

- A. Phục truyền Luật lệ Ký 13:1-5 (những tiên báo, dấu hiệu có liên quan đến sự thuần khiết của tôn giáo độc thần)
- B. Phục truyền Luật lệ Ký 18:9-22 (tiên tri giả, tiên tri thật)
- C. Cả nam và nữ được chọn và gọi vào chức vụ tiên tri
 - 1. Mi-ri-am - Xuất Ê-díp-tô Ký 15
 - 2. Đê-bô-ra - Các Quan Xét 4:4-6
 - 3. Hu-đa - II Các Vua 22:14-20; II Sử ký 34:22-28
- D. Trong các nền văn hóa xung quanh, tiên tri được xác nhận bằng cách bói toán. Trong Y- sơ-ra-ên, họ đã được xác nhận bằng
 - 1. một kiểm chứng thần học - sử dụng danh của Đức Giê-hô-va
 - 2. một kiểm chứng lịch sử - các lời tiên báo chính xác

VI. CÁC HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI NGHĨA LỜI TIÊN TRI

- A. Tìm ý định nguyên thủy của tiên tri (hoặc người biên tập) bằng cách ghi nhận bối cảnh lịch sử và bối cảnh văn học của mỗi lời tiên tri. Thông thường nó liên quan đến việc Dân Y-sơ-ra-ên vi phạm Giao ước Môi-se trong vài cách nào đó.
- B. Đọc và giải nghĩa cả lời tiên tri, chứ không phải chỉ một phần, lập dàn ý theo nội dung. Xem nó liên quan như thế nào với những lời tiên tri xung quanh. Cố gắng tóm lược toàn bộ cuốn sách (theo các đơn vị văn học và đến tầm mức của từng phân đoạn).
- C. Tạm chấp nhận cách giải thích nghĩa đen của phân đoạn cho đến khi một cái gì đó trong bản văn chỉ ra cách dùng hình bóng; sau đó cố gắng đặt ngôn ngữ hình bóng vào thể văn xuôi.
- D. Phân tích hành động biểu tượng theo ý nghĩa của bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Cần nhớ rằng đây là thể loại văn chương cổ vùng Cận Đông, chứ không phải văn học phương Tây hiện đại.
- E. Nghiên cứu những tiên báo cách cẩn trọng
 - 1. Có phải chúng chỉ dành riêng cho thời đại của tác giả không?
 - 2. Chúng đã được ứng nghiệm sau đó trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên chưa?
 - 3. Phải chăng chúng vẫn là sự kiện tương lai?
 - 4. Chúng có được ứng nghiệm hiện thời và sẽ còn được ứng nghiệm trong tương lai không?
 - 5. Để cho các tác giả Kinh Thánh (chứ không phải tác giả thời hiện đại) hướng dẫn câu trả lời của bạn.
- F. Đặc Biệt Quan Tâm:
 - 1. Sự tiên báo có đòi hỏi đáp ứng có điều kiện không?
 - 2. Có biết chắc lời tiên tri nói với ai không (và tại sao)?
 - 3. Về phương diện Kinh thánh và lịch sử thì có thể nào có sự ứng nghiệm nhiều lần không?
 - 4. Được linh cảm, các tác giả Tân Ước có thể nhìn thấy Đấng Mê-ti-a ở nhiều chỗ trong Cựu Ước nhưng chúng ta thì không thấy rõ. Dường như họ sử dụng phương thức hình bóng hoặc cách dùng từ (đặc biệt). Vì chúng ta không được linh cảm nên tốt nhất là chúng ta nên dành riêng cách tiếp cận này cho họ (các tiên tri).

VII. CÁC SÁCH HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* của Carl E. Armerding và W. Ward Gasque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Douglas Stuart

- C. *My Servants the Prophets* của Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* của D. Brent Sandy
- E. *Cracking the Old Testament Code*, D. Brent Sandy và Ronald L. Giese, Jr.

PHỤ LỤC BA

LƯỢC KHẢO VĂN TẮT LỊCH SỬ

Một lược khảo văn tắt lịch sử của Những Đế Quốc Vùng Mê-sô-bô-ta-mi (Ngày tháng đều dựa theo quyển *A History of Israel* của John Bright, từ trang 462):

I. Đế quốc A-si-ri (Sáng thế Ký 10: 11)

A. Tôn giáo và văn hóa chịu ảnh hưởng nhiều từ Đế chế của người Su-me, Ba-by-lôn.

B. Danh sách giả định về những người lãnh đạo và những thời điểm ước đoán:

1. 1354-1318 - Asshur-Uballit I:
 - a. Chinh phục thành phố Carchemish của người Hittite
 - b. Bắt đầu loại bỏ ảnh hưởng Hittite và cho phép A-si-ri phát triển
2. 1297-1266 - Adad-Nirari I (vị vua hùng mạnh)
3. 1265-1235 - Sanh-ma-na-sa I (vị vua hùng mạnh)
4. 1234-1197 - Tukulti-Ninurta I
 - Người đầu tiên chinh phục đế quốc Ba-by-lôn ở phía nam
5. 1118-1078 - Tiếc-la-Phi-lê-se I
 - A-si-ri trở thành một cường quốc ở vùng Mê-sô-pô-ta-mi
6. 1012 - 972 - Ashur-Rabi II
7. 972 - 967 - Ashur-resh-Isui II
8. 966 - 934 - Tiếc-la-Phi-lê-se II
9. 934 - 912 - Ashur-Dan II
10. 912 - 890 - Adad-Nirari II
11. 890 - 884 - Tukulti-Ninurta II
12. 883 - 859 - Asshur-Nasir-Apal II
13. 859 - 824 - Sanh-ma-na-sa III
 - Trận chiến Qarqar năm 853
14. 824-811 - Shamashi-Adad V
15. 811-783 - Adad-Nirari III
16. 781-772 - Sanh-ma-na-sa IV
17. 772-754 - Ashur-Dan III
18. 754-745 - Ashur-Nirari V
19. 745-727 - Tiếc-la-Phi-lê-se III:
 - a. Được gọi là Phun theo tước hiệu triều đại Ba-by-lôn, trong II Các Vua 15:19
 - b. Vị vua rất hùng mạnh
 - c. Bắt đầu chính sách lưu đày các dân tộc bị chinh phục
 - d. Vào năm 735 trước Chúa, liên minh "Syro-Ephramatic" được thành lập nhằm thống nhất tất cả các lực lượng quân sự sẵn có của các quốc gia trong vùng lưu vực sông Giô đanh (transjordan) từ sông Ô-phơ-rát cho đến Ai Cập với mục đích cân bằng lại với sức mạnh quân sự đang nổi lên của A-sy-ri. A-cha, vua của Giu-đa đã từ chối tham gia và bị Y-sơ-ra-ên và Sy-ri xâm lược. Ông làm ngược lại lời khuyên của Ê-sai (xem II Các vua 16; Ê-sai 7-12) mà viết thơ nhờ Tiếc-la-Phi-lê-se III cứu giúp.
 - e. Năm 732 Tiếc-la-Phi-lê-se III xâm chiếm và chinh phục Sy-ri cũng như Y-sơ-ra-ên và đặt Ô-sê làm một vị vua chư hầu trên ngai Y-sơ-ra-ên (732-722). Hàng ngàn người Do Thái thuộc vương quốc miền Bắc bị đày sang Mê-đi (xem II Các vua 15).
20. 727-722 - Sanh-ma-na-sa V
 - a. Vua Ô-sê liên minh với Ai Cập và bị A-sy-ri xâm lược (xem II Các vua 17)

- b. Sa-ma-ri bị bao vây năm 724 trước Chúa
- 21. 722-705 - Sargon II:
 - a. Sau ba năm bao vây lúc đầu là do Sanh-ma-na-sa V nhưng người kế vị của ông là Sargon II đã chinh phục Sa-ma-ri, kinh đô của Y-so-ra-ên. Hơn 27.000 người bị lưu đày đến nước Mê-đi.
 - b. Đế chế Hittite cũng bị chinh phục.
 - c. Trong khoảng 714-711, một liên minh khác của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy chống lại A-sy-ri. Liên minh này được biết đến là “cuộc nổi loạn Ashdad.” Ngay lúc đầu vua Ê-xê-chia của Giu-đa cũng có tham gia. A-sy-ri xâm chiếm và phá hủy một số thành phố của người Phi-li-tin.
- 22. 705-681 - San-chê-ríp:
 - a. Năm 705, một liên minh của các quốc gia vùng lưu vực sông Giô-đanh (transjordan) với Ai Cập nổi dậy sau khi Sargon II chết. Ê-xê-chia hoàn toàn hỗ trợ cuộc nổi dậy này. San-chê-ríp xâm chiếm năm 701. Cuộc nổi loạn đã bị nghiền nát nhưng Giê-ru-sa-lem đã được cứu thoát qua cách làm của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 36-39 và II Các vua 18-19).
 - b. San-chê-ríp cũng dập tắt các cuộc nổi loạn trong xứ Ê-lam và Ba-by-lôn.
- 23. 681-669 - Esarhaddon:
 - a. Vị vua người A-sy-ri đầu tiên tấn công và chinh phục Ai Cập
 - b. Có nhiều thiện cảm với Ba-by-lôn và xây dựng lại thủ đô của nó
- 24. 669-633 - Ashurbanipal:
 - a. Còn được gọi là Ô-náp-ba trong E-xơ-ra 4:10
 - b. Anh trai của ông Shamash-shum-ukin đã được phong làm vua Ba-by-lôn (sau đó bị giáng chức phó vương). Điều này mang lại nhiều năm hòa bình giữa A-sy-ri và Ba-by-lôn, nhưng có một mầm mống độc lập nở ra vào năm 652 dưới sự lãnh đạo của anh trai ông (người đã bị giáng chức làm phó vương).
 - c. Sụp đổ của Thebes, năm 663 trước Chúa
 - d. Đánh bại Ê-lam, 653, 645 trước Chúa
- 25. 633-629 - Asshur-Etil-Ilani
- 26. 629-612 - Sin-Shar-Ishkun
- 27. 612-609 - Asshur-Uballit II:
 - a. Lên ngôi vua trong khi bị lưu đày tại Haran
 - b. Sự sụp đổ của Asshur năm 614 trước Chúa và Ni-ni-ve năm 612 trước Chúa

II. Đế quốc Tân Ba-by-lôn:

- A. 703 - Merodach-Baladan
 - Bắt đầu các cuộc nổi dậy chống lại sự cai trị của A-sy-ri
- B. 652 Shamash-shum-ukin:
 - 1. Con của Esarhaddon và anh của Asshurbanipal
 - 2. Ông bắt đầu một cuộc nổi dậy chống lại A-sy-ri nhưng đã bị đánh bại
- C. 626-605 Nabopolassar:
 - 1. Là vị vua đầu tiên của đế quốc Tân-Ba-by-lôn
 - 2. Ông tấn công A-sy-ri từ phía nam trong khi Cyaxares người Mê-đi tấn công từ phía đông bắc
 - 3. Thủ đô cũ của A-sy-ri Asshur sụp đổ năm 614 và thủ đô hùng mạnh mới là Ni-ni-ve sụp đổ năm 612 trước Chúa
 - 4. Phần còn lại của quân đội A-sy-ri rút lui về Haran. Họ còn lập ra một vị vua nữa.
 - 5. Năm 608, Pha-ra-ôn Nê-cô II (xem II Các vua 23:29) tiến quân về phía bắc để giúp phần còn lại của quân đội A-sy-ri với mục đích tạo ra một vùng đệm chống lại cường quốc Ba-by-lôn đang nổi lên. Vị vua Giu-đa tin kính là Giô-si-a (xem II Các vua 23) chống lại cuộc hành quân của quân đội Ai Cập ngang qua xứ Pa-léc-tin. Có một cuộc giao tranh nhỏ ở Megiddo. Giô-si-a đã bị thương và chết (II Các vua 23:29-30). Con trai ông là Giô-a-cha được phong làm vua. Pha-ra-ôn Nê-cô II đến quá

trở nên không ngăn cản được quân đội A-sy-ri bị tiêu diệt tại Haran. Ông đã tiến đánh quân Ba-by-lôn do thái tử Nê-bu-cát-nết-sa II chỉ huy và bị bại trận thảm hại năm 605 (trước Chúa) tại Carchemesh trên sông Ô-phơ-rát.

Trên đường trở về Ai Cập, Pha-ra-ôn Nê-cô dừng lại đánh chiếm thành phố Giê-ru-sa-lem. Ông bắt lưu đày Giô-a-cha (chỉ lên ngôi có ba tháng). Ông đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên ngôi (xem II Các vua 23:31-35).

6. Nê-bu-cát-nết-sa II đuổi theo quân đội Ai Cập về phía nam ngang qua xứ Pa-léc-tin, nhưng ông nhận được tin cha mình chết và trở về Ba-by-lôn để lên ngôi. Cũng trong năm đó ông quay trở lại xứ Pa-léc-tin. Ông vẫn để Giê-hô-gia-kim trên ngôi vua Giu-đa, nhưng lưu đày hàng ngàn người ưu tú trong dân chúng và một số thành viên hoàng tộc. Đa-ni-ên và những người bạn ở trong số những người đi lưu đày lần này.

D. 605-562 - Nê-bu-cát-nết-sa II:

1. Từ 597-538, Ba-by-lôn hoàn toàn kiểm soát xứ Pa-léc-tin.
2. Năm 597, Vua Giê-hô-gia-kim liên minh với Ai cập nên ở Giê-ru-sa-lem có thêm một cuộc đi đày nữa (II Các vua 24). Ông chết trước khi Nê-bu-cát-nết-sa II tiến vào. Giê-hô-gia-kin con trai của ông chỉ làm vua được ba tháng rồi bị đi lưu đày sang Ba-by-lôn. Tiên tri Ê-xê-chi-ên thuộc trong số mười nghìn người bị đưa đến ở gần các thành phố Ba-by-lôn bên bờ kênh Kê-ba.
3. Sau một thời gian thân thiện với Ai Cập, đến năm 586 thành phố Giê-ru-sa-lem bị Nê-bu-cát-nết-sa phá hủy hoàn toàn (II Các vua 25) và rất nhiều người bị đưa đi lưu đày. Sê-đê-kia được đưa lên làm vua thay cho Giê-hô-gia-kin cũng bị đi lưu đày và Ghê-đa-lia được bổ nhiệm làm tổng đốc.
4. Ghê-đa-lia đã bị quân nổi loạn của người Do Thái giết. Quân nổi loạn này trốn sang Ai Cập và bắt Giê-rê-mi đi theo với họ. Nê-bu-cát-nết-sa xâm lược lần thứ tư (605, 596, 586, 582) và tìm bắt tất cả những người Do Thái còn lại đưa đi lưu đày.

- E. 562-560 - Ê-vinh-mê-rô-đác, con trai của Nê-bu-cát-nết-sa, cũng được gọi là Amel-Marduk (trong tiếng Akkadian, “người của thần Marduk”)
- Ông tha cho Giê-hô-gia-kin ra khỏi ngục, nhưng vẫn phải ở lại Ba-by-lôn (xem II Các vua 25:27-30; Giăng 52:31).

F. 560-556 - Neriglissar (Nê-gan-Sa-rết-sê?)

- Ông ám sát Ê-vinh-mê-rô-đác, là anh rể của mình
- Trước đây ông là tướng của Nê-bu-cát-nết-sa đã phá hủy Giê-ru-sa-lem (xem Giê-rê-mi 39:3,13)

G. 556 - Labaski-Marduk

- Ông là con của Neriglissar nắm giữ vương quyền khi còn là một cậu bé, nhưng đã bị ám sát chỉ chín tháng sau đó (Berossos).

H. 556-539 - Nabonidus (trong tiếng Akkadian là “Nê-bô được tôn quý”):

1. Nabonidus không có liên hệ với dòng dõi hoàng gia nên ông kết hôn với một người con gái của Nê-bu-cát-nết-sa
2. Ông đã dành hầu hết thời gian xây dựng một ngôi đền cho “Sin” là thần mặt trăng ở Tema. Ông là con trai của nữ thượng tế của nữ thần này. Điều này khiến ông trở thành kẻ thù của các thầy tế của thần Marduk, là vị thần chính của Ba-by-lôn.
3. Ông đã dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng dập tắt các cuộc nổi dậy (ở Sy-ri và Bắc Phi) và ổn định vương quốc.
4. Ông đã chuyển đến ở Tema và giao công việc triều chính tại thủ đô Ba-by-lôn cho con trai của mình là Bê-n-xát-sa (xem Đa-ni-ên 5).

I. ? - 539 – Bê-n-xát-sa (đồng trị vì)

- Thành phố Ba-by-lôn đã thất thủ nhanh chóng trước quân đội Ba Tư dưới sự chỉ huy của Gobryas of Gutium làm đổi dòng chảy nên nước của sông Ô-phơ-rát chảy vào thành phố và họ tiến vào mà không

bị kháng cự. Các thầy tế và dân trong thành phố đã xem người Ba Tư là những người giải phóng và phục hồi lại thần Marduk. Gobryas đã được Si-ru II lập làm tổng đốc Ba-by-lôn. Có thể Gobryas là Đa-ri-út Mê-đi trong Đa-ni-ên 5:31; 6:1 “Đa-ri-út” có nghĩa là “người thuộc hoàng tộc.”

III. Đế quốc Mê-đi-Ba Tư: Sơ lược về việc nổi dậy của Si-ru II (Ê-sai 41:2,25; 44:28-45:7; 46:11; 48:15):

- A. 625-585 - Cyaxares là vua của Mê-đi đã giúp Ba-by-lôn đánh bại A-sy-ri.
- B. 585-550 - Astyages là vua của Mê-đi (thủ đô là Ecbatana). Si-ru II là cháu trai của ông, con của Cambyses I (600-559, Ba Tư) và Mandane (con gái của Astyages, Mê-đi).
- C. 550-530 – Si-ru II of Ansham (phía đông Ê-lam) là một vị vua chư hầu nổi dậy:
 - 1. Nabonidus vua Ba-by-lôn hỗ trợ Si-ru.
 - 2. Tướng của Astyages là Harpagus dẫn quân đội của ông tham gia cuộc nổi dậy của Si-ru.
 - 3. Si-ru II hạ bệ Astyages.
 - 4. Để lập lại sự cân bằng thế lực, Nabonidus đã liên minh với:
 - a. Ai Cập
 - b. Croesus, vua của Lydia (Tiểu Á)
 - 5. 547 - Si-ru II đưa quân đánh Sardis (thủ đô của Lydia) và nó đã sụp đổ năm 546 trước Chúa
 - 6. 539 - Vào giữa tháng mười, cả hai tướng Ugbaru và Gobryas ở Gutium đem đội quân của Si-ru chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự. Ugbaru đã được lập làm tổng đốc nhưng vài tuần sau chết vì bị thương lúc chiến tranh. Sau đó Gobryas đã được lập làm tổng đốc của Ba-by-lôn.
 - 7. 539 - Vào cuối tháng mười, Si-ru II Đại đế đích thân tiến vào Ba-by-lôn như một người giải phóng. Chính sách thân thiện của ông đối với các nước đã đảo ngược lại chính sách bắt đi lưu đày đã có trong nhiều năm và nó trở thành chính sách quốc gia.
 - 8. 538 - Người Do Thái và các dân tộc khác (tham khảo Cylinder Cyrus) đã được phép trở về quê hương và xây dựng lại ngôi đền trong địa phương của họ (xem II Sử ký 36:22,23, E-xơ-ra 1:1-4). Ông cũng đã trả lại những đồ dùng trong Đền thờ của Đức Giê-hô-va mà Nê-bu-cát-nét-sa đã lấy đem vào đền thờ của thần Marduk tại Ba-by-lôn (xem E-xơ-ra 1:7-11; 6:5).
 - 9. 530 - Con của Si-ru là Cambyses II đã đồng nhiếp chính một thời gian ngắn, nhưng cũng trong năm đó Si-ru đã chết trong một chiến dịch quân sự.
- D. 530-522 - Triều đại của Cambyses II
 - 1. Sáp nhập nước Ai Cập vào đế quốc Mê-đi-Ba Tư vào năm 525 trước Chúa;
 - 2. Ông cai trị không được lâu:
 - a. Một số người nói ông tự sát;
 - b. Herodotus cho biết ông dùng kiếm của ông để tự làm mình bị thương trong lúc cưỡi ngựa và chết vì bị nhiễm trùng.
 - 3. Pseudo-Smerdis (Gaumata) - 522 có chiếm đoạt ngai vàng trong một thời gian ngắn
- E. 522-486 - Đa-ri-út I (Hystapes) cai trị
 - 1. Ông không thuộc dòng dõi hoàng tộc nhưng là một tướng lĩnh quân đội.
 - 2. Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh giống như kế hoạch của Si-ru (xem E-xơ-ra 5-6, cũng như trong suốt giai đoạn của A-ghê và Xa-cha-ri).
 - 3. Ông đã đúc tiền giống như Lydia
 - 4. Ông đã tìm cách xâm lược Hy Lạp nhưng bị đẩy lui.
- F. 486-465 - Triều đại của Xét-xe I:
 - 1. Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập
 - 2. Dự tính xâm lược Hy Lạp nhằm thực hiện ước mơ của người Ba Tư, nhưng đã bị đánh bại trong cuộc chiến tại Thermopolis năm 480 trước Chúa và tại Salamis năm 479 trước Chúa
 - 3. Ông là chồng của Ê-xơ-tê cũng được gọi là A-suê-ru trong Kinh Thánh. Ông bị ám sát năm 465 trước Chúa

- G. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I (Longimanus) trị vì (xem E-xơ-ra 7-10; Nê-hê-mi; Ma-la-chi):
 - 1. Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi gặp phải cuộc nội chiến với người Peloponisian
 - 2. Hy Lạp phân chia (Athens - Peloponisian)
 - 3. Cuộc nội chiến tại Hy Lạp kéo dài khoảng 20 năm
 - 4. Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được vững mạnh
 - 5. Triều đại ngắn ngủi của Xét-xe II và Sekydianos - 423
- H. 423-404 - Đa-ri-út II (Nothos) trị vì
- I. 404-358 - A-t-ta-xét-xe II (Mnemon) trị vì
- J. 358-338 - A-t-ta-xét-xe III (Ochos) trị vì
- K. 338-336 - Arses trị vì
- L. 336-331 - Đa-ri-út III (Codomannus) trị vì cho đến trận chiến Issus năm 331 và bị người Hy-lạp đánh bại

IV. Lược khảo nước Ai Cập:

- A. Hyksos (Các vị vua “mục tử” - những nhà cai trị Semitic) -1720/10-1550
- B. Triều đại thứ 18 (1570-1310):
 - 1. 1570-1546 - Amosis
 - a. Lập thủ đô Thebes
 - b. Xâm lược miền nam Ca-na-an
 - 2. 1546-1525 - Amenophis I (Amenhotep I)
 - 3. 1525-1494 - Thutmosis I
 - 4. 1494-1490 - Thutmosis II - kết hôn với con gái của Thutmosis I, Hatshepsut
 - 5. 1490-1435 - Thutmosis III (cháu trai của Hatshepsut)
 - 6. 1435-1414 - Amenophis II (Amenhotep II)
 - 7. 1414-1406 - Thutmosis IV
 - 8. 1406-1370 - Amenophis III (Amenhotep III)
 - 9. 1370-1353 - Amenophis IV (Akhenaten)
 - a. Thờ thần mặt trời, Aten
 - b. Thiết lập một hình thức thờ lạy thần tối cao (thuyết độc thần)
 - c. Những lá thư Tel-El-Amarna có trong giai đoạn này
 - 10. ? Smenkhare
 - 11. ? Tutankhamun (Tutankhaten)
 - 12. ? Ay (Aye-Eye)
 - 13. 1340-1310 Haremhab
- C. Triều đại thứ 19 (1310-1200):
 - 1. ? Rameses I (Ramses)
 - 2. 1309-1290 - Seti I (Sethos)
 - 3. 1290-1224 - Ramesses II (Ramses II)
 - a. Theo những bằng chứng khảo cổ học, dường như Pha-ra-ôn này trị vì khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập
 - b. Xây dựng các thành phố Avaris, Pithom và Ramses bởi Habaru (có thể các nô lệ người Semites hoặc Hê-bơ-rơ)
 - 4. 1224-1216 - Marniptah (Merenptah)
 - 5. ? Amenmesses
 - 6. ? Seti II
 - 7. ? Siptah
 - 8. ? Tewosret
 - 9.
- D. Triều đại thứ 20 (1180-1065)

1. 1175-1144 - Rameses III
 2. 1144-1065 - Rameses IV – XI
- E. Triều đại thứ 21 (1065-935):
1. ? Smendes
 2. ? Herihor
- F. Triều đại thứ 22 (935-725 – Libyan [người Li-bi]):
1. 935-914 - Shishak (Shosenk I hoặc Sheshong I)
 - a. Bảo vệ Giê-rô-bô-am I cho đến khi Sa-lô-môn qua đời
 - b. Chinh phục xứ Pa-léc-tin khoảng năm 925 (xem Các vua I 14-25; II Sử ký 12)
 2. 914-874 - Osorkon I
 3. ? Osorkon II
 4. ? Shoshnek II
- G. Triều đại thứ 23 (759-715 – Libyan [người Li-bi])
- H. Triều đại thứ 24 (725-709)
- I. Triều đại thứ 25 (716/15-663 [người Ê-thi-ô-bi] Ethiopian, Nubian):
1. 710/09-696/95 - Shabako Shabaku
 2. 696/95-685/84 - Shebteko Shebitku
 3. 690/689, 685/84-664 - Tirhakah (Taharqa)
 4. ? Tantamun
- J. Triều đại thứ 26 (663-525 - Saitic):
1. 663-609 - Psammetichus I (Psamtik)
 2. 609-593 - Neco II (Necho)
 3. 593-588 - Psammetichus II (Psamtik)
 4. 588-569 - Apries (Hophra)
 5. 569-525 - Amasis
 6. ? - Psammetichus III (Psamtik)
- K. Triều đại thứ 27 (525-401 - Ba Tư):
1. 530-522 - Cambyses II (con trai của Si-ru II)
 2. 522-486 – Đa-ri-út I
 3. 486-465 – Xét-xe I
 4. 465-424 - A-t-ta-xét-xe I
 5. 423-404 – Đa-ri-út II
- L. Một số triều đại ngắn (404-332)
1. 404-359 - A-t-ta-xét-xe II
 2. 359/8 - 338/7 - A-t-ta-xét-xe III
 3. 338/7 - 336/7 - Arsés
 4. 336/5 - 331 – Đa-ri-út III

* Để biết niên đại khác nên tham khảo quyển Zondervan's Pictorial Bible Encyclopedia, quyển 2 trang 231.

V. Lược khảo Hy Lạp:

- A. 359-336 - Philip II người Ma-xê-đoan:
1. Lập ra nước Hy Lạp

2. Bị ám sát năm 336 trước Chúa

B. 336-323 – A-léc-xăn-đơ II Đại đế (con trai của Phi-líp):

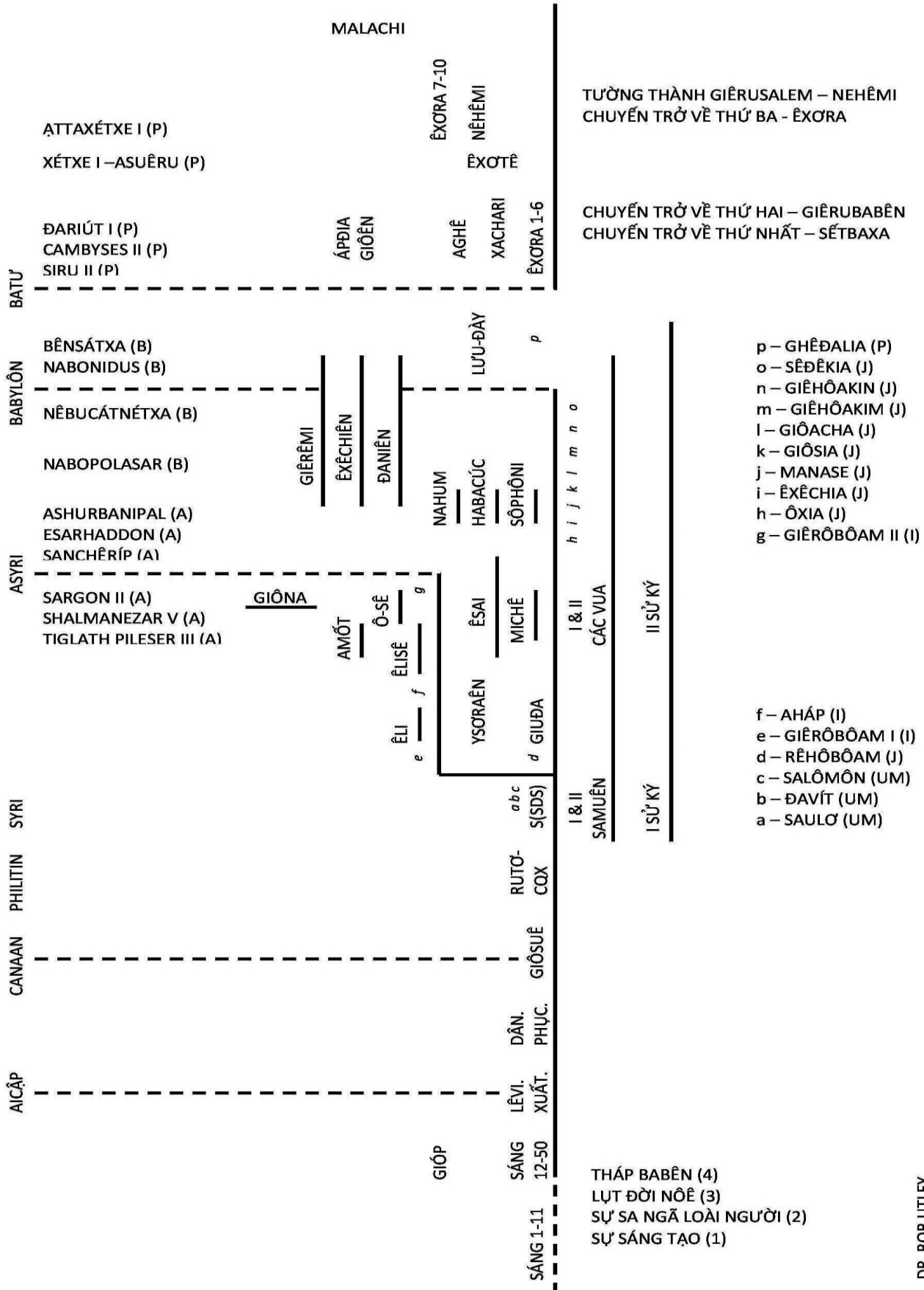
1. Đánh bại Đa-ri-út III là vua Ba Tư tại trận chiến Isus
2. Chết vào năm 323 (trước Chúa) ở Ba-by-lôn do một cơn sốt khi 32 hoặc 33 tuổi.
3. Các vị tướng của A-léc-xăn-đơ chia xé đế chế của ông sau khi ông chết:
 - a. Cassander – Ma-xê-đoan và Hy Lạp
 - b. Lysimicus - Thrace
 - c. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
 - d. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin
 - e. Antigonus - Tiểu Á (không kéo dài lâu)

C. Seleucids và Ptolemies tranh giành quyền kiểm soát xứ Pa-léc-tin:

1. Sy-ri (những nhà cai trị của dòng họ Seleucid):
 - a. 312-280 - Seleucus I
 - b. 280-261 - Antiochus I Soter
 - c. 261-146 - Antiochus II Theus
 - d. 246-226 - Seleucus II Callinicus
 - e. 226-223 - Seleucus III Ceraunus
 - f. 223-187 - Antiochus III Đại đế
 - g. 187-175 - Seleucus IV Philopator
 - h. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes
 - i. 163-162 - Antiochus V
 - j. 162-150 - Demetrius I
2. Ai Cập (những nhà cai trị thuộc dòng họ Ptolemaic):
 - a. 327-285 - Ptolemy I Soter
 - b. 285-246 - Ptolemy II Philadelphus
 - c. 246-221 - Ptolemy III Euegetes
 - d. 221-203 - Ptolemy IV Philopator
 - e. 203-181 - Ptolemy V Epiphanes
 - f. 181-146 - Ptolemy VI Philometor
3. Lược khảo vắn tắt:
 - a. 301 - xứ Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của nhà Ptolemy trong 181 năm.
 - b. 175-163 - Antiochus IV Epiphanes là vua thứ tám dòng họ Seleucid muốn Hy Lạp hóa (Hellenize) người Do Thái bằng thậm chí bằng vũ lực nếu cần thiết:
 - (1) Xây dựng vận động trường
 - (2) Xây dựng bàn thờ ngoại giáo của thần Zeus Olympius trong Đền thờ
 - c. 168 - ngày 13 tháng 12 Antiochus IV Epiphanes cho đặt con heo bị giết trên bàn thờ ở Giê-ru-sa-lem. Một số người xem việc này là sự “phá hoại ghê tởm” được đề cập trong Đa-ni-ên 8.
 - d. 167 - Mattathias là thầy tế lễ tại Modin cùng với những người con trai nổi loạn. Người nổi tiếng nhất trong những con trai của ông là Giu-đa Mác-ca-bê, biệt danh là “Giu-đa đao búa.”
 - e. 165 - ngày 25 tháng 12 - Đền thờ được tái cung hiến. Sự kiện này được gọi là lễ Hanukkah hay là “Lễ hội đốt đèn.”

Để có thảo luận hay về những vấn đề của việc định ngày tháng, quy trình thực hiện và những phỏng định nên xem quyển The Expositors Bible Commentary, quyển 4, trang 10-17.

PHỤ LỤC BỐN
BIỂU ĐỒ CỦA TOÀN BỘ CỰU ƯỚC
(xem trang sau)



NHỮNG VỊ VUA CÙNG NHỮNG BIẾN CỐ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI BA-BY-LÔN, BA TƯ, VÀ HY LẠP

- Năm 612 trước Chúa Thành Ni-ni-ve sụp đổ trước quân đội nước Tân Ba-by-lôn của Nê-bu-cát-nết-sa
- 608 Pha-ra-ôn Necho II hành quân đến Carchemesh để ngăn chặn sự bành trướng sức mạnh của đế quốc Tân Ba-by-lôn
- Giô-si-a là vua Giu-đa cố gắng ngăn chặn ông
- Giô-si-a chết và con trai ông là Giô-a-cha lên ngôi.
- Cai trị được 3 tháng thì Pha-ra-ôn Necho II đưa một con trai khác của Giô-si-a là Giê-hô-gia-kim lên thay ông.
- Pa-léc-tin và Sy-ri-a đều ở dưới sự cai trị của Ai Cập
- Những cải cách của Giô-si-a bị tiêu tan
- 605 Nabopolassar gửi quân sang đánh quân đội còn sót lại của A-sy-ri và Ai Cập tại Carchemesh
- Nê-bu-cát-nết-sa đã đánh đuổi cho đến vùng đồng bằng của xứ Pa-léc-tin
- Nê-bu-cát-nết-sa được tin cha mình (Nabopolassar) chết vì vậy ông trở về Ba-by-lôn để lên ngôi vua
- Trên đường trở về, ông bắt Đa-ni-ên cùng với những thành viên khác trong hoàng tộc đi lưu đày
- 605 - 538 Ba-by-lôn cai trị xứ Pa-léc-tin, năm 597 có 10.000 người bị lưu đày đến Ba-by-lôn
- 586 Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị phá hủy và rất đông người bị lưu đày.
- 582 Bởi vì những chiến binh du kích người Do Thái giết Ghê-đa-lia nên có thêm một cuộc lưu đày có rất nhiều người nữa.

NHỮNG NGƯỜI KẾ VỊ NÊ-BU-CÁT-NẾT-SA

- 562 - 560 Ê-vinh-mê-rô-đác thả Giê-hô-gia-kim (thuộc dòng dõi Đấng Mết-si-a) khỏi nhà giam
- 560 - 556 Neriglissar
- 556 Labaski-Marduk trị vì
- 556 - 539 Nabonidus:

Dành phần lớn thời gian xây dựng một ngôi đền cho thần mặt trăng, Sin. Điều này gây ra sự thù địch với các thầy tế của thần Marduk.

Ông dành thời gian còn lại của mình để cố gắng dập tắt cuộc nổi dậy và ổn định vương quốc.

Ông đã dọn đến Tema và giao công việc triều chính cho con trai của mình là Bên-xát-sa.

Bên-xát-sa:

Ông dành phần lớn thời gian của mình để cố gắng khôi phục trật tự.

Mối đe dọa lớn đối với Ba-by-lôn là Mê-đi.

Sự trở dậy của Si-ru

- 585 - 550 Astyages là vua nước Mê-đi (Si-ru II là cháu (ngoại) trai của ông, con của bà Mandane)
- 550 Si-ru II là vua chư hầu nổi dậy
- Để tạo lại sự cân bằng quyền lực, Nabonidus đã liên minh với:
1. Ai Cập
 2. Crecus là vua của Lydia
- 547 Si-ru đem quân đánh Sardis (kinh đô của Lydia) và chiếm giữ tất cả vùng Tiểu Á
- 539 Gobiyas chiếm Ba-by-lôn mà không gặp kháng cự nào (Đa-ni-ên 5; Bên-xát-sa và Nabonidus đồng nhiếp chính; cũng có thể Gobiyas là Đa-ri-út người Mê-đi, Đa-ni-ên 5:31).
- Ngày 11 tháng 10 năm 539 Si-ru tiến vào như người giải phóng khỏi nữ thần mặt trăng Sin của Nabonidus

Những vua kế vị Si-ru

- 530 Cambyses là con của Si-ru kế vị ông
- 530 - 522 Triều đại của Cambyses (theo bản giấy cói Elephantine Papyri)
- Sáp nhập Ai Cập vào đế quốc Mê-đi - Ba Tư năm 525
- 522 - 486 Đa-ri-út I lên ngôi cai trị
- Ông đã tổ chức đế quốc Ba Tư gồm nhiều tỉnh (có tổng đốc [tỉnh trưởng] cai trị) theo kế hoạch của Si-ru.
- Ông đã đúc tiền giống như đồng tiền của Lydia
- 486 - 465 Xét-xe I (Ê-xơ-tê)

	Dập tắt cuộc nổi dậy của người Ai Cập
	Có ý định xâm chiếm Hy Lạp, nhưng đã bị đánh bại trong trận chiến Thermoply năm 480
	Xét-xe I bị ám sát năm 465
480	Trận chiến tại Thermoply
465 - 424	At-ta-xét-xe I Longimanus (E-xơ-ra 7-10, Nê-hê-mi, và Ma-la-chi)
	Nước Hy Lạp tiếp tục phát triển cho đến khi phải đối mặt với cuộc chiến người Peloponisian
	Chiến tranh kéo dài khoảng 20 năm
	Trong thời gian này, cộng đồng người Do Thái được lập lại
423 - 404	Đa-ri-út II
	Cho phép tổ chức lễ bánh không men trong Đền Thờ Elephantine
404 - 358	At-ta-xét-xe II
358 - 338	At-ta-xét-xe III
338 - 336	Arses
336 - 331	Đa-ri-út III

HY LẠP

359 - 336	Phi-líp II người Ma-xê-đoan thành lập nước Hy Lạp
	Ông bị ám sát năm 336
336 - 323	A-léc-xăn-đơ Đại đế (con trai của Phi-líp)
	Đánh đuổi Đa-ri-út II trong trận chiến tại ISUS
	Ông chết vào năm 323 trong xứ Ba-by-lôn do một cơn sốt sau khi chinh phục phía đông Địa Trung Hải và vùng Cận Đông
	Sau khi A-léc-xăn-đơ chết những tướng lãnh chia đế chế của ông để cai trị:
	1. Cassander – Ma-xê-đoan và Hy Lạp
	2. Lysimicus - Thrace
	3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
	4. Ptolemy - Ai Cập và Pa-léc-tin
	5. Antigonus - một phần nhỏ của Tiểu Á

Seleucids đối đầu với Ptolemies

301	Pa-léc-tin ở dưới sự cai trị của Ptolemy trong khoảng 100 năm
175 - 163	Antiochus Epiphanes Muốn Hy Lạp hóa người Do Thái cho xây dựng vận động trường Xây dựng những bàn thờ ngoại giáo và những thầy tế lễ bị ngược đãi
Ngày 13 tháng 12, năm 168	Một con heo đã bị giết đặt trên bàn thờ theo lệnh của Epiphanies Antiochus. Một số người xem việc này là sự phá hoại kinh tởm.
167	Mattathias và các con trai nổi loạn. Mattathias bị giết. Giu-đa giữ quyền lãnh đạo. Giu-đa Ma-ca-bê thắng lợi bằng cuộc chiến tranh du kích
Ngày 25 tháng 12 năm 165	Đền Thờ được tái cung hiến.

NHỮNG NHÀ CAI TRỊ

BA-BY-LÔN

MÊ-ĐI

626 - 605 625 - 585	Nabopolassar (“Nabu, Kẻ hộ vệ thần Mặt trời”) chết Cyrzares
605 - 562	Nê-bu-cát-nết-sa II (“Nebo, Người bảo vệ biên cương”) 585 - 550 Astyages
562 - 560	Evil Merodack 550 Si-ru II
556	Labaski Marduk
556 - 539	Nabonidus Bên-xát-sa
539 -	Gobiyas

MÊ-ĐI - BA TƯ

550 - 530	Si-ru II (538 Mê-đi-Ba Tư hùng mạnh thống trị đế quốc có tên Achaemenian)
530 - 522	Cambyses II (sáp nhập Ai Cập và Cyprus vào đế quốc)
522	Gaumata hoặc Pseudo, Smerdis (trị vì 6 tháng)
522 - 486	Đa-ri-út I (Hystaspes)

486 - 465	Xét-xe I (chồng của Ê-xơ-tê)
465 - 424	Àt-ta-xét-xe I (E-xơ-ra và Nê-hê-mi về ở trong xứ Pa-léc-tin)
423 -	Àt-ta-xét-xe II
424 - 404	Đa-ri-út II Nothus
404 - 359	Àt-ta-xét-xe II Mnemon
359 - 338	Àt-ta-xét-xe III Ochus
338 - 336	Arses
336 - 331	Đa-ri-út III Codomannus

HY LẠP

359 - 336	Phi-líp II người Ma-xê-đoan
336 - 323	A-léc-xan-đơ Đại đế
323 -	Những tướng chia xé đế quốc
	1. Cassandea – Ma-xê-đoan
	2. Lysimicus – Sy-ri
	3. Seleucus I - Sy-ri và Ba-by-lôn
	4. Ptolemy - Ai Cập
	5. Antigonus - Tiểu Á (bị giết năm 301 trước Chúa)

Các vua dòng Ptolemies cai trị xứ Pa-léc-tin, nhưng đến năm 175 - 163 quyền cai trị chuyển sang cho các vua dòng Seleucids

175 - 163 Antiochus IV Epiphanes, vị vua thứ tám thuộc dòng họ Seleucid

* Hầu hết những tên và thời điểm được lấy ra từ quyển *A History of Israel* của John Bright, trang 461-471.

CÁC VUA TRONG THỜI KỲ VƯƠNG QUỐC PHÂN ĐÔI

CÁC VUA GIU-ĐA (ISÛ KÝ 3:1-16; MA-THI-Ơ 1:6-11)					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN				
TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
Rê-hô-bô-am	922-915	933-917	931/30-913	I Các Vua 11:43-12:27; 14:21-31 II Sứ Ký 9:31-12:16	Giê-rô-bô-am I	922-901	933-912	931/30-910/09	I Các Vua 11:26-40; 12:12-14:20
	A-bi-giam	915-914	916-914	913-911/10 I Các Vua 14:31-15:8 II Sứ Ký 11:20,22		Na-đáp	901-900	912-911	910/09-909/08
A-sa	913-873	913-873	911/10-870/69	I Các Vua 15:8-30; 16:8,10, 23,29; 22:41,43,46 Giê-rê-mi 41:9	Ba-ê-sa	900-877	911-888	909/08-886/85	I Các Vua 15:16-16:7; Các Vua.9:9 II Sứ Ký 16:1-6 Giê-rê-mi 41:9
Giê-hô-sa-phát	873-849	873-849	870/69-848	I Các Vua 15:24; 22:1-51 II Các Vua 3:1-12; 8:16-19 I Sứ Ký 3:10 II Sứ Ký 17:1-21:1	Ê-la	877-876	888-887	886/85-885/84	I Các Vua 16:8-14
(Giê-hô-ram cùng cai trị)	----- ---	----- ---	853-848	I Các Vua 22:50 II Các Vua 1:17; 8:16; 12:18	Xim-ri (Tướng Đạo Quân) Ôm-ri (Tướng Đạo Quân)	876-869	887-877	885/84-874/73	I Các Vua 16:9-20 II Các Vua 9:31 I Các Vua 16:15-28 II Các Vua 8:26 Mi-chê 6:16
Giê-hô-ram (Giô-ram)	849-842	849-842	848-841	I Sứ Ký 21:1-20 Ma-thi-ơ 1:8	A-háp	869-850	876-854	874/73-853-852	I Các Vua 16:29-22:40 I Các Vua 22:40,41,49,51-53 II Sứ Ký 18:1-3,19
A-cha-xia	842	842	----- ----	II Các Vua 8:24-9:29 II Sứ Ký 22:1-9	A-cha-xia	850-849	854-853	853-852	I Các Vua 22:40,41,49,51-53 II Sứ Ký 18:1-3,19
A-tha-li (Hoàng hậu)	842-837	842-836	841-835	II Các Vua 8:26; 11:1-20 II Sứ Ký 22:2-23:21	Giê-hô-ram (Giô-ram)	849-842	853-842	852-841	II Các Vua 1:17; 3:1-8:16-9:29
Giô-ách	837-800	836-797	835-796	II Các Vua 11:2-3; 12:1-21 II Sứ Ký 22:11-12; 24:1-27	Giê-hu (Tướng Đạo Quân)	842-815	842-815	841-814/13	I Các Vua 19:16-17 II Các Vua 9:1-10:36; 15:12 II Sứ Ký 22:7-9 Ô-sê 1:4

CÁC VUA GIU-ĐA (I SỬ KÝ 3:1-16; MA-THI-Ơ 1:6-11) [TIẾP.]					CÁC VUA Y-SƠ-RA-ÊN (TIẾP.)				
TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
A-ma-xia	800-783	797-779	796-767	II Các Vua 12:21; 14:1-22 II Sử Ký 25:1-28	Giô-a-cha	815-801	814-798	814/13-798	II Các Vua 10:35; 13:1-9
(Ô-xia Cùng cai	----- ---	----- ---	791/90-767	II Các Vua 14:21; 15:1-7					
Ô-xia (A-xa-ria)	783-742	779-740	767-740/39	II Sử Ký 26:1-23 Ô-sê 1:1; A-môt 1:1 Xa-cha-ri 14:5	Giô-ách	801-786	798-783	798-782/81	II Các Vua 13:9-13:25 II Sử Ký 25:17-25 Ô-sê 1:1; A-môt 1:1
(Giô-tham Cùng cai	750-742	----- ---	750-740/39	II Các Vua 15:7,32-	(Giê-rô-bô-am II Cùng cai	----- ---	----- ---	793/92-782/81	II Các Vua 13:13; 14:16,23-29 Ô-sê 1:1
Giô-tham	742-735	740-736	740/39-732/31	I Sử Ký 5:17 II Sử Ký 26:23-27:9 Ê-sai 1:1; 7:1 Ô-sê 1:1; Mi-chê 1:1	Giê-rô-bô-II Xa-cha-ri	786-746 746-745	783-743 743	782/81-753 753-752	A-môt 1:1; 7:9-11 II Các Vua 15:8-12
(A-cha Cùng cai tri) A-cha	----- ----- 735-715	----- ----- 736-728	744/43-732/31 732/31-716/15	II Các Vua 15:30-16:20 II Sử Ký 27:9-28:27 Ê-sai 1:1; 7:1ff (từ 14:28; 38:8 Ô-sê 1:1; Mi-chê 1:1	Sa-lum Ma-na-hem	745-738	743-737	752-742/41	II Các Vua 15:10,13-15 II Các Vua 15:14,16-22
(Ê-xê-chia Cùng cai	----- ---	----- ---	729-716/15	II Các Vua 16:20; 18:1-20,21 II Sử Ký 28:27- Procâu 25:1	Phê-ca-hia	738-737	737-736	742/41-740/39	II Các Vua 15:23-26
Ê-xê-chia	715-687	727-699	716/15-687/86	Ê-sai 1:1; 36:1-39:8 Ô-sê 1:1; Mi-chê 1:1 Ma-thi-ơ 1:9-10	Phê-ca	737-732	736-730	740/39-732/31	II Các Vua 15:27-31; 16:5 II Sử Ký 28:6; Ê-sai 7:1
(Ma-na-se Cùng cai	----- ---	----- ---	696/95-687/86	II Các Vua 20:21-21:18 23:12,26; 24:2	Ô-sê	732-724	730-722	732/31-723/22	II Các Vua 17:1-18
Ma-na-se	687/86-642	698-643	687/86-642/41	II Sử Ký 32:33-33:20 Giê 15:4ff; II Các 21:18-26	Sa-ma-ri sự đổ bể A-si-ri	724 T.C	722 T.C	722 T.C	
A-môn	642-640	643-641	642/41-640/39	II Sử Ký 33:20-25 Giê 1:2; Sô-phô-ni I Các Vua 13:2-3					

CÁC VUA GIU-ĐA (TIẾP.)					CÁC VUA Y-SO-RA-ÊN (TIẾP.)				
TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH	TÊN & NIÊN ĐẠI	BRIGHT	YOUNG	HARRISON	KINH THÁNH
Giô-si-a	610-609	640-609	640/39-609	II Các Vua 21:24; 22:1-23:30 II Sứ Ký 33:25-35:27; Giê-rê-mi 1:2; Sô-phô-ni 1:1 Ma-thi-ơ 1:10-11					
Giô-a-cha (3tháng)	609	609	609	II Các Vua 23:30-34 II Sứ Ký 36:1-4					
Giê-hô-gia-kim	609-598	609-598	609-597	II Các Vua 23:34-24:6,19 II Sứ Ký 36:4-8 Jer. 1:3; 22:18-23; 25:1ff; 26:1ff; 27:1ff; 35:1ff; 36:1ff Đa-ni-ên 1:1-2					
Giê-hô-gia-kim	598/97 (3)	598	597	II Các Vua 24:6,8-17; 25:27-30 II Sứ Ký 36:8-9 Giê-rê-mi 52:31; Ê-xê-1:2					
Sê-dê-kia	597-586	598-587	597-587	II Các Vua 24:17-25:7 II Sứ Ký 36:10-11 Jer. 1:3; 21:1-7; 24:8-10; 27: 1ff; 32:4-5; 34:1-22; 37:1-39:7; 52:1-11					
Sự Sụp Đổ Giê-ru-sa-lem bởi Ba-by-lôn	586 T.C	587 T.C	587 T.C	Ca Thương					

Để xem một phân thảo luận tốt về những nan đề về niên đại hãy xem quyển *The Mysterious Numbers of the Hê-bơ-rơ Kings* được viết bởi E. R. Thiele.

PHỤ LỤC NĂM LẬP TRƯỞNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đáng tạo hóa và là đáng cứu rỗi. Ngài là đáng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đáng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sả cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”